LƯU CỰ TÀI



LỊCH SỬ TUYỂN CHỌN NGƯỜI ĐẸP

CAO TỰ THANH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lịch sử
Tuyển chọn người đẹp

Lưu Cự Tài

Lịch sử Tuyển chọn người đẹp

Cao Tự Thanh dịch

Nhà xuất bản Trẻ - 2001

Dịch từ nguyên bản Hoa văn ***Tuyển mỹ sử***,
Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1997

Mục lục

* Lời người dịch 7
* Lời nói đầu 11

Chương 1. Vẻ đẹp hình thể ở Trung Quốc thời tiền sử 28

Chương 2. Đạo đức chất phác, hình thể khỏe mạnh : cái đẹp phụ nữ thời Tiên Tần 55

Chương 3. Trọng nết trọng sắc, đoan trang nhu mì : cái đẹp phụ nữ thời Tần Hán 120

Chương 4. Đa tài khéo nói, phóng khoáng phong nhã : cái đẹp phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều 180

Chương 5. Sắc tài cùng trọng, nở nang to lớn : cái đẹp phụ nữ thời Tùy Đường Ngũ đại 223

Chương 6. Trọng trinh thủ tiết, nhỏ nhắn ốm yếu : cái đẹp phụ nữ thời Tống Liêu Kim Nguyên 295

Chương 7. Đức sắc xung đột, cương nhu tiêu trưởng : cái đẹp phụ nữ thời Minh Thanh 347

Lời người dịch

Có thể nói lịch sử tinh thần của loài người là một cuộc đấu tranh để nhận chân và khẳng định cái Đúng, cái Tốt, cái Đẹp. Tuy nhiên cái đúng nhiều khi không đẹp và cái đẹp nhiều khi không đúng, nên trong thực tế con người cũng luôn bị giằng xé giữa tam giác ba đỉnh Chân Thiện Mỹ, ở đó dường như cái đẹp là yếu tố dễ nhận biết mà khó nắm bắt nhất : nó hiển hiện, rực rỡ, cuốn hút đồng thời cũng mờ mịt, đa đoan, phản trắc. Hơn thế nữa, nó lại có mặt trong cả những mâu thuẫn giữa cái cái Đúng và cái Tốt : cái đúng mà không tốt thì không đẹp, hay cái tốt mà không đúng cũng không đẹp. Tất cả những điều nói trên khiến cái đẹp trở thành một yếu tố năng động vừa có thể khải phát vừa có thể mê hoặc con người, còn trong đời sống xã hội thì nó lại là một loại thước đo không thể thiếu nhưng lại ít chuẩn xác, một loại biến số thay đổi trên các tọa độ khác nhau của không gian, thời điểm và tâm linh. Mâu thuẫn triết học và mỹ học trong đời sống tinh thần của con người này đã kéo dài suốt nhiều ngàn năm và sẽ còn tồn tại qua nhiều thế kỷ, nên việc định lượng và định tính cái đẹp luôn luôn là một nhu cầu xã hội mang tính chất khách quan.

Cái đẹp trong cuộc sống nảy sinh và phát triển theo nhu cầu và năng lực của con người trong quá

trình họ tiếp cận thẩm mỹ với thế giới. Nhưng đồng thời với việc trở thành chủ thể thẩm mỹ, con người cũng trở thành khách thể thẩm mỹ của chính con người. Và vì trong hàng chục vạn năm nay mối bận tâm hàng đầu của con người luôn luôn là cái ăn, chỗ ở và tình dục, nên nhu cầu và năng lực thẩm mỹ của họ cũng hướng tới cái đẹp của người khác giới từ khá sớm. Nhưng từ khi xã hội mẫu hệ tan rã, xã hội phụ quyền được xác lập thì cái đẹp nam giới không còn được quan tâm như trước nữa : "phái đẹp" cơ hồ chỉ còn là phụ nữ, những người không được chủ động và công khai thưởng thức cái đẹp của đàn ông. Quan niệm Lang tài nữ mạo (Trai tài gái sắc) cổ truyền như cũng thấp thoáng cái mặt trái của lịch sử mỹ học : đàn ông không cần đẹp. Vì họ là chủ nhân ông của thế giới, có quyền thưởng thức, hưởng thụ, sở hữu cái đẹp phụ nữ và đặt định tiêu chuẩn về cái đẹp phụ nữ. "Sĩ vị tri kỷ giả tử, nữ vị duyệt kỷ giả dung" (Kẻ sĩ chết cho người biết mình, đàn bà trang điểm cho người yêu mình) : câu cách ngôn chính xác một cách đáng buồn ấy đã khái quát toàn bộ sự tha hóa của một thế giới mà kẻ sĩ chỉ còn là công cụ phải chết cho quyền lợi của kẻ khác và giai nhân chỉ còn là ngoạn vật phải đẹp theo thị hiếu của tha nhân. Nhưng để xóa bỏ sự bất công ấy thì phụ nữ có một con đường khác hẳn kẻ sĩ, đó là họ phải hoàn thiện cái đẹp của mình theo hướng biến cái đẹp tuân phục thành cái đẹp chinh phục hoặc hợp tình hợp lý hơn là cái đẹp thuyết phục, con đường này đã hợp nhất với phong trào giải phóng phụ nữ của xã hội hiện đại và đang trở thành một trong những mục tiêu phấn đấu tất yếu của xã hội loài người.

Tuy nhiên, rất nhiều phụ nữ được coi là đẹp và rất nhiều cái đẹp phụ nữ lại khác hẳn nhau, nên việc tìm hiểu cái đẹp phụ nữ hiện nay thật ra là tìm hiểu quan niệm về cái đẹp phụ nữ trên con đường phát triển phong phú mà phức tạp, đầy bí ẩn và nhiều cạm bẫy của nó, từ đó nêu ra những nguyên tắc nhìn nhận cái đẹp một cách nhân bản và văn minh. Trên đường hướng học thuật và thực tiễn này, có thể coi *Tuyển mỹ sử* (Lịch sử tuyển chọn người đẹp) của Lưu Cự Tài, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1997 viết về việc tuyển chọn người đẹp ở Trung Quốc là một công trình đáng chú ý. Ngoài *Lời nói đầu*, quyển sách gồm bảy chương giới thiệu và luận thuật các quan niệm về cái đẹp phụ nữ truyền thống và chính thống ở Trung Quốc từ thời Tiên Tần đến thời Minh Thanh thông qua việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình cũng như ngoài xã hội. Xuất phát từ quan điểm khá toàn diện "Sự hài hòa thống nhất giữa cái đẹp tố chất bên trong, cái đẹp hình thể dung mạo và cái đẹp trong phục sức trang điểm sẽ tạo ra hình tượng hoàn chỉnh về sự phát triển cái đẹp toàn diện của phụ nữ hiện nay", tác giả đã đi sâu phân tích những điểm ưu khuyết trong quan niệm chính thống về cái đẹp phụ nữ của giai cấp thống trị và tầng lớp trí thức thời phong kiến ở Trung Quốc, đưa ra nhiều tư liệu mới mẻ hay lạ, nhiều kiến giải hợp lý hợp tình. Chính vì vậy mà mặc dù các cứ liệu được khảo sát và dẫn chứng trong quyển sách chủ yếu lấy từ lịch sử Trung Quốc, công trình này vẫn có những giá trị thực tiễn và lý luận chung nhất định, có thể là một tác phẩm bổ ích không những với người đọc Trung Quốc mà còn cả với người đọc Việt Nam

hiện tại. Bởi vì khoảng mươi năm nay, theo với sự phân hóa về mức sống và lối sống dưới tác động của kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường, giữa cái đẹp tài năng đức hạnh với cái đẹp hình thể phục sức của phụ nữ Việt Nam lại xuất hiện một mâu thuẫn mà không ít cuộc thi hoa hậu đã ghi nhận, một mâu thuẫn đang bộc lộ đặc biệt rõ nét trong giới trẻ ở các đô thị lớn và thể hiện qua nhiều cuộc hôn nhân với người ngoại quốc, một mâu thuẫn sẽ trở thành vấn nạn đối với các nữ chủ nhân của đất nước trong tương lai

*

Nhiều năm nay, khoa học xã hội Trung Quốc phát triển mạnh theo hướng hệ thống hóa và tổng kết truyền thống văn hóa và tiến trình lịch sử của đất nước như một sự chuẩn bị về tri thức và tinh thần cho việc cất cánh của quốc gia này trong thời gian tới. Trên phương diện nghiên cứu về phụ nữ, quyển *Tuyển mỹ sử* cùng các quyển *Tỳ thiếp sử*, *Triền túc sử*, *Kỹ nữ sử* trong Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử tùng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã viết về tỳ thiếp, việc bó chân của phụ nữ, kỹ nữ ở Trung Quốc thời trước vừa là sự thể hiện sinh động vừa là sự phản ảnh trung thành đường hướng ấy. Cho nên là một người đọc sách, chúng tôi cũng dịch quyển sách này với chút ít ngậm ngùi "Trông người mà ngẫm đến ta"...

Tháng 7. 2001

Trong trào lưu phát triển tiến lên mau lẹ của xã hội, phụ nữ Trung Quốc cần xây dựng hình tượng gì ? Đây là vấn đề khiến mọi người quan tâm nhất trong những vấn đề về phụ nữ. Trong những năm 80 phụ nữ và học giới Trung Quốc đã mở một cuộc thảo luận lớn về hình tượng phụ nữ, trọng tâm của việc tranh luận là phụ nữ nên làm "Vợ tốt mẹ hiền" hay làm "Nữ tướng cướp". Kế đó trong xã hội xuất hiện cơn sốt tuyển mỹ (thi hoa hậu), lại dẫn tới cuộc tranh luận về vấn đề tuyển mỹ. Các cuộc thảo luận ấy rõ ràng đều có liên quan tới phụ nữ.

Thế nào là cái đẹp của phụ nữ ? Hiện nay về điều này có ba cách nhìn : một là nhấn mạnh cái đẹp đạo đức tố chất của phụ nữ, chủ yếu là ý kiến của phụ nữ mà đặc biệt là phụ nữ trí thức, hai là nhấn mạnh cái đẹp tự nhiên khách quan về hình thể phụ nữ, chủ yếu là cái nhìn và yêu cầu của nam giới mà đặc biệt là thanh niên, ba là có đủ cả cái đẹp tố chất cao thượng bên trong lẫn cái đẹp hình thể tự nhiên, là sự hài hòa thống nhất giữa cái đẹp nội tại và cái đẹp tự nhiên, đây là mong mỏi cao nhất của tất cả mọi người.

Ngoài ra, phục sức trang điểm cũng là một trong những biểu hiện bên ngoài của phụ nữ. Sự hài hòa thống nhất giữa cái đẹp tố chất bên trong, cái đẹp hình thể dung mạo và cái đẹp trong phục sức trang

điểm sẽ tạo ra hình tượng hoàn chỉnh về sự phát triển cái đẹp toàn diện của phụ nữ hiện nay.

Nhưng tiêu chuẩn thẩm mỹ về cái đẹp tố chất bên trong và cái đẹp hình thể dung mạo của phụ nữ Trung Quốc hiện nay không phải là trên trời rơi xuống mà là kết quả hun đúc của văn minh và văn hóa truyền thống lâu đời mấy ngàn năm ở Trung Quốc, trải qua sự chuyển hóa mang tính chất sáng tạo trong thời cận đại và hiện đại. Đây là sự hiện đại hóa truyền thống, tức trong phẩm chất ưu tú của phụ nữ Trung Quốc hiện nay tất nhiên có kế thừa những nét đẹp đạo đức truyền thống nào đó của phụ nữ Trung Quốc thời cổ, tiêu chuẩn thẩm mỹ về cái đẹp tự nhiên của phụ nữ Trung Quốc hiện nay càng không tách rời ảnh hưởng của quan niệm thẩm mỹ truyền thống về cái đẹp của phụ nữ qua nhiều đời lắng đọng lại trong cách nhìn và tâm lý của con người Trung Quốc.

Để đi sâu nghiên cứu về cái đẹp của phụ nữ, chúng ta tất yếu phải khảo sát lịch sử nguồn gốc nảy sinh và quá trình chuyển biến của tiêu chuẩn thẩm mỹ về cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể của phụ nữ, nhất là tập trung tìm hiểu hoạt động "Tuyển mỹ" và tiêu chuẩn thẩm mỹ của các vua chúa và chính quyền nước ta thời cổ. Vì trong tổ chức xã hội lấy tầng lớp thống trị nam giới làm trung tâm quyền lực, quan niệm thẩm mỹ của tầng lớp thống trị nam giới trong thực tế đã trở thành quan niệm thẩm mỹ chủ đạo của toàn xã hội. Quan niệm thẩm mỹ mang tính chủ đạo này thường bao trùm lên toàn xã hội, lan ra trong các tầng lớp khác.

1. Sự hình thành và chuyển biến trong quy phạm về cái đẹp đạo đức của phụ nữ thời cổ

Toàn bộ quy phạm đạo đức của phụ nữ Trung Quốc thời cổ được gọi là "Lễ giáo" phụ đức. Lễ giáo phụ đức hình thành từ nhà Chu theo chế độ chiếm hữu nô lệ, nội dung chủ yếu là cách biệt nam nữ, làm rõ sự phục tùng của phụ nữ, đề xướng đạo đức phụ nữ, giải thích trinh tiết phụ nữ. Điều mà nó nhấn mạnh nhất là "nam nữ hữu biệt" (Nam nữ có sự phân biệt), thực hiện tiền lệ "Nam nữ đại phòng (Đề phòng quan hệ nam nữ).

Thời Hán là thời kỳ lễ giáo phụ đức chuyển qua hoàn thiện.

Thời Lưỡng Hán, hình thành hệ thống luân lý "tam cương ngũ thường" luân lý và chính trị nhất thể hóa phù hợp với chế độ phong kiến chuyên chế trung ương tập quyền. Hán nho kết hợp lễ giáo phụ đức với quan niệm "Phu vi thê cương" (Chồng là giềng mối của vợ), từ đó quan hệ vợ chồng đã công khai trở thành quan hệ giữa kẻ thống trị với kẻ bị trị, lễ giáo cũng chuyển thành "lễ giáo phong kiến". Sách *Nữ giới* thời Đông Hán lại hệ thống hóa, cụ thể hóa lễ giáo phụ đức, làm hình thành quy phạm hành vi đạo đức phụ nữ khá hoàn chỉnh, trở thành cái gông đóng trên cổ phụ nữ Trung Quốc.

Từ thời Ngụy Tấn đến Tùy Đường là thời kỳ nới lỏng của lễ giáo phụ đức.

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều xã hội biến động, Huyền học, Phật giáo lưu hành, sức trói buộc, khống chế của lễ giáo Nho học tương đối yếu đi, thời Tùy Đường xã hội khai phóng, lễ giáo nới lỏng. Vì thế sự cấm cố của lễ giáo đối với phụ nữ trong thời kỳ này

tương đối yếu, quan hệ giữa hai giới nam nữ tương đối hài hòa, nên xuất hiện không ít phụ nữ đa tài khéo nói, phiêu dật phong nhã, tài sắc kiêm toàn.

Thời Tống, Minh đến thời Thanh là thời kỳ lễ giáo phụ đức xơ cứng hóa, biến thành méo mó.

Sau thời Bắc Tống, kẻ thống trị phong kiến tăng cường chế độ chính trị tập quyền trung ương. Nguyên tắc luân lý chính trị nhất thể cũng tất nhiên theo đó tăng cường sự trói buộc và đè nén của đàn ông đối với phụ nữ. Ba triều Tống, Minh, Thanh đều tăng cường sự khống chế và quản lý đối với phụ nữ trong hậu cung, nghiêm cấm hậu phi can thiệp vào chính sự, các nhà Lý học cũng đề xướng quan niệm "Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn" trong toàn xã hội, nâng trinh tiết lên địa vị hàng đầu trong phụ đức, khiến nó trở thành trung tâm của lễ giáo. Thời Minh Thanh, quốc gia thông qua thủ đoạn chính trị ra sức biểu dương trinh nữ, tiết nữ, liệt nữ, lại chế độ hóa, bình thường hóa điều đó, làm hình thành một quan niệm về phụ nữ phiến diện, méo mó, duy trinh tiết, vùi dập nghiêm trọng thể xác và tâm lý của phụ nữ, cản trở sự phát triển của phụ nữ và tiến bộ xã hội.

Tổng kết quá trình hình thành và phát triển quy phạm cái đẹp đạo đức của phụ nữ Trung Quốc thời cổ, chúng ta có thể rút ra mấy nhận thức như sau :

1. Lễ giáo phụ đức là sản vật của nền kinh tế tự nhiên "Đàn ông cày ruộng, đàn bà dệt vải" và sự phân công theo giới tính "Đàn ông ở ngoài, đàn bà ở trong" của xã hội nông nghiệp thời cổ ở Trung Quốc, là quy phạm về "Vai trò trong gia đình" của phụ nữ, là khuôn mẫu hoặc mô hình về yêu cầu sinh thái, nhân văn, lịch sử, văn hóa của xã hội nông nghiệp truyền

thống Trung Quốc, về chủ yếu đã không còn thích hợp với nhu cầu của văn minh hiện nay. Nhưng là một truyền thống lịch sử, nó còn ảnh hưởng tới quan niệm của mọi người hiện nay.

2. Lễ giáo phụ đức là một hình thái ý thức chủ đạo của xã hội Trung Quốc thời cổ - một bộ phận cấu thành quan trọng của học thuyết luân lý chính trị Nho gia, là chuẩn mực cơ bản quy định đạo đức hành vi của phụ nữ ở Trung Quốc thời cổ. Cho dù từ Ngụy Tấn đến Tùy Đường sự trói buộc của lễ giáo tương đối lỏng lẻo, nó cũng vẫn ảnh hưởng tới quy phạm chủ yếu về hành vi của phụ nữ. Đồng thời, cần thấy sức ảnh hưởng của lễ giáo, sức ràng buộc của lễ giáo cũng có giới hạn. Không những dưới thời Ngụy Tấn, Tùy Đường tồn tại một số lượng lớn phụ nữ không giữ chặt lễ giáo, thậm chí còn phản kháng lễ giáo, ngay dưới lễ giáo ràng buộc rất chặt chẽ thời Minh Thanh cũng có rất nhiều phụ nữ không tuân thủ lễ giáo, phản kháng lễ giáo.

3. Lễ giáo phụ đức là do đàn ông trong xã hội mà việc kế thừa quyền lực tài sản lấy đàn ông làm hệ thống trung tâm chế định ra để khống chế, thống trị phụ nữ, tổng thể của nó là nhằm bảo vệ quyền lợi của đàn ông. Mặt chủ yếu có nó là sự áp chế, hành hạ phiến diện thể xác và tinh thần phụ nữ, nó tạo thành loại phụ nữ yếu ớt răm rắp tuân lệnh, nhịn nhục cầu toàn mà lại yếu ớt không chịu nỗi gió, khiến tinh thần và thể chất của phụ nữ Trung Quốc thời cổ đều phát triển theo hướng nhược hóa. Đồng thời trong phụ đức truyền thống thì tinh hoa và cặn bã cùng tồn tại, chứ ôn nhu hiền tuệ, hòa thuận khiêm nhượng, siêng năng tiết kiệm trong điều kiện nam nữ bình đẳng luôn là đạo đức tốt đẹp mà mọi người ca ngợi.

4. Trong thời kỳ từ Ngụy đến Tùy Đường và các thời đại khác, tinh thần khí chất đa tài khéo nói, phóng khoáng phong nhã, đức sắc kiêm toàn, cương nghị dũng cảm của một số phụ nữ, đạo đức tốt đẹp khiêm hư lương thiện, cần cù tiết kiệm, vô tư cống hiến của đông đảo phụ nữ lao động các đời càng là đạo đức truyền thống đáng được kế thừa, phát huy của phụ nữ Trung Quốc thời cổ.

5. Lễ giáo phụ đức truyền thống nhấn mạnh quá mức việc "Nam nữ có phân biệt", từ đó phóng đại sự khác biệt giới tính giữa nam nữ, tạo ra rất nhiều quan niệm truyền thống đối lập nhị nguyên phân biệt giới tính sai trái như "Nam tôn nữ ty", "Nam mạnh nữ yếu", "Nam cương nữ nhu" có tính hệ thống. Quan niệm truyền thống ấy đến nay vẫn ảnh hưởng tới sự hài hòa và điều hòa trong quan hệ giữa hai giới.

6. Lễ giáo phụ đức truyền thống thông qua sự tấn công "chống lại truyền thống" từ cuộc vận động Ngũ tứ, đặc biệt là thuyết bình đẳng nam nữ hiện đại, nỗ lực tạo ra hình ảnh người phụ nữ mới, tức đạo đức phụ nữ Trung Quốc đã từ cơ sở truyền thống dung nạp thêm những chất liệu mới, hình thành truyền thống mới, đạo đức mới.

7. Cùng với việc mở cửa của xã hội, lại đối diện với sự tấn công của văn hóa phương Tây, dẫn tới sự suy nghĩ lại về hình tượng người phụ nữ mới, đưa tới cuộc thảo luận lớn về hình ảnh người phụ nữ giữa những năm 80. Từ nay về sau hình ảnh người phụ nữ Trung Quốc mới chỉ có thể dung hợp, tổng hợp truyền thống phụ đức Trung Quốc lâu đời và truyền thống mới hình thành từ cuộc vận động Ngũ tứ, đặc biệt là thời kỳ mới trở đi cùng ảnh hưởng văn hóa ngoại lai Tây

phương mà cải tạo và tổng hợp thành. "Tứ hữu", "Tứ tự" (1) mà Hội Liên hiệp Phụ nữ toàn quốc đề xướng là mục tiêu về con người mới đại biểu cho phương hướng mới trong việc xây dựng hình ảnh phụ nữ mới trong thời đại mới. Những hình tượng phụ nữ mới đủ màu đủ vẻ đa dạng hóa đang không ngừng xuất hiện.

Quá trình hình thành và phát triển của lễ giáo phụ đức truyền thống mà chúng tôi hệ thống và giới thiệu ở đây đều nhằm mục đích cung cấp một số tư liệu lịch sử cho việc xây dựng hình tượng người phụ nữ mới.

2. Sự phát triển về tiêu chuẩn cái đẹp hình thể của phụ nữ thời cổ

Những ghi chép sớm nhất trong thư tịch lịch sử về mỹ nữ phần lớn có liên quan tới việc cướp đoạt gái đẹp và "Mỹ nữ họa thủy luận". Tây Thi, Mao Tường là những mỹ nữ có tần suất xuất hiện cao nhất trong thư tịch thời Tiên Tần, họ cơ hồ đều là hóa thân của cái đẹp. Nhưng những sách sử ghi chép có liên quan phần lớn đều không phản ánh được hình tượng cụ thể về cái đẹp phụ nữ, mà các tác phẩm văn chương như *Thi kinh, Sở từ* lại lưu lại cho chúng ta rất nhiều tư liệu về hiện tượng cái đẹp phụ nữ một cách khá phong phú.

Thi kinh, Thạc nhân miêu tả Trang Khương, lưu lại cho chúng ta hiện tượng cụ thể về cái đẹp hình thể của phụ nữ thời Xuân thu, đặc điểm cơ bản là thân thể cao lớn, dung mạo đoan trang xinh đẹp, da dẻ trắng mượt mịn màng. Đặc điểm này dần dần trở thành tiêu chuẩn về cái đẹp hình thể của phụ nữ ở

(1) Tức "Có lý tưởng, có đạo đức, có văn hóa, có kỷ luật, tự tôn, tự trọng, tự lập, tự cường".

khu vực Trung nguyên nước ta. *Thạc nhân* là điển hình về cái đẹp trang trọng, cao quý, giản dị của phụ nữ tầng lớp trên, phụ nữ quý tộc thời cổ ở nước ta. Phụ nữ quý tộc, phụ nữ con nhà lương gia sinh hoạt trong hệ thống quan hệ luân lý gia đình. Họ phải chịu sự trói buộc của đạo đức luân lý gia đình, biểu hiện qua cái đẹp thục nữ trang trọng, kín đáo, nhàn nhã. Cái đẹp thục nữ ấy đã trở thành khuôn mẫu chính thống về cái đẹp hình thể phụ nữ cổ điển ở nước ta.

Sở từ và Sở phú phản ảnh một loại cái đẹp phụ nữ khác, tức cái đẹp của đồng bóng, nữ nhạc, ca kỹ vũ nữ, nữ thần (tức hóa thân của ca kỹ vũ nữ). Các nữ nghệ nhân ca múa này bị gạt ra khỏi quan hệ luân lý gia đình, trở thành công cụ chơi đùa, thưởng ngoạn của kẻ thống trị tầng lớp trên và kẻ có quyền thế. Họ vì đời sống bức bách, to gan biểu hiện nhiệt tình, thậm chí sắc tình của phụ nữ, thường thể hiện sự phóng túng, lanh lợi hoạt bát của phụ nữ, đó chính là chỗ thiếu sót của các thục nữ bị cấm cố trong khuê phòng. Loại phụ nữ này thường là "lưng ong cổ thuôn" nhu thuận tha thướt, có một dáng vẻ tiêm nhu, vừa khéo bổ sung cho chỗ thiếu sót của cái đẹp đoan trang. Cái đẹp tiêm nhu này trở thành một điển hình quan trọng khác của cái đẹp phụ nữ cổ điển ở nước ta.

Cái đẹp đoan trang và cái đẹp tiêm nhu là hai loại hình cơ bản của cái đẹp hình thể của phụ nữ cổ điển Trung Quốc. Trên cơ sở hai loại cái đẹp ấy, đã phát triển ra hàng loạt hình tượng cái đẹp hình thể của phụ nữ khác nhau. Ở những thời kỳ khác nhau, những giai cấp, tầng lớp, thậm chí những cá nhân khác nhau, đều có quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ

của mình. Cái đẹp hình thể của phụ nữ lại có đặc điểm tính đa dạng.

Cái đẹp đoan trang trở thành tiêu chuẩn thẩm mỹ chính thống trong việc tuyển chọn hậu phi của hoàng đế các đời từ thời Hán đến thời Đường. Trong thời Lưỡng Hán, chế độ tuyển chọn hậu phi trong cung đình về cơ bản đã hình thành. Yêu cầu về tướng mạo của đối tượng trúng tuyển là "Dung mạo xinh đẹp, hợp với tướng pháp" (2), tức dung mạo đoan trang xinh đẹp, có nét đẹp trang trọng. Thời Lưỡng Hán đại thể lấy vóc dáng thướt tha cao lớn, tướng mạo đoan trang xinh đẹp, da dẻ trắng trẻo mịn mà làm đẹp. Đặc điểm dung mạo, hình thể của Trương Hoàng hậu vợ Hán Huệ đế mà *Hán Hiếu Huệ Trương Hoàng hậu ngoại truyện* miêu tả, ghi chép về vóc dáng, dung mạo Minh Đức Mã Hoàng hậu, Hy Hòa Đặng Hoàng hậu trong *Hậu Hán thư, Hậu kỷ* đều phản ảnh khuynh hướng thẩm mỹ này trong việc tuyển chọn hậu phi thời Hán.

Sau khi Tấn Vũ đế thống nhất toàn quốc, đại tuyển mỹ nữ, tiêu chuẩn chọn lựa là "Mỹ nhi trường bạch", tức "Đoan chính, xinh đẹp", "trắng trẻo, cao lớn" (3). Tiêu chuẩn tuyển chọn của Tùy Dạng đế hoang dâm là "Con gái xinh đẹp, cao lớn trắng trẻo", Đường Huyền tông tuyển phi cho Thái tử thì chọn người "Cao lớn trắng trẻo" (4). Đủ thấy từ thời Tiên Tần đến Tùy Đường, tiêu chuẩn chính thống trong việc lựa chọn người đẹp của cung đình về đại thể là dung mạo đoan trang xinh đẹp (mỹ), thân thể cao lớn (trường), da dẻ trắng trẻo (bạch). Đến thời Đường thì đặc biệt coi trọng mỹ

(2) *Hậu Hán thư, Hậu phi.*

(3) *Tấn thư, Hậu phi truyện.*

(4) Lý Đức Dụ *Thư Khanh thị cựu văn*

nhân đẫy đà. Cái đẹp đoan trang là quan niệm thẩm mỹ mang tính chủ đạo trong việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình từ thời Hán đến thời Đường.

Nhưng trong thời gian ấy có một số nhà vua thường nạp các ca cơ vũ kỹ tiêm nhu khéo múa vào hậu cung, vả lại còn đặc biệt sủng ái. Cái đẹp tiêm nhu cũng trở thành khuynh hướng quan trọng trong việc tuyển chọn người đẹp của cung đình trong thời gian này. Nhưng nó thủy chung vẫn không thể trở thành dòng chủ lưu trong quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ.

Từ thời Bắc Tống đến thời Thanh, quan niệm thẩm mỹ của đàn ông trong giai cấp thống trị, nhất là tầng lớp sĩ đại phu phát sinh sự thay đổi lớn, cái đẹp tiêm nhu trở thành dòng chủ lưu trong quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của tầng lớp sĩ đại phu cho tới toàn bộ xã hội.

Bắt đầu từ thời Bắc Tống, trong tầng lớp sĩ đại phu dần dần hình thành thị hiếu thẩm mỹ cề cái đẹp phụ nữ lấy tiêm nhu yếu ớt, uể oải thẹn thùng làm đẹp, việc phụ nữ bắt đầu bó chân từ thời Bắc Tống vừa đúng khớp với nhu cầu thẩm mỹ ấy của tầng lớp sĩ đại phu. Vì thế phong tục bó chân dưới sự cổ xúy của các sĩ đại phu lưu hành phổ biến, đến thời Minh Thanh thì loại phụ nữ bàn chân nhỏ yếu ớt không chịu nổi gió đã trở thành khuôn mẫu về cái đẹp phụ nữ. Cái đẹp hình thể của phụ nữ phát triển theo hướng bệnh hoạn, méo mó.

Nhưng cái đẹp đoan chính vẫn không tuyệt tích, việc tuyển chọn mỹ nữ trong cung đình đại thể vẫn lấy cái đẹp đoan trang làm chủ, song không còn yêu cầu vóc dáng cao lớn mà yêu cầu vóc dáng cân đối, gầy béo phải đều phù hợp. Còn như da dẻ trắng trẻo

thì trước sau vẫn là một trong những điều kiện phải có về cái đẹp phụ nữ cổ điển ở Trung Quốc.

Một số văn nhân thời Minh Thanh từng sơ bộ tổng kết về cái đẹp phụ nữ cổ điển ở Trung Quốc, đại thể có mấy điểm sau đây : một là trẻ tuổi, hai là dung mạo xinh đẹp, ba là thể thái nhẹ nhàng, vóc dáng cân đối, bốn là có thần thái "kiều mỵ", năm là trang điểm phù hợp, sáu là đức sắc tài hoàn mỹ thống nhất, bảy là người đẹp và khung cảnh cư trú hài hòa nhất trí.

Tổng kết quá trình thay đổi của quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp dung mạo hình thể của phụ nữ ở nước ta, chúng ta có thể rút ra mấy nhận thức như sau :

1. Cái đẹp hình thể dung mạo phụ nữ nước ta thời cổ là thuộc tính tự nhiên của phụ nữ thời cổ, có tính chất hiện thực khách quan, là kết quả khách quan trong sự phát triển, biến đổi của hoàn cảnh sinh thái, nhân văn, lịch sử, văn hóa của hình thể phụ nữ Trung Quốc thời cổ.

2. Quan niệm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp hình thể dung mạo của phụ nữ là sự cảm nhận của chủ thể thẩm mỹ đối với cái đẹp phụ nữ thời cổ, là sự thống nhất giữa chủ quan và khách quan. Tuy chịu ảnh hưởng của lịch sử và văn hóa, nhưng nó vẫn có tính khách quan. Trong từng thời kỳ lịch sử chủ thể dân tộc Trung Hoa đều có khuynh hướng thẩm mỹ cơ bản về cái đẹp phụ nữ, nhưng con người thuộc các dân tộc, giai cấp, tầng lớp khác nhau lại có tiêu chuẩn thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ của mình. Quan niệm thẩm mỹ còn có tính đa dạng, là sự nhất trí giữa tính thống nhất và tính đa dạng.

3. Cái đẹp hình thể dung mạo của phụ nữ tuy là trời cho, nhưng nhân tố văn hóa như mỹ dung, trang điểm, phục sức cũng có thể tăng thêm cái đẹp trên cơ sở cái đẹp tự nhiên của phụ nữ, thậm chí có lúc còn xuất hiện tình hình đặc biệt là cải biến cơ thể phụ nữ. Việc bó chân của phụ nữ người Hán ở Trung Quốc chính là sự cải biến cơ thể phụ nữ một cách méo mó, để thỏa mãn đặc trưng khuôn mẫu về nhu cầu thẩm mỹ méo mó của đàn ông.

4. Trong kết cấu xã hội Trung Quốc thời cổ lấy sự thống trị của đàn ông là trung tâm, quan niệm thẩm mỹ của tầng lớp thống trị đàn ông trong thực tế trở thành quan niệm thẩm mỹ chủ đạo của toàn xã hội. Quan niệm chủ đạo ấy quyết định, ảnh hưởng tới tiêu chuẩn và xu hướng thẩm mỹ đối với cái đẹp phụ nữ của toàn xã hội.

5. Đế vương các đời và giới quyền quý có đặc quyền giới tính rất lớn. Hoạt động "tuyển chọn người đẹp" của họ là sự cướp đoạt, đè nén và hủy hoại về mặt tính dục đối với phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trong các giai cấp bị áp bức. Quyền lực và thực lực kinh tế lớn hay nhỏ quyết định đặc quyền tính dục của kẻ thống trị lớn hay nhỏ. Quyền lực càng lớn, tiền bạc càng nhiều, phạm vi tuyển chọn, bá chiếm, dày vò mỹ nữ càng lớn, số lượng càng đông. Bộ "Lịch sử tuyển chọn người đẹp" trong thực tế chẳng qua là một bộ sử về việc tuyển chọn, bá chiếm, cướp đoạt, giày vò, hủy hoại phụ nữ của kẻ thống trị đàn ông mà đứng đầu là đế vương các đời ở nước ta.

6. Hoạt động "tuyển chọn người đẹp" là một lối hưởng lạc của kẻ thống trị đàn ông, một biểu hiện thối nát của kẻ thống trị. Quyền lực, của cải, nữ sắc là Ba

ngôi một thể, mà quyền lực là tiền đề để có tiền bạc, nữ sắc. Việc chiếm hữu một số lượng lớn tiền của, nữ sắc khiến kẻ thống trị rơi vào vũng bùn xa hoa, hoang dâm, thường dẫn tới sự mất mát hoặc chuyển dịch quyền lực thống trị, hoặc dẫn tới họa loạn hay sự thay thế triều đại.

7. Sự phát triển, thay đổi của quan niệm về cái đẹp phụ nữ dường như lại có tính độc lập tương đối, một cái đẹp trang điểm nào đó của phụ nữ một sớm trở thành tập tục thì thường được phổ biến rất rộng, không thể thay đổi được. Có lúc kẻ thống trị lợi dụng mệnh lệnh hành chính để cấm đoán một tập tục trang điểm nào đó, nhưng thường không có hiệu quả. Ví dụ các đời phần nhiều đều có lệnh cấm "trang phục yêu quái" (Yêu phục), đầu thời Thanh từng mấy lần ra lệnh cấm bó chân, nhưng đều trở thành một tờ giấy có viết chữ suông.

8. Vật chuyển tải quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp hình thể dung mạo của phụ nữ chủ yếu là hình tượng phụ nữ được miêu tả trong các tác phẩm văn nghệ như thơ, từ, phú, bút ký, tiểu thuyết, hý khúc, kế đó là các tác phẩm mỹ thuật như hội họa, điêu khắc, kế nữa là những ghi chép mang tính hình tượng về cái đẹp phụ nữ trong các sử sách thời cổ có liên quan. Vì hội họa thời cổ ở nước ta thiếu truyền thống truyền thần tả chân nhân vật, nên trước khi nước ta du nhập kỹ thuật chụp ảnh thì không thể có hình ảnh mỹ nữ thời cổ chân thực nào được lưu truyền về sau. Cho nên lịch sử cái đẹp phụ nữ thời cổ chẳng qua chỉ là lịch sử thay đổi, phát triển biến thiên của quan niệm về cái đẹp phụ nữ thời cổ.

9. Quan niệm về cái đẹp hình thể dung mạo của con người trong lịch sử có tính kế tục rất mạnh. Đến nay, quan niệm về cái đẹp hình thể phụ nữ của con người mà nhất là đàn ông vẫn có bóng dáng quan niệm về cái đẹp hình thể của phụ nữ trong lịch sử. Trong các tác phẩm văn nghệ đương đại, trọng sự miêu tả về cái đẹp hình thể của phụ nữ đương đại, nhiều hình tượng về cái đẹp phụ nữ trong tác phẩm phim ảnh hiện đại khoác trang phục đương đại nhưng về hình tượng chẳng qua chỉ là bản sao hiện đại của cái đẹp hình thể phụ nữ cổ điển. Vì vậy, quan niệm về cái đẹp hình thể phụ nữ của một dân tộc hình thành trong quá trình phát triển lịch sử văn hóa lâu dài, trải qua sự lắng đọng nhiều đời trong ý thức con người, cũng sẽ lưu truyền, phát triển nhiều đời về sau.

Hiện nay chúng ta nhìn lại cái đẹp hình thể của phụ nữ cổ điển ở Trung Quốc, chẳng qua là cung cấp một số tiêu chí về cái đẹp cổ điển, tăng cường thêm sắc thái lịch sử và văn hóa sâu đậm nhằm mỹ hóa cuộc sống hiện nay.

3. Xung đột đạo đức sắc đẹp và mâu thuẫn đức hạnh tài năng

Bắt đầu từ ba triều đại Hạ, Thương, Chu, mâu thuẫn giữa đức và sắc ở phụ nữ, cũng là sự thể hiện mâu thuẫn giữa cái đẹp bên trong và bên ngoài của phụ nữ đã xuất hiện. Mâu thuẫn này xuyên suốt lịch sử văn minh Trung Hoa, kéo dài đến tận ngày nay. Trong thực tế nó chính là biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giữa cái Mỹ và cái Thiện trong lịch sử mỹ học. Nó "trở đi trở lại thể hiện mâu thuẫn giữa việc hướng

về Cái đẹp thanh sắc và yêu cầu về đạo đức luân lý của xã hội"(5).

Nho gia chủ trương sự thống nhất của cái đẹp và cái tốt, biểu hiện trên vấn đề cái đẹp của phụ nữ là trọng đức khinh sắc. Nho gia ra sức tuyên dương lễ giáo, coi thường nữ sắc, chế tạo ra "Nữ sắc họa thủy luận". Từ thời Tiên Tần đến Lưỡng Hán, trọng đức khinh sắc đã trở thành quan niệm thẩm mỹ chủ yếu về cái đẹp phụ nữ, từ thời Hán bắt đầu chế độ hóa việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình, đề xướng đức sắc kiêm toàn, lấy đức làm chủ. Nhưng trong thực tế "tuyển chọn người đẹp" thì một số hoàng đế phong lưu và nhân vật có quyền thế lại thể hiện sự trọng sắc khinh đức, thậm chí mê đắm vì sắc đẹp. Mâu thuẫn giữa đức và sắc vẫn tồn tại gay gắt.

Từ Ngụy Tấn đến Tùy Đường, sự ràng buộc của lễ giáo tương đối lỏng lẻo. Tuân Xán* thời Tấn công khai đề xướng "Phụ đức không đáng để ca ngợi, nên lấy sắc làm chủ" (6), lần đầu tiên trong lịch sử mỹ học Trung Quốc công khai phản đối Nho gia, tuyên dương việc "Trọng sắc khinh đức", việc tuyển mỹ trong cung đình thời gian này đại thể cũng biểu hiện khuynh hướng thẩm mỹ "Trọng sắc khinh đức".

Từ thời Tống trở đi, vì lễ giáo bó buộc ngày càng chặt chẽ, việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình ra sức nhấn mạnh phụ đức, lại trở vào vết xe cũ "Trọng đức khinh sắc" của Nho gia. Nhưng tầng lớp sĩ đại phu ra sức hướng về cái cái đẹp tiêm nhu của phụ nữ, thơ, từ, hý khúc ca tụng, mỹ hóa cái đẹp tiêm nhu xuất

(5) *Trung Quốc mỹ học sử* (Lịch sử mỹ học Trung Quốc), Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1984, quyển 1, tr. 137.

(6) *Thế thuyết tân ngữ, Cảm nịch.*

hiện hàng loạt, văn chương ca ngợi mỹ kỹ, mỹ thiếp xuất hiện khắp nơi, cho thấy khuynh hướng thẩm mỹ Trọng sắc khinh đức phát triển rất mãnh liệt. Tạ Cập* thời Tống đề xuất "Khí anh linh của trời đất không chung đúc vào đàn ông mà chung đúc vào đàn bà" (7). Vệ Vịnh cuối thời Minh đầu thời Thanh thì công khai biện hộ cho việc "hiếu sắc".

Thời Minh Thanh có người chủ trương sự thống nhất giữa đức, sắc và tài. Văn học gia Diệp Thiệu Viên cuối thời Minh đề xuất đức, sắc, tài là "Ba điều bất hủ" (tam bất hủ) của phụ nữ, Lý Ngư cuối thời Minh đầu thời Thanh chủ trương lấy vợ phải trọng đức khinh sắc, cưới thiếp thì lấy sắc làm chủ. Chủ trương ấy chính là tín điều trong thực tiễn của các sĩ đại phu ở Trung Quốc thời cổ.

Mâu thuẫn giữa đức và sắc xuyên suốt lịch sử mỹ học Trung Quốc thời cổ đến nay vẫn còn tồn tại, trong tương lai cũng sẽ không tiêu vong. Trọng đức khinh sắc là một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa. Sự thống nhất của đức, sắc và tài là lý tưởng thẩm mỹ cao nhất về cái đẹp phụ nữ thời cổ.

Đại khái khoảng đầu hoặc giữa thời Thanh (8), trong xã hội lưu hành truyền thuyết "Phụ nữ không có tài là có đức", đối lập đức và tài của phụ nữ. Thuyết ấy lưu độc rất rộng, ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới sự giáo dục và phát triển phụ nữ Trung Quốc thời cổ, cản trở phụ nữ phát huy tài trí. Lý Ngư cuối thời Minh

(7) *Tống diễm, Cuồng thiếp.*

(8) Về điều này có những lối nói khác nhau, trong *Trí nang toàn tập* của Phùng Mộng Long thời Minh đã xuất hiện lối nói "Phụ nhân vô tài tiện thị đức".

đầu thời Thanh phê phán quan điểm ấy, cho rằng "Hai chữ tài đức vốn không hại gì nhau, phụ nữ có tài chưa chắc ai cũng xấu xa, mà phụ nữ tham dâm đâu phải ai cũng biết chữ ?" (9). Đức và tài có thể thống nhất hoàn toàn, người gồm cả đức, sắc, tài là phụ nữ phát triển "toàn diện" ở Trung Quốc thời cổ.

(9) Lý Ngư, *Nhàn tình ngẫu ký, Thanh dung bộ.*

Chương 1.

Cái đẹp hình thể ở Trung Quốc thời tiền sử

Cái đẹp hình thể là hiện tượng tồn tại khách quan, là nhận xét mỹ cảm nảy sinh từ tác động của hình thể đối với chủ thể thẩm mỹ. Nó là sản phẩm của sự phát triển lịch sử và hoàn cảnh xã hội, là sản phẩm của thực tiễn nhân loại, là kết quả "lắng đọng" của lịch sử. Vì thế phải bắt đầu từ thời tiền sử ở nước ta để khảo sát cái đẹp phụ nữ Trung Quốc.

Thời nguyên thủy hỗn độn sơ khai, không sao phân biệt khảo sát được cái đẹp phụ nữ và cái đẹp nam tính, chỉ có thể khảo sát chung về cái đẹp của con người. Tài liệu lịch sử về thời tiền sử khiếm khuyết, năm tháng lâu xa, rất nhiều tình trạng không sao nói rõ được, chỉ còn cách dựa trên đại thể, nói qua loa đại khái.

Giới sử học, khảo cổ học đều cho rằng thời tiền sử của Trung Quốc là khoảng thời gian dài dằng dặc từ 180 vạn năm đến cách nay 4.000 năm, trong đó lại chia ra thời đại đồ đá cũ, thời đại đồ đá giữa, thời đại đồ đá mới và thời đại đồ đá lẫn đồ đồng gộp lại thành bốn giai đoạn lớn.

"Vượn người vái chào nhau" bắt đầu từ khi loài người đứng thẳng đi lại. Loài người đứng thẳng đi lại, hai tay bắt đầu linh hoạt lên, học lao động và sáng tạo, bắt đầu tìm hiểu, lợi dụng, thích ứng với tự nhiên đồng thời cũng cải tạo tự nhiên, hành trình "Nhân hóa"

tự nhiên vừa khó khăn vừa lâu dài. Hãy cho chúng tôi bắt đầu từ chỗ "Đứng thẳng đi lại" để trình bày.

1. Đứng thẳng đi lại và sự manh nha quan niệm về cái đẹp của con người

Thủy tổ loài người từ bò đến đứng thẳng để đi, từ góc độ cái đẹp hình thể mà nhìn thì đây là chỗ tiến hóa "nhảy vọt" của loài người, dẫn tới một cuộc cách mạng lớn của bản thân hình thể. Đứng thẳng đi lại khiến hai tay của con người dùng để bò trước đó trở nên linh hoạt vạn năng, từ đó loài người bắt đầu lao động và sáng tạo, qua quá trình thực tiễn lao động và sáng tạo lâu dài, không ngừng cải thiện thể hình, thể phách và thể lực của mình, hình thể dần dần trở nên linh hoạt và mềm dẻo cao độ, dần dần cái đẹp tự nhiên của hình thể, dung mạo, tư thái của loài người hình thành và tồn tại một cách khách quan, đồng thời loài người đứng thẳng thì đứng được cao, nhìn được xa, có thể mặt đối mặt quan sát, nhìn kỹ đồng loại của mình, nhất là phân biệt giới tính, trong thực tiễn hàng chục hàng trăm vạn năm, mọi người quan sát nhau, phát triển sức quan sát và kỹ xảo quan sát của đôi bên, qua sự tích tụ lâu dài của lịch sử, dần dần sản sinh và phát triển quan niệm mỹ cảm đánh giá về cái đẹp của hình thể con người.

Đứng thẳng để đi còn đồng thời dẫn đến sự thay đổi lớn trong hành vi tính giao của loài người. Tư thế đứng thẳng khiến loài người thay đổi được phương thức tính giao truyền thống của loài linh trưởng. Tư thế tính giao của loài linh trưởng là con cái chổng mông lên, con đực từ phía sau ấn vào, trong tình dục học gọi là Vào phía sau (Hậu nhập vi). Sau khi loài người đứng

thẳng để đi, theo sự thay đổi về thể hình, phương thức tính giao của loài người bắt đầu khác hẳn động vật, tính giao mặt đối mặt, tình dục học gọi là Vào phía trước (Tiền nhập vi). Sự thay đổi loại tư thế tính giao này khiến loài người bắt đầu "từ quan điểm bất đồng đến bình phẩm cái gọi là đẹp", cũng chính là mầm mống quan niệm thẩm mỹ về tính hình thể con người.

Lúc loài người làm tư thế tính giao vào phía sau theo nếp cũ của loài linh trưởng, người nam chỉ có thể thấy được lưng bạn tình, chỉ có thể cảm thấy phần mông đầy đặn của người nữ đưa lại cảm giác về cái đẹp, nhưng người nữ thì không thấy được gì cả, luôn ở trong trạng thái bị động. Sau khi tư thế tính giao thay đổi thành Vào phía trước, "nhiệt tình của người nam đối với phần mông cũng dần dần chuyển tới phần bụng và phần ngực giàu tính đàn hồi". Mà người nữ cũng nảy sinh nhiệt tình đối với hai cánh tay khỏe mạnh và phần ngực nở nang của người nam. "Nhưng phần mặt cũng bắt đầu thể hiện sự quan trọng của nó, trở thành một trong những tiêu chuẩn chung của thẩm mỹ giới tính" (1).

Tư thế tính giao Vào phía trước phát huy tối đa sự khéo léo của hai bàn tay loài người, sự vuốt ve, sờ mó và xoa bóp của bạn tình nam nữ với nhau phát triển thành "nghệ thuật yêu" chỉ loài người mới có, khiến việc tính giao theo bản năng động vật trở thành cảm giác khoái lạc sung mãn, mà sự vuốt ve ấy đều chứa đầy sự hưởng thụ mỹ cảm. Đồng thời, sự vuốt ve loại này lại thúc đẩy cấu tạo thân thể loài người phát

(1) Đường Na Hy Nhá, *Nhân loại tính ái sử thoại* (Chuyện kể về lịch sử tình dục của loài người), Trung Quốc Văn Liên xuất bản công ty, 1998, tr. 5 - 6

triển thêm một bước lớn, đó chủ yếu biểu hiện ở chỗ đôi vú của người nữ bắt đầu từ thời thanh xuân không ngừng phát triển to thêm, thành thục, trở thành một trong những tiêu chí quan trọng của cái đẹp phụ nữ.

Tính hấp dẫn của động vật, đại đa số là do mùi hương đặc thù của con cái tỏa ra hàm chứa hoocmôn quyến rũ hấp dẫn con đực. Trong thực tiễn lâu dài của loài người phương thức hấp dẫn được hình thành lấy thị giác và xúc giác làm chủ. Phương thức hấp dẫn của hình tượng thị giác "Sản sinh quan niệm thẩm mỹ căn bản nhất của loài người - cái đẹp hoàn toàn do con mắt người nhìn" (lời nhà tâm lý học Ngõa Lạp Tư) (2). Từ xưa đến nay, cái đẹp trời cho, gương mặt xinh đẹp, vóc dáng thướt tha, thần thái nhu mỵ trở thành phương diện rất quan trọng trong tính hấp dẫn của loài người. Điều này nhất thiết vừa làm tăng thêm cái đẹp hình thể con người, quan niệm về cái đẹp phụ nữ.

2. Sự phân biệt giới tính và sự khác biệt lớn về thể hình hai giới

Tuổi thơ của lịch sử nước ta là thời đại đồ đá cũ. Tài liệu khảo cổ chứng minh thời đại đồ đá cũ của Trung Quốc đã xuất hiện từ 120 vạn năm trước, kéo dài trong khoảng từ một đến hai vạn năm. Trong thời đại đồ đá cũ, loài người học được cách chế tạo, sử dụng đồ đá thô sơ, việc hái lượm, săn bắn và đánh bắt là phương thức chủ yếu để tồn tại lúc bấy giờ. Theo suy đoán, hình thái xã hội trong thời kỳ đầu và giữa của thời đại đồ đá cũ có thể là nguyên thủy bầy đàn, thời kỳ cuối có thể đã xuất hiện tổ chức thị tộc.

(2) Phan Tuy Minh, *Thần bí đích thánh hỏa* (Lửa thiêng thần bí), Hà Nam Nhân dân xuất bản xã, 1998, tr. 51

Đại đa số các nhà sử học và nhân loại học đều cho rằng "Đặc điểm cơ bản của xã hội loài người nguyên thủy là nó xây dựng trên cơ sở quan hệ huyết tộc, mà hoàn toàn khác với xã hội của động vật linh trưởng, là xã hội hợp tác, công hữu" (3). Loại xã hội huyết tộc này lại gọi là xã hội săn bắn hái lượm. Mỗi quần thể săn bắn hái lượm nguyên thủy của tổ tiên chúng ta bình quân có từ 25 tới 50 người. Đặc điểm cơ bản của nó là : 1. Lao động theo sự phân công giới tính. Đàn ông săn bắn, phụ nữ hái lượm là nguyên tắc của xã hội đương thời. Trong mọi tình huống phụ nữ hái lượm để cung cấp phần lớn thức ăn cần thiết cho mọi người, đồng thời còn đảm nhận nhiệm vụ vận chuyển, bảo tồn, cất giữ, nấu nướng thức ăn, đặc biệt phải đảm nhận nhiệm vụ sinh sản và nuôi dưỡng con cái, 2. Thức ăn hưởng chung, phân phối bình quân. Mỗi thành viên trong quần thể đều được số thức ăn nhất định, thực vật hưởng chung đều thể hiện rõ giá trị sinh tồn, 3. Khu vực kiếm sống trở thành trung tâm sinh hoạt hàng ngày. Thời kỳ đầu và giữa của thời đồ đá cũ, con người di chuyển bất định, có khi lấy hang động làm nơi nghỉ lại. Cuối thời đồ đá cũ, tổ tiên của chúng ta đã ở tạm nơi ven sông hồ và xây dựng nhà cửa thô sơ.

Thời đại đồ đá cũ, hỗn độn sơ khai, thiên nhiên mênh mang hoang dại, hoàn cảnh sinh tồn của loài người rất hiểm ác : nước sông tràn ngập, lụt lội hoành hành, núi lửa phun vọt, động đất, mưa tuyết mưa đá, mùa hạ nóng ngày đông giá rét đều khiêu chiến với

(3) (Mỹ) Tư Lặc Phu Lý A Nặc Tư, *Viễn cổ dĩ lai đích nhân loại sinh mệnh tuyến* (Đường dây cuộc sống của loài người từ xa xưa đến nay), Trung Quốc Vã hội khoa học xuất bản xã, 1992, tr. 20

loài người, độc trùng mãnh thú thỉnh thoảng tấn công loài người. Để sinh tồn và phát triển, loài người phải đấu tranh với hoàn cảnh tự nhiên hiểm ác, chống lại mãnh thú độc trùng. Từ rất sớm hai giới nam nữ đều lấy trái cây, rễ cây, thân cây, lá cây hái lượm được làm lương thực chủ yếu, đồng thời cũng lùng bắt động vật nhỏ, côn trùng vân vân. Lên núi qua sông, đuổi bắt thú rừng, qua núi trèo đèo, lên cao trèo cây, nếm khắp cây cỏ, hái lượm quả rừng. Điều này yêu cầu con người nguyên thủy có tứ chi phát triển, thể phách tráng kiện, kiên cường khỏe mạnh, dũng mãnh ngoan cường, đồng thời yêu cầu con người có động tác nhanh nhẹn, cơ trí linh hoạt, vì vậy tráng kiện, to lớn, kiên cường, dũng mãnh, nhạy bén là tiêu chuẩn thẩm mỹ chung của hai giới nam nữ.

Trên thực tế, tổ tiên nguyên thủy vừa tiến hóa thành con người không lâu, sự khác biệt nam nữ cũng không lớn lắm. Ngoại trừ hình thể của người nam cường tráng cao to ra, không có sự khác biệt nào lớn. Hai giới nam nữ đều có thể làm việc săn bắn hoặc hái lượm. Sự phân công theo giới nam săn bắn, nữ hái lượm, là do người nữ phải sinh con cái, cho con bú, đành phải ở bên cạnh con nhỏ, làm việc lao động hái lượm, mà để đàn ông chuyên làm việc lao động săn bắn nguy hiểm hơn. Hoạt động săn bắn cần đi xa nơi cư trú, hoạt động trong phạm vi rộng, tính lưu động vất vả cao, càng phải có thể lực tráng kiện, động tác nhanh nhẹn và tinh thần dũng mãnh ngoan cường. Lâu dài, hoạt động săn bắn của người nam truyền qua nhiều đời, rèn luyện và phát triển thể phách nam tính, khiến người nam ngày càng khỏe mạnh vũ dũng, ngoan cường dữ tợn, trái lại, người nữ đời này qua đời kia chỉ làm

công việc hái lượm và bảo tồn, nấu nướng thức ăn, so ra mà nói thì ít nguy hiểm hơn, phạm vi hoạt động nhỏ hẹp, tính lưu lưu động ít hơn, lại phát triển sở trường đặc biệt là sự linh hoạt nhạy bén, tâm linh tay khéo của người nữ. Càng quan trọng hơn là người nữ phải lâu dài liên tục nuôi dưỡng con cái, cơ thể cần có nhiều mỡ (lượng mỡ của nữ chiếm 27% toàn thân, nam chỉ chiếm 15%), cơ thịt ít (nữ 40%, nam 52%). Vì vậy, người nữ càng về lâu dài càng phát triển theo phương hướng càng mập mà yếu, hai vú, phần bụng, đặc biệt là phần mông biến theo hướng mập phì ra rất nhiều (4). Kết quả là thể hình của hai giới nam nữ phát triển theo hai phương hướng cương, nhu. Nhưng cũng chính sự xuất hiện xu hướng cương nhu khác biệt của hai giới nam nữ nên tiêu chuẩn thẩm mỹ của con người người nam lấy sự cường tráng dũng mãnh làm cái đẹp, tức người đời sau chúng ta thường nói cái đẹp dương cương, người nữ lấy sự mềm yếu tinh linh làm cái đẹp, tức cái gọi là cái đẹp âm nhu.

3. Sùng bái phụ nữ, nữ thần, cái đẹp của phụ nữ

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, ở vùng Đông nam châu Âu phát hiện trên 100 di chỉ văn hóa thời kỳ đồ đá cũ và đồ đá mới. Trong các di chỉ này lưu giữ rất nhiều tượng điêu khắc nhỏ bằng gốm màu và tranh treo tường, trong đó khắp nơi đều có tượng nhỏ khắc hình Venus khỏa thân. Hơn nữa số tượng này đều được đặt ở trung tâm di chỉ. Tình hình này phản ảnh một quan niệm quan trọng của người nguyên thủy : cơ thể của người nữ là nguồn gốc sự sống, là cái chén thánh có sức mạnh cải tử hồi sinh. Đây là phản ảnh

(4) Xem thêm Phan Tuy Minh, *Thần bí dích thánh hỏa*, tr. 70

sự sùng bái của văn hóa xã hội mẫu hệ đối với phụ nữ, người mẹ và nữ thần. Vào những năm 70, giới khảo cổ British khai quật Huệ Nhã Khắc và Cáp Hy Lạp ở Biện Tháp Nhĩ phát hiện được di chỉ thờ đại đồ đá mới, đào được một số lượng lớn tượng nữ thần bằng đá, phù điêu và bằng đất cùng rất nhiều đàn tế và khám thần để thờ cúng nữ thần. Điều này cho thấy trong thời kỳ đồ đá mới đã nảy sinh văn hóa và tôn giáo sùng bái nữ thần. Năm 1980 các nhà khảo cổ học đảo Khắc Lý Đặc ở Địa Trung Hải lại phát hiện ra văn minh Mễ Nhược Tân trong truyền thuyết. Đã khai quật được "Cung điện, biệt thự, nông trường, khu dân cư đồ sộ và thành phố, bến cảng thiết bị, quy hoạch chỉnh tề, mạng lưới đường công cộng xuyên qua toàn đảo, giáo đường và khu mộ trật tự ngay ngắn" (5). Trong di chỉ cung điện, chiếm cứ ở vị trí trung tâm là tượng điêu khắc nữ thần hoặc nữ tư tế, hai hàng nam nhân đứng bên cạnh nữ thần hướng về phía bà dâng cống vật. Thời bấy giờ tôn giáo thẩm thấu vào toàn bộ đời sống, nhưng tất cả các nơi đều thờ cúng các loại nữ thần. Tóm lại, thời bấy giờ "Thượng đế là một người phụ nữ" (6).

Không lẻ thì có đôi. Khoảng mươi năm trở lại đây, trong một số di chỉ thời đại đồ đá mới và đồng đá đều dùng ở nước ta cũng phát hiện được một số lượng lớn tượng nữ thần bằng gốm và đá. Những phát hiện về tượng nữ thần Venus của Trung Quốc cũng khá

(5) (Mỹ) Lý An, Ngãi Tư Lặc, *Thánh bôi dữ kiếm* (Chén thánh và gươm), Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã, 1993, tr. 35

(6) Xem thêm *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu* (Biến tấu của dương cương và âm nhu), Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1995, tr. 1 - 5

phổ biến : Một là ở đầu mỏm thôn Đông Sơn trên tả ngạn sông Dực Đại Lăng phía tây Ca Lạt Tấm tỉnh Liêu Ninh phát hiện được một bộ bệ đá đàn tế và hai pho tượng phụ nữ khỏa thân bằng gốm nặn. Hai pho tượng đều là tượng khỏa thân đứng, phần bụng nhô ra, phần mông rất to, biểu thị hình tượng phụ nữ có mang, tay trái đặt lên bụng, đồng thời dùng ký hiệu để biểu hiện bộ phận phần bên ngoài của sinh thực khí phụ nữ. Hai là miếu nữ thần Ngưu Hà Lương ở Tây Liêu Ninh, đáng tiếc tượng thờ trong miếu đã bị hỏng. Nhưng từ phần tàn khuyết của pho tượng mà nhìn thì phần vai và cánh tay đều mang đủ đặc trưng phụ nữ, hình dạng vú đều khác nhau nhưng đều là vú phụ nữ. Số tượng đất này đại khái khoảng năm sáu pho, cho thấy rõ đây là một nhóm tượng nữ thần lớn nhỏ khác nhau. Ba là thôn Đài Tử tỉnh Hà Bắc phát hiện được tượng phụ nữ bằng đá, có bốn pho tương đối hoàn chỉnh. Trong đó có năm pho là tượng phụ nữ có mang khỏa thân, những nét chung là : hai vú phồng ra, phần bụng nhô lên, hai tay xoa lên bụng, mặt sau phần mông có một cái bệ nhỏ, là loại tượng ngồi, có pho còn tạc lõm chỗ âm hộ (7).

Những pho tượng điêu khắc này được các nhà khảo cổ học và sử gia nghệ thuật gọi là Venus, về lâu dài các nhà văn hóa nhân loại học nước Mỹ cũng theo như vậy. Ngãi Tư Lạc sau nhiều năm nghiên cứu, cho rằng họ không phải là Thần Sắc đẹp thời kỳ tiền sử, họ là nữ thần phản ảnh sự sùng bái phụ nữ, sùng bái nữ thần của xã hội mẫu hệ tiền sử.

(7) Xem thêm *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu*, tr. 85 - 89

Khảo sát từ góc độ cái đẹp hình thể, cái đẹp phụ nữ, chúng tôi thấy các tượng nữ thần này đã phản ảnh một số quan niệm về cái đẹp phụ nữ của loài người thời tiền sử. Trước hết, đối tượng sùng bái của họ cũng chính là hình tượng đẹp đẽ trong suy nghĩ của họ. Lúc bấy giờ, phụ nữ có mang khỏa thân đã phản ảnh sự sùng bái của họ đối với phụ nữ, đặc biệt là đối với phụ nữ sinh nở. Trong quan niệm của người nguyên thủy, bản thân sự sinh nở đã là cái đẹp. Phụ nữ có mang khỏa thân đã biểu hiện mỹ cảm song trùng về cái đẹp phụ nữ và cái đẹp sinh sản. Tượng Venus ở châu Âu, Tây Á và Trung Quốc thời tiền sử phổ biến nhất là phụ nữ có mang, khỏa thân, vú to, bụng lớn, mông mập. Nếu chúng ta lấy tiêu chuẩn thẩm mỹ ngày nay để nhìn những Venus tiền sử thì đương nhiên vô cùng sai lầm. Nhưng vì đúng như tác giả Dương Na Nhĩ đã nói trong *Nhân loại tính ái sử thoại* "Như hôm nay thử nhìn phụ nữ từng sinh nở trong bộ lạc nguyên thủy, vú chảy dài, bụng và mông phình ra cũng có mấy phần giống các Venus tiền sử, có lẽ tất cả chỉ muốn biểu thị một phụ nữ đích thực mà thôi" (8). Đúng thế, những tượng Venus tiền sử có thể chính là kiệt tác của các "nghệ thuật gia" "hiện thực chủ nghĩa", là sự khắc họa chân thực mà sinh động về phụ nữ có mang sống động lúc bấy giờ, chính đã phản ảnh quan niệm về cái đẹp phụ nữ của loài người thời tiền sử.

Thứ hai, các pho tượng nữ thần Venus này rõ ràng đã phản ảnh hình tượng phụ nữ có mang của xã hội mẫu hệ thời kỳ tiền sử. Điều này thể hiện khả năng quan sát đã đạt đến độ khá tinh tế mà chuẩn xác của tác giả tạc tượng đương thời đối với hình thể phụ nữ,

(8) *Nhân loại tính ái sử thoại*, tr. 14

cho thấy sự quan sát, sự cảm thụ cái đẹp đối với hình thể con người của loài người thời bấy giờ đã đạt tới trình độ nhất định, dĩ nhiên ở mức độ nguyên thủy, giản đơn.

Thứ ba, về cái đẹp hình thể, cái đẹp phụ nữ của thời nguyên thủy chủ yếu nhấn mạnh sự hấp dẫn độc hữu của các bộ phận sinh thực khí phụ nữ, tức vú lớn, bụng phình và mông to, nhưng không chú ý mô tả tình cảm và tư thái của gương mặt. Điều này phản ảnh quan niệm thẩm mỹ về hình thể của người tiền sử là lấy sự kích thích cảm xúc tình dục trực tiếp làm chủ, mà điều đó lại đều có quan hệ chặt chẽ với việc sinh nở và nuôi con. Những khác biệt và đặc điểm về thể hình, thể thái, thể biểu họ cũng không chú ý, những điều này vẫn chưa trở thành đối tượng thẩm mỹ chủ yếu của họ (9). Vú to và xệ là vú đích thực của phụ nữ sau khi sinh nở, thể hiện cái đẹp nuôi con của phụ nữ, phần bụng nhô ra là đang nuôi dưỡng một sinh mạng mới, đây chính là sự cảm nhận thần bí nhất, cũng là cái đẹp sinh nở được sùng bái nhất của loài người nguyên thủy. Phần mông mập mạp là tượng trưng sự vinh dự của người mẹ, thể hiện cái đẹp mẫu tính.

Các nữ thần này trạng mạo thuần phác cổ xưa, thể thái trẻ con vụng về, hàm chứa một sự đầy đặn, hỗn độn, mông lung, phảng phất như một nhóm phụ nữ thiên nhiên, thuần chân, cổ chuyết, mộc mạc từ thời xa xưa tìm tới, cho người ta một loại cảm xúc thẩm mỹ đặc biệt hồn nhiên trời cho, phản phác quy chân, mang tới cho chúng ta những "thông tin" độc đáo về cái đẹp của phụ nữ nguyên thủy mấy ngàn năm trước.

(9) Xem thêm *Thần bí đích thánh hỏa*, tr. 227 - 228

4. Nam nữ cùng là chủ thể, đối tượng thẩm mỹ

Trong xã hội bầy đàn nguyễn thủy và mẫu hệ thị tộc, thành viên trong xã hội từ nam giới, phụ nữ và trẻ con (người chưa thành niên) tổ chức thành ba bộ phận. Vì một là nam nữ đều tham gia lao động, cùng khống chế nguồn của cải tự nhiên, hai là thức ăn cũng cùng hưởng, phân phối bình quân, nên giữa người nam và người nữ là "quan hệ bè bạn" bình đẳng hỗ trợ qua lại (10). Giữa hai giới không có sự áp bức bóc lột, cũng không tồn tại sự thống trị hoặc phân biệt đối xử. Giữa hai giới tồn tại theo quan hệ bình đẳng, bổ sung cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau, gắn bó với nhau. "Quan hệ bè bạn" bình đẳng này đã quyết định sự bình đẳng giữa nam nữ trên phương diện thẩm mỹ, giới tính, tức nam nữ cùng vừa là chủ thể thẩm mỹ vừa là đối tượng thẩm mỹ. Điều này thể hiện nổi bật qua hình thức hôn nhân của mẫu hệ thị tộc. Ở đây xin lấy hóa thạch sống của xã hội mẫu hệ - tình trạng hôn nhân ngoài thị tộc trong chế độ mẫu hệ của tộc Nạp Tây ở Vĩnh Ninh Vân Nam nước ta để giải thích rõ hơn.

Tộc Nạp Tây ở Vĩnh Ninh lấy thân tộc mẫu hệ được gọi là "Y đỗ" làm đơn vị xã hội nhỏ nhất. Các thế hệ Y đỗ là tính toán theo mẫu hệ, thành viên gồm anh chị em cùng mẹ và con gái của chị em, tài sản chung, lao động chung, tiêu dùng chung, có khu mộ chung, thực hiện chế độ hôn nhân ngoài thị tộc, trong nội bộ Y đỗ nghiêm cấm quan hệ tình dục, càng không tồn tại quan hệ hôn nhân.

(10) "Quan hệ bầu bạn" là luận chứng về quan hệ nam nữ trong xã hội mẫu hệ do các học giả người Mỹ Lý An, Ngãi Tư Lặc đề xuất trong *Thánh bôi dữ kiếm*

Chế độ hôn nhân ngoài thị tộc này thực hiện dưới hình thức Tẩu phỏng hôn, người địa phương gọi là A tiếu : con gái thành niên cư trú trong "phòng khách" làm riêng cho họ ở mẫu hệ Y đỗ, mỗi người một phòng, bạn của cô gái (A tiếu) ban đêm đến ở lại trong gian phòng của cô gái, sáng lại trở về Y đỗ của mình sinh hoạt, lao động.

Quan hệ A tiếu rất không ổn định, dễ hình thành mà cũng dễ giải trừ. Hôn nhân A tiếu trên thực tế là chế độ quần hôn, nam nữ A tiếu đều có nhiều bạn tình, có A tiếu lâu dài và A tiếu lâm thời. Nam nữ đều có mức độ tự do tình dục khá lớn, có người còn trẻ tuổi, chỉ trải qua sinh hoạt A tiếu lâm thời mà mức độ tự do tình dục rất lớn.

Hôn nhân A tiếu thực hiện trên nguyên tắc tự chủ, tự nguyện. Nam nữ thanh niên kết bạn tình (A tiếu) hoàn toàn do người trong cuộc tự làm chủ, bậc trưởng bối không chủ động can thiệp. Từ góc độ thẩm mỹ mà nhìn, nam nữ A tiếu hoàn toàn có quyền tự chủ trong việc xem xét và lựa chọn bạn tình cho mình, đều là chủ thể thẩm mỹ. Chỉ cần một bên về diện mạo, hình thể, phong thái không phù hợp với bên kia, quan hệ A tiếu càng không thể hình thành, hơn nữa dù đã hình thành cũng có thể giải trừ bất cứ lúc nào.

Hôn nhân A tiếu thực hành theo nguyên tắc phi kinh tế. Đôi bên nam nữ A tiếu sinh hoạt riêng, sản xuất trong những Y đỗ khác nhau, về cơ bản không phát sinh quan hệ kinh tế. Vì thế cơ sở quyết định hôn nhân A tiếu thoát ra khỏi những chế ước quan hệ về kinh tế tức tiền bạc.

Hôn nhân A tiếu thực hiện trên nguyên tắc phi quyền thế. Trong xã hội mẫu hệ, người người bình đẳng,

bài trừ các nhân tố quyền lực, bạo lực cưỡng chế, bao biện và can thiệp vào hôn nhân. Nam nữ thanh niên tuyển chọn A tiếu đều không dắn đo về các nhân tố địa vị, quyền lực, danh dự, thoát khỏi chế ước của quan hệ quyền lực.

Như vậy, hôn nhân A tiếu chỉ lấy sự yêu thương của hai bên nam nữ làm cơ sở. Hai bên chưa phát sinh tình yêu, hoặc giả tình yêu thay đổi, mất đi, quan hệ A tiếu càng không thể hình thành, hoặc tuyên bố kết thúc.

Trong tình hình căn bản thoát khỏi sự chế ước, can thiệp của kinh tế, quyền lực và trưởng bối, trên cơ sở nguyên tắc tự chủ tự nguyện, nam nữ tuyển chọn đối tượng tất nhiên sẽ tập trung sự chú ý, sự xem xét vào tố chất thân thể và phẩm đức cá nhân của đối phương. Vì trong việc lựa chọn đối tượng, bất luận là nam hay nữ thì các tố chất thân thể như hình thể, dung mạo, phong thái, tuổi tác, tình trạng sức khỏe... đều trở thành nhân tố quan trọng để xem xét, nên cái đẹp hình thể trở thành điều kiện quan trọng của quan hệ A tiếu. Người trẻ tuổi, xinh đẹp, tài giỏi thì dễ dàng tìm A tiếu. Ngược lại, nếu không xinh đẹp, hoặc thân thể khó coi, khiếm khuyết tàn tật thì khó tìm được A tiếu. Đồng thời, người mẹ xưa nay rất quan tâm về tướng mạo và tố chất hình thể bạn trai "A tiếu" của con gái. Đó là vì con gái mà hôn nhân A tiếu sinh ra là thuộc nhà gái, là thành viên của Y đỗ nhà gái. Việc chọn lựa đối tượng bạn tình của con gái có quan hệ tới tình trạng thể chất, dung mạo đời sau của Y đỗ. Sự lựa chọn này phù hợp với nguyên lý ưu sinh. Vì đời này qua đời kia chọn lọc ưu sinh, nên tố chất

thân thể của người Vĩnh Ninh Nạp Tây thường khá tốt : to lớn, xinh đẹp, khỏe mạnh.

Xã hội mẫu hệ thị tộc lấy hôn nhân ngoài thị tộc, thế hệ theo mẫu hệ, sở hữu tài sản chung làm đặc trưng cơ bản, đại khái là thời đại thật sự lấy "tình yêu" làm cơ sở của hôn nhân trong lịch sử loài người, cũng là thời đại cái đẹp hình thể, cái đẹp nhân cách được coi trọng nhất trong việc lựa chọn tình yêu, hai giới nam nữ đều có quyền bình đẳng tự do lựa chọn. Trong thời đại này hai giới nam nữ cùng là chủ thể thẩm mỹ, đều có quyền tự chủ chọn lựa, lại cùng là đối tượng thẩm mỹ, đều phải chịu sự lựa chọn thẩm mỹ của đối tượng mình yêu.

Sau khi xã hội loài người tiến vào văn minh nông nghiệp, đã lấy chế độ gia đình cá thể một vợ một chồng (hoặc một chồng một vợ nhiều thiếp) làm đơn vị thay thế chế độ quần hôn hoặc "đối ngẫu hôn" thời nguyên thủy. Lúc ấy, người đàn ông dùng kiếm sắc phá hủy văn minh mẫu hệ, hoặc chế độ mẫu hệ bị đàn ông dần dần chiếm địa vị chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp lật đổ, nhân loại tiến vào "Kiểu mẫu xã hội của quan hệ thống trị đàn ông áp bức phụ nữ" (11) lấy đàn ông làm kẻ thống trị. Từ đó sự kỳ thị giới tính, áp bức giai cấp, sự kỳ thị dân tộc chủng tộc và sự áp bức của quan hệ giữa thống trị và bị trị đã thay thế "quan hệ bè bạn" bình đẳng hỗ trợ lẫn nhau, loài người tiến vào xã hội không bình đẳng.

Từ đó, người nữ bị mất địa vị chủ thể của thẩm mỹ, bị đổi ngược thành khách thể thẩm mỹ, đối tượng thẩm mỹ hoặc đồ chơi đơn thuần.

(11) *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu*, tr. 2

5. Nữ Oa : thần thoại về cái đẹp sinh nở, cái đẹp sáng tạo, cái đẹp dâng hiến

Nữ Oa là nhân vật thần thoại nữ lâu đời nhất, quan trọng nhất trong thời tiền sử của Trung Quốc lưu truyền đến nay. Bà là đại biểu của xã hội mẫu hệ, thời đại mẫu hệ tiền sử ở nước ta, là đại biểu của quần thể phụ nữ trong xã hội mẫu hệ.

Thi nhân vĩ đại nước Sở thời Chiến quốc Khuất Nguyên trong *Sở từ, Thiên vấn* hỏi "Nữ Oa hữu thể, thục chế tượng chi" (Nữ Oa có thân thể, là ai chế tác ra ?). Có hai thần thoại chủ yếu liên quan tới công tích của Nữ Oa : một là Nữ Oa tạo ra con người, Nữ Oa là anh hùng sáng thế của Hoa Hạ.

Thuyết văn giải tự nói "Oa là nữ thần thời cổ, sinh hóa vạn vật". Nữ Oa là vị thần sáng tạo thai nghén vạn vật, là vị thần sinh nở. *Thái bình ngự lãm* quyển 78 dẫn lại *Phong tục thông* nói "Tục truyền lúc trời đất mới mở ra, chưa có con người, Nữ Oa vê đất vàng làm người, việc quá gấp rút, sức không đủ làm, bèn nhúng dây thừng xuống bùn nhấc lên, nhấc lên làm người".

Nữ Oa là bà mẹ vĩ đại sinh ra loài người, lại là vị thần linh vĩ đại biến hóa sinh ra vạn vật. Bà là biểu hiện tập trung của sự sùng bái phụ nữ, sùng bái sinh nở và sùng bái nữ thần của xã hội mẫu hệ. Bà là người phụ nữ có thật đã được "thần hóa" của xã hội mẫu hệ thế tộc. Đó là vì trong thời kỳ công xã thị tộc và công xã mẫu hệ, các thị tộc đều có totem làm tiêu chí của mình. Con người thời bấy giờ cho rằng mình chính là totem, totem chính là mình. Một mặt họ tin thần thoại là có thật, đồng thời lại thần hóa

bản thân con người (12). Nữ Oa chính là nhân vật phụ nữ "thần hóa" của Trung Hoa đại địa trong thời mẫu hệ. Bà khiến người ta liên tưởng tới tượng thần nữ có mang của văn hóa Hồng Sơn, trong ý nghĩa này thì những "Venus" Hoa Hạ thời tiền sử ấy chính là nhân vật Nữ Oa trong thần thoại. Bà đại biểu cho cái đẹp sinh nở, cái đẹp sáng tạo của phụ nữ trong thời kỳ mẫu hệ ở Hoa Hạ xa xưa.

Hai là Nữ Oa vá trời, Nữ Oa là nữ anh hùng chiến đấu với trời đất của Hoa Hạ thời thượng cổ, phản ảnh cái đẹp sáng tạo, cái đẹp dâng hiến của phụ nữ thời tiền sử.

Hoài Nam tử, Lãm Minh huấn chép "Thời cổ, bốn cực phế, chín châu xé, trời không che hết, đất không chở cả, núi lửa cháy mà không tàn, nước lụt tràn mà không rút, thú dữ ăn thịt nhân dân, chim dữ bắt kẻ già yếu. Lúc ấy Nữ Oa luyện đá ngũ sắc để vá trời xanh, chặt chân rùa biển để chống bốn cực, giết rồng đen để giúp Ký Châu, chất tro sậy để ngăn nước lũ. Trời xanh được vá, bốn cực được chống, nước lụt được ngăn, Ký Châu được bình, trùng độc bị giết, Chuyên dân được sinh, dựa vào đất vuông, bọc lại trời tròn...".

Nữ Oa vá trời, là một vị nữ anh hùng tranh đấu với các hiện tượng thiên nhiên làm hại, vật lộn với các loại thú dữ, trùng độc, chim dữ làm hại con người. Hình tượng thần thoại này chính phản ảnh tình trạng thời kỳ mẫu hệ thị tộc, phụ nữ chiếm địa vị chủ đạo trong lao động sản xuất, trong đấu tranh với tự nhiên, phản ảnh địa vị và ảnh hưởng của phụ nữ thời kỳ mẫu hệ trong lao động sinh sản ra con người, bộc lộ

(12) Xem thêm *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu*, tr. 25 - 28

được cái đẹp phấn đấu, cái đẹp cống hiến của phụ nữ đương thời.

Chủ nghĩa Marx cho rằng xã hội loài người có hai loại tái sản xuất cơ bản tức tái sản xuất vật chất và tái sản xuất con người. Hai điều này có liên quan với thần thoại Nữ Oa, mới phản ảnh được sự ảnh hưởng cực lớn và sự cống hiến vĩ đại của phụ nữ thời mẫu hệ trong sản xuất vật chất và trong việc sinh sản ra con người. Cái đẹp nảy sinh ở chỗ sáng tạo, bản thân sự sáng tạo cũng chính là cái đẹp.

Trong quá trình diễn tiến chế độ phụ hệ thị tộc thay thế chế độ mẫu hệ thị tộc trong lịch sử, thần thoại về Nữ Oa cũng phát sinh sự biến hóa. Nữ Oa tựa hồ "đã chết", bà hóa sinh thành một số nhân vật thần thoại khác. Ví dụ *Hoài Nam tử, Thuyết Lâm huấn* nói "Hoàng Đế tạo ra âm dương, Thượng Biển tạo ra tai mắt, Tang Lâm tạo ra cánh tay, Nữ Oa đây có bảy mươi sự biến hóa". Tức nói hiện tượng hóa sinh của Hoàng Đế, Thượng Biển, Tang Lâm đều hàm chứa trong "Bảy mươi sự biến hóa" của Nữ Oa, tức nói Nữ Oa là cơ thể mẹ của Hoàng Đế, Thượng Biển, Tang Lâm, Nữ Oa hóa sinh thành Hoàng Đế, Thượng Biển và Tang Lâm, còn họ thì trở lại tạo ra khí quan cơ thể của con người – âm dương, tai mắt, cánh tay. Ở đây nhân vật thần thoại nam giới chiếm địa vị chủ đạo trong việc tạo ra loài người, nhưng vẫn không thể bài trừ địa vị thủy tổ của Nữ Oa (đại biểu phụ nữ) trong sinh sản. Hay như *Sơn hải kinh, Đại hoang tây kinh* nói "Có mười vị thần, gọi là ruột của Nữ Oa, hóa thành thần, ở ngoài đồng trống, vạch ngang đường để ở". Sau khi Nữ Oa "chết", bà hóa thành mười nhân vật thần thoại, sống "ở ngoài đồng trống".

Thần thoại Nữ Oa đã phản ánh tinh thần sáng tạo và tinh thần cống hiến của phụ nữ thời kỳ mẫu hệ, đến thời kỳ phụ hệ, địa vị phụ nữ bị hạ thấp. Địa vị sinh sản của thần Nữ Oa dần dần bị nhân vật thần thoại nam thay thế. Nhưng, Nữ Oa "chết" mà không chấm dứt. Bà lại hóa thành rất nhiều nhân vật thần thoại, đầy rẫy trên đại lục Hoa Hạ.

Cái đẹp của Nữ Oa là cái đẹp sinh nở, cái đẹp sáng tạo và cái đẹp cống hiến. Là nhân vật thần thoại, Nữ Oa không phải loại Thần Tình yêu, Thần Sắc đẹp Venus trong thần thoại Hy Lạp. Hình thể của Nữ Oa là "đầu người mình rắn", là hình tượng totem nguyên thủy, không sao nói tới cái đẹp hình thể.

Không biết vì sao mà trong truyền thuyết thần thoại Hoa Hạ có rất ít nhân vật thần thoại nữ, vả lại dường như không có hình tượng Thần Tình yêu và Thần Sắc đẹp.

Vì vậy, mọi người tìm kiếm Thần Tình yêu và Thần Sắc đẹp trong các nhân vật thần thoại thời thượng cổ.

6. Trung Quốc có Thần Tình yêu và Thần Sắc đẹp không ?

Trong truyền thuyết thần thoại thời cổ của Hy Lạp, Ai Cập, Babylon và Ấn Độ đều có Thần Tình yêu hoặc Thần Sắc đẹp. Trong mấy khu vực văn minh thời cổ trên thế giới, dường như chỉ thần thoại Trung Quốc là không có Thần Tình yêu và Thần Sắc đẹp.

Rốt lại trong thần thoại truyền thuyết thời cổ ở nước ta có Thần Tình yêu hoặc Thần Sắc đẹp không ? Chúng ta cứ tìm kiếm trong thần thoại truyền thuyết thời cổ Trung Quốc một phen. Trong thần thoại truyền thuyết Trung Quốc, ngoài nhân vật thần thoại Nữ Oa

thời kỳ mẫu hệ ra, trong thời kỳ thị tộc phụ hệ còn có thể kể ra Hy Hòa, Thường Nga (Hằng Nga), Nữ Bạt, Tinh Vệ, Tây Vương Mẫu vân vân.

Hy Hòa. *Thái bình ngự lãm* quyển 3 dẫn lại *Sơn hải kinh, Đại hoang nam kinh* nói "Ngoài biển đông nam, trong vùng Cam Thủy có nước Hy Hòa. Có phụ nữ tên Hy Hòa, vợ của Đế Tuấn, sinh mười mặt trời, thường tắm nắng ở Cam Tuyền". Bà là mẹ của mặt trời và sinh được mười mặt trời. Ông Trịnh Tuệ Sinh cho rằng bà là người sáng lập ra lịch pháp của nước ta, là người sáng tạo ra Thập can, là thần chủ về mặt trời (13). Rõ ràng bà không liên quan gì với tình yêu và sắc đẹp.

Thường Hy. Bà là mẹ của mặt trăng, cũng là vợ Đế Tuấn, sinh được mười hai mặt trăng. *Sơn hải kinh, Đại hoang tây kinh* nói "Có người phụ nữ mới tắm trăng, Thường Hy vợ của Đế Tuấn, sinh mười hai mặt trăng, bắt đầu tắm ở đó". Trịnh Tuệ Sinh tiên sinh cho rằng bà cũng là người sáng tạo ra cách ghi ngày theo "thiên can địa chi", là nữ thần Tư nguyệt, nhiệm vụ là quan sát ánh sáng của mặt trăng. Bà cũng không dính líu gì tới sắc đẹp và tình yêu.

Ngoài ra, còn có một Thường Hy, tức Hằng Nga mà mọi người đều biết. *Hoài Nam tử, Lãm minh huấn* nói "Hậu Nghệ xin thuốc trường sinh của Tây Vương mẫu, Hằng Nga lấy trộm lên trăng chơi", chính là "Hằng Nga lên trăng chơi" trong truyền thuyết dân gian. Thần thoại Hằng Nga lên trăng chơi rất đẹp, về sau mọi người thường xem Hằng Nga là hiện thân của cái đẹp.

(13) Trịnh Tuệ Sinh, *Thượng cổ Hoa Hạ phụ nữ dữ hôn nhân* (Phụ nữ và hôn nhân ở Trung Hoa thời thượng cổ), Hà Nam Nhân dân xuất bản xã 1988, tr. 42

Nhưng nàng vẫn không phải là Thần Sắc đẹp. Theo ông Trịnh Tuệ Sinh, nàng là "Người phụ nữ đầu tiên phản kháng chế độ một chồng nhiều vợ" của Trung Quốc (14).

Nữ Bạt. Bà là con gái của Hoàng đế, tướng mạo rất xấu, "đầu trọc không có tóc" mà còn "Ở nơi bà ở, trời không làm mưa" (15). Là Hạn thần. Bà từng giúp Hoàng đế chiến thắng Xuy Vưu. Là hình tượng phụ nữ xấu xí vũ dũng, càng không dính dáng gì tới tình yêu và sắc đẹp.

Tinh Vệ. *Sơn hải kinh, Bắc sơn kinh* chép "Núi Phát Cưu, trên núi có nhiều cây Chá. Có loài chim ở đó, hình dáng như con quạ, đầu vằn, mỏ trắng, chân đỏ, tên là Tinh Vệ, tiếng kêu quang quác, là con gái út của Viêm Đế, tên là Nữ Oa. Nữ Oa chơi ở Đông Hải, chết đuối không trở về, nên biến thành chim Tinh Vệ, thương ngậm gỗ đá ở núi tây để lấp Đông Hải". Tinh vệ hùng tâm không dứt, kiên định bất di, quyết tâm ngậm đá lấp bằng biển Đông, thần thoại "Tinh Vệ lấp biển" phản ánh cái đẹp tinh thần bền vững không sờn của phụ nữ thời cổ, nhưng cũng không liên quan tới tình ái và cái đẹp hình thể.

Ngoài ra, Tây Vương mẫu phụ nữ trong thần thoại là đại biểu của thị tộc mẫu hệ khu vực phía Tây Trung Quốc. *Sơn hải kinh, Đại hoang tây kinh* nói núi Côn Luân, "Có người chim đầu rìu, răng hổ, đuôi báo, ở trong hang, tên Tây Vương mẫu". Đây hiển nhiên là nhân vật hóa thân của totem, càng không có đủ đặc điểm về cái đẹp hình thể của phụ nữ.

(14) *Thượng cổ Hoa Hạ phụ nữ dữ hôn nhân*, tr. 47 - 49
(15) *Ngọc thiên*.

Nhân vật thần thoại nữ trong thời cổ ở Trung Quốc chỉ có một vị giống như Thần Tình yêu của Hy Lạp. Nàng chính là Dao Cơ con gái Viêm Đế.

Có ba tài liệu liên quan tới Dao Cơ :

Một, trong *Sơn hải kinh, Trung Sơn kinh* nói "Núi Cô Dao, con gái Hoàng Đế chết ở đó nên có tên là Nữ Thi, hóa thành cỏ dao, lá xếp nhỏ, hoa vàng, quả như thố khâu, ăn vào làm người mê đắm". Ở đây hé ra một thông tin về tình yêu và Dao Cơ.

Hai, lời chú thích *Cao Đường phú* trong *Văn tuyển* dẫn lại *Tương Dương kỳ cựu truyện* nói "Con gái Xích Đế tên Dao Cơ, chưa chồng mà chết, chôn ở phía đông Vu Sơn, nên gọi là gái Vu Sơn. Sở Hoài vương chơi ở Cao Đường, ban ngày nằm ngủ, mơ thấy thần. Tự xưng là gái Vu Sơn, vua vì thế ân ái với nàng. Bèn đặt quán ở phía nam Vu Sơn, gọi là Triêu Vân. Về sau đến thời Tương vương lại tới chơi Cao Đường". Dao Cơ này cùng Sở Hoài vương phát sinh quan hệ tình ái, tới gần Thần Tình yêu thêm một bước.

Ba, *Chử cung cựu sự* dẫn lại *Tương Dương kỳ cựu truyện* miêu tả càng chi tiết "Xưa tiên vương chơi ở Cao Đường, mệt mà ngủ ngày, mơ thấy một cô gái, tóc mượt như mây, mắt sáng như sao, định bước lại thôi, như tiến chợt lùi, khi nhìn kỹ lại, đẹp như Tây Thi. Vua mừng hỏi, đáp : Thiếp là con gái út Hạ Đế, tên là Dao Cơ, chưa chồng mà chết, được chôn trên đài Vu Sơn. Tinh hồn làm cỏ, hái thành cỏ chi, uống vào thiếp đi, thì gặp trong mơ, nên gọi là Vu Sơn chi nữ, Cao Đường chi cơ. Nghe vua ra chơi ở Cao Đường, xin hầu chăn gối. Vua vì thế ân ái với nàng. Kế nàng lại nói : thiếp ở nơi lẻ loi, thường không sao nói được, nay nhờ uy linh của vua, ái ân cùng thiếp, sẽ giúp hậu duệ nhà

vua sinh sôi ở vùng Giang Hán. Vua cảm ơn, nàng từ biệt đi, nói : Thiếp ở phía đông Vu Sơn, trên gò Cao Khâu, buổi sớm làm mây, buổi chiều làm mưa, sớm sớm chiều chiều ở dưới Dương đài. Sáng vua ra xem, thấy đúng như lời ấy. Bèn lập quán, gọi là Triêu Vân".

Thần nữ Vu Sơn miêu tả ở đây đủ để sánh với nữ thần Tình yêu Aproditè trong thần thoại Hy Lạp cổ. Sau khi thần nữ Vu Sơn gặp Sở Hoài vương, trước tiên tự giới thiệu về mình, kế "Xin hầu chăn gối", bạo dạn chủ động đề nghị tình yêu với Hoài vương, thể hiện đầy đủ tính chủ động và tự chủ trong tình yêu. Nàng đã trở thành hóa thân của tình ái hay tình yêu xác thịt. Thần nữ Vu Sơn này cũng rất đẹp "Ái hồ nhược vân, giảo hồ nhược tình, tương hành vị chỉ, như phù hốt đình, tường nhi quan chi, Tây Thi chi hình" (Tóc mượt như mây, mắt sáng như sao, định bước lại thôi, như tiến chợt lùi, khi nhìn kỹ lại, đẹp như Tây Thi). Nàng lại có đủ đặc điểm sắc đẹp của Thần Sắc đẹp Venus trong thần thoại La Mã cổ. Về sau, thi nhân Tống Ngọc nước Sở lại trên cơ sở này, lấy thần nữ Vu Sơn làm nguyên mẫu sáng tạo ra hình tượng thần nữ Cao Đường. Trong *Cao Đường phú*, thần nữ tự nguyện hầu chăn gối, cùng Sở Hoài vương phát sinh quan hệ tình ái. Hình tượng này mặc dù mê ly hư ảo nhưng vẫn không mất đi đặc điểm tự do tình dục của phụ nữ trong chế độ quần hôn thời nguyên thủy, có thể nói là Thần Tình yêu trong thần thoại truyền thuyết Trung Quốc.

Ông Diệp Thư Hiến trong bài *Cao Đường nữ thần : Trung Quốc đích Duy Nạp Tư* (Nữ thần Cao Đường : Venus của Trung Quốc) đề xuất "Trong hệ thống thần thoại cổ của Trung Quốc vốn có một nữ thần Tình yêu như của Ai Cập, Babylon, Hy Lạp và Ấn Độ. Nhưng

đến sau khi văn hóa lễ giáo thời Chu Tần hưng thịnh, Thần Tình yêu của Trung Quốc mới dần dần mất đi diện mạo vốn có, diễn hóa thành phạm trù hạt nhân của hình thái ý thức phong kiến" (16). Ông cho rằng thần nữ Cao Đường dưới ngòi bút của Tống Ngọc chính là Venus của Trung Quốc. Đây là điều rất có kiến giải.

Nhưng sau khi xã hội Trung Quốc bước vào thời đại văn minh, vị nữ thần Tình yêu này lại rút lui, biến hình, chuyển hóa.

Bà rút lui, co lại, biến hình thế nào ?

Điều đó do chế độ hôn nhân gia đình của xã hội văn minh quy định.

Chế độ hôn nhân gia đình một vợ một chồng của thời đại văn minh về bản chất là bài xích tàn dư của việc quần hôn - sinh hoạt tình dục ngoài hôn nhân. Mà Thần Tình yêu là di tích lịch sử của chế độ quần hôn nguyên thủy, là ngẫu tượng của tự do tình dục, không được chế độ hôn nhân gia đình và quy phạm đạo đức xã hội của thời đại văn minh tiếp thu hay dung nạp. Vì vậy, nàng từ thần thoại xa xưa vụt hiện ra rồi biến mất, chỉ để lại cái bóng thần nữ Vu Sơn sớm làm mây chiều làm mưa, biến ảo khôn lường. Nàng lúc ẩn lúc hiện trên lằn ranh của thể chế quan hệ tình dục trong hôn nhân, trở thành sự bổ sung cho quan hệ tình dục trong hôn nhân, "mây mưa" cũng thành đại danh từ về quan hệ tình dục trong đời sống.

Thần nữ Vu Sơn từ Thần Tình yêu chuyển hóa thành Thần Sắc đẹp. *Thần nữ phú* của Tống Ngọc với bút pháp tinh tế đã miêu tả tường tận, phóng đại cái

(16) Xem thêm *Hoa Hạ phụ nữ chi mê* (Câu đố về phụ nữ Hoa Hạ), Tam Liên thư điếm, 1990, tr. 58

đẹp hình thể, dung mạo và tư thái của phụ nữ, trở thành biểu hiện tập trung về cái đẹp phụ nữ thời Tiên Tần ở Trung Quốc. Nhưng nàng đã không là Thần Tình yêu, nàng cự tuyệt những đòi hỏi phi lễ của Sở Hoài vương, trở thành một phụ nữ thủ lễ "bất khả xâm phạm", là điển hình đẹp mà không dâm, dừng lại ở lễ nghĩa. Song nàng cũng không trở thành Thần Sắc đẹp trong văn hóa Trung Quốc, càng không có "cuộc sống thật" trong lòng người Trung Quốc, mà như bóng ma thoắt ẩn thoắt hiện xuất hiện trong các tác phẩm văn nghệ miêu tả tình yêu hoặc quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, trở thành biểu trưng về loại phụ nữ thông gian, dâm đãng.

Tại sao Hoa Hạ thời cổ không nảy sinh Thần Tình yêu, Thần Sắc đẹp?

Chúng ta có thể làm vài suy đoán hoặc đoán chừng : Thần thoại truyền thuyết Hoa Hạ cổ lấy Nữ Oa làm nhân vật thần thoại nữ tiêu biểu, chủ yếu biểu thị cái đẹp sáng tạo, cái đẹp phấn đấu và cái đẹp cống hiến của phụ nữ thời cổ. Những cái đẹp này đến thời văn minh được xã hội cho phép, làm rạng rỡ vẻ vang cái đẹp đạo đức ở phụ nữ - cái Thiện. Trong thần thoại truyền thuyết Hoa Hạ cổ quả thật không sao tìm được bóng dáng của cái đẹp bên ngoài, cái đẹp hình thể của phụ nữ. Thần nữ Vu Sơn trong *Thần nữ phú* chẳng qua là sự sáng tạo nghệ thuật của văn nhân thời kỳ đầu của xã hội phong kiến, "thần thoại" không thể coi là thần thoại từ thời cổ lưu truyền về sau.

Vậy thì tại sao trong thần thoại cổ Trung Quốc không có Thần Sắc đẹp và Thần Tình yêu. Đây có thể là câu đố thiên cổ. Tôi suy đoán : chủ thể dân tộc Hoa Hạ tiến vào thời kỳ đầu thời văn minh, để ngăn

cấm và quét sạch di tích quần hôn nguyên thủy đã thực hiện một loạt quy phạm lễ nghi, đè nén sự tự do, coi nhẹ cái đẹp bên ngoài, cái đẹp hình thể của phụ nữ khiến Thần Tình yêu "biến dạng", Thần Sắc đẹp mất tích và hình thành khuynh hướng thẩm mỹ trọng thiện khinh mỹ về phụ nữ.

Địa bàn cư trú chủ yếu của tộc Hoa Hạ là vùng đồi cao đất vàng ở trung hạ du sông Hoàng Hà, lấy nghề nông làm gốc, định cư tương đối sớm. Hoàn cảnh sinh thái, cuộc sống định cư đóng kín, tương đối dễ lợi dụng điều kiện cư trú để cách ly nam nữ, giam nhốt phụ nữ, khiến phụ nữ xinh đẹp bị khóa nhốt trong khuê phòng, giấu người đẹp trong nhà vàng, cắt đứt con đường truyền bá của cái đẹp. Vì vậy đã giam kín Thần Sắc đẹp, bóp nghẹt Thần Tình yêu, Thần Sắc đẹp trong thần thoại, hoặc giả đè nén sự "sáng tạo" về Thần Sắc đẹp.

Lưu vực sông Hoàng Hà là địa bàn cư trú chủ yếu của tổ tiên chúng ta, bốn mùa rõ ràng, lạnh lẽo hạn hán. Từ nhu cầu chống lạnh đã phát minh ra loại áo quần có cổ áo, tay dài, đậy vạt áo trước, bọc kín toàn thân, để chống lại gió lạnh bụi cát. Lâu dài đã hình thành tập tục xấu hổ khi khỏa thân, hình thành quan niệm thẹn thùng sỉ nhục rất lớn về cơ thể con người, cơ thể con người trở thành sự cấm kỵ, không được phơi bày, không được bàn tán, không được thể hiện. Vì vậy dân tộc Hoa Hạ coi nhẹ, thậm chí phủ định, chán ghét cái đẹp khỏa thân, ngược lại lại ca ngợi, thể hiện cái đẹp y phục lộng lẫy hoa lệ. Điều này biểu hiện rất rõ ràng trong các tác phẩm hội họa, thi phú về phụ nữ. Đồng thời, y phục lộng lẫy hoa lệ còn có tác dụng che kín hình thể phụ nữ, ngăn cách nam nữ, dấy lên tác

dụng "đề phòng lớn về lễ giáo" bằng cách "lấy quần áo chế ngự nhục dục". Vì vậy hình tượng Thần Sắc đẹp khỏa thân kiểu Tây phương không thể ra đời trong văn minh Hoa Hạ cổ đại.

Hoa Hạ là một dân tộc chú trọng thực tế, điều này rốt lại trong hiện thực đời sống từ thời Tiên Tần đã dựng lên cho dân tộc ta một ngọn cờ về cái đẹp hình thể phụ nữ. Nàng chính là mỹ nữ Tây Thi. Nàng đã trở thành hóa thân và khuôn mẫu về cái đẹp của phụ nữ Trung Hoa.

Chương 2.

Đạo đức chất phác, hình thể khỏe mạnh : cái đẹp của phụ nữ thời Tiên Tần

Thành quả nghiên cứu những năm gần đây chứng minh về đại thể dân tộc Hoa Hạ từ Hoàng Đế khai thủy đến Đại Ngu (tức thời Ngũ đế) căn bản đã hoàn thành việc bước từ xã hội mẫu hệ thị tộc sang xã hội phụ hệ thị tộc, rồi quá độ sang xã hội có giai cấp.

Trong thời kỳ quá độ này, giữa bộ lạc và bộ lạc chiến tranh liên tiếp, bộ lạc dần dần hòa tan mở rộng ra, cũng từng bước phát triển thành tập đoàn bộ lạc cường thịnh. Đến sau thời Đại Ngu, đã thi hành việc "Vua Võ truyền ngôi cho con", chế độ phụ hệ được xác lập chính thức và củng cố vững chắc. Từ đó, lịch sử Trung Quốc tiến vào thời đại văn minh.

Qua một bước phát triển trong ba thời Hạ, Thương, Chu, "Sau cùng hình thành tộc thể Hoa Hạ lấy trung và hạ lưu Hoàng Hà làm trung tâm. Y quan lễ nhạc của Hoa Hạ rõ ràng cao hơn các dân tộc Di, Man, Nhung, Địch chung quanh, lại từng bước hình thành truyền thống văn hóa của Trung Quốc" (1). Mà quan

(1) Khâu Cửu Vinh, *Trung Quốc thống nhất đa dân tộc quốc gia đích hình thành* (Sự hình thành của quốc gia Trung Quốc thống nhất đa dân tộc), Liêu Ninh dân tộc xuất bản xã, 1992, tr.

niệm về cái đẹp con người chính là một trong những nội dung quan trọng của truyền thống văn hóa Trung Quốc.

Quan niệm về cái đẹp con người thời nguyên thủy là quan niệm hỗn mông, là một thứ quan niệm thẩm mỹ về nhân vật trong trạng thái mông muội, có người gọi đó là "Cái đẹp mông muội" (Mông muội mỹ) (2).

Loài người bước vào thời đại văn minh, con người về sự nhận thức và cải tạo tự nhiên, về sự tự nhận thức bản thân đều tiến bộ rất nhiều. Con người cũng bắt đầu sử dụng ký hiệu chữ viết và hình vẽ do mình sáng tạo để biểu đạt tư tưởng hay quan niệm của mình. Trong Giáp cốt văn, những người dân Trung Quốc đàu tiên dùng sáu chữ tượng hình không khác nhau mấy là [], [ ] để biểu hiện sự cảm thụ "thẩm mỹ" đầu tiên nhất của họ. Hình dáng sáu chữ này có một điểm chung : phần trên là một cặp sừng dê [ ], [ ], phần dưới là một người hai tay dang ra, hai chân dạng ra đứng trong đó [ ] [ ], hai phần hợp lại chính là một người trên đầu đội đầu dê hoặc sừng dê. Mọi người gọi đó là "Dương nhân vi mỹ" (Chữ Dương với chữ Nhân là chữ Mỹ). Theo các chuyên gia khảo chứng, điều này có liên quan với việc sùng bái totem dê thời nguyên thủy. Các bộ lạc sùng bái totem dê lúc cử hành nghi thức đồng bóng, đầu lĩnh bộ lạc hoặc thầy đồng thường phải đội đầu dê tiêu chí totem hoặc gắn sừng dê lên đầu nhảy múa theo vũ điệu totem. Người ta cho rằng vũ điệu đồng bóng ấy là "đẹp", quan niệm này phản ảnh trong Giáp cốt văn, thường dùng hợp thể "Dương nhân" để biểu hiện "cái đẹp" (Mỹ). Có thể thấy

(2) Nhóm Trương Nam, *Phụ nữ mỹ học tân luận*, Thiên Tân Nhân dân xuất bản xã 1994, tr. 25

cái đẹp bắt nguồn từ thực tiễn xã hội của con người, bắt nguồn sự sùng bái khẳng định bản thân và tổ tiên (totem) của con người. Vì vậy, sự cảm thụ về cái đẹp đầu tiên của loài người có nguồn gốc từ sự khẳng định hay sùng bái của loài người đối với bản thân, đối với năng lực sáng tạo của bản thân.

Sau đó, "Mỹ" lại có "Dương đại vi mỹ" (Chữ Dương với chữ Đại là chữ Mỹ) (*Thuyết văn giải tự*), trở thành cái đẹp "mang ý vị đẹp". Đến thời Xuân thu Chiến quốc, mọi người đã khảo sát nguồn gốc và sự cấu thành cái đẹp "ngũ sắc", "ngũ vị", "ngũ thanh", cũng đề xuất quan niệm "hài hòa" (Hòa). Kế đó là sự nảy sinh mỹ học của Chư tử bách gia.

Ban đầu, các đồ vật đẹp thường liên quan tới phụ nữ, rất nhiều hình dung từ tốt đẹp đều thuộc bộ Nữ, có chữ Nữ bên cạnh, như *Thuyết văn giải tự* viết "Hảo, mỹ giả, tùng nữ tử" (Hảo là đẹp, viết với chữ nữ và chữ tử). Còn có các chữ Thù, Diệu, Hiệu, Nghiên, Yên, Quyên, Nhàn, Uyển, Nga, Duyệt, Họa, Quán, Thánh, Vĩ vân vân, ngoài ra còn có các từ ghép như A na, Sính đình, Vũ mị, Kiều nhiêu, từ láy âm như San san, Vĩ vĩ vân vân. Có thể thấy lúc đầu tạo ra chữ viết, người ta thường gắn liền "cái đẹp" (Mỹ) với phụ nữ, lấy phong thái, cử chỉ dung mạo... của phụ nữ làm cái đẹp.

Cuối thời Tây Chu và thời Xuân thu Chiến quốc đã xuất hiện ghi chép về cái đẹp của nhân vật, cái đẹp của hình thể con người, như cái đẹp nam tính của Công tử Triều nước Tống, cái đẹp phụ nữ của Tây Thi, Mao Tường, sớm hơn so với nhận thức của mọi người về cái đẹp tự nhiên.

1. Nông nghiệp, gia đình và sự mất đi địa vị chủ thể thẩm mỹ của phụ nữ

Ba thời Hạ Thương Chu đã khai sáng ra phương thức sinh tồn và phương thức sinh hoạt cơ bản nhất của người Trung Quốc, là thời kỳ đặt nền móng cho văn minh Trung Quốc, từng bước hình thành việc lấy văn minh nông nghiệp làm cơ sở, lấy việc Coi thiên hạ là nhà (Gia thiên hạ) làm kiến trúc thượng tầng chủ yếu của "gia quốc đồng câu", lấy hôn nhân bao gồm tài sản làm sợi dây chủ yếu nối kết quan hệ giữa người và người, lấy gia đình theo chế độ phụ quyền làm kết cấu xã hội cơ bản của đơn vị xã hội cơ bản.

Chủ thể của tộc Hoa Hạ sống trên vùng đất màu vàng ở trung và hạ du Hoàng Hà. Lượng mưa ở đây vừa phải, khí hậu khô ráo, bốn mùa rõ ràng, thích hợp với canh tác nông nghiệp, đã hình thành mô hình văn hóa nông nghiệp. Đời sống canh tác nông nghiệp tương đối ổn định, tính lưu động nhỏ, dễ dàng dịnh cư, thêm hoàn cảnh sinh thái tương đối đóng kín. Vì thế, tính lưu động, di chuyển của chủ thể tộc Hoa Hạ khá nhỏ, "Giữ gìn đất đai, ngại việc di chuyển" (Thủ thổ trọng thiên), có mặt bảo thủ. Khảo sát từ thể chất và tố chất con người, tố chất cơ thể của chủ thể Hoa Hạ vẫn không khỏe mạnh bằng dân tộc Mông Cổ du mục trên cao nguyên (bất kể là nam hay nữ).

Dân tộc du mục lưu động di chuyển trên thảo nguyên "Trời xanh xanh, đồng mênh mang" rộng lớn, rèn luyện thể phách dũng mãnh thô hào và cơ thể linh hoạt thiện xạ. Họ thường túa xuống phía nam, cướp đoạt lương thực, áo quần và phụ nữ ở các khu vực nông nghiệp. Tình hình này sử sách không ngừng ghi chép. Vương triều Trung nguyên rất khó đánh dẹp lực lượng

hữu sinh của dân du mục. Lý do hình thành của tình hình này có nhiều phương diện, nhưng thể chất dân Trung nguyên ốm yếu, giữ đất luyến gia không thể không là một trong những nguyên nhân quan trọng.

Đáng buồn hơn là chế độ nền tảng trong quan hệ giữa con người theo quy phạm lễ giáo và đạo đức định hình từ thời nhà Chu lợi dụng điều kiện nơi ở cách ly nam nữ, để tiện cho "Nam nữ thụ thụ bất thân" (Trai gái không trực tiếp đưa đồ vật cho nhau), định ra rất nhiều thanh quy giới luật "Nội ngoại hữu biệt" (Trong ngoài có phân biệt), "Nội ngôn bất xuất vu khổn, ngoại ngôn bất nhập vu khổn" (Lời trong không ra khỏi cửa phòng, lời ngoài không vào tới cửa phòng) vân vân, nhốt kín phụ nữ mà đặc biệt là phụ nữ tầng lớp trên nơi lầu thêu khuê các, bên trong "Nhà vàng" khiến họ cổng lớn không tới, cổng nhỏ không vượt. Đến nỗi thể chất phụ nữ tầng lớp trên ở Trung Quốc ngày càng suy yếu. Thời Tống trở đi, trong quan niệm về cái đẹp của phụ nữ hình thành quan niệm cái đẹp bệnh hoạn của phụ nữ "yếu không chịu nổi gió", "chim nhỏ dựa người", dẫn tới thể chất dân tộc bị nhược hóa thêm một bước.

Sự phát triển của sức sản xuất, sự tiến bộ của nông nghiệp khiến gia đình phụ hệ có thể trở thành đơn vị sản xuất và đơn vị sinh hoạt. Nông nghiệp bảo đảm cơ bản việc cung cấp tư liệu sinh hoạt cho gia đình, gia đình theo chế độ phụ quyền một chồng một vợ nhiều thiếp phát triển trên nền tảng canh tác nông nghiệp.

Đặc điểm cơ bản của thể chế hôn nhân gia đình theo chế độ phụ quyền một chồng một vợ nhiều thiếp là :

Thứ nhất, hôn nhân lấy tài sản tư hữu làm cơ sở, gia đình trở thành đơn vị cơ bản của hai loại sản xuất là sản xuất vật chất và sản xuất con người. Gia

đình tính toán thế hệ theo phụ hệ, tài sản và quyền lực lưu truyền, kế thừa theo phụ hệ (đàn ông), phụ nữ bị tước đoạt quyền kế thừa tài sản và quyền lực. Phụ nữ sau khi lấy chồng theo về nhà chồng, trở thành người được nuôi dưỡng, phải nhờ gia đình chồng cung cấp tư liệu sinh hoạt. Vì vậy, địa vị của phụ nữ bị hạ thấp, trở thành nô bộc và công cụ tình dục cho đàn ông.

Ngôi vua của vương triều nhà Hạ khai sáng văn minh Hoa Hạ bắt đầu từ vua Ngu đến vua Kiệt tổng cộng truyền qua 16 đời. Trong đó có 13 vua truyền ngôi cho con trai, 2 vua truyền ngôi cho em trai, 1 vua truyền ngôi cho con anh trai, về cơ bản "Cha mất con nối" (Phụ tử tử thừa) là chủ, "Anh chết em thay" (Huynh chung đệ cập) là phụ. Ngôi vua hoàn toàn truyền nối giữa đàn ông (cha con anh em), còn vợ và con gái căn bản bị gạt ra khỏi việc kế thừa ngôi vua. Vương triều nhà Thương truyền qua bốn 44 đời vua, về cơ bản cũng lấy "Cha mất con nối" là chủ, "Anh chết em thay" là phụ, tuyệt đối loại trừ phụ nữ. Phụ quyền trong chế độ kế thừa ngôi vua truyền thống biểu hiện tới mức tối cao vô thượng. Thời Chu tài sản và quyền lực chiếu theo nguyên tắc "phân biệt đích thứ, tôn người tôn, thân người thân, sơ kẻ sơ" (3) nghiêm ngặt theo đẳng cấp mà phân phối hay tái phân phối, càng tuyệt đối loại trừ phụ nữ. Nguyên tắc kế thừa của gia đình quý tộc và vương thất tương tự nhau. Giới bình dân trên đại thể cũng là cha con chuyển quyền thừa kế. Sau đó, chế độ thừa kế theo phụ hệ vẫn tiếp tục kéo dài đến thời cận đại.

(3) Xem thêm *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu*, tr. 94, 95, 138

Sự truyền thừa tài sản, quyền lực theo phụ hệ, đó là nguyên nhân cơ bản khiến địa vị của phụ nữ bị hạ thấp. Do địa vị bị hạ thấp, địa vị chủ thể thẩm mỹ của phụ nữ cũng mất theo. Phụ nữ mất đi quyền tự chủ trong hôn nhân và quyền chọn lựa bạn đời. Họ không có quyền xem xét khảo sát sự đẹp xấu thiện ác của bạn đời.

Thứ hai, người đàn ông, đặc biệt là gia trưởng, để đảm bảo tài sản và quyền lực gia đình được chuyển giao và kế thừa cho con cháu của mình, ắt phải bảo đảm được rằng con cái do thê thiếp sinh ra đúng là con của mình. Để bảo đảm sự thuần khiết này, sẽ phải yêu cầu thê thiếp không quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, yêu cầu phụ nữ trong quan hệ tình dục phải "chuyên nhất" - giữ trinh tiết. Vì thế nảy sinh đạo đức tình dục phù hợp với thể chế hôn nhân, gia đình loại này - hoạt động tình dục của mọi người phải được chế ước và chi phối bởi hôn nhân, nếu không sẽ không được xã hội tiếp thụ hay thừa nhận.

Để ngăn chặn triệt để hoạt động tình dục trước và ngoài hôn nhân của phụ nữ, chỉ có một biện pháp là phong bế phụ nữ. "Nam nữ hữu biệt" (Nam nữ có sự cách biệt) của *Chu lễ* đầu tiên chỉ "nam nữ phân biệt" trong hôn nhân, để tiện thực hành "Đồng tính bất hôn" (cùng họ không lấy nhau), về sau thì cường điệu lấy nơi ở trong ngoài để ngăn cách nam nữ, để tiện thực thi "Nam nữ đại phòng". Việc thực thi Nam nữ đại phòng, chủ yếu là phong bế, cấm đoán phụ nữ. Từ đó, thượng uyển hoàng cung giam cầm trăm ngàn mỹ nữ cung đình, khuê các lầu thêu giấu kín rất nhiều danh môn khuê tú, đình viện thâm sâu giam cầm vô số tiểu gia bích ngọc. Chỉ có nhà tranh cổng tía mới

không cấm được phần đông giai cấp lao động trâm gai áo vải.

Cấm đoán giam cầm phụ nữ là nguyên nhân căn bản khiến thể chất phụ nữ Trung Quốc từng bước yếu dần, lại là nguyên nhân căn bản của sự diễn biến từ cái đẹp chất phác khỏe mạnh của phụ nữ Trung Hoa qua cái đẹp yếu ớt bệnh hoạn. Cấm đoán giam cầm phụ nữ làm đứt gãy nghiêm trọng xu hướng lịch sử của cái đẹp phụ nữ Trung Quốc.

Thứ ba, chế độ hôn nhân gia đình một chồng một vợ là người đàn ông lưu giữ khá nhiều đặc quyền tự do và thống trị phụ nữ. Trong hôn nhân, kẻ thống trị đàn ông thực hành chế độ thê thiếp, chế độ đa thiếp, mà còn là hợp lễ, hợp pháp. *Chu lễ* qùy định Thiên tử một vợ mười hai thiếp, chư hầu chín thiếp, quý tộc khác theo thứ tự giảm dần. Từ thời Tần Hán trở đi, hoàng đế là người thống trị tối cao, ra sức phát triển chế độ thê thiếp, còn chế định chế độ khuôn mẫu tuyển chọn hậu phi hoàn chỉnh, khiến chế độ đa thê lan tràn một cách xấu xa.

Ngoài hôn nhân, đàn ông là kẻ thống trị, từ quan lại sĩ đại phu tới tài tử phong lưu đều lấy việc chơi gái, đùa giỡn con gái nhà lành làm sự phong lưu văn nhã.

Vì thế, kẻ thống trị đàn ông từ chỗ chủ thể thẩm mỹ tha hóa trở thành chúa tể thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ, quan niệm, thị hiếu thẩm mỹ của họ quyết định hoặc ảnh hưởng tới tiêu chuẩn thẩm mỹ và xu hướng thẩm mỹ về cái đẹp phụ nư, phụ nữ bị tước đoạt địa vị chủ thể thẩm mỹ, bị tha hóa làm khách thể thẩm mỹ đơn thuần của đàn ông, "Nét đặc biệt của loài người là tách rời kết cấu phục hợp, thân phận song trùng chủ thể và khách thể thẩm mỹ của phụ nữ,

cho đàn ông tiếm thủ và độc bá địa vị chủ thể thẩm mỹ", khiến phụ nữ trở thành "đối tượng quan chiếu thẩm mỹ đơn thuần, không khác một công cụ sinh vật cá thể của đàn ông" (4).

Sự cao thấp của địa vị quyền lực và kinh tế quyết định mức độ làm chủ của đàn ông đối với phụ nữ. Quyền lực càng lớn, tiền bạc càng nhiều, thì việc chọn lựa, bá chiếm, đùa giỡn mỹ nữ phạm vi càng lớn, số lượng càng đông.

"Ngàn hồng đều khóc", "Muôn đẹp cùng sầu", một pho lịch sử cái đẹp phụ nữ trong thực tế chẳng qua là lịch sử kẻ thống trị đàn ông các đời ở nước ta, đặc biệt là kẻ thống trị tối cao tuyển chọn, bá chiếm, cướp đoạt, đùa giỡn, chà đạp cái đẹp của phụ nữ, là một bộ sử máu và nước mắt của mỹ nữ Trung Hoa.

Thứ tư, lấy học thuyết "Càn khôn", "Âm dương" làm căn cứ, bắt đầu từ "Lễ giáo nhà Chu", đã chế định quy phạm hành vi đạo đức của phụ nữ bao gồm "Nam tôn nữ ty", "Chồng là giềng mối của vợ" (Phu vi thê cương), "Tam tùng tứ đức" làm nội dung chủ yếu, hình thành một loại "học vấn phụ nữ", "lễ giáo" trói buộc, hạn chế phụ nữ về tinh thần và thể xác, trở thành một loại gông xiềng đặc sắc của Trung Quốc tròng lên cổ phụ nữ. Loại gông xiềng tinh thần này trực tiếp ảnh hưởng, giới hạn, chế định xu hướng lịch sử của quan niệm về cái đẹp phụ nữ ở Trung Quốc, khiến trong phụ nữ Trung Quốc thời cổ hình thành đặc trưng chủ yếu là ôn nhu, hòa thuận ít nói, điển nhã và cái đẹp trung hòa, cái đẹp hàm súc tức cái đẹp phụ nữ phương Đông khiến người ta say mê, nhưng là cái đẹp thiếu nhiệt tình thẳng thắn, phóng khoáng.

(4) *Phụ nữ mỹ học tân luận*, tr. 161

Phụ nữ vẫn có năng lực thẩm mỹ, phụ nữ cũng truy cầu cái đẹp, truy cầu cái đẹp của đàn ông, nhưng họ bị tước mất quyền chủ động và quyền tự chủ thẩm mỹ. Phụ nữ không có quyền chọn chồng, hôn nhân là do trời định, đều là nghe lệnh cha mẹ, lời mai mối, phụ nữ mất đi tính tự do, phải "theo chồng trọn đời", không được có quan hệ tình dục và tình yêu ngoài hôn nhân. Các phụ nữ vì không thể được chọn lựa cái đẹp ngoài hôn nhân, rơi rụng làm kỹ nữ, tuy cũng có sự tự do tình dục và cơ hội tuyển chọn người khác giới nhất định, nhưng họ chủ yếu là đối tượng cho đàn ông cùng đùa giỡn, thưởng thức, rơi vào chỗ bị làm nhục, bị đùa giỡn. Cái đẹp hình thể của họ hoàn toàn trở thành đối tượng thẩm mỹ và đối tượng thưởng thức của đàn ông có quyền thế.

"Lòng yêu cái đẹp, ai ai cũng có", phụ nữ sau khi bị mất quyền tự chủ và quyền chủ động trong việc đánh giá cái đẹp của đàn ông họ lại đem thị hiếu thẩm mỹ của mình tập trung vào việc trang sức, y phục và thể thái để làm đẹp cho mình, vả lại còn theo yêu cầu của kẻ thống trị đàn ông mà làm đẹp. "Vua Sở thích lưng ong", cung nhân liền nhịn ăn để gầy bớt, gây ra hậu quả "Cung nữ nhiều người đói mà chết", đàn ông thích bàn chân nhỏ, phụ nữ liền liều mạng bó chân. "Nữ vị duyệt kỷ giả dung" (Phụ nữ trang điểm vì người yêu mình), ngay cả dung mạo đẹp đẽ cũng là để đàn ông nhìn ngắm. Tóm lại cái đẹp trang sức của phụ nữ cũng trở thành phẩm vật để thưởng thức "chuyên dùng" của đàn ông.

Thứ năm, chủ thể của dân tộc Hoa Hạ lấy canh tác nông nghiệp làm gốc, trong điều kiện định cư, hình thành hình thái kinh tế tự nhiên phân công theo giới

tính "Đàn ông cày ruộng, đàn bà dệt vải". Từ thời Hạ Thương trở đi, phụ nữ lợi dụng các loại cây như đay, gai để lột vỏ dệt vải may áo, lại học cách nuôi tằm lấy tơ. Các loại sản phẩm tơ lụa tinh xảo đẹp đẽ, mềm mại nhẹ nhàng, mềm mại ấm áp, thoải mái, cung cấp quần áo sang trọng cho kẻ thống trị tầng lớp trên ở Trung Quốc cũng làm tăng thêm thần thái phiêu dật, hình thành cái đẹp trang sức của phụ nữ Trung Quốc thời cổ.

Cách cục phân công lao động theo giới tính "Đàn ông cày ruộng, đàn bà dệt vải" cũng khiến phụ nữ, tức phụ nữ lao động bị hạn chế trong gia đình hoặc nhà cửa, làm việc dệt vải và gia vụ, "Duy tửu thực thị nghi" (Lo cơm nước khéo việc nhà) hạn chế rất lớn phạm vi hoạt động và tầm mắt của phụ nữ, ảnh hưởng tới sự rèn luyện và cải thiện tố chất của phụ nữ, là nguyên nhân quan trọng trong việc hình thành quan niệm "Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp" (Nữ dĩ nhược vi mỹ), dẫn tới cái đẹp yếu ớt, cái đẹp bệnh hoạn của phụ nữ.

Tóm lại, kết cấu gia đình theo chế độ phụ quyền và quy phạm xã hội tương ứng, cách cục về sự phân công theo giới tính trong gia đình trên cơ sở kinh tế nông nghiệp tự nhiên đã dẫn tới sự hạ thấp địa vị của phụ nữ, từ đó lại dẫn tới việc phụ nữ mất đi địa vị chủ thể thẩm mỹ. Từ đó, phụ nữ trở thành "khách thể thẩm mỹ" và "vưu vật" bị cướp đoạt cái đẹp, bị giam nhốt trong nội bộ gia đình.

2. Cướp đoạt cái đẹp

Theo với sự phát triển của chế độ tư hữu, chiến tranh và việc cướp bóc cũng liên tiếp xảy ra. Gái đẹp

cũng như đất đai, tiền bạc của cải trở thành đối tượng cướp bóc.

Đầu thời Hạ có con gái họ Hữu Nhưng, tên Huyền Hồ, còn gọi là Thuần Hồ, lớn lên mái tóc đen mượt, đen nhưng rất đẹp, nàng trước sau bị ba người đàn ông bá chiếm, bị đàn ông tranh đi cướp lại (5).

Vua Khải nhà Hạ truyền ngôi cho Thái Khang. Thái Khang chỉ lo dâm nhạc, bị Hậu Nghệ họ Hữu Cùng người Đông Di đuổi đi, đây chính là câu chuyện "Thái Khang mất nước" trong lịch sử. Không bao lâu, Hậu Nghệ chìm đắm trong việc săn bắn, trọng dụng người xấu là Hàn Túc. Hàn Túc thông gian với Thuần Hồ vợ Hậu Nghệ, giết chết Hậu Nghệ. Hàn Túc bá chiếm được thê thiếp của Hậu Nghệ (6).

Ba người vợ của vua Kiệt nhà Hạ đều là cướp đoạt được "Ngày trước Kiệt đánh Hữu Thi, người Hữu Thi dâng Muội Hỷ", "Về sau Kiệt đánh Mân Sơn, người Mân Sơn hiến hai người con gái là Uyển và Diễm" (7).

Trong bốc từ thời Thương, vua nhà Thương gọi vợ của cha là thiếp, đồng thời cũng gọi các nữ nô (tù binh trong chiến tranh) là thiếp. Rất có thể số vợ được gọi là thiếp của vua nhà Thương này là những người xinh đẹp tuyển chọn được trong các nữ nô. Lấy nữ nô xinh đẹp làm thiếp, số thiếp này là cướp đoạt được trong chiến tranh. Đát Kỷ được vua Trụ nhà Thương sủng ái cũng là bị cướp "Vua Ân đánh Hữu Tô, họ Hữu Tô hiến Đát Kỷ" (8). Bao Tự được Chu U vương sủng ái là mỹ nữ mà U vương cướp đoạt được sau khi đánh nước Bao.

(5) *Tả truyện, Chiêu công nhị thập bát niên* và *Sở từ, Thiên vấn.*

(6) *Tả truyện, Tương công tứ niên.*

(7) *Quốc ngữ, Tấn ngữ, Trúc thư kỷ niên.*

(8) Lưu Hướng, *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt truyện, Chú.*

Ngoài ra, việc cống nạp dâng hiến mỹ nữ cũng là việc thường xảy ra. "Cửu hầu có con gái đẹp, dâng cho vua Trụ", vua Trụ bắt giam Tây bá Chu Văn vương, "Bề tôi của Tây bá là bọn Hoằng Yêu, tìm gái đẹp vật lạ ngựa hay hiến cho Trụ, Trụ bèn tha Tây bá" (9), Vua Kiệt nhà Hạ "Bỏ hết lễ nghi, gian dâm phụ nữ, đòi Khương nữ đưa vào hậu cung" (10). Số mỹ nữ ở hậu cung này có quá nửa là bị bắt trong chiến tranh, hoặc do chư hầu cống hiến. Bất kể là bị bắt hay được cống, cũng đều bị đối xử như đồ chơi.

Giữa các chư hầu thì lấy mạnh lấn yếu, diệt nước người, cướp vợ và con gái người. Sở Văn vương nghe nói Tức quân phu nhân xinh đẹp, bèn ra quân đánh nước Tức, bắt Tức quân và Tức phu nhân, "cưới phu nhân mà đưa vào cung" (11), khiến Tức phu nhân và Tức quân cùng tự sát.

Hay như giữa chủ nô và quý tộc cũng có việc lấy mạnh hiếp yếu, cậy lớn khi nhỏ, cướp vợ của người. Thái tể nước Tống Hoa Phủ Đốc, trên đường gặp Khương thị vợ của Tư mã Khổng Phủ Gia dưới quyền, thấy vợ họ Khổng xinh đẹp, sinh lòng thèm muốn, nói "Xinh đẹp mà lộng lẫy". Năm sau, Hoa Phủ Đốc giữa ban ngày ban mặt đem gia tướng xông vào nhà giết Khổng Phủ Gia, cướp vợ Khổng Phủ Gia, thu làm thị thiếp. Lỗ Trang công trên Cao đài phát hiện ra Mạnh Nhiệm con gái của nhà họ Đảng, dung mạo phi phàm, bèn ép cưới nàng làm phu nhân. Tề Ý công lúc còn là Thái tử, thấy Khương tử vợ thường dân Diêm Chức xinh đẹp, bèn cướp về làm vợ. Công tử Vi nước Sở, phát hiện

(9) *Sử ký, Ân bản kỷ.*

(10) Lưu Hướng, *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt truyện, Chú.*

(11) *Liệt nữ truyện, Tức quán phu nhân.*

vợ Đại tư mã Vĩ Yểm xinh đẹp, bèn giết Vĩ Yểm cướp vợ và toàn bộ gia sản (12).

Quá đáng hơn, còn có chuyện anh họ cướp vợ em họ. Công Tôn Hắc nước Trịnh nghe nói em họ là Công Tôn Sở hỏi cưới một cô nương xinh đẹp, bèn cậy mình là anh họ, lại là Thượng đại phu, sai người đưa sính lễ tới đòi cưới tiểu thư xinh đẹp kia. Anh nàng là Từ Ngô Phạm biết sự tình khó thu xếp, bèn xin quan chấp chính nước Trịnh là Tử Sản làm chủ. Tử Sản nói để cô nương kia tự lựa chọn. Cô nương chọn Công Tôn Sở. Không ngờ sau khi cưới, Công Tôn Hắc công nhiên mặc giáp sấn vào nhà cướp người, bị Công Tôn Sở đánh lui. Họ lại tìm tới Tử Sản xin phân xử. Tử Sản lại nói "Tuổi nhỏ chức thấp là có tội, tội là do Công Tôn Sở". Công Tôn Hắc là Thượng đại phu, lại là tộc huynh, làm y bị thương là người dưới phạm kẻ trên, người nhỏ phạm kẻ lớn. Kết quả Công Tôn Sở bị trục xuất qua nước Ngô, còn Công Tôn Hắc thì tiêu dao ngoài vòng pháp luật (13). Nguyên là trong thời đại nô lệ, người sang, người lớn cướp vợ của kẻ hèn, kẻ nhỏ là hiện tượng bình thường, là cậy vào sự bảo vệ của chế độ đẳng cấp phân biệt sang hèn, lớn nhỏ, trên dưới. Không cần nói giữa quý tộc, vương giả với bình dân, ngay cả giữa chủ nô và quý tộc cũng thế. Tóm lại, quyền thế càng lớn thì cơ hội bá chiếm, cướp đoạt vợ người khác càng lớn, số mỹ nữ độc chiếm được càng đông.

(12) *Tả truyện, Hoàn công nhị niên, Trang công tam thập nhị niên, Văn công thập bát niên, Tương công tam thập niên.*

(13) *Tả truyện, Chiêu công nguyên niên.*

Vì thế việc cha cướp vợ con, anh chiếm vợ em đều trở thành chuyện bình thường. Ví dụ con trai Vệ Tuyên công là Cấp Tử "Cưới vợ người nước Tề, rất xinh đẹp, công bèn chiếm đoạt" (14), lấy con dâu làm vợ. Thái Cảnh hầu cưới một cô gái nước Sở cho con trai, thấy con dâu xinh đẹp, bèn Gạt tro (Bát khôi) (15). Sở Bình vương cưới vợ người nước Tần cho Thái tử Kiến, nghe nói con dâu xinh đẹp vô song, bèn ra đón dâu trên đường, cưới làm phu nhân của mình (16). Cũng có người cướp vợ của em trai, Lỗ Mục bá hỏi cưới con gái nước Cử cho em trai là Xương Trọng. Ông ta tới nước Cử hội minh, nhân thể nghênh hôn, nhưng tới Yển Lăng "Lên thành gặp, thấy đẹp, bèn cưới làm vợ mình" (17).

Ngoài ra, vì mỹ nữ mà nội bộ giai cấp thống trị dâm loạn xấu xa, đâu đâu cũng thế : con trai thông dâm với mẹ kế, cha gian dâm con dâu, thậm chí anh trai thông gian với em gái, có người gian dâm thê thiếp của nhau, có khi vua tôi cùng gian dâm với một phụ nữ. Đủ chuyện xấu xa, không gì không có.

Những phụ nữ bị đàn ông tranh đi cướp lại ấy, có một đặc điểm chung, đó chính là "đẹp", có khi "xinh đẹp mà lộng lẫy", là "trời sinh xinh đẹp", "quốc sắc thiên hương", tức có đủ cái đẹp tự nhiên, cái đẹp bên ngoài của phụ nữ. Đương thời, mọi người gọi cái đẹp bên ngoài, cái đẹp dung mạo của phụ nữ là "sắc" hoặc "nữ sắc". Vì "nữ sắc" có thể đưa tới cho đàn ông sự hưởng thụ mỹ cảm và sự hưởng lạc "tính dục", nên

(14) *Tả truyện, Hoàn công thập lục niên.*
(15) *Tả truyện, Tương công tam thập niên.*
(16) *Tả truyện, Chiêu công thập cửu niên.*
(17) *Tả truyện, Văn công thất niên.*

giống như dâm nhạc, săn bắn, đua chó, đua ngựa cung cấp cho kẻ thống trị sự hưởng lạc, "mỹ sắc" cũng trở thành vật giải trí và đồ chơi "tính dục" của kẻ thống trị và kẻ có quyền thế, trở thành đối tượng tranh đoạt của kẻ thống trị đàn ông.

Nhưng thứ nhất, "nữ sắc" rốt lại là những con người sống, họ không những "mê hoặc" chủ nhân mà còn có thể can thiệp vào chính trị, tham dự chính trị, mang tới một nguy cơ cho kẻ thống trị đàn ông, thứ hai, việc tranh cướp "nữ sắc" thường dẫn tới những mâu thuẫn giữa kẻ thống trị đàn ông, gây ra nội loạn trong quốc gia và họa loạn trong nội bộ gia tộc, phá hoại và làm suy yếu sự thống trị của đàn ông, ảnh hưởng tới sự yên ổn lâu dài của kẻ thống trị.

Vì thế, kẻ thống trị đem tội danh họa quốc loạn gia trút hết lên đầu những phụ nữ bị cướp đoạt, chế tạo ra "Nữ họa luận" (Thuyết đàn bà là mối họa), đồng thời xây dựng khuôn mẫu "mẫu nghi" vợ tốt mẹ hiền, từ cả hai mặt chính diện và phản diện quy định về tư tưởng, ngôn luận, hành vi, cử chỉ của phụ nữ.

Từ khi bước vào thời đại văn minh, bắt đầu từ vương triều nhà Hạ, mâu thuẫn về đức và sắc của phụ nữ, tức mâu thuẫn giữa cái đẹp bên trong và cái đẹp bên ngoài của phụ nữ đã xuất hiện. Mâu thuẫn này xuyên suốt lịch sử văn minh Trung Hoa, kéo dài đến tận ngày nay. Trong thực tế đây chính là biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giữa cái Mỹ và cái Thiện trong lịch sử mỹ học. Đúng như tác giả *Trung Quốc mỹ học sử* đã nêu ra, mâu thuẫn giữa cái Mỹ và cái Thiện "Từ lịch sử mỹ học Trung Quốc mà nói, sự trở đi trở lại của mâu thuẫn này chính là biểu hiện của mâu thuẫn

giữa việc truy cầu cái đẹp thanh sắc và yêu cầu đạo đức luân lý của xã hội" (18).

Mỹ học Nho gia chủ trương cái mỹ và cái thiện thống nhất, nhưng trọng thiện khinh mỹ, trong vấn đề phụ nữ thì biểu hiện ở chỗ trọng đức khinh sắc. Trọng đức khinh sắc cũng chính là đặc điểm của cái đẹp phụ nữ thời Tiên Tần. Mà "Ba mẫu hậu nhà Chu" là điển hình về cái đẹp đạo đức của phụ nữ thời Tiên Tần.

3. "Ba mẫu hậu nhà Chu" – điển hình về cái đẹp đạo đức của phụ nữ

Trước khi giới thiệu "Ba mẫu hậu nhà Chu", chúng ta hãy khảo sát vấn đề cái đẹp phụ nữ thời Hạ Thương.

Liệt nữ truyện của Lưu Hướng thời Hán xếp Nga Hoàng, Nữ Anh vợ Thuấn, Khương Nguyên mẹ Khí, Giản Địch mẹ Khiết, Đồ Sơn thị mẹ Khải và Hữu Vụ phi tử của Thang cùng "Ba mẫu hậu nhà Chu" vào loại "Mẫu nghi", làm "điển hình hoặc tấm gương về người mẹ". Sự tích của họ, có người là giúp đỡ chồng làm nên sự nghiệp, có người là dạy dỗ con trai trở thành "nhân tài", chính là cái mà đời sau gọi là Giúp chồng dạy con (Tướng phu giáo tử).

Phụ nữ thời Thương tuy đã mất đi quyền thừa kế theo thế hệ mẫu hệ, trở thành phụ dung của đàn ông, nhưng phụ nữ quý tộc thời Thương, đặc biệt là vương phụ, còn bảo lưu được quyền lợi kinh tế, quyền lực quân sự nhất định, còn tham gia vào việc tế tự và chỉnh lý

(18) Nhóm Lý Trạch Hậu, *Trung Quốc mỹ học sử* (Lịch sử mỹ học Trung Quốc), Trung Quốc Xã hội khoa học xuất bản xã, 1984, quyển 1, tr. 137

Giáp cốt văn. Như Phụ Hảo, một trong những người vợ của Vũ Đinh, từng suất lĩnh quân đội chinh phạt các bộ tộc lân cận chung quanh nhà Thương như Khương Phương, Đông Di, Thổ Phương, Ba Phương, còn chủ trì hoạt động tế tự quan trọng, như chủ trì việc hựu tế, chá tế* và tân tế.

Ngoài ra, các vương phụ nhà Thương lại có đất phong, họ còn phải quản lý việc sản xuất nông nghiệp ở đất phong.

Phụ Hảo vợ Vũ Đinh không chỉ có tiếng tăm vang dội trong bốc từ, mà ngôi mộ của bà cũng chứng minh lúc sinh tiền bà là một nhân vật hiển hách. Vật tùy táng trong mộ Phụ Hảo phong phú tinh xảo, tổng số lên tới 1.928 hiện vật, bao gồm vật dùng bằng đồng, ngọc, đá, gốm, xương, ngà, mã não pha lê, trong đó vật dùng bằng đồng có tới 468 cái, có hơn 130 món binh khí, thanh đại đồng phủ trong đồ đồng nặng hơn 9 kg, cho thấy bà nắm đại quyền về quân sự, nam chinh bắc chiến, chiến công lẫy lừng.

Những hiện vật khai quật được từ mộ Phụ Hảo và lời bốc từ về hoạt động của bà tựa hồ phác ra cho chúng ta chân dung một phụ nữ quý tộc cao sang xa xỉ mà sát phạt quyết đoán. Nhìn từ các hoạt động tế tự, chinh chiến, quản lý nông nghiệp của bà, thì Phụ Hảo hoàn toàn không phải là một cô gái yếu ớt không chịu nổi gió, mà là một nhân vật cao sang xa xỉ mà vũ dũng hào sảng, là hình tượng một vị nữ trung hào kiệt.

Từ hoạt động của Phụ Hảo có thể nhìn thấy bà vẫn là một "nhà hoạt động xã hội", tham gia các hoạt động xã hội như chinh chiến, tế tự, quản lý nông nghiệp đương thời. Trong bốc từ còn có những ghi chép về con

cái của Phụ Hảo, đó là tình hình hoạt động "gia vụ" của bà.

Tóm lại, từ tình hình Phụ Hảo và các vương hậu nhà Thương mà nhìn thì phụ nữ quý tộc thời Thương tham gia cả hoạt động xã hội, hoạt động gia vụ, đóng cả hai vai trò "vai trò trong xã hội" và "vai trò trong gia đình". Vì thế hình tượng của họ không chỉ đơn thuần là hình tượng phụ nữ trong gia đình. Cái đẹp ở họ còn có cả cái đẹp sôi động, cái đẹp vũ dũng của người hoạt động xã hội. Thể phách của họ cũng khá khỏe mạnh to lớn, tố chất cứng cáp.

Nhưng "Ba mẫu hậu nhà Chu" điển hình của phụ nữ thời Chu thì hoàn toàn là điển hình về "vai trò trong gia đình".

Thời Chu đề xướng việc tôn sùng người mẹ, hiếu với cha mẹ. Tôn mẹ là tôn trọng chức trách người mẹ, tôn trọng công lao sinh nở, nuôi dạy con cái, là tiền đề của việc kế thừa và mở mang gia tộc. Đồng thời yêu cầu người mẹ phải hiền lương, giữ lễ pháp, nếu không sẽ không được tôn trọng, sẽ bị đánh đập và khiển trách.

Thực chất của việc tôn sùng người mẹ là gắn chặt người phụ nữ vào gia đình, để phụ nữ hoàn thành chức trách làm mẹ làm vợ. Từ đó phụ nữ mất đi chức năng "vai trò trong xã hội" mà phát huy mạnh chức năng "vai trò trong gia đình". "Ba mẫu hậu nhà Chu" chính là ba điển hình về "vai trò trong gia đình" của vương triều nhà Chu, khuôn mẫu về cái đẹp đạo đức, là "đội tiêu binh" của những mẹ hiền vợ tốt trong tương lai.

"Ba mẫu hậu nhà Chu" tức Thái Khương vợ Cổ Công Đãn Phủ (tức Thái vương), mẹ Vương Quý ; Thái

Nhâm vợ Vương Quý, mẹ Chu Văn vương ; Thái Tự vợ Văn vương.

Thái Khương là con gái Thai thị, được gả làm phi của Cổ Công Đãn Phủ. *Liệt nữ truyện, Mẫu nghi, Chu thất tam mẫu* của Lưu Hướng chú Thái Khương "Có sắc đẹp mà trinh thuận", "Hiền mà có sắc". Xem ra Thái Khương là một phụ nữ đức sắc kiêm toàn, xinh đẹp mà thiện lương. Công nghiệp chủ yếu của bà là sinh ra ba con trai Thái Bá, Trọng Dung, Vương Quý, lại đều dạy dỗ cả ba con thành người hiền đức, "Thái vương tính toán công việc, dời đổi chỗ ở, ắt bàn với Thái Khương", Thái Khương còn là người trợ thủ đắc lực, người mưu sĩ tốt cho chồng, Thái vương mỗi khi gặp việc lớn hoặc giả quyết định bộ tộc có dời đổi chỗ ở hay không, đều phải bàn với Thái Khương. Thái Khương "mở mang đức giáo".

Thái Nhâm là mẹ Chu Văn vương, là con gái thứ hai của Chấp Nhiệm thị. "Tính nết Thái Nhâm đoan trang thành tín, chỉ theo đức mà xử sự", chức năng chủ yếu của bà là giỏi việc "thai giáo". Lúc bà mang thai Văn vương, "Mắt không nhìn sắc ác, tai không nghe tiếng dâm, miệng không nói lời bậy" (19), sinh được Chu Văn vương thông minh dĩnh ngộ, "dạy một biết trăm", trở thành người sáng lập vương triều nhà Chu.

Thái Tự mẹ ruột Chu Vũ vương là con gái Sằn Tự thị hậu duệ của vua Đại Võ, "nhân đức mà hiểu đạo lý". Sau khi làm vợ Chu Văn vương, vô cùng hiếu thuận với mẹ chồng là Thái Nhâm và bà nội chồng là Thái Khương, "Sớm tối vất vả, trọn đạo làm dâu", được mọi người tôn kính gọi là "Văn mẫu". "Văn vương trị

(19) Lưu Hướng, *Liệt nữ truyện, Mẫu nghi, Chu thất tam mẫu.*

việc ở ngoài, Văn mẫu coi việc bên trong", giúp Văn vương quản lý việc nhà. Thái Tự còn là một bà mẹ "cao sản", sinh cho Văn vương mười con trai, bà "dạy dỗ mười con, từ nhỏ đến lớn, chưa từng thấy làm việc xấu xa", "cuối cùng thành toàn đức tốt cho Vũ vương, Chu công" (20). Thái Tự đã bồi dưỡng được hai vị minh quân, hiền thần khai quốc của vương triều nhà Chu.

Cống hiến chủ yếu của "Ba mẫu hậu nhà Chu" là : 1. "Sự dấy nghiệp của Văn vương, Vũ vương đều bắt đầu từ đó", họ sinh nở, dạy dỗ con tốt, có cống hiến cho sự hưng thịnh của nhà Chu. 2. Họ còn giúp đỡ chồng, giúp đỡ con hoàn thành đại nghiệp hưng bang kiến quốc. 3. Họ tuân thủ lễ giáo, hiếu thuận với cha mẹ chồng, giỏi sắp xếp quan hệ nội bộ gia đình. Tóm lại, là sinh con, nuôi con, dạy con, giúp đỡ chồng hoàn thành sự nghiệp, sắp xếp tốt quan hệ giữa người và người trong nội bộ gia đình, tuân thủ lễ giáo và đạo làm dâu, đó là điển hình phụ nữ mà nhà Chu xây dựng cho đời sau.

Đàn ông làm chủ bên ngoài, đàn bà làm chủ bên trong, sự phân công giữa nam nữ về công việc trong và ngoài gia đình "trong ngoài có phân biệt", xem ra bắt đầu từ thời nhà Chu. Từ đó phụ nữ làm chủ việc bên trong, chỉ đóng vai "chủ phụ trong gia đình" hoặc "phụ nữ trong gia đình", mà đánh mất "vai trò trong xã hội". Những quy phạm về đạo đức hành vi phụ nữ trong các sách vở về chức trách, đạo đức phụ nữ như *Nội tắc, Nữ giới* đời sau chẳng qua chỉ là quy phạm trong sinh hoạt gia đình của phụ nữ. Cái đẹp bên trong,

(20) *Liệt nữ truyện, Mẫu nghi.*

sự tu dưỡng của phụ nữ cũng được hun đúc từ "vai trò trong gia đình" của phụ nữ.

Còn như cái đẹp bên ngoài, cái đẹp hình thể, cái đẹp tự nhiên của phụ nữ thường bị hình thái ý thức chủ lưu của xã hội coi thường, biểu hiện qua sự trọng đức khinh sắc, vả lại còn chế tạo thuyết "Mỹ nữ họa thủy luận" (Thuyết Gái đẹp là mối họa) để thức tỉnh, cảnh cáo kẻ thống trị phải đúng mức trong chuyện nữ sắc.

4. Nguồn gốc và sự phát triển của "Mỹ nữ họa thủy luận"

"Mỹ nữ họa thủy luận" là kết luận lịch sử có tính chất phiến diện về kinh nghiệm lịch sử của ba vương triều Hạ, Thương, Chu. *Thượng thư, Hạ thư* đã cảnh cáo các bậc đế vương không được "Nội tác sắc hoang" (Bên trong hoang dâm vô độ), *Thương thư* khuyến cáo "Duy vương bất nhĩ thanh sắc" (Nhà vua không nên gần với thanh sắc), yêu cầu kẻ thống trị không được mê đắm nữ sắc quá độ, để khỏi gặp phải mối họa diệt quốc vong gia. Đến thời Chu đã từng bước hình thành "Nữ họa luận". Nhân vật đại biểu cho "nữ họa" là "người thầy phản diện" mà nhà Chu xây dựng cho đời sau.

Phi tử Muội Hỷ của vua Kiệt nhà Hạ là "đầu sỏ tai họa" thứ nhất, là vật hy sinh để gỡ tội làm mất nước của vua Kiệt nhà Hạ.

Muội Hỷ là mỹ nữ Kiệt cướp được lúc chinh phạt họ Hữu Thi. *Quốc ngữ, Tấn ngữ nhất* chép "Xưa vua Kiệt nhà Hạ đánh Hữu Thi, người Hữu Thi hiến Muội Hỷ".

Sau khi Muội Hỷ kết hợp với Hạ Kiệt, được Kiệt sủng ái. *Thái Bình ngự lãm*, quyển 82 dẫn lại *Đế vương thế kỷ* nói vua Kiệt "Ngày đêm cùng Muội Hỷ và cung nữ yến tiệc, thường đặt Muội Hỷ trên đầu gối". Lưu

Hướng trong *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Hạ Kiệt Muội Hỷ* nói Muội Hỷ "Đẹp về sắc mà bạc về đức, gây nghiệt vô đạo, phụ nữ mà có lòng đàn ông, muốn đeo kiếm đội mũ", Muội Hỷ thấy người ta say chết đuối trong Tửu trì thì "reo cười lấy đó làm vui". Tội trạng của Muội Hỷ chẳng qua là nàng làm đồ chơi trong tay vua Kiệt, bầu bạn yến tiệc với vua Kiệt mà thôi. Sau khi vua Thành Thang nhà Thương diệt nhà Hạ, "cho Kiệt và nghiệt thiếp Muội Hỷ lên thuyền thả trôi ra biển, đều chết ở núi Nam Sào" (21). Muội Hỷ sau cùng chết với vua Kiệt, lại trở thành tội nhân lịch sử "làm mất nhà Hạ".

"Kiệt phạt Mông Sơn, hà sở đắc yên? Muội Hỷ hà tứ, Thang hà cức yên?" (Kiệt đánh Mông Sơn, thu được những gì ? Muội Hỷ nào trái, Sao Thang giết đi ?" (22). Khuất Nguyên đối với việc "Muội Hỷ làm mất nhà Hạ" đã nêu ra nghi vấn.

Quốc ngữ, Tấn ngữ nhất nói "Muội Hỷ được sủng ái, lúc ấy cũng giống như Y Doãn trong việc làm mất nhà Hạ". *Thái Bình ngự lãm*, quyển 135 dẫn lại *Trúc thư niên kỷ* nói "Về sau Kiệt đánh Mân Sơn, người Mân Sơn hiến hai người con gái là Uyển và Diễm..., mà bỏ nguyên phi ở đất Lạc, gọi là Muội Hỷ thị. Muội Hỷ thị bèn giao kết với Y Doãn, làm nhà Hạ mất". Nguyên Hạ Kiệt lại bắt được hai người con gái Mân Sơn, bỏ rơi nguyên phi Muội Hỷ ở đất Lạc. Muội Hỷ vì bị Kiệt lạnh nhạt bèn câu kết với Y Doãn là gián điệp do nhà Thương phái tới, lật đổ vương triều nhà Hạ. Kiệt bị Thang đánh thua chạy, nhà Hạ mất. Từ đó mà nhìn, Muội Hỷ có "tội" với nhà Hạ nhưng có

(21) *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Hạ Kiệt Muội Hỷ.*
(22) *Sở từ, Thiên vấn.*

công với nhà Thương. Nàng giúp nhà Thương diệt nhà Hạ không những không được gì mà còn bị coi là đầu sỏ tai họa trong việc làm mất nhà Hạ. Muội Hỷ là một người bị lợi dụng, lại bị buộc vào tội danh nhục nhã "nữ họa".

Phi tử Đát Kỷ của của vua Trụ nhà Thương, là một nhân vật điển hình trong "Nữ họa luận".

Quốc ngữ, Tấn ngữ nhất nói "Vua Ân đánh Hữu Tô, Hữu Tô thị hiến Đát Kỷ. Đát đã được sủng ái, vì thế câu kết với Giao Cách làm mất nhà Ân". Đát Kỷ cũng không khác Muội Hỷ bao nhiêu, cũng là mỹ nữ bị cướp, giúp nhà Thương diệt nhà Ân. Lưu Hướng trong *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Ân Trụ Đát Kỷ* chú thích, nêu ví dụ về "tội trạng" của Đát Kỷ rằng Đát Kỷ "Đẹp mà khéo nói, dụng tâm hiểm độc, khoe khoang ưỡn ẹo, hung dữ ra mặt", là một phụ nữ có sắc đẹp mà không có đức hạnh, vua Trụ nhà Thương "Thích uống rượu hưởng lạc, không rời Đát Kỷ, Đát Kỷ khen ai thì người ấy được quý hiển, Đát Kỷ ghét ai thì người ấy bị giết chết", Trụ vương tin lời Đát Kỷ, cũng là tội lỗi của Đát Kỷ, Trụ vương tạo ra Tửu trì nhục lâm (ao rượu rừng thịt), sai người khỏa thân đuổi nhau trong đó để uống rượu suốt đêm, Đát Kỷ vô cùng vui vẻ, Trụ vương đặt ra hình phạt bào lạc, Đát Kỷ nhìn thấy cười lớn. Những "tội lỗi" ấy của Đát Kỷ nói cho cùng chẳng qua chỉ là giúp Trụ làm điều bạo ngược. Nhưng nàng lại trở thành đầu sỏ tai họa trong việc làm mất nhà Thương.

Chu Vũ vương trong bài *Mục thệ* tuyên bố lý do đánh Trụ nói "Người xưa có nói : gà mái không gáy báo sáng, gà mái mà gáy báo sáng thì đạo nhà suy

vi. Nay vua Thương chỉ theo lời đàn bà..." (23), coi việc nghe lời đàn bà là một tội lỗi của vua Trụ. Sau khi Vũ vương diệt nhà Thương, Trụ vương tự sát, "Vũ vương bèn thay trời trừng phạt, chém đầu Đát Kỷ, treo dưới một lá cờ trắng nhỏ, để tỏ ra rằng kẻ làm mất nhà Trụ là đàn bà" (24). Chu Vũ vương quy toàn bộ trách nhiệm làm nhà Thương diệt vong cho Đát Kỷ. Vũ vương là một người tích cực đề xướng và chế tạo ra "Nữ họa luận". Từ đó, Nữ họa luận bắt đầu lưu hành trong tầng lớp quý tộc nhà Chu.

Vương hậu Bao Tự của Chu U vương cũng là một điển hình "nữ họa".

Bao Tự là con nuôi của một người bán cung nghèo khổ không nơi nương tựa, được người đất Bao thu lưu nuôi dưỡng đến lớn. Về sau, "Chu U vương đánh Bao, người đất Bao hiến Bao Tự, Bao Tự được sủng ái, sinh Bá Phục" (25). Chu U vương sủng ái Bao Tự, bèn phế Vương hậu là con gái Thân hầu, lập Bao Tự làm Vương hậu, phế Thái tử Nghi Cữu, lập Bá Phục làm Thái tử. Chu U vương mê đắm Bao Tự, không ngó ngàng gì tới quốc sự. Bao Tự vẫn buồn bã không vui, U vương bèn trăm phương ngàn kế tìm cách khiến nàng cười : giặc Nhung tới, U vương sai đốt lửa trên Phong hỏa đài để báo động, chư hầu đều kéo quân tới cứu, Bao Tự bật cười. Vua muốn Bao Tự cười, mấy lần đốt lửa, chư hầu tới, không có giặc, Bao Tự càng cười lớn. Đến khi giặc tới thật, đốt lửa làm hiệu nhưng chư hầu không tới"

(23) *Thượng thư, Chu thư, Đỗ thệ.*
(24) *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Ân Trụ Đát Kỷ.*
(25) *Quốc ngữ, Tấn ngữ nhất.*

Vì Chu U vương phế con gái Thân hầu và Thái tử Nghi Cữu, nên Thân hầu bất mãn, bèn cùng liên quân Tăng, Tây Di, Khuyển Nhung tấn công U vương. U vương đốt lửa hiệu trên phong hỏa đài để trưng tập quân đội nhưng chư hầu không tới, nên bị giết dưới núi Ly Sơn, Bao Tự bị bắt. Thân hầu cùng chư hầu lập Thái tử Nghi Cữu tức Chu Bình vương. Bình vương đông thiên, nhà Tây Chu mất.

Sự diệt vong của nhà Tây Chu có quan hệ với việc U vương truất phế vương hậu và Thái tử, nhưng chủ yếu là kết quả của sự căng thẳng hóa các mâu thuẫn giai cấp đương thời. Người Chu lại đổ hết trách nhiệm về việc nhà Tây Chu diệt vong cho Bao Tự. "Hách hách tông Chu, Bao Tự diệt chi" (Nhà Chu hiển hách, Bao Tự làm mất) (26). *Thi, Đại nhã, Chiêm ngưỡng* miêu tả :

Triết phu thành thành
Triết phụ khuynh thành
Ý quyết triết phụ
Vi kiêu xi vi
Phụ hữu trường thiệt
Duy lệ chi giai
Loạn phỉ giáng tự nhiên
Sinh tự phụ nhân
Phải giảo phỉ hối
Thời duy phụ thị

(Trai giỏi lập nước
Gái giỏi nghiêng nước
Đàn bà giỏi kia
Như loài chim ác

(26) *Thi kinh, Tiểu nhã, Chính nguyệt.*

Đàn bà khéo nói
Chỉ gây loạn lạc
Loạn không phải tự trời
Loạn từ đàn bà
Không phải lời hay
Phải tự răn mình)

Ngoài ra phu nhân Nghi Khương của Vệ Tuyên công, phu nhân Văn Khương của Lỗ Hoàn công, phu nhân Ai Khương của Lỗ Trang công, phu nhân Ly Cơ của Tống Văn công cũng đều là "nữ họa" làm tan nhà mất nước.

Đặc biệt nhất là Hạ Cơ. Hạ Cơ là vợ Hạ Ngự Thúc đại phu nước Trần, mẹ Hạ Trưng Thư. Ngự Thúc chết sớm, Hạ Cơ "Dung mạo xinh đẹp không ai bì, biết thuật nội phòng nên đã già mà vẫn khỏe", vị quả phụ phong lưu này có sức khêu gợi và hấp dẫn người khác phái rất mạnh, từ nhà vua tới các đại phu có nhiều người điên đảo vì bà ta. Bà từng ba lần làm vương hậu, bảy lần làm phu nhân. "Công hầu tranh nhau, không ai không bị mê hoặc" (27). Hạ Cơ ở nước Trần tư thông cùng một lúc với ba người với Trần Linh công, đại phu Công Tôn Ninh, Nghi Hàng Phủ, mỗi khi Hạ Trưng Thư vào chầu rời nhà, bọn Trần Linh công lại thay phiên tới nhà họ Hạ vui vầy với Hạ Cơ. Hạ Cơ còn đem quần áo lót của mình tặng ba người tình nhân, mà bọn ba người Trần Linh công vô sỉ lại mặc trong người vào triều, lại công khai bàn luận chuyện phong lưu thông gian với Hạ Cơ ngay giữa triều. Có lần ba người bọn Trần Linh công tới nhà Hạ Trưng Thư uống rượu, công nhiên bàn cãi về việc Hạ Trưng Thư là con

(27) *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Trần Hạ Cơ.*

của ai trong ba người. Hạ Trưng Thư không chịu nổi sự nhục nhã, giết chết Trần Linh công, Công Tôn Ninh, Nghi Hàng Phủ trốn qua nước Sở. Sở Trang vương lấy đó làm cớ đem quân diệt nước Trần, giết chế Hạ Trưng Thư, bắt Hạ Cơ về.

Hạ Cơ tới nước Sở, vua tôi nước Sở bị sắc đẹp lộng lẫy của bà chinh phục. Sở Trang vương thấy Hạ Cơ xinh đẹp tuyệt luân, muốn nạp vào cung. Thân Công Vu Thần can nói "Không được, nhà vua đánh kẻ có tội, mà nạp Hạ Cơ là vì tham sắc, tham sắc là vì dâm, dâm là tội lớn, xin vương nghĩ lại". Sở vương thả Hạ Cơ. Tướng quân Tử Phản thấy Hạ Cơ xinh đẹp, cũng muốn bá chiếm. Thân Công Vu Thần lại khuyên Tử Phản : Hạ Cơ "là người bất tường, giết Ngự Thúc, giết Linh công, giết con trai Hạ, làm bọn Khổng, Nghi phải đào vong, làm mất nước Trần, thiên hạ rất nhiều người đẹp, cần gì phải lấy bà ta" (28). Tử Phản cũng nghe lời Vu Thần, thả Hạ Cơ.

Về sau Sở Trang vương ban Hạ Cơ cho Liên Doãn Tương Lão, không bao lâu Tương Lão chết trận. Con trai Tương Lão lại tư thông với Hạ Cơ.

Điều buồn cười là Thân Công Vu Thần luôn luôn lấy đạo lý khuyên người khác đừng nạp Hạ Cơ, nhưng chính ông ta lại rất thèm thuồng Hạ Cơ, bày mưu lập kế, sau cùng đoạt được Hạ Cơ, lại cùng Hạ Cơ phản nước Sở trốn qua nước Tấn. Nhưng nhà Vu Thần lại bị bọn Tử Phản đốt trụi.

Sự tình vẫn chưa chấm dứt. Hạ Cơ cùng Vu Thần tới nước Tấn, sinh được một người con gái rất đẹp. Thúc Hướng con trai Dương Thiệt Tử đại thần nước

(28) *Liệt nữ truyện, Bế nghiệt, Trần Hạ Cơ.*

Tấn muốn cưới làm vợ. Mẹ Thúc Hướng là Dương Thúc Cơ kiên quyết phản đối vụ hôn nhân này. Bà nói "Có cái phúc kỳ lạ ắt có cái họa kỳ lạ, kẻ có chỗ rất đẹp cũng có chỗ rất ác", cưới con gái Hạ Cơ ắt sẽ mang tai họa tới cho dòng họ. Bà còn nói "Phàm có vật đẹp đủ để người khác thèm muốn, nếu không phải là kẻ có đức nghĩa thì ắt sẽ có tai họa" (29), khiến Thúc Hướng không dám cưới con gái Hạ Cơ. Dương Thúc Cơ là phụ nữ lại phát huy "Mỹ nữ họa thủy luận" một cách rất triệt để.

Vương Sung thời Hán trong *Ngôn độc thiên* xếp sắc đẹp phụ nữ vào một trong bốn cái độc, cho rằng "Yêu khí sinh ra sự xinh đẹp, nên những người xinh đẹp phần lớn tà ác... Người có sắc đẹp có mang châm độc". "Mỹ nữ họa thủy luận" càng phát huy càng hoang đường.

Mỹ sắc là chỉ cái đẹp tự nhiên, cái đẹp dung mạo của phụ nữ. "Tạo hóa un đúc sự xinh đẹp", họ là một loại "tài nguyên tự nhiên" mà tự nhiên ban cấp cho một số ít phụ nữ. Bản thân sắc đẹp thì có tội gì ? Nhưng "Vưu vật làm động lòng người", sắc đẹp quả thật có thể khiến người ta cảm xúc mãnh liệt, làm lung lay ý chí của những kẻ hiếu sắc. Theo những ví dụ nêu trên thì mỹ nữ là đối tượng bị động, bị cướp đoạt, bị đùa giỡn. Ngay Hạ Cơ chẳng qua cũng chỉ là đồ chơi, vật được ưa thích mà đàn ông tranh đi cướp lại. Để sinh tồn, bà cũng chỉ có cách để mặc người ta cướp đoạt, đùa giỡn. Mà những người đàn ông tranh cướp Hạ Cơ mới là kẻ chủ động, kẻ cướp đoạt. Đặc biệt là Vu Thần, một kẻ theo Nữ họa luận mà chính mình lại

(29) *Liệt nữ truyện, Nhân trí, Tấn Dương Thúc Cơ.*

không cưỡng nổi sự mê hoặc của mỹ nữ. Đủ thấy, đó là họ tự mình lạy sụp xuống dưới gấu quần Hạ Cơ. Lời nói và hành động của Vu Thần đủ để cho thấy rõ tính chất giả trá của Nữ họa luận.

Tư Mã Thiên trong *Sử ký, Ngoại thích liệt truyện* lúc tổng kết bài học kinh nghiệm lịch sử có nói "Các bậc đế vương nhận mệnh trời thời cổ và những người kế nghiệp, không chỉ nhờ nội phụ có đức, mà còn nhờ sự giúp đỡ của ngoại thích. Nhà Hạ hưng khởi là nhờ họ Đồ Sơn mà vua Kiệt phóng đãng là vì Muội Hỷ, nhà Ân hưng khởi là nhờ người Hữu Nhung, mà vua Trụ hiếu sát là vì Đát Kỷ, Nhà Chu hưng khởi là nhờ Khương Nguyên và Thái Nhâm, mà U vương như cầm thú là vì say mê Bao Tự", từ đó, Nữ họa luận được chính thức đưa vào chính sử.

Tư Mã Thiên từ cả hai mặt chính diện và phản diện tổng kết tác dụng của hậu phi trong sự hưng suy của ba vương triệu Hạ, Thương, Chu. Nhưng rõ ràng ông đã phóng đại tác dụng lịch sử của phụ nữ, đặc biệt là phóng đại tác dụng của "nữ họa".

Trước hết, sự hưng vong của Tam đại là kết quả của sự đấu tranh giữa các mâu thuẫn trong sự phát triển lịch sử, là kết quả của sự đấu tranh giữa vương triều Trung nguyên và các chư hầu chung quanh.

Thứ hai, sự phát triển kinh tế, tích lũy và tập trung cao độ của cải và sự bành trướng về quyền lực đã dẫn tới hiện tượng hủ bại mang tính chu kỳ của giai cấp thống trị tầng lớp trên, kẻ thống trị tối cao hoang dâm vô độ đến nỗi nước mất nhà tan. Mà say đắm tửu sắc chính là một trong những biểu hiện hủ bại suy đồi của kẻ thống trị. Họ càng hủ bại thì càng

coi mỹ nữ là đồ chơi, càng coi mỹ nữ là một công cụ để hoang dâm hưởng lạc. Mỹ nữ cũng như thức ăn ngon, rượu ngon, ngựa hay, chó khỏe, âm nhạc, đều là công cụ hưởng lạc của giai cấp thống trị. Sự bại vong của kẻ hoang dâm là do mình chuốc lấy, chứ có liên hệ gì tới mỹ nữ mà họ coi là đồ chơi ?

Thứ ba, một số phụ nữ can thiệp vào việc triều chính, tham gia những cuộc đấu tranh chính trị phế lập, dẫn tới nảy sinh họa loạn là điều không phải hiếm thấy trong lịch sử. Nhưng như thế cũng không thể quy tất cả tội lỗi về cho nữ họa. Trong những cuộc họa loạn này, phụ nữ thường cũng ở thế bị động, họ nhiều lắm chỉ là Giúp vua Trụ làm điều bạo ngược, có tác dụng khuấy nước giúp sóng, không thể chịu trách nhiệm lịch sử chủ yếu về việc diệt vong của vương triều. Mà các nhân vật đại biểu cho nữ họa lại thường là người bị hại đầu tiên, quá nửa trở thành công cụ đấu tranh chính trị, vật hy sinh khi vương triều diệt vong, mà còn bị khoác thêm tội danh nữ họa. Đó là sự bất công của lịch sử.

5. Tây Thi Mao Tường - biểu trưng của cái đẹp cổ điển ở Trung Quốc

Tây Thi Việt khê nữ
Xuất tại Trữ La san
Tú sắc yếm kim cổ
Hà hoa tụ ngọc nhan
Hạo xỉ tín nan khai
Trầm ngâm bích vân gian
Câu Tiễn chinh tuyệt điểm
Dương nga nhập Ngô quan
Đề huề Quán Oa cung

Hạnh diểu bất khả phàn
Nhất phá Phù Sai quốc
Thiên thu cánh bất hoàn

(Tây Thi gái nước Việt
Quê trong núi Trữ La
Sắc đẹp trùm kim cổ
Sen hồng kém mặt hoa
Giặt the đùa nước biếc
Bao lớp sóng lan xa
Môi thắm cười không dễ
Trầm ngâm giữa ráng tà
Câu Tiễn tìm người đẹp
Mỹ nữ biệt quê nhà
Vào cung Quán Oa ấy
Khôn còn thấy mặt hoa
Phá nước Phù Sai xong
Ngàn thu không trở ra)

Lý Bạch, *Vịnh Trữ La sơn*

Tây Thi là người đứng đầu Tứ đại mỹ nhân ở nước ta, là đại biểu hoặc hóa thân của cái đẹp phụ nữ truyền thống ở nước ta, là tượng trưng về cái đẹp hình thể, dung mạo của phụ nữ.

Các sách *Quản tử, Mặc tử, Trang tử, Mạnh tử, Thận tử, Thi tử, Hàn Phi tử* của chư tử cho tới các sách vở thời Tiên Tần đều ghi chép hoặc đề cập tới Tây Thi. Lúc bàn tới những vấn đề có liên quan tới cái đẹp hoặc người đẹp, thì thường lấy Tây Thi làm ví dụ hoặc lấy Tây Thi để so sánh. Nhưng phần lớn đều không nó tới lai lịch, thời đại, quê quán Tây Thi. Trong những ký thuật của Chư tử thời Tiên Tần, Tây Thi chỉ là hóa thân của cái đẹp, tượng trưng cho cái đẹp.

Triệu Hoa thời Đông Hán biên soạn sách *Ngô Việt Xuân thu*, Viên Khang, Ngô Bình thời Đông Hán biên soạn sách *Việt tuyệt thư*, mới ghi chép rõ ràng chi tiết hơn về lai lịch Tây Thi.

Ngô Việt Xuân thu, Câu Tiễn âm mưu ngoại truyện nói Việt vương Câu Tiễn năm thứ 12 (485 trước công nguyên), Việt vương nghĩ ra sách lược đánh bại nước Ngô, bèn hỏi đại phu Văn Chủng "Ta nghe Ngô vương dâm mà hiếu sắc, muốn làm y say đắm vào đó, không coi việc chính sự, nhân đó tính kế, có được không?". Văn Chủng đề nghị Việt vương chọn hai mỹ nữ hiến cho Ngô vương.

Vì thế Câu Tiễn bèn phái người xem tướng mỹ nữ trong nước Việt, tuyển chọn được Tây Thi, Trịnh Đán trong một nhà bán củi ở núi Trữ La, phía Nam thành Chư Khái năm dặm. Đó chính là lần "tuyển chọn người đẹp" đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Tây Thi đã nổi tiếng là một cô gái xinh đẹp khắp xa gần, "Tây Thi mặc áo vải những thiên hạ đều khen là đẹp" (30), nàng vì gia đình nghèo khổ, thường phải mặc áo vải thô. Nhưng áo vải cũ vẫn không che được cái đẹp giản dị tự nhiên của nàng. Nàng dung mạo như thiên tiên, làm lóa mắt người. Việt vương tuyển được Tây Thi, Trịnh Đán rồi bèn cho hai cô gái xinh đẹp chất phác này mặc lụa là, gấm vóc, trang sức như hoa như ngọc. Việt vương còn xây dựng một tòa Mỹ nhân cung ngoài thành Cối Kê, cho hai mỹ nhân Tây Thi, Trịnh Đán vào đó để học tập lễ tiết pháp độ trong cung đình và tài nghệ ca múa. Qua ba năm học tập, hai cô gái nông

(30) *Chiến quốc sách, Sở sách tam.*

thôn thuần phác này đã trút bỏ được phong khí "thô kệch", học được lễ nghi cung đình và tài nghệ ca múa.

Lúc ấy, Việt vương phái tướng quốc Phạm Lãi đưa hai vị mỹ nữ này tới dâng cho nước Ngô. Từ đó, hai cô gái nông thôn xinh đẹp thuần phác này đã trở thành công cụ cho Việt vương thi hành "mỹ nhân kế", trở thành "vũ khí" trong cuộc đấu tranh chính trị, quân sự giữa hai nước Ngô, Việt.

Phạm Lãi vào ra mắt Ngô vương nói "Việt vương Câu Tiễn trộm có hai người con gái, nước Việt khoa trương là đẹp, không dám giữ lại, kính cẩn sai thần Lãi hiến lên. Xin đại vương đừng chê là bỉ lậu, rộng lòng dung nạp". Ngô vương cả mừng, nói "Nước Việt cống hai người con gái, là bằng chứng về việc Việt vương tận trung với Ngô". Quả nhiên đã đạt được mục đích mê hoặc Ngô vương.

Ngũ Tử Tư trung thần nước Ngô kiên quyết phản đối, lại phát biểu một thiên "Mỹ nữ họa thủy luận", ông nói "Không được, xin nhà vua đừng nhận. Thần nghe ngũ sắc làm mờ mắt người, ngũ âm làm điếc tai người. Ngày xưa vua Kiệt bị Thành Thang diệt, vua Kiệt bị Văn vương diệt, đại vương thu nhận, sau này ắt có tai họa... Thần nghe hiền sĩ là của báu của nước, gái đẹp là mối họa của nước, nhà Hạ bị diệt vì Muội Hỷ, nhà Ân bị mất vì Đát Kỷ, nhà Thương bị mất vì Bao Tự". Nhưng Ngô vương không nghe, vẫn thu nhận hai nàng. Việt vương cuối cùng đã thực hiện được việc dùng mỹ nữ để mê hoặc Ngô vương, đạt được mục đích làm suy yếu ý chí đấu tranh của Ngô vương.

Phù Sai sau khi đánh bại được nước Việt lại thêm không thể một đời. Ông ta liền năm chinh chiến, khiến trong nước nhân dân khốn cùng, của cải kiệt quệ. Phù

Sai được hai mỹ nữ Tây Thi, Trịnh Đán thì thần hồn điên đảo. Phù Sai đặt tên Tây Thi là Di Quang, đặt tên Trịnh Đán là Tu Minh, "Việt lập tức đưa qua Ngô, hai người vừa tới đất Uyển Trung, quân sĩ từ xa nhìn thấy đều cho là tiên nữ" (31).

Ngô vương Phù Sai để thỏa dục hưởng lạc bèn sửa chữa cung thất, dựng đài Cô Tô dài năm dặm, lại xây cung Xuân Tiêu để yến ẩm suốt đêm, lại xây ao Thiên Trì, trong ao chế thuyền Thanh long, trong thuyền bày kỹ nhạc, ca hay múa đẹp, đêm ngày cùng Tây Thi dạo chơi, lại xây quán Hải Linh, cung Quán Oa trong cung, dùng châu ngọc trang trí rường cột lan can, lộng lẫy lóa mắt. Còn xây Hưởng lý lang trong cung, phía dưới hành lang rỗng không, để Tây Thi, Trịnh Đán và các cung nữ mang hài đi phía trên, phát ra tiếng leng keng, Ngô vương rất vui (32).

Một bên thì Ngô vương hủ bại hưởng lạc, một bên thì vua tôi nước Việt "Mười năm sinh tụ, mười năm giáo huấn" ra sức cai trị, rất mau lẹ thay đổi cục diện Ngô mạnh Việt yếu, cuối cùng nước Việt chuyển yếu thành mạnh, phát động tấn công, tiêu diệt nước Ngô.

Tây Thi giúp Việt diệt Ngô, sau khi nước Ngô mất thì số phận của Tây Thi ra sao ?

Về nơi Tây Thi hạ lạc sau khi nước Ngô bị diệt, có ba thuyết khác nhau :

Một là bài thơ của Đỗ Mục "Tây tử hạ Cô Tô, Nhất kha trục Chi Di" (Tây tử xuống Cô Tô, Một thuyền

(31) *Dung sai lãi thuyết*, xem *Liêm sử tuyển chú*, Trung Quốc Nhân dân đại học xuất bản xã, 1994, tr. 383

(32) *Cổ kim cung vi bí ký*, quyển 1, quyển 8, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1990

theo Chi Di). Phạm Lãi sau khi rời nước Việt, tự xưng là Chi Di Tử Bì, tương truyền Tây Thi đi theo Phạm Lãi.

Hai là bài *Tu văn điện ngự lãm* dẫn lại *Ngô Việt Xuân thu* nói "Ngô vong hậu, Việt phù Tây Thi vu giang, lệnh tùy chi di dĩ chung" (Sau khi Ngô mất, Việt ném Tây Thi xuống sông, cho chết trong chi di). Bọn Đỗ Mục lầm chi di đây là Phạm Lãi, nên có thuyết Tây Thi đi theo Phạm Lãi.

"Chi di" tức túi bằng da. Ngô vương giết trung thần Ngũ Tử Tư, đem xác bỏ vào túi da ném xuống sông. Việt diệt Ngô rồi, để biểu dương lòng trung của Ngũ Tử Tư, cũng bỏ Tây Thi có công với nước Việt vào túi da ném xuống sông, lấy đó để báo thù cho Ngũ Tử Tư (33).

"Thỏ khôn chết thì chó săn bị giết", Việt vương Câu Tiễn chẳng qua chỉ dùng cô gái nghèo Tây Thi làm công cụ diệt Ngô. Nước Ngô đã diệt vong, Tây Thi cũng mất "giá trị sử dụng", lưu mỹ nữ Tây Thi lại có thể đưa tới mối họa cho nước Việt, vì thế đối với Việt vương Câu Tiễn mà nói thì xử tử Tây Thi là chuyện thuận lý thành chương. Sau khi nước Ngô mất, trung thần Phạm Lãi của nước Việt bỏ đi, ẩn cư không ra nữa, Văn Chủng bị Việt vương bức bách tự sát. Kết thúc như thế, thì Tây Thi làm sao có thể lưu lại ở nhân gian ? Bi kịch là hủy diệt cái đẹp cho người ta nhìn thấy. Mỹ nữ Tây Thi chỉ có thể diễn một vở bi kịch nhân gian.

Mặc tử, Thân sĩ nói "Tỷ Can bị mổ tim vì cứng cỏi, Mạnh Bôn bị giết chết vì vũ dũng, Tây Thi bị dìm nước vì xinh đẹp, Ngô Khởi bị xé xác vì việc làm".

(33) *Đan diên tổng lục, Liêm sử tuyển chú*, tr. 383 - 384

Thời điểm sách *Mặc tử* hoàn thành không xa thời Tây Thi bao lâu, những việc về Tỷ Can, Mạnh Bôn, Ngô Khởi được nhắc tới trong đó đều phù hợp với sử sách. Vì thế thuyết "Tây Thi bị dìm nước" có thể tin được. *Ngô Việt Xuân thu, Việt tuyệt thư* tuy do người thời Đông Hán viết ra, nhưng Triệu Hoa là người đất Việt, hiểu rõ về những sự kiện xảy ra ở quê hương mình, vả lại còn sưu tập rất nhiều tài liệu sử sách và truyền thuyết dân gian. Những điều *Ngô Việt Xuân thu* ghi chép về cơ bản là đáng tin cậy.

Thuyết thứ ba là truyền thuyết ở Chư Khái quê hương Tây Thi, sau khi nước Ngô diệt vong, Tây Thi trở về thôn Trữ La, tiếp tục sống cuộc đời giặt lụa, một lần ra khe dệt lụa, không cẩn thận trượt chân ngã xuống khe, bất hạnh mà chết, phản ảnh nguyện vọng tốt đẹp của con người.

Thời Tiên Tần, Tây Thi đã trở thành hóa thân hoặc biểu tượng về cái đẹp. Nổi tiếng ngang Tây Thi còn có Mao Tường. Tương truyền Mao Tường là ái thiếp của Việt vương.

Quản tử, Tiểu xứng nói "Tuy Mao Tường, Tây Thi là mỹ nhân trong thiên hạ, nhưng lòng oán hờn hiện ra mặt, không thể coi là đáng chuộng".

Trang tử, Tề vật luận nói "Mao Tường, Lệ Cơ người ta đều cho là đẹp, nhưng cá nhìn thấy thì lặn sâu, chim nhìn thấy là bay cao, hươu nai thấy là bỏ chạy, trong bốn loài ấy thì cái gì là sắc đẹp chân chính trong thiên hạ?". Nguyên ý là nói cái đẹp chỉ là tương đối, Mao Tường, Lệ Cơ tuy đẹp nhưng chim, cá thì không biết họ đẹp. Về sau thi nhân Tống Chi Vấn thời Đường có thơ rằng "Điểu kinh nhập tùng la, Ngư úy trầm hà hoa" (Chim kinh vào bụi rậm, Cá sợ lặn ao

sâu). Sau đó lại xuất hiện câu "Trầm ngư lạc nhạn chi dung, Bế nguyệt tu hoa chi mạo" (Sắc đẹp chim sa cá lặn, Dung nhan nguyệt thẹn hoa nhường), trở thành công thức miêu tả cái đẹp dung mạo của phụ nữ trong các tiểu thuyết cổ điển.

Trang tử, Thiên vận còn nói tới chuyện Hiệu tần (bắt chước nhăn mày) "Tây Thi bị đau tim thường nhăn mày, trong làng có người xấu xí thấy thế là đẹp, về cũng ôm ngực nhăn mày, người trong làng kẻ giàu thấy thì đóng cửa không ra, người nghèo thấy thì kéo vợ bỏ đi. Người ấy biết dáng vẻ đẹp đẽ khi nhăn mày mà không biết việc nhăn mày vốn không đẹp". Về sau trở thành thành ngữ "Đông Thi hiệu tần" (Đông Thi bắt chước nhăn mày).

Hàn Phi tử, Hiển học nói "Giỏi cái đẹp của Mao Tường Tây Thi cũng không ích gì cho dung mạo, ắt phải dùng son phấn gấp bội".

Hoài Nam tử, Tu vụ huấn nói "Nay những người như Mao Tường, Tây Thi là mỹ nhân trong thiên hạ". *Hoài Nam tử, Thuyết lâm huấn* nói "Tây Thi, Mao Tường dung mạo không thể giống nhau, nhưng đều được khen là đẹp". *Bảo Phác tử* cũng nói "Tây Thi đau tim, nằm ở ven đường, mùi lan xạ thơm ngát, người nhìn thấy đều khen là đẹp".

Tây Thi, Mao Tường là tượng trưng cho cái đẹp thời cổ. Về sau, Mao Tường dần dần không được người ta biết tới, Tây Thi thì lại luôn luôn trở thành hóa thân của cái đẹp trong lòng mọi người. Tác gia hý kịch thời Minh Lương Chấn Ngư dựa vào chuyện Tây Thi viết ra vở kịch truyền kỳ *Cán sa ký*, trong dân gian cũng lưu truyền khá nhiều truyện kể về Tây Thi. Rất

nhiều thi nhân từ khách để lại những câu thơ hay ngâm vịnh về Tây Thi.

Trung Quốc tuy không có Thần Sắc đẹp, Tây Thi tuy không phải là Thần Sắc đẹp, nhưng nàng là hóa thân của cái đẹp, biểu trưng của cái đẹp từ xưa đến nay. Nàng chính là "Thần sắc đẹp" bằng xương bằng thịt trong lòng người Trung Quốc.

6. "Tẫn mã hành địa" – *Chu Dịch* và cái đẹp âm nhu

Mọi người đều cho rằng *Chu Dịch* là tác phẩm đầu thời Tây Chu, Dịch truyện có bảy loại đều xuất hiện trong thời Chiến quốc. Nhưng *Chu Dịch* là một trước tác triết học thời Tiên Tần, có hệ thống tư tưởng riêng biệt của nó. Nhưng chỗ đặc biệt trong quan niệm đối lập càn khôn, âm dương, cương nhu của *Chu Dịch* là "Thế giới quan nhị nguyên lưỡng phân và hợp nhất" (34).

Chu Dịch cho rằng trời đất vạn vật là do tác dụng qua lại của âm dương, càn khôn mà phát sinh và biến hóa, âm dương và càn khôn đều có tính chất, đặc điểm đối lập và bổ sung cho nhau.

Càn, dương, trời, đàn ông, cha, chồng, cao, quý, động, cương, kiện là thuộc một loại, càn đạo đại biểu cho đàn ông, cha, chồng, đặc trưng là cao, quý, động, cương, kiện.

Khôn, âm, đất, phụ nữ, mẹ, vợ, ty, tiện, tĩnh, nhu, thuận là thuộc một loại. Khôn đạo đại biểu cho phụ nữ, mẹ, vợ, đặc trưng là ty, tiện, tĩnh, nhu, thuận.

Dịch truyện nói "Càn là vật thuộc dương, khôn là vật thuộc âm. Âm dương chung đức nhưng cương nhu

(34) *Dương cương dữ âm nhu đích biến tấu*, tr. 145

riêng thể. Lấy đó thể hiện sự xếp đặt của trời đất, để thông suốt đức lớn của thần minh" (35). Đó là nói càn khôn ứng với âm dương.

"Trời tôn đất ty, càn khôn được định, thấp cao hiện ra, quý tiện đúng chỗ, động tĩnh có đạo thường, cương nhu rõ ràng". Đây là nói càn khôn ứng với thiên địa, mà tính chất của trời đất là : Trời cao, đất thấp, trời quý, đất tiện, trời động, đất tĩnh, trời cương, đất nhu.

Càn đạo thành đàn ông, khôn đạo thành phụ nữ (36), càn khôn ứng với nam nữ.

Càn là trời nên lấy đó gọi cha, khôn là đất nên lấy đó gọi mẹ (37). Càn khôn lại ứng với cha mẹ.

"Khôn là đạo của đất, đạo của vợ, đạo của bầy tôi" (38). Khôn lại có quan hệ với người vợ.

Tóm lại, Càn đạo đại biểu cho âm, cho đất, cũng đại biểu phụ nữ, vợ, mẹ trên đời. Mà phụ nữ, vợ, mẹ vừa khớp với ba giai đoạn trong cuộc đời của một người phụ nữ.

Tính chất đặc biệt của phụ nữ mà *Chu Dịch* khái quát tổng kết là tĩnh, nhu, thuận.

Ký hiệu của quẻ Khôn là [☷☷]. "Khôn nguyên hanh. Lợi tẫn mã chi trinh". "Nguyên khôn" là nói đất có đức, thiện, mỹ. "Tẫn mã hành địa" biểu thị đức tốt của phụ nữ, đại địa đã là người mẹ, đức tốt của đại địa cũng là đức tốt của người mẹ, đức tốt của phụ nữ.

(35) *Chu Dịch, Hệ từ hạ.*
(36) *Chu Dịch, Hệ từ thượng.*
(37) *Chu Dịch, Thuyết quái truyện.*
(38) *Chu Dịch, Càn, Văn ngôn.*

"Tượng viết : Rốt ráo thay Khôn nguyên, muôn vật được sinh, thuận theo đạo trời. Khôn dày chở vật, đức hợp vô cương. Ngậm chứa rộng sáng, muôn vật được yên". Cái thiện trong đức của đất đã đạt tới cực điểm, thuận theo biến hóa của thiên đạo mà sinh dưỡng vạn vật. Thể của đất là dày có thể chở vạn vật, có thể bao dung vạn vật mà rộng lớn vô biên. Vạn vật vì thế đều trở thành đẹp. Đại địa sinh dưỡng đức đẹp của vạn vật, cũng là đức tốt của mẹ sinh dưỡng con cái, là đức tốt của người mẹ.

"Tẫn mã chi loại, hành địa vô cương, nhu thuận lợi trinh". Tẫn mã là sinh vật giống cái, cùng loại với đất, nó phi trên mặt đất, có thể tới nơi rất xa. Nó có đức tốt nhu thuận trinh chính. Đó chính là đức tốt của phụ nữ, là cái đẹp của loại âm, mang tính ưu mỹ.

Chu Dịch chỉ ra rằng "Khôn" là "hàm chương khả trinh". Đặc điểm trong cái đẹp của nó là hàm súc không bộc lộ ra ngoài, là "chí nhu", là thuần thuận, là một loại cái đẹp của người mẹ. Nó lấy nhu thuận, hàm súc, hòa duyệt, an tĩnh làm đặc trưng. Tĩnh, nhu, thuận chính là quan niệm truyền thống về cái đẹp phụ nữ ở Trung Quốc thời cổ.

Quan niệm về cái đẹp phụ nữ ấy là tác giả *Chu Dịch* đem quan niệm tinh thần, tính cách, khí chất, đạo đức, của vợ chồng, nam nữ và của con người trong xã hội đương thời, đem quan niệm nam tôn nữ ty, nam cương nữ nhu và sự quan sát tự nhiên gộp lại làm một mà hình thành.

Loại quan niệm này là sự khẳng định thực tế cơ bản nam mạnh nữ yếu, nam cương nữ nhu về cơ thể con người đã hình thành trước khi loài người bước vào xã hội phụ hệ, là sự khẳng định trực quan hoặc khái

quát nhất định về tình hình phân biệt giới tính cơ bản nam tôn nữ ty, nam động nữ tĩnh, nam kiện nữ thuận, nam cương nữ nhu đã hình thành từ rất sớm sau khi bước vào xã hội có giai cấp theo phụ hệ.

Sau khi bước vào xã hội có giai cấp, sự hạ thấp về địa vị trong xã hội và gia đình, sự hèn hạ về thân phận trong xã hội và gia đình, sự nhỏ hẹp trong phạm vi hoạt động của phụ nữ tạo ra sự yên tĩnh, nhu nhược và ôn thuận trong tâm lý, tính cách, sinh lý và thể thái của phụ nữ. *Chu Dịch* kết hợp một số đặc điểm của phụ nữ do văn hóa lịch sử xã hội tạo thành ấy với một số hiện tượng tự nhiên trong trời đất làm một, "luân lý" hóa nó, biến nó thành "thiên kinh địa nghĩa", vĩnh hằng bất biến. *Chu Dịch* nhấn mạnh các đặc trưng ấy của phụ nữ, lại từ đó tiến thêm một bước quy định cái đẹp đạo đức, cái đẹp hành vi và cái đẹp hình thể của phụ nữ, khiến phụ nữ tiến thêm một bước trên đường hướng phát triển "nhược hóa" tĩnh thục, nhu nhược, ôn thuận.

Từ đó quan niệm về vị trí xác định của càn khôn, tính chất xác định của âm dương, nam cương nữ nhu trong *Chu Dịch* đã trở thành hình thái ý thức chủ lưu trong xã hội, lan rộng ra toàn xã hội, ảnh hưởng tới quan niệm giới tính về nam nữ suốt mấy ngàn năm sau. Cũng ảnh hưởng tới quan niệm về cái đẹp phụ nữ, từng bước hình thành quan niệm phụ nữ yếu ớt là đẹp, ảnh hưởng tới đường hướng phát triển của cái đẹp phụ nữ ở Trung Quốc trong lịch sử.

Chu Dịch còn đề ra thuyết "Dả dung hối dâm" (Xinh đẹp lẳng lơ gợi lòng dâm tà) (39), cho rằng dung

(39) *Chu Dịch, Hệ từ thượng.*

mạo đẹp đẽ là một loại dẫn dụ mê hoặc kẻ dâm đãng tới gian dâm. Vì thế chủ trương phụ nữ không cần quá chú ý tới việc trang điểm. Điều đó cố nhiên có mặt tốt, có mặt khuyên người ta nên tiết kiệm, nhưng câu ấy đã trở thành cột cái tinh thần của Nữ họa luận.

Chu Dịch, Khôn quái còn nói "Quân tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung, nhi sướng vu tứ chi, phát vu sự nghiệp, mỹ chi chí dã". Thời Chu coi màu vàng là đẹp, lấy xiêm vàng làm ví dụ so sánh với cái đẹp bên trong, cái đẹp nội tâm của con người. Quân tử chính vị cư thể, an phận thủ kỷ, đó là cái đẹp trong nội tâm, biểu hiện ra hành động, phát huy qua sự nghiệp, đó là cực điểm của cái đẹp. Từ đó có thể thấy *Chu Dịch* chủ trương cái đẹp nội tại của con người là quan trọng nhất, là trọng đức khinh sắc. Đã phản đối "Dả dung", lại chủ trương "Nội mỹ", chính phản ảnh triết học trọng đức khinh sắc thời Tiên Tần.

7. Đức và sắc, cương và nhu – quan niệm về cái đẹp phụ nữ của chư tử thời Tiên Tần

Thời Tiên Tần, mọi người lấy cái đẹp bên trong của phụ nữ, tức tài năng, trí tuệ, tinh thần và sự tu dưỡng phù hợp với quy phạm lễ nghi, quy phạm đạo đức với đạo đức tốt đẹp, gọi là "Đức", mọi người gọi cái đẹp bên ngoài, cái đẹp hình thể, cái đẹp dung mạo của phụ nữ gọi là "Sắc".

Cái gọi là "Sắc", theo Khổng Dĩnh Đạt là "Kinh điển thường gọi sắc của nữ nhân" (40), tất cả học giả đương thời cũng cho rằng sắc chủ yếu là biểu thị "Nữ

(40) *Thập tam kinh chú sớ, Ngũ tử chi ca*, chú thích từ "Sắc hoang".

sắc", "Mỹ lực của phụ nữ" (41). Nó là một cái đẹp trực quan, cái đẹp bên ngoài trực tiếp kích thích cảm quan của mọi người, bao gồm hình thể, dung mạo, phong cách, phục sức, sử chỉ, phong độ, ngôn ngữ, âm thanh của nhân vật.

Nho gia thời Tiên Tần mà Khổng tử, Mạnh tử là đại biểu nhấn mạnh sự thống nhất giữa đức với sắc, lúc đức và sắc mâu thuẫn thì nhấn mạnh việc trọng đức khinh sắc.

Thứ nhất, Nho gia thời Tiên Tần thừa nhận "Sắc" là tồn tại khách quan, vả lại "hiếu sắc" là bản tính hoặc bản năng của con người.

Khổng tử trong *Luận ngữ* có hai lần nói "Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã" (Ta chưa thấy ai yêu đức như yêu sắc), lại nói "Quân tử hữu tam giới : thiếu chi thời, huyết khí vị định, giới chi tại sắc" (Người quân tử có ba điều răn : lúc còn trẻ, khí huyết chưa định, phải răn chỗ sắc đẹp) (42). Khổng tử thừa nhận mọi người "hiếu sắc" hơn "hiếu đức" rất nhiều, ông hy vọng mọi người hiếu đức như hiếu sắc.

Mạnh tử thì nói "Hiếu sắc, nhân chi sở dục" (Hiếu sắc là ham muốn vốn có của con người) (43). *Lễ ký, Lễ vận* nói rất rõ ràng "Ẩm thực nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên" (Ham muốn lớn nhất của con người là ở việc ăn uống và trai gái). Hiếu sắc là ham muốn lớn của con người, là bản tính hoặc bản năng của con người.

(41) Giang Hiểu Nguyên, *Tình trương lực hạ đích Trung Quốc nhân* ((Người Trung Quốc dưới sức căng tình dục), Thượng Hải Nhân dân xuất bản xã, 1995, tr. 25

(42) *Luận ngữ, Tử Hãn, Vệ Linh công, Quý thị.*

(43) *Mạnh tử, Vạn chương thượng.*

Nho gia thời Tiên Tần rõ ràng thừa nhận sự hợp lý trong việc tồn tại của "sắc dục", khẳng định tính hợp lý và tính tất yếu trong đòi hỏi thể xác của con người.

Thứ hai, nhưng kẻ thống trị đương thời thường mặc ý buông thả lòng dục, trọng sắc khinh đức, hiếu sắc hơn hiếu đức. Cho nên Nho gia thời Tiên Tần, đặc biệt là Khổng tử đã chủ trương Dĩ lễ chế dục (Lấy lễ chế ngự ham muốn), khống chế "sắc dục" của con người trong quy phạm "lễ chế". Vì thế Nho gia thời Tiên Tần mà đặc biệt là Khổng tử chủ trương Khắc kỷ phục lễ (Đè nén mình để trở về lễ), tất cả đều tuân theo lễ giáo, nỗ lực đưa những đòi hỏi thân xác của mình vào quy phạm đạo đức phù hợp với luân lý xã hội. "Tâm lý ham muốn của cá nhân và quy phạm luân lý của xã hội hòa tan vào nhau, thống nhất với nhau, trở thành đặc trưng rõ ràng nhất trong mỹ học của Khổng tử" (44), thể hiện ở đức và sắc là chủ trương đức và sắc thống nhất. *Thi, Chu nam, Quan thư* "Yểu điệu thục nữ, Quân tử hảo cầu" (Thục nữ yểu điệu, Quân tử mong cầu), là chính từ sự thống nhất hài hòa giữa đức và sắc mà yêu cầu phụ nữ con nhà lương gia đương thời.

Nhưng giữa cái thiện và cái mỹ, đức và sắc trong thực tế đời sống thường có mâu thuẫn. Vì đòi hỏi mỹ sắc của cá nhân chỉ thông qua xã hội mới có thể được thỏa mãn, vả lại tất nhiên phải chịu sự chế ước và giới hạn bởi lợi ích phổ biến của xã hội, giai cấp, tầng lớp của cá nhân ấy. Sự bành trướng về đặc quyền sắc dục của kẻ thống trị thường gây nguy cơ cho sự thống trị của tầng lớp hay thậm chí cả bản thân y, nên các

(44) *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 1, tr. 116

hôn quân hoang dâm làm mất nước trong lịch sử không phải là ít.

Để duy trì trật tự thống trị, trật tự xã hội, Nho gia thời Tiên Tần trọng đức khinh sắc, đề xướng việc Dĩ lễ chế dục.

Mạnh tử chủ trương thống nhất cái đẹp tinh thần và cái đẹp bên ngoài của nhân cách. Ông cho rằng tinh thần đạo đức bên trong chỉ khi biểu hiện ra hình thể bên ngoài mới có thể khiến người ta cảm nhận được, ngược lại, cái đẹp hình thể bên ngoài cũng chỉ khi nào bộc lộ được cái đẹp tinh thần đạo đức cao thượng bên trong mới có thể "tỏa sáng" (sinh sắc), mới có thể trở thành cái đẹp. Ông nói "Tây tử mà nhơ bẩn không trong sạch, thì người ta đều bịt mũi bước qua, tuy người xấu mà trai giới tắm gội thì có thể tế tự thượng đế" (45). Hình thể Tây Thi tuy rất đẹp, nhưng nếu tinh thần đạo đức của nàng lại nhiễm thói xấu thì cũng chỉ có thể khiến người ta nảy sinh sự chán ghét, ngược lại, một người xấu xí nhưng nếu có đạo đức tốt đẹp cao thượng cũng có thể vào tế thượng đế. Tóm lại, Nho gia Tiên Tần chủ trương đức và sắc thống nhất, nhưng lúc đức và sắc mâu thuẫn thì nhấn mạnh trọng đức khinh sắc, Dĩ lễ chế dục.

Đạo gia thời Tiên Tần mà Lão tử, Trang tử là đại biểu lấy việc tự nhiên vô vi làm gốc, "Pháp thiên quý chân" (Học theo trời quý chân tính), đề cao cái đẹp tự nhiên, tán thưởng "Đại xảo nhược chuyết" (Thật khéo léo thì như vụng về), "Đại phác bất điêu" (Thật chất phác thì không chạm khắc), lấy nhân cách cá nhân và đời sống tự do làm cái đẹp cao nhất. Trong việc

(45) *Mạnh tử, Ly Lâu hạ.*

nhìn nhận cái đẹp phụ nữ, học phái Trang tử đề xuất việc "Toàn đức toàn hình" làm cảnh giới tối cao của cái đẹp phụ nữ. "Toàn đức" chỉ việc có tinh thần Đạo gia - thanh tâm quả dục, hư tĩnh khiêm cung, truy cầu nhân cách cá nhân và đời sống tự do, "Toàn hình" chỉ việc giữ gìn hình thể trọn vẹn, không vì trang điểm mà phá hoại hình thể hoặc vì hao tổn tinh thần mà khiến bề ngoài sa sút, phải giữ gìn bản sắc cái đẹp tự nhiên của hình thể, phản đối sự trang điểm, tô vẽ. "Thiên tử chi chư ngự, bất tiễn trảo, bất xuyên nhĩ" (Các ngự nữ của thiên tử không cắt móng, không xỏ tai) (46), cho rằng xỏ tai cắt móng là phá hoại sự "hình toàn", làm mất cái đẹp tự nhiên.

"Hình toàn" là yêu cầu cao nhất của Đạo gia thời Tiên Tần về cái đẹp hình thể của phụ nữ, nhưng hình không toàn mà "đức toàn" cũng được ca ngợi, nếu có mỹ mạo mà không có mỹ đức sẽ bị mọi người coi thường. Đủ thấy Đạo gia cũng trọng đức khinh sắc. *Trang tử, Sơn mộc* nói :

> "Dương tử tới nước Tống, ghé vào quán trọ, chủ quán trọ có hai người vợ, một người đẹp, một người xấu, người xấu được trọng mà người đẹp bị rẻ rúng. Dương tử hỏi vì sao, trẻ trong quán trọ nói "Người đẹp tự cho mình là đẹp, nên tôi không thấy đẹp, người xấu tự cho mình là xấu, nên tôi không thấy xấu". Dương tử nói "Các đệ tử nhớ lấy, làm việc tốt mà bỏ đi ý nghĩ cho rằng mình đang làm việc tốt, thì tới đâu mà không được người ta thương yêu!".

(46) *Trang tử, Đức sung phù.*

Câu chuyện ngụ ngôn trên đây nói người có cái đẹp hình thể mà không có đức tốt khiêm tốn thì không đẹp, sẽ bị mọi người coi thường, ngược lại người hình thể không đẹp mà có đức tốt khiêm tốn thì bản thân người ấy là đẹp, sẽ được mọi người tôn trọng. Đủ thấy Đạo gia coi trọng "Cái đẹp đạo đức" mà coi thường "Cái đẹp hình thể" là chỉ vào việc truy cầu nhân cách cá nhân và đời sống tự do.

Trang tử cho rằng đẹp và xấu chỉ là tương đối, từ quan điểm của "Đạo" mà nhìn, thì phụ nữ xấu và phụ nữ đẹp không có chỗ nào khác nhau, "Lệ dữ Tây Thi, khôi ngụy quyệt quái, đạo thông vi nhất" (Lệ cùng Tây Thi, rộng rãi giả trá gian xảo ma mãnh, đạo thông làm một) (47). Cùng một đối tượng, cho dù nhiều người coi là đẹp cũng có người coi là không đẹp, "Mao Tường, Lệ Cơ người ta đều cho là đẹp, nhưng cá nhìn thấy thì lặn sâu, chim nhìn thấy là bay cao, hươu nai thấy là bỏ chạy, trong bốn loài ấy thì cái gì là sắc đẹp chân chính trong thiên hạ?" (48). Mọi người không biết thế nào là sắc đẹp chân chính, "chính sắc" chân chính, tất cả chỉ là tương đối.

Vả lại, đẹp và không đẹp là có điều kiện, là "theo thời mà thay đổi", Tây Thi nhăn mày hiển nhiên rất đẹp nhưng cô gái xấu xí nhăn mày lại càng xấu. "Tây Thi bị đau tim thường nhăn mày, trong làng có người xấu xí thấy là đẹp, trở về cũng ôm ngực nhăn mày, người làng kẻ giàu nhìn thấy thì đóng cửa không ra, người nghèo nhìn thấy thì kéo vợ bỏ đi" (49).

(47, 48) *Trang tử, Tề vật luận.*
(49) *Trang tử, Thiên vận*

Tất cả cái đẹp đều là tương đối, chỉ có đạo đức bên trong tức cái đẹp tinh thần mới là vĩnh cửu, tuyệt đối, cái đẹp tinh thần này cũng là truy cầu "thực hiện nhân cách cá nhân và đời sống tự do" (50). Nếu "Toàn đức" thì tuy hình thể không đẹp, cũng đẹp hơn người đẹp về hình thể nhưng khiếm khuyết đức hạnh. Nếu "Toàn hình, toàn đức", đức và sắc thống nhất, cái đẹp bên trong nhất trí với cái đẹp bên ngoài, thì đó là tiêu chuẩn tối cao về cái đẹp phụ nữ của Đạo gia.

Đạo gia nhấn mạnh cái đẹp tinh thần bên trong, coi cái đẹp tinh thần bên trong có tính chất thường xuyên, bản chất, tuyệt đối hơn cái đẹp bên ngoài có tính chất thoáng qua, hiện tượng, tương đối đưa tới khoái lạc về mặt cảm giác. Quan niệm thẩm mỹ chú trọng cái đẹp tinh thần, cái đẹp bên trong này có ảnh hưởng xâu xa đối với quan niệm về cái đẹp phụ nữ đời sau, khiến phụ nữ đời sau chú trọng tới cái đẹp phiêu dật, cái đẹp tài trí và cái đẹp phong nhã.

Quan niệm về cái đẹp phụ nữ của Đạo gia và Nho gia đối lập với nhau đồng thời bổ sung cho nhau. Cái đẹp đạo đức mà Nho gia đề xướng trong thực tế là để phụ nữ giữ quy phạm lễ giáo, quy phạm hành vi đạo đức. Một mặt loại yêu cầu này có tính hợp lý nhất định. Xã hội loài người bước vào giai đoạn gia đình theo chế độ phụ quyền thì phải xây dựng quy phạm xã hội tương ứng để ngăn chặn tàn dư ảnh hưởng của chế độ quần hôn nguyên thủy, nhưng loại lễ giáo ấy lại xây dựng trên cơ sở phụ quyền, phu quyền và nam tôn nữ ty, vả lại còn quá phiền phức rối rắm, ràng buộc phụ nữ quá nghiêm khắc, ngăn chặn sự tự do

(50) *Trung Quốc mỹ học sử*, tr. 246

phát triển về thể xác và tinh thần của phụ nữ nghiêm trọng. Lý học thời Tống, thời Minh lại càng quá đáng.

Ngược lại, cái đẹp tinh thần mà Đạo gia chủ trương là đề xướng nhân cách cá nhân và đời sống tự do, truy cầu thực hiện nhân cách cá nhân và đời sống tự do. Tư tưởng ấy về bản chất là chống lại sự ràng buộc của lễ giáo. Đó là chỗ đối lập với chủ trương của Nho gia, đồng thời cũng vừa khớp bổ sung cho chỗ bất cập của Nho gia trên phương diện này. Cho nên lúc tư tưởng Đạo gia có ảnh hưởng lớn hoặc chiếm địa vị chủ đạo trong xã hội, lễ giáo Nho học ràng buộc phụ nữ cũng tương đối giảm xuống, như phong khí phóng đạt và dưới rừng của phụ nữ thời Ngụy Tấn, phụ nữ thời Thịnh Đường phóng khoáng và hoạt bát, phong lưu và đa tài đều có quan hệ với tư tưởng Đạo gia.

Trên phương diện đối xử với cương và nhu, mộc mạc và kiểu sức, Nho gia chủ trương cái đẹp khỏe mạnh mộc mạc, đồng thời chủ trương sự trang sức phù hợp với "lễ nghi", chủ trương "văn chất bân bân" (nội dung và hình thức tương xứng cùng đẹp).

Luận ngữ, Bát dật chép tình hình Khổng tử và đệ tử thảo luận về bài *Thạc nhân* trong *Vệ phong, Thi kinh* như sau : "Tử Hạ hỏi : Xảo tiếu thiến hề, Mỹ mục miến hề (Mỉm cười đẹp chừ, Mắt đẹp sáng chừ), cái gọi là sáng chừ là nói cái gì ? Khổng tử đáp : Hội sự hậu tố (Vẽ cần giấy trắng)". Khổng tử cho rằng hai câu thơ miêu tả dung mạo của "Thạc nhân" ấy chính như hội họa. Trước tiên cần giấy trắng rồi sau đó mới có thể vẽ hoa, cũng tức nói trước tiên phải có cái đẹp tự nhiên mộc mạc, sau đó sẽ trang điểm. Xem ra Khổng tử thừa nhận cái đẹp hình thể của phụ nữ, cũng không

phản đối sự trang điểm trên cơ sở cái đẹp tự nhiên, nhưng phải phù hợp với quy phạm "lễ nghi".

Chu Dịch cho rằng nam cương nữ nhu, nam động nữ tĩnh, nhưng phụ nữ trong cương có nhu, trong tĩnh cũng có động. "Phàm quẻ Khôn, tĩnh thì khép, động thì mở, vì thế sinh sôi rộng rãi" (51). Khôn thuộc âm tuy tĩnh, nhưng cũng lấy "khai, hợp" để động, "Khôn, chí nhu nhưng động thì cương, chí tĩnh mà đức phương" (52). Trong chỗ "chí nhu" của phụ nữ cũng hàm cái cương. Trong cái đẹp yên tĩnh, cái đẹp mềm mại của phụ nữ cũng hàm chứa cái đẹp động thái và cái đẹp cương kiện. Đó là phép biện chứng của cái đẹp phụ nữ trong *Chu Dịch*.

Đạo gia sùng thượng tự nhiên, trọng cái nhu sùng người mẹ. Triết học Đạo gia về bản chất là "triết học phụ nữ", phản ảnh sự sùng bái người mẹ thời nguyên thủy. Lão tử cho rằng "Đạo" là chí nhu, "Cái mềm nhất trong thiên hạ chế ngự được cái cứng nhất trong thiên hạ" (53). Nhưng nhu có thể thắng cương, "Nhược mà thắng cường, nhu mà thắng cương" (54).

"Thanh thủy xuất phù dung, Thiên nhiên khử điêu sức" (Nước biếc nảy hoa sen, Tự nhiên không trang sức) hai câu thơ này của Lý Bạch có thể khái quát về quan niệm mỹ nữ của Đạo gia thời Tiên Tần. Đạo gia chủ trương cái đẹp mộc mạc tự nhiên. Lão tử cho rằng "Ăn mặc lộng lẫy" là "sự khoe khoang của bọn trộm cướp", "không phải là đạo" (55), chủ trương phản phác quy

(51) *Chu Dịch, Hệ từ thượng.*
(52) *Chu Dịch, Khôn.*
(53) *Lão tử, Đệ tứ thập tam chương,*
(54) *Lão tử, Đệ thất thập bát chương.*
(55) *Lão tử, Đệ ngũ thập tam chương.*

chân, bảo phác thủ tố, không cần trang điểm. Trang tử chủ trương cái đẹp tự nhiên trời sinh không dùng son phấn mới là cái đẹp chân chính, phản đối việc "Dĩ mỹ hại tính" (Vì cái đẹp làm hại chân tính), vì trang điểm mà làm mất đi bản tính.

Pháp gia thời Tiên Tần cũng không chú trọng việc trang điểm. Họ xuất phát từ cái có ích, cho rằng trang điểm quá đáng thì lại không đạt được mục đích. Hàn Phi tử chủ trương có ích là thứ nhất, trang điểm là thứ hai, không "Dĩ văn hại dụng" (Vì bề ngoài mà làm hại công dụng) (56). Đồng thời Hàn Phi lại cho rằng trang điểm phù hợp cũng là tất yếu. Ông nói "Giỏi cái đẹp của Mao Tường Tây Thi cũng không ích gì cho dung mạo, ắt phải dùng son phấn gấp bội. Nói điều nhân nghĩa của tiên vương cũng không ích gì cho trị đạo, cứ làm rõ pháp độ của mình, làm hết việc thưởng phạt của mình, đó cũng là son phấn trang điểm cho nước vậy" (57).

Thời Tiên Tần khu vực sông Hoàng Hà khoảng năm trăm năm từ thời Tây Chu đến giữa thời Xuân thu mà *Thi kinh* phản ảnh đại thể là lấy phụ nữ khỏe mạnh mộc mạc làm đẹp, như Thạc nhân (Người đẹp), Kiện khang (Khỏe mạnh), Thạc đại (To lớn), Thể trường (Người cao), Bạch sắc (Da trắng), Diện mạo hiệu hảo (Dung mạo đẹp đẽ), Xảo tiếu khả cúc (Nụ cười vốc được). Dường như thời bấy giờ ngoài dầu (cao) bôi lên tóc, không có nhiều phẩm vật trang điểm.

Nước Sở cuối thời Chiến quốc, ở về phương Nam, lấy việc yếu ớt "eo thon cổ thuôn" làm đẹp, đồng thời

(56) *Hàn Phi tử, Ngoại trừ thuyết tả thượng.*
(57) *Hàn Phi tử, Hiển học.*

đã có các phẩm vật trang điểm như phấn, mực, cao, son, phụ nữ trong cung đình mà nhất là nữ nhạc, vũ nữ lại càng tô son điểm phấn, xinh đẹp vô cùng. Vào thời này, vì "lễ băng nhạc hoại" xã hội từ xã hội nô lệ chuyển qua xã hội phong kiến, "lễ nhạc" của tầng lớp chủ nô cũ bị phá hoại, quy phạm đạo đức xã hội mới đang được xây dựng lại, đạo đức xã hội bị xâm phạm, đồng thời do sự phát triển kinh tế, sự mở rộng giao dịch hàng hóa, phong khí xa xỉ bắt đầu thịnh hành, quan niệm về cái đẹp phụ nữ cũng chuyển từ chỗ khỏe mạnh mộc mạc qua chỗ trang điểm xa xỉ. *Sử ký, Hóa thực liệt truyện* chép "Triệu nữ Trịnh cơ trang điểm đẹp đẽ, mang đàn cầm, mặc áo dài, đi hài cao, liếc mắt đưa tình, rời nhà trong vòng ngàn dặm, không chọn già trẻ, dan díu với người giàu". Vì lợi ích kinh tế, một số phụ nữ lấy ca múa thanh sắc để nhận tiền của người khác đã xuất hiện. Số phụ nữ này để chèo kéo làm ăn, tất nhiên về công phu trang điểm dung mạo, về công phu khêu gợi người khác phải "Tay áo dài múa khéo", "Mắt sáng khéo liếc", số ca kỹ vũ nữ này thường trở thành người búi tóc kiểu mới, trang phục kiểu mới, dẫn đầu "trào lưu mới", thúc đẩy việc trang điểm của phụ nữ phát triển.

8. Phong tao và ca vũ – *Thi kinh, Sở từ* với cái đẹp phụ nữ

Thi kinh là tổng tập thơ ca đầu tiên của nước ta. Nó phản ánh lịch sử từ đầu thời Tây Chu đến giữa thời Xuân thu, khoảng năm trăm năm. *Thi kinh* chia làm ba phần *Phong, Nhã, Tụng*. *Phong* là dân ca thổ điệu ở các địa phương, *Nhã* là nhạc điệu trong triều đình, *Tụng* là nhạc chương nơi miếu đường, cũng có

thể nói là vũ khúc. *Thi kinh* có quan hệ chặt chẽ với âm nhạc, vũ đạo. "Những bài hôn ca, tình ca, thơ nhớ vợ và thơ bỏ vợ, bốn loại này về cơ bản đã khái quát nội dung những bài thơ về phụ nữ trong *Thi kinh*" (58). Những bài thơ về cái đẹp phụ nữ trong *Thi kinh* là miêu tả, phản ảnh cách nhìn hoặc quan niệm thẩm mỹ của mọi người về cái đẹp phụ nữ trong năm trăm năm từ đầu thời Tây Chu đến giữa đời Xuân thu.

Vệ phong, Thạc nhân là thơ ca ngợi phu nhân Trang Khương của Vệ Trang công, phản ảnh cái đẹp trang trọng, cao quý, mộc mạc của Quốc quân phu nhân :

Thạc nhân kỳ kỳ,
Ý cẩm cảnh y....
Thủ như nhu đề,
Phu như ngưng chi,
Lĩnh như tù tề,
Xỉ như biều tê,
Tần thủ nga mi,
Xảo tiếu thiến hề,
Mỹ mục miến hề !
Thạc nhân ngao ngao,
Thuế vu nông giao.

(Người đẹp cao lớn,
Áo gấm áo ngoài.
...
Tay như mầm tranh,
Da như mỡ đông,
Cổ trắng thon dài,
Răng như hạt bầu,

(58) Khang Chính Quả, *Phong tao dữ diễm tình* (Phong lưu và diễm tình), Hà Nam Nhân dân xuất bản xã, 1988, tr. 48

Mỉm cười đẹp chừ,
Mắt đẹp sáng chừ !
Người đẹp lộng lẫy,
Dừng xe ngoài thành) (59).

Trang Khương thân thể cao lớn, ăn mặc giản dị, hoàn toàn không có dáng vẻ ẻo lã và trang sức lộng lẫy, khiến người ta có một mỹ cảm về sự trang trọng, cao quý, mộc mạc.

Từ sự miêu tả dung mạo "Thạc nhân" của thi nhân mà nhìn, thì đương thời lấy việc to lớn khỏe mạnh, dáng cao, da trắng muốt, diện mạo đoan trang, mặt vuông mày cong, răng trắng đều đặn làm đẹp. Miệng hơi mỉm cười, trên mặt lộ ra vẻ hồng hào như vừa uống rượu, mắt sáng mà tròng đen tròng trắng phân minh, đó cũng là điều kiện quan trọng về người đẹp cổ điển.

Dung phong, Quân tử giai lão tả trang sức lộng lẫy của quân quốc phu nhân trong những trường hợp chính thức, phản ảnh cái đẹp trong trang phục của phụ nữ quý tộc thời Tiên Tần.

"Phó kê lục già", Mao Hanh nói "Phó là trang sức trên đầu của hậu phi phu nhân, bện tóc làm thành. Kê tức trâm cài đầu". Chu Hy chú "Phó là trang sức trên đầu lúc tế lễ, bện tóc làm thành, kê tức trâm cài đầu, rủ xuống hai bên cái phó tới ngang vành tai, phía dưới treo ngọc, già là ý nói thêm vào, lấy ngọc thêm vào trâm để trang sức". Đỗ Phương Cầm trong *Phụ nữ*

(59) Trong nguyên bản, đoạn này tác giả dẫn lại bản dịch ra Hoa văn của Kim Khải Hoa trong *Thi kinh toàn dịch*, Giang Tô Cổ tịch xuất bản xã, 1994, tr. 128, nhưng chúng tôi không dịch lại bản dịch Hoa văn ấy mà dịch thẳng từ bản Hán văn - ND

quan niệm đích diễn biến nói "Phó kê lục già" là vật trang sức trên đầu của vương hậu, phu nhân, là vật cài búi tóc có gắn sáu viên ngọc, đeo trên đầu, biểu thị sự tôn quý. Mao chú, Chu chú và giải thích của Đỗ Phương Cầm đều nói "Phó" là vật trang sức trên đầu "để giữ búi tóc". Còn rốt lại "Phó" có hình dạng ra sao thì vẫn không rõ ràng.

Tác giả *Trung Quốc cổ đại phục sức phong tục* (60) cho rằng "Lục già" trong "Phó kê lục già" có thể là một loại Bộ dao, hiện đã không biết lấy gì để phán đoán. Ông cho rằng từ thời Hán trở về trước, chữ *Già* (*ngọc* + *lực* + *khẩu*) thông với chữ *Gia* (*lực* + *khẩu*), chính là nói "Phó kê lục gia" thời Tiên Tần cũng có thể hiểu là sáu cái trâm cài thêm để tiện sử dụng búi tóc giả. "Phó" và tóc thật có liên quan, giải thích "Phó" là búi tóc giả. Cách giải thích này được hiện vật khảo cổ chứng minh : trên bức tranh điêu khắc đá đào được trong ngôi mộ thời Hán ở đình Đả Hổ Mật huyện tỉnh Hà Nam có hình một nhóm phụ nữ, trên đầu người nào cũng có một búi tóc giả, trên búi tóc đều cắm sáu chiếc trâm, trên bức tranh điêu khắc đá đào được trong ngôi mộ thời Hán ở Nghi Nam tỉnh Sơn Đông cũng có hình phụ nữ như thế. Họ cho rằng đó là "Hình ảnh còn sót lại của Phó kê lục già".

Xem ra "Phó" là búi tóc giả, "Kê lục già" là sáu chiếc trâm cắm trên búi tóc giả, có tranh điêu khắc đá thời Hán làm chứng cứ. Quốc quân phu nhân trong *Quân tử giai lão* có mái tóc đen dày rậm như mây, nàng không dùng búi tóc giả (Thế), mà cắm sáu chiếc

(60) Chu Tấn, Cao Xuân Minh, *Trung Quốc cổ đại phục sức phong tục* (Phong tục ăn mặc ở Trung Quốc thời cổ), Thiểm Tây Nhân dân xuất bản xã, 1988

trâm trên búi tóc thật, mỗi chiếc trâm đều có treo ngọc điền. Trên đầu mang loại trang sức rườm rà như thế, mỗi khi bước đi, vật trang sức sẽ đong đưa qua lại, hiện ra một nét đẹp phiêu động tự nhiên, hiển hiện vẻ đẹp đoan trang mà lộng lẫy. Vật trang sức "Phó kê lục già" lại thêm vào y phục lộng lẫy tuyệt đẹp, càng hiện rõ vẻ đẹp tự nhiên và khí độ cao quý của phụ nữ, đó là cái đẹp hào hoa, cao quý, đoan trang của phụ nữ quý tộc thời Tiên Tần.

Sắc đẹp của phụ nữ bình dân thời Tiên Tần cũng được phản ảnh trong *Thi kinh*. Như các bài *Trần phong, Nguyệt xuất* hay *Đường phong, Tịch liêu*.

Trịnh phong, Xuất kỳ Đông Môn miêu tả một cô gái nhà nghèo cực kỳ mộc mạc, nhưng lại rất được gã trai trẻ say mê. Ngoài Đông Môn "Hữu nữ như vân" (Con gái như mây), nhưng chỉ có nàng này "Cảo y kỳ cân" (Áo trắng khăn xanh), "Cảo y như lư" ((Áo trắng khăn đỏ), mới khơi gợi lòng yêu mến hâm mộ của gã trai. "Cảo" là màu trắng, "Như" là màu xanh da trời. Mặc áo trắng, đội khăn xanh nhạt là lối phục sức của phụ nữ tầng lớp dưới. Cách ăn mặc tuy mộc mạc nhưng cũng rất xinh đẹp khả ái.

Từ quân quốc phu nhân tới bình dân, con gái nhà nghèo, cái đẹp dung mạo, cái đẹp hình thể, cái đẹp phục sức của các tầng lớp phụ nữ thời Tiên Tần đều được phản ảnh trong *Thi kinh*.

Trong mười lăm phần Quốc phong trong *Thi kinh*, từ địa vực mà nhìn thì về cơ bản phản ảnh tình hình ở các nước chư hầu trong lưu vực sông Hoàng Hà, từ thời gian mà nhìn là từ đầu thời Tây Chu đến giữa thời Xuân thu, những nhân vật mà *Thi kinh* miêu tả như quốc quân phu nhân, phụ nữ quý tộc, phụ nữ bình

dân đều là con gái, vợ hay mẹ trong nhà lương thiện, không hề nói tới "nữ nhạc, ca kỹ, vũ nữ chuyên cung cấp sự giải trí cho kẻ thống trị, cũng không phản ảnh văn hóa đất Sở, văn hóa Ngô Việt ở phương nam cùng tình hình cái đẹp phụ nữ ở những nơi đó". Cái đẹp phụ nữ mà *Sở từ* cuối thời Chiến quốc phản ảnh đã bổ sung chỗ thiếu sót của *Thi kinh*. *Sở từ* và phú, dùng thủ pháp lãng mạn chủ nghĩa để phản ảnh một loại cái đẹp phụ nữ, tức cái đẹp của đồng bóng, nữ nhạc, ca kỹ, vũ nữ, nữ thần.

Đồng bóng (Vu) là loại phụ nữ ca múa để tế thần, hầu thần. *Thuyết văn giải tự* nói "Vu là cầu đảo, là loại phụ nữ có thể thờ thần thánh vô hình, dùng việc múa hát để mời thần, đóng vai thần, hai tay áo múa lên". Đến thời Hạ lại xuất hiện các nữ nô lấy ca múa làm nghề nghiệp, gọi là nữ nhạc. Theo truyền thuyết thời vua Kiệt nhà Hạ đã có "ba vạn nữ nhạc" (61). Đến thời Xuân thu, nhất là thời Chiến quốc, nữ nhạc đã bước vào hậu cung và nhà riêng của sĩ đại phu. Nữ nhạc là các phụ nữ ca múa chuyên cung đốn thú vui cho chủ nô. Họ lấy ca múa làm nghề nghiệp, lấy vũ điệu đẹp đẽ, hình thể làm người ta say mê, thần thái nhu thuận, lả lướt, mềm mại làm tiêu hồn người xem, cung cấp cho mọi người sự hưởng thụ "mỹ sắc" đặc biệt. *Sở từ* dùng ngòi bút văn nhân cung đình, tô đậm miêu tả nữ nhạc. Như một đoạn trong bài *Đại chiêu*, miêu tả rất tinh tế mà sinh động về chỗ làm người ta say mê của vũ nữ :

> *Chu thần hạo xỉ, hộ tự khoa chỉ. Tỷ đức hảo nhàn, tập dĩ đô chỉ. Phong nhục vi cốt, điều dĩ ngu chỉ. Hồn hồ quy lai, an dĩ thư chỉ.*

(61) *Quản tử, Khinh trọng.*

Hộ mục nghi tiếu, Nga mi man chỉ. Dung tắc tú nhã, trĩ chu nhan chỉ. Hồn hồ quy lai, tĩnh dĩ an chỉ. Khoa tu bạng hạo, lệ dĩ giai chỉ. Tằng giáp ỷ nhĩ, khúc mi quy chỉ. Bàng tâm trác thái, giảo lệ thi chỉ. Tiểu yêu tú cảnh, nhược tiên tỳ chỉ. Hồn hồ quy lai, tư oán di chỉ. Dịch trung lợi tâm, dĩ động tác chỉ. Phấn bạch đại hắc, thi phương trạch chỉ. Trường duệ phất diện, thiện lưu khách chỉ. Hồn hồ quy lai, Dĩ ngu tích chỉ. Thanh sắc trực mi, mỹ mục diên chỉ. Diệp phụ kỳ nha, nghi tiếu yên chỉ. Phong nhục vi cốt, thể tiện quyên chỉ. Hồn hồ quy lai, tư sở tiện chỉ.

(Môi son răng trắng, tự khoe sắc vậy. So ra nhàn nhã, tập mà đẹp vậy. Thịt đầy xương nhỏ, đều mà tươi vậy. Hồn ơi về đây, yên mà nghỉ vậy. Mắt sáng cười tươi, Mày ngài dài vậy. Dung mạo tú nhã, má như trẻ vậy. Hồn ơi về đây, tĩnh mà yên vậy. Nét đẹp tràn trề, tươi mà xinh vậy. Má giáp vành tai, nét mày cong vậy. Ý cao dáng đẹp, nét lộng lẫy vậy. Eo thon cổ đẹp, như rêu tươi vậy. Hồn ơi về đây, bỏ hờn oán vậy. Bỏ lòng lợi danh, để khơi gợi vậy. Phấn trắng mực đen, điểm trang thêm vậy. Tay áo che mặt, khéo lưu khách vậy. Hồn ơi về đây, Để vui sướng vậy. Mày thẳng nét xanh, mắt đẹp liếc vậy. Má lúm răng ngà, nụ cười tươi vậy. Thịt đầy xương nhỏ, dáng càng xinh vậy. Hồn ơi về đây, nơi này tiện vậy).

Môi đỏ răng trắng, nụ cười thần bí làm người ta ngây ngất, ánh mắt đưa tình liếc nhìn, lông mày tô đen vừa dài vừa cong, hai tay áo dài che khuôn mặt

thẹn thùng ửng hồng, nhoẻn miệng cười thì trên má hiện ra lúm đồng tiền. "Eo thon cổ đẹp", eo lưng nhỏ nhắn, cổ dài mà thuôn, "Thịt đầy xương nhỏ", tay chân đầy đặn, mềm như không xương. "Sở Linh vương thích eo lưng nhỏ, nên cung nhân nhiều người vì nhịn đói mà chết" (62). Nước Sở vốn có tập tục "eo lưng nhỏ". Lưng thon cổ đẹp, tay áo dài che mặt, điệu múa của họ khiến người xem thần hồn ngây ngất. Lối miêu tả như thế thì trước đó chưa từng có, "Trước đó chưa từng có nhà thơ nào từ góc độ thưởng thức mà miêu tả chân thực và sinh động dung mạo thể thái của mỹ nữ như thế" (63), mở ra tiền lệ cho việc thi nhân đời sau miêu tả người đẹp.

Thật ra, nữ nhạc mà *Sở từ* miêu tả là hình tượng nghệ thuật đặc thù về các nữ vũ đạo gia đương thời do thi nhân xây dựng. Loại hình tượng này không phải là hình ảnh của bất cứ loại phụ nữ nào trong thực tế mà là hóa thân của "nữ sắc", "mỹ sắc". Nó phản ảnh quan niệm về mỹ nữ của văn nhân cung đình cuối thời Chiến quốc, mở ra tiền lệ cho loại thơ ca "diễm tình" về sau.

Tống Ngọc trong *Đăng đồ tử hảo sắc phú* đã mô tả cho chúng ta thấy hình ảnh mỹ nữ con nhà lương dân ở nước Sở đương thời :

> *Thiên hạ chi giai nhân, mạc nhược Sở quốc, Sở quốc chi lệ giả, mạc nhược thần lý. Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử. Đông gia chi tử, tăng chi nhất phân tắc thái trường, giảm chi nhất phân tắc thái đoản, trứ phấn tắc thái bạch, thi chu tắc thái xích.*

(62) *Hàn Phi tử, Nhị bính.*

(63) Khang Chính Quả, *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 81, 86

Mi như thúy vũ, cơ như bạch tuyết. Yêu như thúc tố, xỉ như hàm bối, yên nhiên nhất tiếu, cảm Dương Thành, mê Hạ Sái.

(Người đẹp trong thiên hạ không đâu bằng nước Sở, người đẹp trong nước Sở không đâu bằng làng thần, người đẹp trong làng thần không ai bằng con gái nhà láng giềng phía đông. Con gái nhà láng giềng phía đông, tăng một phân thì quá cao, giảm một phân thì quá thấp, đánh phấn thì da quá trắng, thoa son thì môi quá đỏ. Mày như lông trả, da như tuyết trắng. Eo thon như bó, răng như vỏ sò, nhoẻn miệng cười một cái thì làm động Dương Thành, làm mờ Hạ Sái).

Cô gái đẹp này cao thấp thích hợp, sắc mặt không trắng cũng không đỏ, chân mày và mắt, làn da, hàm răng và nụ cười đều không khác các mỹ nhân trong kinh *Thi*, chỉ là "eo thon như bó", mang đặc điểm "eo lưng nhỏ" của nước Sở.

Xin cho chúng tôi nhìn qua hình tượng thần nữ dưới ngòi bút của Tống Ngọc. "Thần nữ" chẳng qua là "hóa thân" điển hình và tập trung của các loại mỹ nữ ở nhân gian, nàng là một giai nhân lộng lẫy đoan trang ở cung đình, biểu hiện "cái đẹp phiêu đật nhàn nhã" (64) của phụ nữ.

Thần nữ trong bài *Thần nữ phú* là một giai nhân tuyệt thế, đẹp tới mức không ai có thể sánh bằng, không thể bới móc :

Mậu hĩ mỹ hĩ, Chư hảo bị hĩ. Thịnh hĩ lệ hĩ, Nan trắc cùng hĩ. Thượng cổ ký vô, Thế sở vị kiến. Khôi tư vĩ thái, Bất khả thăng tán.

(64) Xem chú thích (63)

(Tươi vậy đẹp vậy, Dáng truyệt trần vậy. Xinh vậy sáng vậy, Khó lường hết vậy. Từ cổ không có, Đời chưa từng thấy. Dáng ngà vóc ngọc, Khó mà ca ngợi).

Đây giống như một đoạn "khái quát chung", kế đó miêu tả dung mạo của "thần nữ" khi xuất hiện :

Kỳ thủy lai dã, Diệu hồ nhược bạch nhật sơ xuất chiếu ốc lương, Kỳ tiểu tiến dã, Hạo nhược minh nguyệt thư kỳ quang. Tu du chi gian, Mỹ mạo hoành sinh, Sắc hề như hoa, Ôn hồ như bão, Ngũ sắc tịnh trì, Bất khả tẫn hình, Tường nhi thị chi, Đoạt nhân mục tinh.

(Lúc vừa mới tới, Sáng như mặt trời vừa mọc chiếu trên rường, Hơi bước chân lên, Trắng như trăng sáng rọi nơi xa. Trong khoảng chớp mắt, Vẻ đẹp hiện ra, Sáng như hoa tươi, Ấm như ngọc doanh, Năm sắc rạng ngời, Khôn tả bằng lời, Nhìn kỹ lần nữa, Đầu váng mắt hoa)

Phục sức của "thần nữ" vô cùng hoa lệ :

Kỳ thịnh sức dã, Tác la hoàn khởi di, Thịnh văn chương, Cực phục diệu thái chiếu vạn phương. Chấn tú y, Phi quải thường, Nùng bất đoản, xiêm bất trường. Bộ duệ duệ hề diệu điện đường. Hốt hề cải dung, Uyển nhược du long thừa vân tường .

(Trang phục rực rỡ, Lụa là có vân trông rạng ngời, Y phục lộng lẫy soi muôn nơi. Xốc áo thêu, Tung gót hài, Áo không ngắn, Xiêm không dài. Bước thong thả chừ đẹp tuyệt vời. Chợt lại đổi thay, Mềm tựa rồng chơi nơi lưng trời).

Tác giả so sánh "thần nữ" với mỹ nữ thời cổ "Kỳ tượng vô song, kỳ mỹ vô cực. Mao Tường chương duệ, bất túc trình tức, Tây Thi yểm diện, tỷ chi vô sắc" (Dáng vẻ vô song, xinh đẹp hết mức. Mao Tường che áo, xem ra thua đứt, Tây Thi che mặt, so ra thất sắc). Các mỹ nữ Tây Thi, Mao Tường thời cổ đều buồn rầu thất sắc trước mặt "thần nữ".

Kế đó Tống Ngọc triển khai miêu tả chi tiết về từng bộ phận và thể thái, dáng vẻ toàn thân của "thần nữ" :

Mạo phong doanh dĩ trang khu hề, bao ôn nhuận chi ngọc nhan. Mâu tử quýnh kỳ tinh lãng hề, liêu đa mỹ nhi khả quan. Mi liên quyên dĩ nga dương hề, chu thần đích kỳ nhược đan. Tố chất can chi nùng thực hề, chí giải thái nhi thể nhàn. Ký quỹ họa u tĩnh hề, hựu bà bà hồ nhân gian. Nghi cao điện dĩ quảng ý hề, dực phóng túng nhi xước khoan. Động vụ hộc dĩ từ bộ hề, phất trì thanh chi san san. Vọng dư duy nhi diên thị hề, nhược lưu ba dĩ tương lan. Phấn trường tụ dĩ chính nhẫm hề, lập trịch trục nhi bất an. Đạm thanh tĩnh dĩ âm ế hề, tính trầm tường nhi bất phiền. Thời dung dữ dĩ vi động hề, chí vị khả hồ đắc nguyên. Ý tự cận nhi ký viễn hề, nhược tương lai nhi phục toàn.

(Mặt đầy đặn mà xinh tươi chừ, vẻ ôn nhuận mà mịn màng. Con ngươi trong mắt sáng ngời chừ, trông rất đẹp mà đáng nhìn. Mày cong vút như con ngài chừ, môi hồng thật như màu son. Ý thanh cao mà đằm thắm chừ, lòng thư thái mà thân nhàn. Đã xinh đẹp nơi u tĩnh chừ, lại lộng lẫy nơi nhân gian. Trên điện cao

phô vẻ đẹp chừ, tay mềm mại mà giơ ngang. Xiêm gợn khói nhẹ bước chừ, phất trước thềm nghe vang vang. Cứ nhìn ta mà liếc mắt chừ, như sóng trôi mà dài lan. Xốc tay áo mà khép vạt chừ, cứ lui tới mà không yên. Thích yên tĩnh mà hòa nhã chừ, tính lặng lẽ mà không ồn. Mặt thỉnh thoảng như thoáng động chừ, tựa chưa thể về tận nguồn. Ý như gần mà gửi nơi xa chừ, như sắp tới sẽ quy hoàn).

Tác giả miêu tả "thần nữ" như một tồn tại đẹp nhất mà giới tự nhiên sinh ra. "Tạo hóa chung thần tú", tự nhiên tập trung tất cả sự thần kỳ và đẹp đẽ vào phụ nữ, thể hiện qua "thần nữ". Tống Ngọc đem hết tài năng miêu tả dung mạo xinh đẹp của "thần nữ", nhưng tựa hồ vẫn cảm thấy lực bất tùng tâm. "Vu Sơn thần nữ" dưới ngòi bút của Tống Ngọc tập trung phát hiện hiện thực và quan niệm về cái đẹp của phụ nữ thời Tiên Tần. "Cao Đường thần nữ" trong tiềm thức tập thể của dân tộc Hán là một khuôn mẫu mang sức sống vĩnh cửu, từ bài *Lạc thần phú* của Tào Thực tới *Kim Bình Mai* và *Hồng lâu mộng*, mỗi khi văn nhân muốn biểu đạt tình yêu và sắc đẹp của phụ nữ, hoặc có ý thức hoặc không đều quay lại với khuôn mẫu ấy" (65).

Hình tượng "Vu Sơn thần nữ" là Tống Ngọc căn cứ vào hình tượng vũ nữ cung đình nước Sở mà sáng tạo ra, "dáng vẻ đặc biệt của thần nữ chính là vũ nữ" (66).

(65) Lý Tiểu Giang chủ biên, *Hoa Hạ phụ nữ chi mê*, tr. 63
(66) Khang Chính Quả, *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 88

Cái đẹp của phụ nữ con nhà lương gia trong *Thi kinh* cùng cái đẹp của nữ nhạc, vũ nữ trong *Sở từ* là biểu hiện hai cái đẹp phụ nữ của hai loại phụ nữ thời Tiên Tần. Phụ nữ lương gia, làm con gái, làm mẹ, làm vợ, sinh hoạt trong gia đình, có một loại quan hệ luân lý theo huyết thống với người trong gia đình, tất cả phải chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt của đạo đức luân lý của xã hội và gia đình, tất cả đều lấy cái đẹp đạo đức, cái đẹp bên trong làm chủ, cái đẹp hình thể bên ngoài chỉ là thứ hai, thể hiện cái đẹp của người thục nữ trang trọng, nhàn nhã, ẩn tàng.

Nữ nhạc, vũ nữ, ca kỹ và các nghệ nhân, kỹ nữ về sau bị gạt ra khỏi quan hệ luân lý gia đình, trở thành đồ chơi cung cấp lạc thú cho kẻ thống trị hoặc kẻ có quyền thế. Rất nhiều người đa tài đa nghệ trong bọn họ chính là nữ nghệ thuật gia ở nước ta thời cổ. Họ vì đời sống bức bách, bạo dạn thể hiện nhiệt tình, thậm chí sắc tình của phụ nữ, thường thể hiện một phương diện nhiệt tình phóng khoáng, phiêu dật khỏe mạnh của phụ nữ, trở thành sự bổ sung cho cái đẹp kiểu thục nữ, có thể gọi là cái đẹp kiểu "Bôn nữ" (Phụ nữ phóng túng).

Chương 3.

Trọng nết trọng sắc, đoan trang nhu mì : cái đẹp phụ nữ thời Tần Hán

Chế độ tông pháp của xã hội Tiên Tần bảo lưu rất nhiều phong tục truyền thống của xã hội nguyên thủy, quan hệ giữa người với người là một loại quan hệ bóc lột và bị bóc lột, thống trị và bị thống trị trong kinh tế và chính trị, đồng thời lại là một quan hệ tình cảm về mặt đạo đức luân lý trong quan hệ huyết thống thị tộc. Vả lại, nguyên tắc đạo đức luân lý còn trở thành nguyên tắc tối cao trong quan hệ và xử lý quan hệ giữa người với người. Như vậy, quan hệ thống trị và bị thống trị giữa người và người đã bị tô lên một màu sắc huyết thống, trùm lên một cái mặt nạ thân tình tình cảm dạt dào.

"Lục vương tất, tứ hải nhất" (Sáu vua diệt vong, bốn bể thống nhất), Tần diệt sáu nước, xây dựng một đại đế quốc chuyên chế chủ nghĩa trung ương tập quyền theo chế độ trung ương tập quyền thống nhất, đả phá tình trạng cát cứ theo khu vực thời Chiến quốc, cũng tấn công vào đạo đức luân lý cũ xây dựng trên cơ sở quan hệ huyết thống thị tộc - lễ.

Vì nhà Tần thực hiện phép tắc nghiêm khắc của Pháp gia kết hợp chủ nghĩa công lợi và chủ nghĩa chuyên chế của Pháp gia làm một, nên kẻ thống trị càng tăng cường sự áp bức tàn khốc đối với nhân dân,

dẫn tới việc nhân dân phản kháng, khiến vương triều nhà Tần chết yểu.

Vương triều nhà Hán tổng kết bài học từ vương triều nhà Tần, chọn lựa phương châm "Vô vi nhi trị" của Đạo gia, cùng dân nghỉ ngơi, phế bỏ hình pháp nặng nề của vương triều nhà Tần, giảm nhẹ thuế má, bảo vệ và khuyến khích phát triển sản xuất, đồng thời khôi phục và đề xướng đạo đức luân lý theo quan hệ huyết thống thời Tiên Tần, đề xướng "Hiếu trị", để duy trì và điều tiết quan hệ giữa người với người, lại đem "Lễ" pha trộn với tư tưởng của Pháp gia, hình thành một hệ thống luân lý xã hội mới "Lễ pháp nhất thể".

Trên phương diện tư tưởng văn hóa, đầu thời Hán dùng chính sách khoan dung rộng rãi, đồng thời với việc đề xướng tôn sùng tư tưởng Đạo gia, cũng không bài xích tư tưởng của các nhà khác, lại bắt đầu chỉnh lý, nghiên cứu điển tịch văn hóa. Văn hóa nhà Hán hấp thu một số khối lượng lớn văn hóa nước Sở, rót vào văn hóa phương Bắc tinh thần lãng mạn chủ nghĩa của vu thuật, thần thoại nguyên thủy của văn hóa đất Sở. Từ đó "nảy sinh nền văn hóa Hán sinh khí tràn trề, to lớn đẹp đẽ kết hợp tinh thần lý tính thâm trầm và ảo tưởng lãng mạn bất chấp làm một (1). Loại văn hóa Hán tộc khôi hoằng này có ảnh hưởng rất lớn tới cái đẹp phụ nữ thời Hán.

Hán Vũ đế "bài trừ bách gia, độc tôn Nho học" khiến tư tưởng Nho gia trở thành tư tưởng thống trị. Việc "độc tôn Nho học" trói buộc nghiêm trọng tư tưởng của con người, đồng thời cũng bảo tồn tinh thần nhân đạo chủ nghĩa trong tư tưởng Nho gia và khiến nó lưu

(1) *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 1, tr. 442

truyền về sau, trở thành tinh thần truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Trong đó cũng bao gồm cả "Lễ giáo", "Phụ đức" phát triển từ "Lễ" thời Tiên Tần.

1. Lễ giáo và phụ đức

Tất cả cái gọi là "Lễ giáo phong kiến đều bắt nguồn từ Chu lễ chế định thời xã hội chiếm hữu nô lệ nhà Chu.

Lễ chính là quy phạm chế độ. Thời Chu xây dựng ba loại chế độ cơ bản "Một là chế độ lập con trai lập dòng đích, từ đó mà nảy sinh ra chế độ tông pháp và chế độ tang phục, lại do đó mà có chế độ phong đất cho con em, chế độ vua thiên tử bề tôi chư hầu, hai là chế độ về số lượng miếu thờ, ba là chế độ cùng họ thì không cưới nhau" (2).

Trong ba chế độ cơ bản ấy, có liên quan tới phụ nữ dường như chỉ có điều thứ ba, "cùng họ thì không cưới nhau", muốn quán triệt việc cùng họ không cưới nhau, bảo đảm thực hiện việc lập phụ nữ trai lập dòng đích, thì phải hạn chế phụ nữ, chú trọng việc hôn nhân. Vì thế nên nảy sinh "Nam nữ đại phòng" lấy việc "Nam nữ hữu biệt" làm trung tâm.

Một, cách biệt nam nữ, còn gọi là "Nam nữ đại phòng". Then chốt là ở chỗ đề phòng quan hệ tính dục ngoài hôn nhân giữa nam nữ, để bảo đảm tính chất thuần khiết về huyết thống của quý tộc chủ nô thời Chu, tiến tới đảm bảo thi hành việc "lập con trai lập dòng đích", nếu không sẽ nảy sinh việc con của người

(2) Vương Quốc Duy, *Ân Chu chế độ luận*, *Quan đường tập lâm*, quyển 10

khác kế thừa quyền lực và tài sản, thì còn nói gì tới việc "lập dòng đích".

Vì thế Chu lễ vô cùng coi trọng hôn lễ, "Lễ cưới là gốc của lễ" (3). Trong hôn nhân thực hành chế độ ngoại hôn nghiêm khắc, "cùng họ không cưới nhau", "Lấy vợ là người khác họ, là để thật xa về huyết thống" (4). *Lễ ký, Phường ký* cũng nói "Lấy vợ không lấy người cùng họ, để thật xa về huyết thống". Đây là ý tứ thứ nhất của "Nam nữ hữu biệt".

Ý nghĩa tầng thứ hai của "Nam nữ hữu biệt" là đề phòng quan hệ tính dục ngoài hôn nhân của nam nữ, thực hiện việc nam nữ đại phòng. "Nam nữ có phân biệt thì cha con sẽ thân thiết, cha con thân thiết thì điều nghĩa sẽ nảy sinh, điều nghĩa nảy sinh thì lễ chế sẽ lập, lễ chế lập thì vạn vật sẽ yên ổn. Không phân biệt, không biết điều nghĩa, đó là đạo lý của cầm thú" (5). Lại nói "Nam nữ có phân biệt thì vợ chồng có nghĩa, vợ chồng có nghĩa thì cha con có tình thân, cha con có tình thân thì vua tôi có sự ngay thẳng" (6). Then chốt ở đây chính là "cha con có tình thân", xác định rõ quan hệ huyết thống chính thống giữa cha và con, khiến quan hệ cha con trở thành quan hệ thân thiết nhất trong quan hệ nhân luân, để bảo đảm củng cố chế độ phụ quyền và chế độ kế thừa theo phụ hệ. Cha con có tình thân thì sau đó mới có thể nảy sinh nghĩa và lễ, có lễ rồi thì sau đó mới có thể "vạn vật sẽ yên ổn", gia đình ổn định, trật tự thống trị bền vững, thiên hạ yên định. Đủ thấy "cha con thân thiết" có tác dụng lớn tới mức nào !

(3) *Lễ ký, Hôn nghi.*
(4, 5) *Lễ ký, Giao đặc sinh.*
(6) *Lễ ký, Hôn nghi.*

Vì thế, Chu lễ sử dụng rất nhiều biện pháp cụ thể để ngăn cách nam nữ : lợi dụng điều hiện cư trú ngăn cách nam nữ, "Xây cung thất, chia trong ngoài. Đàn ông ở ngoài, phụ nữ ở trong, cung sâu cổng kín, hôn tự giữ chặt, đàn ông không vào, phụ nữ không ra", thực hành chế độ hồi tỵ theo giới tính, nam nữ từ bảy tuổi trở đi "Không ngồi cùng chiếu, không ăn cùng mâm", "Trong ngoài không dùng chung giếng, không tắm chung, phòng ngủ ngăn riêng, không cho chơi đùa chung. Nam nữ không mặc quần áo chung", "Đàn ông vào nhà trong, không lớn tiếng không chỉ chỏ, ban đêm phải có đuốc, không có đuốc thì đứng lại. Phụ nữ ra khỏi cửa phải che mặt, ban đêm phải có đuốc, không có đuốc thì đứng lại" (7). Những người thân thuộc khác giới trong gia đình cũng phải hồi tỵ, như "Chị dâu và em chồng không trò chuyện, phụ nữ đã có con không mặc xiêm của nhau", "Con gái đã hứa hôn, buộc giải mũ. Đàn ông không có việc lớn không vào gặp. Cô dì chị em gái đã lấy chồng về thăm, anh em ruột không được ngồi chung chiếu, không được ăn cùng chén bát". Còn có ngăn cách ngôn ngữ trong ngoài, "Lời bên ngoài không vào phòng trong, lời bên trong không ra khỏi cửa" (8), "Đàn ông không nói chuyện bên trong, đàn bà không nói chuyện bên ngoài" (9). Giữa nam nữ không có quan hệ thân thuộc lại càng phải ngăn cách nghiêm ngặt "Nam nữ không có người mai mối, không được biết tên nhau, không đưa tiền cho nhau, không quan hệ không gần gũi" (10).

(7) *Lễ ký, Nội tắc.*
(8, 9) *Lễ ký, Khúc lễ thượng.*
(10) *Lễ ký, Nội tắc.*

Những chế độ quy định phân biệt nam nữ ấy vô cùng phiền phức rối rắm, cho dù là nhà quyền thế cũng khó mà thực hiện đầy đủ. Thời Xuân thu Chiến quốc, việc dâm loạn, phong lưu giữa nam nữ quý tộc tầng lớp trên xảy ra rất nhiều. Đủ thấy việc thực hiện chế độ ấy không thu được hiệu quả lớn, hoặc có thể chỉ là Nho gia khuyến cáo để "phục lễ" (trở về với lễ) mà thôi.

Hai, làm rõ sự phục tùng của phụ nữ. "Lễ" yêu cầu phụ nữ phải phục tùng, chủ yếu là phục tùng cha mẹ chồng. "Phụ nữ phục tùng là phục tùng cha mẹ chồng, hòa hợp với người trong nhà, sau đó là phục tùng chồng". "Phụ nữ phục tùng thì trong nhà êm ấm, trong nhà êm ấm thì gia đình có thể trường cửu" (11). Đối với mệnh lệnh của cha mẹ chồng, con dâu "không được cãi lời, không được coi thường, như việc ăn uống, tuy không thèm cũng dọn cho ăn, tới y phục, tuy không muốn cũng may cho mặc". "Con dâu có việc, lớn nhỏ đều phải thưa với cha mẹ chồng. Con dâu không được có tiền riêng, không được dành dụm riêng, không được có vật dùng riêng, không dám lén nghỉ ngơi, không dám tự ý cho" (12). Tóm lại, con dâu đều phải phục tùng cha mẹ chồng, nghe lời cha mẹ chồng, với những người ngang hàng thì phải hòa thuận, biết đoàn kết, như thế sẽ khiến gia đình êm ấm lâu dài.

Ba, là đề xướng phụ đức. Phụ đức chủ yếu là chỉ "Tam tùng tứ đức". "Tam tùng tứ đức" đã được đề ra từ thời Tiên Tần. *Lễ ký, Giao đặc sinh* nói "Phụ nữ là phải theo người, lúc nhỏ theo cha anh, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con". *Lễ ký, Hôn nghị* nói "Ngày xưa phụ nữ trước khi lấy chồng ba

(11) *Lễ ký, Hôn nghi.*
(12) *Lễ ký, Nội tắc.*

tháng, nếu tổ miếu chưa hư hỏng, thì ra đó ở, nếu tổ miếu đã hư hỏng thì vào nhà của tông tộc ở. Dạy cho phụ đức, phụ ngôn, phụ dung, phụ công". "Từ đức" tuy là đề ra, nhưng tựa hồ chỉ thực hiện trong phụ nữ quý tộc. "Tam tùng" thì chẳng qua là trạng thái sinh tồn của phụ nữ nhà Lương gia đương thời.

Bốn là hiểu trinh tiết. Thời Tiên Tần đã đề xướng trinh tiết của phụ nữ. *Lễ ký, Giao đặc sinh* lúc đề cập tới hôn lễ, nói nam nữ kết hôn rồi, "Một khi đã kết đôi, trọn đời không đổi, nên chồng chết thì không tái giá", đề xướng việc quả phụ không tái giá. *Chu Dịch, Hằng* nói "Phụ nhân trinh cát, tùng nhất nhi chung", yêu cầu phụ nữ "theo một người suốt đời". Nhưng thời Tiên Tần yêu cầu về chữ "trinh" đối với phụ nữ không nghiêm khắc mà mười phần lỏng lẻo, không những có nhiều trường hợp quan hệ tình dục ngoài hôn nhân mà việc phụ nữ tái giá, tái hôn cũng không bị dư luận xã hội chỉ trích.

Thời Tiên Tần, quan hệ vợ chồng tựa hồ còn bảo lưu một chút thân thiết. *Lễ ký, Hôn nghị* nói vợ chồng "Cùng vất vả làm ăn, hợp cẩn mời rượu nhau, lấy đó hòa hợp cùng tôn ty để thân thiết với nhau". Vợ chồng "hòa hợp cùng tôn ty" thì đôi bên mới có thể "thân thiết", hơi có chút ý vị vợ chồng bình đẳng. Cái gọi là "phụ nữ phải phục tùng" cũng chính là "phục tùng cha mẹ chồng", còn "đương trượng phu" tức tương đương với chồng.

Thời Chu là thời kỳ xây dựng và củng cố gia đình theo chế độ phụ quyền ở nước ta, lễ chế "Nam nữ hữu biệt" trong Chu lễ là : 1. Củng cố gia đình cá thể theo chế độ phụ quyền, tiêu trừ ảnh hưởng của chế độ quần hôn nguyên thủy, có ý nghĩa tiến bộ trong việc thúc

đẩy xã hội theo hướng văn minh. 2. Duy trì trật tự đẳng cấp trong nội bộ giới chủ nô, duy trì sự yên ổn có lợi cho xã hội. 3. Trong việc bảo vệ phụ nữ không bị cướp bóc, cũng là có ích.

Nhưng lễ chế là do kẻ thống trị đàn ông bảo vệ chế độ phụ quyền, chế độ phu quyền mà đặc ra, xây dựng trên cơ sở mô hình phân chia giới tính đàn ông ở ngoài đàn bà ở trong và quan niệm tư tưởng Nam tôn nữ ty, nên "Lễ" là đề cao đàn ông, đè nén phụ nữ, là giam hãm phụ nữ, trấn áp phụ nữ, ràng buộc nặng nề sự phát triển về tinh thần và thể chất của phụ nữ.

Đến thời Hán "lễ giáo" phát triển thành "Lễ giáo phong kiến kết hợp với chủ nghĩa chuyên chế phong kiến", trở thành gông xiềng trên cổ phụ nữ Trung Quốc, từ thời Nam Tống trở đi sự trói buộc phụ nữ lại càng nặng nề.

2. Từ *Liệt nữ truyện* tới *Nữ giới* - sự hoàn thiện phụ đức phong kiến

Thời Tiên Tần coi trọng quan hệ nhân luân tự nhiên trên cơ sở huyết thống, *Chu Dịch, Tự quái, Hữu thượng thiên* nói "Có trời đất rồi mới có vạn vật, có vạn vật rồi mới có nam nữ, có nam nữ rồi mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có cha con, có cha con rồi mới có vua tôi, có vua tôi rồi mới có trên dưới, có trên dưới rồi mới có hành động lễ nghĩa". Đoạn này coi quan hệ "vợ chồng" là mở đầu của nhân luân. Nho gia cho rằng vợ chồng là "Mở đầu của nhân luân, nền tảng của vương hóa" (13). Lại nói "Đạo của người quân tử

(13) *Mao thi đại tự.*

bắt đầu từ vợ chồng" (14), đều nhấn mạnh tính quan trọng của quan hệ vợ chồng.

Nhưng cùng với việc địa vị phụ nữ bị hạ thấp thêm một bước và sự nhấn mạnh phu quyền, quan hệ vợ chồng cũng từng bước rơi xuống địa vị thứ yếu. Đến thời Hán, chế độ phong kiến chuyên chế trung ương tập quyền trong quá trình hoàn thiện, hình thành hệ thống luân lý "Tam cương ngũ thường" phù hợp với chủ nghĩa chuyên chế phong kiến. Đại nho Đổng Trọng Thư thời Hán đề xuất : Vua là giềng mối của bề tôi, cha là giềng mối của con, chồng là giềng mối của vợ. Ông ta còn chế tạo ra "Ngũ thường" là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm nguyên tắc cơ bản để điều chỉnh "tam cương". Đến đầu thời Đông Hán, *Bạch hổ thông* lại phát triển "tam cương" thành "tam cương lục kỷ", "Tam cương là gì ? Là vua tôi, cha con, vợ chồng. Lục kỷ là bậc phụ chấp, anh em, người trong gia tộc, các cậu, sư trưởng và bạn bè, nên *Hàm văn gia* nói : Vua là giềng mối của bề tôi, cha là giềng mối của con, chồng là giềng mối của vợ". Trước tiên tương ứng với chủ nghĩa phong kiến chuyên chế, quan hệ huyết thống của con người nhường ngôi cho quan hệ thống trị, quan hệ quyền lực. Quyền của nhà vua là vô hạn, quan hệ vua tôi trở thành đứng đầu trong quan hệ giữa người và người, quan hệ huyết thống giữa cha và con là thứ hai, quan hệ vợ chồng vốn là "đầu mối nhân luân" rơi xuống vị trí cuối cùng.

Thứ hai, quan hệ vợ chồng thời Tiên Tần nhấn mạnh "chồng vợ có nghĩa", vợ chồng đều phải tuân thủ danh phận của mình, đều phải làm hết chức trách, tuân

(14) *Lễ ký, Trung dung.*

thủ sự phân công theo vai trò giới tính. Vợ chồng "hợp thể đồng tôn ty", còn có chút ý vị tôn trọng lẫn nhau và "bình đẳng". "Chồng là giềng mối của vợ" thời Hán thì biến quan hệ vợ chồng thành quan hệ thống trị chồng thống trị vợ. "Giềng mối" là sợi dây chủ yếu trên cái lưới, "chồng là giềng mối của vợ" tức chồng là chúa tể cao nhất của vợ, người vợ nhất thiết phải tự nguyện phục tùng chồng, sự sống chết vinh nhục của vợ nằm trong tay chồng. Quan hệ vợ chồng trở thành quan hệ thống trị, quan hệ chuyên chế.

Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng "Chồng là giềng mối của vợ", Lưu Hướng đời Hán Thành đế trước tác *Liệt nữ truyện*, châm biếm chị em Triệu Phi Yến được sủng ái, để cảnh tỉnh người đời.

Bản *Liệt nữ truyện* hiện còn có bảy thiên : Mẫu nghi, Hiền minh, Nhân trí, Trinh thuận, Tiết nghĩa, Biện thông, Bế nghiệt. Lưu Hướng chia phụ nữ thời Tiên Tần làm bảy loại điển hình, ngoài loại Bế nghiệt là hình tượng phản diện, sáu loại còn lại đều là điển hình mà Lưu Hướng tán dương. Lưu Hướng không cầu toàn trách bị đối với phụ nữ, chỉ cần nổi bật về một phương diện nào cũng được khen ngợi, đúng như *Minh sử, Liệt nữ truyện tự* nói "Lưu Hướng viết truyện liệt nữ, chuyện gì thu nhặt vào cũng có thể làm tấm gương, không chỉ theo một loại". Biểu dương phụ nữ không câu nệ theo một lối, có thể đại biểu cho tiêu chuẩn về cái đẹp đạo đức của phụ nữ thời Tây Hán.

Lời Án ngữ phần Mẫu nghi nói "Duy bậc Mẫu nghi, có trí thánh hiền, làm theo điều nghĩa, nói thì đúng nghĩa, thai dưỡng con cháu, dần dần giáo hóa, đã thành toàn đức độ, lại đạt được công nghiệp. Những người làm mẹ và mẹ chồng đọc tới, không thể không

noi theo". Mẫu nghi là điển hình của người mẹ hiền lương, họ dạy con đúng cách, giúp đỡ chồng làm nên công nghiệp.

Lời Án ngữ phần Hiện minh nói "Duy bậc Hiền minh, liêm chính đúng cách, hành động có mực, nói là thành văn chương, hiểu rõ sự lý, biết giềng mối trên đời, cư xử theo pháp độ, trọn đời không gặp tai họa. Bậc hậu phi mà học theo ắt sẽ được tên tuổi rỡ ràng". Họ hiểu sâu đại nghĩa, thông đạt sự lý, hành vi đoan chính, có người có thể nhắc nhở chồng, có người có thể biết được đại thể, tiến cử hiền tài, có người có thể cứu được nạn nước, là khuôn mẫu cho hậu phi học tập.

Lời Án ngữ phần Nhân trí nói "Duy bậc Nhân trí, đoán được tai họa, theo đúng đạo trời, đổi họa thành phúc, làm điều nghĩa ở chỗ yên, nguy hiểm là tránh, trong lòng nơm nớp, luôn luôn cẩn thận. Các bậc phu nhân học theo, sẽ được hiển vinh". Họ kiến thức xa rộng, có thể nhìn mầm mống mà biết được điều sẽ xảy ra. Có người có tài biện luận, có người lo nước lo dân, đều là các phụ nữ thông minh trí tuệ.

Lời Án ngữ phần Trinh thuận là "Duy bậc Trinh thuận, theo đạo tiến lên, tránh sự hiềm nghi, chắc đúng mới nói, trọn đời một lòng, là sự tốt đẹp trong thiên hạ, chăm chỉ trong sạch, chuyên tâm cẩn thận. Các tỳ thiếp xem vào, lấy đó làm khuôn mẫu". Họ đều là các phụ nữ giữ chắc lễ giáo phong kiến, có người thủ lễ mà chết, có người chồng chết không tái giá, thủ tiết trọn đời, có người tuẫn tiết theo chồng. Họ là các tiết phụ liệt nữ được biểu dương đặc biệt từ thời Tống Minh trở đi.

Lời Án ngữ phần Tiết nghĩa là "Duy bậc Tiết nghĩa, không tránh né cái chết, thích điều lành mộ khí

tiết, trọn đời không phụ nghĩa, thành tín dũng cảm, nếu có điều nguy hiểm nhưng đúng điều nghĩa thì không hề ngần ngại. Những người làm vợ học theo, lấy đó làm nền tảng". Họ là những phụ nữ hy sinh cá nhân để thành toàn cho người khác, hiến thân cho đạo nghĩa. Trong bọn họ có nghĩa bộc, nghĩa thê, nghĩa cô, nghĩa kế mẫu vân vân.

Lời Án ngữ phần Biện thông nói "Duy bậc Biện thông, văn chương tài giỏi, nêu ra ví dụ, nói điều cát hung. Mọi chuyện lựa chữ, không hề sai lầm, có thể một lòng, lời lẽ rất công. Thê thiếp học theo, sẽ được người đời ngâm đọc". Họ ăn nói khéo léo, giỏi về văn chương, mẫn tiệp hơn người. Trong bọn họ có người nhờ tài biện luận mà tham gia chính sự, có người nhờ tài ăn nói mà rửa oan cho mình hay thân thuộc, tránh được tai họa và sự nhục nhã.

Trong sáu loại Mẫu nghi, Hiền minh, Nhân trí, Trinh thuận, Tiết nghĩa, Thông biện, phụ nữ chỉ cần thuộc một hai loại là có thể được biểu dương thành khuôn mẫu cho phụ nữ. Mẫu nghi, Hiền minh, Nhân trí và Thông biện, đặc biệt là ba loại sau chủ yếu đánh giá phụ nữ từ các nhân tố trí lực như tài thức, khí chất, năng lực, tinh thần dáng vẻ, nhân tố nhân cách. Chỉ có Trinh thuận và Tiết nghĩa mới đánh giá phụ nữ từ góc độ đạo đức thuần túy.

Sự phân loại phụ nữ của Lưu Hướng cho thấy người thời Tây Hán có nhiều tiêu chuẩn và rộng rãi trong việc đánh giá phụ nữ. Thời Tây Hán, thông minh tài trí, khí chất năng lực, tinh thần phong mạo, thậm chí năng lực ngôn ngữ vân vân, các phương diện đức, tài, trí, biện đều là tiêu chuẩn đánh giá cái đẹp bên trong của phụ nữ.

Lời Án ngữ phần Bế nghiệt nói "Duy kẻ Bế nghiệt, thì rất đáng ghét, dâm tà đố kỵ, phụ nghĩa bỏ tiết, chỉ làm điều sai, cuối cùng chịu họa". Bế nghiệt đồng nghĩa với từ "Nữ họa", kể ra nhiều điển hình phụ nữ "nữ họa" thời Tiên Tần, lấy đó cảnh tỉnh khuyên răn người đời, đề phòng "nữ họa". Phần Bế nghiệt chứa đầy thiên kiến đối với phụ nữ loại này. Loại phụ nữ này phần nhiều là dung mạo xinh đẹp, không sửa đức độ. Đủ thấy Lưu Hướng cũng trọng đức khinh sắc

Đến thời Đông Hán, lịch sử nước ta xuất hiện một vị "Nữ thánh nhân". Bà chính là Ban Chiêu. Ban Chiêu tự Huệ Ban, còn gọi là Ban Cơ, là con gái Ban Bưu sử gia nổi tiếng của nước ta, em gái Ban Cố. Ban Chiêu "học rộng tài cao", gia học uyên thâm. Ban Cố soạn sách *Hán thư*, hai phần *Bát biểu* và *Thiên văn chí* chưa hoàn tất, Ban Cố đã qua đời. Hán Hòa đế sai Ban Chiêu tới Đông quán Tàng thư các viết tiếp, cuối cùng bà hoàn thành sách *Hán thư*. Từ đó trở đi, Hán Hòa đế lại nhiều lần triệu bà vào cung dạy dỗ cho hoàng hậu và các quý nhân, hiệu là Tào đại gia. Hòa Hy Đặng Thái hậu lâm triều, lại sai bà vào hậu cung dạy kinh sử và "cùng nghe chính sự" (15).

Ban Chiêu là một phụ nữ trí thức am hiểu kinh điển Nho gia, chịu sự hun đúc rất sâu sắc trong lễ giáo Nho học truyền thống từ thời Tần trở đi, lại dạy dỗ hậu phi trong cung về phụ đức, kinh sử, vì thế hiểu rất rõ về những tấm gương phụ đức thời trước. Bà góa chồng rất sớm, nhiều năm thủ tiết. Sau khi lấy chồng hơn bốn mươi năm, bà "Nơm nớp lo lắng, thường sợ có điều gì sỉ nhục làm mang tiếng cha mẹ, lại thêm

(15) *Hậu Hán thư, Liệt nữ truyện, Tào Thế Thúc thê.*

vất vả trong ngoài, sớm tối lo toan, siêng năng không nề vất vả, từ nay về sau, chỉ biết cố gắng mà thôi" (16). Hơn bốn mươi năm có kinh nghiệm làm con dâu, kết hợp với học vấn về kinh sử, viết thành *Nữ giới*. Tập hợp những điều về "phụ đức", "lễ giáo" thời Tiên Tần, Tây Hán, lại thêm vào những điều bản thân bà thể hội, vì thế văn chương trong *Nữ giới* đơn giản hàm súc, thân mật tự nhiên, có ảnh hưởng lâu xa.

Sự xuất hiện của *Nữ giới* là cột mốc về sự hoàn thiện của đạo đức phụ nữ thời phong kiến ở nước ta.

Từ khi Giả Nghị thời Tây Hán đề xướng gia đình hài hòa, khôi phục lễ chế (trong *Tân thư, Lễ* ông nói "Chồng hòa thì nghĩa, vợ thuận thì chính, mẹ chồng hiền từ thì theo, con dâu nghe dạy bảo thì dịu dàng, đó là chất của lễ". Đến Đổng Trọng Thư đề xuất "Tam cương, ngũ thường" ở giữa qua *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng và "Tam cương lục kỷ" trong *Bạch hổ thông* đời Đông Hán, đến khi *Nữ giới* ra đời, trải qua khoảng ba trăm năm, đạo đức phụ nữ phong kiến cuối cùng đã được hoàn thiện.

Mục đích trực tiếp của việc soạn ra *Nữ giới* là viết cho con gái Ban Chiêu đọc, "Thương các con gái vừa theo chồng mà không được dạy dỗ, không biết phụ lễ, e rằng sẽ mất mặt ở nhà người ta, làm xấu hổ cho tông tộc", vì thế viết *Nữ giới* bảy thiện, để các con gái học theo phụ lễ, phụ đức. Điều mà Ban Chiêu không lường trước là *Nữ giới* lại trở thành quyển sách giáo khoa thứ nhất cho phụ nữ thời phong kiến suốt một

(16) *Nữ giới, Tự*, như trên. Các trích dẫn *Nữ giới* trở xuống là rút từ *Hậu Hán thư, Liệt nữ truyện, Tào Thế Thúc thê*.

ngàn năm sau, ảnh hưởng vô cùng xa rộng. Toàn sách có tất cả bảy chương.

Ty nhược đệ nhất. Chuyên luận thuật về địa vị thấp hèn của phụ nữ trong gia đình, là tổng cương của toàn sách. Nêu rõ ba đạo lý làm người suốt đời của phụ nữ trong gia đình : Thứ nhất, "Ty nhược hạ nhân" tức "khiêm nhượng cung kính, đặt người lên trên đặt mình xuống dưới, có điều tốt chớ khoe, có điều xấu chớ tranh cãi, nhẫn nhục chịu mang tiếng, ngày thường thì như run sợ, như thế gọi là ty nhược hạ nhân". Thứ hai "Tập lao chủ chấp cần", tức "thức khuya dậy sớm, không ngại sớm tối, lo lắng việc nhà, không nề khó dễ, làm việc là xong, thủ tích chỉnh lý, như thế gọi là chấp cần". Thứ ba "Kế tế tự", tức "nghiêm trang đoan chính, để thờ phu chủ, trong sạch tự giữ, không thích đùa giỡn, tránh xa rượu thịt, để cúng tổ tiên". Yêu cầu con dâu phải trở thành đầy tớ "Ty nhược hạ nhân" trở thành nô lệ. làm việc quần quật suốt ngày, và trở công cụ tế tự tổ tiên.

Phu phu đệ nhị, Kính thận đệ tam và *Chuyên tâm đệ ngũ*, đều là nói về quan hệ vợ chồng. *Phu phụ đệ nhị* cho rằng trong quan hệ vợ chồng thì chồng cai quản vợ, mà vợ phải thờ chồng, "chồng không hiền thì không thể cai quản vợ, vợ không hiền thì không thể thờ chồng. Chồng không cai quản vợ thì uy nghi sứt mẻ, vợ không thờ chồng thì đạo nghĩa rơi rụng. Quan hệ giữa vợ chồng là quan hệ cai quản và bị cai quản, tức quan hệ thống trị và bị thống trị, cũng tức là "chồng là giềng mối của vợ". Quan niệm "Vợ chồng có nghĩa" thời Tiên Tần đã mất hút không thấy bóng dáng đâu nữa.

Kính thận đệ tam là nói vợ phải kính chồng phục tùng chồng, nhấn mạnh nam cương nữ nhược, vợ phải phục tùng chồng vô điều kiện, phải nhường nhịn cầu toàn, để tránh phát sinh xung đột vợ chồng. Chuyên tâm đệ ngũ yêu cầu vợ theo chồng suốt đời, "Chưa từng nghe đàn bà được lấy hai chồng", "trời vốn không thể chạy thoát, chồng vốn không thể tách rời", vợ đối với chồng phải "chuyên tâm chính sắc", "Tai không nghe tiếng dâm, mắt không nhìn việc tà, ra ngoài không trang điểm, vào nhà phải buông rèm, không được tùng tam tụ ngũ, không chịu trông nom nhà cửa", một lòng một dạ trung thành với chồng, thờ phụng chồng.

Khúc tùng đệ lục, yêu cầu con dâu không phân biệt phải trái, đúng sai, phải răm rắp vâng lệnh cha mẹ chồng. Vì cha mẹ chồng chủ tể tất cả mọi việc trong nhà, nếu được lòng cha mẹ chồng, mới có thể củng cố quan hệ với chồng. Hòa thúc muội đệ thất, vì lời chê khen của thúc muội (em trai, em gái và em dâu của chồng) trực tiếp ảnh hưởng tới quan hệ giữa con dâu và cha mẹ chồng, "cho nên người trong gia đình hòa thuận thì lời dèm pha bị lấp, trong ngoài ly tán thì điều xấu phơi bày", xây dựng quan hệ tốt với thúc muội, sẽ được cha mẹ chồng và chồng khen ngợi.

Sáu chương trên đều nói về quan hệ gia đình, chỉ có *Phụ hành đệ tứ* là giải thích về "Tứ đức" trong *Lễ ký* :

"Nữ hữu tứ hạnh : Một là phụ đức, hai là phụ ngôn, ba là phụ dung, bốn là phụ công".

Cái gọi là phụ đức là "Thanh nhàn trinh tĩnh, tiết nghĩa tề chỉnh, hành sự có liêm sỉ, động tĩnh có pháp độ, như thế gọi là phụ đức", "Phụ đức không cần phải có tài năng gì khác người".

Cái gọi là phụ ngôn là "Lựa lời mà nói, không nói lời ác, mà sau khi nói cũng không ghét người, như thế gọi là phụ ngôn", "Phụ ngôn thì không cần mồm mép lanh lợi".

Cái gọi là phụ dung là "Tắm gội sạch sẽ, ăn mặc sạch sẽ, thường xuyên tắm gội, không có cáu ghét, như thế gọi là phụ dung", "Phụ dung, thì không cần nhan sắc xinh đẹp".

Cái gọi là phụ công là "Chuyên tâm canh cửi, không thích đùa giỡn, nấu nướng sạch sẽ, để mời khách khứa, như thế gọi là phụ công", "Phụ công, thì không cần khéo léo hơn người".

"Tứ đức" từ cái đẹp phẩm đức, cái đẹp ngôn ngữ, cái đẹp dung mạo, cái đẹp siêng năng, bốn phương diện mà quy định đạo đức và hành vi của phụ nữ, trở thành chuẩn mực hành vi và quy phạm đạo đức của phụ nữ Trung Quốc thời phong kiến. Việc tu dưỡng bốn "cái đẹp" ấy yêu cầu phụ nữ phải thực hiện trong sinh hoạt thường ngày ở gia đình, mà lại có sự hạn chế trong bốn cái "không cần", mỗi một "đức" đều yêu cầu mức độ thích hợp, vừa khớp, không được quá phận.

Nhìn một cách trừu tượng thì bốn hạng mục cái đẹp đạo đức nói trên tựa hồ quả rất tốt đẹp, rất đáng khẳng định và phát huy. Nhưng "tứ đức" lấy "chồng là giềng mối của vợ" và "Tam tùng" làm tiền đề. "Tam tùng tứ đức" từ thời Hán trở đi đã trở thành chỉnh thể không thể chia cắt. Tứ đức là được thực hiện dưới sự nam tôn nữ ty, phụ nữ phục vụ đàn ông, phụ nữ bị đàn ông đè nén, kỳ thị, là yêu cầu phiến diện cua đàn ông đối với phụ nữ, vì thế không khả thủ.

Nữ giới từ chỉnh thể mà nhìn là quá nhấn mạnh sự ty nhược và phục tùng của phụ nữ, khiến phụ nữ

hoàn toàn mất hết ý thức "tự mình", mất hết nhân cách độc lập. Nó do phụ nữ viết ra, là một sản phẩm tự nhược hóa, tự ty ty tiện của phụ nữ dưới sự đè nén của nam quyền.

Nữ giới là trước tác quy định hành vi phụ nữ đầu tiên của nước ta, là bộ sách "giáo khoa cho nữ giới" đầu tiên ở nước ta. Nó tập trung các quan điểm tư tưởng lẻ tẻ, rời rạc về phụ đức, lễ giáo, "tam tùng tứ đức" trong các sách vở Nho gia từ thời Tiên Tần đến thời Hán, lại hệ thống hóa, luân lý hóa. Vì thế, sự ra đời của *Nữ giới* là cái mốc về sự hoàn thiện của đạo đức phụ nữ thời phong kiến.

Trong thực tế *Nữ giới* là tiêu chuẩn đối với phụ nữ làm dâu đương thời, quy định vai trò trong gia đình của phụ nữ. *Nữ giới* là Ban Chiêu lấy kinh nghiệm làm dâu hơn bốn mươi năm viết ra, phản ảnh khá chân thực hoàn cảnh "lo lắng nơm nớp", run run sợ sợ, tiến lui đều khó của các phụ nữ làm dâu đương thời. Nó lại là gông xiềng tiến thêm một bước trong việc trói buộc phụ nữ, nô lệ hóa tinh thần phụ nữ, có ảnh hưởng rất sâu sắc trong việc giáo dục phụ nữ đời sau.

Tính chất sinh động chi tiết, có thể làm theo của *Nữ giới* rất cao, tính thực tiễn lớn, trở thành sách giáo khoa cho phụ nữ tầng lớp trên hơn một ngàn năm sau tự mình tu dưỡng, tự mình ràng buộc, dấy lên tác dụng rất xấu trong việc phụ nữ Trung Quốc tự mình giam nhốt mình, tự mình nhược hóa mình.

3. Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp

Ban Chiêu trong *Nữ giới* đề xuất luận điểm "Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp". Bà nói "Âm dương khác tính, nam nữ dị hành, dương lấy cương làm đức, âm lấy nhu

làm dụng, nam lấy cương làm quý, nữ lấy nhược làm đẹp, nên lời ngạn có câu : Sinh nam như lang, do khủng kỳ uông ; Sinh nữ như thử, do khủng kỳ hổ" (Sinh trai như sói, còn sợ nó nhát ; sinh gái như chuột, còn sợ nó dữ)". Bà nhấn mạnh việc nam phải mạnh, nữ phải yếu.

Ban Chiêu đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phụ nữ phải ty nhược hạ nhân, bà giải thích câu "Nãi sinh nữ tử, Tải tẩm chi địa, Tải y chi tích, Tải lộng chi ngõa" (Nếu sinh được gái, thì cho ngủ dưới đất, cho quấn tã lót, cho chơi mảnh ngói) trong *Thi, Tiểu nhã, Tư can* là phụ nữ suốt đời phải "ty nhược hạ nhân", tóm lại là nhấn mạnh phụ nữ phải nhu nhược.

Thời Tiên Tần, đặc biệt là từ thời Xuân thu trở về trước, phụ nữ lấy việc thân thể cao to làm đẹp, như *Thi, Thạc nhân* đã phản ảnh. *Chu Dịch* nhấn mạnh cái đẹp âm nhu, đề xướng phụ nữ phải tĩnh, nhu, thuận, nhưng đối với cái động, cương, kiện của đàn ông, thì hoàn toàn không phải yêu cầu phụ nữ nhất loạt cứ tĩnh, nhu, thuận. Thời đại Ban Chiêu sống, địa vị của phụ nữ đã thấp hơn, nhấn mạnh "chồng là giềng mối của vợ", yêu cầu phụ nữ càng thêm nhu thuận mềm yếu. Đáp ứng với yêu cầu xã hội ấy, Ban Chiêu mới đề xuất phụ nữ phải hèn hạ yếu ớt dưới người, "phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp".

"Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp", một mặt nhấn mạnh yêu cầu nhu nhược vô lực về thể thái của phụ nữ, "Sinh nữ như thử, do khủng kỳ hổ" (Sinh gái như chuột, còn sợ nó dữ). *Chu Dịch, Cấu* nói "Nữ tráng, vật dụng thú nữ" (Phụ nữ mạnh mẽ thì không nên lấy), tựa hồ chủ trương đàn ông không nên lấy phụ nữ mạnh khỏe làm vợ, "Vật dụng thủ nữ, bất khả dữ trường dã" (Đừng lấy

làm vợ, không thể lâu dài). Lấy phụ nữ mạnh khỏe làm vợ, không thể lâu dài. Ban Chiêu chủ trương phụ nữ hèn hạ yếu ớt, là yêu cầu phụ nữ phục tùng chồng, nhịn nhục để cầu toàn.

"Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp" còn yêu cầu tính cách phụ nữ nhu nhược, khoan dung phục tùng, đối với chồng phải "tôn kính vâng lời", ngôn ngữ cung thuận, nhường nhịn, khuất phục, không được giận dữ ra mặt, không được tức giận, để duy trì sự hòa thuận vợ chồng.

Mềm yếu là tiền đề của nhu thuận, nếu quả người phụ nữ sinh ra cương trực, thì có thể "làm nhục chồng", vì thế yêu cầu phụ nữ phải mềm yếu.

Làm thế nào để đạt tới chỗ "lấy yếu ớt làm đẹp" ?

Biện pháp duy nhất là yêu cầu phụ nữ phải đè nén mình, thực hiện tự mình đè nén, làm tiêu mòn ý thức của mình, tiêu diệt nhân cách và cá tính độc lập. Ban Chiêu nhiều năm thủ tiết, đã hiểu rất sâu sắc cảm giác tự mình đè nén mình. Lúc viết tới đoạn "tùng nhất nhi chung" bà nói "Chồng là trời vậy. Trời vốn không thể chạy thoát, chồng vốn không thể tách rời. Làm trái với thần linh, trời sẽ xử phạt". Giữa những dòng chữ xuất hiện rất nhiều ý tứ không biết làm sao! Chỉ vì sợ trời trừng phạt, phụ nữ mới bị bức bách phải thủ tiết. Đủ thấy thủ tiết tuyệt nhiên không phải là sự tự nguyện hay "tự giác" của phụ nữ.

Ban Chiêu soạn ra tác phẩm *Nữ giới* về phụ đức đè nén phụ nữ như thế, cho thấy phụ nữ tầng lớp trên thời Đông Hán đã thừa nhận và khuất phục phụ quyền, phu quyền. "Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp" mà họ đề xuất là biểu hiện của sự tự mình nhược hóa dưới sự đè nén của phụ quyền, phu quyền, có tác dụng khuấy nước giúp

sóng đối với quan niệm cái đẹp yếu ớt, cái đẹp bệnh hoạn và sự phát triển của nó trong thực tế.

Quan niệm "Phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp", lúc sức nước cường thịnh thời Hán Đường thì không có ảnh hưởng lớn, nhưng từ thời Nam Tống trở đi, quan niệm cái đẹp bệnh hoạn "lấy yếu ớt làm đẹp" này và tư tưởng tự mình nhược hóa của phụ nữ mới bắt đầu phổ biến trong xã hội.

4. Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình - sự xây dựng chế độ tuyển chọn hậu phi

Thời Tiên Tần, thê thiếp của đế vương, chư hầu đại thể thông qua các phương thức hỏi cưới, mai mối, võ lực cướp đoạt và chư hầu cống nạp mà thành. Việc hỏi cưới thành vợ, vợ thiên tử gọi là Hậu, vợ chư hầu gọi là Phu nhân. Những người vợ khác đều gọi là Thiếp nhưng đều có danh hiệu riêng. Từ thời Tam đại trở đi, trong cung có cái gọi là "Nội chức", *Lễ ký, Hôn nghi* nói "Thiên tử thời cổ lập sáu cung, ba phu nhân, chín tần, hai mươi bảy thế phụ, tám mươi mốt ngự thê, để nghe việc trị gia trong thiên hạ, để làm rõ sự thuận tùng của phụ nữ". Hậu là vợ chính của bậc vương, địa vị ở trong cung tương đương thiên tử, ba phu nhân thì như tam công, chín tần thì như cửu khanh, thế phụ cũng như đại phu, ngự thê cũng như sĩ. "Phu nhân ngồi bàn về phụ lễ, chín tần coi việc dạy dỗ tứ đức, thế phụ coi việc chôn cất tế lễ, tiếp khách, nữ ngự theo thứ tự hầu hạ việc ăn uống nghỉ ngơi của vua" (17) phân công theo ban, ai có việc người ấy, đều có trách nhiệm.

(17) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Tự.*

Thời Tiên Tần, thê thiếp của đế vương, chư hầu bất kể là hỏi cưới hay mai mối, chư hầu cống nạp hay dùng vũ lực cướp đoạt, đa số là hôn nhân chính trị hoặc cống nạp giữa đế vương và chư hầu, hoặc giữa các chư hầu. Việc đế vương và chư hầu nạp con gái thường dân làm thê thiếp không có nhiều.

Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước, đem toàn bộ mỹ nhân của sáu nước chư hầu nạp vào hậu cung, "Trong hậu cung có hơn vạn con gái, khí xông lên trời" (18). "Gái đủ cả bảy nước, tước chia làm tám bậc" (19). Mẹ hoàng đế gọi là Hoàng thái hậu, tổ mẫu hoàng đế gọi là Thái hoàng thái hậu, vợ gọi là Hoàng hậu, thiếp đều gọi là Phu nhân, lại có Mỹ nhân, Lương nhân, Bát tử, Thất tử, Trưởng sử, Thiếu sử, từ hoàng hậu đến Thiếu sử tổng cộng có tám bậc (20).

Đầu thời Tây Hán, vì Cao tổ là kẻ áo vải xuất thân, không chú trọng lễ nghi, nên chế độ trong hậu cung đại thể kế thừa chế độ nhà Tần, cũng có các danh hiệu như nhà Tần, không có chế độ tuyển chọn hậu phi hoàn bị. Đầu thời Tây Hán, "Việc tuyển nạp còn đơn giản, trang sức cũng ít hoa lệ" (21), sinh hoạt trong hậu cung cũng còn khá tiết kiệm.

Đến đời Hán Vũ đế, tăng thêm bốn bậc Tiệp dư, Thánh nga, Dung hoa, Sung y, Hán Nguyên đế lại thêm danh hiệu Chiêu nghi. Đến lúc ấy, phi tần trong hậu cung đã lên tới ba ngàn người, chia thành mười bốn bậc : Chiêu nghi, Tiệp dư, Thánh nga, Dung hoa, Mỹ nhân, Bát tử, Sung y, Thất tử, Lương nhân, Trưởng sử,

(18) *Sử ký, Tần Thủy hoàng kỷ, Chính nghĩa.*
(19, 20) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Tự.*
(21) *Tiền Hán thư, Ngoại thích truyện, Tự.*

Thiếu sử, Ngũ quan, Thuận thường, Vô quyên (Ngụ lâm, Bảo lâm).

Hán Quang Vũ Lưu Tú nhà Đông Hán thực hiện chế độ "tinh giản" hậu cung, danh hiệu trong sáu cung ngoài Hoàng hậu, Quý nhân có bổng lộc còn có Mỹ nhân, Cung nhân, Thể nữ ba bậc, không có phẩm trật bổng lộc. Nhân số trong hậu cung cũng từ mấy ngàn người thời Tây Hán giảm xuống còn vài mươi người. Từ thời Tần Hán trở đi, thiên hạ thống nhất, thực hiện chế độ quận huyện, chế độ liên hôn giữa vương với chư hầu thời Tiên Tần hoặc giữa chư hầu với nhau đều đã không còn, việc mai mối, cướp đoạt, cống hiến cũng không thể tồn tại nữa. Vì thế, đế quốc lớn thống nhất cung cấp cho hoàng đế một vùng trời đất rộng rãi để tuyển chọn hậu phi. Vì thế, bắt đầu từ thời Hán từng bước hình thành chế độ tuyển chọn hậu phi trong dân gian.

Từ Hán Cao tổ đến Hán Vũ đế, việc tuyển chọn con gái nhà thường dân không nghiêm ngặt lắm, về tiêu chuẩn xuất thân địa vị gia đình, nhan sắc của con gái nhà thường dân được tuyển không có yêu cầu rõ ràng, thậm chí ngay cả ca nhi vũ nữ cũng đều có thể được tuyển chọn.

Vệ hoàng hậu Tử Phu của Hán Vũ đế chính là một nữ ca nhi. Vệ Tử Phu vốn là "Âu giả" (tức ca nhi) của nhà Công chúa Bình Dương. Một lần Vũ đế ra ngoài tuần hành, trên đường ghé nhà Công chúa. Công chúa Bình Dương đưa nàng cùng các mỹ nữ con nhà lương dân vào sắp hàng trước mặt Vũ đế, để Vũ đế chọn lựa, nhưng Vũ đế không thích người nào. Trên tiệc rượu các ca kỹ vũ nữ ra biểu diễn tài nghệ, Vũ đế vừa nhìn thấy Vệ Tử Phu, rất vui lòng, bèn "ngự"

luôn trên quân xa, nạp vào hậu cung, về sau lập làm hoàng hậu. Lý phu nhân của Vũ đế cũng là một ca vũ kỹ. Lý Diên Niên anh Lý phu nhân là người ca múa trong cung đình. Một hôm ông ta hát cho Vũ đế nghe một bài Giai nhân ca "Bắc phương hữu giai nhân, Tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, Tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, Giai nhân nan tái đắc" (Phương Bắc có giai nhân, Đẹp nhất trong thiên hạ, Ngoái nhìn thì nghiêng thành, Nhìn nữa thì nghiêng nước. Há chẳng biết nghiêng thành với nghiêng nước, Giai nhân khó mà được). Vũ đế khen "Hay, trên đời há lại có người như thế sao ?". Công chúa Bình Dương nói với Vũ đế em gái Lý Diên Niên chính là giai nhân tuyệt thế. Vì thế, "Vua bèn triệu kiến, quả thật xinh đẹp giỏi múa, vì thế được sủng ái" (22). Cáu Dặc phu nhân cũng là Hán Vũ đế tuần hành gặp dọc đường.

Từ đời Hán Chiêu đế trở đi, việc tuyển chọn con nhà thường dân dần dần trở nên nghiêm ngặt, quy định tuyển chọn con nhà lương gia, tức những người không làm nghề buôn bán và ca xướng. Về xuất thân, địa vị của hậu phi cũng có yêu cầu nhất định.

Từ thời Đông Hán trở đi, việc tuyển chọn hậu phi trở thành chế độ. Hàng năm vào tháng tám mùa thu bắt đầu tuyển chọn con gái nhà thường dân. Lại phái quan viên chuyên môn tham gia tuyển chọn, "Sai Trung đại phu và Dịch đình thừa cùng Tướng công" ra dân gian tuyển chọn đồng nữ nhà lương gia. Khu vực tuyển chọn là chung quanh khu vực Lạc Dương thời bấy giờ, trong thực tế có một nửa trở lên là tuyển chọn từ các

(22) *Tiền Hán thư, Ngoại thích truyện.*

thôn xóm ở Lạc Dương. Tuổi của đối tượng được chọn là "mười ba trở lên, hai mươi trở xuống", tướng mạo thì yêu cầu "xinh đẹp đoan trang, hợp với tướng pháp" (23). Về mặt yêu cầu sắc đẹp, thời Hán vô cùng mê tín thuật xem tướng mặt của Tướng công, trong truyện ký về hậu phi có nhiều câu là lời của Tướng sĩ loại như cô gái này "sẽ đại quý". Cách nhìn của Tướng công, phản ánh cách nhìn về cái đẹp dung mạo của phụ nữ đương thời.

Về phương diện phụ đức, cũng có yêu cầu nghiêm ngặt, đặc biệt là đời Hán Minh đế, "Cung giáo phả tu, thăng lập tần hậu, trước tiên là chọn người có đức, ở trong không nói việc ngoài cửa cung, quyền hành không được mê muội giao cho". Kẻ thống trị nhà Đông Hán tổng kết bài học thời Tây Hán, đề ra "Sáng suốt cẩn thận việc cưới nạp, tìm người hiền thục minh triết", lựa chọn hậu phi hiền đức, để tiện giúp đỡ hoàng đế chấp chính, gắn liền chế độ tuyển chọn mỹ nữ vào với sự ổn định ách thống trị phong kiến.

Tuyển hậu phi như thế nào? Chính sử không ghi chép tường tận. Thời Đông Hán có người soạn quyển *Hán Hiếu Huệ Trương hoàng hậu ngoại truyện*, ghi chép khá rõ ràng, trong đó nói "Nhà Hán nối theo chế độ nhà Tần, mỗi khi nạp hậu phi, ắt sai nữ quan biết tướng pháp tới xem xét. Tháng tám mùa thu, hạ chiếu gọi Minh thư hầu Hứa Phụ tới phủ đệ Tuyên Bình hầu, Hứa Phụ là bà già người Hà Nội, nhờ giỏi tướng pháp mà được phong hầu".

Phụ đưa cô gái vào phòng kín, tấn gội cho nàng, nhìn rõ khuôn mặt cô gái : Dài mà hơi tròn, trắng

(23) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Tự.*

đẹp không có tỳ vết, hai má đầy đặn, như trăng tròn, mày ngài mắt phượng, sống mũi thẳng mà tóc mượt, vành tai to rủ xuống, trắng như da mặt, trán rộng tròn mà sáng bóng, ngực nở đầy đặn, vai tròn mà thẳng, lưng nhỏ mà dày, eo thon, da dẻ mịn màng trắng trẻo, gầy béo vừa phải, không bị trĩ không có mụn, không có nốt ruồi đen hăm và tật kín ở miệng, mũi, nách, chân. Hứa Phụ nhất nhất ghi vào sách" (24). Sau đó mật trình lên hoàng hậu và Huệ đế. Sau khi Lữ Thái hậu và Huệ đế quyết định, sách phong Trương Yên làm hoàng hậu.

Cách thức thông qua Tướng công xét nghiệm thân thể của cô gái thường dân được chọn làm hoàng hậu ấy, trong thực tế chính là hoạt động "tuyển chọn mỹ nữ" của cung đình.

Về phụ đức, thường phải thông qua thời gian khá dài để khảo sát, hoàng hậu thường được chọn trong các phi tần có đức và sinh được con trai. Ví dụ Minh Đức Mã hoàng hậu của Minh đế, năm mười ba tuổi vào cung Thái tử, "Thờ phụng Âm hậu, nhún nhường với người ngang hàng, lễ số phép tắc đầy đủ, trên dưới đều khen", đối với Âm hoàng hậu và các phi tần khác, trên dưới tả hữu đều có quan hệ tốt, cung kính cẩn thận, cử động có phép tắc, được trên dưới tả hữu nhất trí đánh giá tốt. Sau khi Hiển tông tức vị được phong

(24) *Hương diễm tùng thư*, tập 6, quyển 1. Theo bài tựa trong đó nói, người viết sưu tập được Tương Nữ kinh, quyển 3, Tương Hán cung Hậu phi ký quyển 2 của Hứa Phụ soạn, nên đoạn này tựa hồ như có căn cứ. Hán tạp sự bí tân đo Dương Thận người thời Minh ngụy tạo, ghi lại tình hình cung đình thời Hán tuyển chọn Lương Hoàng hậu Nữ Oanh, phản ánh quan niệm người đẹp của người thời Minh, nên ở đây không dẫn lại.

làm Quý nhân, khi Hiển tông lập hoàng hậu, "Vua chưa nói gì, Hoàng thái hậu nói : Mã Quý phi đức hạnh đứng đầu hậu cung, chính là người ấy. Bèn lập làm hoàng hậu" (25). Mã Quý phi là thông qua khảo xét lâu dài, được hoàng hậu chấm, mới sách phong làm hoàng hậu.

Hòa Hy Đặng Hoàng hậu Đặng Tuy, năm mười sáu tuổi vào cung làm Quý nhân. Bà "Cung kính nghiêm trang cẩn thận, cử động có phép tắc, thờ âm hậu đêm ngày nơm nớp, vỗ về những người ngang hàng, thường nén mình lùi lại sau họ", bà đối với Âm hậu hết sức cẩn thận, có lúc phát hiện thấy mình và Âm hậu mặc y phục cùng màu là lập tức đi thay ngay, có lúc cùng Âm hậu vào gặp hoàng đế, "Không dám ngồi thẳng, đứng chếch về bên cạnh khom lưng". Hòa đế khen "Sửa đức vất vả là như thế chăng !" sau khi Âm hoàng hậu bị phế truất, đổi lập hoàng hậu, Hòa đế nói "Hoàng hậu tôn nghiêm, có liên quan tới thể diện, cúng tế tông miếu, làm mẫu nghi thiên hạ, há có phải là dễ đâu! Chỉ có Đặng Quý nhân đức hạnh đứng đầu hậu cung mới có thể làm được (26), rồi lập bà làm hoàng hậu.

Tiêu chuẩn phụ đức để tuyển chọn hậu phi cũng chính là cái mà lễ giáo Nho gia, phụ đức gọi là "Tam tùng tứ đức" cụ thể hóa đối với hoàng hậu.

Đức hạnh dung mạo kiêm toàn là điều kiện chủ yếu để tuyển chọn hoàng hậu. Nhưng trong thực tế, trong quá trình tuyển chọn hậu phi thời Hán, các mối hôn nhân đã thân lại thêm thân với ngoại thích, thì

(25) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Mã Hoàng hậu kỷ.*
(26) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Đặng Hoàng hậu kỷ.*

hiện tượng dùng tiền bạc mua chuộc quan lại tuyển chọn đã nhiều lần phát sinh.

5. Cái đẹp trang trọng và cái đẹp nhỏ nhắn

Hậu Hán thư, Hậu phi, Tự nói, thời Hán tuyển chọn hậu phi về dung mạo, hình thể của đối tượng dự tuyển thì yêu cầu "xinh đẹp đoan trang, hợp với tướng pháp". Cái gọi là "xinh đẹp đoan trang" là nói dung mạo đoan trang xinh đẹp, có cái đẹp trang trọng, "tướng mạo đầy đặn đoan trang, vóc dáng cao lớn, trang trọng mà tràn trề vẻ đẹp", "Hán hậu Trương Yên hiền thục yên tĩnh mà xinh đẹp tuyệt trần" (27). Cái đẹp trang trọng cao lớn ấy cũng chính là cái đẹp phụ nữ truyền thống đoan trang, cao lớn, đầy đặn mà *Thi kinh, Thạc nhân* miêu tả.

Hán Hiếu Huệ Trương hoàng hậu ngoại truyện (nhất, nhị) (28) miêu tả, khai triển cái đẹp đoan trang ấy đầy đủ nhất.

Trương hoàng hậu của Hiếu Huệ đế tên Yên, tự Mạnh Anh, là trưởng nữ của Công chúa Lỗ Nguyên chị Hán Huệ đế, là cháu gọi Huệ đế bằng cậu. Nàng "sinh ra đã đẹp", từ nhỏ "ôn mặc trinh tĩnh, ít thấy nói cười, chân không bước xuống gác, hòa nhã với người, cử chỉ trang trọng". Lúc Hán Huệ đế bàn việc lập hoàng hậu, Lữ thái hậu để đã thân càng thân, bèn quyết định cho Trương Yên vào cung làm hoàng hậu.

Trương Yên "Dung mạo tươi đẹp, nhàn nhã biết lễ, có đức của bậc mẫu nghi, dung mạo yểu điệu", là phụ nữ thời cổ đức hạnh dung mạo kiêm toàn. Dung

(27) Nga Triều dật sĩ, *Lão hồ đàm lịch đại mỹ nhân ký, Hương diễm tùng thư*, tập 3, quyển 4

(28) Xem *Hương diễm tùng thư*, tập 6, quyển 1

mạo nàng "đoan trang diễm lệ, trán rộng tròn, sống mũi thẳng cao mà rất đẹp", "mày ngài mắt phượng, cổ thuôn tóc mượt, hai má đầy đặn, tai trắng như mặt", "mắt sáng răng trắng, má lúm đồng tiền, như sóng nước lăn tăn. Không dùng son phấn, mà mặt như ráng mai ánh tuyết, lại như hoa lê trong mưa", "Các bộ vị trên người đều rất xinh đẹp".

Trương Yên mặc lễ phục hoàng hậu, "Trên màu đen pha hồng, dưới màu xanh thật nhạt, cổ cao tay áo rộng, khoác áo choàng không tay màu ráng trời, áo dài quét đất, không thấy bàn chân. Đầu đội Long phượng châu quan, bộ dao bằng vàng, đeo bộ dao ở tai". Lúc mặc trang phục, theo thông lệ phải dùng búi tóc giả, "Phó mẫu vì tóc của hậu như mây" nên không dùng búi tóc giả, phát hiện cái đẹp trang sức của phụ nữ thời Hán.

Dáng đi của Trương hoàng hậu cũng đẹp đẽ vô song "búi tóc cao cao, tay áo dài phất phơ, màu nhạt trang phục đơn giản, chân đi hài Viễn du", "bước chân như mây nhẹ ra khỏi động, không thấy gấu quần lay động". Trương hoàng hậu khi thành niên, người cao bảy thước ba thốn theo thước thời Hán (khoảng 1,70m), so với đương thời cũng kể là rất cao lớn.

Phụ nữ thời Hán không những lấy vóc dáng thướt tha làm đẹp, mà còn khen ngợi bàn chân tự nhiên là đẹp. Một lần, hai cung nhân rửa chân cho Trương hoàng hậu, Huệ đế "Ngồi bên cạnh nhìn, cười nói : A Yên còn nhỏ mà bàn chân dài bằng bàn chân trẫm. Lại nói với cung nhân gót chân hoàng hậu tròn trắng mà tươi nhuận, bọn ngươi làm sao bằng được!". Điều đó thì trong thời Nam Tống trở đi bó chân không sao tưởng tượng được.

mạo nàng "đoan trang diễm lệ, trán rộng tròn, sống mũi thẳng cao mà rất đẹp", "mày ngài mắt phượng, cổ thuôn tóc mượt, hai má đầy đặn, tai trắng như mặt", "mắt sáng răng trắng, má lúm đồng tiền, như sóng nước lăn tăn. Không dùng son phấn, mà mặt như ráng mai ánh tuyết, lại như hoa lê trong mưa", "Các bộ vị trên người đều rất xinh đẹp".

Trương Yên mặc lễ phục hoàng hậu, "Trên màu đen pha hồng, dưới màu xanh thật nhạt, cổ cao tay áo rộng, khoác áo choàng không tay màu ráng trời, áo dài quét đất, không thấy bàn chân. Đầu đội Long phượng châu quan, bộ dao bằng vàng, đeo bộ dao ở tai". Lúc mặc trang phục, theo thông lệ phải dùng búi tóc giả, "Phó mẫu vì tóc của hậu như mây" nên không dùng búi tóc giả, phát hiện cái đẹp trang sức của phụ nữ thời Hán.

Dáng đi của Trương hoàng hậu cũng đẹp đẽ vô song "búi tóc cao cao, tay áo dài phất phơ, màu nhạt trang phục đơn giản, chân đi hài Viễn du", "bước chân như mây nhẹ ra khỏi động, không thấy gấu quần lay động". Trương hoàng hậu khi thành niên, người cao bảy thước ba thốn theo thước thời Hán (khoảng 1,70m), so với đương thời cũng kể là rất cao lớn.

Phụ nữ thời Hán không những lấy vóc dáng thướt tha làm đẹp, mà còn khen ngợi bàn chân tự nhiên là đẹp. Một lần, hai cung nhân rửa chân cho Trương hoàng hậu, Huệ đế "Ngồi bên cạnh nhìn, cười nói : A Yên còn nhỏ mà bàn chân dài bằng bàn chân trẫm. Lại nói với cung nhân gót chân hoàng hậu tròn trắng mà tươi nhuận, bọn ngươi làm sao bằng được!". Điều đó thì trong thời Nam Tống trở đi bó chân không sao tưởng tượng được.

"Cái đẹp của Trương hoàng hậu, chỗ trang trọng kém chỗ xinh đẹp, chỗ kiều mỵ kém chỗ trang nghiêm, chỗ kiều diễm tươi sáng không có gì yểu điệu. Dù là Trang Khương, Tây tử thời cổ cũng chỉ đến thế mà thôi".

Hán Hiếu Huệ Trương hoàng hậu ngoại truyện (nhất, nhị) tuy là trước tác của người thời Đông Tấn, nhưng đại thể phản ảnh tiêu chuẩn tuyển chọn hậu phi về phụ dung, phụ đức thời Hán. *Hậu Hán thư, Hậu kỷ* chép Minh Đức Mã hoàng hậu "cao bảy thước hai thốn, miệng vuông tóc đẹp", Hòa Hy Đặng hậu, cũng cao bảy thước hai thốn, "dung mạo xinh đẹp, khác hẳn mọi người", chính sử phần nhiều không miêu tả dung mạo hậu phi, nhưng những khái quát cực kỳ đơn giản ấy đại thể cũng phản ảnh cái đẹp trang trọng của họ, có thể thấy được thời Hậu Hán vẫn lấy sự cao to đầy đặn làm cái đẹp. *Ngoại truyện* thuộc loại dã sử, độ tin cậy ở khoảng giữa sử truyện và tiểu thuyết, có thể bổ sung những chỗ còn thiếu của chính sử.

Cái đẹp đoan trang đầy đặn là tiêu chuẩn phụ dung chính thống trong việc tuyển chọn những đẹp của cung đình thời Hán. Nhưng một số đế vương phong lưu lại thường tuyển chọn các phụ nữ nhu mì phong lưu, thể thái đủ vẻ giỏi ca khéo múa.

Nếu nói vương triều nhà Hán theo cái đẹp trang trọng mà tuyển chọn hậu phi, thì các hoàng đế phong lưu lại thường muốn đả phá tiêu chuẩn ấy, chọn mỹ nhân xinh đẹp theo con mắt mình. Thích phu nhân rất được Hán Cao tổ Lưu Bang sủng ái, chính là một phụ nữ xinh đẹp phong lưu hát hay múa giỏi "Giỏi việc giơ cao tay áo uốn lưng nhảy múa, hát các khúc *Xuất tái,*

Nhập tái, Vọng quy" (29). Hoàng hậu Vệ Tử Phu của Hán Vũ đế cũng nhờ hát hay múa giỏi lại xinh đẹp mà được Hán Vũ đế ưng ý, Lý phu nhân cũng "xinh đẹp múa giỏi" (30), được Vũ đế nạp làm phu nhân. Mấy người này đều là nhân vật phong lưu, hát hay múa giỏi, nhu mì xinh đẹp.

Hoàng hậu Triệu Phi Yến, Chiêu nghi Triệu Hợp Đức của Hán Thành đế lại càng nhỏ nhắn, mềm mại, dáng vẻ nhẹ nhàng, xinh đẹp múa giỏi mà nổi tiếng.

Triệu Phi Yến "mềm mại nhẹ nhàng, cử chỉ thanh thoát" (31). *Phi Yến ngoại truyện* nói Triệu Phi Yến "trong nhà có một quyển sách từ đời Bành Tổ truyền lại, giỏi thuật luyện khí", trong đêm gió tuyết, "Phi Yến đứng giữa trời, nín hơi vận khí, thân thể ấm áp mềm mại, không hề nổi gai ốc". Hán Thành đế nói nàng "Đầy đặn như có thừa, mà mềm mại như không xương". Triệu Phi Yến vóc dáng kiều mỹ, dáng múa tươi đẹp, "Uốn lưng nhảy múa, như cánh tuyết vờn trong gió", *Triệu hậu di sự* cũng nói "Triệu hậu xương hông lại càng nhỏ nhắn, giỏi bước nhẹ nhàng, như tay người cầm cành hoa rung rung, người khác không sao học được". Xinh đẹp mềm mại, phong lưu phiêu dật là đặc sắc của nàng, nhất là dáng vẻ nhẹ nhàng phiêu hốt như muốn bay mà nổi tiếng. *Liêm sử* quyển 14 viết :

> "Vua và Triệu hậu chơi ở ao Thái Dịch, vua mặc chiếc áo màu gợn sóng không may, hậu mặc chiếc quần tía Vân Anh do Nam Việt cống, lóng lánh xanh nhạt. Hậu ca khúc "Quy phong

(29) *Tây kinh tạp ký.*
(30) *Hán thư, Ngoại thích truyện.*
(31) *Cổ kim đồ thư tập thành, Tần phi bộ.*

tống viễn", vua gõ trâm sừng tê vào âu ngọc đánh nhịp, sai Thị lang Phùng Vô Phương thổi sênh cho hậu ca. Ca tới lúc say sưa, gió nổi lớn, hậu giơ cao tay áo nói : Tiên chăng, tiên chăng ! Bỏ cũ mà theo mới chăng ? Vua nói : Vô Phương giữ hậu lại cho ta. Vô Phương bỏ ống sênh, nắm hài của hậu, hồi lâu gió tắt, quần vì thế bị giãn. Về sau, cung nhân mặc quần xếp nếp cho rộng, gọi là Quần giữ tiên (Lưu tiên quần)" (32).

Đoạn văn trên miêu tả sinh động dáng vẻ phiêu nhiên như tiên, gió thổi muốn bay, nhẹ nhàng xinh đẹp, chứng minh Triệu Phi Yến là nghệ thuật gia vũ đạo nữ nổi tiếng ở nước ta thời Tây Hán.

Em gái Triệu Phi Yến là Triệu Hợp Đức lại càng ôn nhu nổi tiếng, "giỏi nhất là cười nói, da thịt trắng muốt" (33). Hán Thành đế gọi nàng là Ôn nhu hương. Lại nói "Ta chết già ở nơi này cũng được, không thể sánh với Vũ đế muốn lên Bạch vân hương" (34).

Vệ Tử Phu, Lý phu nhân, Triệu Phi Yến, Triệu Hợp Đức đều là nghệ nhân xuất thân cao hữu, theo tiêu chuẩn tuyển chọn hậu phi thời Hán, họ thuộc loại không phải là con nhà lương gia, không có tư cách dự tuyển. Nhưng chính hoàng đế lại ưng ý họ. Đủ thấy hoàng đế phong lưu ưa thích các phụ nữ loại phong tao, đẹp đẽ mềm mại, thể thái nhẹ nhàng, hát hay múa giỏi. Loại phụ nữ này cùng với loại nữ nhạc, vũ

(32) *Liêm sử tuyển chú*, tr. 683
(33) *Triệu hậu di sự.*
(34) *Phi Yến ngoại truyện.*

nữ, thần nữ được miêu tả trong *Sở từ* thời Tiên Tần là một mạch truyền thừa.

Cái đẹp trang trọng và cái đẹp nhỏ nhắn, cái đẹp đầy đặn và cái đẹp diễm lệ bổ sung cho nhau, soi sáng lẫn nhau, hình thành cái đẹp phụ nữ Trung Hoa cổ điển rực rỡ.

6. Chiêu Quân và Điêu Thuyền

Vương Chiêu Quân là một trong tứ đại mỹ nhân đời cổ ở nước ta, tên Tường, tự Chiêu Quân, người Thê Quy Nam Quận (nay ở huyện Thê Quy tỉnh Hồ Bắc). Cha Vương Tương là đại thương nhân đất Tề. Chiêu Quân năm mười bảy tuổi phong tư tuấn tú, rực rỡ động người, được tuyển vào cung. *Hậu Hán thư, Nam Hung Nô truyện* chép :

> "Chiêu Quân tự Tường, người Nam Quận. Đầu thời Nguyên đế là con nhà lương gia được tuyển vào Dịch đình. Lúc bấy giờ Hô Hàn Tà vào chầu, vua sắc ban cho năm cung nữ. Chiêu Quân vào cung mấy năm không được gặp vua, buồn bã oán hờn, nên xin quan lệnh ở Dịch đình được đi. Hô Hàn Tà lúc lên đường mở tiệc, đế triệu năm cung nữ tới nhìn. Chiêu Quân phong tư xinh đẹp, sáng rực cung Hán, ngoảnh lại bồi hồi, làm tả hữu xúc động. Vua nhìn thấy cả kinh, muốn giữ lại nhưng lại khó về nỗi thất tín, bèn ban cho Hung Nô".

Vương Chiêu Quân xinh đẹp động người, đang tuổi trẻ mà bị giam nhốt trong hậu cung cấm uyển, nhập cung mấy năm mà cả bóng Nguyên đế cũng chưa được nhìn thấy. Đời sống tịch mịch trong lãnh cung khiến

nàng đau thường oán hận, vì thế nàng chủ động xin viễn giá tới Nam Hung Nô, tự nguyện "hòa Phiên".

Vương Chiêu Quân vào cung nhiều năm, tại sao không được Nguyên đế triệu kiến? *Tây kinh tạp ký* chép : Trong hậu cung của Hán Nguyên đế có rất nhiều người đẹp, khiến Nguyên đế không sao chọn lựa, vì thế "Sai thợ vẽ vẽ chân dung, theo tranh mà gọi vào", không ít các cô gái bất hạnh bị giam nhốt ở thâm cung, để được hoàng đế triệu kiến, bèn hối lộ cho thợ vẽ. Chiêu Quân cậy mình đẹp, lại là người trung thực, chính trực không chịu hối lộ. Thợ vẽ Mao Diên Thọ bèn vẽ nàng thành tầm thường không có gì đặc biệt, vì thế không được Nguyên đế triệu kiến.

Vương Chiêu Quân viễn giá Hung Nô, có lợi cho việc củng cố quan hệ giữa Hán và Hung Nô, bảo vệ đoàn kết dân tộc. Nhưng viễn giá dị tộc trên vùng Mạc Bắc đối với bản thân Chiêu Quân lại là sự bất hạnh. Bị giam nhốt trong thâm cung là điều bất hạnh của nàng, lấy chồng Hung Nô cũng là điều bất hạnh của nàng, cho dù được Hán Nguyên đế sủng ái thì một cô gái bình dân không quyền không thế như nàng chẳng qua cũng chỉ là đồ chơi của nhà vua, vả lại cũng khó mà tránh khỏi số phận "Sắc suy tình giảm".

Vương Chiêu Quân tài mạo song toàn, xinh đẹp thiện lương viễn giá Mạc Bắc, khiến mọi người vô cùng thông cảm. Vì thế, các tác phẩm văn học, hội họa lấy Chiêu Quân làm đề tài hai ngàn năm nay nhiều không thể xiết, có hơn sáu trăm bài thơ và từ, hơn hai mươi vở hý khúc cùng rất nhiều tác phẩm hội họa miêu tả Vương Chiêu Quân. Gió cát mờ mịt, nước cũ xa vời, cô gái Vương Chiêu Quân trẻ tuổi ngồi trên lưng ngựa buồn rầu, lệ nóng tuôn trào, nàng đi một bước dừng

lại một bước, xa lìa nước cũ, tâm tình ngổn ngang, tâm tư ai oán thê lương...

Vương Chiêu Quân lấy sự ai oán bi tráng làm cảm động lòng người, bài *Minh phi* của Đỗ Phủ đã miêu tả cái đẹp bi kịch ai oán của Chiêu Quân :

Quần sơn vạn hác phó Kinh Môn,
Sinh trưởng Minh phi thượng hữu thôn.
Nhất khứ tử đài liên sóc mạc,
Độc lưu thanh trủng hướng hoàng hôn.
Họa đồ tỉnh thức xuân phong diện,
Hoàn bội không quy nguyệt hạ hồn.
Thiên tải tỳ bà tác Hồ ngữ,
Phân minh oán hận khúc trung luân (luận)

(Bao non muôn suối tới Kinh Môn
Quê cũ Minh phi vẫn xóm thôn
Đài tía một rời ra đại mạc
Mộ xanh riêng gởi lại hoàng hôn
Tranh xưa gió biết xuân phai nét
Vòng ngọc ai hay nguyệt rọi hồn
Ngàn thuở tỳ bà ngân nhạc lạ
Điệu hờn cung oán chứa vùi chôn)

Tương truyền cuối thời Đông Hán, nước ta lại xuất hiện một mỹ nữ tuyệt thế là Điêu Thuyền. Điêu Thuyền sử sách không có ghi chép, bắt đầu thấy trong *Tam quốc chí bình thoại* của người thời Nguyên, các kịch bản hý khúc Tống Nguyên có *Điêu Thuyền nữ*, tạp kịch thời Nguyên có *Liên hoàn ký*. Trong *Tam quốc diễn nghĩa*, Điêu Thuyền là nhân vật nữ được nhắc tới khá nhiều, là một thiếu nữ hát hay múa giỏi, thể thái nhẹ nhàng, vũ bộ đẹp đẽ. Bài từ đầu hồi 8 nói "Nguyên thị Chiêu Dương cung lý nhân, Kinh hồng uyển chuyển

chưởng trung thân, Chỉ nghi phi quá Động Đình xuân. Án thiết Lương Châu liên bộ ổn, Hảo hoa phong niểu nhất chi tân, Họa đường hương noãn bất thăng xuân" (Vốn ở trong cung cạnh quý nhân, Chim hồng sợ sệt dập dìu thân, Chỉ nên bay tới Động Đình xuân. Án bày Lương Châu gót sen vững, Gió phất hoa tươi động một cành, Thềm vàng hương ấm biết bao xuân). Một khúc thanh ca của Điêu Thuyền khiến người ta tiêu hồn, phấp phới nhảy múa giống như chim hồng sợ hãi, như cành hoa rung rinh, khiến người ta có một cảm giác thẩm mỹ mềm mại phiêu dật.

Điêu Thuyền hiểu rõ đại nghĩa, cơ trí quả cảm, giúp Vương Doãn khéo léo thi thố liên hoàn mỹ nhân kế, trừ khử quyền thần Đổng Trác.

Điêu Thuyền là hình tượng nghệ thuật trong hý khúc tiểu thuyết, là nhân vật điển hình thông qua sự gia công nghệ thuật của văn nhân. Nàng là điển hình về người liệt nữ trong các ca kỹ vũ nữ ở nước ta thời cổ, hiểu rõ đại nghĩa, để diệt trừ kẻ quyền thần mà tình nguyện hy sinh bản thân, trở thành người cương liệt nhất trong tứ đại mỹ nhân ở nước ta. Là một ca kỹ vũ nữ, là đồ chơi trong tay các nhà quyền quý mà sau cùng lại trở thành công cụ và vật hy sinh trong đấu tranh chính trị. Số phận của Điêu Thuyền cũng là số phận bi kịch, cái đẹp của nàng cũng là cái đẹp bi kịch.

Trong xã hội Trung Quốc cổ đại, phụ nữ rơi rụng làm nữ nô, số phận của mỹ nữ tóm lại đều mang tính bi kịch : Tây Thi thành công cụ diệt Ngô của nước Việt, Vương Chiêu Quân thành công cụ "hòa Phiên", Điêu Thuyền cũng không phải là ngoại lệ, trở thành công cụ và vật hy sinh trong công cuộc đấu tranh chính

trị giữa quý tộc và quân phiệt cuối thời Đông Hán. Họ đều không thoát khỏi số phận bi kịch mang tính lịch sử "hồng nhan bạc phận".

Vương Chiêu Quân, Điêu Thuyền cũng như mỹ nữ Tây Thi thời Tiên Tần đều xuất thân trong thôn xóm dân gian, xinh đẹp thiện lương, mà đều vì xinh đẹp hơn người mà chuốc lấy sự bất hạnh. Mọi người thông cảm với họ, mỹ hóa họ. Họ đều trở thành hóa thân của cái đẹp, biểu trưng của cái đẹp, hàng ngàn năm nay vẫn sống trong lòng mọi người.

Tây Thi lấy dung mạo xinh đẹp khiến người ta động lòng, Chiêu Quân lấy sự ai oán khiến người ta cảm xúc, Điêu Thuyền lấy đại nghĩa khiến người ta thương tiếc. Người nào cũng có lịch sử hàng ngàn năm, trở thành điển hình về cái đẹp phụ nữ ở nước ta thời cổ.

7. Mã hậu, Đặng hậu đức hạnh dung mạo kiêm toàn

Theo lễ giáo Nho gia là hình thái ý thức chủ đạo thời Đông Hán và yêu cầu đạo đức cho tới tiêu chuẩn dung mạo trong việc tuyển chọn hậu phi trong cung đình nhà Hán để đánh giá người nhà, năm mười ba tuổi được tuyển vào cung Thái tử.

Mã Hoàng hậu đoan trang xinh đẹp, "người cao bảy thước hai tấc (khoảng 1,68m)", "miệng vuông tóc dài". Mái tóc dài đen nhánh của bà nổi tiếng trong hậu cung, theo *Đông quan Hán ký*, "Tóc của Minh đế Mã Hoàng hậu đẹp kết thành bốn búi mà vẫn còn thừa, quấn thành ba vòng. Mày không cần vẽ chỉ có góc chân mày bên trái hơi bị khuyết, chỉ chấm mực như hạt thóc để che lấp".

Sau khi Mã Hoàng hậu được sách phong làm hoàng hậu, sinh hoạt vẫn rất tiết kiệm, "thường mặc áo lụa thô, quần không nhuộm xanh". Ngày mồng một và ngày rằm các phi tần và công chúa triều thỉnh thấy hậu mặc áo sợi thô, lại cho là the lụa có vân, tới gần thấy rõ bèn cười. Hậu từ tạ nói : Loại vải này đặc biệt nhuộm màu đẹp, nên dùng mà thôi. Mã Hoàng hậu mặc áo vải dày, là để nêu tấm gương tiết kiệm cho phi thiếp trong hậu cung.

Mã Hoàng hậu thích đọc kinh sử Nho gia, "Có thể đọc *Kinh Dịch*, thích đọc *Xuân thu, Sở từ*, rất thích sách *Chu quan*, sách của Đổng Trọng Thư". Rất thích rèn luyện theo lễ giáo Nho gia, tự giác giúp đỡ Hán Minh đế, thường đề xuất những ý kiến cao minh, khiến Hán Minh đế rất khâm phục. Ví dụ vụ nghi án về việc Sở vương Anh ngầm mưu làm phản, chưa điều tra rõ, nhưng làm liên lụy rất nhiều người. "Hậu suy nghĩ thấy quá đáng, nhân đó tỏ ý thương xót", Minh đế tiếp thu ý kiến của bà, ngăn cấm sự phát triển xấu xa của hiện tượng ấy.

Mã Hoàng hậu tự giác yêu cầu bản thân trở thành bậc mẫu nghi hiền thục, bà cũng hy vọng Hán Minh đế trở thành minh quân như Nghiêu Thuấn. Tào Thực trong bài tựa *Họa tán* đã viết lại một câu chuyện như sau :

> "Minh Đức Mã hậu ngày trước, dung mạo đẹp đẽ, đức độ trọn vẹn, vua rất khen ngợi. Thường cùng xem tranh, qua hình Ngu, Thuấn, tới hình Nga Hoàng Nữ Anh, vua chỉ vào đó đùa với hậu "Hận không được người như thế này làm phi". Trước đó có hình Đào, Đường, hậu chỉ vào hình Nghiêu nói "Tiếc thay, trăm

quan văn võ hận không được thờ ông vua thế này". Vua nhìn lại mà than thở" (35).

Đoạn cố sự trên cho thấy Minh Đức Hoàng hậu thường xuyên lấy hiền phi, hiền hậu thời cổ làm tiêu chuẩn ràng buộc mình, đồng thời cũng hy vọng nhà vua cũng có thể trở thành minh quân một đời như Nghiêu Thuấn thời cổ.

Trong xã hội phong kiến, kẻ thống trị là minh quân hiền hậu so với kẻ thống trị là bạo quân hãn hậu tương đối khá hơn, bất kể là với sự phát triển xã hội, tiến bộ kinh tế hay đối với sự ổn định đời sống nhân dân đều có chỗ tốt.

Mã Hoàng hậu hiểu rõ bài học lịch sử nữ chủ lâm triều, ngoại thích chuyên quyền dẫn tới sự bại vong thời Tây Hán. Minh đế băng hà, Mã Hoàng hậu được tôn là Hoàng thái hậu. Sau khi Hán Chương đế nối ngôi, mấy lần định phong tước vị cho mấy ông cậu, một số đại thần vỗ mông ngựa cũng xúi giục nhà vua phong tước vị cho cậu của Mã Hoàng hậu. Mã Thái hậu lại kiên quyết không đồng ý. Bà nói "Ngày xưa Vương thị ngũ hầu cùng được phong một ngày. Điền Phân, Đậu Anh sủng quý kiêu căng, cái họa khuynh loát lưu truyền cho đời sau. Nên tiên đế đề phòng nhà bên cậu, không cho ở ngôi dự việc cơ mật". "Ta há lại trên phụ chỉ dụ của tiên đế, dưới làm nhơ cái đức của tiền nhân, chuốc lấy mối họa bại vong Tây Kinh lần nữa sao!" (36).

Trong một lần Chương đế yêu cầu, Mã Thái hậu nghĩ ra một biện pháp lưỡng toàn kỳ mỹ : Cho Chương

(35) Dẫn lại theo *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 2, tập thượng, tr. 448 - 449

(36) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Mã Hoàng hậu kỷ.*

đế khuyến khích người bên họ nhà cậu lập công ở chiến trường, căn cứ vào quân công mà phong cho quan chức. Mã Phòng nhiều lần lập được chiến công, được phong làm Xa kỵ Đại tướng quân. Về sau Chương đế cuối cùng phong ba ông cậu làm Liệt hầu. Nhưng Mã Thái hậu lại cho họ "thoái vị về nhà", cuối cùng bảo toàn được con cháu nhà họ Mã. Những người bảo toàn được ngoại thích thời Đông Hán chỉ có ba nhà là Quách Hoàng hậu, Ân Hoàng hậu của Quang Vũ đế và Mã Hoàng hậu của Minh đế.

Minh Đức Mã Hoàng hậu có thể tự giác căn cứ theo yêu cầu của lễ giáo, phụ đức mà phụ tá chồng, giúp đỡ con trị lý quốc gia, duy trì thiên hạ của nhà Hán, nên được sử gia khen ngợi gọi là "Hiền hậu".

Hòa Hy Đặng hậu, tên Tuy. "Sáu tuổi đã biết sử sách, mười hai tuổi thông hiểu *Kinh Thi, Luận ngữ*". Năm mười lăm tuổi được tuyển vào cung, Người cao bảy thước hai tấc, dung mạo xinh đẹp, khác hẳn mọi người". Đặng Tuy được phong là hoàng hậu không lâu, Hòa đế băng. Bà lập đứa con nhỏ mới đầy trăm ngày lên làm vua. Đặng Tuy lại lấy thân phận Hoàng thái hậu lâm triều xưng chế, hành xử quyền lực Hoàng đế thay con. Từ đó nhà Đông Hán hình thành truyền thống Thái hậu lâm triều, vả lại còn chế độ hóa, hợp pháp hóa việc ấy.

Đặng Tuy tôn sùng Nho học, theo kinh điển Nho giáo mà hành sự, sau khi vào cung liền mời Ban Chiêu vào cung dạy kinh sử. Chính bà cũng theo Ban Chiêu học sách sử và thiên văn, toán số, "Ban ngày trị nước, ban đêm đọc sách". Bà còn mời bọn học giả, sử gia Nho gia là bọn Lưu Trân hơn năm mươi người hiệu thù kinh sử ở Đông quán, lại cho cận thần trong cung

tới Đông quán học tập kinh sử, trở về cung dạy dỗ cung nữ học tập kinh sử. Bà còn cho con em trong hoàng tộc, con em ngoại thích học tập kinh điển Nho gia, từ đó tiếp thu bài học lịch sử và học tập kinh nghiệm cai trị

Sau khi Đặng Tuy nắm quyền, chú ý tiết kiệm, giảm bớt phí tổn ăn mặc, giảm bớt cống phẩm tiến cống vào hoàng cung của các quận quốc, trong cung thì giảm bớt rất nhiều những đồ chơi trân ngoạn, không hưng thổ mộc, không xây dựng ly cung biệt quán, giảm bớt một số đóng góp của nhân dân.

Tiếp thu bài học lịch sử về việc ngoại thích nắm đại quyền đời trước, hạn chế quyền thế của ngoại thích. Đặng Tuy yêu cầu các cơ quan có liên quan phải "tăng cường kiểm tra, không được dung túng che chở" gia thuộc, thân thích, tân khách của Đặng Trắc anh mình, đối với những người trong số ấy phạm tội quyết không khoan dung, trừng trị rất nặng.

Đặng Tuy tổng kết bài học trọng dụng ngoại thích của đời trước, sử dụng chính sách trọng dụng tất cả ngoại thích, hoạn quan, quan lại, danh sĩ, đề phòng ngoại thích chuyên quyền. Cho bọn anh trai là Đặng Trắc "đều về làng" không hỏi tới việc chính sự.

Để hòa hoãn mâu thuẫn nội bộ trong tầng lớp thống trị, bà tha một số gia thuộc ngoại thích đời trước bị cấm cố về làm dân, để hòa giải mâu thuẫn giai cấp, bà minh oan cho một số vụ án oan uổng.

Từ đời Hán Hòa đế trở đi, nhà Đông Hán dần dần suy vi, hai mươi năm Đặng Tuy làm triều xưng chế chính là thời gian nhà Đông Hán bước vào thời

(37) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Đặng Hoàng hậu kỷ.*

kỳ suy bại, "Lụt lội hạn hán mười năm liền, tứ di xâm lấn, giặc cướp nổi lên" (37), kinh tế khó khăn, nhân dân khốn khổ, nông dân khởi nghĩa, ngoại tộc xâm lấn. Đối diện với những khó khăn ấy, Đặng Tuy còn củng cố hoặc duy trì chính quyền của vương triều nhà Hán, vả lại còn rất có chính tích. *Hậu Hán thư, Hậu kỷ* nói bà khiến cho "Kẻ may mắn cầm quyền bị chê tự trách lại mình, kẻ hết lòng lo loạn tự cường chỉ biết có nước" (38). Tất cả những điều bà làm đều vì sự giàu mạnh của quốc gia và củng cố vương triều nhà Hán, sự đánh giá ấy là có thể khẳng định.

Theo lễ giáo truyền thống từ Chu lễ trở đi, yêu cầu về phụ đức là phụ nữ không được chấp chính. Nhưng sự thừa kế ngôi vua thời phong kiến có lúc yêu cầu mẫu hậu phải lâm triều, phụ nữ chấp chính. Từ thời Tây Hán trở đi, "Hoàng thống ở Đông Kinh mấy lần suýt đứt, quyền về tay nữ chủ" (39), nhà Đông Hán cũng thế.

Lịch sử đã chứng minh, bất kể người chấp chính là nam hay nữ, chỉ cần có chính tích, có lợi cho việc củng cố quốc gia và phát triển xã hội là có thể được thừa nhận. Vì thế việc Đặng Tuy chấp chính phù hợp với yêu cầu phụ đức thời phong kiến, cũng phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử. Bà là lấy đức hạnh dung mạo kiêm toàn làm chủ.

Việc Đặng Tuy lâm triều xưng chế đã được thừa nhận, các sử gia gọi việc bà lâm triều xưng chế là "Hòa Hy cố sự", việc bà chấp chính được đương thời và hậu thế coi là hợp pháp, được xã hội thừa nhận.

(38) Xem chú thích (37)

(39) *Hậu Hán thư, Hậu phi, Tự.*

8. Chọn chồng

Sau khi bước vào xã hội có giai cấp thống trị, phụ nữ tuy về tổng thể bị mất đi địa vị chủ thể thẩm mỹ, mất đi sự tự do và quyền chọn chồng, nhưng là một cá nhân cụ thể, họ vẫn có năng lực thẩm xét cái đẹp đàn ông, một số phụ nữ có quyền hoặc phụ nữ đặc biệt cũng có sự tự do và quyền chọn chồng.

Nhất là một số công chúa, hoàng tộc có quyền thế, vì họ ở đỉnh cao của quyền lực, thường có quyền chọn chồng. Công chúa chọn Phò mã, là hiện tượng thường thấy trong thời phong kiến ở nước ta.

Ngoài ra, một số phụ nữ dám chống lại sự ràng buộc của lễ giáo, như Trác Văn Quân cũng dũng cảm tự chọn chồng cho mình.

Hãy xem công chúa Lỗ Nguyên con gái Lưu Bang, Lữ hậu chọn chồng ra sao:

Công chúa Lỗ Nguyên sinh ở nông thôn, trước khi Hán Cao tổ Lưu Bang khởi nghĩa, gia cảnh nghèo khổ. Công chúa Lổ Nguyên lúc nhỏ từng phải lao động ngoài đồng hoặc chăm sóc em trai (Hán Huệ đế). "Công chúa nết na yểu điệu, đi đứng nhẹ nhàng mà thần thái cũng xinh đẹp dễ nhìn, nhưng vì vốn ở nhà quê nên không quen việc trang điểm mà thôi". Cô gái này xuất thân là thiếu nữ nghèo hèn, nhưng một sớm được phong làm công chúa thì nàng cũng có được quyền tuyển chọn phò mã.

Sau khi Hán Cao tổ từ Vinh Dương vào cửa ải, bèn tuyển chọn chồng cho công chúa Lỗ Nguyên :

> Triệu những người trẻ tuổi đẹp trai ba mươi người vào nội đình chờ tuyển. Con Trương Nhĩ là Trương Ngao, tuổi vừa hai mươi mốt, thần thái như băng ngọc, trạng mạo tuấn tú, nghi

biểu đường hoàng. Vua (Hán Cao tổ) nhìn thấy nói "Đẹp trai thật ! Tử Đô, Từ Công thời cổ cũng không thể hơn được".

Việc tuyển hôn bắt đầu. Người dự tuyển vào nội điện bắn chim hộc, người bắn trúng được chọn làm Phò mã. Hán Cao tổ cho công chúa Lỗ Nguyên buông rèm đứng xem. Công chúa xấu hổ không chịu ra. Cao tổ mắng, nàng mới chịu ra, ngồi sau rèm im lặng quan sát.

Trương Ngao bắn mấy phát liên tiếp đều trúng đích. Ngoài ra còn có bốn người khác cũng bắn trúng. Cao tổ hỏi công chúa thích người nào, công chúa Lỗ Nguyên không đáp. Hán Cao tổ chỉ Trương Ngao nói "Đó đúng là công tử đẹp trai đấy !". "Công chúa bất giác đưa mắt nhìn ra, như khẽ gật đầu. Thích phu nhân nói : Trong lòng công chúa đã chịu rồi" (40). Vì thế Hán Cao tổ bèn chọn Trương Ngao làm Phò mã của công chúa Lỗ Nguyên.

Công chúa Lỗ Nguyên chọn chồng, trong thực tế là Lưu Bang chọn thay nàng. Đối tượng Lưu Bang chọn là người ưu tú trong con em thuộc hạ của mình. Ông ưng ý Trương Ngao, chủ yếu vì Trương Ngao đẹp trai hơn người. Ông là theo diện mạo chọn người, tài năng diện mạo đều coi trọng.

Công chúa Bình Dương chị Hán Vũ đế ở góa, lúc tái giá tuyển phu, cũng có nét thú vị riêng. *Sử ký, Ngoại thích thế gia* chép "Công chúa Bình Dương ở góa, định gả Liệt hầu cho Công chúa. Công chúa cùng tả hữu bàn xem trong Liệt hầu ở Trường An có ai đáng làm chồng, tất cả đều nói : Đại tướng quân (chỉ Vệ

(40) *Hán Lỗ Nguyên công chúa ngoại truyện, Hương diễm tùng thư*, tập 6, quyển 1

Thanh) là được. Công chúa cười nói : Đó là người nhà ta thường sai hầu ta cưỡi ngựa ra vào, làm sao có thể lấy làm chồng ? Bọn Thị ngự tả hữu nói : Nay chị Đại tướng quân làm hoàng hậu, ba con trai đều được phong hầu, phú quý nổi tiếng thiên hạ, sao công chúa lại coi thường ? Vì thế công chúa mới ưng thuận".

Vệ Tử Phu sau khi được Hán Vũ đế sách phong làm Hoàng hậu, em là Vệ Thanh cũng được Vũ đế trọng dung, nhiều lần lập chiến công, được thăng làm Đại tướng quân, phong là Trường Bình hầu.

Lúc công chúa Bình Dương tái giá, lại cùng bọn thủ hạ công khai bàn luận chuyện chọn ai làm chồng, có thể nói là hết sức thoáng. Thủ hạ của nàng đều cho Vệ Thanh là xứng đáng. Công chúa Bình Dương cảm thấy Vệ Thanh từng là nô bộc của mình, lấy người từng làm nô bộc của mình tựa hồ không vinh dự lắm. Lúc tả hữu đều nói Vệ Thanh đã trở thành đại phú đại quý, công chúa Bình Dương mới đồng ý. Xem ra tiêu chuẩn chọn chồng của công chúa Bình Dương là phú quý vinh hoa, chứ không xem xét tới lai lịch xuất thân.

Làm công chúa sang cả, có quyền lực rất lớn, vì thế cũng có quyền tự chủ trong việc chọn chồng. Thời phong kiến ở nước ta, thân phận giai cấp, đẳng cấp của con người quan trọng hơn thân phận tôn ty giữa nam nữ. "Con gái Hoàng đế không lo chuyện gả chồng". Các công chúa tuy là phụ nữ nhưng là người hoàng tộc, về thân phận, địa vị cao hơn đàn ông vương hầu họ khác, đương nhiên càng cao hơn tất cả đàn ông. Tóm lại, quyền lực lớn hay nhỏ quyết định mức độ lớn nhỏ của quyền tự chủ, quyền chọn lựa trong hôn nhân.

Thời Hán, tất cả bách tính đều không có quyền tự chủ trong hôn nhân, phụ nữ nhà thường dân càng

không có quyền tự do chọn chồng. Nhưng cũng có một số ít phụ nữ đặc biệt, dám vứt bỏ "lệnh của cha mẹ, lời của mai mối" và những ràng buộc lễ giáo mà tự mình tuyển chọn bạn đời.

Ví dụ thứ nhất : *Hậu Hán thư, Lương Hồng truyện* chép "Họ Mạnh ở cùng huyện có con gái to béo xấu xí mà đen đúa, sức mạnh có thể nhấc được cái cối đá, ở vậy không lấy chồng, đến năm ba mươi tuổi. Cha mẹ hỏi nguyên cớ. Cô gái nói : Muốn được người hiền như Lương Bá Loan. Hồng nghe chuyện bèn mang sính lễ tới hỏi cưới".

Mạnh Quang đến ba mươi tuổi mà không lấy chồng, sau cùng tự mình chọn lựa, lấy Lương Hồng mà mình ngưỡng mộ.

Ví dụ thứ hai, *Sử ký, Tư Mã Tương Như liệt truyện* chép Tư Mã Tương Như tới nhà Trác Văn Quân uống rượu, "Rượu say, Huyện lệnh Lâm Cùng bảo đánh đàn, nói : Trộm nghe Trường Khanh rất giỏi đánh đàn, xin lấy đó để tự ngụ. Tương Như từ tạ, kế đàn một khúc. Lúc ấy Trác Vương Tôn có con gái là Trác Văn Quân mới góa chồng, thích âm nhạc. Cho nên Tương Như nhân đó mượn lời Huyện lệnh mà lấy tiếng đàn khêu gợi. Tương Như tới Lâm Cùng, xe ngựa ung dung nhàn nhã rất đẹp đẽ. Đến khi gãy đàn khêu gợi Trác Văn Quân, Văn Quân sau rèm nhìn trộm, trong lòng yêu mến, sợ không được chung sống. Tiệc tan, Tương Như sai người thưởng hậu cho người hầu của Văn Quân để ngỏ ý. Văn Quân nửa đêm trốn theo Tương Như, Tương Như bèn cùng nàng trở về".

Đây là sử gia lớn Tư Mã Thiên ghi chép về việc Trác Văn Quân nửa đêm theo trai. Việc Văn Quân tự ý theo Tư Mã Tương Như đã thành chuyện hay truyền

tụng ngàn đời. Văn Quân tự chọn chồng là yêu phong độ ung dung nhàn nhã và diện mạo tuấn tú của Tư Mã Tương Như. Thể thái dung mạo của Trác Văn Quân thì Tư Mã Thiên không ghi chép. Theo *Tây Kinh tạp kỷ* thì "Văn Quân xinh đẹp, chân mày như núi xa, má thường như hoa phù dung, da dẻ trắng muốt mềm mại như mỡ đông, mười bảy tuổi góa chồng, là người phóng đãng phong lưu, nên mến tài Trường Khanh mà vượt qua lễ giáo". Hai người đúng là một cặp vợ chồng đẹp đôi tài sắc tương đương.

Thời Tần Hán, phụ nữ được tự do chọn chồng rất ít. Từ bốn ví dụ nêu trên mà nhìn thì phụ nữ chọn đàn ông lấy tài đức làm chủ, nhưng diện mạo, phong độ bên ngoài cũng là một điều kiện quan trọng. Cái gọi là "Lang tài nữ mạo" (Trai tài gái sắc) đại thể là tiêu chuẩn chọn bạn đời thời Minh Thanh cuối xã hội phong kiến.

9. Tiêu chuẩn thẩm mỹ khác nhau về vợ chồng

Đàn ông trong hoàng gia và các nhà quan liêu quyền thế thời Hán, trong lúc tuyển chọn hoàng hậu hoặc cưới vợ, lấy đức làm chủ kiêm cả tài sắc, lấy đức hạnh dung mạo kiêm toàn làm tiêu chuẩn cao nhất. Tất cả các nhà thường dân đại thể cũng lấy việc trọng đức khinh sắc làm tiêu chuẩn chọn vợ. Lương Hồng chọn Mạnh Quang vừa xấu vừa đen làm vợ, chính là điển hình về việc cưới vợ trọng người có đức.

Trong gia đình, người vợ gánh vác nhiệm vụ nặng nề chủ trì gia chính, phụng dưỡng cha mẹ chồng, nuôi nấng con cái. Vì thế yêu cầu người vợ phải có đủ "Tứ đức".

Trong các gia đình có cả thê, thiếp, thì vợ là người chủ phụ, ở địa vị được tôn trọng, thiếp là vợ lẽ ở địa vị hèn hạ, vợ chỉ có một người, vả lại còn phải có mai mối cưới hỏi rõ ràng, thiếp thì có thể có nhiều người, có thể dùng tiền mà mua, hoặc thông qua việc tặng biếu, cướp đoạt mà có, danh phận của vợ là ngang hàng với chồng (41), vợ chồng tôn ty ngang nhau, thiếp thì ở địa vị nửa chủ nhà nửa tôi tớ, tùy ý chủ nhân tặng biếu hoặc bán đi, vợ lấy đức thờ chồng, thiếp lấy sắc thờ chồng.

Lúc chọn vợ, thường do cha mẹ lo toan, do cha mẹ hoặc người gia trưởng làm chủ, theo "Lời người mai mối" mà quyết định. Trước khi thành hôn động phòng hoa chúc, vợ chồng thường không có cách nào gặp mặt nhau, cũng không dễ lựa chọn bạn đời theo dung mạo.

Thiếp thì khác hẳn, đàn ông mua thiếp có thể tự do lựa chọn. Mua thiếp là đặc quyền của đàn ông có quyền có thế có tiền. Tài sản càng nhiều quyền lực càng lớn thì càng có thể mua được hoặc cướp được số thiếp càng nhiều, càng đẹp.

Thiếp lấy sắc thờ chồng, lấy sắc thờ người, là công cụ đùa giỡn và nô lệ tình dục của đàn ông. Vì thế chọn thiếp thì trọng sắc đẹp, tài nghệ mà không trọng đức, cũng không hỏi gì tới lai lịch, gia thế.

Lý phu nhân của Hán Vũ đế, "vốn là ca kỹ tiến cung", là một ca vũ kỹ "xinh đẹp múa giỏi". Nàng rất biết đạo lý lấy sắc thờ người, khi sắc suy thì tình yêu cũng giảm. Trước khi lâm chung nàng tổng kết bài học kinh nghiệm "Lấy sắc thờ người". *Hậu Hán thư, Ngoại thích truyện* chép "Lý phu nhân bệnh nặng. Nhà vua

(41) *Thuyết văn giải tự.*

(Vũ đế) đích thân tới thăm. Phu nhân trùm chăn kín đầu từ tạ nói : Thiếp mắc bệnh đã lâu, dung mạo bị hủy hoại, không thể nhìn mặt bệ hạ, xin gửi gắm hoàng tử và anh em cho bệ hạ".

Vũ đế muốn thấy mặt Lý phu nhân lần cuối, nhưng Lý phu nhân lại trùm chăn kín đầu không cho thấy, khiến Vũ đế rất không vui. Kế đó, chị em của Lý phu nhân đều trách nàng "Quý nhân không chịu nhìn chúa thượng mà còn gửi gắm anh em à, tại sao lại làm chúa thượng tức giận như thế chứ ?".

Lý phu nhân đáp "Sở dĩ không muốn cho chúa thượng thấy mặt, là muốn gửi gắm anh em đấy. Ta nhờ dung mạo xinh đẹp nên thường được chúa thượng yêu dấu. Phàm kẻ lấy sắc đẹp thờ người, sắc đẹp suy thì tình yêu cũng giảm, tình yêu giảm thì ơn nghĩa đoạn tuyệt. Cái mà chúa thượng luôn luôn nhớ tới ta là dung mạo lúc bình sinh. Nay dung mạo của ta đã bị hủy hoại không còn như cũ, chúa thượng mà thấy được ắt sẽ chán ghét, còn mong gì nhớ tới ta mà lục dụng anh em !".

Lý phu nhân hiểu rõ đạo lý "Lấy sắc thờ người, sắc suy thì tình yêu cũng giảm, tình yêu giảm thì ơn nghĩa đoạn tuyệt", để lưu lại dung mạo đẹp đẽ trong lòng Hán Vũ đế, vì thế không chịu để Vũ đế thấy được dung mạo xấu xí của nàng lúc đau ốm, hành động ấy của Lý phu nhân quả nhiên linh nghiệm. Sau khi nàng chết, anh em Lý phu nhân đều được thăng quan. Hán Vũ đế vì nhung nhớ Lý phu nhân còn làm bài *Lý phu nhân phú*.

"Sắc đẹp suy thì tình yêu giảm, tình yêu giảm ơn nghĩa dứt", câu ấy khắc họa rất sâu sắc bản chất của kẻ thống trị tầng lớp trên đùa giỡn với nữ sắc, trong

sinh hoạt gia đình không có tình cảm chân thực, không có tình yêu gì có thể nói, vạch trần số phận bất hạnh của mỹ nữ "Lấy sắc thờ người". Tuổi thanh xuân của mỹ nữ ngắn ngủi, sắc đẹp dễ tàn, sau khi sắc suy là sẽ gặp số phận bị vứt bỏ, rơi rụng".

Thời Đông Hán, một số nhà quyền quý đã bắt đầu nuôi dưỡng gia kỹ và vũ nữ trong nhà. Gia kỹ chính là công cụ, đồ chơi để kẻ quyền quý đùa giỡn. Tất cả gia kỹ đều lấy sắc nghệ kiêm toàn làm tiêu chuẩn tối cao. Họ phần lớn lấy sắc đẹp, tài nghệ, tài năng để thờ phụng đạt quan quý nhân, trải qua đời sống tùy người sắp xếp, tùy người giày vò.

10. Cái đẹp phụ nữ trong tác phẩm văn nghệ

Văn hóa thời Hán khí thế trầm hùng, thô hào cổ chuyết, tình cảm khích liệt, nhất là phú thời Hán, biểu hiện một cái đẹp "hùng vĩ" bàng bạc, khí phách "bao quát vũ trụ, thâu tóm nhân vật", đời sau khó mà theo kịp. Trong lịch sử nghệ thuật Trung Quốc phú thời Hán là sự nêu bật lần đầu đặc trưng sáng tạo về cái đẹp tự giác của nghệ thuật, khiến nghệ thuật lần đầu tiên vượt ra khỏi địa vị phụ thuộc vào đạo đức luân lý chính trị. Phú thời Hán là sự tái hiện hoặc tán tụng cái đẹp của sự sáng tạo phát triển kinh tế, văn hóa thời Hán, tràn trề sự tự tin và sức mạnh.

Các tác phẩm văn nghệ như phú và dân ca nhạc phủ thời Hán phản ảnh đầy đủ cái đẹp phụ nữ đa dạng rực rỡ thời Hán.

Phú thời Hán khí độ rộng rãi to lớn, thể hiện đầy đủ cái đẹp ung dung lộng lẫy của phụ nữ trong cung đình thời Hán. Bài *Thất phát* của Mai Thặng miêu tả dáng vẻ nhẹ nhàng của vũ nữ ca kỹ trong cung

đình như sau "Sai bọn Tiên thi, Vi thư, Dương văn, Đoàn can, Ngô oa, Lư xu, Phó dư chen chúc xõa tóc, liếc mắt hẹn thầm, trộm đưa mắt, thơm mùi đỗ nhược, rửa sạch bụi bặm, giắt hoa lan, quần áo lộng lẫy. Đó cũng là lạc thú đẹp đẽ xa xỉ to lớn vậy" (42). Cho những mỹ nhân xinh đẹp nổi tiếng thiên hạ như Tây Thi, Vi Thư mặc quần áo đủ màu, búi tóc cắm lược như đuôi chim én, đầu mày cuối mắt liếc tình, trong lòng ngấm ngầm hứa hẹn, họ tắm rửa sạch sẽ, quần áo tỏa ra mùi thơm như hoa đỗ nhược, người như phủ một lớp the mỏng, thoa dầu thơm ngát, ăn mặc gọn gàng bước tới hầu hạ. Đó thật là lạc thú mỹ lệ hào hoa rộng lớn trong thiên hạ vậy !

Bài *Vũ phú* (43) của Phó Nghị tái hiện sinh động cảnh biểu diễn của vũ nữ trong cung đình "Vu thị Trịnh nữ xuất tiến, nhị bát từ thị. Giảo phục cực lệ, cù thâu trí thái. Mạo liêu diệu dĩ yêu cổ hề, hồng nhan diệp kỳ dương hoa. Mi liên quyên dĩ tăng nhiễu hề, mục lưu thê nhi hoành ba. Châu thúy đích lịch dĩ chiếu diệu hề, hoa quải phi sao nhi tạp tiêm la. Cố hình ảnh, tự chỉnh trang, thuận vi phong, huy nhược phương. Động chu thần, vu thanh dương, kháng âm cao ca, vi nhạc chi phương" (Rồi đó gái Trịnh bước ra, tuổi vừa đôi tám. Áo quần cực đẹp, nhẹ nhàng hết mức. Mặt xinh đẹp tựa ma mị chừ, má hồng ánh như hoa dương. Mày xinh tươi mà cong cong chừ, mắt long lanh mà liếc ngang. Châu ngọc lấp lánh mà tỏa sáng chừ, khăn buộc tóc rủ the mềm. Nhìn lại bóng, tự sửa sang, theo gió thơm, vung cành lan. Máy môi son, tiếng du dương, cao

(42) Nhóm Phí Chấn Cương, *Toàn Hán phú*, Bắc Kinh Đại học xuất bản xã, 1993, tr. 18

(43) Xem *Toàn Hán phú*, tr. 280 - 282

giọng ca vang, hòa theo tiếng đàn), miêu tả sinh động chi tiết nét đẹp đẽ lộng lẫy của ca nữ.

Hãy xem tới dáng múa của vũ nữ "Kỳ thủy hưng dã, nhược phủ nhược ngưỡng, nhược lai nhược vãng. Ung dung trù trướng, bất khả vi tượng. Kỳ thiếu tiến dã, nhược tường nhược hành, nhược đống nhược khuynh. Ngột động phó độ, chỉ cố ứng thanh. La y tùng phong, trường tụ giao hoành. Lạc dịch phi tán, táp ca hợp tinh. Phiên tất yến cư, lạp đạp hộc kinh. Chước ước nhàn phỉ, cơ tấn thể khinh. Tư tuyệt luân chi diệu thái, hoài xác tố chi khiết thanh. Tu nghi tháo dĩ hiển chí hề, độc trì tứ hồ diểu minh" (Lúc mới múa lên, như cúi như ngửa, như lui như tiến. Thảnh thơi buồn bã, không thể tưởng tượng. Lúc chớm bước tới như bay như lượn, như lật như nghiêng. Động đúng thước tấc, múa khớp âm thanh. Áo là phất phơ, tay áo vung nhanh. Ngựa trắng bay múa, vi vút hợp tình. Ríu rít én bay, xao xác hộc kinh. Rực rỡ nhàn nhã, nhẹ nhàng thân hình. Vô cùng mỹ lệ, quả rất khiết thanh. Nếu lộng lẫy để tỏ chí chừ, riêng thả lòng nơi u minh. Các ca kỹ vũ nữ thông qua huấn luyện đặc biệt, y phục rực rỡ, trang sức lộng lẫy làm người ta say mê, múa lên phiêu hốt như tiên, mùi hương tỏa ra ngào ngạt. Các vũ nữ sáng tạo ra một nghệ thuật kiều my mềm mại, từ trang sức, hóa trang và động tác vũ đạo, tư thế vũ thái đều tạo ra một mỹ cảm phiêu dật, cung cấp sự giải trí cho đế vương và các nhà quyền hào. Ở đây là khai triển tái hiện cái đẹp của nghệ thuật vũ đạo cổ điển.

Sinh hoạt trong hậu cung thời Hán cực kỳ xa xỉ, mỹ nữ tranh nhau để được nhà vua sủng ái. Trương Hành trong bài *Tây Kinh phú* (44) miêu tả sinh hoạt

(44) Xem *Toàn Hán phú*, tr. 420

trong hậu cung thời Tây Hán cho thấy hậu cung tập trung tất cả kỳ trân dị bảo của toàn quốc, dung chứa mỹ nữ tuyển từ khắp nơi, phục sức hào hoa lộng lẫy, ca hay múa giỏi, tranh lạ khoe tài, trải qua đời sống xa hoa cùng cực. Sự phát triển của kinh tế, sự tích lũy và tập trung của cải khiến đời sống trong hậu cung của đế vương càng xa xỉ, càng thối nát, cũng càng mục rữa. Cuối cùng thì dẫn tới việc thay đổi vương triều.

Bài *Mỹ nhân phú* của Tư Mã Tương Như thì miêu tả vẻ đẹp lạ lùng của mỹ nữ trong dân gian. Ông nói "Thần chi đông lân, hữu nhất nữ tử. Vân phát phong diễm, nga mi hạo xỉ, nhan thị sắc mậu, cảnh diệu quang khỉ (khởi)" (Láng giềng bên đông của thần, có một cô gái. Tóc mây xinh đẹp, mày ngài răng trắng, nhan sắc lộng lẫy, quang cảnh tuyệt mỹ). Vị mỹ nữ này đeo đuổi Tư Mã Tương Như tới ba năm, nhưng ông không hề động tâm. Tư Mã Tương Như còn gặp một mỹ nữ ở một mình trong một gian phòng "Hữu nữ độc xử, uyển nhiên tại sàng. Kỳ hoa dật lệ, thục chất diễm quang" (Có gái ở riêng, nhàn nhã trên giường. Nét hoa mỹ lệ, chất đẹp phi thường). Vị mỹ nữ này cơ hồ khỏa thân trình hiện trước mắt ông, "Nữ nãi trì kỳ thượng phục, biểu kỳ tiết y. Hạo thể trình lộ, nhược cốt phong ky (cơ). Thời lai thân thần, nhu hoạt như chi" (Cô gái tỏ vẻ khinh suất, cởi bỏ áo ngoài. Thân trắng hiển hiện, xương nhỏ thịt đầy. Tới sát bên thần, mềm như sợi dây) (45). Tư Mã Tương Như lại không vì thế mà động tâm, quả quyết cáo từ người đẹp.

Để chứng tỏ mình "không hiếu sắc" mà tả sắc đẹp, đó là thủ pháp miêu tả của Tống Ngọc thời Chiến

(45) Xem *Toàn Hán phú*, tr.97-98

quốc trong bài *Đăng đồ tử hiếu sắc phú*. Tư Mã Tương Như mô phỏng thủ pháp ấy viết bài *Mỹ nhân phú*, thể hiện tư thế nửa khỏa thân của mỹ nữ đang nằm chứ không tả mỹ nhân khỏa thân. Ở Trung Quốc lễ nghĩa chi bang thời cổ, dưới sự ràng buộc của lễ giáo, ngay loại tác gia lãng mạn như Tư Mã Tương Như cũng không dám trực tiếp miêu tả cái đẹp khỏa thân của phụ nữ mà dùng thủ pháp miêu tả quanh co. Cho dù như thế, các đại gia từ phú như Tống Ngọc, Tư Mã Tương Như vẫn bị bọn hủ nho coi là "vô hạnh", cho rằng loại văn chương như bài *Mỹ nhân phú* là hạ lưu dâm đãng. *Mỹ nhân phú* không phải là văn chương dâm đãng, mà "Dùng ngôn ngữ văn học để miêu tả một bức tranh sơn dầu mỹ lệ đầy không khí và ánh sáng biến hóa kỳ diệu mà có phong vị Trung Quốc cổ điển, từ phú Cung thể xinh đẹp ẻo lả thời Lục triều quyết không sao sánh được. Về kỹ xảo miêu tả cũng hoàn toàn không thua kém sự miêu tả tuyệt thế mỹ nhân Hải Luân trong sử thi Hà Mã" (46).

Về động cơ viết bài *Mỹ nhân phú*, *Tây kinh tạp ký* nói "Trường Khanh vốn có bệnh tiêu khát, trở về Thành Đô, thích sắc đẹp của Văn Quân, nên bệnh cũ phát lại. Bèn viết bài *Mỹ nhân phú*, muốn dùng đó để tự phúng thích mình, nhưng đến chết vẫn không sửa được, sau cùng chết vì bệnh ấy". Lời ấy đáng tin hay không thì không sao biết được, cũng tạm kể là một thuyết.

Nhạc phủ thời Hán phản ảnh rộng rãi sinh hoạt xã hội, trong đó các tác phẩm về phụ nữ chủ yếu có hai loại, một là miêu tả gái hái dâu, hai là miêu tả gái dệt vải, cũng có thể gọi là phụ nữ hái dâu và dệt

(46) *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 1, tr. 563

vải. Theo sự phân công theo giới tính cơ bản đàn ông cày ruộng đàn bà dệt vải thì phụ nữ lao động thời cổ chủ yếu làm hai việc nuôi tằm và nấu nướng trong gia đình. Nuôi tằm dệt vải là hái dâu và dệt vải, hái dâu và dệt vải là lao động chủ yếu của phụ nữ thời cổ, cũng là khía cạnh chủ yếu trong vai trò gia đình mà xã hội quy định cho phụ nữ. Hái dâu và dệt vải trở thành đề tài quan trọng trong văn học phản ảnh sinh hoạt phụ nữ thời cổ. Mà những lao động gia vụ như nấu nướng thì hoàn toàn không trở thành đối tượng miêu tả của văn học như việc hái dâu và dệt vải. Chủ đề hái dâu có hai yếu chỉ lớn "Thưởng thức dung mạo xinh đẹp của người phụ nữ hái dâu và tán thưởng cái đẹp đạo đức của người phụ nữ đẹp hái dâu" (47), ca ngợi người phụ nữ hái dâu từ hai phương diện sắc đẹp và đức hạnh. Trong đó bài *Mạch thượng tang* là đại biểu.

Mạch thượng tang từ các khía cạnh búi tóc, trang sức và y phục nhấn mạnh miêu tả cái đẹp bên ngoài của nữ chủ nhân Công La Phu.

La Phu thiện tàm tang
Thái tang thành nam ngu (ngung)
Thanh ty vi lung thằng,
Quế chi vi lung câu.
Đầu thượng ủy trụy trâm,
Nhĩ trung minh nguyệt châu.
Tương khởi vi hạ quần,
Tử ỷ vi thượng nhu.
Hành giả kiến La Phu,
Hạ đảm loát tỳ tu.
Thiếu niên kiến La Phu,

(47) Xem thêm *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 93, 96

Thoát mạo trước tiêu đầu.
Canh giả vong kỳ lê,
Sừ giả vong kỳ sừ.
Lai quy tương oán nộ,
Đãn tọa quan La Phu.

(La Phu giỏi canh cửi
Góc thành nam hái dâu
Tơ xanh buộc quai giỏ,
Cành quế uốn móc câu.
Đầu cài trâm chúc nghiêng,
Tai đeo minh nguyệt châu.
Quần vân vàng đẹp quá,
Áo vân tía xinh sao.
Người đi thấy La Phu,
Hạ gánh xuống vò râu.
Người trẻ thấy La Phu,
Bỏ mũ ra vò đầu.
Người cày quên mất cày,
Người bừa quên mất trâu.
Trở về giận cãi nhau,
Cứ ngồi nhìn La Phu) (48).

La Phu trang điểm theo thời trang, tóc kết thành bím buông xuống như đuôi ngựa, tai đeo châu minh nguyệt, mặc quần màu vàng có hoa văn, áo tía ngắn tay có hoa văn, tay cầm giỏ đựng dâu có quai bằng cành quế, bước đi ung dung, đường hoàng đỉnh đạc.

Sắc đẹp và trang điểm hợp thời trang của La Phu hấp dẫn ánh mắt của người đi đường, khiến họ quên mất quên mất con vật sống trong tay mình. Dùng sự hấp dẫn đối với người đi đường để thể hiện cái đẹp

(48) *Ngọc đài tân vịnh*, Thượng Hải thư điếm, 1988, tr. 4

của La Phu. Trong thơ tuy không trực tiếp miêu tả dung mạo của La Phu, nhưng từ con mắt của người đi đường có thể thấy nàng nhất định là một cô gái xinh đẹp.

Nét đẹp đạo đức của La Phu : một là nàng quen lao động, động tác mau lẹ, hái dâu tài giỏi, hai là nàng mưu trí dùng cách khoe khoang là đã có chồng để cự tuyệt sự sàm sơ của vị "Sứ quân", chống lại sự chọc ghẹo của đàn ông, bảo vệ sự trong sạch của mình.

Lưu Lan Chi vợ viên tiểu lại Tiêu Trọng Khanh ở phủ Lô Giang trong *Khổng tước Đông nam phi* (49) là phụ nữ tầng lớp giữa và dưới. Lối trang điểm của nàng cũng rất hợp thời trang :

Kê minh ngoại dục thự,
Tân phụ khởi nghiêm trang.
Trứ ngã tú giáp quần,
Sự sự tứ ngũ thông.
Túc hạ nhiếp ty lý,
Đầu thượng đại mạo quang.
Yêu nhược lưu hoàn tố,
Nhĩ nhược minh nguyệt đang.
Chỉ như tước thông căn,
Khẩu như hàm châu đan.
Tiêm tiêm tác tế bộ,
Tinh diệu thế vô song.

(Ga gáy trời gần rạng,
Tân phụ dậy nghiêm trang.
Mặc quần thêu ống hẹp,
Dáng vẻ rất đoan trang.
Chân mang hài tơ nhẹ,
Đầu đội mồi sáng choang.

(49) *Ngọc đài tân vịnh*, tr. 24-31

Eo tựa vải lụa bó,
Tai như vầng trăng tròn.
Tay tựa cọng hành lột,
Môi đỏ tựa thoa son.
Nhẹ nhàng thong thả bước,
Xinh đẹp thế vô song).

Lưu Lan Chi dung mạo đức hạnh kiêm toàn, không những xinh đẹp mà còn rất chăm chỉ, từ nhỏ đã được dạy dỗ tốt đẹp "Thập tam năng chức tố, Thập tứ hợp thành y. Thập ngũ đàn không hầu, Thập lục tri lễ nghi" (Mười ba biết dệt vải, Mười bốn biết vá may, Mười lăm dạy đánh đàn, Mười sáu biết lễ nghi). Sau khi nàng lấy Tiêu Trọng Khanh, suốt ngày làm lụng, vất vả không thôi "Kê minh nhập cơ chức, Dạ dạ bất đắc tức. Tam nhật đoạn ngũ sất" (Gà gáy lên khung dệt, Cả đêm không nghỉ ngơi. Ba ngày dệt năm tấm). Một người con dâu xinh đẹp, thông minh, chăm chỉ như thế, vẫn không thể được mẹ chồng yêu thích, cuối cùng bị ép phải ly dị.

Loại phụ nữ lao động ở tầng lớp thấp nhất thời Hán - tỳ nữ, địa vị thấp hèn, bán thân làm nô tỳ, nhưng họ cũng rất xinh đẹp, chăm chỉ, trí tuệ. Bài *Thanh y phú* của Thái Ung miêu tả một người tỳ nữ địa vị thấp kém. người tỳ nữ áo xanh này mặt mũi sáng sủa, thể thái nhàn nhã mà làm việc thành thạo "Tinh tuệ tiểu tâm, Xu sự như phi. Trung quỹ tài cát, Mạc năng song truy" (Cẩn thận thông minh, Làm việc rất hay. Nấu nướng khâu vá, Không ai sánh tày). Đạo đức cao thượng "Quan thư chi khiết, Bất đạo tà phi. Sát kỳ sở lý, Thế chi tiễn hy. Nghi tác phu nhân, Vi chúng nữ sư. Y hà nhĩ mệnh, Tại thử tiện vi" (Quan thư thanh khiết, Chỉ nói lời hay. Xét rõ sự lý, Hiếm

có trên đời. Xứng bậc phu nhân, Dạy dỗ mọi người. Vì sao số phận, Hèn hạ thế này). Đức, sắc, ngôn, công đều đầy đủ tốt đẹp, đáng tiếc số phận không may ở vào địa vị hèn hạ. Người ở địa vị hèn hạ, mà dung mạo, đức hạnh lại đều xinh đẹp cao thượng, cũng như "Kim sinh sa thược, châu xuất bạng nê" (Vàng sinh bãi cát, ngọc xuất trai bùn) (50).

Trong hội họa thời Hán cũng có tác phẩm phản ảnh đề tài sinh hoạt phụ nữ. Mã Vương Đôi ở Trường Sa trong bức tranh *Tây Hán bạch đồ* có vẽ quý phu nhân của Nhuyễn hầu chủ ngôi mộ, bà mặc áo màu hoa văn mây trời, béo tốt đẫy đà, đi đứng không thể không chống gậy, làm ra một phong độ ung dung sang trọng, biểu hiện cái tốt giả tạo. Búi tóc của bà đeo bộ dao hình cành cây, áo kín cổ tay rộng, chính là lối trang sức của phụ nữ quý tộc thời Tây Hán. Ba người thị nữ đi sau Nhuyễn hầu phu nhân, đầu đeo bộ dao, cũng mặc áo kín cổ tay rộng, vóc dáng thể thái khác nhau, dáng vẻ tự nhiên, là một hình tượng phụ nữ thuần phác thiện lương.

Hội họa thời Hán phần nhiều biểu hiện nội dung tiết phụ hiếu nữ, như biểu hiện Hữu Lương tiết phụ, Tề nghĩa mẫu, Kinh sư tiết phụ, Vô Diệm xú nữ, Lương Cao Hành, Thu Hồ thê, Lỗ nghĩa cô, Sở Chân Khương, Lý Thiện vân vân. Hán Vũ đế trong bức tranh vẽ cung Cam Tuyền vẽ hình người đồ tễ về hưu Vương Ứ thị. Thời Hán Thành đế, đem truyện các nhân vật trong *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng vẽ trên bình phong và tường vách để làm khuôn mẫu giáo dục, khiến *Liệt nữ truyện* được lưu truyền rộng rãi (51).

(50) *Toàn Hán phú*, tr. 573

(51) Xem thêm *Trung Quốc mỹ học sử*, tr. 83

Tóm lại, phú thời Hán, dân ca nhạc phủ thời Hán và hội họa thời Hán đều ở một mức độ nhất định phản ảnh cái đẹp bên trong và cái đẹp hình thể, cái đẹp dung mạo của phụ nữ, để lại cho chúng ta rất nhiều tư liệu về hình tượng cái đẹp phụ nữ thời Hán.

Chương 4.

Đa tài khéo nói, phóng khoáng phong nhã : cái đẹp phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, xã hội phân liệt, loạn lạc, chiến tranh liên miên, đời sống nhân dân cực kỳ không yên ổn, phụ nữ lại càng ở trong cảnh nước sôi lửa bỏng.

Kinh tế trang viên của các thế gia đại tộc lấy quan hệ huyết thống tông tộc làm mối dây ràng buộc độc lập mà mau lẹ phát triển, của cải tập trung cao độ vào tay các nhà thế gia đại tộc. Giai cấp thống trị chia làm sĩ tộc và thứ tộc, giữa các sĩ tộc thông hôn với nhau, sĩ tộc và thứ tộc không thông hôn hình thành loại hôn nhân môn đệ, quan lại, sĩ tộc quyền quý đều nuôi dưỡng số lượng gia kỹ lớn, sống cuộc sống hủ bại.

Đối diện với nguy cơ của tín điều Nho học và tình hình xã hội loạn lạc khiến mọi người có cảm giác sống buổi sáng không biết buổi chiều ra sao, điều này làm nảy sinh Huyền học thời Ngụy Tấn. Huyền học đi ngược lại tư tưởng thời Hán đặt tập thể, xã hội lên hàng đầu, mà đặt việc độc lập tự do của nhân cách cá nhân lên hàng đầu. Các sĩ độc phiệt duyệt tự cho là mình thanh cao, chú ý việc giáo dưỡng và phong độ, đề cao và khảo xét tài năng, tư tưởng và phẩm mạo, trí tuệ con người, mang tới "sự thức tỉnh con người", khiến thời

Ngụy Tấn rất hay nói tới phẩm tháo nhân vật, hướng về cái đẹp và thẩm mỹ về nhân vật (1). Điều đó có ảnh hưởng rất quan trọng đối với cái đẹp của phụ nữ thời Ngụy Tấn. Trong thời gian này, cái đẹp đa tài khéo nói, phiêu dật phong nhã của phụ nữ chủ yếu là kết quả của ảnh hưởng phong khí thời Ngụy Tấn.

Vì sự lưu hành của Huyền học, Phật giáo thời Ngụy Tấn, nên tuy sự ràng buộc của lễ giáo Nho học, nhất là sự cấm cố đối với phụ nữ vẫn tồn tại, nhưng sức ảnh hưởng, sức khống chế đã suy giảm rất nhiều. Sự ràng buộc lễ giáo tương đối lỏng lẻo, khiến phụ nữ tầng lớp trên thời Ngụy Tấn phiêu dật, phóng đạt, vì thế xuất hiện cái đẹp phụ nữ nhiều tài khéo nói phiêu dật phong nhã, đồng thời hiện tượng xã hội phụ nữ "ghen" cũng gia tăng.

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, các dân tộc ít người ở phương Bắc xâm lấn, dân tộc ở phương Bắc hòa tan vào nhau. Một số phong tục nguyên thủy và tập quán hôn nhân, phong cách kiêu hãn của các dân tộc ít người cũng có ảnh hưởng nhất định đối với phụ nữ người Hán.

Sau khi nhà Đông Tấn diệt vong, bắt đầu từ nhà Lưu Tống, địa chủ thứ tộc bước lên võ đài chính trị, nắm giữ đại quyền, đem khí phái "chợ búa" vào giai cấp thống trị tầng lớp trên, những lời tình ca của vợ thương nhân, kỹ nữ ở chợ búa được đưa vào cung đình, nảy sinh loại thơ diễm thể, hướng về cái đẹp phụ nữ mềm yếu uể oải diễm tình (hoặc sắc tình). Cái đẹp phụ nữ phát triển theo hướng diễm hóa, bệnh thái hóa.

(1) Xem thêm *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 2, tập thượng, tr. 81 - 82, 92 - 93

1. Phẩm tháo nhân vật và cái đẹp đàn ông

Cuối thời Hán đầu thời Ngụy, trong xã hội vô cùng coi trọng việc bình phẩm nhân vật, đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều thì càng coi trọng phẩm tháo nhân vật.

Phẩm tháo nhân vật thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, theo tác giả *Trung Quốc mỹ học sử* phân tích *Thế thuyết tân ngữ* và nhiều tài liệu hữu quan khác khái quát thì có bốn phương diện là Trọng tài tình, Sùng tư lý, Nêu phóng đạt và Thưởng dung mạo.

Cái gọi là "Trọng tài tình", bao gồm cái đẹp cá tính, tài năng, tình cảm của nhân vật, cái gọi là "Sùng tư lý" bao gồm cái đẹp trí tuệ, ngôn ngữ của nhân vật, có tài biện luận, "Nêu phóng đạt" bao gồm cái đẹp trong cõi nhân sinh mang tính triết lý vượt lên trên lợi lộc, "Thưởng dung mạo" bao gồm cái đẹp bên ngoài như hình thể, phong độ, cử chỉ của nhân vật (2).

Các nhà sĩ tộc phú hào thời Ngụy Tấn rất thông thạo về nghi dung, cử chỉ, hướng về cái gọi là phong độ danh sĩ, lối sống tao nhã. *Thế thuyết tân ngữ, Dung chỉ* ghi chép về rất nhiều đàn ông dung mạo cử chỉ đẹp đẽ. Các sĩ tộc đại gia rất chú trọng tới nghi dung trang phục, thích đánh phấn xông hương. Tư dung tuấn tú, phong độ đĩnh đạc sẽ được mọi người thưởng thức và tôn trọng, có người ra vào phải có thị tùng dìu đỡ mới đi được, bày ra một dáng vẻ yếu ớt không chịu nổi gió, hướng tới nghi dung cử chỉ phụ nữ hóa, phản ảnh thị hiếu thẩm mỹ của đàn ông thuộc tầng lớp sĩ tộc.

Ví dụ, *Thế thuyết tân ngữ, Dung chỉ* miêu tả thể mạo của danh sĩ nổi tiếng Kê Khang :

(2) Xem chú thích (1)

"Kê Khang cao bảy thước tám tấc, phong tư tuấn tú. Người nhìn thấy đều khen Dáng vẻ đường hoàng, cử chỉ thanh nhã. Có người nói : Dáng vẻ như gió dưới cây tùng, thanh cao mà thong thả. Sơn Công nói Kê Thúc Dạ vòi vọi như cây tùng đứng một mình, lúc say rượu thì chót vót như núi Ngọc Sơn sắp đổ".

Miêu tả mỹ nam tử Phan Nhạc (tức Phan An Nhân, tục gọi là Phan An) nổi tiếng đương thời như sau :

"Phan Nhạc tư dung tuấn tú, thần thái tươi đẹp. Lúc trẻ cắp đàn lên Lạc Dương, phụ nữ nhìn thấy, không ai không xúm lại nhìn ngắm".

Loại thiếu niên đẹp trai như Phan Nhạc đi đường bị phụ nữ vây quanh, đủ thấy phụ nữ đương thời có thể thưởng thức cái đẹp của đàn ông trước mặt công chúng, phụ nữ cũng hướng về cái đẹp đàn ông.

Nhưng cái đẹp đàn ông và cái đẹp phụ nữ có giá trị khác hẳn nhau. Đàn ông đẹp trai đương thời được xã hội tôn trọng, thậm chí còn nhờ đó mà thăng quan phát tài. Số phận của mỹ nữ thì khác, họ thường trở thành đối tượng đùa giỡn và tranh cướp của đế vương, quyền quý, sĩ tộc đại gia. Cho dù được sủng ái, chẳng qua cũng chỉ là đồ chơi cao cấp, cuối cùng cũng khó thoát khỏi kết cuộc sắc suy tình giảm.

Phân tích từ các tư liệu có liên quan, thì đặc trưng của cái đẹp phụ nữ thời Ngụy Tấn có thể khái quát là đa tài khéo nói, phiêu dật phong nhã.

2. Đa tài khéo nói

Phụ nữ tầng lớp trên thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, nhất là phụ nữ trí thức dưới ảnh hưởng của phong

khí và biện luận Huyền học thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, thường nhiều tài năng, có cá tính, biết ăn nói, rất có trí tuệ. Mà phong khí thời Ngụy Tấn lại tán dương, cổ xúy loại trí tuệ và tài năng ấy của phụ nữ. Vì thế đa tài khéo nói trở thành đặc trưng quan trọng của cái đẹp phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều.

Tài văn thơ, tài thi họa đều được coi là cái đẹp tài nghệ của phụ nữ. Đây là chỗ khác nhau rất lớn so với thời Tần Hán. tài năng của phụ nữ thời Hán nghiêng về việc thông hiểu và vận dụng các kinh điển *Thi, Thư, Lễ* của Nho gia, trong thực tế là giữ lễ giáo Nho học. Phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều thì biểu hiện tài năng và tình cảm trên nhiều phương diện, vả lại rất có cá tính, câu chuyện "Tài vịnh tơ liễu" được truyền làm giai thoại chính tiêu biểu cho văn tài, thi tài của phụ nữ một thời. Câu chuyện này nảy sinh từ tài nữ Tạ Đạo Uẩn thời Đông Tấn :

> "Tạ Thái phó (Tạ An) ngày mùa đông tuyết rơi hội họp gia đình, bàn luận kinh sử với con trai con gái. Trong chớp mắt tuyết rơi xuống, ông vui vẻ hỏi : Tuyết trắng rơi rơi giống cái gì ? Người anh trai là Tử Hồ nói : Giống muối rắc trên không". Con gái (chỉ Tạ Đạo Uẩn) nói : Không bằng giống tơ liễu bay trên không, ông cười lớn vui vẻ" (3).

Tài năng của Tạ Đạo Uẩn thể hiện ở chỗ ví dụ rất sát, ứng đối mau lẹ.

Đại thư pháp gia Vệ phu nhân (tên Thước) rất được người đương thời tán tụng về tài năng thư pháp. Mọi người nói "Chữ viết của Vệ phu nhân như băng

(3) *Thế thuyết tân ngữ, Ngôn ngữ.*

vụn trong hồ ngọc, trăng rã trên Dao đài, tươi như cây thơm, hòa như gió mát" (4). "Chữ viết của Vệ phu nhân như vũ nữ cắm hoa, phù dung chen chúc, lại như mỹ nữ lên đài, tiên nga giỡn bóng, lại như sen vàng soi bóng nước, ao biếc đọng ráng chiều" (5), đẹp không sao tả nỗi. Tạ Đạo Uẩn cũng có tài thư pháp, thư pháp của bà "Ung dung hòa nhã, thơm ngát có thể thưởng ngoạn" (6). Ngôn ngữ mau lẹ, giỏi ứng đối, có trí tuệ, giọng nói dễ nghe là những tài năng được đề cao trong văn nhân sĩ phu tầng lớp trên thời Ngụy Tấn. Nguyễn thị vợ Hứa Sung là một phụ nữ giỏi ứng đối, có trí tuệ.

Vợ mới cưới của Hứa Sung cực kỳ xấu xí. Đêm tân hôn Hứa Sung vì vợ quá xấu không muốn động phòng, người nhà đều lấy làm lo. "Vừa gặp lúc có khách tới, vợ bảo tỳ nữ ra nhìn, trở vào thưa : là Hoàn lang. Hoàn lang tức Hoàn Phạm. Người vợ nói không lo, chắc Hoàn khuyên được. Hoàn quả nói với Hứa : Nhà họ Nguyễn gả con gái xấu cho ông, chắc chắn có ý, ông nên nghĩ lại. Hứa bèn vào trong, vừa thấy mặt vợ lại lập tức muốn trở ra, vợ nghĩ lần này ra sẽ không lẽ nào trở vào nữa, bèn nắm áo giữ lại. Hứa nhân thế hỏi : Đàn bà có bốn đức, nàng được mấy đức? Vợ nói : Cái mà tôi thiếu chỉ là dung mạo thôi. Nhưng sĩ có trăm nết, chàng được mấy nết ? Hứa nói có đủ. Vợ nói : Phàm trăm nết thì lấy đức làm đầu, chàng yêu sắc không yêu đức, làm sao gọi là đủ. Sung có vẻ thẹn thùng, lập tức kính trọng" (7). Tài biện luận và trí tuệ của người vợ xấu xí khiến chồng phải kính trọng. Sau

(4) *Toàn hồ ký.*
(5) *Cổ kim thư bình.*
(6) *Hậu thư phẩm.*
(7) *Thế thuyết tân ngữ, Hiền viên.*

khi cưới người vợ xấu xí này đã giúp chồng không ít chủ ý tốt.

Lúc con gái của Gia Cát Đãn xuất giá, trong cuộc trò chuyện với tân lang đêm động phòng cũng rất cơ trí :

> "Vương công Uyên cưới con gái Gia Cát Đãn. Lúc vào phòng, bắt đầu trò chuyện, Vương nói với vợ : Vợ mới thần sắc hèn hạ, khác hẳn Công Hưu. Người vợ nói : Đại trượng phu không thể giống Ngạn Vân, lại đòi vợ học theo bậc anh kiệt" (8).

Vương công Uyên tức Vương Quản, có phong độ, tài học, tiếng tăm lừng lẫy, cha tự Ngạn Vân. Đêm tân hôn ông nói thần thái của vợ hèn hạ không được như cha nàng. Người vợ lại trả treo châm chọc, nói ông không giống cha là Ngạn Vân, lại yêu cầu vợ phải xứng đôi với bậc anh hùng. Câu trả lời của nàng mau lẹ mà có trí tuệ, vừa chê bai lại chồng, vừa ca ngợi cha mình.

Phụ nữ có tài biện luận nhất phải kể là Tạ Đạo Uẩn, công nhiên biện luận Huyền lý với đàn ông. "Hiến Chi em Ngưng Chi thường cùng tân khách bàn luận, hay bị đuối lý. Đạo Uẩn sai tỳ nữ nói với Hiến Chi : Muốn giải vây cho tiểu lang. Rồi lấy the xanh căng thành trướng che kín, bàn trước với Hiến Chi, khách không sao bắt bẻ được". "Thái thú Lưu Liễu nghe danh, mời tới đàm luận. Đạo Uẩn vốn biết tiếng Liễu, cũng không ngần ngại, bèn búi tóc cài trâm ngồi trên nệm trong trướng. Liễu ăn mặc chỉnh tề ngồi ở giường riêng. Đạo Uẩn phong tư cao khiết, lời lẽ thanh nhã, trước tiên nói tới việc nhà, khẳng khái lưu liên, từ chỗ thù

(8) Xem chú thích (7)

tạc hỏi tới yếu chỉ Huyền học, không hề ngắc ngứ. Liễu lui ra nói : Quả thật chưa từng thấy, xem lời lẽ xét khí độ, khiến người ta tâm phục khẩu phục" (9). Phong vận thanh nhã và năng lực ngôn ngữ, tài năng biện luận của Tạ Đạo Uẩn khiến danh thủ "thanh đàm" nổi tiếng đương thời là Lưu Liễu phải thực sự khâm phục.

Thời kỳ này sự thông minh tài trí, khả năng nhìn xa trông rộng, cá tính, khí chất của phụ nữ được xã hội coi trọng, nhấn mạnh hoặc khen ngợi. Như Tân Hiến Anh thời Tấn, "Thông minh có tài thức" rất giỏi dự liệu, Nghiêm Hiến "Trinh thục có kiến thức độ lượng" (10), Chung Diệm "Vài tuổi có thể làm văn, lúc lớn thông tuệ phong nhã, đọc rộng sử sách", Trần thị vợ Lưu Trăn "Giỏi biện luận biết làm văn", Lưu Lệ Hoa "Lúc nhỏ thông tuệ, ban ngày học nữ công, ban đêm đọc sách vở", "Mỗi khi bàn kinh nghĩa với các anh, lý luận hơn xa, các anh đều rất khâm phục" (11).

Phong thị vợ Trung thư Thị lang Thôi Lãm nhà Bắc Ngụy, "Có tài thức, giỏi biện luận, nhớ dai, phần nhiều biết gì là biết tới nơi tới chốn" (12). Bọn Lý Phu, Công Tôn Văn Thúc nổi tiếng đương thời đều thỉnh giáo Phong thị về "Chuyện cũ gần đây", còn có con gái Thôi Nguyên Tôn, "Tính nghiêm nghị thông minh, có tiết tháo, đọc rộng sử truyện, nhiều người biết tiếng. Đích thân dạy kinh nghĩa cho con là Cảnh Bá, Cảnh Quang" (13), khiến hai con trai đều trở thành danh sĩ đương thời.

(9) *Tấn thư, Liệt nữ truyện, Vương Ngưng Chi thê Tạ thị.*
(10, 11) *Tấn thư, Liệt nữ truyện.*
(12, 13) *Bắc sử, Liệt nữ truyện.*

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, cá tính, khí chất của phụ nữ được xã hội coi trọng, trái hẳn quan niệm "phụ nữ lấy yếu ớt làm đẹp", nhấn mạnh sự cứng cỏi của phụ nữ. Như lúc cuối nhà Ngụy đầu nhà Tấn, vợ trước của Giả Sung vì cha có tội nên bị liên lụy, bị đày ra vùng biên viễn. Giả Sung thì lấy vợ khác. Không bao lâu vợ trước được đại xá trở về, vì thế phát sinh câu chuyện sau đây :

> "Sung trước đã cưới con gái Quách Phối. Vũ đế bèn phong hai người làm tả hữu phu nhân. Lý thị ở ngoài, không chịu về nhà. Quách thị muốn tới vấn an Lý, Sung nói : Nàng ta cứng rắn có tài khí, nàng đừng tới là hơn. Quách thị vì thế trang sức lộng lẫy oai vệ, dắt nhiều thị tỳ, tới nơi vào cửa, Lý thị đứng lên đón, Quách bất giác khuỵu chân, nhân quỳ xuống lạy. Đến khi trở về kể lại với Sung, Sung nói : Ta đã nói với nàng thế nào !" (14).

Trong cuộc gặp mặt đầy kịch tính giữa hai người vợ của Giả Sung, Quách thị mang theo rất nhiều tỳ nữ tùy tùng để trợ oai. Nhưng vừa nhìn thấy Lý thị lại bị khí chất cương liệt chính trực của Lý thị khuất phục, không tự chủ quỳ xuống làm đại lễ với Lý thị, đủ thấy phong cách tinh thần của con người, phong độ khí chất của con người quan trọng tới mức nào. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều đặc biệt chú ý tới "thần minh" tức tinh thần dáng vẻ của con người. Vương Hy Chi phu nhân đã nhiều tuổi, vẫn chú ý tới tinh thần dáng vẻ "Vương Thượng thư Huệ thường gặp Hữu quân phu nhân, hỏi : Tai mắt vẫn bình thường chứ ? Đáp : Tóc bạc răng

(14) *Thế thuyết tân ngữ, Hiền viên.*

rụng là chuyện hình hài, còn như tai mắt thông với thần minh, làm sao có thể xa cách với người được" (15).

Tiêu chuẩn về cái đẹp phụ nữ hoặc quan niệm về cái đẹp phụ nữ trọng tài thức, sùng trí tuệ, thưởng thức tài biện luận, đề cao tinh thần phong mạo ấy khác hẳn với quan niệm về cái đẹp phụ nữ coi trọng phụ đức, coi khinh tài năng thời Hán, nó cung cấp điều kiện nhất định cho sự phát triển tinh thần và thể xác của phụ nữ tầng lớp trên, khiến tài trí của phụ nữ tầng lớp trên thời Ngụy Tấn được phát huy ở một mức độ nhất định.

3. Phiêu dật phong nhã

Sĩ tộc phiệt duyệt thời Ngụy Tấn hướng về giáo dưỡng và phong độ. Một số người mà bọn Nguyễn Tịch, Lưu Linh trong Trúc Lâm thất hiền là đại biểu trốn tránh hiện thực tranh giành chính trị, bè đảng phe cánh tàn khốc đương thời hướng tới hoàn cảnh siêu thoát tự do, nhất thời trở thành phong khí lưu hành trong sĩ nhân, tức cái gọi là "phong khí dưới rừng". Loại phong khí ấy cũng có ảnh hưởng khá lớn tới tinh thần phong cách của phụ nữ, khiến một số phụ nữ thời Ngụy Tấn hình thành phong cách phiêu dật phong nhã đặc thù, trở thành một nét đặc sắc trong cái đẹp phụ nữ thời kỳ này.

Sự phiêu dật phong nhã này một mặt thể hiện qua khí chất tài trí của phụ nữ, đồng thời cũng thể hiện qua thể thái, dung mạo, đại khái là sự kết hợp giữa tài năng và dung mạo.

(15) Xem chú thích (14)

Chân Hoàng hậu của Ngụy Văn đế Tào Phi chính là một mỹ nhân tài mạo song toàn nổi tiếng thời Tam quốc. Tào Tháo đã sớm nghe nói Chân thị con dâu Viên Thiệu xinh đẹp. Lúc diệt Viên Thiệu, Tào Tháo đã nghĩ tới việc chiếm đoạt nàng, nhưng nàng đã bị con ông ta là Tào Phi chiếm trước :

> "Ngụy Vũ đế hạ được Nghiệp Thành, Văn đế vào trước. Trong phủ họ Viên còn có phụ nữ, tóc xõa rối bời mặt bôi nhọ nhem rơi lệ, đứng sau Lưu thị vợ Thiệu, Văn đế hỏi, nói là vợ của Hy. Bèn bảo búi tóc lên, lấy khăn lau mặt, thấy dung mạo đẹp tuyệt trần, bèn nạp làm vợ" (16).

Lúc ấy Tào Tháo cũng tới Nghiệp Thành, *Thế thuyết tân ngữ, Cảm nịch* chép "Chân hậu nhà Ngụy thông tuệ mà xinh đẹp, trước là vợ Viên Hy, rất được sủng ái. Tào công đánh Nghiệp, ra lệnh triệu Chân thị tới gấp, tả hữu nói : Ngũ quan Trung lang đã đem đi. Công nói : Năm nay phá giặc chính vì đứa nô tỳ này". Tào Tháo từng nói tấn công Nghiệp Thành chỉ vì để bắt Chân thị mỹ nhân tuyệt thế, nhưng Tào Phi con ông ta đã bắt Chân thị trước. Vì thế Tào Tháo bèn nhận Chân thị làm con dâu.

Theo truyền thuyết Chân hậu xinh đẹp thông minh, sáng tạo ra kiểu búi tóc Linh xà. *Thái lan tạp chí* chép "Chân hậu đã vào cung Ngụy, trong cung có một con rắn lục... Hàng ngày hậu chải đầu thì nó quấn thành một vòng như cái búi tóc trước mặt. Hậu lấy làm lạ, nhân theo hình dáng của nó mà búi tóc, khéo léo đoạt quyền tạo hóa. Cho nên búi tóc của hậu mỗi

(16) *Liêm sử tuyển chú*, tr. 382

ngày mỗi khác, gọi là Linh xà kết". Câu chuyện này rất ly kỳ, nhưng búi tóc kiểu Linh xà quả thật đã từng lưu hành. Hình Lạc thần trong bức tranh *Lạc thần phú đồ* của đại họa gia Cố Khải Chi thời Tấn chính là búi tóc theo kiểu Linh xà. Mà bài *Lạc thần phú* của Tào Thực theo truyền thuyết là vì nhớ tới Chân hậu mà viết ra (17), Lạc thần phiêu dật phong nhã chính là sự thần hóa Chân hậu trong hiện thực. Xem ra sắc đẹp của Chân hậu có sức mê hoặc rất lớn, mới khiến tất cả cha con họ Tào đều bị nàng khuynh đảo.

Quý phi Trương Lệ Hoa của Trần Hậu chủ cũng là một phụ nữ dung nhan tuyệt mỹ. Nàng "Tóc dài bảy thước, đen bóng như sơn, bóng loáng có thể soi gương. Đặc biệt thông minh, có thần thái riêng, cử chỉ nhàn nhã, dung mạo đoan trang xinh đẹp, mỗi khi đưa mắt liếc nhìn, ánh sắng đầy mắt soi chiếu hai bên. Thường điểm trang trên gác, ra trước lan can, trong cung từ xa nhìn phiêu hốt như thần tiên, khéo nói nhớ dai, khéo lấy sắc đẹp thờ người" (18). Theo *Yên hoa ký*, Trần Hậu chủ xây dựng Quế cung sau điện Quang Chiêu cho Trương Quý phi. Sai Lệ Hoa thuần phục một con thỏ. Lệ Hoa mặc áo quần trắng, chải tóc kiểu Lăng vân, đi hài Ngọc hoa phi, thường một mình đi trong đó, gọi là Nguyệt cung. Vua mỗi khi vào đó yến tiệc, gọi Lệ Hoa là Trương Thường Nga". Trương Lệ Hoa khéo ăn nói, đoan trang nhàn nhã, phiêu dật như tiên, là điển hình về cái đẹp phiêu dật xinh tươi.

Văn Tuyên Hoàng hậu Lý Tổ Nga nhà Bắc Tề, "dung mạo rất đẹp", nhưng tao ngộ lại rất bất hạnh.

(17) Thuyết này xem *Văn tuyển, Lạc thần phú*, Tào Tử Kiến ghi.
(18) *Tấn thư, Trương Quý phi truyện.*

Đầu tiên gả cho Văn Tuyên đế nhà Bắc Tề, về sau bị Thành đế nạp vào hậu cung, sau đó bị Thành đế đánh đập máu me đầm đìa, bị dìm xuống sông, cuối cùng bị bức bách phải làm ni cô (19). Nga Hồ dật sĩ cho rằng nàng là một trong năm đại mỹ nữ các đời ở Trung Quốc, "Văn Tuyên Hoàng hậu Lý Tổ Nga nhà Bắc Tề bất hạnh sinh vào thời loạn, lại gả cho nhà họ Cao vô lễ, liên tiếp bị ô nhục mấy lần, tới mức ngọc nát hương tan", "Lý Tổ Nga nhờ xinh đẹp thông minh mà trở thành giai nhân tuyệt thế". Đây là thuộc loại "Ngàn thuở không có người thứ hai, gọi là người đẹp hoành tuyệt thiên thu" (20).

Phụ nữ trong cung đình lấy sự phiêu dật xinh tươi làm đẹp, phụ nữ sĩ tộc và dân gian thì lấy sự phiêu dật đạm nhã làm đẹp. Hách thị vợ Vương Trạm thời Tấn xuất thân thứ tộc, vì hiền thục có phong độ nên được gả cho Vương Trạm xuất thân sĩ tộc. "Khi lấy chồng rồi, quả nhiên có đức độ hiền thục. Sinh được Đông Hải, trở thành bậc mẫu nghi. Có người hỏi Nhữ Nam (tức Vương Trạm) làm sao biết được?, ông đáp "Thường thấy ra giếng múc nước, cử chỉ dáng vẻ rất đường hoàng, chưa từng trừng mắt, vì thế mà biết" (21). Hách thị bình thời tham gia việc lao động trong nhà, đủ thấy là phụ nữ lao động. Phụ nữ lao động cử chỉ dung mạo đẹp đẽ, cũng có thể thể được đàn ông nhà sĩ tộc ưng ý.

Vị Hách thị này chính là chị em bạn dâu của tài nữ nổi tiếng Chung Diệm. Chung Diệm "Cũng có tài năng đức hạnh. Chung, Hách là chị em bạn dâu, rất

(19) *Bắc Tề thư, Liệt truyện đệ nhất.*
(20) *Lão hồ đàm lịch đại lệ nhân ký.*
(21) *Thế thuyết tân ngữ, Hiền viên.*

kính trọng nhau. Chung không cậy sang cả mà coi thường Hách, Hách cũng không vì hèn hạ mà sợ sệt Chung. Trong nhà Đông Hải thì theo phép tắc của Hách phu nhân, trong nhà Kinh Lăng thì theo lễ của Chung phu nhân" (22). Hai người phụ nữ xuất thân khác nhau, kính trọng lẫn nhau, đều trở thành điển hình về bậc mẫu nghi trong gia đình, đều có nét đặc sắc về cái đẹp phụ nữ phiêu dật đạm nhã.

Tiêu chuẩn cao nhất về cái đẹp nhân vật thời Ngụy Tấn là cái gọi là phong thái của danh sĩ dưới rừng trúc. Mà người phụ nữ đạt tới mức độ có phong thái danh sĩ dưới rừng trúc tựa hồ chỉ có một mình Tạ Đạo Uẩn. *Thế thuyết tân ngữ, Hiền viên* chép :

> "Tạ Át rất trọng chị mình. Trương Huyền thường khen em gái, có ý muốn so sánh. Có ni cô ở đất Tế cùng qua lại hai nhà Trương, Tạ, có người hỏi ai hơn kém. Ni cô đáp : Vương phu nhân thần thanh khí sảng, có phong khí dưới rừng, phu nhân nhà họ Cố lòng trong ánh ngọc, chính là người đẹp trong khuê phòng".

Vương phu nhân tức Tạ Đạo Uẩn chị Tạ Át, vợ Vương Ngưng Chi, phu nhân nhà họ Cố tức em gái Trương Huyền. Ni cô đất Tế khen ngợi Tạ Đạo Uẩn thần thanh nhàn nhã thanh nhã, có phong thái danh sĩ dưới rừng trúc mà em gái Trương Huyền chỉ là một người trong lòng trong sạch, ngọc quý không có vết ở nơi danh môn khuê tú mà thôi, đương nhiên không thể sơ sánh với Tạ Đạo Uẩn. Cái gọi là "phong khí dưới rừng" trong thực tế là chỉ một cảnh giới tinh thần, một thái độ sống vượt lên lợi lộc, đó là điều mà các phụ

(22) Xem chú thích (21)

nữ bị trói buộc bởi lễ giáo trong gia đình rất khó đạt tới. Cho nên có rất ít phụ nữ đạt tới trình độ cao ấy trong cảnh giới tinh thần.

4. Dũng cảm quyết đoán cương liệt

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều chiến tranh không ngớt, các triều đại thay nhau liên tiếp. Chiến tranh tóm lại là nhằm tranh đoạt quyền lực, của cải, đất đai, mà phụ nữ cũng trở thành đối tượng cướp đoạt và vật hy sinh. "Mã biên huyền nam đầu, Mã hậu tải phụ nữ" (Bên cổ ngựa treo đầu đàn ông, sau ngựa chở đàn bà) (23). Trong chiến tranh rất nhiều phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ xinh đẹp khó thoát khỏi bị cướp đoạt. Đế vương cai trị thiên hạ hoặc nắm quyền lực độc bá một phương, có lúc cướp đoạt phụ nữ đại quy mô. Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, đưa gần như toàn bộ mỹ nữ trong hậu cung và thê thiếp, con gái các nhà quý tộc của sáu nước làm chiến lợi phẩm về hậu cung để cung đốn cho một mình ông ta. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, vì chiến tranh liên tiếp không ngừng, phụ nữ bị cướp đoạt, bị cưỡng bách lại càng nhiều. Tào Tháo trong chiến tranh quân phiệt thường bắt bớ mỹ nữ, chiếm đoạt vợ đẹp của người khác, ông ta bắt mẹ Hà Yến mỹ nữ của chú Trương Tú, còn định chiếm con dâu Viên Thiệu là Chân thị, kết quả Chân thị bị con ông ta là Tào Phi cướp trước. Ngô chủ Tôn Hạo giết Trương Bố, cướp con gái Trương Bố, phong là Mỹ nhân, lại rất sủng ái. Về sau Tôn Hạo trong cơn thịnh nộ giết Trương Mỹ nhân, nghe nói chị Trương Mỹ nhân rất đẹp, lại giết anh rể Trương Mỹ nhân, đoạt luôn chị nàng. Trong hậu cung của Tôn Hạo có năm ngàn mỹ nữ. Tấn Vũ

(23) *Bi phẫn thi*.

đế diệt Ngô, bắt hết mỹ nhân trong cung Ngô mang về Tấn chiếm làm của mình. Vì thế số cung nhân trong hậu cung của Tấn Vũ đế tăng vọt lên thành một vạn.

Nam Hung Nô diệt Tấn, phi tần cung nữ trong hậu cung nhà Tấn, thê thiếp quan lại và nữ tỳ đều là đối tượng bị cướp đoạt, chính quyền càng nhiều, các đế vương mới lên ngôi thường đem phi tần mỹ nữ trong hậu cung của triều trước chiếm làm của mình hoặc chia cho các tướng lĩnh. Mỹ nữ trong hậu cung Bắc triều bao gồm các nhà Bắc Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu phần lớn là bị cướp đoạt. Còn việc cướp đoạt trong chiến tranh, cưỡng hiếp phụ nữ trong dân gian thì khó mà kể xiết.

Điều đó đặt ra một vấn đề cho mọi người, là đối diện với sự cướp đoạt và cưỡng bức của thế lực cường quyền, phụ nữ nên làm thế nào, phục tùng hay phản kháng ? Trong thực tế đời sống, những người sau khi bị cướp thuận tùng cũng có, sống tạm bợ qua ngày cũng có, vì nghĩa không chịu nhục phản kháng mà bị giết hoặc tự sát cũng có, tham gia việc phản kháng hoặc tổ chức phản kháng cũng có. Dân tộc Trung Hoa vốn có tinh thần phản kháng bất khuất không cam tâm chịu nhục, thể hiện qua các nhân vật anh liệt chống lại cường bạo. Các nhân vật chống đối cường bạo có sự tích được mọi người truyền tụng được gọi là Trinh liệt. *Bắc sử, Liệt nữ truyện, Tự* vô cùng nhấn mạnh trinh liệt "Đại khái phụ đức tuy ở chỗ ôn nhu, nhưng nêu được tiết tháo để lại tiếng thơm có khi là nhờ trinh liệt. Ôn nhu là gốc điều nhân, trinh liệt là nguồn điều nghĩa, không ôn nhu không lấy gì để thành toàn điều nhân, không trinh liệt không lấy gì để thể hiện điều nghĩa". Ôn nhu và trinh liệt đã trở thành hai đức tốt lớn của phụ nữ thời kỳ này mà được đề cao nhất

là trinh liệt, cho rằng chỉ có trinh liệt mới có thể "nêu được tiết tháo để lại tiếng thơm". *Bắc sử, Liệt nữ truyện, Luận* tiến một bước cho rằng phụ nữ "đức thì lấy nhu thuận làm đầu" là tiêu chuẩn cho tất cả mọi người, nhưng tiêu chuẩn cao nhất chính là trinh liệt, tức phụ nữ "nhìn xa thấy rộng, trinh tâm giữ tiết, chí không thể đoạt, duy nghĩa là cao". Phân tích các nhân vật liệt nữ được ghi chép trong chính sử, thì loại phụ nữ này có thể chia làm hai loại là dũng cảm quyết đoán và cương liệt.

Loại phụ nữ dũng cảm quyết đoán trực tiếp dũng cảm đối đầu với cường địch, trở thành nữ chiến sĩ chống địch.

Cuối thời Tây Tấn, tướng Tấn Đỗ Tăng làm phản, bao vây Tương Thành. Trong thành binh lực không đủ, lương thực cũng hết. Thái thú Tương Thành Tuân Tung phái người phá vòng vây cầu viện binh. Tuân Quán con gái Tuân Tung mới mười ba tuổi, "Suất lãnh dũng sĩ vài mươi người, ra thành xông qua vòng vây" (24), nhân đêm tối vừa đánh vừa chạy, cuối cùng đánh lùi được truy binh, xin quân tới cứu viện giải vây cho Tương Thành. Tên tuổi của anh hùng thiếu nữ Tuân Quán được lưu trong sử sách.

Thời Nam Bắc triều, hoàng đế nhà Tiên Tần Phù Kiên đem quân tấn công nhà Đông Tấn, đại quân tới thẳng dưới thành Tương Dương. Tướng giữ Tương Dương là Chu Tự hoảng hốt ứng chiến, quân Tần đánh vào vòng ngoài thành, lại có thêm quân tăng viện. Thành Tương Dương nguy cấp muôn phần. Lúc ấy mẹ Chu Tự là Hàn thị, thông hiểu binh pháp, suất lãnh con dâu

(24) *Tấn thư, Liệt nữ truyện, Tuân Tung tiểu nữ Quán.*

và nữ tỳ lên thành quan sát, phát hiện góc thành Tây bắc không vững chắc. Bà bèn suất lãnh hơn trăm tôi tớ đắp thêm một lớp tường phía trong để làm công sự phòng ngự. Sức người không đủ, bà lại bỏ tiền thuê thanh niên, phụ nữ trong thành giúp đỡ xây thành. Qua một ngày một đêm nỗ lực, cuối cùng đã đắp xong lớp tường thành thứ hai. Lúc quân Tần đánh vào góc Tây bắc của thành, quân Tấn lui về lớp thành thứ hai mới cản được quân Tần. Quân dân trong thành cùng gọi tường thành mới là "Phu nhân thành" (25).

Thái thú Ngô Quận nhà Tấn Trương Mậu bị Thẩm Sung hại chết. Lục thị vợ Trương Mậu "Dốc hết gia sản, suất lãnh bộ khúc của Mậu xông lên để giết Sung" (26), cuối cùng đánh bại Thẩm Sung.

Mao thị vợ Phù Đăng nhà Tiên Tần, "dũng mãnh giỏi cưỡi ngựa", Phù Đăng bị người Khương Diêu Tràng đánh bại, "Doanh trại bị vây, Mao thị cầm cung phóng ngựa suất lãnh mấy trăm tráng sĩ giao chiến với Tràng, giết rất nhiều quân địch" (27). Cuối cùng vì ít không chống được nhiều, quân thua bị giết.

Mạnh thị Vương Thái phi ở Nhiệm Thành nhà Bắc Ngụy, lúc bị giặc bao vây ở La Thành, bà "Cầm quân lên lũy, giữ chắc những chỗ hiểm yếu, cổ lệ văn vũ, an ủi quân mới quân cũ, dùng sự thưởng phạt để khuyến khích, giảng giải lẽ thuận nghịch" (28), cổ vũ sĩ khí, khiến khí thế quân sĩ đại chấn. Bà còn "Đích thân đi tuần, không tránh tên đạn". Quân giặc đánh

(25) *Tư trị thông giám*, quyển 104, *Tấn kỷ*, quyển 26
(26, 27) *Tấn thư, Liệt nữ truyện.*
(28) *Ngụy thư, Liệt nữ truyện.*

mãi không được đành phải rút lui, cuối cùng giữ được thành lũy.

Lưu thị vợ Thái thú Tử Chàng nhà Bắc Ngụy Cẩu Kim Long cũng là một nữ anh hùng giữ thành. Lúc quân Lương bao vây thành Tử Chàng, Cẩu Kim Long bệnh nặng không thể suất lãnh quân đội ứng chiến. Lưu thị "Bèn suất lãnh dân trong thành sửa sang binh khí, một đêm làm xong, chống cự hơn trăm ngày, binh sĩ tử thương quá nửa". Lúc ấy Phó tướng giữ thành mưu làm phản, Lưu thị chém chết người ấy và đồng đảng mấy mươi tên, ổn định quân tâm. Lúc nguy nan giếng nước bị quân Lương đánh chiếm, trong thành hết nước, nhiều người chết khát. May gặp mưa lớn, Lưu thị sai dùng đồ vật hứng nước mưa, dùng áo và các thứ vải vóc treo trên thành để hút nước mưa rồi vắt nước vào vật đựng để giữ lại. Nhờ thế lòng người tạm yên. Lúc ấy quân cứu viện vừa tới, quân địch rút lui.

Triệu thị vợ Tôn Đạo Ôn huyện Vũ Công nhà Tây Ngụy, lúc quân phản loạn vây khổn Kỳ Châu, thành trì bị vây rất lâu, quân cứu viện không tới. Triệu thị "Bèn nói với phụ nữ trong thành : Nay châu thành bị hãm, phải cùng nhau giải quyết mối lo chung, rồi suất lãnh họ vác đất đêm ngày đắp thành cho cao lên" (29), sau cùng giúp đỡ quân đội giữ được thành trì.

Ở Trung Quốc thời cổ "Đàn bà chủ việc bên trong, đàn ông coi việc bên ngoài" thì chiến tranh là phận sự của đàn ông, là "độc quyền" của đàn ông. Việc phụ nữ tham gia chiến đấu và tổ chức phụ nữ bảo vệ thành trì được sử sách ghi chép ít ỏi như lông phượng sừng lân, nên khí phách dũng cảm cương nghị của họ lại

(29) *Bắc sử, Liệt nữ truyện.*

càng xứng đáng được ca ngợi, trở thành một nội dung quan trọng của "đức hạnh phụ nữ" thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều.

Phụ nữ cương liệt trước cảnh nước mất nhà tan, lục gặp nguy nan bị làm nhục, vì nghĩa không chịu nhục, có người chống giặc mà chết, có người tự sát thân vong. Họ "Không vì mất còn mà thay lòng, không vì thịnh suy mà đổi tiết" (30). Đại nghĩa lẫm liệt là đức tốt triển khai trong thời chiến của phụ nữ. Loại phụ nữ trinh liệt này sử sách ghi chép khá nhiều, ở đây nêu vài ví dụ cương liệt trí tuệ :

Đêm trước ngày Tây Tấn diệt vong, bọn Lưu Diệu tướng nhà Tiền Triệu công hãm Lạc Dương, bọn Lưu Diệu bắt được Thái tử phi Vương Huệ Phụng con dâu Tấn Mẫn đế, đem nàng thưởng cho bộ tướng là Kiều Thuộc, Kiều Thuộc muốn nạp nàng làm vợ. Đối diện với mãnh tướng Hung Nô hung dữ, Vương Huệ Phụng tuốt kiếm chống cự, nói "Ta là công nữ con Thái úy, Thái tử phi của Hoàng đế, nghĩa không thể để giặc Hồ làm nhục", kế bị hại. Tán kỵ Thường thị nhà Tây Tấn là Lương Vĩ bị Lưu Diệu giết, vợ là Tân thị có sắc đẹp, Lưu Diệu muốn chiếm làm thiếp. Tân thị lăn ra đất khóc lớn nói "Thiếp nghe đàn ông lấy nghĩa làm trung liệt, đàn bà không hai chồng, chồng thiếp đã chết, không lẽ nào lại sống một mình", xin được chết ngay. Sau đó tự thắt cổ mà chết (31).

Con gái Thứ sử Tây Dương Châu nhà Tiền Triệu Dương Quảng, "Dung mạo rất đẹp, khẳng khái có khí tiết trượng phu". Giặc Man Mai Phương công hãm Dương

(30) *Bắc sử, Liệt nữ truyện, Tự.*

(31) *Tấn thư, Liệt nữ truyện.*

Châu, Vương Quảng bị giết, con gái Dương Quảng mới mười lăm tuổi, Mai Phương muốn nạp làm thiếp, nàng đâm Mai Phương trong phòng tối, tiếc là đâm không trúng. "Phương giật mình nói : Tại sao lại làm phản ? Vương mắng : Quân Man Di súc sinh, ta muốn giết phản tặc, sao gọi là làm phản ? Ta nghe có mối thù cha thì không đội chung trời, có mối thù mẹ thì không sống chung đất, ngươi phản nghịch làm càn, hại chết cha mẹ người, lại còn vô lễ làm nhục người. Sở dĩ ta không chết là vì muốn giết ngươi thôi. Nay số phận của ta là phải chết, không đợi ngươi giết đâu, nhưng hận là không lấy được cái đầu của ngươi bêu trên đường để rửa mối nhục lớn này", dứt lời đưa đao lên tự sát.

Tài nữ Đông Tấn Tạ Đạo Uẩn chống lại kẻ cường bạo lại có một khí độ hào tráng riêng. Nghĩa quân Tôn Ân đánh thành Cối Kê. Vương Ngưng Chi làm Nội sử trong thành Cối Kê lại tin đạo Thiên sư, đã không xuất quân, cũng không phòng bị. Kết quả Vương Ngưng Chi (chồng Tạ Đạo Uẩn) và con trai bị giết. Tạ Đạo Uẩn đối diện với biến cố "cử chỉ vẫn thản nhiên", "Sai tỳ nữ khiêng kiệu cầm đao ra cửa, loạn binh vừa tới, chính tay giết vài người, kế bị bắt. Loạn binh đòi giết cháu ngoại của bà mới được mấy tuổi. Tạ Đạo Uẩn nói : Việc là ở nhà họ Vương, có liên quan gì tới họ khác, nếu phải như thế thì cứ giết ta trước. Tôn Ân nghe câu ấy thay đổi sắc mặt, bèn thả bà và cháu ngoại". Loại ví dụ về việc phụ nữ chống lại cường bạo trên đây sử thư ghi chép rất nhiều, tình tiết đại khái đều giống nhau, phần nhiều là mắng địch bị giết, cũng có người mắng giặc xong thì tự sát, bất kể là bị giết hay tự sát đều là đối diện với kẻ cường bạo vì nghĩa không chịu nhục, coi chết như về. Tinh thần phản kháng

cường bạo ấy trong thời loạn lạc lại càng có ý nghĩa cái đẹp đạo đức.

Dũng cảm quả quyết và cương liệt trở thành khía cạnh quan trọng trong cái đẹp đạo đức của phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều loạn lạc. Nếu nói đó là kết quả phụ đức ôn nhu của lễ giáo phong kiến áp chế nun đúc cho phụ nữ thì không đủ để làm rõ. Vậy thì dũng cảm quả quyết và cương liệt là nét đẹp đạo đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa, rất đáng phát huy ca ngợi.

5. Cấm thiên hạ cưới gả - vở kịch tuyển mỹ ầm ĩ của Tấn Vũ đế

Thời Tam quốc do ba nước chia thành chân vạc tranh hùng, các nước đều không có việc tuyển gái đẹp ở dân gian vào cung với quy mô lớn. Người đẹp trong hậu cung ngoài một số ít tuyển chọn trong dân gian, phần lớn cung nhân là phụ nữ bắt được trong chiến tranh, vợ và con gái của các bề tôi bị tịch biên gia sản.

Sau khi Tấn Vũ đế cướp được ngôi vua, để thỏa mãn sự kiêu dâm, phóng tay mở rộng hậu cung. Tháng bảy năm Thái Thủy thứ 9 (273), ông ta hạ chiếu nói "Con gái của công khanh trở xuống chuẩn bị để tuyển chọn vào cung. Chưa tuyển xong thì cấm tuyệt việc cưới gả" (32). Lần tuyển chọn người đẹp này chưa mở rộng ra tới phạm vi dân gian, chủ yếu là con gái chưa gả chồng trong các nhà công khanh, quan viên văn võ trung cấp trở lên. Tấn Vũ đế "Tự chọn người đẹp, dùng the đỏ khoác lên vai họ" (33). Đại khái không có số lượng tuyển chọn, năm sau lại mở rộng phạm vi, ra

(32) *Tấn thư, Vũ đế kỷ.*

(33) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Hồ Quý tần.*

lệnh tuyển chọn con gái chưa lấy chồng của quan viên văn võ cấp thấp và gia đình sĩ tộc tất cả năm ngàn người đưa vào cung. Ông ta còn sai hoạn quan đi xe cưỡi ngựa tới các châu quận đưa những người trúng tuyển về hậu cung cho Dương Hoàng hậu tuyển chọn.

Lần tuyển mỹ nữ trong dân gian này tuy chỉ giới hạn trong gia đình sĩ tộc trở lên nhưng quy mô cũng đã không tiền khoáng hậu, vả lại còn vì thế mà hạ chiếu "cấm thiên hạ không được cưới gả", đây là sự kiện xuất hiện lần đầu trong lịch sử Trung Quốc. Kết quả tuyển chọn người đẹp, con gái của Tư đồ Lý Dận, Trấn Tây Đại tướng quân Hồ Phấn và "con gái các nhà thế tộc được sung vào hạng ba phu nhân, chính tần". Lại tuyển chọn con gái chưa lấy chồng trong "nhà Tướng sứ ở các châu Ty, Ký, Duyện, Dự" bổ sung vào số ngạch phi tần từ cấp Lương nhân trở xuống trong hậu cung. Hành động tuyển chọn mỹ nữ vào cung đình đại quy mô lần này khiến các nhà sĩ tộc đại gia và danh môn quyền quý trong triều ngoài nội trong lòng nơm nớp, "Con gái các nhà danh gia đại tộc phần lớn mặc áo rách rưới, bôi mặt nhem nhuốc để trốn tránh" (34).

Theo yêu cầu của Tấn Vũ đế, mỹ nữ trúng tuyển phải xuất thân quý hiển, là một con gái chưa chồng trong gia đình sĩ tộc, dung mạo phải đẹp, thân thể phải cao, da phải trắng theo tiêu chuẩn "Mỹ nhi trường bạch" (Đẹp mà cao lớn trắng trẻo) (35).

Người đứng đầu cuộc tuyển chọn người đẹp lần này là Hoàng hậu Dương Quỳnh Chi của Tấn Vũ đế. Người đẹp trong cung càng đông, đối với Hoàng hậu mà nói

(34) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Vũ Nguyên Dương hoàng hậu.*
(35) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Huệ Giả hoàng hậu.*

thì tình địch cũng càng đông. Nhưng vì Dương Hoàng hậu trong quá trình tuyển chọn cụ thể "Chỉ lấy người trắng trẻo, cao lớn" nên "Nhiều người đoan trang mỹ lệ không được giữ lại". Mỹ nữ dung mạo đoan chính mỹ lệ thì thường không được tuyển. Nếu Tấn Vũ đế ưng ý, Dương Hoàng hậu cũng không sao cản trở. Như Tấn Vũ đế ưng ý con gái Biện Phan, nói với Dương hậu "Con gái Biện thị đẹp đấy". Dương Hoàng hậu lại phản đối, nói "Họ Biện ba đời là dòng họ có con gái làm hậu phi, con gái không thể ở địa vị thấp" (36), Tấn Vũ đế đành phải thôi.

Qua lần tuyển chọn người đẹp đại quy mô này, mỹ nhân trong hậu cung của Tấn Vũ đế tăng lên hơn năm ngàn người, đạt tới kỷ lục năm ngàn mỹ nhân trong hậu cung mà Hán Hoàn đế lập được. Sau khi Tấn diệt Ngô, lại tiếp thu toàn bộ hơn năm ngàn mỹ nữ trong hậu cung của Tôn Hạo, khiến nhân số hậu cung đạt tới một vạn, lập được kỷ lục mới. Nhân số trong hậu cung nhiều như thế, việc làm sao để "ngự" trở thành vấn đề. Hán Nguyên đế trong hậu cung có ba ngàn người, ông ta sáng tạo ra cách "Theo tranh mà chọn", Tấn Vũ đế thì phát minh ra lối "Xe dê đứng lại". Mỗi khi đến tối giáng lâm, ông ta ngồi trên một chiếc xe do dê kéo. Dê kéo xe tới cửa phòng cung nhân nào thì ông ta ngủ lại ở phòng ấy. Vì thế, các cung nhân thông minh "Lấy lá tre cắm ngoài cửa phòng, rẩy nước muối lên để dụ xe vua tới" (37).

Tấn Vũ đế còn đề xuất tiêu chuẩn mới để tuyển chọn hậu phi, lúc Hoàng đế ngây ngốc Tấn Huệ đế làm Thái tử, Vũ đế cùng Dương Hoàng hậu đã phát

(36) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Vũ Nguyên Dương hoàng hậu.*
(37) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Hồ Quý tần.*

sinh cãi cọ vì việc chọn phi cho Thái tử. Tấn Vũ đế muốn cưới con gái Vệ Quán cho Thái tử, Dương Hoàng hậu lại muốn cưới con gái Giả Sung. Vũ đế nói "Con gái Vệ công có năm điều được, con gái Giả công có năm điều không được. Giống nhà họ Vệ hiền mà nhiều con, đẹp mà cao lớn trắng trẻo, giống nhà họ Giả hay ghen mà ít con, xấu mà thấp lùn đen đủi" (38), từ đó giống hiền, nhiều con, xinh đẹp, cao lớn trắng trẻo trở thành tiêu chuẩn tuyển chọn người đẹp trong hậu cung, cũng trở thành tiêu chuẩn mới trong việc chọn vợ của các nhà sĩ tộc quyền quý. Giống hiền là chỉ xuất thân từ nhà quyền quý sĩ tộc, đồng thời cũng chỉ việc không ghen tuông. Xinh đẹp, cao lớn trắng trẻo là tiêu chuẩn có tính chất truyền thống từ thời Tiên Tần về cái đẹp bên ngoài của phụ nữ. Chỗ khác là Tấn Vũ đế nhấn mạnh hai điều "không ghen" và "nhiều con". Đây đại khái có liên hệ tới "thói ghen tuông" ghê gớm của phụ nữ tầng lớp trên thời Ngụy Tấn, "nhiều con" thì là quan niệm truyền thống từ thời cổ.

Sau khi nhà Tây Tấn diệt vong, phương Bắc nước ta bước vào thời kỳ cực kỳ loạn lạc Ngũ Hồ thập lục quốc. Chiến tranh diễn ra không ngừng, vương triều thay nhau liên tiếp. Trong chiến tranh vô số phụ nữ bị cướp đoạt, cưỡng hiếp. Một số kẻ thống trị tầng lớp trên thuộc dân tộc ít người sau khi tiến vào Trung nguyên thả sức cướp đoạt phụ nữ con nhà dân, đưa vào hậu cung, hoặc phân phối cho tướng sĩ bộ hạ. Thạch Thế Long người Khương nhà Hậu Triệu sau khi lên ngôi vua đặt thêm 24 bốn bậc nữ quan, Đông cung có 12 bậc, Thạch Thế Long phân phong cho thuộc hạ công hầu hơn 17 nước, các nước đều đặt 9 bậc cung nữ. Để

(38) *Tấn thư, Hậu phi truyện, Huệ Giả hoàng hậu.*

sung đủ số ngạch nữ quan, Thạch Thế Long hạ lệnh cưỡng bách bắt bớ hơn ba vạn cô gái trên mười ba dưới hai mươi tuổi trong dân gian, chia làm ba hạng, phân phối cho hậu cung, Đông cung và các chư hầu để làm "nữ quan". Để bắt bớ mỹ nữ trong dân gian, quan viên các quận huyện lại bắt thêm hơn chín ngàn phụ nữ có chồng, đến nỗi rất nhiều gia đình vợ chồng chia lìa, nhà tan người chết, rất nhiều người bị cưỡng bức tự sát. Bộ tướng của Thạch Thế Long là Thạch Tuyên và các công hầu còn ra lệnh tập trung con gái nhà dân, lại cưỡng đoạt bắt bớ hơn một vạn phụ nữ. Bốn vạn cô gái nhà dân này từ các nơi giải tới đất Nghiệp. Dọc đường bộ tướng của Thạch Thế Long giết hại chồng họ, bức bách số phụ nữ phải tự tử tới trên ba ngàn người. Đúng là máu chảy ròng ròng, thây phơi khắp nội.

Bốn vạn phụ nữ nói trên bị giải tới đất Nghiệp rồi, Thạch Thế Long tới duyệt, cả mừng. Bèn chọn trong đó ra hơn ngàn người biết cưỡi ngựa, tổ chức thành đội Nghi trượng, "Đều đội luân cân màu tía, mặc khố gấm, vàng bạc đầy người, đi hài năm màu, rong chơi trong Hý mã quán" (39), cung đốn lạc thú cho Thạch Thế Long.

Lối tìm kiếm, cướp đoạt phụ nữ trong dân gian theo kiểu cường đạo với quy mô lớn ấy của Thạch Thế Long là chuyện không tiền khoáng hậu trong lịch sử Trung Quốc, mang tới cho nhân dân một tai họa lớn. Các dân tộc lạc hậu sau chiến tranh thường cướp đoạt của cải, đồng thời cũng cướp đoạt phụ nữ. Trong con mắt của họ phụ nữ và của cải là một, đều là đối tượng cướp đoạt.

(39) *Tấn thư, Thạch Thế Long tải ký.*

Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình và công khai cướp đoạt phụ nữ trong dân gian về bản chất không có gì khác nhau, đều là thực hành cưỡng đoạt "tình dục" và áp bức "tình dục" đối với phụ nữ.

Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình là đặc quyền của riêng hoàng đế. Về thực chất nó là tiến hành chiếm đoạt, chiếm hữu và nô dịch "tình dục" đối với phụ nữ, là hành vi cực kỳ dã man, biểu hiện sự bành trướng quyền lực và sự suy đồi thối nát của kẻ thống trị. Quyền lực, xa xỉ, hoang dâm ba ngôi một thể, mà quyền lực lại là tiền đề của hai cái kia. Có quyền lực thì có thể dựa vào đó để bá chiếm, cướp đoạt của cải (tiền), trong sinh hoạt vật chất mặc tình xa xỉ, có quyền thì có thể dựa vào đó để bá chiếm, cướp đoạt phụ nữ (đối tượng tình dục), trải qua đời sống hoang dâm. Kết quả của việc xa xỉ, hoang dâm lại thường dẫn tới sự mất mát và chuyển dời quyền lực của kẻ thống trị, phát sinh loạn lạc hay thay đổi triều đại. Kẻ thống trị mới lên ngôi thường tránh vết xe đổ của đời trước, đề xướng tiết kiệm, hạn chế nhân số trong hậu cung. Nhưng việc ấy thường cũng không giữ được lâu dài, theo với sự tích lũy và tập trung của cải, kẻ thống trị tối cao cũng sẽ dần dần hủ hóa, từ đó lại dẫn tới xa xỉ và hoang dâm, lại gây ra biến loạn và thay đổi triều đại, làm hình thành "vòng tròn kỳ quái" tuần hoàn mang tính chu kỳ của quyền lực, tiền bạc, tình dục.

6. Sắc đẹp, tài nghệ, máu và nước mắt của gia kỹ

Trên làm dưới theo, hoàng đế hoang dâm vô độ, đem hàng ngàn hàng vạn mỹ nữ nạp vào hậu cung. Quan lại, quyền quý, thế gia đại tộc, hào môn cự phú

dưới hoàng đế cũng cậy vào đặc quyền hoặc của cải mà cướp đoạt, bá chiếm mua một số lớn phụ nữ để cung đốn lạc thú cho mình. Vương công quý tộc, thế gia đại tộc thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều đều nuôi dưỡng rất nhiều ca kỹ cung đốn ca vũ dâm nhạc. Trong số hầu thiếp, ca kỹ và tỳ nữ mà các nhà quyền quý phú hào nuôi dưỡng có rất nhiều phụ nữ trẻ tuổi tài nghệ, dung mạo xuất chúng. Họ có người hát hay múa giỏi, có người giỏi biểu diễn nhạc khí, có người tài thức siêu quần. Số mỹ nữ này trở thành công cụ hưởng lạc tiết dục của các nhà quyền quý cự phú, vả lại còn trở thành "bảo vật" mà các nhà quyền quý cự phú dùng để khoe giàu khoe sang, trở thành biểu trưng cho địa vị, quyền thế và của cải của kẻ quyền thế. "Vương hầu tướng tướng ca kỹ đầy nhà, phú thương đại cổ vũ nữ thành bầy. Tranh nhau khoe khoang, đua nhau cướp đoạt, như sợ chậm chân, không có gì là kỷ cương" (40). Như Thượng thư Mai Đào nhà Tấn "Trong nhà xa xỉ, kỹ nữ râm ran, tơ trúc ngân nga vang tới tận đường cái" (41), Nhan Sư Bá thời Lưu Tống "Ăn hối lộ rất nhiều, trong nhà giàu có, gia kỹ thanh nhạc đều tuyển chọn trong khắp thiên hạ" (42), Nguyễn Điển Phu trong nhà có "Vài mươi gia kỹ, tài nghệ dung mạo đứng đầu đương thời" (43), thời Bắc Ngụy Nguyên Ung "Nữ kỹ có năm trăm người", kỹ nữ nhà Nguyên Thám có ba trăm, trong nhà Tiêu Ngưng thời Tề còn đông hơn, thê thiếp kỹ nữ có hơn ngàn người. Kỹ nữ của Thạch Sùng nổi tiếng giàu có thời Tây Tấn "những kẻ xinh đẹp có hơn ngàn người". Thạch Sùng chọn ra vài mươi người,

(40) *Thái bình ngự lãm*, dẫn lại theo Bùi Tử Dã, *Tống lược*.
(41) *Tấn thư, Chung Nhã truyện*.
(42, 43) *Tống thư, Nhan Sư Bá truyện, Nguyễn Điển Phu* truyện.

"Cho ăn mặc vào loại hạng nhất, bảo đột nhiên nhìn vào sẽ không phân biệt được ai là ai, đeo bội ngọc giao long, cài thoa vàng phượng hoàng, kết tay áo xếp vòng tròn múa hát" (44), rất có tài trong việc xa xỉ.

Tuyệt đại đa số mỹ tỳ gia kỹ trong các nhà hào môn cự thất là mua từ các nhà nông dân nghèo khổ trong dân gian. Mỗi gia kỹ gần như đều là một pho sử đầy máu và nước mắt. Gia kỹ Lục Châu của Thạch Sùng chính là con gái một nhà nông dân nghèo khổ ở Bác Bạch Quảng Tây. Nàng mi thanh mục tú, hát hay múa giỏi, lại giỏi thổi tiêu. Thạch Sùng lúc giữ chức Giao Chỉ Thái phòng sứ dùng ba đấu trân châu mua được nàng, cho ở trong Kim Cốc viên tại Hà Nam. Một mỹ tỳ khác của Thạch Sùng là Huyên Phong, "mua được ở Thái Hồ cuối thời Ngụy, mới được mười tuổi", nhưng được Thạch Sùng mua về nhà ra sức dạy dỗ, khiến nàng trở thành mỹ nhân "Nhờ giỏi văn thơ mà được thương yêu" (45).

Những cô gái này bị gia đình bán đi, ly biệt cha mẹ quê hương, tình cảnh ấy thật thê thảm không nỡ nhìn, đáng tiếc là sử sách phần lớn đều không ghi chép. *Thập di ký* của Vương Gia thời Tấn ghi lại tình cảnh thê thảm lúc bị bán vào cung của cung tỳ Tiết Linh Nghệ (sau đổi tên thành Tiết Dạ Lai) được Ngụy Văn đế Tào Phi sủng ái như sau : Cha Tiết Linh Nghệ là Đình trưởng Tán Hương Thường Sơn, gia cảnh nghèo khổ. Tiết Linh Nghệ mười mấy tuổi thì "Cùng phụ nữ láng giềng ban đêm dệt vải, đốt cành gai cỏ khao để soi sáng". Năm mười lăm tuổi Tiết Linh Nghệ trưởng thành, trở thành một cô nương xinh đẹp "dung mạo

(44) *Lục Châu truyện*, *Hương diễm tùng thư*, tập 17, quyển 2
(45) *Lục Châu truyện*.

tuyệt thế" xa gần đều biết tiếng. Lúc ấy Ngụy Văn đế tuyển con gái nhà lương gia vào cung, Quận thú Thường Sơn Tục Tập bèn dùng ngàn vàng mua Linh Nghệ dâng cho Ngụy Văn đế. "Linh Nghệ nghe phải từ biệt cha mẹ, khóc lóc mấy ngày, nước mắt ướt đẫm áo", khóc lóc đến nỗi chết đi sống lại. Nàng ngồi trên chiếc xe hoa lệ do Văn đế sai tới đón về kinh vẫn khóc lóc không thôi, "Lấy ống nhổ bằng ngọc hứng nước mắt, cái ống nhổ cũng biến thành màu hồng", nàng đã khóc đến chảy cả máu mắt. "Đến khi rời khỏi Thường Sơn, tới kinh sư, nước mắt trong cái ống nhổ bằng ngọc khô lại như máu". Chỗ nước mắt bằng máu trong cái ống nhổ bằng ngọc ấy đã trở thành sự miêu tả tập trung về máu lệ của hàng ngàn hàng vạn cung nữ, gia kỹ, tỳ nữ.

Trong cung nữ, gia kỹ, tỳ nữ có rất nhiều người không những xinh đẹp tuyệt vời mà còn tài nghệ hơn người, hoặc có sở trường riêng. Ví dụ cung nhân Mạc Quỳnh Thụ được Mạc Văn đế ưa thích sở trường về trang điểm, "Chế ra búi tóc Thuyền mấn, dùng the bọc bên ngoài như cánh ve", Đoàn Xảo Tiếu "Là người đầu tiên lấy tơ trên áo gấm làm phấn đỏ thoa mặt", Điền Thượng Y "Giỏi ca múa", Tiết Dạ Lai "Giỏi may quần áo", trong cung gọi là Châm thần (46). Gia kỹ Lục Châu của Thạch Sùng "Giỏi thổi tiêu, lại hát Minh Quân khúc rất hay", Huyên Phong có một tài nghệ kỳ lạ, "Phân biệt tiếng ngọc, có thể nhìn sắc vàng", giỏi phân biệt đồ vật bằng vàng ngọc là thật hay giả và nơi sản xuất, lại giỏi văn từ. Tất ca các gia kỹ đều hát hay múa giỏi, hoặc sở trường về nhạc khí tơ trúc quản huyền. Một số người trong bọn họ trong thực tế là nhà biểu diễn ca múa và nhà biểu diễn nhạc khí ở nước ta thời

(46) *Cổ kim chú, Thập di ký.*

cổ. Vì địa vị xã hội của họ vô cùng thấp kém, trở thành công cụ giải trí của quyền quý nhà giàu, nên bị lịch sử quên lãng.

Những cung nhân, gia kỹ, tỳ nữ xinh đẹp thường có số phận bi thảm, có người bị giết, có người bị làm nhục, có người bị tặng cho người khác, có người vì sắc suy tình giảm mà bị vứt bỏ.

Đại phú gia Thạch Sùng nhà Tây Tấn nhờ cướp đoạt mà giàu có xấu xa hơn cả cầm thú, coi mỹ nữ như cỏ rác, tùy tiện giết hại, "Thạch Sùng mỗi khi mời khách tới ăn tiệc thường sai mỹ nhân mời rượu, nếu khách không uống hết rượu là sai chém luôn mỹ nhân". Vương Thừa tướng cùng Đại tướng quân thường tới nhà Sùng uống rượu. Thừa tướng vốn không uống rượu được, cứ phải miễn cưỡng, đến nỗi say mèm. Mỗi khi mời tới Đại tướng quân thì ông nhất định không uống để xem tình thế. Đã chém ba người mà sắc mặt ông vẫn không thay đổi, vẫn không chịu uống. Thừa tướng nhượng bộ, Đại tướng quân nói "Đó là y tự giết người nhà mình, can gì tới ông" (47)

Hai kẻ ác nhân lấy việc giết người làm vui, một kẻ coi tính mạng của mỹ nữ như trò chơi, tùy tiện chém giết, một người thì cố ý không uống rượu để xem y có thể giết bao nhiêu người, lấy tính mạng của mỹ nữ làm trò đùa. Tiền bạc, quyền thế khiến họ mất hết nhân tính, biến thành độc ác hơn cả cầm thú. Vương Khải thời Tây Tấn có lần mời khách, trong tiệc sai một kỹ nữ thổi tiêu, người kỹ nữ ấy thổi hơi sai điệu nhạc, Vương Khải bèn đánh nàng chết tươi (48).

(47) *Thế thuyết tân ngữ, Thải xỉ.*

(48) *Thế thuyết tân ngữ, Thải xỉ*, chú thích dẫn lại *Vương Thừa tướng đức âm ký.*

Gia kỹ Lục Châu của Thạch Sùng nhờ xinh đẹp và hát hay múa giỏi nên bị kẻ quyền thế tranh nhau cướp đoạt. Sau khi Triệu vương Tư Mã Luân nhà Tấn làm phản, tay chân của y là Tôn Tú sai người tới chỗ Thạch Sùng đòi giao Lục Châu. Thạch Sùng "Đưa ra mấy trăm thị tỳ cho nhìn, đều thơm hương xạ mà đầy gấm vóc" cho người tới tùy ý lựa chọn. Nhưng người ấy nêu đích danh đòi Lục Châu. Thạch Sùng không chịu, kết quả là chuốc cái họa sát thân. Lục Châu nhảy trên lầu xuống đất chết, Thạch Sùng cũng bị kẻ ác nhân quyền thế lớn hơn là Triệu vương Luân giết chết. Kẻ ác tự có kẻ ác trị, Thạch Sùng chết có chỗ oan, mà Lục Châu xinh đẹp hát hay múa giỏi lại trở thành vật hy sinh trong việc tranh đoạt của những kẻ quyền thế. Văn nhân thời phong kiến gọi Lục Châu là "Người có trinh tiết" (49), trong thực tế cái chết của Lục Châu là sự phản kháng và tố cáo đối với kẻ cướp đoạt. Một ái tỳ khác của Thạch Sùng là Huyên Phong đến năm ba mươi tuổi thì bị Thạch Sùng một cước đá ra cho nàng "về hưu" quản lý các kỹ nữ xinh đẹp trẻ tuổi mới tới. Huyên Phong trong lòng không thích bèn làm một bài thơ như sau :

Xuân hoa thùy bất mỹ,
Tốt thương thu lạc thì.
Đột yên hoàn tự để,
Bỉ thoái khởi sở kỳ.
Quế phương đồ tự đố,
Thất ái tại nga my.
Sinh kiến phương thời khát,
Tiều tụy không tự sùy.

(49) *Lục Châu truyện.*

(Xuân xanh hoa thảy đẹp,
Rơi rụng lúc thu sang.
Đài nhụy vươn trên khói,
Đâu hẹn lúc điêu tàn.
Quế thơm nên bị ghét,
Mày ngài ai vẻ vang.
Lúc thơm nghĩ khao khát,
Tiều tụy thẹn dung nhan) (50)

cảm thán nỗi bi thương về việc sắc suy tình giảm, bị rơi rụng, bị vứt bỏ.

Đệ tử của Lục Châu là Tống Húy, "có sắc đẹp nghiêng nước, giỏi thổi tiêu" (51). Về sau tới hậu cung của Tấn Minh đế, cũng không thoát khỏi số phận bị đùa giỡn.

Cung nữ, gia kỹ và tỳ nữ là loại phụ nữ có địa vị thấp hèn, đa số xuất thân trong gia đình nông dân lớp dưới, hoặc thê thiếp, con gái của các quan lại có tội. Họ và những kẻ quyền quý đùa giỡn họ không thuộc một giai cấp hoặc tầng lớp. Kẻ quyền quý mua bán, cướp đoạt các cô gái đẹp đẽ trong dân gian, trong thực tế là bóc lột và cướp đoạt "tình dục" đối với nhân dân lao động. Phụ nữ bị cướp đoạt vẫn không sao thoát khỏi số phận nô lệ, bị giày vò, bị làm nhục.

7. Từ cái đẹp phong tao tới cái đẹp diễm tình

Thời Ngụy Tấn, từ Tào Phi, Tào Thực tới văn nhân nhã sĩ Lưỡng Tấn thường lấy các hình thức văn học như thơ phú để biểu hiện, miêu tả cái đẹp phụ nữ, đến thời Nam triều trong tầng lớp trên của giai

(50) *Thập di ký*, quyển 9
(51) *Lục Châu truyện*.

cấp thống trị xuất hiện Cung thể từ, có khi gọi là Diễm thi. Cung thể trong thực tế là gọi chung văn học cung đình thời Lương, Trần. "Đặc điểm của thơ Cung thể là phong cách Khinh bạc đẹp đẽ (Khinh diễm) tức về hình thức từ ngữ và âm vận thì hướng về sự tân kỳ xảo diệu, về nội dung thì tập trung miêu tả thế giới khuê phòng trong cung đình" (52), hình thành truyền thống văn học duy mỹ lấy phụ nữ xinh đẹp làm đối tượng ngâm vịnh. Thời Lương, Từ Lăng tập hợp hầu hết các thi từ có liên quan tới phụ nữ thành một tập, gọi là *Ngọc đài tân vịnh*. Trong tập ấy có rất nhiều thơ, mà thơ Diễm tình là đại biểu.

Sự chuyển hóa từ loại hình Phong tao tới loại hình Diễm tình hoàn tất trong thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều. Tác giả Khang Chính Quả trong *Phong tao dữ diễm tình* cho rằng "loại hình thơ ca diễm tình" là nghệ thuật giải trí và tiêu khiển, hình tượng ca kỹ và tình cảm của kẻ say mê thủy chung vẫn là nội dung trung tâm, đồng thời nó mỹ hóa toàn diện đề tài phụ nữ, phát triển thành một loại "thơ miêu tả" duy mỹ và duy phụ nữ - Diễm thi (53).

Nội dung mà Diễm thi biểu hiện là một quan niệm về cái đẹp của phụ nữ được diễm tình hóa, có người gọi là thơ "sắc tình". Lại vì thơ Diễm tình nảy sinh dưới thời Tề, Lương nên mọi người kết hợp nó với các ông vua vong quốc yêu thích thơ Cung thể làm một, vì thế thơ Cung thể cũng trở thành "Vong quốc chi âm" (Âm thanh mất nước). Từ đó, Mỹ nữ vong quốc luận và Diễm thi vong quốc luận kết hợp mỹ và diễm làm

(52, 53) *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 157, 160

một, khiến diễm thi, mỹ nữ đều trở thành "tội nhân" làm mất nước.

Các tác phẩm *Mỹ nữ thiên, Lạc thần phú* nổi tiếng của Tào Thực là thuộc loại thơ phú "phong tao". Bài *Mỹ nữ thiên* như sau :

Mỹ nữ yêu thả nhàn,
Thái tang kỳ lộ gian.
Trường điều phân nhiễm nhiễm,
Lạc diệp hà phiên phiên.
Nang tụ kiến tố thủ,
Hạo uyển ước kim hoàn.
Đầu thượng kim tước thoa,
Yêu bội thúy lan can.
Minh châu giao ngọc thể,
San hô gian mộc nan.
La y hà phiêu phiêu,
Khinh cư tùy phong hoàn.
Cố miến đi quang thái,
Trường khiếu khí nhược lan.
Hành tẩu dụng tức giá,
Hưu giả đĩ vong xan

(Gái đẹp xinh mà nhàn,
Hái dâu xanh bên đàng.
Cành dài buông tha thướt,
Lá rụng sao liền liền
Tay áo làn da trắng,
Tay ngọc loáng kim hoàn.
Bên lưng đeo ngọc bội,
Trên tóc giắt thoa vàng.
San hô ngời dáng vẻ
Châu ngọc sáng dung nhan
Áo là sao gợn gợn

Theo gió vạt đong đưa.
Mắt sao nhìn lóng lánh,
Hơi dài thơm tựa lan.
Người đi kìm ngựa ngắm,
Người rỗi bỏ ăn cơm) (54)

Thi nhân dùng lời lẽ cực kỳ hoa mỹ, câu cú tỉa tót miêu tả y phục, trang sức hào hoa của mỹ nữ, đồng thời hết sức miêu tả tình thái nhàn nhã, mỹ miều và phiêu dật cũng như khí chất cảm thương nào đó của mỹ nữ. Vị mỹ nữ này giống như một mô hình thời trang nhàn nhã, trở thành hóa thân của cái đẹp.

Lạc thần phú là nối theo *Thần nữ phú,* lại một lần miêu tả "thần nữ" tác giả phát huy hết thủ pháp khoa trương và trình bày, miêu tả hình thể, tình thái và tinh thần khí chất của Lạc thần diệu tuyệt thiên cổ, thể hiện lý tưởng về thị hiếu thẩm mỹ của thời Ngụy Tấn.

Lạc thần phú miêu tả tình cảnh lúc Lạc thần xuất hiện :

Kỳ hình dã, phiên nhược kinh hồng, uyển nhược du long, vinh diệu thu cúc, hoa mậu xuân tùng. Phảng phất hề nhược khinh vân chi tàng nguyệt, phiêu diêu hề nhược lưu phong chi hồi tuyết. Viễn nhi vọng chi, hạo nhược thái dương thăng triêu hà, bách nhi sát chi, chước nhược phù cừ xuất lục ba.

(Về hình dáng, phấp phới như hồng, uyển chuyển như rồng, cúc thu ngời ánh, hoa thắm xuân hồng. Phảng phất chừ tựa mây trôi che nguyệt, phiêu diêu chừ như gió đưa cuốn tuyết.

(54) *Ngọc đài tân vịnh.*

Từ xa mà nhìn, sáng tựa mặt trời trên ráng sớm, Tới gần mà ngắm, tươi như sen đỏ nảy ao xanh).

Kế đó lại "soi gương gần" miêu tả cụ thể về cái đẹp hình thể, dung mạo của Lạc thần :

Nùng tiêm đắc trung, Tu đoản hợp độ. Kiên nhược tước thành, yêu như ước tố. Duyên kính hương hạng, Hạo chất trình lộ. Phương trạch vô gia, Duyên hoa phất ngự. Vân hoàn nga nga, tu mi liên quyên. Đan thần ngoại lãng, hạo xỉ nội tiên. Minh mâu thiện mị, diệp mỵ thừa quyền. Hoàng tư diễm dật, nghi tĩnh thể nhàn. Nhu tình trát thái, Mỵ vu ngữ nghiên (ngôn).

(Gầy béo đúng mức, Cao thấp hợp độ. Vai tựa thành cao, eo như vải bó. Cổ cao thuôn thuôn, Da trắng rờ rỡ. Không thoa phấn son, Không dùng lan xạ. Tóc mây cao cao, nét mày xiên xiên. Môi son hé mở, Răng ngọc khít liền. Mắt ngời khéo liếc, má lúm đồng tiền. Phong tư diễm lệ, dáng tĩnh thân nhàn. Nhu tình rờ rỡ, Lời lẽ khéo khôn).

Thi nhân miêu tả một cách tuyệt diệu về phục sức, cử chỉ, dáng đi của Lạc thần, biểu hiện rõ ràng người thời Ngụy Tấn sùng thượng cái đẹp phiêu dật nhàn nhã của phụ nữ.

Bài *Diễm ca hành* của Lục Cơ miêu tả dáng vẻ bên ngoài, động tác của mỹ nhân và hoàn cảnh hoạt động của nàng lâm ly tột bực, mà không hề đề cập tới cái đẹp bên trong, cái đẹp phẩm đức của mỹ nữ,

tựa hồ miêu tả cái đẹp để miêu tả cái đẹp, đã mang đầy màu sắc "diễm hóa".

Đến thời Tề Lương nhà Nam triều, phương thức sinh hoạt và tình cảm tương tư của quý tộc mới thời Tề Lương khác hẳn của các thế tộc phiệt duyệt thời Nguỵ Tấn, họ phần lớn đều từ những gia tộc trơn áo vải hèn hạ phát triển thành tầng lớp quý tộc cung đình mới. Họ vừa mở mày mở mặt là hết sức hưởng thụ vinh hoa phú quý mà mình có được, trải qua cuộc sống cực kỳ xa xỉ hoang dâm. Ngoài ra thời Nam triều xướng nữ, ca nữ, vũ nữ ở chợ búa cũng được tuyển vào cung đình, đem theo các ca khúc diễm khúc như Ngô thanh, Tây khúc cùng các điệu múa dân gian vào cung đình, vì thế hình thành loại thơ Cung thể thuộc "loại hình diễm tình".

Thơ Cung thể miêu tả mỹ nữ như một món đồ chơi xinh đẹp, mỹ nữ thường được đặt trong các hoàn cảnh giả tạo như khuê các, cung điện, viên lâm đẹp đẽ, mỹ nhân và khung cảnh đẹp đẽ cấu thành bức tranh đẹp đẽ. Như bài *Mỹ nhân thần trang* của Tiêu Cương tả người đẹp chải tóc buổi sáng, bài *Nghĩ lạc nhật song trung tọa* tả mỹ nữ ngồi trong ánh nắng chiều tà chiếu vào song cửa. Bài *Xa trung kiến mỹ nhân* của Tiêu Luân thì tả mỹ nhân đang đi trên đường, bài *Vịnh mỹ nhân tự khán họa* của Dữu Kiên Ngô tả mỹ nữ đang xem tranh. Mỹ nhân ngủ cũng thường trở thành đề tài biểu hiện của thơ diễm tình. Như bài *Vịnh nội nhân trú miên* của Tiêu Cương :

Bắc song liêu tựu chẩm,
Nam thiềm nhật vị tà.
Phàn câu lạc ỷ chướng,
Tháp liệt cử tỳ bà.

Mộng tiếu khai kiều diệp,
Miên hoàn trang lạc hoa.
Điệm văn sinh ngọc uyển,
Hương hãn xâm hồng sa.
Phu tế hằng tương bạn,
Mạc ngộ thị xương (xướng) gia.

(Song bắc nhàn còn ngủ,
Thềm nam nhật chửa tà.
Móc câu buông trướng lụa
Giá vặn đặt tỳ bà.
Má lúm cười trong mộng
Tóc buông như rụng hoa.
Đệm trúc in tay ngọc,
Mồ hôi thấm áo là.
Trượng phu thường ở cạnh,
Đừng tưởng gái cầm ca) (55)

Thi nhân coi hậu phi ngủ trưa hoàn toàn như một món đồ chơi đẹp đẽ, miêu tả tỉ mỉ các tư thế của mỹ nhân, lại như một bức tranh vẽ mỹ nhân. Nụ cười lúm đồng tiền của mỹ nữ trong giấc mơ, vết chiếu in trên cổ tay, mái tóc buông xõa lúc ngủ, chiếc áo lót bằng the thấm mồ hôi, tất cả đều miêu tả tỉ mỉ thấm đậm một thị hiếu thẩm mỹ vô liêu. Đó là cái đẹp của phụ nữ trong con mắt quý tộc mới thời Nam triều. Trong quan niệm của họ, người phụ nữ bằng xương bằng thịt có tư tưởng đã hoàn toàn trở thành một đồ chơi đẹp đẽ tinh xảo, một công cụ cho họ thưởng thức hưởng lạc. Còn tất cả những buồn vui đau khổ, số phận bi thảm của mỹ nữ trong cung đều bị che lấp trong những từ ngữ mỹ lệ.

(55) Xem chú thích (54)

Loại thơ "diễm tình" này lại hoàn toàn không tả "tình" mà trong thực tế chỉ là loại thơ "vịnh vật", vật hóa phụ nữ thành đối tượng để "vịnh", thành một loại đồ chơi để họ tỉa câu chuốt vần, là cái đẹp phụ nữ bị kỳ hình hóa, bệnh thái hóa.

Tiêu biểu nhất cho thị hiếu thẩm mỹ suy đồi này là một đoạn trong bài tựa quyển *Ngọc đài tân vịnh* "Đông lân xảo tiếu, lai thị tẩm vu canh y, Tây tử vi tần, đắc hoành trần vu giáp trướng. Bồi du táp diểu, sính tiêm yêu vu kết phong, Trường Lạc uyên ương, tấu tân thanh vu độ khúc. Trang minh thiền chi bạc mấn, chiếu trụy mã chi thùy hoàn. Phản tháp kim điền, hoành trừu bảo thụ. Nam đô thạch đại, tối phát song nga, Bắc địa yên chi, thiên khai lưỡng diệp... Kim tinh tương Vụ nữ tranh hoa, xạ nguyệt dữ Thường Nga cạnh sảng. Kinh hồng dả tụ, thời phiêu Hàn Cứ chi hương, Phi Yến trường cư, nghi kết Trần Vương chi bội. Tuy phi đồ họa, nhập Cam Tuyền nhi bất phân, ngôn dị thần tiên, hý Dương Đài nhi vô biệt. Chân khả vị khuynh quốc khuynh thành, vô đối vô song giả dã" (Giai nhân cười mỉm, vào phòng ngủ thay xiêm y, Tây tử cau mày, tràn vẻ tươi trên trướng gấm. Rong chơi theo ngựa hiện lưng thon, Trường Lạc uyên ương ca khúc mới. Bao tóc mỏng tựa cánh ve, tóc buông lơi như ngã ngựa. Cắm ngược trâm vàng, giắt ngang cây báu. Nam đô mực biếc, đôi nét mày cong, Bắc địa phấn hồng, đồng tiền má lúm... Sao vàng đua xinh cùng Vụ nữ, trăng soi tranh sáng với Hằng Nga. Họp chim hồng chơi nơi Hàn Cứ, Áo Phi Yến đeo ngọc Trần Vương. Tuy không phải vẽ, vào bức Cam Tuyền khó phân, lời khác thần tiên, đùa chốn Dương Đài chẳng khác. Quả có thể nói là nghiêng nước nghiêng thành, vô song vô

đối vậy). Miêu tả dáng vẻ phong tình kiều mỵ, sắc đẹp lộng lẫy, dáng vẻ thần tình của mỹ nữ thành âm thanh màu sắc rõ ràng, rất có tài trong chuyện "khinh diễm", tập trung đại biểu cho thị hiếu thẩm mỹ và quan niệm về cái đẹp phụ nữ của thi phái Cung thể.

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, tranh vẽ nhân vật rất phát triển, xuất hiện rất nhiều bức tranh miêu tả phụ nữ.

Bức tranh trên nắp quan tài của Tư Mã Kim Long nhà Bắc Ngụy khai quật được là vẽ theo nội dung *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng thời Hán. Hiện còn mười tám bức, mỗi bức đều có lời ghi và nhan đề. Như các bức "Ban Tiệp dư của Hán Thành đế", "Vợ Lý Sung", "Linh công phu nhân" là tranh vẽ về cố sự trong *Liệt nữ truyện*, có ý tuyên truyền, ca ngợi liệt nữ. Các nhân vật phần nhiều "áo rộng đai chùng", y quan phong độ.

Đại họa gia Cố Khải Chi thời Tấn còn để lại cho chúng ta mấy bức danh họa về phụ nữ. Như *Nữ sử châm đồ quyển* hiện còn chín bức, trong đó khá nổi bật là bức thứ nhất vẽ tích Phùng Chiêu nghi cản con gấu bảo vệ Hán Thành đế, bức thứ hai vẽ tích Ban Cơ không ngồi cùng xe với Hán Thành đế, bức thứ tư vẽ cảnh cung nữ trong cung trang điểm, bức thứ năm vẽ cảnh giữa vợ chồng phải "Nói lời tốt đẹp, ngàn dặm ứng nhau", nếu không thì sẽ "cùng chăn mà ngờ nhau" vân vân.

Lạc thần phú đồ quyển là vẽ theo bài *Lạc thần phú* của Tào Thực, búi tóc của Lạc thần trong tranh là kiểu "Linh xà kết" tức kiểu tóc của Chân Hoàng hậu vợ Ngụy Văn đế. Rõ ràng họa gia đã qua bức tranh thể hiện truyền thuyết về tình yêu của Tào Thực với Chân thị. Bức tranh bắt đầu từ chỗ Tào Thực và tùy

tùng thấy Lạc thần ở sông Lạc, vẽ tới cảnh Lạc thần rời chỗ ở, kết giao và buồn rầu, tủi hận cùng hoan lạc, biểu hiện thần và người khác nẽo, đã khó có thể kết hợp, lại không sao thực hiện được tình yêu.

Tác phẩm này của Cố Khải Chi, về dáng vẻ thần thái của nhân vật miêu tả rất sinh động tự nhiên, nhất là miêu tả sĩ nữ trong cung đình, rất có phong tư phiêu dật đạm nhã, siêu trần thoát tục mà thời Ngụy Tấn đề cao.

Cố Khải Chi trong lý luận về hội họa đề xuất "Vẽ phụ nữ phải đẹp về quần áo, búi tóc, trong lúc ngẩng lên cúi xuống, một cái chấm một nét vẽ cũng phải thành toàn cho cái đẹp của họ". Ông lại nói "Mỹ lệ chi hình, xích thốn chi chế, âm dương chi số, tiêm diệu chi tích, thế sở tịnh quý" (Hình dáng mỹ lệ, phép tắc dài ngắn, âm dương ngắn dài, dáng vẻ xinh đẹp, đời đều trân quý) (56), chủ trương vẽ phụ nữ phải vẽ cho thật xinh đẹp, có sự diễm lệ, có phong tư phiêu dật đạm nhã của phụ nữ thời Ngụy Tấn.

Đến thời Lương Trần nhà Nam triều, tương ứng với sự thịnh hành của thơ Cung thể, trong hội họa cũng nảy sinh phong cách của phái Cung đình, lại xuất hiện một số họa gia giỏi vẽ mỹ nữ. Họ theo yêu cầu của quý tộc cung đình, vẽ các "thần nữ", "giai nhân" được miêu tả bằng ngôn ngữ của thơ Cung thể của tầng lớp quý tộc mới ra tranh, thậm chí đạt tới mức khó phân biệt được thật giả. Như bài *Vịnh mỹ nhân quan họa* của Lương Giản Văn đế miêu tả :

Điện thượng đồ thần nữ,
Cung lý xuất giai nhân.

(56) Dẫn lại theo *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 2 thượng, tr. 452

Ca lân câu thị họa,
Thùy năng biện ngụy chân.
Phân minh tranh mụ nhãn,
Nhất chủng tế yêu thân.
Sở khả trì vi dị,
Trường hữu hảo tinh thần.

(Trên điện tranh thần nữ,
Trong cung bậc mỹ nhân.
Đôi bên đều tựa vẽ,
Ai hay biện giả chân.
Long lanh đua sóng mắt,
Tha thướt nhỏ eo lưng.
Giữ gìn so cũng dễ,
Thường vẫn rạng tinh thần) (57)

Thời Nam triều, sinh hoạt trong cung đình hủ bại, phục sức của các phi tần tranh khéo khoe lạ, thường thay đổi hoa dạng, "Trang phục xuất hiện trong khoảnh khắc, một tháng thay đổi ba lần, chưa đầy tháng đã trở thành cũ kỹ vụng về" (58), khiến các họa gia cung đình không chạy theo kịp sự thay đổi về trang phục hoa dạng của cung nữ. Cho dù tranh vẽ sĩ nữ của họa gia thời Nam triều rất đẹp rất giống, nhưng vẫn thiếu đi phong tư phiêu dật nhàn nhã của phụ nữ thời Ngụy Tấn.

(57) *Ngọc đài tân vịnh.*
(58) Dẫn lại theo *Trung Quốc mỹ học sử*, quyển 2 thượng, tr. 180

Chương 5.

Sắc tài cùng trọng, nở nang to lớn : cái đẹp phụ nữ thời Tùy Đường Ngũ đại

Thời Tùy Đường kết thúc cục diên hơn ba trăm năm chính quyền các dân tộc chia rẽ, cát cứ, hỗn chiến, xây dựng quốc gia nhiều dân tộc thống nhất rộng lớn trước đó chưa từng có, rất nhiều dân tộc du mục phương Bắc gia nhập đại gia đình dân tộc Trung Hoa. Người Hồ "Hán hóa", người Hán ở phương Bắc cũng "Hồ hóa" ở một mức độ nhất định. Kẻ thống trị Tùy Đường đều phát tích từ các tập đoàn quý tộc quân sự ở Quan Lũng, bản thân cũng mang dòng máu người Hồ, về văn hóa tập tục có truyền thống võ công. Thời Tùy Đường nhờ sức nước cường thịnh, kẻ thống trị có lòng tự tin rất mạnh, dùng chính sách mở cửa. Quan hệ giữa các dân tộc trong nước và với quốc tế đều phát triển trước đó chưa từng có, sự đan xen hòa tan về văn hóa phong tục giữa các dân tộc, sự hấp thu rộng rãi văn hóa nước ngoài khiến thời Đường hình thành một tinh thần thời đại văn hóa đa nguyên và mạnh mẽ hào phóng. Trong lãnh vực tư tưởng, thời Đường gồm chứa cả ba nhà Nho, Phật, Đạo, tư tưởng Nho gia và lễ giáo Nho học chưa trở thành tư tưởng thống trị và quyền uy tuyệt đối, vì thế quan niệm lễ giáo tương đối mờ nhạt, sự ràng buộc phụ nữ tương đối lỏng lẻo, lại thêm ảnh hưởng của "Hồ phong", "Hồ tục", "Phụ đức" của Nho gia

truyền thống tương đối bị phá vỡ, quan hệ giữa hai giới thể hiện tình trạng khá thoải mái.

Thời Tùy Đường chính trị thống nhất, kinh tế phát triển, nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đều phồn vinh tới mức trước đó chưa từng có, kinh tế hàng hóa cũng phát triển khá mạnh, sức nước cường thịnh chưa từng có. Xã hội phong kiến Trung Quốc tiến vào thời kỳ phát triển thịnh vượng của nó.

Trong hoàn cảnh xã hội phồn vinh thịnh vượng ấy, phong khí văn hóa đa nguyên cởi mở, mạnh mẽ hào phóng, đưa tới cho sinh hoạt của phụ nữ Tùy, Đường điều kiện xã hội khá cởi mở, cung cấp tiền đề cho sự phát huy tài trí nhiều mặt của phụ nữ thời Tùy Đường, vì thế hình thành phong khí cái đẹp phụ nữ tài năng, dung mạo kiêm toàn, nở nang to lớn, có khí cách cứng cỏi.

1. Lễ giáo lỏng lẻo, phụ đức bị vi phạm

Thời Tùy Đường Ngũ đại, phụ nữ bị lễ giáo ràng buộc tương đối lỏng lẻo, phụ đức phong kiến "Phu vi thê cương", "Tam tùng tứ đức" bị sự tấn công của cả hai phía nam nữ.

1. Thứ nhất là đàn ông không coi trọng lễ pháp và việc phụ nữ có trinh tiết hay không. Tùy Dạng đế dâm loạn vô độ, thông gian với cả thứ mẫu, loạn luân thất đức. Ngay cả Đường Thái tông sau khi giết chết em trai là Nguyên Cát cũng nạp vợ Nguyên Cát làm phi, Vương Quý Viên ở Lư Giang vì mưu phản bị giết, vợ cũng bị Đường Thái tông nạp vào hậu cung, hầu hạ bên cạnh. Đường Cao tông Lý Trị lúc còn là Thái tử đã ngấm ngầm yêu thương Tài nhân Vũ Tắc Thiên của Đường Thái tông. Sau khi Thái tông qua đời, Lý Trị

làm vua bèn nạp Vũ Tắc Thiên làm Chiêu nghi. Đường Huyền tông thấy con dâu họ Dương xinh đẹp vô song, bèn bá chiếm làm của mình, phong làm Quý phi. Họ đều không coi trọng trinh tiết, thậm chí làm trái với đạo đức lễ pháp. Thi nhân tài tử Tiến sĩ, cử tử thời Đường lại càng không câu nệ lễ pháp, thường ra vào nơi thanh lâu kỹ viện. Họ còn thường dùng thơ ca diễm tuyệt để ghi chép việc chơi gái phong lưu của họ.

Phong khí xã hội không câu nệ lễ pháp, không coi trọng trinh tiết ấy tự nhiên cũng khiến phụ nữ không coi trọng trinh tiết. Các công chúa thời Đường tái giá có hai mươi ba người, tái giá lần thứ hai có bốn người (1), con gái các nhà quan liêu sĩ đại phu tái giá cũng rất đông, vợ thường dân sau khi chồng chết cũng có thể cải giá, có người thậm chí còn đòi ly hôn, có người vợ chồng không hợp mà đề nghị ly hôn. Lễ giáo đại phòng của phong kiến quan trọng nhất là yêu cầu phụ nữ giữ trinh tiết, "theo chồng suốt đời, chồng chết không lấy chồng khác". Sự nhòa nhạt của quan niệm trinh tiết vừa khớp cho thấy sự lỏng lẻo trong lễ giáo đại phòng thời Đường, phụ nữ có một sự tự do nhất định.

2. Phụ đức phong kiến yêu cầu "Đàn bà chủ việc bên trong", người chủ phụ trong gia đình chỉ có thể quan tâm tới những việc gia vụ như dệt vải, nấu cơm, phụ nữ làm hậu phi thì yêu cầu không được can dự vào chính sự quốc gia, tự giác tuân thủ quy phạm lễ giáo "Gà mái không gáy báo sáng". Trưởng Tôn Hoàng hậu của Đường Thái tông chính là nhân vật "mô phạm", hiền hậu điển hình trong giới hậu phi. Bà tự giác tuân

(1) Xem thêm Trần Đông Nguyên, *Trung Quốc phụ nữ sinh hoạt sử* tr. 118 - 120

thủ tín điều "Không can dự vào chính sự". Một lần Đường Thái tông bàn việc thưởng phạt với Trưởng Tôn Hoàng hậu. Trưởng Tôn Hoàng hậu đáp "Gà mái mà gáy báo sáng thì vận nhà suy vi, thiếp là đàn bà, há dám dự nghe việc chính sự" (2). Thái tông kiên trì bảo bà phát biểu ý kiến, bà vẫn im lặng không đáp.

3. Yêu cầu phụ đức phong kiến là hậu phi phải làm người nội trợ hiền đức cho đế vương, khuyên bảo hoàng đế thi hành đức chính. Trưởng Tôn Hoàng hậu và Từ Hiền phi đều là nội trợ hiền đức của Thái tông, giúp đỡ Đường Thái tông "nghe lời can gián" khuyên nhủ Thái tông phải tiết kiệm. Từ Hiền phi từng dâng thư nói "Nhà vua có đạo lấy sự cố gắng để khuyến khích người khác cố gắng, nhà vua vô đạo lấy sự vui sướng để vui sướng thân mình", lại nói "Những đồ chơi trò khéo là rìu búa làm mất nước, vàng ngọc gấm lụa là thuốc độc làm mê muội" khuyên răn Thái tông phải tiếc sức dân, ra sức tiết kiệm, giúp đỡ Thái tông rất nhiều.

Đến Đường Cao tông, tình hình đã phát sinh sự thay đổi lớn. Vũ Tắc Thiên tài cán xuất chúng, đầu tiên là giúp Cao tông trị lý quốc gia, kế đó trong thực tế khống chế chính quyền trung ương, buông rèm nghe việc chính sự, sau cùng thì thực hiện "Gà mái gáy báo sáng", làm Nữ hoàng đế, hoàn toàn phá vỡ quy phạm phụ đức "Đàn bà làm chủ bên trong". Sau khi Trung tông lấy lại ngôi vua, Vi Hoàng hậu muốn noi gương Vũ Tắc Thiên làm Nữ hoàng đế. Kết quả vì bà ta không đủ tài cán để thống trị khống chế triều thần nên thất bại.

(2) *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện.*

Cuối thời Đường, tín điều phụ nữ trong hậu cung không can dự vào chính sự dần dần được khôi phục. Như Ý An Hoàng hậu Quách thị của Đường Hiến tông là cháu nội của Quách Tử Nghi danh tướng thời trung hưng. Sau khi Mục tông nối ngôi bà được tôn làm Hoàng Thái hậu, quyền lực rất lớn. Sau khi Mục tông băng hà, các thái giám khuyên Quách Thái hậu lâm triều xưng chế. Thái hậu cả giận nói "Ta lại học họ Vũ à! Nay thái tử tuy còn nhỏ cũng vẫn có thể cất nhắc người có đức phụ chính, ta sao lại can thiệp vào chuyện bên ngoài !" (3). Quách Thái hậu kiên quyết không lâm triều xưng chế, cam tâm phụ tá vua nhỏ. Đó là cuối thời Đường tiếp nhận "bài học" lịch sử Vũ Tắc Thiên xưng đế, bắt đầu đề phòng kết quả của việc mẫu hậu tham dự chính sự.

4. Không ghen tuông là một đức tốt của hậu phi. Trưởng Tôn Hoàng hậu là khuôn mẫu của việc không ghen tuông, bà chỉ huy phi tần trong hậu cung, đối xử hòa thuận, không ghen không ghét. Mỗi khi có phi tần hay cung nữ nào mắc bệnh, bà thậm chí còn đích thân tới thăm, cho thuốc chữa trị. Bà tự giác tuân thủ lễ giáo phong kiến, tự giác duy trì chế độ đa thê của hoàng đế.

Đến đời Đường Cao tông đầu tiên là trong hậu cung Vương Hoàng hậu và Tiêu Thục phi tranh giành sự sủng ái, tranh đoạt tới mức ngươi chết ta sống. Sau khi Vũ Tắc Thiên vào cung không lâu, liền triển khai cuộc đấu tranh kịch liệt với Vương Hoàng hậu, Tiêu Thục phi để giành giật sự sủng ái và tranh đoạt ngôi Hoàng hậu. Sau cùng, Vũ Tắc Thiên hại chết Vương

(3) *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện hạ.*

Hoàng hậu, Tiêu Thục phi, đoạt được ngôi Hoàng hậu, theo yêu cầu phụ đức phong kiến loại đấu tranh trong hậu cung này đương nhiên có chỗ vi phạm phụ đức, là tấn công vào phụ đức. Thật ra sự ghen tuông và hận thù đầy rẫy trong hậu cung của hoàng đế là sản phẩm của chế độ hậu cung phong kiến, là chuyện bình thường. Chỉ có lúc một số ít "hiền hậu" chủ trì công việc trong hậu cung, thì hậu cung mới hơi được yên tĩnh. Tính ghen tuông của chủ phụ trong các nhà quan liêu quyền quý cũng rất ghê gớm.

5. Đè nén ngoại thích là một đức tốt của hậu phi. Trưởng Tôn Hoàng hậu của Đường Thái tông từng nhiều lần khuyên Thái tông không nên ủy thác trọng nhiệm cho Trưởng Tôn Vô Kỵ anh trai bà. Bà nói "Thiếp đã gửi thân trong cung tía, tôn quý hết mức, quả thật không muốn anh em con cháu đứng đầy trong triều, việc họ Lữ họ Hoắc thời Hán có thể làm điều răn" (4). Bà tiếp thu bài học ngoại thích can dự vào việc chính trị gây ra họa loạn thời Hán, ra sức đè nén quyền lực của anh, để không đi vào vết xe ngoại thích chuyên quyền thời Hán.

Lúc Vũ Tắc Thiên làm Hoàng đế, hại chết anh khác mẹ của mình, lại nói rằng để đè nén ngoại thích, nhưng sau khi xưng đế lại trọng dụng con cháu họ Vũ, cuối cùng dẫn tới sự bại vong của họ Vũ. Dương Quý phi sau khi được sủng ái, chị em nàng và anh họ là Dương Quốc Trung năm nhà đều đạt tới mức giàu có, quyền thế không ai bằng, "Chá thủ khả nhiệt thế tuyệt luân" (Chả nóng phỏng tay đời hiếm có) (5), đều không

(4) *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện.*

(5) Đỗ Phủ, *Lệ nhân hành.*

đè nén được thế lực ngoại thích, đương nhiên không phù hợp với yêu cầu phụ đức phong kiến.

Tóm lại Trưởng Tôn Hoàng hậu, Từ Hiền phi của Đường Thái tông đầu thời Đường đều là khuôn mẫu về hiền hậu, hiền phi, có thể tự giác tuân theo lễ giáo và đức hạnh hậu phi. Sự ràng buộc của lễ giáo đầu thời Đường so với thời Nam Bắc triều có chỗ khôi phục. Từ Đường Cao tông qua Vũ Tắc Thiên tới niên hiệu Khai Nguyên Thiên Bảo đời Đường Huyền tông, bất kể trong cung đình hay ngoài xã hội, sự ràng bộc của lễ giáo đều lỏng lẻo, phụ đức bị vi phạm.

Sau loạn An Sử, tiếp thu bài học Vũ Tắc Thiên xưng đế và cái gọi là "Dương Quý phi xinh đẹp gây họa cho nước" trong cung đình tăng cường giáo dục phụ đức, đè nén việc mẫu hậu hoặc hậu phi tham gia chính sự, lại tìm cách đề phòng việc "Mỹ sắc họa quốc". Ví dụ, *Đường ngữ lâm* có chép một câu chuyện như sau :

"Đời Tuyên tông Thái thú đất Việt tiến cống nữ nhạc, có người rất xinh đẹp. Vua lúc đầu rất vui vẻ. Vài hôm sau phong làm Tiệp dư. Chợt sáng ra không vui, nói : Minh hoàng chỉ có một Dương phi mà thiên hạ đến nay chưa yên, ta sao dám quên ? Bèn triệu vào nói : Không thể lưu giữ ngươi được. Tả hữu tâu : Có thể thả về, vua nói : Thả về thì ta ắt còn phải lo lắng, có thể ban cho một chén thuốc độc".

Đường Tuyên tông để đề phòng việc "Mỹ sắc họa quốc" mà tàn nhẫn hạ độc giết một thiếu nữ trẻ tuổi xinh đẹp.

Hay đời Đường Đức tông, lại tăng cường giáo dục phụ đức cho phi tần trong hậu cung. Đức tông hạ chiếu triệu năm chị em nữ học sĩ Tống Nhược Chiêu vào hậu

cung. Năm chị em gái này là con gái của nhà Nho Tống Đình Phân. Năm nàng này đều thông minh hơn người, biết làm văn. Trong đó Nhược Tân, Nhược Chiêu "văn chương diễm lệ, tính tình trinh khiết nhàn nhã, không chuộng trang sức diêm dúa" (6). Lão đại Tống Nhược Tân có soạn sách *Nữ Luận ngữ* hai mươi thiên, mô phỏng thể lệ của sách *Luận ngữ* đề cao phụ đức. Toàn sách chia làm hai mươi chương *Lập thân, Học tác, Học lễ, Tảo khởi, Sự phụ mẫu, Sự cữu cô, Sự phu, Huấn nam nữ, Doanh gia, Đãi khách, Hòa nhu, Thủ tiết*. Về nội dung so với *Nữ giới* của Ban Chiêu còn chi tiết cụ thể hơn nhiều. Trong đó chương Lập thân yêu cầu phụ nữ "Giữ gìn trinh tiết, trinh thì thân vinh, đi đường không ngoái đầu lại nhìn, nói năng không để lộ răng, ngồi không rung đùi, đứng không nghiêng ngã, vui mừng không được cười lớn, tức giận không được cao giọng,... không nhìn ra ngoài tường, không bước ra ngoài sân, nhìn ra thì phải che mặt, bước ra thì phải núp kín", phụ nữ nhất ngôn nhất hành, nhất cử nhất động đều phải che che giấu giấu, khép nép sợ sệt. Lối "lập thân" ấy chỉ coi phụ nữ như một bức tượng gỗ, ngay cả một chút tự do hành động cũng bị cướp đoạt.

Nhưng việc cổ vũ phụ nữ chăm chỉ, tiết kiệm, chống lãng phí và xa xỉ trong nội dung các chương Học tác, Tảo khởi, Doanh gia của sách *Nữ Luận ngữ* lại có nhiều điểm khả thủ.

Trong năm chị em họ Tống, Nhược Chiêu là người "thông hiểu việc người" nhất, bắt đầu từ đời Đường Đức tông, trải qua ba đời Hiến tông, Mục tông, Kính tông đều được gọi là "Tiên sinh". "Phi tần trong sáu cung,

(6) *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện.*

các vương, công chúa, phò mã đều theo học, vô cùng tôn kính" (7), gọi là Cung sư. Tống Nhược Chiêu tuy không phải là tác giả của *Nữ Luận ngữ*, nhưng bà chú giải và đính chính *Nữ Luận ngữ*, lại lấy sách ấy để giáo dục phi tần trong hậu cung.

Vì thế, chúng tôi cho rằng cuối thời Đường lễ giáo Nho học và phụ đức phong kiến lại được khôi phục và phát triển trong hậu cung nhà Đường. Tình hình này cũng phản ảnh qua việc tuyển chọn hậu phi. Cuối thời Đường, việc tuyển chọn hậu phi cũng bắt đầu trở về tiêu chuẩn "Trọng đức khinh sắc".

Từ *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện* và *Tân Đường thư, Hậu phi truyện* chúng ta có thể thu được một ấn tượng thế này : đó là việc tuyển chọn hậu phi của các vua thời Đường đại thể chia làm ba loại theo đức hạnh, theo tài năng và theo dung mạo. Nhưng vì những người được tuyển theo dung mạo rất đông, rốt lại khuynh hướng sau cùng vẫn là trọng sắc khinh đức. Nhưng cuối thời Đường quả thật cũng có mấy vị hậu phi có đức hạnh. Như Vi Hiền phi của Đường Đức tông, "tính mẫn tuệ, nói năng không cẩu thả, việc làm ắt giữ lễ" (8). Trang Hiến Vương Hoàng hậu của Đường Thuận tông là một bậc hiền hậu tuân thủ phụ đức. Vương Hoàng hậu "là con nhà lương gia được tuyển vào cung", *Tân Đường thư, Hậu phi truyện* nói bà "Tính nhân hậu nhu thuận, trong cung được đức độ của bà cảm hóa, không ai không khiêm nhu". "Hậu cẩn thận sợ sệt, đè nén ngoại thích, không chút nương tay, dạy bảo chức trách phụ nữ, có phong độ hậu phi thời cổ". *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện* nói bà "Lời lẽ dung mạo cung kính cẩn

(7, 8) Xem chú thích (6)

thận, trong cung khen là người đức hạnh", "Tính nhân hòa khiêm tốn, đè nén ngoại thích, không chút nương tay, dạy bảo chức trách phụ nữ, có phong độ bậc mẫu nghi". Tóm lại, bà là một vị "Hoàng hậu hiền đức". Quách Quý phi của Đường Kính tông thì "Dung mạo đức hạnh đều đứng đầu mọi người" (9), đức hạnh dung mạo kiêm toàn.

Cuối thời Đường, sự ràng buộc lễ giáo bắt đầu phục hồi, quy phạm phụ nữ được thiết lập lại. Thời Ngũ đại xã hội biến động, các bậc vua chúa thường đam mê tửu sắc, đương nhiên càng chú trọng tới nữ sắc. Nhưng thời Ngũ đại cũng có một số ít Hiền hậu tuân thủ lễ giáo, như Tào Hoàng hậu của Hậu Đường Thái tổ Lý Khắc Dụng "tính khiêm cung mà giỏi biện luận", "cung kính siêng năng việc nội trợ, tả hữu đều ca ngợi" (10).

2. Vở kịch tuyển mỹ xấu xa của Tùy Dạng đế và việc tuyển mỹ trong cung đình thời Đường

Tùy Văn đế vua mở nước nhà Tùy lúc chưa làm hoàng đế cùng vợ là Độc Cô thị tình cảm sâu sắc, hai người từng thề rằng "Không có con riêng" (11). Cũng chính là nói, Dương Kiên bảo đảm suốt đời không phát sinh quan hệ tình dục với một phụ nữ nào khác ngoài Độc Cô thị. Về sau Độc Cô thị có tác dụng rất quan trọng trong việc đấu tranh giành giật ngôi vua của Dương Kiên.

Sau khi Dương Kiên làm Hoàng đế, người đẹp trong hậu cung có hàng trăm hàng ngàn, nhưng ông ta

(9) Xem chú thích (6)

(10) *Cựu Ngũ đại sử, Đường thư, Hậu phi truyện.*

(11) *Tùy thư, Hậu phi truyện.*

lại bị sự khống chế của Độc Cô Hoàng hậu. Độc Cô Hoàng hậu lúc nào cũng theo sát ông ta như hình với bóng, khiến Văn đế không có cách nào tiếp xúc với mỹ nữ trong hậu cung. Vả lại Độc Cô Hoàng hậu còn ra sức giảm bớt nhân số trong hậu cung, "Bỏ trống ngôi tần, không đặt ba phi, đề phòng họ lấn lướt. Từ chức tần trở xuống đặt sáu mươi người, lại giảm bớt y phục, hạ thấp phẩm trật" (12). Phi tần trong hậu cung không những nhân số giảm sút, mà phẩm trật cũng thấp kém, lại phần lớn là do các phụ nữ già xấu sung chức. Vì Độc Cô Hoàng hậu khống chế hữu hiệu, nên "Hậu cung không ai dám hầu hạ vua". Tùy Văn đế trong thời kỳ đầu cơ bản trải qua cuộc sống một vợ một chồng, đó là chuyện hiếm có trong các vua chúa Trung Quốc.

Sau khi Độc Cô Hoàng hậu qua đời, nhân số trong hậu cung của Văn đế tăng vọt, lại sủng ái Tuyên Hoa Phu nhân Trần thị "Sắc đẹp vô song" (13) và Dung Hoa Phu nhân Thái thị "Nghi dung xinh đẹp" (14).

Tùy Dạng đế là ông vua hoang dâm xa xỉ nổi tiếng nhất trong lịch sử nước ta. Ông ta vừa lên ngôi là ra sức mở rộng hậu cung "Tham khảo điển cố, tự chế danh hiệu", đặt ra các bậc tần phi gồm một trăm hai mươi bốn người. Ngoài ra còn có ba bốn ngàn cung nữ, người nào cũng "Dung mạo xinh đẹp, hầu hạ yến tiệc ngao du" (15) cung đốn lạc thú. Theo với sự củng cố ngai vàng và phát triển kinh tế, Tùy Dạng đế ngày càng xa xỉ hoang dâm. Ông ta ra lệnh chia ra Ngũ hồ, Thập lục viện ở Đông Đô Lạc Dương, tuyển mỹ nữ đưa vào đó. Lại xây dựng hơn bốn mươi hành cung

(12, 13, 14, 15) Xem chú thích (11)

trên đường từ Trường An tới Giang Đô, trưng tập gái đẹp trong dân gian đưa vào đó. *Tùy thư, Dạng đế kỷ* chép năm Đại Nghiệp thứ 8 (612), Dạng đế "Ban mật chiếu sai các quận phía Nam Giang Hoài duyệt tuyển xử nữ xinh đẹp trong dân gian, hàng năm cống nộp". Sau đó mỗi năm đều có một số lượng lớn xử nữ trẻ tuổi xinh đẹp bị cưỡng bức đưa vào hành cung, cung đốn lạc thú cho riêng Tùy Dạng đế. Lại xây dựng Mê lâu, "Tuyển chọn mấy ngàn gái đẹp trong hậu cung và dân gian cho vào ở trong lầu" (16).

Tùy Dạng đế Nam tuần tới Giang Đô, có hơn một ngàn phi tần, cung nữ theo cung đốn lạc thú cho ông ta. Đội ngũ Nam tuần đông đúc, "Mày ngài thành đội, son phấn thành hàng". Trên đường từ kinh thành tới Biện Quận, Tùy Dạng đế ngồi trên xe Ngự nữ, sai Ngự xa nữ Viên Bảo Nhi đánh xe. Bảo Nhi "Mười lăm tuổi, lưng thon, dáng vẻ thơ ngây, vua đặc biệt sủng ái". Lúc Dạng đế đi trên Đại Vận Hà, "Vua ngự thuyền Long Chu, Tiêu phi cưỡi thuyền Phượng Kha, buồm gấm dây màu, vô cùng xa hoa". Mỗi chiếc thuyền chọn hơn ngàn cô gái xinh đẹp cao lớn trắng trẻo, cầm mái chèo sơn son thếp vàng, gọi là "Điện cước nữ" nắm dây lụa màu kéo thuyền đi, đúng là hoang dâm tới mức cực điểm. Lúc ông ta phát hiện Điện cước nữ Ngô Giáng Tiên "khéo vẽ mày dài", "thích nàng xinh đẹp nhu thuận" (17) bèn ngự luôn.

Sau khi tới Giang Đô, Tùy Dạng đế "Càng hoang dâm quá hơn, trong cung có hơn trăm phòng, đều trang trí hoa lệ, chứa đầy mỹ nhân, mỗi ngày sai một phòng

(16) *Mê lâu ký*.
(17) Nhan Sư Cổ, *Đại Nghiệp thập di ký*.

làm chủ... Vua cùng Tiêu hậu và các sủng cơ lần lượt yến ẩm, chén rượu không rời tay, hơn ngàn cung nữ đi theo cũng thường say sưa" (18), suốt ngày chìm đắm trong tửu sắc. Ông ta còn dùng dâm cụ "đồng xa" gian dâm thiếu nữ. Gã hoàng đế ác côn giày vò, hành hạ cái đẹp phụ nữ ấy rốt lại bị phản tướng thắt cổ chết giữa lúc hoang dâm, nhà Tùy cũng vì ông ta hoang dâm vô độ mà bạo vong.

Sử quan, văn nhân ngày trước thường kết hợp việc mất nước của Dạng đế và các mỹ nữ mà ông ta sủng ái làm một, chế tạo ra thuyết "Mỹ nữ vong quốc luận", đổ trách nhiêm tiêu vong của một vương triều lên đầu phụ nữ. Sự diệt vong của Tùy Dạng đế hôn quân nổi tiếng, hoàng đế hoang dâm trong lịch sử nước ta ấy lại có thể đổ tội cho phụ nữ nào được? Ông ta hoàn toàn tự mình chuốc lấy tội lỗi. Đủ thấy các ông vua mất nước sở dĩ làm mất nước, ngoài rất nhiều nguyên nhân lịch sử khách quan, chủ yếu còn vì bản thân đế vương anh minh hay hoang dâm, nếu hủ hóa hoang dâm quá độ ắt sẽ dẫn tới bại vong.

Lúc nhà Đường vừa dựng nước, vua tôi Đường Thái tông tổng kết bài học lịch sử nhà Tùy mất nước, một trong đó là đề phòng việc hoang dâm, đề xướng việc tiết kiệm. Nhà Đường lúc đầu không tuyển chọn mỹ nữ trong dân gian, mà còn thả bớt cung nữ trong cung cho về quê.

Năm Trinh Quan thứ 13 đời Đường Thái tông (639), Thượng thư sảnh dâng tờ tâu nói "Gần đây việc tuyển chọn người đẹp ở Dịch đình, có khi có con gái nhà hèn hạ, không biết lễ phép giáo huấn, có khi là

(18) *Tư trị thông giám*, quyển 185, *Đường kỷ 11*

con gái nhà tù tội, chất chứa hờn oán. Xin từ nay trở đi các chức trong hậu cung và phủ Đông cung có chỗ khuyết, đều tuyển người có tài năng đức hạnh con nhà lương gia sung vào, lấy sính lễ nạp cung, người trong những nhà tù tội và con nhà hèn hạ đều không được bổ dụng" (19). Đường Thái tông thu nhận ý kiến ấy. Từ đó trở đi, các vua nhà Đường tuyển chọn mỹ nữ vào hậu cung hoặc tuyển phi cho thái tử và chiêu vương đều rất coi trọng gia thế, thường là tuyển từ con gái nhà lương gia.. Ví dụ năm Trinh Quan thứ 17 (643), Đường Thái tông thấy phủ Đông cung của Thái tử Lý Trị thiếu cung nhân, bèn "Sắc chọn con gái nhà lương gia để sung vào Đông cung". Nhưng Lý Trị sai Vu Chí Ninh dâng biểu lên Thái tông xin từ chối. Thái tông nói "Ta không muốn khiến con cháu sinh ra ở nhà ty tiện mà thôi. Nay đã chối từ, thì cho theo lời xin" (20), bỏ qua việc tuyển chọn người đẹp cho Thái tử.

Đời Đường Huyền tông, nước mạnh dân giàu, của cải sung túc. Lúc Huyền tông phát hiện trong cung thái tử "Tả hữu sử lệnh đều không có kỹ nữ", bèn hạ chiếu cho Lực Sĩ "Sai Kinh triệu doãn tìm chọn con gái nhà lương gia cao lớn xinh đẹp trắng trẻo năm người, ban cho Thái tử".

Cao Lực Sĩ lại tâu "Thần tuyên chỉ cho Kinh triệu doãn duyệt mỹ nữ, dân gian đồn ầm lên, mà những kẻ lắm chuyện trong triều lại có dịp bàn tán". Để tránh việc tuyển chọn mỹ nữ trong dân gian gây ra náo động, cũng để tránh sự phản đối của các đại thần trong triều, Cao Lực Sĩ đề nghị tuyển chọn đề bạt phụ nữ trong Dịch đình "Thần thấy các cung nữ vốn là con nhà quan

(19) *Tư trị thông giám*, quyển 195
(20) *Tư trị thông giám*, quyển 197, *Đường kỷ 13*

chức có tội bị tịch biên gia sản đưa vào Dịch đình có thể tuyển chọn". Huyền tông nghe thế rất vui vẻ, bèn sai Cao Lực sĩ "Ban chiếu cho Dịch đình lệnh, theo sổ sách duyệt tuyển, được năm người, ban cho Thái tử" (21). Ngô Hoàng hậu của Đường Túc tông chính là được tuyển vào cung Thái tử trong lần tuyển chọn người đẹp này.

Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền tông, thái bình lâu ngày, của cải sung túc, Huyền tông cũng bắt đầu trở thành hủ hóa. Để lấp đầy hậu cung, Huyền tông bí mật "Hàng năm sai sứ tuyển chọn người đẹp trong thiên hạ nạp vào hậu cung, gọi là Hoa điểu sứ" (22). Bài *Thượng Dương bạch phát nhân* của Nguyên Chẩn đã vạch trần hành động bạo ngược của Hoa điểu sứ bắt ép con gái nhà lương dân vào cung. Số thiếu nữ xinh đẹp trẻ tuổi này bị bức bách vào cung, trở thành cung tỳ bị nô dịch. Vì hàng năm đều tuyển con gái nhà dân vào hậu cung, nên trong niên hiệu Khai Nguyên, Thiên Bảo số lượng cung nữ tăng vọt, trong ba cung Đại nội, Đại Minh, Hưng Khánh ở Trường An, mười trạch viện của hoàng tử, trăm viện của hoàng tôn, hai cung Đại nội, Thượng Dương ở Đông Đô Lạc Dương, "Đại khái có bốn vạn cung nữ" (23). *Tân Đường thư, Hoạn giả truyện* cũng nói "Trong niên hiệu Khai Nguyên, Thiên Bảo, tổng số cung tần có tới bốn vạn". Đường Văn tông tuyển phi cho thái tử, từng hạ lệnh cho các quan phải "Lập danh sách các cháu gái, em gái và cháu ngoại từ mười tuổi trở lên để nộp" (24), lúc tuyển phi

(21) *Đường ngữ lâm hiệu chính*, Trung Hoa thư cục, 1987, tập thượng, tr. 4

(22) *Cựu Đường thư, Lữ Hướng truyện.*

(23) *Cựu Đường thư, Hoạn quan truyện.*

(24) *Toàn Đường văn*, Văn tông, *Tuyển hoàng Thái tử phi sắc.*

cho Thái tử Trang Khác, chỉ "Chuyên bắt con gái nhà quan trong khoảng Nhữ Châu, Trịnh Châu làm con dâu" (25). Một số lớn con gái nhà lương gia bị tuyển vào cung như thế, rất ít người may mắn trở thành phi tần, còn đa số đều làm cung nữ.

Ngoài ra, doanh kỹ trong cơ quan Giáo phường của nhà Đường cũng chọn con gái trong dân gian. Như năm Nguyên Hòa thứ 7 đời Đường Hiến tông (812), "Giáo phường chợt nói là có mật chỉ chọn con gái nhà lương gia và kỹ nữ trong nhà các quan, kinh sư náo động" (26) đó là lần tuyển chọn cung nữ cuối thời Đường.

Thời Ngũ đại chia xé hỗn chiến, loạn lạc không thôi, chính quyền thay đổi mau lẹ nên nhân số trong hậu cung ít hơn nhiều so với thời Đường. Nhưng cũng có lúc phát sinh việc tuyển chọn người đẹp. Ví dụ *Tân Ngũ đại sử, Linh quan truyện* chép Hậu Đường Trang tông Lý Tồn Húc chiếm cứ được Lạc Dương, đóng trong cung cũ của nhà Đường mà phi tần chưa đủ. Bọn hoạn quan bịa ra lời đồng dao, nói thời Đường trong hậu cung có vạn người mà hiện nay trong cung vắng vẻ, thường thấy ma quỷ, phải có đủ số cung nhân mới có thể trấn áp được ma quỷ. Vì thế lúc Trang tông tới đất Nghiệp, bèn "Tuyển chọn gái đẹp ở đất Nghiệp ngàn người để sung vào hậu cung" gây ra việc "Vợ con quân sĩ vì thế bỏ trốn mấy ngàn người". Mạnh Sưởng nhà hậu Thục "Thích đá cầu cưỡi ngựa, lại học được thuật trong phòng của phương sĩ, tìm nhiều gái đẹp trong dân gian sung vào hậu cung" (27). "Dân gian sợ

(25) *Đường ngữ lâm*, quyển 4

(26) *Cựu Đường thư, Lý Giáng truyện.*

(27) *Tân Ngũ đại sử, Hậu Thục thế gia.*

bị tuyển, đều lập tức nhờ mai mối gả con gái, gọi là Kinh hôn (đám cưới hoảng sợ)" (28).

Biện pháp tuyển chọn hậu phi, cung nữ trong những gái đẹp chưa lấy chồng ở dân gian, đến thời Tùy Đường Ngũ đại vẫn lúc đứt lúc nối. Ngoài Tùy Dạng đế hạ chiếu tuyển chọn mấy ngàn mỹ nữ, Hậu Đường Trang tông Lý Tồn Húc tuyển hơn ngàn mỹ nữ, những lần tuyển chọn người đẹp vào hậu cung số lượng ít hơn nhiều, ảnh hưởng cũng không lớn. Tuyển chọn mỹ nữ trong dân gian là vua chúa phong kiến cướp đoạt và nô dịch nhân khẩu trong quần đại quần chúng, đồng thời cũng là cướp đoạt và nô dịch "tình dục" đối với đông đảo phụ nữ, là chính sách quấy nhiễu nhân dân rất thất nhân tâm. Mỗi lần tuyển chọn người đẹp đại quy mô, đều khiến người ở các khu vực được tuyển chọn lo sợ nơm nớp, nhà có con gái đem con gái trốn đông núp tây, có người thì vội vàng lo chuyện cưới gả.

3. Tài nghệ bi oán của cung nữ

Từ chế độ tuyển chọn con gái trong dân gian mở ra từ thời Hán trở đi, hậu cung của vua chúa các đời đều có hàng trăm hàng ngàn, thậm chí mấy ngàn cung nữ bị cấm cố trong cung điện của nhà vua, trong bọn họ ngoài một số rất ít có cơ hội được hoàng đế sủng ái, thì phần đông trọn đời không được "hạnh ngự", làm việc phục dịch cho hoàng đế. Hậu phi trong cung, đến lúc tóc bạc da mồi. Đời Đường Huyền tông, phi tần, cung nữ trong cung có tới bốn vạn người, đó là điều hiếm có trong lịch sử.

(28) *Ngũ quốc cố sự*, quyển thượng.

Nguồn gốc của cung nhân, chủ yếu là tuyển chọn từ con gái nhà lương gia, đó gọi là "con gái nhà lương gia được tuyển vào cung", thứ nữa là vợ, con gái và thân thuộc của các quan lại có tội bị tịch biên gia sản, sung vào Dịch đình. Như cung nữ Thượng Quan Uyển Nhi nổi tiếng, ông nội và cha bị giết, từ nhỏ cùng mẹ là Trịnh thị bị sung làm quan nô tỳ trong Dịch đình. Thứ ba một số ít phi tần và cung nhân có tên tuổi cũng có khi là do hậu phi, công chúa, đại thần tiến cử vào cung. Số này phần lớn là con gái các quan, có người nhờ xinh đẹp, có người nhờ tài hoa xuất chúng, mà được tiến cử vào cung. Như Vương Hoàng hậu của Đường Cao tông chính là nhờ Đồng An Trưởng Công chúa "Thấy hậu xinh đẹp hiền thục" (29) mà tiến cử với Đường Thái tông cưới làm Tấn vương phi (lúc bấy giờ Cao tông Lý Trị được phong làm Tấn vương). Năm chị em Tống Nhược Tân, Tống Nhược Chiêu là nhờ tài hoa xuất chúng, được Chiêu nghĩa Tiết độ sứ Lý Bảo Chân dâng thư tiến cử, mới được Đường Đức tông triệu vào cung. Những cô gái được tiến cử vào cung này phần lớn tài mạo xuất chúng, lại có tay trong nên trở thành phi tần hay thậm chí hoàng hậu.

Những người được chọn vào cung hoặc được tiến cử vào cung phần lớn đều dung mạo xuất chúng, đa tài đa nghệ. Đó là vì trong việc tuyển chọn người đẹp của nhà vua, điều kiện đầu tiên để dự tuyển phải là hình thể, dung mạo xinh đẹp. Tiêu chuẩn tuyển chọn xử nữ của Tùy Dạng đế là "tư chất xinh đẹp", Điện cước nữ cũng do "con gái xinh đẹp cao lớn trắng trẻo" sung nhiệm. Đường Huyền tông tuyển chọn cung nhân cho thái tử, những người được trúng tuyển là "người xinh

(29) *Tân Đường thư, Hậu phi truyện.*

đẹp cao lớn trắng trẻo". Đủ thấy thời Tùy Đường vẫn lấy người xinh đẹp, cao lớn, da trắng làm tiêu chuẩn tuyển chọn cung nữ chủ yếu.

Trong cung rất nhiều người đa tài đa nghệ, tài nghệ song tuyệt.

Có người nổi tiếng nhờ thơ văn. Như Hiền phi Từ Huệ của Đường Thái tông, "Năm tháng biết nói, bốn tuổi hiểu *Luận ngữ, Thi kinh*, tám tuổi biết làm văn" (30). Sau khi vào cung bà thường làm thơ viết văn, "Văn chương bà làm vung bút là thành, lời lẽ hoa lệ" từng dâng thư xin Đường Thái tông tiếc sức dân, ra sức tiết kiệm. Trong đó có những câu nổi tiếng như "Ty cung phỉ thực, thánh chủ chi sở an, Kim ốc Dao đài, kiêu chủ chi vi lệ" (Cơm rau cung nhỏ, chúa thánh lấy làm yên, Đài ngọc nhà vàng, vua kiêu cho là đẹp), "Chí kiêu vu nghiệp thái, Thể dật vu thời an" (Chí kiêu nơi nghiệp dấy, Thân rảnh chỗ thường yên) (31) Thượng Quan Uyển Nhi cũng là một kỳ nữ tài hoa xuất chúng. Năm mười bốn tuổi được Vũ Tắc Thiên triệu kiến bảo làm văn, nàng vung bút là lập tức viết xong. Từ đó Vũ Tắc Thiên bèn giữ nàng bên cạnh "Coi sóc chiếu lệnh trong cung, xinh đẹp đáng yêu" (32), lại thường dự bàn chính sự. Năm chị em Nhược Tân, Nhược Chiêu, Nhược Luân, Nhược Hiến, Nhược Tuân họ Tống đều giỏi văn chương, biết thơ phú. Đường Đức tông biết làm thơ thường cùng họ và quần thần làm thơ xướng họa, cũng sai bọn chị em Nhược Tân ứng chế. Thơ của chị em họ thường được Đức tông khen ngợi.

(30, 31) Xem chú thích (29)

(32) *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện.*

Thời Đường là thời kỳ phồn thịnh của thơ ca, một số cung nhân bình thường cũng có thể làm thơ, bộc lộ tâm tình sầu muộn trong chốn thâm cung lâu ngày của mình. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền tông, sai cung nhân may áo bông cho quân sĩ ngoài biên. Cung nhân Mỗ làm một bài thơ khâu vào trong áo, nguyên văn như sau :

Sa trường chinh thú khách,
Hàn khổ nhược vi miên.
Chiến bào kinh thủ tác,
Tri lạc a thùy biên.
Súc ý đa thiêm tuyến,
Hàm tình cánh trước miên.
Kim sinh dĩ quá dã,
Trùng kết hậu thân duyên.

(Sa trường thân lính chiến,
Lao khổ nghĩ thương nhau.
Chiến bào do thiếp cắt,
Chẳng biết tới tay nào.
Thêm chỉ lòng vương vấn,
Khâu bông ý dạt dào.
Kiếp này thôi đã lỡ,
Hương lửa hẹn đời sau) (33).

Bài thơ này bộc lộ mối tình tương tư hâm mộ đối với người lính không quen biết, thể hiện khát vọng tình yêu và mong mỏi đời sống gia đình bình thường của người cung nữ bị cấm cố trong cung.

Đời Đường Hy tông cũng nảy sinh giai thoại đề thơ lên chiến bào. Bài thơ của người cung nữ này là viết trên một chiếc chìa khóa vàng, nguyên văn như sau :

(33) *Bắn sự thi.*

Ngọc chúc chế bào dạ,
Kim dao a thủ tài.
Tỏa ký thiên lý khách,
Tỏa tâm chung bất khai.

(Nến ngọc đêm khâu áo
Dao vàng tay cắt may
Khóa gửi người ngàn dặm
Lòng chẳng mở cho ai)

Ngoài giai thoại đề thơ lên chiến bào, còn có giai thoại đề thơ lên lá đỏ. Một là bài thơ trên một chiếc lá ngô đồng lớn mà thi nhân Cố Huống nhặt được cạnh ngự câu ở cửa Lạc Thừa, nguyên văn như sau :

Nhất nhật thâm cung lý,
Niên niên bất kiến xuân.
Liêu đề nhất phiến diệp,
Ký dữ hữu tình nhân.

(Cả ngày buồn bã trong cung vắng
Đã mấy năm rồi chẳng thấy xuân
Nhàn rỗi đề thơ trên chiếc lá
May ra tới kẻ có tình chăng) (34)

Hai là đời Đường Hy tông, thu sinh Vu Hựu nhặt được một chiếc lá đỏ trong ngự câu, trên có bài thơ rằng :

Lưu thủy hà thái cấp,
Thâm cung tận nhật nhàn.
Ân cần tạ hồng diệp,
Hảo khứ đáo nhân gian.

(Nước trôi sao quá gấp,
Cung sâu trọn buổi nhàn.

(34) Xem chú thích (33)

Ân cần nhờ lá đỏ,
Trôi khéo tới nhân gian).

Chủ đề các bài thơ đề trên chiến bào hay lá đỏ này đều là bộc bạch tâm tình tịch mịch vắng vẻ độc thủ phòng không của cung nhân, khát vọng phá tung "quân môn" trong thâm cung để thoát ra, giành lấy tự do, giành lấy đời sống vợ chồng dân dã bình thường. Chúng ta đọc những bài thơ này cảm thấy chốn thâm cung chính là "chiếc lồng vàng" giam nhốt cung nữ, lại giống như một nhà ngục lớn hoa lệ, cấm cố hàng ngàn hàng vạn cô gái trẻ tuổi xinh đẹp. Họ không có sự êm ái của tình yêu, không có lạc thú đời sống gia đình, không có niềm vui thiên luân cha mẹ, anh em. Họ càng khó chịu đựng nỗi khát khao của tuổi trẻ và xác thịt, hướng tới tình yêu và sinh hoạt gia đình. Họ tựa hồ đói không chọn cơm, chỉ cần có người đàn ông nào nhặt được bài thơ của họ, tựa hồ họ sẽ yêu thương và đi theo người ấy. Những bài thơ này rõ ràng đã tố cáo những tội ác và máu tanh của chế độ hậu cung, cũng biểu hiện thi tài của các cung nữ bình thường.

Những kỹ nữ ca múa trong cung nhân lại càng nhiều người đa tài đa nghệ, hát hay múa giỏi, sắc nghệ kiêm toàn. Tùy Dạng đế để hưởng lạc, đã thu thập nhạc công tử đệ của các triều Chu, Tề, Lương, Trần, đặt ra Giáo phường, mở ra chế độ Nhạc vũ giáo phương. Đến đời Đường Huyền tông thì mở rộng cơ cấu Giáo phương, ngoài Nội Giáo phường đặt ở trong cung, còn thành lập bốn Ngoại Giáo phường ở Trường An, Lạc Dương. Nữ nghệ nhân trong Giáo phường, theo trình độ nghệ thuật cao thấp mà chia làm đẳng cấp trên dưới. Cung kỹ trong viện Nghi Xuân tài sắc đứng đầu, vì thế họ thường biểu diễn trước mắt hoàng đế, được gọi

là Tiền đầu nhân (đứng hàng đầu) vì thế trong viện Nghi Xuân còn gọi là Nội nhân. Số nữ nghệ nhân đẳng cấp cao này khá ít, cho nên mỗi khi có biểu diễn ca múa lớn, "thì lấy bộ Vân Thiều thêm vào. Vân Thiều là chỉ cung nhân, đại khái là nô lệ hèn hạ" (35). Họ chỉ có thể sung vào đội ngũ diễn viên "quần chúng" trong những người ca múa. Mỗi khi Đường Huyền tông mở hội bang yến thì ngự ở lầu Cần Chính, "sai mấy trăm cung nữ, đều đeo châu ngọc, y phục lộng lẫy, từ sau màn bước ra, đánh trống theo các điệu *Phá trận nhạc, Thái bình nhạc, Thượng nguyên nhạc*" (36). Trong các kỹ nữ Giáo phường còn có người chuyên biểu diễn nhạc khí, họ là "Con gái nhà thường dân nhờ có sắc đẹp được tuyển vào cung, học đánh đàn tỳ bà, tam huyền, không hầu, đàn tranh vàn vân, gọi là Người đánh đàn (Sưu đàn gia)" (37). Họ là nghệ nhân biểu diễn nhạc khí.

Trong niên hiệu Thiên Bảo, Đường Huyền tông lại đặt Lê viên trong cung, trong đó có mấy trăm cung nữ làm đệ tử Lê viên, cư trú ở viện Nghi Xuân Bắc. Số nữ đệ tử Lê viên này khác cung nhân trong Giáo phường ở chỗ cung nhân Giáo phường nặng về biểu diễn ca múa, còn họ thiên về biểu diễn nhạc khí.

Ngoài biểu diễn ca múa, nhạc khí diễn kịch, trong cung đời Huyền tông còn xuất hiện phụ nữ thằng kỹ biểu điễn đi dây, biểu diễn sào trăm thước. Theo *Đường ngữ lục*, "Ngày năm tháng tám năm Khai Nguyên thứ 24 đời Minh hoàng (736), biểu diễn thằng kỹ trên ngự

(35) *Giáo phường ký*.

(36) *Minh hoàng tạp lục, Khai Nguyên Thiên Bảo dị sự thập chủng*, tr. 23

(37) *Giáo phường ký*.

lâu". "Kỹ nữ từ đầu dây nhảy nhót đi lên qua lại mau lẹ, nhìn như tiên bay. Có khi giữa đường gặp nhau, nghiêng người tránh qua, có khi lê hài mà đi, ung dung ngẩng lên cúi xuống, có khi cầm gậy gần tới ống chân, dài sáu tấc, có khi đạp vai đạp đầu nhau chồng lên tới ba bốn tầng, kế đó lật người rơi thẳng xuống, chạm dây lại đứng, không hề sẩy chân rơi xuống, đều theo đúng tiếng trống làm nhịp, rất là đẹp đẽ". Đây là ghi chép về việc đi dây sớm nhất trong tạp kỹ ở nước ta. Tài nghệ biểu diễn của số nữ nghệ nhân thằng kỹ này khá cao. Theo *Minh hoàng tạp lục*, đời Đường Huyền tông, "Trong Giáo phường có Vương Đại nương, giỏi mang sào trăm thước, trên sào treo núi bằng gỗ như Doanh Châu, Phương Trượng, sai trẻ con cầm cờ đỏ ra vào trong đó, ca múa không ngớt". Đây là ghi chép sớm nhất về việc biểu diễn Sào trăm thước trong nghệ thuật tạp kỹ. Từ Đời Đường Huyền tông, nữ nghệ nhân tạp kỹ nước ta đã có thể biểu diễn đi dây, sào treo. Sau loạn An Sử, các môn tạp kỹ này lại truyền bá ra các địa phương.

Từ Đời Đường Huyền tông trở đi, số lượng nữ nghệ nhân trong Lê viên và Giáo phường giảm xuống, nhưng vẫn còn khá đông đảo. Đến đời Đường Đại tông vì kinh tế suy thoái, không có khả năng cung dưỡng đệ tử Lê viên, bèn hạ lệnh giải tán Lê viên, nhưng Giáo phường vẫn còn tồn tại. Giáo phường và Lê viên đã bồi dưỡng được một số lượng lớn nữ nghệ nhân ca hát, vũ đạo, biểu diễn nhạc khí và tạp kỹ sắc nghệ kiêm toàn. Họ có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật biểu diễn, nhạc khí, tạp kỹ ở nước ta.

Tuyệt đại đa số cung nhân là tuyển chọn từ phụ nữ trong nhân dân lao động. Họ ở trong thâm cung,

trọn đời phục vụ cho hoàng đế, hậu phi, sau cùng lặng lẽ chết già trong cung. Bài *Thượng Dương nhân* của thi nhân Bạch Cư Dị thời Đường đã phản ảnh chân thực số phận bi thảm của cung nữ bị cấm cố lâu ngày trong cung cấm. "Thượng Dương nhân, Hồng nhan ám lão bạch phát tân. Lục y giám sử thủ cung môn, Nhất bế Thượng Dương đa thiểu xuân. Huyền tông mạt tuế sơ tuyển nhập, Nhập thời thập lục kim lục thập. Đồng thời thái trạch bách dư nhân, Linh lạc niên thâm tàn thử thân" (Người Thượng Dương, Trên đầu tóc trắng nét da nhăn. Thái giám sai ra giữ cửa cung, Thượng Dương một đóng mấy mùa xuân. Cuối đời Huyền tông được nhập cung, Lúc vào mười sáu nay sáu chục. Đương thời cùng tuyển hơn trăm người, Linh lạc nhiều năm còn một thân). Từ niên hiệu Khai Nguyên, Đường Huyền tông đã phái Hoa điều sứ ra dân gian tuyển chọn các thiếu nữ xinh đẹp vào cung. Người cung nữ già tóc bạc này lúc nhập cung mới mười sáu tuổi, mà đến lúc ấy đã sáu mươi tuổi. Cuộc đời của bà lặng lẽ tiêu ma trong chốn không hư tịch mịch. Cùng vào cung một lúc với bà có hơn trăm người, người đi đã đi, người chết đã chết, chỉ có bà còn sống "Vị dung quân vương đắc kiến diện, Dĩ bị Dương phi dao trắc mục. Đố lệnh tàm phối Thượng Dương cung, Nhất sinh toại hướng không phòng túc. Túc không phòng, thu dạ trường, Dạ trường vô mị thiên bất minh. Cảnh cảnh tàn đăng bối bích ảnh, Tiêu tiêu ám vũ đả song thanh. Xuân nhật trì, Trì tận độc tọa thiên nan mộ. Cung oanh bách chuyển sầu yếm văn, Lương yến song thê lão hưu đố. Oanh quy yến khứ trường tiêu nhiên, Xuân văng thu lai bất kỷ niên" (Chưa được quân vương nhìn thấy mặt, Đã bị Dương phi ngầm quắc mắt. Ghen tuông sai tới Thượng Dương cung, Trọn đời cứ sống cảnh phòng không. Ở

phòng không, đêm thu dài, Đêm dài không ngủ trời không sáng. Hiu hắt đèn tàn soi bóng vách. Mưa đêm rả rích nhỏ ngoài song. Ngày xuân chầy, ngày chầy ngồi mãi trời khó tối. Tiếng oanh trăm điệu buồn chán nghe, Chim én bay đôi già thấy chối. Oanh thưa én vắng cứ âm thầm, Xuân tới thu đi chẳng tính năm). Một thiếu nữ trẻ tuổi xinh đẹp cứ ngày ngày đêm đêm năm năm trải qua cuộc sống tịch mịch như thế trong cung, đến khi tóc trắng đầy đầu, cuối cùng chết già trong cung, được chôn ở khu mộ Cung nhân tà ngoài tường hậu cung. Bài *Cung nhân tà* của Vương Kiến viết :

Vị Ương tường tây thanh thảo lộ,
Cung nhân tà lý hồng trang mộ.
Nhất biên tài xuất nhất biên lai,
Cánh y bất giảm tầm thường số.

(Tường tây Vị Ương sương ướt cỏ,
Hồng nhan ấy mộ cung nhân đó.
Một bên vừa ra một bên vào,
Người ở trong cung không giảm số)

Cung nữ già chết, cung nữ mới lại bị cướp đoạt vào cung, bổ sung "định ngạch" cung nữ. Hoàng cung đối với số cung nữ bậc thấp này mà nói không khác gì một "dây chuyền sản xuất" tiêu ma sinh mạng.

Cũng có một số ít cung nữ gặp cơ hội "thả cung nhân" được ra khỏi cung, trải qua đời sống vợ chồng bình thường trong dân gian. Đường Thái tông là vị vua khai sáng trong lịch sử nước ta, từng chủ trương cho cung nữ ra khỏi cung. Năm Trinh Quan thứ 2 (628), Trung thư Xá nhân Lý Bách Dược đề nghị thả cung nữ về. Đường Thái tông rất tán thành, lại nói "Phụ nữ bị giam nhốt trong cung cấm, quả thật rất đáng thương.

Sau khi quét dọn, cũng có làm gì, nên thả cả ra, tùy ý cho đi lấy chồng". Dưới chính sách mở cửa ấy, bắt đầu cho cung nữ về. "Trước sau cho hơn 3.000 người ra khỏi cung" (38). Sau đó năm Khai Nguyên thứ 2 đời Đường Huyền tông (714) lại cho 3.000 cung nữ về, năm Đại Lịch thứ 14 đời Đường Đại tông (779), "thả hơn trăm cung nhân", năm Trinh Nguyên thứ 11 đời Đường Đức tông (805) thả 300 người trong hậu cung, năm Bảo Lịch thứ 2 đời Đường Kính tông (826), "sắc cho cung nữ trong cung, thả về 3.000 người" vân vân. Nhưng các cung nữ được thả về không nhiều. Kẻ thống trị thả cung nữ một là để tô điểm cho "đức chính" của mình, hai là để tiêu tai giải họa. Vì hoàng đế và các đại thần thường mê tín, cung nữ quá nhiều, oán khí trong cung xông lên trời, sẽ tạo thành các tai họa hạn hán lụt lội. Các cung nữ được thả ra khỏi cung, có người lấy chồng, sống cuộc đời của người bình thường, có người xuất gia làm ni cô, sống nốt cuộc đời trong chùa miếu.

Một số phụ nữ biết rõ hậu cung là cái lồng giam nhốt phụ nữ, phần nhiều không muốn nhập cung, cho dù được hoàng đế triệu kiến cũng có người không lưu luyến cung thất. Ví dụ *Đường ngữ lâm* có ghi chép về một kỳ nữ như sau :

"Vương Thừa Thăng có em gái, là bậc quốc sắc, Đức tông nạp vào cung, nhưng nàng không thích cung thất. Đức tông nói : Đồ con gái nghèo hèn, rồi thả ra. Sắc cho cha mẹ anh trai không được gả cho Tiến sĩ và quan văn trong triều, tùy ý gả cho tướng sĩ. Về sau gặp Nguyên Sĩ Hội, lưu lạc trọn đời" (39).

(38) *Tư trị thông giám*, quyển 193, *Đường kỷ 9*
(39) *Đường ngữ lâm hiệu chính*, tr. 523

Cô gái quốc sắc này thà lấy chồng là quan quân cấp thấp lưu lạc nghèo khổ mà chết chứ không muốn Ở góa sống (Thủ hoạt quả) trong cung. Xuất gia làm ni cô là một lối thoát bi thảm khác của cung nhân, đặc biệt là những người đã được triệu vào hầu hạ hoàng đế hay các phi tần có phong hiệu, họ nhất định phải "giữ gìn" trinh tiết với vua, không được lấy người khác. Như sau khi Đường Thái tông qua đời, "trong năm ấy lập tức lấy chùa Tế Độ ở phường An Nghiệp làm chùa Linh Bảo, đưa tất cả phi tần ngự nữ của Thái tông vào đó làm ni cô" (40).

Tất cả phi tần ngự nữ của Đường Thái tông đều bị giải tới chùa An Nghiệp (còn gọi là chùa Cảm Nghiệp), xuất gia làm ni cô, làm bạn với đèn xanh, kinh vàng, tượng Phật, sống nốt quãng đời thừa. Vũ Tắc Thiên cũng từng bị cho tới chùa An Nghiệp làm ni cô. Về sau Cao tông tới chùa An Nghiệp dâng hương mới đưa bà vào hậu cung lần thứ hai. Từ đời Đường Huyền tông trở đi, cung nhân Thượng Dương có rất nhiều người tới quán An Quốc phường Chính Bình xuất gia làm ni cô, đến niên hiệu Hàm Thông đời Đường Ý tông trong quán vẫn còn vang ra tiếng đàn sáo biểu diễn của người trong cung Thượng Dương. Người đương thời có thơ rằng :

Tịch chiếu sa song khởi ám trần,
Thanh lùng nhiễu điện bất tri xuân.
Nhàn khan bạch thủ tụng kinh giả,
Bán thị cung trung ca vũ nhân.

(40) *Tư trị thông giám*, quyển 199, *Đường kỷ 15*, chú thích dẫn lại *Trường An chí*

(Nắng xế rèm the bốc bụi hoa,
Thông xanh quanh điện nét xuân già.
Nhiều người tóc trắng làu kinh kệ,
Xưa ở cung đình vẫn múa ca) (41).

Các cung nữ được phái tới lăng viên giữ lăng, số phận còn bi thảm hơn. Nhà Đường quy định, sau khi hoàng đế băng hà, các cung nhân không có con đều phải tới lăng hoàng đế để giữ lăng, sớm hôm cúng bái, hầu hạ người chết như hầu hạ người sống. "Sơn cung nhất bế vô nguyên nhật, Vị tử thử thân bất nhượng xuất" (Sơn lăng một đóng không hay Tết, Không được ra ngoài cho đến chết) (42), bước vào lăng viên là phải sống hết cuộc đời dưới bóng râm của tùng bách trên một nấm mộ cao, cho đến khi chết.

Chiến tranh hoặc thiên tai cũng khiến cung nhân lưu ly phiêu bạt. Như năm Khai Nguyên thứ 8 đời Đường Huyền tông (720), cung Thượng Dương bị nước lũ nhấn chìm, "Cung nhân mười phần chết hết bảy tám" (43). Trong loạn An Sử, đại đa số cung nhân xiêu dạt hoặc bị bắt. Cũng có một số ít cung nữ vì không được hoàng đế sủng ái mà tự sát. Như Hầu Phu nhân trong hậu cung của Tùy Dạng đế vô cùng xinh đẹp, vì không được Tùy Dạng đế sủng ái mà tự sát, còn lưu lại mấy bài đoản thi bộc lộ tâm tình bi phẫn không được sủng ái của nàng.

Cung nữ tầng lớp dưới bị giam nhốt trong cung, trong thực tế là quan nô tỳ của hoàng đế và hậu phi. Trong hoàng cung họ phải chịu sự áp bức về tình dục

(41) *Đường ngữ lâm hiệu chính*, tr. 661
(42) Bạch Cư Dị, *Lăng viên thiếp*
(43) *Triều dã thiêm tải*, quyển 1

và áp bức giai cấp của hoàng đế, là loại nữ nô tỳ phải chịu hai tầng áp bức, trong đó có rất nhiều người bị đánh đập, hành hạ, thậm chí bị xử tử. Cuộc sống bị cấm cố nhiều năm khiến tâm tình thể xác của họ bị đè nén, méo mó. Họ là vật hy sinh của chế độ hậu cung tàn ác.

4. Đức sắc tài nghệ – bốn điều đều hay lại càng kỳ lạ

Trong quá trình khảo sát nhãn tuyến thẩm mỹ của xã hội thời cổ (chủ yếu là của tầng lớp thống trị đàn ông) đối với cái đẹp phụ nữ, chúng tôi phát hiện ra rằng về tổng thể có bốn tiêu chuẩn thẩm mỹ, một là tiêu chuẩn đạo đức, tức lễ giáo, phục đức, gọi tắt là Đức, hai là tiêu chuẩn hình thể, dung mạo, gọi tắc là Dung hoặc Sắc, ba là tiêu chuẩn tài tình, tức tài năng, tài cán và tài tình của phụ nữ biểu hiện trên các phương diện, chính trị, thơ văn, thư họa, gọi tắt là Tài, bốn là tiêu chuẩn tài nghệ, tức tài năng biểu diễn, tài năng nghệ thuật của phụ nữ biểu hiện trên các phương diện ca múa, nhạc khí, tạp kỹ, gọi tắt là Nghệ. Đức, sắc, tài, nghệ về cơ bản đã khái quát về toàn bộ giá trị thẩm mỹ của phụ nữ nước ta thời cổ.

Thời Tiên Tần, phụ nữ lấy đạo đức chất phác, vóc dáng khỏe mạnh làm đẹp, thời Lưỡng Hán đức sắc đều coi trọng, đoan trang nhu thuận kiêm toàn, thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều bắt đầu coi trọng tài năng biện luận và sự phong nhã của phụ nữ, thời Tùy Đường Ngũ đại thì sắc, nghệ, tài đều coi trọng, dung mạo, trang điểm phục sức, tài tình, kỹ nghệ đều coi trọng, trình hiện rất nhiều dáng vẻ, khí phách rộng lớn hào hoa.

Kẻ thống trị tối cao thời Đường lúc tuyển chọn hậu phi, bề ngoài thì tỏ ra trọng đức, trọng tài là chủ yếu. Nhưng trong thực tế là lấy sắc đẹp làm tiêu chuẩn chủ yếu, thể hiện khuynh hướng trọng sắc khinh đức.

Trong tiết "Lễ giáo lỏng lẻo, phụ đức bị vi phạm" chúng tôi đã giới thiệu về các hiền hậu, hiền phi thời Đường như Trưởng Tôn Hoàng hậu, Từ Hiền phi của Đường Thái tông, Vi Hiền phi của Đường Đức tông, Vương Hoàng hậu của Đường Thuận tông, Quách Quý phi của Đường Kính tông. Tình hình chung là các hiền hậu, hiền phi thời Đường số lượng không nhiều, mà những người nổi tiếng về dung mạo, sắc đẹp hoặc nhờ dung mạo, sắc đẹp mà được tuyển vào cung thì có không ít.

Theo *Hậu phi truyện* trong *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư*, thì các hậu phi dung mạo xinh đẹp rất đông. Như Vũ Tài nhân của Đường Thái tông là "Thái tông nghe con gái Sĩ Hy* xinh đẹp, triệu vào cung phong làm Tài nhân", Vũ Tắc Thiên nhờ sắc đẹp lộng lẫy được Đường Thái tông triệu vào cung, lại ban cho danh hiệu là Vũ My, Hoàng hậu Vương thị bị truất phế đời Đường Cao tông, nhờ "có sắc đẹp" được Đồng An Trưởng Công chúa tiến cử làm vương phi của Tấn vương Lý Trị, Thuận Thánh Hoàng hậu Đậu thị của Duệ tông "Xinh đẹp, nhàn nhã", hậu phi của Đường Huyền tông càng xinh đẹp phong vận, "Triệu Lệ phi là kỹ nữ được sủng ái, có sắc đẹp, giỏi ca múa", Dương Quý phi "Tư chất xinh đẹp, giỏi ca múa, thạo âm luật", Trương Hoàng hậu của Đường Túc tông "Thông tuệ xinh đẹp, khéo lấy lòng vua", Chương Kính Ngô Hoàng hậu "Dung mạo xinh đẹp, cử chỉ đoan trang", Trinh Ý Hoàng hậu Độc Cô thị của Đường Đại tông "Nhờ xinh đẹp được tiến cử", "Nhờ xinh đẹp được vào cung, rất được vua sủng ái",

Quách Quý phi của Đường Kính tông "Nhờ dung mạo xinh đẹp được tuyển vào cung Thái tử", "Nhờ xinh đẹp hiền thục đứng đầu hậu cung", Hà Hoàng hậu của Đường Chiêu tông thì "Xinh đẹp nhàn nhã khôn ngoan" vân vân. Các hoàng đế nhà Đường tuyển chọn hậu phi, trong thực tế là đưa dung mạo xinh đẹp lên hàng đầu, đồng thời cũng nhìn tới cả cái đẹp đạo đức và tài nghệ. Khuynh hướng trọng sắc khinh đức ấy đối lập với quan niệm thẩm mỹ trọng đức khinh sắc của Nho gia.

Điều đáng nói nhất là trong các hậu phi nhà Đường xuất hiện mấy người rất có tài năng chính trị, trong đó Vũ Tắc Thiên là nổi bật nhất. Vũ Tắc Thiên "Vốn nhiều mưu trí, lại đọc rộng sử sách" (44), "Khôn ngoan cơ xảo, nhiều quyền mưu" (45). Bà đa mưu túc trí, rất có quyền mưu trá thuật của các nhà chính trị thời phong kiến. Bà đối với bề tôi ân uy gồm đủ, một người phụ nữ mà làm vua thiên hạ, chế phục tôn thất nhà Đường, các lão thần đời Thái tông và tất cả những người phản đối, cuối cùng lên ngôi hoàng đế, trở thành Nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc. Dưới thời phong kiến, phụ nữ tuyệt đối không thể làm hoàng đế. Nhưng Vũ Tắc Thiên thì vượt ra khỏi khu vực cấm của phụ nữ, lấy thân phận Nữ hoàng đế cai trị quần thần đàn ông, thống trị thần dân đàn ông. Không có tài chính trị thì tuyệt đối bà không thể củng cố quyền thống trị của mình. Bà sát phạt quyết đoán, nắm quyền thưởng phạt cai trị thiên hạ, chính trị do mình mà ra, xét việc sáng suốt, gặp việc quả quyết (46), ân uy gồm đủ, củng cố được sự thống trị của mình. Triệu Dực tác

(44) *Cựu Đường thư, Tắc Thiên hoàng hậu kỷ*
(45) *Tư trị thông giám*, quyển 159, *Đường kỷ 11*
(46) *Tư trị thông giám*, quyển 205, *Đường kỷ 21*

giả *Trấp nhị sử trát ký* ca ngợi Vũ Tắc Thiên rằng "Tới như những việc lớn dùng người làm chính sự thì một mình nắm giềng mối, đến già cũng không ai lấn lướt được". "Biết người khéo dùng, quyền lực không dời xuống người dưới, không thể nói không phải là bậc nữ chúa anh minh" (47). Ngoài ra Trưởng Tôn hoàng hậu, Từ Hiền phi, Thượng Quan Uyển Nhi cũng đều có tài chính trị nhất định, cũng giỏi thơ văn. Dương Quý phi thì nhờ hát hay múa giỏi, tinh thông nhạc khí mà nổi tiếng. Hoa Nhụy Phu nhân của Hậu Thục chủ Mạnh Sưởng thời Ngũ đại tức Hoa Nhụy xinh đẹp được tạc tượng thì giỏi làm thơ viết từ. Sau khi nhà Hậu Thục mất, bà bị Tống Thái tổ đưa vào hậu cung. Tương truyền Tống Thái tổ từng hỏi vì sao nhà Hậu Thục mất nước, Hoa Nhụy Phu nhân làm thơ đáp rằng :

Quân vương thành thượng thụ hàng kỳ,
Thiếp tại thâm cung na đắc tri.
Thập tứ vạn nhân tề giải giáp,
Tái vô nhất cá thị nam nhi.

(Quân vương trên ải dựng hàng kỳ,
Thiếp ở cung sâu đâu có hay.
Mười bốn vạn người cùng cởi giáp,
Không ai xứng mặt kẻ nam nhi).

Bài thơ này của Hoa Nhụy Phu nhân là cực lực bài bác luận thuyết "Mỹ nhân vong quốc". Trong thời đại ấy, "Đàn ông làm chủ ở ngoài", giữ nước đánh nhau là việc của đàn ông, mỹ nữ bị giam nhốt trong thâm cung làm sao biết được. Nhà Hậu Thục diệt vong là vì trong mười bốn vạn quân Thục không có người đàn ông

(47) *Trấp nhị sử trát ký*, quyển 19

nào chống cự tới cùng. Bài thơ này biểu hiện rất rõ ràng thi tài và kiến thức của Hoa Nhụy Phu nhân.

Cái đẹp dung mạo, cái đẹp kỹ nghệ và cái đẹp tài tình của phụ nữ thờ Đường tập trung thể hiện qua các kỹ nữ thanh lâu và nữ quan (đạo cô) thời Đường. Phong khí xã hội thời Đường khá cởi mở, quan hệ giữa nam nữ khá phóng khoáng tự do, nhất là việc giao lưu tình cảm giữa văn nhân tài tử và kỹ nữ thanh lâu càng là trước đó chưa từng có. Kỹ nữ và đạo cô thời Đường có rất nhiều người sắc, nghệ, tài đều xuất chúng. Trong không khí tự do, họ phát triển dung mạo, phong độ, tài hoa, kỹ nghệ của mình tới mức cao nhất của thời phong kiến.

Thời Đường ngoài kỹ nữ ca múa trong cung đình còn có quan kỹ, doanh kỹ, gia kỹ trong các nhà quyền thế. Quan kỹ thuộc nhạc tịch của quan lại phủ huyện các cấp. Thời Đường không những ở hai kinh Trường An, Lạc Dương có nhiều quan kỹ mà chính quyền các châu phủ lớn, thậm chí cấp huyện cũng đặt quan kỹ. Doanh kỹ là kỹ nữ cung đốn lạc thú trong quân đội. Bất kể là quan kỹ hay doanh kỹ một khi đã ghi tên vào nhạc tịch là đều trở thành tiện dân thuộc chính quyền. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là tham dự hoạt động "giao tế xã hội" của chính quyền, đưa người cửa trước, rước người cửa sau cho chính quyền, tham dự việc tiệc tùng lễ hội của chính quyền, bồi tiếp các quan viên tụ họp ngâm thơ, du sơn ngoạn thủy, cống hiến tài nghệ, thơ phú, hầu rượu, làm tửu lệnh cho tới việc ngủ hầu các bậc đạt quan quý nhân. Vì họ tham dự hoạt động "giao tế xã hội", đưa người cửa trước, rước người cửa sau, du lịch danh sơn thắng thủy, lại thường cùng các danh sĩ thi nhân xướng họa thơ rượu, nên kiến thức

cộng rãi, tài hoa tràn trề, trong đó xuất hiện rất nhiều thi kỹ, nghệ kỹ tài hoa.

Phật giáo, Đạo giáo thời Đường đều hưng thịnh, hình thành đội ngũ ni cô, đạo cô đông đảo. Số ni cô, đạo cô này có đời sống khá cởi mở tự do, thậm chí lãng mạn, họ thường giao du rộng rãi với thi nhân danh sĩ, thơ rượu xướng họa với các bậc danh nhân, thường du lịch qua danh sơn đại xuyên, lịch duyệt phong phú. Cho nên trong bọn họ cũng xuất hiện một số lớn tài nữ giỏi thơ văn, như Lý Dả, Ngư Huyền Cơ.

Trong các thi kỹ thì Tiết Đào, Lưu Thái Xuân, Quan Miến Miến, Từ Nguyệt Anh, Triệu Loan Loan, Vương Tô Tô, Trương Yểu Điệu là nổi tiếng nhất, mà trong đó Tiết Đào, Lý Dả, Ngư Huyền Cơ, Lưu Thái Xuân càng nổi tiếng hơn cả. *Toàn Dường thi* có chép tác phẩm của 21 kỹ nữ, tất cả có 136 bài, đủ thấy những người có thi tài trong kỹ nữ thời Đường rất đông.

Tiết Đào thông minh giỏi thơ, lại giỏi thư pháp, từng kết giao xướng họa với hơn hai mươi thi nhân nổi tiếng thời Đường như Bạch Cư Dị, Ngưu Tăng Nhụ, Lệnh Hồ Sở, Bùi Độ, Lưu Vũ Tích, Nguyên Chẩn, Trương Tịch, Vương Kiến, Đỗ Mục. Đặc biệt là có quan hệ mất thiết với nhà thơ Nguyên Chẩn, hai người đều coi nhau là tri kỷ. Nguyên Chẩn từng làm thơ ca ngợi tài hoa của Tiết Đào như sau :

Cẩm Giang hoạt nhị Nga Mi tú,
Sinh xuất Văn Quân dữ Tiết Đào.
Ngôn ngữ xảo thâu anh vũ thiệt,
Văn chương phân dắc phượng hoàng mao.
Phân phân từ khách đa đình bút,
Cá cá công hầu dục mộng đao.
Biệt hậu tương tư cách yên thủy,

Xương bồ hoa phát ngũ vân cao.

(Núi sông đất Thục trời cho đẹp,
Sinh được Văn Quân với Tiết Đào.
Ngôn ngữ êm lời anh vũ nói,
Văn chương sánh giá phượng hoàng cao.
Thi nhân rối rít đành ngưng bút,
Khanh tướng mơ màng mãi Ích Châu
Ly biệt nhớ nhau vời khói sóng
Xương bồ năm sắc dáng hoa đâu).

Trong thơ không có lời lẽ khinh bạc đùa giỡn giữa nam nữ, cũng không có sự tô điểm hương diễm sắc tình kiểu diễm thi thời Nam triều, càng không coi Tiết Đào như đồ chơi mà ca ngợi tài năng ngôn ngữ và tài hoa văn chương của nàng, thể hiện rõ sự tôn trọng nhân cách và tán thưởng tài năng của Nguyên Chẩn đối với Tiết Đào.

Thơ Nguyên Chẩn tặng Lưu Thái Xuân, ca ngợi tư chất thiên nhiên và sự trang điểm khéo léo của nàng, ca ngợi cử chỉ phong nhã và phong độ tú mỵ của nàng, đặc biệt là say mê thiên tài ca múa của nàng :

Tân trang xảo dạng họa song nga,
Mang lý Thường Châu thấu ngạch la.
Chính diện thâu luân quang hoạt vẫn,
Hoãn hành khinh đạp trứu văn hoa.
Ngôn từ nhã thác phong lưu túc,
Cử chỉ đê hồi tú mỵ đa.
Cánh hữu não nhân trường doạn xứ,
Tiên từ năng xướng Vọng phu ca.

(Mày tô lối mới tựa tiên nga,
Y phục xinh tươi rỡ gấm là.
Trước mặt môi son người yểu điệu,

Sau chân sóng gợn bước kiêu sa.
Nói cười gieo ngọc trong như nhạc,
Dáng vẻ tiêu hồn thẹn chết hoa.
Lại khéo não nùng cung đứt ruột,
Chọn lời đặt khúc Vọng phu ca).

Người đẹp dưới ngòi bút thi nhân xinh đẹp mà không tầm thường, cao nhã tú mỹ mà đa tài đa nghệ. Dưới thời Đường phong khí xã hội khá cởi mở, mọi người ca ngợi cái đẹp tài nghệ, cái đẹp dung mạo, cái đẹp đạo đức của phụ nữ, hình thành quan niệm về cái đẹp phụ nữ tổng hợp bốn yếu tố sắc, dung, tài, nghệ lại càng kỳ lạ. Không những văn tài, thi tài, tài ca múa của phụ nữ được văn nhân thưởng thức, xã hội ca tụng, mà ngay cả tài nghệ đặc thù về một mặt nào đó cũng được mọi người ca ngợi. Như kiếm pháp của Công Tôn đại nương, tài năng biểu diễn đàn tỳ bà của Tỳ bà nữ đều được mọi người tán thưởng và xã hội thừa nhận. Hoàn cảnh xã hội ấy chính là mảnh đất màu mỡ cho thi kỹ, đạo cô thời Đường phát triển tài năng.

Tất cả các kỹ nữ thời Đường cũng rất có tài hoa. Tôn Khải trong *Bắc Lý chí* có ghi chép về tình hình kỹ nữ ở ngõ Bình Khang Trường An thời Đường. Ngõ Bình Khang cũng như cái mà ngày nay gọi là "Khu đèn đỏ", là nơi tập trung kỹ viện trong thành Trường An thời Đường. Kỹ nữ ở đó cũng thường có những người tài hoa xuất chúng. Như Thiên Thủy Tiên Ca "Khéo pha trò, giỏi ca hát tửu lệnh", "Dung mạo cũng bình thường, nhưng đằm thắm không đáng ghét, các bậc hiền nhã đương thời rất ưa thích", Sở Nhi, "Khéo ăn nói, thường có thơ hay đáng khen", Trịnh Cử Cử "Cũng giỏi ngâm vịnh", lại có phẩm chất, giỏi bông đùa, cũng được các bậc triều sĩ khen ngợi", Nhan Lệnh Tân "Cử chỉ

phong lưu, rất thích phong nhã, cũng được các bậc hiền tài đương thời coi trọng", Phúc Nương "Vóc dáng cân đối, đàm luận phong nhã, lại có văn chương" vân vân. Cho dù phóng túng chơi gái, các văn nhân nhã sĩ, đạt quan quý nhân thời Đường cũng ưa thích các cô gái phong nhã, giỏi ăn nói, biết làm thơ này. Đủ thấy việc sùng thượng tài hoa phong nhã là một quan niệm về cái đẹp phụ nữ khá phổ biến trong xã hội thời Đường.

5. Nở nang đầy đặn, khỏe mạnh xinh đẹp

Thời Đường mà nhất là thời Thịnh Đường, kinh tế phát đạt, văn hóa phát triển, thế nước cường thịnh, khắp nơi sức sống tràn trề, hình thành không khí tinh thần và văn hóa mạnh mẽ hào phóng của thời đại. Trong sinh khí bừng bừng ấy, dưới ảnh hưởng của tinh thần mạnh mẽ hào phóng, quan niệm về cái đẹp phụ nữ cũng nảy sinh những biến hóa tinh tế, mọi người bắt đầu coi trọng hình tượng phụ nữ khỏe mạnh, to lớn, đẫy đà, điều này thể hiện rất rõ qua nghệ thuật tạo hình như hội họa, điêu khắc hình thể con người. Hình tượng phụ nữ to lớn đẫy đà trở thành điển hình của tranh sĩ nữ thời Đường, cũng là điển hình về hình tượng phụ nữ trong các tác phẩm điêu khắc thời Đường.

Dáng vẻ xinh đẹp đẫy đà là đặc điểm về hình ảnh phụ nữ trong tầng lớp trên của xã hội thời Đường, Vũ Tắc Thiên, Dương Quý phi đều là những điển hình về cái đẹp đẫy đà. Nhất là Dương Quý phi là người đẹp đẫy đà nổi tiếng nhất nước ta, "Hoàn phì" trong câu "Yến sấu Hoàn phì" là chỉ Dương Quý phi xinh đẹp đầy đặn.

Trong thực tế đời sống, nữ hoàng Vũ Tắc Thiên là một vị phụ nữ khỏe mạnh "cằm vuông trán rộng".

Tư trị thông giám quyển 204 chép "Thái Bình Công chúa cằm vuông trán rộng, nhiều quyền lược, Thái hậu cho là giống mình". Đó chính là nói bản thân Vũ Tắc Thiên cũng trán rộng cằm vuông, dung mạo tươi nhuận đẹp đẽ khỏe mạnh. Vũ Tắc Thiên lúc tuổi đã cao, vẫn "Khéo trang điểm, tuy kẻ thân cận cũng không thấy được nét già nua" (48). Bà còn giỏi giữ gìn dung mạo, khiến các thần tử không cảm thấy bà đã già nua. Ngoài ta Trương Hoàng hậu của Đường Túc tông "thông minh, đầy đặn", cũng là một phụ nữ nở nang, phương phi.

Người phản ảnh đầy đủ nhất cái đẹp nở nang, phương phi của phụ nữ thời Đường chính là Dương Quý phi. *Cựu Đường thư, Hậu phi truyện* nói nàng "sắc đẹp trùm đời", "Thái Chân tư chất đầy đặn, giỏi ca múa, thông âm luật, trí tuệ hơn người". *Tân Đường thư, Hậu phi truyện* thì nói nàng "tư chất dĩnh ngộ trời cho", trời cho xinh đẹp. Bài *Trường hận ca truyện* của Trần Hồng thời Đường miêu tả dáng vẻ nở nang, phương phi của Dương Quý phi như sau :

"Tóc tai chải gọn, gầy béo hợp độ, cử chỉ nhàn nhã như Lý Phu nhân của Hán Vũ đế. Có suối nước nóng, vua ban chiếu cho tắm, đến khi tắm xong bước lên thân mềm sức yếu như không mang nổi áo. Sáng đẹp lấp loáng, chuyển động soi người".

Đại thi nhân Bạch Cư Dị trong bài *Trường hận ca* miêu tả tình hình Dương Quý phi "Xinh đẹp đè hết sáu cung" như sau :

Thiên sinh lệ chất nan tự bình,
Nhất triêu tuyển tại quân vương trắc.
Hồi mâu nhất tiếu bách mị sinh,

(48) *Tân Đường thư, Hậu phi truyện*

Lục cung phấn mặc vô nhan sắc.
Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,
Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi.
Thị nhi phù khởi kiều vô lực,
Thủy thị tân thừa ân trạch thì.
Vân hoàn hoa nhan kim bộ dao,
Phù dung trướng noãn độ xuân tiêu.
Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi,
Tùng thử quân vương bất tảo triều.
Thừa hoan thị yến vô nhàn hạ,
Xuân tùng xuân du dạ chuyên dạ.
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất thân.

(Trời sinh xinh đẹp khó che hình
Một sớm tuyển vào chốn cung thất.
Mỉm cười đưa mắt vẻ mê hồn,
Son phấn sáu cung đều thất sắc.
Mùa xuân cho tắm ao trong cung,
Nước trôi suối ấm mịn da hồng.
Thị nhi đỡ dậy mềm không sức,
Lúc ấy vừa đội ơn vua xong.
Tóc mây mặt hoa bộ dao vàng,
Phù dung trướng ấm đêm xuân tàn.
Đêm xuân khổ ngắn mặt trời mọc,
Quân vương từ đó ít lâm triều.
Mua vui hầu yến không nhàn rỗi,
Xuân theo xuân chơi tối suốt tối.
Hậu cung mỹ nữ ba ngàn người,
Sủng ái ba ngàn dồn một mối).

Dương Quý phi xinh đẹp áp đảo hết ba ngàn người đẹp trong hậu cung, được Đường Huyền tông đặc biệt sủng ái, khiến Huyền tông "không ra triều sớm".

Dương Quý phi đẫy đà, lộng lẫy, "vốn có da thịt, đến mùa hạ thì khổ vì nóng bức, thường bị khô khát, mỗi ngày ngậm một con ngọc ngư nhi" (49), để nhuận phế giải nhiệt. Nàng là một mỹ nhân xinh đẹp đẫy đà.

Quý phi "có ba người chị, đều xinh đẹp đẫy đà, giỏi bông đùa, khéo trò chuyện, mỗi khi vào cung, rất lâu mới ra" (50). Ba chị em này đều là người đẹp đẫy đà, được phong làm Hàn quốc phu nhân, Quắc quốc phu nhân và Tần quốc phu nhân. "Quắc quốc không tô son đánh phấn, cứ để vẻ đẹp tự nhiên, thường không trang điểm vào chầu vua" (51). Đỗ Phủ đương thời có thơ vịnh rằng :

Quắc quốc phu nhân thừa chủ ân,
Bình minh thượng mã nhập cung môn.
Khước hiềm chi phấn uyển nhan sắc,
Đạm bạc nga mi triều chí tôn.

(Quắc quốc phu nhân được đội ơn,
Bình minh lên ngựa tới cung môn.
Lại hiềm son phấn hại nhan sắc,
Đạm bạc mày ngài chầu chí tôn).

Quắc quốc phu nhân không dùng son phấn, chỉ vẽ lông mày thật nhạt, lấy vẻ đẹp tự nhiên mà được Huyền tông sủng ái.

Đỗ Phủ trong bài *Lệ nhân hành* miêu tả thể thái xinh đẹp và phục sức lộng lẫy của ba chị em nhà họ Dương như sau :

Tam nguyệt tam nhật thiên khí tân,
Trường An thủy biên đa lệ nhân.

(49) *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*
(50, 51) *Dương Thái Chân ngoại truyện*, quyển thượng

Thái nùng ý viễn thục thả chân,
Cơ lý tế nhị cốt nhục quân.
Tú la y thường chiếu mộ xuân,
Thích kim khổng tước ngân kỳ lân.
Đầu thượng hà sở hữu?
Thúy vi cái diệp thùy mấn thần.
Bối hậu hà sở hữu?
Châu ngọc yêu kiếp ổn xứng thân.

(Ngày ba tháng ba khí trời ấm,
Trường An bến nước lắm giai nhân.
Tình nồng ý thắm đẹp vô ngần,
Da dẻ mịn màng xương thịt cân.
Gấm vóc xiêm y rực cuối xuân,
Dày đặc lần bạc cùng công vàng.
Trên đầu có những gì ?
Lá ngọc phỉ thúy rủ tóc mai.
Sau lưng có những gì ?
Châu ngọc vạt áo buông tua dài).

Thần thái của chị em họ Dương ngưng trọng mà cao nhã, thể thái đầy đặn nhưng da thịt mịn màng, phục sức hào hoa mà lộng lẫy, phản ảnh tình hình sinh hoạt xa xỉ của phụ nữ quý tộc thời thịnh Đường.

Cho dù quan niệm thẩm mỹ của xã hội hướng về cái đẹp nở nang, phương phi, nhưng hình thể phụ nữ trời sinh là thiên tư bách thái, không thể tất cả các phụ nữ đều đầy đặn khỏe mạnh. Nhưng các tác phẩm nghệ thuật hội họa, điêu khắc thì có thể phản ảnh đầy đủ đặc trưng cái đẹp hình thể phụ nữ đầy đặn khỏe mạnh.

Trong tranh sĩ nữ từ thời Đường trở về trước, hình ảnh nhân vật phần lớn đều có hình thể vững chắc đầy đặn, khuôn mặt phần lớn hình tròn. Các tượng phụ nữ

thời Tùy và đầu thời Đường cũng khá thanh tú, biểu hiện cái đẹp thanh mảnh như cây ngọc trước gió của phụ nữ.

Từ thời Đường Cao tông, Vũ Tắc Thiên trở đi, tranh vẽ sĩ nữ và tượng phụ nữ bắt đầu xuất hiện hình ảnh "nở nang, phương phi". Đặc điểm về khuôn mẫu sĩ nữ lúc bấy giờ là khuôn mặt tròn nhuận đầy đặn, thể hình đẫy đà, đầy đặn nở nang, hình tượng phụ nữ cũng đều nở nang đầy đặn, dáng vẻ an nhiên.

Từ niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Huyền tông trở đi, quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp đẫy đà ngày càng phát triển rộng rãi, quần áo của nhân vật cũng rộng rãi, xuất hiện hình tượng "Cô nương mập", hình ảnh phụ nữ trong hội họa cũng đều béo tốt, đầy đặn. Đến cuối thời Đường, đầu thời Ngũ đại, hình ảnh phụ nữ trong hội họa, điêu khắc lại khôi phục ở mức độ thích hợp, hình ảnh "nở nang" dần dần mất đi (52).

Thời Thịnh Đường, quan niệm thẩm mỹ chủ lưu của xã hội là lấy sự đầy đặn làm đẹp, nhưng cái đẹp phụ nữ thiên tư bách thái, nhỏ nhắn, cao lớn, trắng trẻo cũng là đẹp. Hai gia kỹ mà đại thi nhân Bạch Cư Dị nuôi nấng, một người tên Phàn Tố, giỏi ca hát, một người tên Tiểu Man, giỏi nhảy múa. Bạch Cư Dị có thơ rằng "Anh đào Phàn Tố khẩu, Dương liễu Tiểu Man yêu" (Anh đào môi Phàn Tố, Dương liễu eo Tiểu Man). "Dương liễu eo thon" là một tiêu chuẩn về cái đẹp của phụ nữ. Lúc bấy giờ "Tiểu Man phương phong diễm" (Tiểu Man vừa đẹp đẽ) (53), nhưng Bạch Cư Dị đã lớn tuổi, cuối cùng ông cho hai nàng gia kỹ ấy về nhà.

(52) Xem thêm Trương Quang Phúc, *Trung Quốc mỹ thuật sử* (Lịch sử mỹ thuật Trung Quốc), tr. 232, 277, 278

(53) *Bản sự thi.*

Ung dung hào hoa, trang phục lộng lẫy, nở nang phương phi là hình tượng phụ nữ quý tộc thời Đường. Còn các phụ nữ lao động thì lấy sự siêng năng, tiết kiệm, khỏe mạnh làm đẹp. Vì sử sách và các tiểu thuyết bút ký thời trước rất ít ghi chép về phụ nữ lao động, không đủ sử liệu nên không thể nói rõ cái đẹp hình thể của phụ nữ lao động.

6. Tranh vẽ sĩ nữ và tượng phụ nữ thời Đường

Nghệ thuật hội họa, điêu khắc phản ảnh rất rõ quan niệm thẩm mỹ về phụ nữ của một thời đại, nhất là những tranh vẽ nhân vật lụa là, tức tranh vẽ sĩ nữ và tượng phụ nữ lại càng trực tiếp phản ảnh tình hình chân thực về cái đẹp của phụ nữ một thời.

Từ thời Hán Vũ đế trong cung đình nước ta đã bắt đầu nảy sinh hoạt động sáng tác vẽ tranh sĩ nữ. Tranh sĩ nữ trong dân gian còn xuất hiện sớm hơn, bức *Long phụng mỹ nhân* vẽ trên gấm cuối thời Chu, Mã Vương Đôi thời Hán vẽ Phục hầu phu nhân trên gấm, các bức họa liệt nữ, tiết liệt khắc gỗ thời Bắc Ngụy vân vân. Thời Nam Bắc triều cũng xuất hiện rất nhiều các bức tranh sĩ nữ. Nhưng tranh sĩ nữ từ thời Đường trở về trước, về nội dung chủ yếu phần lớn lấy liệt nữ, tiết phụ, hiếu nữ có ý nghĩa tấm gương sáng và sự thuyết giáo đạo đức sâu đậm, miêu tả cái đẹp đạo đức phụ nữ truyền thống.

Tranh sĩ nữ thời Đường bắt đầu mở ra phong cách hội họa hiện thực chủ nghĩa, bất kể tranh vẽ trong cung đình hay trong dân gian đều lấy đời sống của phụ nữ trong thực tế làm đối tượng miêu tả, như tranh tượng phụ nữ điêu khắc trên đá trong mộ Vi Húc, rất nhiều tranh tượng phụ nữ vẽ trên vách mộ Vĩnh Thái

Công chúa thời Đường khai quật được ở Trung Sơn đều mô tả hình ảnh chân thực của phụ nữ trong thực tiễn sinh hoạt đương thời.

Trương Huyên và Chu Phường là họa gia về tranh sĩ nữ nổi tiếng nhất thời Đường, nổi tiếng nhờ tranh vẽ về tình hình sinh hoạt của phụ nữ tầng lớp trên đương thời. Như các bức *Đảo luyện đồ, Quắc quốc phu nhân du xuân đồ, Đường hậu hành tùng đồ* của Trương Huyên thời Thịnh Đường, đều có những bản sao lưu truyền đến nay. Tranh sĩ nữ của Chu Phường, tác phẩm hiện thực chủ nghĩa có *Trâm hoa sĩ nữ đồ, Hoàn phiến sĩ nữ đồ, Thính cầm đồ*. Trương Huyên, Chu Phường và các họa gia vẽ tranh sĩ nữ khác phần nhiều phản ảnh tình hình sinh hoạt du xuân, thổi sáo nhảy múa, đánh cờ vây, uống trà, dựa lan can của phụ nữ tầng lớp trên. Đặc điểm chung trong tranh vẽ của họ, là đều "vẽ phụ nữ quý tộc" trong sinh hoạt thực tế ra thành xinh đẹp cao quý, vẽ ra hình ảnh nhàn nhã vô liêu, biểu hiện khí chất xinh đẹp, xa xỉ, cao nhã, nhàn tảng và tư thái mềm mại ôn nhu làm say lòng người, thậm chí da thịt tròn trịa nõn nà cũng vẽ cả ra" (54). Đặc điểm tạo hình của các bức tranh sĩ nữ này là đẫy đà phương phi, khuôn mặt tròn trịa đầy đặn, thể hình đầy đặn. Đẫy đà phương phi là điển hình trong tranh sĩ nữ thời Đường. *Đảo luyện đồ, Quắc quốc phu nhân du xuân đồ* đều vẽ phụ nữ đẫy đà lộng lẫy, khỏe mạnh nở nang, các phụ nữ đều mặc quần dài vẽ hoa tròn, từ trong gấm vóc hiển hiện da thịt đầy đặn nõn nà có cảm giác ôn nhuận mềm mại, đó chính là đặc điểm hình thể chân thực của phụ nữ tầng lớp trên thời Đường. Dương Quý phi chính là điển hình về loại phụ

(54) Bạch Cư Dị, *Trường hận ca.*

nữ đẫy đà này. Bích họe trong mộ thời Đường cũng có rất nhiều tác phẩm thể hiện đề tài thị nữ, vả lại hình tượng phụ nữ còn nhiều kiểu nhiều loại, sinh động tự nhiên. Như hình tượng cung nữ trên bích họa trong mộ Công chúa Vĩnh Thái thì trăm dáng ngàn vẻ, sinh động hoạt bát, họ ăn mặc rất hợp thời trang so với đương thời, khuôn mặt tròn trịa đầy đặn, môi đỏ, lông mày nhỏ mà dài hình chữ bát, búi tóc nhô cao, trên vai khoác phi cẩm, nửa trên mặc áo la sam, nửa dưới mặc quần chùng, ống quần quét đất, mũi hài lộ ra khỏi gấu quần, đưa tới cho người ta một cảm giác về cái đẹp sinh động, khỏe mạnh, hoạt bát.

Tượng Bồ Tát do các điêu khắc gia thời Đường điêu khắc là tả chân thiếu phụ trong đời sống thực tiễn thời Trung Đường, có đặc điểm xinh đẹp thướt tha của phụ nữ. Nửa người trên khỏa thân, bộ ngực tròn trịa đầy đặn, lưng và cánh tay, bắp đùi lộ ra sau y phục đều tròn trịa đầy đặn, quần đoạn dệt hoa nhẹ nhàng khoác hờ lên thân thể, trước ngực đeo bội ngọc, hiển hiện dáng vẻ ung dung cao quý, bộc lộ mỹ lực vô biên của cái đẹp phụ nữ.

Tượng gốm thời Tùy Đường cũng có nét đặc sắc riêng. Tượng phụ nữ thời Tùy phần lớn đều mặc áo tay hẹp, quần chùng, lưng quần cao tới ngực, vóc dáng thanh mảnh xinh đẹp, mày mắt cũng rất thanh tú. Tượng phụ nữ thời Thịnh Đường thì lấy "nở nang, tròn trịa" làm đẹp, có người mặc áo xanh tay hẹp, che ngực, có người thì mặc quần chùng màu vàng, có người thì mặc quần hoa màu xanh, có người thì mặc áo xanh tay rộng, che ngực, đều mang hài nhỏ, mũi hài cong vút như móc câu, đúng như sự miêu tả của Bạch Cư Dị "Tiểu đầu hài lý trách y thường" (Hài nhỏ mũi thon

quần áo hẹp). Từ niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Huyền tông trở đi, tượng phụ nữ thời Đường càng nở nang, y phục cũng khá rộng rãi, xuất hiện loại trang phục áo rộng quần chùng.

Tranh vẽ sĩ nữ, tượng phụ nữ thời Đường, thậm chí cả tượng Bồ Tát đều phản ảnh quan niệm về cái đẹp phụ nữ nở nang đầy đặn, khỏe mạnh xinh đẹp.

Thời Ngũ đại có bức *Hàn Hy Tải dạ yến đồ* của họa gia Cố Hoằng Trung nhà Nam Đường bộc lộ sinh hoạt hủ bại chìm đắm vào thanh sắc của Hàn Hy Tải nhà Nam Đường. Trong bức tranh thể hiện tình hình sinh hoạt của gia kỹ trong nhà Hàn Hy Tải, có nghệ kỹ biểu diễn tỳ bà, có cảnh kỹ thiếp cùng Hàn Hy Tải nghỉ ngơi trong phòng, cũng có chỗ vẽ Hàn Hy Tải sau khi thay áo ngồi nghe nữ kỹ ca hát tấu nhạc, cũng có cảnh khách khứa của Hàn Hy Tải đùa giỡn lả lơi với nữ kỹ. Phụ nữ trong bức tranh đã không còn hình ảnh nở nang đầy đặn nữa. Thời Ngũ đại quan niệm về cái đẹp phụ nữ đã thay đổi, xuất hiện xu thế tha thướt óng ả.

7. Cái đẹp phụ nữ trong thơ Đường

Thời Đường thơ ca thịnh vượng, là thời đại hoàng kim của thơ ca trong lịch sử văn học nước ta. Thơ Đường lấy khí phách rộng lớn phản ảnh sâu sắc hiện thực thời Đường. Các nhà thơ hiện thực chủ nghĩa thời Đường từ những góc độ khác nhau phản ảnh tình hình sinh hoạt của các tầng lớp phụ nữ, triển khai thể hiện dáng vẻ phong tư xinh đẹp của phụ nữ các tầng lớp, đồng thời cũng bộc lộ vấn đề phụ nữ trong xã hội thời Đường. Dưới ngọn bút thi nhân, việc tranh giành sủng ái, khoe khoang giàu có, hào hoa lộng lẫy của phụ nữ

tầng lớp trên trong cung đình, sự cô khổ tịch mịch, bi ai sầu oán của phụ nữ tầng lớp dưới, lời ca điệu múa, vui buồn sống chết của ca cơ vũ nữ, phụ nữ biểu diễn, tài nghệ thơ văn của quan kỹ gia kỹ, nét đẹp đạo đức nhân phẩm của phụ nữ bình thường, số phận bi thảm của con gái nhà nghèo, gái dệt vải ở một mức độ nhất định đều được phản ảnh khá chân thực. Phụ nữ trong thơ Đường lại càng gần gũi với phụ nữ trong hiện thực thời Đường.

Thơ cung oán là một đề tài lâu đời, dùng để miêu tả nỗi quạnh quẽ và ai oán của mỹ nữ bị thất sủng trong cung. Vua là giềng mối của bề tôi, chồng là giềng mối của vợ, giữa vua và bề tôi, giữa chồng và vợ đều là quan hệ thống trị và bị trị. Đặc biệt là trong hậu cung của vua chúa, việc các hậu phi ganh ghét nhau đã kết hợp làm một với việc tranh quyền đoạt lợi, tranh quyền kế thừa ngôi vua, có đủ tính chất tàn khốc của đấu tranh chính trị, có nhiều nét chung với cuộc đấu tranh chính trị giữa vua và bề tôi, giữa các đại thần với nhau. Cung nhân thất sủng bị đưa vào lãnh cung, về số phận cũng có điểm tương tự với sĩ nhân bị biếm chức. Vì thế thi nhân thường hoặc cố ý hoặc vô tình mượn đề tài cung oán để bộc lộ nỗi lòng hay châm chọc mỉa mai. Như bài *Hậu cung từ* của Bạch Cư Dị :

Lệ thấp la cân mộng bất thành,
Dạ thâm tiền điện ấn ca thanh.
Hồng nhan vị lão ân tiên đoạn,
Tà ỷ huân lung tọa đáo minh.

(Lệ ướt khăn là mộng chẳng thành.
Đêm sâu trước điện tiếng ca rền.
Mặt hoa còn trẻ ơn đà dứt,
Dựa ghế hơ tay trọn mấy canh).

Cung nhân trẻ tuổi thất sủng, trong hậu cung giữa đêm khuya tối tăm, im lặng ngồi một mình đến khi trời sáng. Bài *Cung từ* của Đỗ Mục thì bộc lộ việc hoàng đế giam nhốt cung nữ :

Thiền dực khinh tiêu phó thể hồng,
Ngọc phu như túy hướng xuân phong.
Thâm cung tỏa bế do nghi cảm,
Cánh thủ đan sa thí tịch cung.

(Lụa mỏng the trong thấp thoáng hồng,
Da như say rượu hướng xuân phong.
Cung sâu giam nhốt còn nghi ngại,
Lại lấy đan sa để thủ cung).

Phụ nữ trẻ tuổi bị giam nhốt trong hậu cung, lại có thái giám canh chừng. Nhưng hoàng đế vẫn không yên tâm, còn bắt họ bôi "thủ cung" lên người, đóng dấu ấn cấm cố lên thân thể họ. Cái gọi là thủ cung tức thạch sùng. Tương truyền dùng đan sa nuôi thạch sùng, nó sẽ biến thành toàn thân đỏ rực, đem giã nát ra, bôi lên thân thể cung nữ, màu hồng ấy vĩnh viễn không mất đi. Nếu cung nữ phát sinh quan hệ tình dục với đàn ông, vết hồng ấy sẽ biến mất. Trong cung dùng biện pháp vô sỉ mà đáng cười ấy để cấm cố cung nữ. Tường cao cùng sự giám thủ của thái giám và then khóa cũng vẫn sợ chưa đủ, lại dùng biện pháp thủ cung để phong bế cung nữ giúp hoàng đế.

Bài *Thượng Dương bạch phát nhân* của Bạch Cư Dị bộc lộ hiện thực tao ngộ bi thảm của cung nữ. Người cung nữ ở Thượng Dương mười sáu tuổi vào cung, tiêu ma tuổi thanh xuân, thậm chí cả cuộc đời ở cung Thượng Dương. Lúc nàng vừa vào cung "Kiểm tự phù dung hung tự ngọc" (Mặt tựa phù dung thân tựa ngọc), cũng là

một thiếu nữ như hoa tựa ngọc. Nhưng còn chưa được thấy mặt hoàng đế, đã bị "Đố lệnh tạm phối Thượng Dương cung, Nhất sinh toại hướng không phòng túc" (Sai cho tạm tới Thượng Dương cung, Trọn đời cứ sống cảnh phòng không), đã định rõ số phận bi thảm của nàng suốt đời giữ phòng không. Thi nhân đau đớn viết "Thượng Dương nhân, khổ tối đa. Thiếu diệc khổ, lão diệc khổ, Thiếu khổ lão khổ lưỡng như hà" (Người Thượng Dương, khổ biết bao. Trẻ cũng khổ, già cũng khổ, Trẻ khổ già khổ biết làm sao). Số phận còn bi thảm hơn cung nhân cung Thượng Dương là các Lăng viên lăng thiếp giữ lăng hoàng đế đã chết. Bài *Lăng viên thiếp* của Bạch Cư Dị không những bộc lộ số phận bi thảm của cung nữ giữ lăng. Họ so với cung nữ trong cung còn có số phận khác hơn, kêu oan cho cung nữ giữ lăng "Vũ lộ chi ân bất cập giả, Do văn bất cập tam thiên nhân. Tam thiên nhân, ngã nhĩ quân ân hà hậu bạc? Nguyện lệnh luân chuyển trực lăng viên, Tam tuế nhất lai quân khổ lạc" (Mưa móc ơn vua không rưới khắp, Vẫn nghe không tới ba ngàn người. Ba ngàn người, đây đó ơn vua ai nặng nhẹ ? Theo lệnh chuyển tới trực lăng viên, Ba năm thảy đều cùng sướng khổ).

Nhưng trong cung và bên ngoài cũng như nhau, đều là một thế giới sướng khổ không đồng đều. Một số ít phụ nữ cung đình, nhờ xinh đẹp và giỏi lấy lòng mà được sủng ái, vì vậy cả nhà gà chó lên tiên, quyền thế trùm đời. Như Dương Quý phi. Nhờ Dương Quý phi được sủng ái nên anh chị em của nàng đều bay bổng tận mây xanh. "Kim ốc trang thành kiều đãi dạ, Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân. Tỷ muội đệ huynh giai liệt thổ, Khả linh quang thái sinh môn hộ. Toại lệnh thiên hạ phụ mẫu tâm, Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ"

(Trang điểm nhà vàng xinh suốt tối, Tiệc tàn lầu ngọc giấc mơ xuân. Đáng thương môn hộ rỡ ràng thật, Anh chị em đều được phong đất. Khiến nay cha mẹ trên cõi đời, Không trọng sinh trai trọng gái thôi) (55). Bài *Ai giang đầu* của Đỗ Phủ thuật lại tình hình Dương Quý phi được sủng ái trước loạn An Sử như sau "Ức tích nghê tinh hạ Nam uyển, Uyển trung vạn vật sinh nhan sắc. Thiều Dương điện lý đệ nhất nhân, Đồng liễn tùy quân thị quân trắc. Liễn tiền Tài nhân đới cung tiễn, Bạch mã tước xỉ hoàng kim lặc. Phiên thân hướng thiên ngưỡng xạ vân, Nhất tiễn chính trụy song phi dực" (Nhớ xưa cờ nghê xuống Nam uyển, Trong vườn muôn vật màu xuân ánh. Nơi điện Thiều Dương chỉ một người, Cùng vua chung xe luôn ở cạnh. Trước xe Tài nhân mang cung tên, Ngựa trắng hàm thiếc vàng lóng lánh. Xoay người ngửa mặt bắn lên mây, Một phát mà rơi đôi chim bay). Một sớm được sủng ái, các quý phi sẽ trở thành nhân vật kiêu xa cùng cực, quyền thế rất lớn. Trong thâm cung giữa người thất sủng và người được sủng ái hình thành một sự đối lập rất rõ ràng, vì thế càng thúc đẩy cuộc đấu tranh trong cung đình thêm kịch liệt. Nhưng người được sủng ái rốt lại rất ít, vả lại cũng khó mà được sủng ái lâu dài. Dương Quý phi tính ra cũng được sủng ái khá lâu. Nhưng cuối cùng nàng lại trở thành vật hy sinh và con dê chuộc tội trong loạn An Sử "Minh mâu hạo xỉ kim hà tại ? Huyết ô du hồn quy hà đắc ! Thanh Vị đông lưu Kiếm Các thâm, Khứ trú bỉ thử vô tiêu tức. Nhân sinh hữu tình lệ triêm ức, Giang thủy giang hoa khởi chung cực ?" (Mắt ngời răng trắng nay nơi đâu? Máu nhơ du hồn sao về được! Thanh Vị về đông Kiếm Các sâu, Lai vãng

(55) Đỗ Phủ, *Ai giang đầu*.

đó đây không tin tức. Nhân sinh có tình lệ ướt ngực, Sông nước tung hoa lúc nào dứt) (56). Dương Quý phi được sủng ái kiêu xa, đến nỗi tạo ra tấn bi kịch lịch sử bị thắt cổ ở trạm Mã Ngôi. Dương Quý phi đáng thương hay đáng trách ? Nàng là "mối họa" vong quốc hay là "con dê chuộc tội" ? Lịch sử quả thật khiến người ta khó mà nói chắc. Tóm lại, nàng cũng như các cung nhân bị thất sủng đều là vật hy sinh của chế độ hậu cung độc ác, rất đáng thương xót, đây là vấn đề nhìn từ góc độ "giới tính". Từ góc độ "giai cấp" mà xem xét vấn đề thì những mỹ nữ được sủng ái là một phần tử trong giai cấp bóc lột, sự xa xỉ cùng cực của họ phải bị chê trách. Mà hủ bại, xa xỉ cùng cực chính là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới sự bại vong của họ.

Thi nhân thời Đường dùng ngòi bút tinh tế, nữ tính rất nhiều hình tượng nữ nghệ nhân, khắc họa tài nghệ múa của vũ nữ, tài ca hát của ca kỹ, tài biểu diễn của người gãy đàn tỳ bà, hình tượng sinh động, khiến đến nay người ta đọc lại vẫn như nhìn thấy người, nghe được tiếng. Ví dụ tài múa kiếm của Công Tôn đại nương dưới ngòi bút của Đỗ Phủ :

Tích hữu giai nhân Công Tôn thị,
Nhất vũ kiếm khí động tứ phương.
Quan giả như sơn sắc thư táng,
Thiên địa vị chi cửu đê ngang.
Diệu như Nghệ xạ cửu nhật lạc,
Kiểu như quần đế tham long tường.
Lai như lôi đình thu chấn nộ,
Bãi như giang hải chuyển thanh quang

(56) Đỗ Phủ, *Quan Công Tôn đại nương đệ tử vũ kiếm khí hành.*

(Xưa có giai nhân Công Tôn thị,
Múa lên kiếm khí động bốn phương.
Người xem dày đặc mặt tái mét
Trời đất vì thế cũng bàng hoàng.
Chói như Nghệ bắn mặt trời rụng,
Đẹp như quần đế cưỡi rồng vờn.
Tới như sấm vang tiếng rền rĩ,
Dứt như sông biển chuyển thanh quang) (57)

Đỗ Phủ tái hiện cho chúng ta tư thế mỹ diệu, tài nghệ cao siêu của nữ vũ đạo gia, khiến chúng ta như tưởng tượng được tình hình của Công Tôn đại nương năm xưa múa kiếm. Bài thơ này khắc họa cái đẹp trong chớp mắt của vũ nữ thành vĩnh cửu, lưu lại cho người đọc về sau. Hay như cô gái gãy đàn tỳ bà dưới ngòi bút của đại thi nhân Bạch Cư Dị :

Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.
Chuyển trục bác huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.
Huyền huyền yểm ức thanh thanh tư,
Tự tố sinh bình bất đắc chí.
Đê mi tín thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh ưu mạn nhiên mạt phục khiêu,
Sơ vi Nghê thường hậu Lục yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
Tào tào thiết thiết thố tạp đàn,
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.

(57) *Minh hoàng tạp lục, Khai Nguyên Thiên Bảo di sự thập chủng,* tr. 17

Gian quan oanh ngữ hoa đê hoạt,
U yết lưu tuyền thủy hạ than.
Thủy tuyền lãnh lịch huyền ngưng tuyệt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm khát.
Biệt hữu u sầu ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình sạ phá thủy tương bính,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc tận thu bác đương tâm hoạch,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đông thuyền tây phảng tiêu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.

(Hết lời mời mọc mới chịu ra,
Còn lấy tỳ bà che nửa mặt.
Vặn trục thử dây gãy tinh tinh,
Chưa nên khúc điệu đã nghe tình.
Dây dây nức nở tiếng vang vang,
Như tỏ bình sinh nỗi uất ức.
Rủ mày đưa tay gãy đều đều,
Nói hết trong lòng bao nỗi hận.
Nắn bắt khoan vê rồi lại khều,
Trước là Nghê thường sau Lục yêu.
Dây lớn rào rào như mưa đổ,
Dây nhỏ ri rỉ như nhắn nhủ.
Rào rào ri rỉ tiếng đan nhau,
Mâm ngọc khua vang tiếng ngọc châu.
Líu lo oanh hót hoa rung cánh
Nức nở dòng trôi xuống thác sâu
Thác sâu lạnh buốt đàn im bặt,
Im bặt không ngân tiếng tạm dứt.
Riêng có u sầu ám hận sinh,
Bấy giờ vô thanh hơn hữu thanh.

Bình ngọc chợt vỡ nước tung tóe,
Thiết kỵ xông lên cùng giao tranh.
Khúc hết giữa đàn phất thật mạnh,
Bốn dây cùng vang như đứt phựt
Thuyền đông mảng tây đều lặng im.
Chỉ thấy giữa sông trăng sáng rực).

Đọc tới những câu thơ này, phảng phất như nghe thấy tiếng đàn như khóc như than trong đêm trăng, lúc thì như muôn ngựa cùng phi, lúc thì như non cao nước chảy, lúc thì như oanh ca én hót, cũng tựa hồ nghe thấy tiếng lòng và sự tao ngộ bi ai của người biểu diễn.

Ngoài ra, Lưu Yến còn làm thơ vịnh trò sào trăm thước của Vương Đại nương trong Giáo phường như sau :

Lâu tiền bách xích cạnh tranh tân,
Duy hữu trường can diệu nhập thần.
Thùy dắc ỷ la phiên hữu lực,
Do tự hiềm khinh cánh trước nhân

(Trước lầu trăm thước đủ trò hay,
Duy có sào dài thật khéo thay.
Ai được lụa mềm mà có sức,
Còn nhẹ hơn lòng kẻ múa may) (58)

Thi nhân thời Đường dùng thơ miêu tả ca kỹ vũ nữ càng nhiều hơn. Như thi nhân Lưu Chiếu Lân đầu thời Đường có bài *Trường An cổ ý* ra sức miêu tả vũ nữ trong các nhà phú hào và kỹ nữ mua vui trong xóm Bình Khang ở Trường An.

Bài *Mộng du xuân thất thập vận* của Nguyên Chẩn miêu tả tỉ mỉ thời trang của kỹ nữ :

(58) *Thái phi lục*, Đệ tứ biên, tr. 19 - 20, 29

Thụy kiểm đào phá phong,
Hãn trang liên ủy lộ.
Tùng sơ bách diệp kết,
Kim xúc trùng đài lý.
Tỷ nhuyễn điền đầu quần,
Linh lung hợp hoan khố.
Tiễn nghiên chi phấn bạc,
Ẩm đạm y thường cố.
Tối tự hồng mẫu đơn,
Vũ lai xuân dục mộ.

(Dung mạo hoa đào tươi,
Áo trong cánh sen úa.
Lược dày búi tóc kia,
Vàng kín hài cao nọ.
Mềm mại quần ống chùng,
Long lanh khố buông rủ.
Xinh đẹp ít phấn son,
Xiêm y rất trang nhã.
Rất giống mẫu đơn hồng,
Cuối xuân mưa lại gió).

Bài *Tặng ca kỹ* thứ nhất của Lý Thương Ẩn thì ca ngợi nét đẹp sắc nghệ của ca kỹ :

Thủy tinh như ý ngọc liên hoàn,
Hạ Sái thành nguy mạc phá nhan.
Hồng đính anh đào hàm bạch tuyết,
Đoạn trường thanh lý xướng Dương quan.

(Pha lê như ý, ngọc liên hoàn,
Hạ Sái thành nguy cũng chớ màng.
Miệng hé anh đào vương tuyết trắng,
Đoạn trường lại trỗi khúc Dương quan)

Lấy như ý pha lê, vòng ngọc để khởi hứng, đưa tới cho người ta một cảm giác về cái đẹp lung linh lóng lánh, kế đó là sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của ca kỹ, lại tả nàng "Anh đào tiểu khẩu" hát khúc Dương quan cao nhã "Dương xuân Bạch tuyết", ca ngợi nét đẹp sắc, nghệ, tài của ca kỹ.

Thơ phú từ thời Đường trở về trước rất ít miêu tả phụ nữ bình dân và phụ nữ nhà nghèo. Gái hái dâu, gái dệt vải dưới ngòi bút thi nhân cũng đều ăn mặc hợp thời trang, như Tần La Phu, Lưu Lan Chi. Một số nhà thơ hiện thực chủ nghĩa thời Đường đã viết tới phụ nữ lao động, phụ nữ bình thường. Như bài *Bần nữ* của Tần Thao Ngọc, miêu tả cho chúng ta nét đẹp tự nhiên, nét đẹp nhân cách của một phụ nữ nghèo không trang sức :

Bồng môn vị thức ỷ la hương,
Nghĩ thác lương môi ích tự thương
Thùy ái phong lưu cao cách điệu,
Cộng linh thời thế kiệm sơ trang.
Cảm tương thập chỉ khoa châm xảo,
Bất bả song mi đấu họa trường.
Khổ hận niên niên trang kim tuyến,
Vị tha nhân tác giá y thường.

(Cửa gai nào biết chuyện giàu sang,
Muốn cậy người mai lại xót thương
Ai thích phong lưu ngời dáng vẻ,
Cùng thương thời thế mỏng dung nhan.
Chỉ đem mười ngón khoe may vá,
Chẳng lấy đôi mày sánh điểm trang.
Tủi hận liền năm kim tuyến dệt
Chỉ may áo cưới giúp tân nương).

Cái đẹp của phụ nữ nghèo đã không phải là cái đẹp trang sức hào hoa lộng lẫy, mà cũng không phải là cái đẹp đạo đức phụ dức, mà là cái đẹp nhân cách dựa vào sức lao động của đôi tay, tự lập và độc lập. Ở đây, cô gái nghèo lao động để sống, tinh thần độc lập của cô gái nghèo trong nghịch cảnh có nhiều chỗ giống với tinh thần độc lập của kẻ hàn sĩ thanh bần. Vì thế, nhà thơ mượn hình ảnh cô gái nghèo để bộc bạch nỗi bất bình trong lòng mình.

Bài *Thái tang nữ* của Đường Nhan Khiêm và bài *Chức phụ từ* của Mạnh Hạo Nhiên dùng để tài hái dâu, dệt vải lâu đời bộc lộ bản chất sưu thuế bóc lột nặng nề của quan lại đối với phụ nữ hái dâu và phụ nữ dệt vải. Hai bài này miêu tả người phụ nữ lao động vất vả suốt ngày mà "Tự trước lam lũ y" (Mặc áo quần rách rưới), vạch trần mâu thuẫn giai cấp giữa phụ nữ lao động với giai cấp thống trị, so với những thơ văn bộc lộ sự áp bức và kỳ thị giới tính còn sâu sắc hơn. Bởi vì dưới thời phong kiến, mâu thuẫn giữa phụ nữ lao động với giai cấp bóc lột, giai cấp thống trị lớn hơn mâu thuẫn giới tính trong nội bộ nhân dân lao động, sự áp chế của chính quyền, tộc quyền đối với phụ nữ lao động lớn hơn sự áp chế của phu quyền đối với phụ nữ. Loại thơ bộc lộ việc phụ nữ phải chịu sự bóc lột và áp bức giai cấp ấy có tính hiện thực rất sâu sắc, tiếp cận được với tình hình thực tế của phụ nữ lao động thời Đường.

Giống như lịch sử thường làm người ta hoảng sợ, đến thời Văn Đường, đặc biệt là đời Đường Chiêu tông, trong ngoài cung đình đầy nguy cơ mai phục, vương triều nhà Đường đi vào chỗ suy vong. Thời kỳ này cũng như nhà Lương, nhà Trần thời Nam triều, thơ diễm

tình lại hưng thịnh. Hàn Ác tập hợp các bài thơ diễm tình ông sáng tác lúc trẻ làm thành *Hương liêm tập*, lại viết trong bài tựa "Liễu hạng thanh liễu, vị thường khang tỷ, Kim khuê tú hộ, thủy dự phong lưu. Thư ngũ sắc chi linh chi, hương sinh cửu khiếu, Yết tam nguy chi thụy lộ, mỹ động thất tình. Nhược hữu trách kỳ bất kinh, Diệc vọng dĩ công yêm quá" (Liễu xanh ngõ liễu, Thường ít gầy lép, Kim khuê tú hộ, vừa dự phong lưu. Nhai cỏ chi năm màu, hương sinh chín khiếu, Uống sương thiêng ba giọt, đẹp động bảy tình. Nếu có ai trách sai kinh, Cũng mong lấy công bù lỗi) phản ảnh thời đại suy đồi, quan niệm thẩm mỹ suy đồi của giai cấp thống trị. Dưới ngòi bút của Hàn Ác, mỹ nữ một lần nữa lại bị vật hóa thành đồ chơi cho người thưởng ngoạn. Trong *Hương Âu tập* của Hàn Ác, mỹ nhân đều lấy bệnh tật, buồn rầu, kiều my, nhu thuận và lười biếng uể oải mà triển hiện cái đẹp. Đây là một cái đẹp bệnh hoạn, cái đẹp lười biếng, cái đẹp kiều diễm, biểu hiện tâm tình đau thương và mỹ cảm lấy việc không bệnh mà rên làm cái đẹp của giai cấp thống trị đang trên đường suy tàn.

Từ thời Ngũ đại trở đi, quan niệm về cái đẹp phụ nữ nở nang khỏe mạnh trong thời đế quốc nhà Đường hưng thịnh đã bị cái đẹp yếu ớt vô lực, bệnh sầu uể oải, ủy my ai oán, triền miên u uẩn, nhỏ nhắn gầy gò thay thế.

8. Việc bó chân và sự bệnh thái hóa, méo mó hóa của cái đẹp phụ nữ

Nhìn rộng về quan niệm và thực tiễn cái đẹp hình thể của phụ nữ từ thời Tiên Tần đến Tùy Đường thì khuynh hướng chung là lấy hình thể khỏe mạnh nở

nang, dung mạo đoan trang điển nhã làm chủ lưu của cái đẹp phụ nữ, đến thời Đường thì cái đẹp nở nang, khỏe mạnh đạt tới đỉnh cao. Đồng thời "Dương liễu Tiểu Man yêu" (Dương liễu eo Tiểu Man) từ Sở vương thời Tiên Tần đến thời Đường ưa thích eo lưng nhỏ, cái đẹp nhỏ nhắn yếu ớt cũng đồng thời lưu hành, bổ sung qua lại cho cái đẹp nở nang, Triệu Phi Yến thời Hán chính là điển hình về cái đẹp nhỏ nhắn.

Cuối thời Đường đầu thời Ngũ đại, xã hội phong kiến Trung Quốc qua giai đoạn thịnh vượng của nó bắt đầu bước vào con đường xuống dốc. Từ thời Tống trở đi vì thế nước không phấn phát, trình hiện một phong khí suy bại ủy mỵ ai oán, trên phương diện quan niệm về cái đẹp phụ nữ cũng xuất hiện khuynh hướng chính thống lấy sầu bệnh gầy yếu, nhỏ nhắn yếu ớt làm đẹp. Từ đó, cái đẹp khỏe mạnh đã nhường chỗ cho cái đẹp yếu ớt, dáng vẻ nhỏ nhắn yếu ớt trở thành dòng chủ lưu về cái đẹp phụ nữ. Theo với sự xuất hiện và phổ biến của việc bó chân, loại phụ nữ bàn chân nhỏ yếu ớt không chịu nỗi gió đã trở thành khuôn mẫu về cái đẹp phụ nữ thời Minh Thanh, thơ ca, tiểu thuyết khắp nơi đều lan tràn sự rên rỉ về cái đẹp bệnh hoạn. Nhưng cái đẹp nở nang khỏe mạnh thủy chung vẫn là tiêu chuẩn trong cái đẹp hình thể của phụ nữ lao động nước ta.

Cái mốc quan trọng nhất của quá trình từ cái đẹp nở nang khỏe mạnh tới cái đẹp nhỏ nhắn ốm yếu là sự xuất hiện và phổ biến của việc phụ nữ bó chân. Mà việc phụ nữ bó chân lại vừa khớp nảy sinh vào thời Ngũ đại trên khúc quanh mà xã hội phong kiến Trung Quốc từ chỗ thịnh vượng chuyển qua suy tàn, đây không phải là điều ngẫu nhiên.

Qua sự khảo chứng, nghiên cứu thời Thanh và thời cận đại, hiện nay mọi người đều nhất trí cho rằng việc phụ nữ bó chân bắt đầu mở ra dưới thời Hậu chủ nhà Nam Đường Lý Lạp thời Ngũ đại. Chứng cứ là ghi chép của Đào Tông Nghi cuối thời Nguyên đầu thời Minh trong *Chuyết canh lục* "Trương Bang Cơ trong *Mặc trang mạn lục* nói : Việc bó chân của phụ nữ bắt đầu từ thời gần đây, chứ trong các sử sách thời trước đều không thấy có". "Chỉ có *Đạo Sơn tân văn* nói : Diểu Nương cung tần của Lý Hậu chủ xinh đẹp múa giỏi. Hậu chủ làm sen vàng cao sáu thước, trang trí châu báu, tô màu sen đẹp trong hoa sen. Sai Diểu Nương lấy vải bó bàn chân, cho cong vút lên như vầng trăng non, đi tất không múa trong mây, qua lại tới lui có dáng vẻ như bước trên sóng... Vì thế người ta học theo, lấy bàn chân nhỏ cong làm sự kỳ diệu. Từ đó có thể biết việc bó chân là bắt đầu từ thời Ngũ đại". Đoạn văn trên chỉ ra rằng thời Ngũ đại đã có phụ nữ bó chân. Nhưng thời bấy giờ việc bó chân vẫn chưa phổ biến, đến niên hiệu Hy Ninh, Nguyên Phong (1068 - 1085) đời vua Thần tông nhà Bắc Tống trở đi mới dần dần truyền bá ra xã hội mà trở thành phong tục.

Thời Ngũ đại chính là khúc quanh lịch sử trên đó xã hội phong kiến Trung Quốc từ thịnh chuyển qua suy. Trong thời kỳ này, xã hội loạn lạc không yên, kẻ thống trị như Lý Lạp kế thừa phong khí hủ bại từ thời Vãn Đường suốt ngày chìm đắm trong tửu sắc. Phong khí ủy mỵ của loại thơ *Hương Âu thi* thời Vãn Đường đến thời Nam Đường đã tràn ngập, quan niệm thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của kẻ thống trị đàn ông cũng từ chỗ cái đẹp nở nang khỏe mạnh thời Thịnh Đường chuyển qua khuynh hướng nghiêng về cái đẹp

bệnh hoạn nhỏ nhắn. Vì thế Diễu Nương loại Triệu Phi Yến "nhỏ nhắn xinh đẹp múa giỏi" mới có thể trở thành đối tượng thưởng ngoạn ưa thích của Lý Hậu chủ. Hậu chủ Nam Đường Lý Lạp giỏi thi từ, thích ca múa, sinh hoạt mười phần hủ bại. Cung tần Diễu Nương nhỏ nhắn khéo léo, xinh đẹp giỏi múa. Để dáng vẻ nhảy múa của Diễu Nương càng thêm mềm mại say người, Hậu chủ lại sai nàng dùng vải bó chân, khiến bàn chân "cong vút lên như vầng trăng non". Động cơ bó chân đầu tiên là để dáng vẻ nhảy múa xinh đẹp, khiến cơ thể phụ nữ càng phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ của kẻ thống trị đàn ông. Nó là sản vật của sự đùa giỡn phụ nữ của kẻ thống trị đàn ông. Ni Thái từng nói "Đàn ông sáng tạo ra hình tượng phụ nữ cho mình, mà phụ nữ thì mô phỏng hình tượng ấy để sáng tạo ra mình". Bó chân là chứng cứ điển hình về việc kẻ thống trị đàn ông căn cứ vào tiêu chuẩn cái đẹp phụ nữ bệnh hoạn của họ mà dụ dỗ hay bắt ép phụ nữ cải biến cơ thể.

Sự xuất hiện việc bó chân chính là sản vật của quá trình cái đẹp nở nang khỏe mạnh chuyển qua cái đẹp bệnh hoạn nhỏ nhắn. Giữa và cuối thời Bắc Tống, đặc biệt là từ thời Nam Tống trở đi, hủ tục bó chân dần dần lan tràn, điều này quan hệ rất lớn với trạng thái tinh thần ủy mỵ không phấn chấn, xa xỉ dâm đãng và phong khí xã hội có quan niệm về cái đẹp bệnh hoạn, sùng thượng cái đẹp yếu ớt mềm mại, bệnh hoạn ốm yếu. Bàn chân thon nhỏ, đi lại ngã nghiêng như cành liễu trước gió vốn là một hình ảnh méo mó xuyên tạc, một hình ảnh bệnh hoạn về phụ nữ. Nhưng hình tượng ấy lại phù hợp với tiêu chuẩn thẩm mỹ bệnh hoạn về cái đẹp nhỏ nhắn yếu ớt của phụ nữ.

Từ đó, kẻ thống trị đàn ông lợi dụng văn học, dư luận, biện pháp hành chính và các biện pháp khác để đề xướng, cổ xúy, ca ngợi phụ nữ bó chân, khiến hủ tục bó chân dần dần lan tràn, cuối cùng đến thời Nguyên Minh đã lan ra trong toàn xã hội.

Sự nảy sinh của việc phụ nữ bó chân không phải là ngẫu nhiên, ít nhất nó cũng quan hệ tới ba nhân tố về cái đẹp phụ nữ sau đây : 1. Cái đẹp trong nghệ thuật vũ đạo của phụ nữ thời cổ có quan hệ rất lớn với việc bó chân, bó chân là do hài múa mũi nhọn phát triển dẫn tới. 2. Bắt nguồn từ phong tục bó chân mở ra từ cái đẹp nhỏ nhắn của phụ nữ cuối thời Đường, đầu thời Ngũ đại. 3. Cái đẹp phụ nữ trong các tác phẩm văn học hướng dẫn, thúc đẩy sự sản sinh của việc bó chân.

Một. Cái đẹp trong nghệ thuật vũ đạo của phụ nữ thời cổ có quan hệ rất lớn với việc bó chân, trong một ý nghĩa nhất định là do hài múa mũi nhọn phát triển dẫn tới.

Trong sinh hoạt thường nhật phụ nữ nước ta thời cổ thường mang hài hoặc guốc mũi vuông hoặc mũi tròn. Nhưng tất cả vũ nữ thời cổ lúc múa thì không mang hài hoặc guốc mà đều mang loại "vũ tỷ" hoặc "lợi tỷ" mũi nhọn. Loại vũ tỷ mũi nhọn này có quan hệ "họ hàng" với việc phụ nữ bó chân và hài nhỏ mũi cong. Cũng có thể nói hủ tục phụ nữ bó chân và đi hài cong mũi nhọn là do loại vũ tỷ mũi nhọn phát triển dẫn tới.

Từ thời Tiên Tần xa xưa đã có một loại nữ nghệ nhân trong các ca kỹ vũ nữ mang hài mũi nhọn phấp phới nhảy múa, lấy việc bán nghề để sống. *Sử ký, Hóa thực liệt truyện* chép phụ nữ ở vùng Trung Sơn thời

Tiên Tần "Gãy đàn, đi hài cao gót, du mỵ kẻ quyền quý". Lại nói "Phụ nữ Lâm Tri đánh đàn đi hài", "Thời Hán Triệu nữ Trịnh cơ tô điểm dung mạo, ôm đàn cầm, mặc áo dài, mang hài cao gót, liếc mắt đưa tình, đi trong vòng ngàn dặm, không lựa già trẻ, chung chạ với những kẻ giàu có". *Sử ký, Tập giải* giải thích rằng lợi tỷ là vũ tỷ. Vũ tỷ thêu hoa đế mỏng, mũi gắn hạt châu. Trương Hành trong bài *Tây Kinh phú* nói "Chấn chu tỷ vu bàn tôn" (Nhịp hài đỏ trên mâm bát), Biện Lan trong bài *Hứa Xương phú* có câu "Chấn hoa túc nhi khước đạo" (Nhịp hài hoa mà bước tới), Cố Dã Vương trong bài *Vũ phú* thì nói "Đốn châu lý vu quỳnh điệm" (Nhịp hài châu trên đệm ngọc). Những loại "chu tỷ", "hoa túc" ấy của vũ nữ đều chỉ loại hài mũi nhọn chuyên dùng để múa.

Lý Hậu chủ nhà Nam Đường sai Diểu Nương bó chân thành hình vầng trăng non, cũng như vũ nữ thời cổ mang hài nhọn, để khiến mũi hài múa càng nhỏ càng nhọn thì phải bó chân cho vừa với hài. Du Chính Nhiếp thời Thanh chỉ ra rằng "Múa thì trước tiên phải nhìn vào chân, nên gọi là Hài. Hài múa vốn nhọn, nhân đó bó chân. Diểu Nương bó chân, tức vũ nữ". "Chân to đi hài múa, mũi hài nhỏ nhọn sẽ cong lên như chiếc cung. Hài cong thời cổ không làm cong chân, thời Nam Đường thì làm cong chân, ngón chân bó đặt vào chỗ mũi nhọn của chiếc hài mà hướng lên trên" (58). Tức từ thời Nam Đường về trước đã có hài cong, nhưng đó là hài múa, hình dáng là mũi hài nhỏ nhọn, cong vút lên phía trước. Diểu Nương bó chân, chẳng qua là bó ngón chân, để ngón chân cong theo mũi hài vút lên mà thôi. Đôi hài cong nhỏ bằng bạc khai quật được trong ngôi mộ thì Nam Tống ở Cù Châu Chiết

Giang, mũi hài cao vút, đế hài chỗ mũi nhọn, không khác với hài cong của Diễu Nương bao nhiêu. Điều này chứng minh thời Bắc Tống, Nam Tống phụ nữ bó chân hoàn toàn không giống như việc bó chân từ thời Minh Thanh trở đi làm hư hỏng gân cốt, bó thành "ba tấc sen vàng" mà là hơi bó bàn chân cho thẳng và cong lên để phù hợp với hài cong mà thôi. Lúc đầu, phụ nữ bó chân là để đi hài cong, cho rằng hài cong mũi nhọn vút lên là đẹp. Vì vẻ mỹ quan của đôi hài, đó là động cơ dẫn tới việc phụ nữ bó chân.

Hai, Bắt nguồn từ phong tục bó chân mở ra từ cái đẹp nhỏ nhắn của phụ nữ cuối thời Đường, đầu thời Ngũ đại.

Bó chân là một phong tục xã hội, sự nảy sinh của nó không thể mang tính bộc phát mà phải từng bước hình thành. Việc bó chân là một thị hiếu thẩm mỹ méo mó, có một quá trình hình thành, phát triển, thay đổi khá lâu dài, có một quá trình chuyển biến từ chỗ đặc dị tới chỗ phổ biến.

Từ thời Thịnh Đường trở đi, hình thức hài, tất của phụ nữ phát triển theo xu thế nhỏ nhọn, trong xã hội bắt đầu coi trọng phụ nữ có bàn chân nhỏ nhọn. Đặc biệt là trong niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Huyền tông, từ cung đình tới dân gian cơ hồ đều dấy lên một phong trào "bàn chân nhỏ". Trong bài *Thượng Dương bạch phát nhân* Bạch Cư Dị miêu tả "Tiểu đầu hài lý trách y thường,... Thiên Bảo mạt niên thời thế trang" (Hài nhọn mũi thon quần áo hẹp... Cuối đời Thiên Bảo ấy thời trang), nói rõ cuối niên hiệu Thiên Bảo đã bắt đầu lưu hành loại "hài mũi nhọn". *Thành Trai tạp chí* chép "Trong niên hiệu Thiên Bảo Ngô Thốn Chỉ là phụ

nữ ở Đào Nguyên vì chân nhỏ nên có tên ấy" (59). Đủ thấy người đương thời đã có khuynh hướng thích thú bàn chân nhỏ. Đáng chú ý là Dương Quý phi. Từ thời Nam Tống trở đi có nhiều người cho rằng việc bó chân là bắt đầu từ Dương Quý phi. Đông Nhược Thủy thời Nam Tống viết trong *Cước khí tập* rằng việc bó chân "Có người nói bắt đầu từ Dương Thái Chân thời Đường, nhưng không có bằng chứng". Vương Minh Thanh trong *Huy tiêm dư lục* cũng nói "Hướng Tông Hậu bó chân cực cong, dài như móc câu", bó chân giống Dương Ngọc Hoàn. Còn truyền thuyết Ngọc Nhi con gái bà già ở Mã Ngôi nhặt được hài của Dương Quý phi dài ba tấc đều nói Dương Quý phi có bàn chân nhỏ. Bài *Vịnh mạt* của Đỗ Mục viết "Điền xích tài lường (lượng) giảm tứ phân, Tiêm tiêm ngọc duẫn lý xuân vân" (Một tấc so ra giảm bốn phân, Xinh xinh măng ngọc đạp mây xuân). Tượng phụ nữ thời Thịnh Đường đều mang hài mũi nhọn, mũi hài cong lên như móc câu. Kiểu hài mũi nhọn này không khác bao nhiêu so với kiểu hài của Diễu Nương nói ở trên. Các tư liệu trên đều cho thấy trong niên hiệu Thiên Bảo thời Đường, trong xã hội đã lưu hành khuynh hướng thẩm mỹ tán thưởng hài tất phụ nữ nhỏ nhọn, tán thưởng bàn chân nhỏ nhọn, mở đầu cho phong khí bó chân của Diễu Nương thời Ngũ đại.

Ba, cái đẹp phụ nữ trong các tác phẩm văn học hướng dẫn, thúc đẩy sự sản sinh của việc bó chân.

Ở nước ta thời cổ xã hội không có báo chí làm môi giới, càng không có phim ảnh để truyền bá. Vì vậy tác phẩm văn học trở thành công cụ quan trọng để hướng dẫn dư luận xã hội. Khuynh hướng thẩm mỹ

(59) Xem chú thích (58)

của tác phẩm văn học về trang phục phụ nữ, tiêu chuẩn về cái đẹp phụ nữ có ảnh hưởng rất lớn. Hình thể, trang phục, kiểu tóc, kiểu chân của phụ nữ mà tác phẩm văn học miêu tả, ngâm vịnh, đề cao thường trở thành một loại thời trang mà phụ nữ hướng về một thời.

Từ thời Thanh, thời cận đại trở đi, có người từng sơ bộ phân tích các tác phẩm viết về cơ thể, vóc dáng phụ nữ trong lịch sử văn học Trung Quốc, phát hiện ra rằng từ thời Xuân thu trở về trước văn nhân không hề chú ý tới bàn chân của phụ nữ. *Dung phong, Quân tử giai lão* và *Vệ phong, Thạc nhân* là hai tác phẩm miêu tả cái đẹp phụ nữ xuất sắc nhất trong *Thi kinh*. *Quân tử giai lão* tập trung miêu tả trang phục, trang sức trên đầu của quân quốc phu nhân, *Thạc nhân* thì miêu tả bàn tay, làn da, cổ, hàm răng, vầng trán tới chân mày của Trang Khương cao lớn xinh đẹp, chứ không nói gì tới bàn chân của nàng. Đủ thấy từ thời Xuân thu trở về trước, người ta lấy sự khỏe mạnh chất phác làm đẹp, không chú ý tới bàn chân của phụ nữ.

Thời Chiến quốc, các tác giả *Sở từ* như Khuất Nguyên, Tống Ngọc miêu tả rất tỉ mỉ phong phú về cái đẹp trang điểm, cái đẹp dung mạo của phụ nữ, nhưng không hề miêu tả bàn chân.

Nhưng trong thời kỳ này đã bắt đầu miêu tả tư thế và dáng đi của phụ nữ. Như Tống Ngọc trong bài *Thần nữ phú* viết "Bộ duệ duệ hề diệu điện đường... Uyển nhược du long thừa vân tường" (Bước thong thả chừ đẹp tuyệt vời... Mềm tựa rồng chơi nơi lưng trời), "Ký quỹ họa vu u tĩnh hề, Hựu bà bà hồ nhân gian" (Đã xinh đẹp nơi u tĩnh chừ, lại lộng lẫy nơi nhân gian), "Động vụ hộc dĩ từ bộ hề, Phất trì thanh chi san san" (Xiêm gợn khói nhẹ bước chừ, phất trước thềm

nghe vang vang), "Phấn trường tụ dĩ chinh nhẫm hề, Lập trịch trục nhi bất an" (Xốc tay áo mà khép vạt chừ, cứ lui tới mà không yên) vân vân, miêu tả dáng vẻ đẹp đẽ, phong thái an nhàn trong dáng đi của phụ nữ một cách sinh động đẹp đẽ. Tuy vẫn chưa trực tiếp miêu tả tới bàn chân hoặc đôi hài của phụ nữ, nhưng cũng đã tiến thêm một bước về phía "bàn chân".

Thời Tây Hán, các tác phẩm thơ văn miêu tả cái đẹp của phụ nữ không phải ít, như bài *Lý phu nhân phú* của Hán Vũ đế, *Mỹ nhân phú, Trường Môn phú* của Tư Mã Tương Như, bài thơ cổ *Thanh thanh hà bạn thảo*, bài Nhạc phủ *Mạch thượng tang* vân vân. Nhưng những thơ văn này cũng chỉ miêu tả dáng đi xinh đẹp của phụ nữ, chứ không miêu tả bàn chân. Đáng nói là bài *Đảo tố phú* của Ban Tiệp dư cuối thời Tây Hán viết "Hồng đại tương mi, Ỷ thư lưu quang, Tiếu tiếu di nghiên, Bộ bộ sinh phương" (Phấn đỏ mày xanh, Lụa là sáng choang, Cười cười thêm xinh, Bước bước sinh hương). Đây là tác phẩm của phụ nữ mô tả về phụ nữ, "Bộ bộ sinh phương" đủ thấy phụ nữ đương thời đã khá chú ý về việc trang điểm và mỹ hóa cho bàn chân.

Thời Đông Hán, Tam quốc đã xuất hiện các tác phẩm văn học miêu tả hài và tất của phụ nữ như Trương Hành trong bài *Tây Kinh phú* nói "Phân túng thể nhi tấn phó, Nhược kinh nhạn chi quần bãi, Chấn chu lý chi bàn tôn, Phấn trường tụ chi táp tỷ" (Bước nhẹ nhàng mà múa hát, Như chim nhạn đùa trên cát, Tay áo dài vung trên đầu, Hài son điểm trên mâm bát), đi hài màu hồng, lại có thể đạp lên mâm bát, xem ra bàn chân của người vũ nữ này không lớn. Hay như Trương Hành trong bài *Đông Kinh phú* lúc tả hài của cô gái hầu nói "Lý nhiếp hoa anh" (Hài đính nhiều

hoa), trên hài đầy hoa, trang điểm về hài đã rất tinh tế, bài *Thần nữ phú* của Dương Tu có câu "Hài nhược phù dung" (Hài tựa phù dung), bài *Mỹ nhân phú* của Biện Lan có câu "Kim cừ thừa hoa túc" (Kim cừ chân hoa bước), dùng "phù dung", "kim cừ" để hình dung hài tất, mà phù dung, kim cừ đều là những tên riêng của hoa sen, đã hàm chứa ý nghĩa "sen vàng". Chuyện Phan Quý phi thời Lục triều "Bộ bộ sinh liên hoa" (Bước bước nảy sen vàng) đại khái là kết quả của ảnh hưởng hướng dẫn của tác phẩm văn học. Bài *Lỗ đô phú* của Lưu Trinh viết "Tiêm tiêm ty lý, Xán lạn tiễn tân" (Hài tơ nhỏ nhỏ, Kiểu mới đẹp tươi), bài *Lạc thần phú* của Tào Thực viết "Lăng ba vi bộ, La mạt sinh trần" (Lăng ba bước nhẹ, Giọt bụi theo hài) hay các câu "Túc hạ nhiếp ty lý" (Dưới chân hài tơ nhỏ), "Túc hạ song Viễn du" (Dưới chân hài Viễn du), "Tiễn Viễn du chi văn lý, dặc vụ hộc chi khinh quần" (Mang Viễn du hài đẹp, Kéo quần nhẹ the vân) vân vân, đều là miêu tả hài tất phụ nữ. Mà các từ "tiêm tiêm", "vi bộ" đã mang ý vị ưa thích hài tất nhỏ. Nhưng từ thời Tấn, Nam Bắc triều trở về trước vẫn không thấy những thơ văn trực tiếp miêu tả bàn chân phụ nữ.

Thời Tấn, Nam Bắc triều xuất hiện thơ văn trực tiếp miêu tả bàn chân phụ nữ. Đại thi nhân Đào Uyên Minh đại khái là tác gia văn học đầu tiên miêu tả về bàn chân phụ nữ. Bài *Nhàn tình phú* của ông có câu "Nguyện tại ty nhi vi lý, Phụ tố túc chi chu toàn" (Mong được làm hài tơ nhỏ, Giúp chân trắng được nguyên lành). Hay Tạ Linh Vận trong thủ 1 bài *Đông Dương khê trung tặng đáp nhị thủ* nói "Khả linh thùy gia phụ, Lục thủy tẩy tố túc" (Thương gái nhà ai đó, Nước biếc rửa chân trần). "Chân trần" đây tức không

đi hài mang tất để lộ ra hai bàn chân lớn trắng như tuyết, có vẻ đẹp chất phác tự nhiên. Bài *Song hành triền* trong Nhạc phủ nói "Tán la tú hành triền, Túc điệt như xuân nghiên, Tha nhân bất ngôn hảo, Độc ngã tri khả liên (lân)" (Lụa mới quấn chặt cứng, Bàn chân đau nét xuân, Người ta không nói đẹp, Riêng ta thấy đáng thương). Có người coi bài thơ này là vịnh việc bó chân. Nhưng theo khảo chứng của Hồ Ứng Lân thời Minh thì là vịnh vải bó chân. Hồ Ứng Lân trong *Đan diên tạp lục* nói "Bài Song hành triền trong Nhạc phủ đại khái là phụ nữ lấy vải quấn chân, tức nay gọi là bó chân... Làm bằng lụa, có hoa văn cho mỹ quan. Giấu chân bên trong, nên người khác không khen đẹp, chỉ có người biết thì ưa thích". Từ đó có thể thấy thời Nam Bắc triều, phụ nữ đã dùng vải để bó chân. Trong thời kỳ này, vẻ đẹp của bàn chân phụ nữ đã được rất nhiều người chú ý. Vì thế mới xuất hiện Đông Hôn hầu nhà Tề đúc sen vàng lát trên mặt đất cho Phan Quý phi đi lên, khen là "Bộ bộ sinh liên hoa" (Bước bước nảy hoa sen).

Trong thơ Đường, Lý Bạch có năm thủ *Việt nữ từ*, trong có những câu "Tỷ thượng túc như sương, Bất trứ nha đầu mạt" (Trên hài chân tựa sương, Không đi tất đầu quạ), "Đông Dương tố túc nữ, Cối Kê tố kha lang" (Đông Dương gái chân trắng, Cối Kê chàng thuyền trắng), bài *Cán sa thạch chi nữ* của Lý Bạch tả "Ngọc diện Da Khê nữ, Thanh nga hồng phấn trang, Nhất song kim xỉ tỷ, Lưỡng túc bạch như sương" (Mặt ngọc người giai lệ, Mày xanh mịn phấn hồng, Hai chiếc hài vàng loáng, Đôi chân trắng tựa sương), ca ngợi bàn chân tự nhiên của phụ nữ trắng như thế nào. Đủ thấy thời Thịnh Đường lấy đôi chân trắng tự nhiên làm đẹp.

Nhưng sau thời Thịnh Đường, trong xã hội xuất hiện khuynh hướng thẩm mỹ ca ngợi bàn chân nhỏ nhọn của phụ nữ. Như cuối niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Huyền tông, phụ nữ trong cung đình đã lưu hành "Tiểu đầu hài lý trách y thường" (Hài nhọn mũi thon quần áo hẹp), kiểu hài của phụ nữ phát triển theo hướng nhỏ nhọn. Bài *Tống Thôi Ngọc vãng Tây Xuyên* của Lý Thương Ẩn viết "Cán hoa tiên chỉ đào hoa sắc, Hảo hảo đề thi vịnh ngọc câu" (Trên giấy hoa đào tươi nét đỏ, Khéo khéo đề thơ vịnh ngọc câu), dùng "ngọc câu" ví với bàn chân phụ nữ. Thời bấy giờ bàn chân phụ nữ đại khái đã bắt đầu sùng thượng hình dáng vầng trăng non. Bài *Vịnh mạt* của Đỗ Mục viết "Điền xích tài lương (lượng) giảm tứ phân, Tiêm tiêm ngọc duẫn lý xuân vân, Ngũ Lăng niên thiếu khi tha túy, Tiếu bả hoa tiền xuất họa quần" (Một tấc so ra giảm bốn phân, Xinh xinh măng ngọc đạp mây xuân, Ngũ Lăng chàng trẻ ngờ say rượu, Cười chỉ hoa nhô dưới gấu quần), càng ca ngợi bàn chân nhỏ nhọn của mỹ nhân. Bài từ *Cán khê sa* của Mao Chấn Hy thời Văn Đường viết "Bích ngọc quan khinh niểu yến thoa, Bổng tâm vô ngữ bộ hương giai, Hoãn di cung để tú la hài" (Mão ngọc nhẹ nhàng thoa én bay, Lặng im không nói bước lên đài, Hài cong thong thả bước chân dời), thời Văn Đường đã xuất hiện loại hài đế cong. Xem tình hình này thì thời bấy giờ bàn chân của phụ nữ đã chịu ảnh hưởng của tác phẩm văn học hướng dẫn dư luận xã hội mà phát triển theo hướng nhỏ nhọn.

Sự hướng dẫn thẩm mỹ của văn học, dư luận thẩm mỹ của xã hội đều mong muốn bàn chân phụ nữ nhỏ nhọn. Vì thế, một số phụ nữ để chân mình nhỏ, bèn bắt đầu dùng vải bó bàn chân. Nhưng có thể vẫn chưa

đạt tới mức thay đổi hình dáng tự nhiên của bàn chân. Đến thời Ngũ đại cuối cùng xuất hiện việc Lý Hậu chủ sai Diểu Nương lấy lụa bó chân, bó thành vầng trăng non. Bàn chân của Diểu Nương bắt đầu cải biến hình dáng tự nhiên, phát triển theo hướng méo mó hóa. Nàng là người phụ nữ đầu tiên có bàn chân bị méo mó hóa ở Trung Quốc.

Vì thế chúng tôi nói việc phụ nữ bó chân xuất hiện và phổ biến là tiêu chí chủ yếu của sự chuyển biến méo mó từ cái đẹp nở nang khỏe mạnh tới cái đẹp nhỏ nhắn ốm yếu ở Trung Quốc thời cổ. Từ đó, loại phụ nữ bàn chân nhỏ yếu ớt không chịu nổi gió trở thành khuôn mẫu điển hình về cái đẹp phụ nữ. Đó không thể không nói là bi kịch của phụ nữ Trung Quốc.

Chương 6.

Trọng trinh thủ tiết, nhỏ nhắn ốm yếu : cái đẹp phụ nữ thời Tống Liêu Kim Nguyên

Thời Tống Liêu Kim Nguyên xã hội phong kiến Trung Quốc đi qua giai đoạn thịnh vượng của nó, bắt đầu bước vào con đường suy vong. Một mặt thì kinh tế tiếp tục phát triển, kinh tế hàng hóa cũng có sự phát triển mạnh hơn, đồng thời trên bản đồ Trung Quốc chia ra Liêu Tống, Kim Tống cùng tồn tại, chiến tranh không thôi, nhà Tống thủy chung vẫn bị Liêu, Kim xâm lược, thế nước không chấn hưng được.

Tống Thái tổ lấy việc phát động "Cuộc binh biến ở Trần Kiều" mà đoạt được chính quyền. Để củng cố sự thống trị của mình, ông ra sức tăng cường chế độ tập quyền chính trị trung ương, để đề phòng việc phiên trấn cát cứ tái diễn. Tống Thái tổ, Tống Thái tông nối nhau thi hành hàng loạt biện pháp, để tăng cường chế độ tập quyền chính trị trung ương, củng cố sự thống trị của họ Triệu. Thời Tống tập trung quyền quân sự, quyền tài chính vào trung ương, sai văn quan coi việc châu huyện, tách rời quyền lực hành chính và quân sự, tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương, đề phòng phiên trấn cát cứ. Nhà Bắc Tống làm suy yếu quyền lực của Tể tướng, gia tăng quyền lực của nhà vua, làm yếu quyền lực của Tể tướng, để giải quyết mâu thuẫn giữa quyền lực của nhà vua và Tể tướng

từng kéo dài trong lịch sử. Để tránh "cái họa đàn bà" và ngoại thích làm rối loạn chính sự, "Pháp chế nhà Tống đối xử hậu với ngoại thích, trong đó nếu có người có tài thức văn võ đều cất nhắc sử dụng, kẻ cậy thế phạm pháp thì trừng trị bằng pháp luật, hoàn toàn không miễn giảm" (1). Đồng thời nghiêm cấm hậu phi can thiệp vào chính sự, vì thế nhà Tống đề phòng được nạn phiên trấn cát cứ, ngoại thích chuyên quyền, bè đảng tranh giành khá có hiệu quả, bảo vệ được sự thống nhất quốc gia, ổn định chính quyền trung ương.

Nhà Tống cũng tăng cường sự thống trị về mặt tư tưởng sau khi nhà Tống, thành lập năm mươi năm, từng bước hình thành "Lý học Trình Chu" trở thành tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc hậu kỳ. Quan điểm chủ yếu của Lý học là "Tồn thiên lý, diệt nhân dục" (Giữ đạo trời, diệt ham muốn của con người), là tư tưởng cấm dục chủ nghĩa, tăng cường sự thống trị tư tưởng và ràng buộc tinh thần của mọi người, để củng cố chế độ tập quyền trung ương về mặt chính trị.

Để đề phòng võ quan nắm đại quyền, nhà Tống thực hành chính sách trọng văn khinh võ, Tống Thái tổ cổ xúy các công thần "tích lũy vàng lụa ruộng đất để lưu lại cho con cháu, ca nhi vũ nữ để hưởng trọn tuổi trời" (2). Vì thế quan liêu quý tộc nhà Tống xa xỉ thối nát, mặc sức thỏa mãn lòng dục, quan lại địa phương "Giám ty Quận thú đều mê đắm hưởng lạc, yến tiệc ắt dùng kỹ nhạc" (3). Văn nhân, từ khách thời Tống cũng đi lại với ca cơ vũ nữ như các thi nhân

(1) *Tống sử, Ngoại thích truyện.*
(2) *Tống sử, Thạch Thủ Tín truyện.*
(3) *Tống diễm, Kỳ dị.*

thời Đường, uống rượu làm thơ xướng họa hội họp với kỹ nữ. Sự xa xỉ dâm dật, mặc sức thỏa mãn lòng dục của các quan lại cùng với chủ nghĩa cấm dục của các nhà Lý học hình thành hai cực trái ngược hẳn nhau.

Vương triều Bắc Tống tuy củng cố được sự thống trị về mặt đối nội, nhưng đối diện với chính quyền Liêu, Tây Hạ và Kim trọng võ công, giỏi chinh chiến ở phương Bắc và Tây bắc, thì Bắc Tống rốt lại ở vào thế bị động, sau khi chạy về Nam, nhà Nam Tống lại cầu an tạm bợ ở vùng Giang Nam, không nghĩ tới việc thu phục Trung nguyên, lại càng là sông dài chiều xế, trong triều ngoài nội trên dưới bị bao trùm trong không khí ủy mị không phấn phát, ai oán triền miên. Trong không khí thời đại ấy, hình thành quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ xinh đẹp mềm yếu, ẻo lả không có sức, nhỏ nhắn ốm yếu. Đối với phụ nữ về cả hai phương diện thể xác và tinh thần đều thi hành chính sách "nhược hóa", lấy đó bồi dưỡng tạo ra loại mỹ nhân ôn nhu hiền thục, thẹn thùng yếu ớt.

Bản thân chủ nghĩa chuyên chế phong kiến đã là một thể thống nhất của chuyên chế giai cấp và chuyên chế giới tính, có đủ hai tính chất chuyên chế giai cấp, giới tính. Thời Tống nhấn mạnh chuyên chế phong kiến, tất nhiên cũng nhấn mạnh sự áp bức và kỳ thị nam nữ. Điều đó biểu hiện như sau :

Thứ nhất, các vua nhà Tống trong việc tuyển chọn hậu phi có khuynh hướng trọng đức khinh sắc đồng thời nhấn mạnh vào lý lịch, hậu phi cung nữ phần lớn chọn từ nhà các quan lớn. Hậu phi nhà Tống phần lớn đều tự giác phụ chính, tự giác khống chế ngoại thích.

Thứ hai, "Lý học Trình Chu" đề xướng "Tồn thiên lý, diệt nhân dục", thi hành chủ nghĩa cấm dục. Trong

đó những điều nhằm vào phụ nữ, chủ yếu là yêu cầu phụ nữ thủ tiết, quả phụ không tái giá, tăng cường sự giam cấm và ràng buộc tinh thần của phụ nữ. Thời Tống là thời kỳ quan hệ giữa hai giới ở nước ta chuyển từ lỏng lẻo qua chặt chẽ. Nho giáo khai sáng từ thời Tây Chu, được hệ thống hóa qua Hán Nho đến thời Tống mới bắt đầu được tăng cường, qua các nhà Lý học thời Tống đề xướng một lần nữa, đến thời Minh Thanh đã đạt tới mức cực điểm.

Thứ ba, thời Tống cũng tăng cường sự cấm cố thể xác đối với phụ nữ, đề xướng việc phụ nữ bó chân, thực hiện việc bó buộc thân xác phụ nữ. Giữa thời Bắc Tống, việc bó chân bắt đầu từ cung đình lan truyền ra dân gian, từ thời Nam Tống trở đi việc bó chân bắt đầu phổ biến ở phương Nam. Việc bó chân vốn được coi là "mỹ quan", từ thời Tống trở đi trở thành cách thức quan trọng để ràng buộc phụ nữ, đề phòng họ "dâm bôn".

Thứ tư, từ thời Tống trở đi quan niệm về cái đẹp phụ nữ mềm mại yếu ớt trở thành quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ chủ yếu trong xã hội, quan niệm thẩm mỹ méo mó về việc bó chân lưu hành rộng rãi, phụ nữ bó chân yếu ớt không chịu nổi gió trở thành điển hình về cái đẹp phụ nữ.

1. Việc tuyển chọn mỹ nữ trong cung đình Tống Nguyên

Bắt đầu từ thời Bắc Tống trở đi, rút kinh nghiệm mối họa ngoại thích thời Hán và "mối họa đàn bà" Vũ Tắc Thiên, Vi Hoàng hậu thời Đường, đối với việc tuyển chọn hậu phi thì dùng chính sách trọng đức khinh sắc, coi trọng lý lịch. Mẹ Tống Thái tổ là Chiêu Hiến Đỗ

Thái hậu, "Coi sóc việc nhà nghiêm khắc, có lễ pháp" (4). Từ đó trở đi hậu phi thời Tống phần lớn cũng là con nhà quyền thần danh môn, phần lớn cũng coi sóc việc nhà có lễ pháp, đều được lễ giáo phong kiến gọi là hiền hậu, hiền phi. Vì thế, *Tống sử, Hậu phi truyện* nói "Nhà Tống hơn ba trăm năm ở ngoài không có mối lo họ Vương thời Hán, bên trong không có các họa Vũ, Vi thời Đường, há không rạng rỡ có thể ca ngợi sao".

Thời Tống không có việc tuyển chọn cung nữ, hậu phi trong dân gian với quy mô lớn. Hậu phi của các hoàng đế nhà Tống hầu như đều xuất thân từ nhà các quan lớn quý hiển như Đại tướng, Tể tướng, Tiết độ sứ. Nhà Bắc Tống ngẫu nhiên có tiến hành hoạt động tuyển chọn con gái nhà thường dân thì cũng tuyển chọn từ trong các nhà "tướng văn, tướng võ" hoặc "thế gia" đại tộc. Như Thẩm Quý phi của Tống Chân tông "Đầu niên hiệu Đại Trung Tường Phù, nhờ là con nhà tướng văn tướng võ nên được tuyển" (5) vào cung. Sau đó lại từ trong số những người ấy chọn ra hậu phi. Cũng có hậu phi là nhờ có quan hệ "thông gia" với hoàng hậu hoặc thái hậu mà được tuyển chọn vào cung. Như Dương Đức phi của Tống Nhân tông, "Nhờ là nhà thông gia của Chương Hiến Thái hậu được chọn làm Ngự thị", Chu Quý phi "Năm bốn tuổi theo cô vào cung", đều là hoàng thân quốc thích thân lại thêm thân, được nạp vào cung.

Vì trải qua sự tuyển chọn khá nghiêm khắc, nên đa số hậu phi thời Tống đều giữ vững lễ giáo phong kiến, ôn nhu cung thuận, có lễ pháp. Ví dụ Hiếu Huệ

(4) *Tống sử, Hậu phi truyện.*

(5) *Tống sử, Hậu phi truyện*, những trích dẫn không ghi xuất xứ từ tiết này trở đi đều dẫn từ sách này

Hoàng hậu của Tống Thái tổ "Tính ôn nhu cung thuận, cư xử có lễ pháp". Hiếu Chương Tống Hoàng hậu "Tính ôn nhu hiếu lễ, mỗi khi vua ra triều trở về, thường mặc áo đội mão ra đón". Minh Đức Lý Hoàng hậu của Tống Thái tông "Tính cung kính cẩn thận đoan trang nghiêm nghị, nuôi dạy các con và đối xử với các phi tần rất hậu". Chương Mục Quách Hoàng hậu của Tống Chân tông "Khiêm cung giản dị, thương người dưới, tính ghét xa xỉ, người trong họ hàng vào cung yết kiến, ăn mặc lộng lẫy ắt sẽ khuyên răn". Lý Thần phi của Tống Chân tông "Trang trọng ít nói". Dương Thục phi "Thông mẫn, có trí tuệ, thờ Chương Hiến Thái hậu không hề ngỗ ngược". Từ Thánh Quang Hiến Tào Hoàng hậu của Tống Nhân tông "Tính hiền từ kiệm ước, trọng việc đồng áng, thường trồng lúa trong vườn thượng uyển, đích thân nuôi tằm". Trương Quý phi "Khôn khéo có trí, rất giỏi đoán ý vua". Miêu Quý phi thì "Nhờ dung mạo và đức hạnh mà được vào hầu", được cả dung mạo lẫn đức hạnh. Tuyên Nhân Thánh Liệt Cao Hoàng hậu của Tống Anh tông "Coi chính sự chín năm, triều đình trong sạch, Hoa Hạ yên ổn", "Người ta gọi là Nữ trung Nghiêu Thuấn", càng là hiền hậu nổi tiếng giữ gìn lễ pháp thời phong kiến. Khâm Thánh Hiến Túc Hướng Hoàng hậu của Tống Thần tông cũng là một vị Hoàng hậu tuân lễ thủ pháp. Sau khi Tống Triết tông lên ngôi, bà được tôn làm Hoàng Thái hậu. Lúc ấy Tuyên Nhân Cao Thái Hoàng Thái hậu ra lệnh sửa lại cung Khánh Thọ cho bà, bà từ chối nói "Làm sao có chuyện mẹ chồng ở bên tây mà con dâu ở bên đông, chia tách trên dưới, không dám vâng lệnh". Bà trú ở hậu điện Khánh Thọ, ngay phòng ở cũng tuân thủ pháp độ lễ chế. Khâm Từ Trần Hoàng hậu của Tống Thần tông "Lúc nhỏ dĩnh ngộ trang trọng, được tuyển vào Dịch

đình làm Ngự thị". Hiến Thánh Từ Liệt Ngô Hoàng hậu của Tống Cao tông nhà Nam Tống "Đọc rộng sử sách, lại giỏi văn chương", "Từng vẽ bức tranh Các liệt nữ thời cổ đặt ở cạnh chỗ ngồi để làm gương, lại làm thơ nêu lên ý nghĩa, viết tấm biển trong sảnh ấy là Hiền chí". Lại là một vị hoàng hậu theo lễ giáo thời cổ mà xử sự.

Trong các hậu phi thời Tống, những người nhờ sắc đẹp xuất chúng mà được sủng ái, được phong làm hậu phi rất ít. Hiếu Minh Vương Hoàng hậu của Tống Thái tổ "Giỏi đánh đàn tranh, đàn sắt" tinh thông âm luật. Lý Hiền phi của Tống Thái tông "Có sắc có đức", được cả sắc đẹp lẫn nết na. Miêu Quý phi của Tống Nhân tông "Nhờ có sắc đẹp và đức hạnh được vào hầu". Dương Quý phi, "Đoan trang xinh đẹp, khôn ngoan mẫn tiệp, giỏi âm luật thư huấn, sách vở nghệ thuật nhìn qua một lần là làm được như vốn đã tập luyện", là một phụ nữ vừa xinh đẹp vừa có tài nghệ. Chiêu Hoài Lưu Hoàng hậu của Tống Triết tông "Xinh đẹp đứng đầu hậu cung, lại nhiều tài nghệ" cũng là một phụ nữ phong diễm mỹ lệ đa tài đa nghệ. Trịnh Hoàng hậu của Tống Huy tông "Thích đọc sách, tấu chương đều có thể tự viết" rất có văn tài. Lưu Quý phi xuất thân hèn hạ nhưng "Thiên tư dĩnh ngộ, hầu hạ rất hợp ý chỉ, giỏi trang điểm, mỗi khi chế ra kiểu quần áo nào là bên ngoài lập tức học theo, là một phụ nữ lanh lợi, có khiếu thẩm mỹ. Bà đại khái là một cô gái xinh đẹp phong tao nhất trong cung đình thời Lưỡng Tống, nhưng so với Dương Quý phi thời Đường thì phải buồn rầu thất sắc.

Phân tích những ghi chép về hai mặt đức hạnh và sắc đẹp trong *Tống sử, Hậu phi truyện*, có thể khẳng

định rằng việc tuyển chọn hậu phi của các hoàng đế thời Tống là trọng đức khinh sắc, là theo tiêu chuẩn truyền thống trọng đức khinh sắc của Nho gia để tuyển chọn hậu phi.

Các hậu phi của hoàng đế nhà Tống cũng có người dự chính sự, nghe chính sự, nhưng việc họ dự chính sự, xưng chế, nghe chính sự phần lớn là hành xử dưới sự ràng buộc của luân lý cương thường Lý học nghiêm ngặt. Họ đều nhận thức rõ ràng việc duy trì hoàng thống của Triệu gia. Họ không lấy thân phận song trùng vừa là hoàng quyền, vừa là ngoại thích để chấp chính mà là lấy thân phận con dâu của hoàng gia Triệu Tống cầm quyền cho Triệu gia. Họ đã xây dựng ý thức chính thống phù tá Triệu gia vững chắc, tự giác đại diện cho lợi ích của hoàng gia Triệu Tống, phần lớn đều có thể chủ động khống chế ngoại thích.

Chương Hiến Minh Túc Lưu Hoàng hậu của Tống Chân tông, lúc Chân tông mắc bệnh, Lưu Hoàng hậu dự chính sự, "Nhiều việc do hậu quyết", "Quyết định những việc trong cung". Sau khi Chân tông chết, Nhân tông nối ngôi, Lưu Thái hậu "Đối với việc quân quốc trọng sự đều quyền khi xử phân", xưng chế mười một năm. Sử sách khen Lưu "Thái hậu xưng chế, tuy chính sự từ trong cung ban ra mà hiệu lệnh nghiêm minh, ân uy tới khắp thiên hạ, kẻ tả hữu gần gũi hằng ngày cũng ít có chỗ lợi dụng được, việc trong cung cũng chưa từng sửa đổi bừa bãi, ban ơn cho trong ngoài đều đúng mức", lúc Lưu Thái hậu mới xưng chế, có đại thần dâng thư xin theo chuyện Vũ hậu thời Đường, lập miếu họ Lưu, lại có người dâng bức tranh Vũ hậu lâm triều. Lưu Thái hậu ném thư xuống đất nói "Ta không làm việc phản bội tổ tông như thế". Bà xưng chế chuyện gì cũng

theo phép tắc của tổ tông mà làm, chỉ theo lối cũ, không có thay đổi gì lớn. Lưu Hoàng hậu tôn sùng Nho học. Tống Nhân tông vừa lên ngôi, bà sai các đại thần phụ chính triệu danh Nho để "Giảng dạy kinh sử, để phụ thêm đức" cho Nhân tông.

Nhà Tống bắt đầu từ Lưu hậu của Chân tông, Thái hậu không lâm triều xưng chế nữa, nhất luật thực hành chế độ "buông rèm nghe chính sự", phần lớn cùng vua nhỏ, đại thần phụ chính cùng nghe chính sự, rất ít khi Thái hậu một mình quyết đoán.

Tào Hoàng hậu của Tống Nhân tông, sau khi Anh tông lên ngôi có lần mắc bệnh không thể giải quyết việc triều chính, Tào lấy thân phận Thái hậu "Cùng có quyền coi việc quân quốc" buông rèm nghe chính sự. Nhưng bà gặp việc không một mình quyết đoán, "Tấu sớ của các đại thần có chỗ nào nghi ngờ chưa quyết được thì bảo mọi người cùng bàn, chưa thường tự đưa ra ý mình, quyết định quân quốc đại sự hoàn toàn dựa vào đại thần phụ chính. Về mặt chính trị, Tào hậu càng bảo thủ, sau khi Tống Thần tông lên ngôi, duy trì biến pháp của Vương An Thạch. Lúc bấy giờ Tào hậu đã được tôn là Thái Hoàng Thái hậu, nhiều lần khuyên Thần tông "Pháp độ của tổ tiên, không nên khinh suất thay đổi", lại cho rằng phép Thanh miêu gây ra tai họa cho bách tính, "nên bỏ đi", lại đề nghị Tống Thần tông "Tạm giáng chức cho ra nơi khác" đối với Vương An Thạch. Thần tông muốn lấy lại đất đai đã mất ở vùng Yên Tô, Tào Thái hậu lại cho rằng "Nếu có thể lấy được thì Thái tổ Thái tông đã thu phục được lâu rồi, cần gì đến ngày hôm nay", Thần tông đành thôi. Đủ thấy Tào Thái hậu lại càng là một

nhân vật chỉ biết giữ phép tắc đã có của tổ tông, không nghĩ tới việc tiến thủ.

Tuyên Nhân Thánh Liệt Cao Hoàng hậu của Tống Anh tông, khi Thần tông qua đời, Triết tông lên ngôi, bà nghe chính sự chín năm, cất nhắc các bậc lão thần, "Lấy việc khôi phục pháp độ của tổ tông làm hàng đầu", "Phàm luật lệ từ niên hiệu Hy Ninh đến lúc ấy có chỗ nào bất tiện đều lần lượt bãi bỏ", xóa bỏ tất cả kết quả biến pháp của Vương An Thạch đời Tống Thần tông, khôi phục cựu chế. Có đại thần tâu xin Cao Thái hậu cùng hoàng đế cùng ra điện, bà ngăn cấm, nói "Mẫu hậu ra mặt không phải là việc hay cho quốc gia, huống hồ chỗ làm việc chính của thiên tử há lại có thể ngự ra đó, tới điện Sùng Chính là được rồi". Theo học thuyết Nho gia, Mẫu hậu là âm, "Mẫu hậu ra mặt" (Mẫu hậu đương dương) hoàn toàn không phải là việc hay cho quốc gia, vì thế bà chủ động né tránh, không ngồi cùng hoàng đế trên điện coi việc. Những điều ấy đều nói rõ Cao Hoàng hậu tự giác hành xử theo luân lý cương thường của Lý học. Sử cũ ca ngợi bà "Coi chính sự chín năm, triều đình trong sạch, Hoa Hạ yên ổn". Bà đè nén ngoại thích, "Đè nén ham muốn riêng tư của ngoại thích. Những vật Văn tự viện dâng lên, không hỏi nhiều ít lớn nhỏ, trọn đời không lấy một vật. Người ta coi là Nữ trung Nghiêu Thuấn". "Nữ trung Nghiêu Thuấn" (Nghiêu Thuấn trong phụ nữ) là sự đánh giá cao nhất về phụ nữ theo tiêu chuẩn Nho gia.

Mấy vị hoàng hậu dự việc chính sự, nghe việc chính sự khác dưới thời Tống cũng đều ra sức giữ gìn lễ giáo, tuân thủ gia pháp tổ tông. Nhìn chung hậu phi nhà Tống chỉ có Quang Tông Lý Hoàng hậu, "tính ghen tuông hung dữ", từng chặt hai bàn tay cung nữ, giết

Hoàng Quý phi được sủng ái, sau khi nắm quyền rồi, phong tước vương cho ba đời nhà họ Lý, sửa lại gia miếu, thân thích được nhờ ơn có tới hai mươi tám người. Dương Hoàng hậu của Tống Ninh tông cùng viên lại là Trương Viễn hợp mưu giết chết đại thần Hàn Sá Trụ, gây ra cục diện mà sử gọi là "Bèn chuyên quyền coi việc chính sự" (Toại chuyên quốc chính), lại lập Lý tông, lấy danh phận Hoàng Thái hậu buông rèm nghe chính sự. Theo quan niệm Nho gia, hành vi của họ tựa hồ vượt ra khỏi khuôn phép, nhưng so với một số hậu phi thời Hán Đường, thì hành vi của họ không đáng gì.

Vì sao phần lớn hậu phi nhà Tống có thể giữ chắc lễ giáo phong kiến, tuân thủ gia pháp tổ tông ? Đại thể có bốn nguyên nhân :

Một là hậu phi thời Tống được chọn lựa nghiêm cẩn, phần lớn xuất thân từ nhà đại quan hoặc ngoại thích, lại phần lớn từ nhỏ đã được hun đúc trong lễ giáo, tính tình nhu thuận khiêm cung. Hai là sau khi vào cung lại được dạy dỗ theo lễ pháp cung đình, học tập gia pháp tổ tông. Như Mạnh Hoàng hậu của Tống Triết tông, năm mười sáu tuổi vào cung, được Thái hậu ưa thích, lại "dạy Nữ nghi cho", tiếp thụ sự hun đúc trong lễ giáo. Các hậu phi lớn hơn một đời (Thái hậu, Thái Hoàng Thái hậu) lấyhành vi tuân thủ lễ pháp của họ đích thân dạy bảo làm gương, truyền lại cho hậu phi đời sau. Thứ ba, cũng là quan trọng nhất, là thời Tống Lý học hưng khởi, "Tồn thiên lý, diệt nhân dục", giữ chắc lễ giáo và "luân lý cương thường" của Nho gia, yêu cầu phụ nữ thủ lễ, thủ tiết, trong hoàn cảnh xã hội và phong khí văn hóa chung ấy, cung đình thời Tống tự nhiên cũng bị phong khí Lý học của Nho gia

trùm lên. Thứ tư là đế vương, hoàng hậu không ngừng tổng kết những bài học ngoại thích can dự vào việc chính sự và "Mối họa đàn bà" từ thời Hán Đường trở đi, tăng cường việc quản lý và thống trị đối với hậu phi, cung nhân trong hậu cung, bồi dưỡng các hậu phi tự giác bảo vệ lợi ích hoàng gia, trở thành đại biểu cho quyền lợi của hoàng gia. Vì thế, các hậu phi càng khiêm cung nhu thuận, càng có tính chất công cụ, trở thành công cụ thuần phục của quyền lực hoàng gia.

Nhà Liêu là chính quyền do tộc Khiết Đan lập ra. Họ Gia Luật hoàng tộc nhà Liêu nhiều đời kết hôn với Hậu tộc Ất Thất Bạt Lý. Liêu Thái tổ hâm mộ Hán Cao tổ Lưu Bang, vì thế đổi Gia Luật Nghiễm thành họ Lưu, họ Ất Thất Bạt Lý thì ví với Tiêu Hà nên đổi thành họ Tiêu. Trong hai mươi vị hoàng hậu chép trong *Liêu sử, Hậu phi truyện*, ngoài Thuần Khâm Hoàng hậu Thuật Luật thị của Thái tổ, Quý phi Chân thị của Thái tông, mười tám vị hậu phi còn lại đều là con gái họ Tiêu. Vì thế nhà Liêu không có lối tuyển chọn hậu phi trong dân gian. Kim là chính quyền do tộc Nữ Chân xây dựng, "Về sau nhà Kim không cưới con gái nhà dân gian, các nhà bên cậu đều có nghĩa Chu Cơ, Tề Khương" (6), về cơ bản cũng là hoàng tộc và hậu tộc nối đời thông gia. Hải Lăng vương nhà Kim dâm loạn vô độ, so với Tùy Dạng đế chỉ hơn chứ không kém, Phi tử tới mười hai vị, ngoài ra còn có rất nhiều Chiêu nghi, Sung viên, Tiệp dư, Mỹ nhân. Hải Lăng vương chuyên dâm loạn với người trong tông tộc thân thích, đến nỗi giết cha, giết chồng của họ để nạp vào cung, phàm phụ nữ những nhà trong tông thất bị giết đều nạp vào hậu cung. Có người là thím y, có người

(6) Kim sử, Hậu phi truyện tự.

là chị dâu họ của y, cũng có người là chị em họ của y. Hải Lăng vương dâm loạn còn quá cả cầm thú, nhưng y không tuyển chọn con gái trong dân gian.

Nhà Nguyên tuy là chính quyền do người Mông Cổ xây dựng, nhưng thời Nguyên cũng từng theo chế độ cũ của hoàng tộc người Hán, có tuyển chọn gái đẹp trong dân gian. Theo *Nguyên sử, Gia Luật Sở Tài truyện*, trong đời Nguyên Thái tổ, "Thị thần Thoát Hoan tâu xin chọn gái đẹp trong thiên hạ, có chiếu ban ra, Sở Tài giấu đi không thi hành. Vua nổi giận, Sở Tài tâu : Xưa nay chọn mỹ nữ hai mươi tám người là đủ sai sử, nay lại tuyển chọn thêm, thần sợ làm nhũng nhiễu nhân dân, đang định tâu lại. Hồi lâu vua nói : Được rồi. Kế bãi bỏ việc ấy". Đời Nguyên Thái tông đã chọn được hai mươi tám người con gái trong dân gian. Thái tông hạ chiếu chọn lần nữa, vì Gia Luật Sở Tài can ngăn nên thôi. Đời Nguyên Thế tổ, Gia Luật Chú tâu "Quan lại nhân dịp tuyển chọn gái đẹp trong dân gian mà làm hại dân, xin ra lệnh quận lớn một năm chọn ba người, quận nhỏ chọn hai người, người được chọn thì nên ban thưởng hậu cho cha mẹ họ, nếu không thì thải về". Thế tổ tiếp nhận đề nghị ấy của Gia Luật Chú, hàng năm chọn ở các quận lớn ba người, quận nhỏ hai người, người mà không trúng tuyển cho về. Sau đó Ngự sử trung thừa Thôi Vực dâng tờ tâu "Xin bỏ hết việc tuyển chọn con gái ở các lộ" (7). Theo Chuyết canh lục, trong niên hiệu Chí Nguyên đời Nguyên Thuận đế, dân gian đồn đại là sắp tuyển gái đẹp, nhất thời trẻ trai trẻ gái đều cưới gả tất. Triệu Lân tác giả Trấp nhị sử trát ký cho rằng, "Có lẽ tuy Thế tổ bãi bỏ mà các triều thỉnh thoảng vẫn làm". Có lẽ các vua

(7) Trấp nhị sử lễ ký, Nguyên thời tuyển tú nữ chi chế.

nhà Nguyên thỉnh thoảng cũng chọn gái đẹp trong dân gian.

Thời Nguyên còn có lệ tuyển con gái Cao Ly vào cung. Nguyên Văn tông từng ban con gái Cao Ly trong cung cho Thừa tướng Nhã Khắc Đặc Mục Nhĩ, thứ hoàng hậu Kỳ Thị Hoàng Giả Hốt Đô của Nguyễn Thuận đế vốn là mỹ nữ Cao Ly, được tuyển vào cung, được Nguyên Thuận đế sủng ái, được phong làm hoàng hậu, đương thời việc tuyển gái đẹp Cao Ly vào cung không hề gián đoạn. Có đại thần dâng sớ nói "Thời quốc sơ Cao Ly thần phục trước nhất, mà gần đây nhiều lần sai sứ tới tuyển chọn mỹ nữ, khiến họ con gái không lấy chồng, con gái lớn không gả chồng" (8), xin cấm chỉ. Thuận đế tiếp nhận đề nghị ấy, ngừng việc tuyển mỹ nữ Cao Ly.

Số lần và quy mô của việc hai triều Tống Nguyên tuyển mỹ nữ trong dân gian ít hơn rất nhiều so với các triều Hán, Tấn, Tùy Đường. Nhưng hoàng đế lợi dụng đặc quyền vô hạn của mình nên chế độ tuyển chọn mỹ nữ trong dân gian thủy chung vẫn không tuyệt tích.

Nhà Nguyên sau khi vào làm chủ Trung nguyên, xây dựng hoàng cung ở Đại đô (Bắc Kinh ngày nay), quy mô to lớn, kiến trúc hùng vĩ. Trong Đại nội có cung Đức Thọ, cung Hưng Thánh, cung Thúy Hoa, cung Trạch Thắng, lầu Liên Thiên, điện Hồng Loan, điện Nhập Tiêu, điện Ngũ Hoa vân vân. Người đẹp trong cung đều tuyển từ khắp cac nơi trên toàn quốc, trong đó cũng có cung nữ nhà Nam Tống được chọn vào hậu cung nhà Nguyên.

Thị tùng của hậu phi thời Nguyên đều có định chế. Hoàng hậu có 280 Thị tùng, "đội mũ Bộ quang nê

(8) Xem chu thích (7)

kim, mặc áo Phiên hồng thú bão". Phi có 200 Thị tùng, "đội khăn Huyền lương thất diệu, mặc áo Vân tiêu giáng tăng". Tần có 80 Thị tùng, "đội khăn Văn hộc, mặc áo Thanh ty lũ kim" (9). Cung nữ thời Nguyên không đông bằng thời Tùy Đường, nhưng cũng không phải là ít.

Cung tần được tiến ngự của Nguyên Thuận đế rất đông, "Những người đeo ấn Phu nhân, Quý phi không dưới trăm người. Như Thục phi Long Đoan Kiều, Trình Nhất Ninh, Qua Tiểu Nga, Lệ tần Trương A Huyền, Chi Kỳ thị, Tài nhân Anh Anh, Ngưng Hương Nhi là được sủng ái nhất. Thương ai thì thành toàn cho, ghét ai thì trừ khử đi, ngôi vị dưới bậc hoàng hậu mà quyền thì rất lớn trong cung cấm. Trong cung gọi là Thất quý". Trong đó Ngưng Hương Nhi "vốn là quan kỹ trong bộ, nhờ tài nghệ được tiến cung, dần dần sung Tài nhân, giỏi đàn sắt, hiểu âm luật, có thể tung mũ tung giày mà múa. Lúc múa mũ áo đều bay trên không, kế lại rơi xuống như cũ" (10). Nàng là một nữ vũ đạo gia đa tài đa nghệ.

Xem ra việc tuyển chọn phi tần trong hậu cung thời Nguyên không nghiêm ngặt gì, phụ nữ xuất thân nghệ kỹ cũng có thể nhờ tài nghệ được tuyển vào cung. Cách thức này không khác thời Tùy Đường bao nhiêu.

2. "Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn"

Từ thời Ngụy Tấn, Tùy Đường trở đi, yêu cầu về trinh tiết phụ nữ của xã hội không phải là mười phần nghiêm ngặt. Cho dù có đề xướng phụ nữ "Tùng nhất nhi chung" (Theo một người suốt đời), nhưng việc quả

(9, 10) *Nguyên thị Dịch đình ký.*

phụ tái giá được coi là chuyện bình thường, một số người làm cha mẹ thậm chí còn khuyến khích, bức bách con gái "thủ tiết" cải giá. Quan niệm về trinh tiết của người thời Đường lại càng hời hợt.

Từ thời Ngụy Tấn, Tùy Đường trở đi, yêu cầu phụ nữ phải gồm đủ cả đức, ngôn, dung, công. Đức, dùng tài nghệ phát triển nhiều mặt, nhưng không hề nhấn mạnh trinh tiết của phụ nữ.

Thời Tống là thời kỳ quá độ trong quá trình quan hệ hai giới ở nước ta từ chỗ lỏng lẽo bước qua chỗ nghiêm ngặt. Trong đó biểu hiện nổi bật nhất là thời Tống từ khi Trình Hạo, Trình Di, Chu Hy sáng lập ra Lý học trở đi, "Lấy đạo lý giết người", trong đó đối với phụ nữ thì đề xướng quan niệm trinh tiết cực kỳ nghiêm khắc, phản đối việc quả phụ tái giá. Từ thời Tống trở đi, dường như "trinh tiết" hay không đã trở thành tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá phụ nữ. Trình Hạo là người đầu tiên đề xướng chủ trương cực đoan quả phụ "Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn". *Cận tư lục* nói :

> "Có người hỏi : Quả phụ về lý thì dường như có thể lấy chồng, thì thế nào? Y Xuyên tiên sinh đáp : Đúng, phàm lấy thân thủ tiết thì như thủ tiết với chồng, đã lấy người khác là mình thất tiết. Lại hỏi : Nếu có người cư sương thủ tiết mà nghèo khổ không nơi nương tựa, có tái giá được không ? Đáp : Chỉ là người sau sợ chết đói chết rét nên mới nói thế. Nhưng chết đói là chuyện cực nhỏ, thất tiết là chuyện cực lớn !".

Trình Di coi việc quả phụ có thể thủ tiết hay không quan trọng hơn tính mạng của quả phụ, trước

hết đã đánh mất "nhân tính", đúng là "Lấy đạo lý giết người" không thấy máu. Phụ nữ lấy chồng mà chồng chết, vốn đã là sự bất hạnh, nếu tái giá lại là "thất tiết", thì lẽ trời không dung. Vì thế quả phụ chỉ có hai con đường thủ tiết hoặc tuẫn tiết theo chồng. Đó chính là chặt đứt con đường tái giá của quả phụ.

Trình Di còn đề xướng đàn ông không lấy quả phụ làm vợ. Quả phụ tái giá là thất tiết, ai cưới quả phụ thì bản thân người ấy cũng là kẻ thất tiết. Quả phụ mà không có ai cưới, vậy thì họ cũng chỉ có thể thủ tiết hoặc tuẫn tiết mà thôi.

Chu Hy cũng cực lực cổ xúy việc quả phụ thủ tiết. Em rể Trần Sư Trung chết, ông gửi thư cho Trần đề nghị tìm cách khiến em gái thủ tiết. Trong thư nói "Bảo lệnh muội phải hết sức kiên trì, thì có thể nuôi cha mẹ già dạy dỗ con côi mà thành toàn tiết tháo *Bá chu*, chuyện này với sự khuyến khích và giúp đỡ của phu nhân thừa tướng ắt sẽ thành công, khiến trong nhà kẻ trung thần sinh ra bậc tiết phụ, đó cũng là việc hay trong nhân luân. Nghĩ lại anh em lão huynh, ắt không ngại ngùng mà tán thành vậy. Ngày xưa Y Xuyên tiên sinh thường bàn về việc này, cho rằng chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn, từ phía thế tục mà nhìn, quả thật rất viễn vông, nhưng từ phía người quân tử biết kinh hiểu lý mà nhìn, thì thường cũng có người biết là không thể khác được".

Không biết vì sao các học giả Lý học "biết kinh hiểu lý" thời Tống cứ lấy vấn đề quả phụ cải giá ra để làm văn chương, cứ như nếu tất cả quả phụ trên đời đều không tái giá thì sẽ "Tồn thiên lý, diệt nhân dục", nước mạnh dân giàu, thái bình vĩnh viễn. Đó

chính là chỗ đáng buồn của các bậc đại nho ở Trung Quốc thời cổ !

"Lý học Trình Chu" cực lực phản đối việc quả phụ tái giá. "Giá trị" của quả phụ tái giá bị giảm sút. Ngược lại, Tống Nho bắt đầu cổ xúy trinh tiết của xử nữ, kết hợp trinh tiết với sinh thực khí của phụ nữ. Bắt đầu từ thời Tống xã hội mới coi trọng sự trinh tiết của phụ nữ chưa lấy chồng, đó là nội dung mới thêm vào trong quan niệm trinh tiết của thời Tống. *Hậu đức lục* có chép một việc như sau :

> "Trương Định công Vịnh giữ chức Tri Ích Châu, một mình một ngựa phó nhiệm. Lúc ấy quan lại cả phủ sợ Trương nghiêm khắc, không dám nuôi chứa tỳ thiếp. Trương không muốn tuyệt nhân tình, hôm sau mua một nữ tỳ làm người giặt giũ. Từ đó quan lại lại rón rén mua tỳ thiếp hầu hạ. Trương ở đất Thục bốn năm, được triệu về kinh, gọi cha mẹ của người nữ tỳ ấy tới, bỏ tiền ra gả chồng cho, vẫn còn là xử nữ" (11).

Câu chuyện này cũng đồng thời tán dương đàn ông không gần nữ sắc và con gái còn "đồng trinh". Từ thời Tống trở đi, đàn ông bắt đầu có thói nghiện "xử nữ". Vì thế trên cổ phụ nữ thời Tống lúc lấy chồng lại khoác thêm một cái gông nặng nữa. Vì đàn ông coi trọng "xử nữ" nên quả phụ tái giá lại càng khó khăn.

Tống Nho đồng thời với việc đề xướng quả phụ thủ tiết, cũng chủ trương đàn ông vợ chết không lấy vợ khác. *Tính lý đại toàn* nói :

(11) *Tống diễm, Yết tuyệt.*
(12) *Tống diễm, Đức nghĩa.*

"Hỏi : Lấy vợ khác đều không hợp với đạo lý sao ?

Đáp : Bậc đại phu trở lên không có lý do để lấy vợ khác. Phàm người ta làm vợ làm chồng, há lại có lời hẹn là một người chết trước, thì người còn lại sẽ lấy chồng khác hay lấy vợ khác sau? Chỉ hẹn với nhau là làm vợ chồng trọn đời thôi. Nhưng từ bậc đại phu trở xuống, có người bất đắc dĩ phải lấy vợ khác, đại khái là vì thờ phụng cha mẹ hoặc coi sóc việc trong nhà thôi, như bậc đại phu trở lên thì tự có các phi tần có thể làm việc tế tự, cho nên không cho được lấy vợ khác" (13).

Cũng chính là nói Nhị Trình chủ trương người đã có vợ thiếp không được lấy vợ nữa, người không có vợ thiếp vì lợi ích gia tộc có thể lấy vợ khác, cho dù không thật phù hợp với chủ trương "Đàn ông không lấy vợ khác", nhưng so với "Đàn ông được lấy vợ khác, đàn bà không được lấy chồng khác" mà nói thì cũng có sự tiến bộ nhất định.

Để thực hiện chủ trương cấm dục "Tồn thiên lý, diệt nhân dục", Tống Nho yêu cầu đàn ông khắc kỷ tu thân, giữ gìn sự trong sạch, trong nhà thì không gần gũi mỹ thiếp, ở ngoài thì xa lánh kỹ nữ, không gần nữ sắc. Chủ trương ấy nhắm vào hiện tượng xã hội lan tràn thành tập quán là các quan lại phú hào thời Tống buông thả lòng dục, nạp thiếp, chơi gái, có thể nói là có ý nghĩa tích cực.

Từ Sĩ Loan thời Thanh trong lời án ngữ quyển *Tống diễm* có một điều nói "Đại khái các Giám ty Quận

(13) Dẫn lại từ *Trung Quốc phụ nữ sinh hoạt sử*, tr. 138

thú đương thời, đều chìm đắm ở chỗ hưởng lạc, yến tiệc ắt dùng kỹ nhạc", nên quan kỹ thịnh hành. "Đương thời nhiều người tụ họp ăn tiệc vui chơi, không sợ lời bàn tán" (14). Quan lại văn sĩ yến tiệc ắt dùng kỹ nữ hầu rượu làm lệnh, không ai chịu nghe lời thuyết giáo của các nhà Lý học. Vả lại ngay cả họ cũng rất khó mà làm việc không nạp thiếp, không gần gũi kỹ nữ. "Thánh nhân loại hai" Chu Hy cũng từng "dụ dỗ hai ni cô làm sủng thiếp, làm quan ở đâu cũng đưa đi theo" (15).

Chu Hy chủ trương không chơi gái, ngoài lý do cấm dục, còn cho rằng vì kỹ nữ là loại hèn hạ, chơi bời kỹ nữ sẽ làm nhục tới nhân cách của mình. Ví dụ "Chu Cung Thúc trên tiệc vừa ý một kỹ nữ", "Y Xuyên trở về, Hòa Tĩnh ngẫu nhiên nhắc tới chuyện ấy, Y Xuyên nói : Như thế không bằng cầm thú, thân xác cha mẹ để lại há lại có thể kết hợp với kỹ nữ hèn hạ sao?" (16).

Lục Cửu Uyên thấy Tạ Cấp chơi gái, bèn chỉ trích "Sĩ quân tử mà sớm tối ăn ở với loại kỹ nữ hèn hạ, không thẹn với danh giáo à?", cho rằng chơi gái có chỗ hổ thẹn với danh giáo, làm tổn hại phong hóa. Nhưng Tạ Cấp lại nửa đùa nửa thật "Từ khi Tốn, Kháng, Cơ, Vân chết, khí anh linh của trời đất không chung đúc vào nam nhân mà chung đúc vào nữ nhân" (17). Lời Tạ Cấp tuy là nửa đùa nửa thật nhưng cũng phản ảnh quan niệm của Tạ Cấp về phụ nữ. Ông cho rằng khí anh linh của trời đất chung đúc vào phụ nữ, biểu hiện

(14) *Tống diễm, Kỳ dị.*
(15) *Tứ triều văn kiến lục*, Đinh tập
(16) *Tống diễm, Phi mậu.*
(17) *Tống diễm, Cuồng thiếp.*

sự tôn trọng với phụ nữ, thậm chí cả loại kỹ nữ, mà Đạo học gia lại coi thường kỹ nữ.

Khinh rẻ kỹ nữ là để chế ngự đề phòng sự dâm dục. Nhưng các quan liêu văn sĩ đồng thời thời hội yến, xã giao ắt phải có kỹ nữ hầu rượu, các nhà Nho thời Tống rất khó không thể không giao thiệp với kỹ nữ. *Nhân phổ loại ký* chép :

> "Nhị Trình tiên sinh một hôm cùng tới nhà sĩ phu dự tiệc. Trên tiệc có hai cô gái rót rượu. Y Xuyên thấy kỹ nữ lập tức phất tay áo bỏ về. Minh Đạo thì cùng khách khứa uống say rồi về. Sáng hôm sau Minh Đạo tới trai phòng của Y Xuyên trò chuyện, nhắc tới chuyện hôm qua, Y Xuyên còn có vẻ tức giận. Minh Đạo cười nói "Lúc bấy giờ ta uống rượu với họ, trên tiệc có kỹ nữ mà trong lòng vốn không có kỹ nữ, hôm nay em ta ngồi ở trai phòng, trong trai phòng vốn không có kỹ nữ mà trong lòng vẫn có kỹ nữ đấy". Y Xuyên bất giác xấu hổ khâm phục" (18).

Chuyện "Trong lòng Đại Trình không có kỹ nữ" này là điển cố văn nhân thường sử dụng. "Trong lòng không có kỹ nữ" chẳng qua là "nhìn mà không thấy" kỹ nữ thôi, chứ việc ông và em trai bàn luận trong trai phòng hôm sau làm sao có thể nói là "trong lòng không có kỹ nữ", chẳng qua chỉ là dối mình lừa người vậy.

Dưới ảnh hưởng của quan niệm phụ nữ "thất tiết là chuyện lớn" không lớn lắm thời Tống, cháu gái và cháu dâu của Trình Di đều từng tái giá. Nhưng vì sự cổ xúy của các nhà Lý học, số quả phụ thủ tiết dần

(18) Dẫn lại từ *Tống diễm, Đoan phương.*

dần tăng lên. Từ thời Nguyên trở đi, số người thủ tiết ngày càng phổ biến.

Về hiệu quả xã hội của quan niệm thủ tiết mà Tống Nho đề xướng, Phương Bao đầu thời Thanh có một nhận xét, ông nói "Thường đọc chính sử và các sách quận huyện chí trong thiên hạ, các phụ nữ thủ tiết tử nghĩa từ thời Tần, Chu trở về trước chỉ đếm được trên đầu ngón tay, từ thời Hán đến thời Đường cũng rất thưa thớt. Từ thời Bắc Tống trở đi thì con số không thể tính được. Đại khái nghĩa vợ chồng đến Trình tử thì bắt đầu rõ ràng... Mà câu Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn thì phụ nữ ở quê ở chợ cũng đều đã nghe quen tai" (19).

Từ thời Tống trở đi, đặc biệt là từ khi Nhị Trình đề xướng việc quả phụ thủ tiết, số phụ nữ thủ tiết dần dần tăng lên, trong *Nhị thập tứ sử, Liệt nữ truyện* và các sách vở đề cập tới phụ nữ khác, *Nguyên sử* trở về trước không quá 60 người, *Tống sử* nhiều lắm cũng chỉ có 55 người, mà *Nguyên sử* thì có tới 187 người. Trong *Liệt nữ truyện* của các bộ sử từ thời Tống trở về trước, số người thực sự thủ tiết, tuẫn tiết theo chồng rất ít, đến *Nguyên sử, Liệt nữ truyện* thì số "phụ nữ làm gương" thủ tiết, tuẫn phu tăng vọt. *Nguyên sử, Liệt nữ truyện* chép số phụ nữ vì chồng bệnh chết mà chết theo có 48 người, còn *Tống sử, Liệt nữ truyện* chỉ có 2 người. *Nguyên sử, Liệt nữ truyện* còn chép số phụ nữ vì binh lửa và giặc cướp cưỡng bức mà chết là 83 người. Lại theo *Cổ kim đồ thư tập thành, Khuê viên điển*, hai phần *Khuê liệt, Khuê tiết* thì số liệt phụ, liệt nữ là : từ thời Tống trở về trước có tất cả 187 người,

(19) *Phương Bao tập*, quyển 4

thời Tống, Kim có 302 người, mà đến thời Nguyên thì tới 743 người, vượt cả con số của cả thời Tống Kim gộp lại. Đủ thấy ảnh hưởng của Lý học dưới thời Nam Tống chưa có tác dụng bao nhiêu, đến thời Nguyên trở đi mới phổ biến trong xã hội, đến Minh Thanh thì đạt tới mức cực điểm.

Thời Tống Nguyên là thời Lý học bắt đầu được đề xướng và từng bước quá độ trở thành tư tưởng thống trị của xã hội, yêu cầu cực đoan đòi hỏi phụ nữ thủ trinh, thủ tiết, tuẫn tiết cũng dần dần tăng lên. Tăng cường ý thức phụ nữ thủ trinh, thủ tiết, tuẫn tiết, cách thức chủ yếu là một lối trói buộc và hành hạ về mặt tinh thần, từ ý thức tư tưởng đem quan niệm tiết liệt phổ biến cho phụ nữ, thông qua sự tuyên truyền của Lý học và sự trấn áp của dư luận xã hội, bức bách phụ nữ "tự giác" tiếp thu. Đến thời Nguyên, cái gọi là "Tôi trung không thờ hai vua, liệt nữ không thờ hai chồng", "Chồng chết vì nước, vợ chết vì chồng là nghĩa" đã trở thành quan niệm phổ biến đương thời (20).

Đồng thời hai triều Tống Nguyên cũng tăng cường sự ràng buộc về cơ thể phụ nữ, phong tục bó chân tàn ác tàn hại phụ nữ bắt đầu phổ biến, lan tràn dưới thời Tống Nguyên.

3. Bó chân - sự truyền bá và phổ biến cái đẹp méo mó của phụ nữ

Cuối thời Ngũ đại cung tần Diểu Nương của Lý Hậu chủ nhà Nam Đường bó chân, không phải chỉ là hiện tượng cá biệt trong vũ nữ ở cung đình nhưng cũng

(20) Xem thêm Đỗ Phương Cầm, *Phát hiện phụ nữ đích lịch sử* (Lịch sử phát hiện phụ nữ), Thiên Tân Xã hội Khoa học xã xuất bản, 1996, tr. 172

chưa phải đã phổ biến trong hậu cung nhà Nam Đường. Năm 960, nhà Bắc Tống dựng nước, năm 975 tiêu diệt nhà Nam Đường. Cho nên thời gian Diểu Nương bó chân là vào cuối thời Ngũ đại, đầu thời Bắc Tống. Nhưng đầu thời Bắc Tống việc bó chân vẫn chưa lưu hành, các sử liệu và hiện vật khảo cổ khai quật được hiện nay đều chưa phát hiện dấu vết của phụ nữ bó chân đầu thời Bắc Tống.

Đào Tông Nghi trong *Nam thôn chuyết canh lục* nói "Từ niên hiệu Hy Ninh, Nguyên Phong trở về trước, những người bó chân rất ít". Hy Ninh, Nguyên Phong là niên hiệu trong đời vua Tống Thần tông Triệu Húc (1068 - 1085) tức những năm 70 của thế kỷ XI. Trong thời gian này thời Bắc Tống đã có một số ít phụ nữ bó chân. Đầu thời Bắc Tống số phụ nữ bó chân lại càng ít thấy. Từ Tích trong bài *Duy Dương Thái Trương thị* vịnh Thái Trương thị nói "Thủ tự thực tùng bách, Thân diệc ủy trần nê, Hà hạ lý song túc, Đãn tri cần tứ chi" (Tay tự trồng tùng bách, Thân cũng lấm sình lầy, Đâu rảnh lo đôi gót, Bận rộn phải liền tay). Việc bó chân bắt đầu từ cung đình là kết quả của việc biến phụ nữ tầng lớp trên thành đồ chơi, chứ tất cả các phụ nữ lao động, vì lao động suốt năm, căn bản không có thời gian để bó chân. Thị hiếu thẩm mỹ méo mó trong tầng lớp trên của xã hội thông qua một thời gian dài mới bắt đầu lan ra xã hội, được nhân dân tầng lớp dưới thừa nhận. Vì thế giữa và cuối thời Bắc Tống rất ít phụ nữ bó chân, phần lớn là phụ nữ cung đình, phụ nữ quý tộc hoặc gia kỹ trong các nhà giàu.

Thời Bắc Tống đã xuất hiện những thơ từ của văn nhân từ khách ngâm vịnh về việc bó chân. Bài *Bồ Tát man, Vịnh túc* của đại từ gia Tô Thức có lẽ là bài từ đầu tiên ngâm vịnh về bàn chân nhỏ ở nước ta :

Đồ hương mạc tích liên thừa bộ,
Trường sầu la mạt lăng ba khứ.
Chỉ kiến vũ hồi phong,
Đô vô hành xứ tung.
Thâu xuyên cung dạng ổn,
Tịnh lập song diệt khốn,
Tiêm diệu thuyết ưng nan,
Tu tùng chưởng thượng khan

(Tô hương chớ tiếc sen vàng bước,
Sầu dài tất lụa lăng ba lướt.
Chỉ thấy gió mưa quanh,
Đều không in vết chân
Cung trang mặc đúng lối,
Đi lại hai chân mỏi
Tuyệt diệu khó nên lời,
Trên tay cứ nhìn thôi)

Đây là một bài từ ngâm vịnh bàn chân của vũ nữ trong giáo phường nhạc tịch. Từ "Cung dạng" trong bài từ là chỉ kiểu thức "nội gia" lưu hành trong cung đình. Đủ thấy việc bó chân là từ cung đình truyền ra dân gian. Nhà thơ Tần Quan cũng có câu thơ "Cước thượng hài nhi tứ thốn la" (Bốn tấc là quanh chân nhỏ bao), đều nói bàn chân nhỏ hài cũng nhỏ.

Cuối thời Bắc Tống, sinh hoạt của giai cấp thống trị ngày càng hủ hóa, việc trang điểm của phụ nữ nảy sinh đủ kiểu hoa dạng. *Tùng song tiểu độc* chép từ niên hiệu Tuyên Hòa (1119 - 1125) trở đi, "Các khuê nữ ở Biện Kinh trang điểm, hài hoa cong vút, vàng ngọc lộng lẫy, một chiếc tất một cái cổ áo cũng tốn hàng ngàn vàng" (21). Kiểu hài cũng muôn kỳ ngàn lạ.

(21) *Thái phi lục, Thiên Tân thư cục, 1938, Thức tiếu lục*, tr. 2

Lục Du trong *Lão Học Am* bút ký chép cuối niên hiệu Tuyên Hòa "Đế hài phụ nữ nhỏ, dùng hai màu ghép lại, gọi là Thác đáo để". Trong phong khí xã hội xa xỉ ấy, phong tục bó chân bắt đầu lan ra. Nhưng trong thời Bắc Tống, việc bó chân vẫn là "độc quyền" của một số ít phụ nữ tầng lớp trên, rất không phổ biến.

Thời Nam Tống, việc bó chân bắt đầu lưu hành, phổ biến ở phương Nam.

Sau khi Tống Cao tông Nam độ, các bề tôi không nghĩ tới chuyện phấn phát lấy lại cương thổ, chống Kim cứu nước, thu phục đất đai bị mất mà lại đem phong khí xa xỉ nhu nhược của nhà Bắc Tống tới phương Nam, phong tục bó chân cũng bắt đầu lưu hành ở Giang Nam. *Hạc lâm ngọc lộ* chép năm Kiến Viêm thứ 4 đời Tống Cao tông (1130), "Nhu Phúc Đế Cơ tới, vua vì bàn chân lớn nên ngờ vực. Nàng cau mày nói : Người Kim bức bách, lặn lội ngàn dặm, làm sao được như cũ ? Vua rất thương xót" (22). Theo Tống sử, Công chủ truyện, Nhu Phúc Đế Cơ là một vị công chúa, trong loạn Tĩnh Khang bị quân Kim bắt về thành Ngũ Quốc ở phương Bắc, chết ở đó. "Nhu Phúc Đế Cơ" đây là ni cô Lý Tĩnh Thiện ở Khai Phong giả mạo. Nàng lừa được Tống Cao tông, được phong làm Phúc Quốc Trưởng công chúa. Câu chuyện này cho thấy cuối thời Bắc Tống phụ nữ trong cung đình đã rất phổ biến việc bó chân, các công chúa đại khái cũng đều bó chân, nếu không Cao tông đã không vì "bàn chân to" mà nảy ý nghi ngờ. Thứ nữa cũng cho thấy đương thời bàn chân của phụ nữ bó chân và không bó chân sai biệt không bao nhiêu, nên ni cô Lý Tĩnh Thiện mới có thể lấy cớ "Người Kim bức bách, lặn lội ngàn dặm, làm sao được như cũ" để

(22) *Thái phỉ lục*, thiên 4, tr 13

biện minh cho "bàn chân to" mà nhập nhèm qua mặt Cao tông.

Phụ nữ bó chân xuống Nam, đem phong khí bó chân tới Giang Nam, bắt đầu truyền bá ở phương Nam. Đồng thời còn đem các phương pháp bó chân, trang điểm và vật phẩm trang điểm như Sấu kim liên phương, Bảo diện hoàn, Biến thể hương tới Giang Nam. Lúc bấy giờ phụ nữ Giang Nam cũng bắt đầu bó chân. *Nghệ lâm đại sơn* chép "Lời ngạn nói : Bàn chân của phụ nữ Hàng Châu, kỹ nữ ở đô thành đều mang tất hẹp hài cong như phụ nữ nhà lương gia" (23). Xem ra việc bó chân thời Bắc Tống phần lớn là các phụ nữ nhà lương gia tầng lớp trên, từ thời Nam Tống trở đi mới lưu hành trong giới kỹ nữ.

Tống sử, Ngũ hành chí chép đời Tống Lý tông cung phi bó chân cốt nhỏ và thẳng, gọi là Khoái thượng mã. Phụ nữ bó chân cho vừa nhỏ vừa thẳng bắt đầu từ đời Tống Lý tông. Có người căn cứ vào đó suy đoán rằng có thể việc bó chân của phụ nữ trong cung thời Tống Lý tông đã trở thành chế độ.

Thời Nam Tống, phụ nữ dân gian bó chân cũng khá phổ biến. Đương thời tranh phụ nữ đều vẽ chân mang hài cong. Như hình vẽ phụ nữ trong các bức *Sưu tiên đồ, Tạp kịch nhân vật* đồ thời Nam Tống, hai bàn chân đều nhỏ, có người còn mang hài cong, mũi hài vút lên như vầng trăng.

Hài cong của phụ nữ thời Nam Tống đều phát hiện được trong mộ táng các nơi. Ví dụ hiện vật khai quật được ở Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến, người trong mộ là Hoàng Thăng phụ nữ quý tộc trẻ tuổi. Trong những

(23) *Thái phỉ lục*, thiên 3, tr. 159 - 160

vật tùy táng có sáu đôi hài, mũi hài nhỏ nhọn, hài lại cong vút, trên dùng dây nhỏ kết hình bươm bướm, hài dài 13,3 - 14cm, rộng 4,5 - 5cm, bàn chân của chủ nhân ngôi mộ lúc đào lên vẫn còn vải bó chân, là chứng cứ quan trọng về việc phụ nữ bó chân. Tại ngôi mộ thời Nam Tống ở Cù Châu Chiết Giang cũng đào được một đôi hài bằng bạc : mặt và đế hài đều dùng phiến bạc kết thành, mũi hài cong vút lên, đế hài trước nhọn sau tròn, dài 14cm, rộng 4,5cm, cao 6,7cm. Đôi hài này tuy là đồ vật tùy táng, nhưng hình dáng, trang trí giống hệt hài thật. Việc dùng hài bạc tùy táng phản ảnh sự sùng thượng của đàn ông trong xã hội đương thời đối với bàn chân nhỏ của phụ nữ.

Những ghi chép trong sử sách và hiện vật khai quật được đều chứng minh thời Nam Tống việc phụ nữ bó chân đã khá phổ biến, không những "hành bộ" phụ nữ Chiết Giang bó chân, mà phụ nữ Phúc Kiến cũng có người bó chân. Những ghi chép trong sử sách và hiện vật khai quật được cũng đều nói rõ phụ nữ trời Nam Tống bó chân lấy nhỏ nhọn làm chủ, vả lại loại hài mũi nhọn cong lên không khác kiểu hài Tân nguyệt của Diểu Nương bao nhiêu, mà lại rất khác kiểu hài Tam thốn kim liên của phụ nữ thời Minh Thanh.

Vì sao việc bó chân lại trở nên phổ biến dưới thời Nam Tống ?

Có một truyền thuyết cho rằng, người Kim nam xâm, bắt được một số lượng lớn phụ nữ người Hán, người Kim xua họ lên phía Bắc, vì phụ nữ bó chân đi đường khó khăn, người Kim bèn thả họ về. Vì thế phụ nữ người Hán bèn đua nhau bó chân, khiến phong tục bó chân mau lẹ truyền bá ra khắp nơi. Lý do của việc bó chân phổ biến có thể có nhiều nhân tố nhưng quan

niệm thẩm mỹ méo mó coi bàn chân nhỏ là đẹp e chính là lý do chủ yếu khiến việc bó chân phổ biến. Phụ nữ tầng lớp trên ở khu vực trung nguyên thời Kim vẫn theo phong tục thời Bắc Tống, mang hài cong, vô cùng lộng lẫy. Đủ biết phụ nữ bó chân còn vì mỹ quan.

Thời Nam Tống những thơ từ vịnh việc bó chân cũng rộ lên. Như bài *Tấm viên xuân, Vịnh mỹ nhân túc* của Lưu Quá :

Lạc Phố lăng ba, vị thùy vi bộ ?

Khinh trần ám sinh, kỷ đạp hoa phương kính, loạn hồng bất tổn

Bộ đài u thiết, nộn lục vô ngân.

Sấn ngọc la khanh, tiêu kim dạng trách, tải bất khởi doanh doanh nhất đoạn xuân.

Hy du quyện, yếu giáo lang khoản nẫm, vi thoái ta căn.

Hữu thời tự độ ca vận, sảo bất giác vi tiêm điểm phách tần

Ức kim liên đi hoán, văn ương đắc lữ, tú nhân thôi cổn. vũ phong khinh phân

Não hận thâm già, mâu tình bán lộ, xuất một phong tiền yên lũ quần.

Tri hà tự, tự nhất câu tân nguyệt, thiển bích lưng vân.

(Lạc Phố lăng ba, vì ai khẽ bước ?

Bụi nhẹ thầm bay, đạp tới lối thơm, hoa tàn chẳng vướng

Bước lên rêu đá, sắc lục không hằn

Đính ngọc độn the, dát vàng dáng hẹp, chở không nổi tràn trề một đoạn xuân

Rong chơi mỏi, muốn được chàng săn sóc, nắn bóp bàn chân.

Có khi tự mình ca hát, bất giác đưa chân nhịp phách cùng.

Nhớ sen vàng chuyển chỗ, uyên ương gặp bạn, nệm thêu áo lễ, gió mưa nhẹ phân.

Hờn giận che sâu, mắt tình nửa liếc, trước gió ra vào như dải khói

Biết giống gì không, giống một vầng trăng khuyết, nét biếc mây lồng)

Bài *Cán khê sa* (24) của Triệu Đức Lân có lời nguyên chú như sau "Lưu Bình Quyền đưa tám người gia kỹ ra, đều sắc đẹp tài nghệ tuyệt vời, xin bài từ để tặng cước tuyệt, ca tuyệt, cầm tuyệt, vũ tuyệt". Trong con mắt của Triệu Đức Lân, bàn chân của gia kỹ cũng quan trọng như sắc đẹp, tài nghệ của họ. Bài từ như sau :

Ổn tiểu cung hài tam thốn la,
Ca thần thanh vận nhất anh đa
Đăng tiền tú tuyệt tổng hoành ba,
Chỉ hạ minh cầm thanh diểu diểu.
Chưởng trung hồi toàn tiểu bà sa,
Minh minh quy lộ nại tình hà?

(Nhỏ nhắn hài cong ba tấc là,
Anh đào chúm chím cất lời ca
Trước đèn kiều diễm nét kiêu sa,
Dưới ngón tiếng đàn vang xa xa.
Trên tay lốc cuốn vẻ lụa là,
Đường về mờ mịt nẽo tình ta).

Trong bài từ này xuất hiện mấy chữ Tam thốn la (Ba tấc là), xem ra việc bó chân của phụ nữ thời Nam Tống đã không xa cách mấy với Tam thốn kim liên

(24) *Tống diễm, Hy hý.*

(Ba tấc sen vàng) về sau. Tam thốn kim liên, Anh đào tiểu khẩu, quan niệm về cái đẹp phụ nữ phát triển theo hướng tiểu xảo, yếu ớt bệnh hoạn, lười biếng uể oải.

Đến thời Nguyên việc bó chân càng thịnh hành. Phong khí bó chân trong phụ nữ người Hán ngày càng lan tràn. Các từ Cung hài (Hài cong), Kim liên (Sen vàng) thay thế bàn chân nhỏ rất thường thấy trong các vở tạp kịch, từ khúc thời Nguyên. Như bài thơ *Vịnh tú hài* của Tát Đô Thích "La quần tập tập xuân phong khinh, Liên hoa thiếp thiếp thu thủy kình, Song tiêm bất lộ hành phục cố, Do khủng nhân khuy châm tuyến tình" (Quần là gợn gợn gió xuân nhẹ, Hoa sen rỡ rỡ nước thu trong, Hai chân chẳng lộ đi còn ngó, E có người hay mối chỉ lòng) (25). Xem ra bàn chân của phụ nữ thời Nguyên còn nhỏ hơn cả bàn chân Khoái thượng mã của phụ nữ thời Tống.

Thời Nguyên đã xuất hiện tật Bái cước cuồng sùng thượng bàn chân nhỏ. Dương Thiết Nhai cuối thời Nguyên lấy sự hôi thối làm thần kỳ, trong tiệc rượu thường cởi hài của kỹ nữ có bàn chân nhỏ làm chén uống rượu, gọi là Kim liên bôi (Chén sen vàng), thị hiếu thẩm mỹ méo mó sùng bái bàn chân nhỏ lại càng phổ biến.

4. Nhỏ nhắn ốm yếu và lười biếng uể oải

Bắt đầu từ thời Tống, người đẹp bệnh hoạn nhỏ nhắn ốm yếu đã từng bước trở thành cái đẹp chính thống của phụ nữ người Hán ở nước ta.

Trong xã hội phong kiến ở nước ta, tầng lớp trên của giai cấp thống trị phong kiến thủy chung vẫn kéo dài chủ nghĩa hưởng lạc suy đồi. Thời Bắc Tống, vì sự

(25) *Thái phi lục, Vận ngữ*, tr. 1

phát triển kinh tế và thịnh vượng của thương nghiệp, tầng lớp địa chủ nhỏ và vừa dấy lên, của cải trong xã hội cũng tích lũy tăng lên, lại tập trung trong tay các nhân vật tầng lớp trên của giai cấp thống trị, mặt khác trong xã hội lại chưa xuất hiện sự đầu tư vào thương nghiệp và cơ chế kinh tế tái sản xuất xã hội với quy mô lớn, vì thế tầng lớp trên của xã hội hầu như đem toàn bộ số của cải xã hội mà họ tích lũy được nén vào việc tiêu dùng, ra sức hưởng lạc, lại thêm hoàng đế nhà Bắc Tống cổ xúy các bề tôi cùng hưởng lạc thời thanh bình, khiến thời Bắc Tống trên dưới trong ngoài đều lan tràn phong khí hưởng lạc. Sĩ đại phu tập trung lạc thú nhân sinh vào chỗ giữa hoa dưới nguyệt, rượu ngon gái đẹp. Các quan lại quyền quý nuôi dưỡng thật nhiều gia kỹ, ngay trong nhà các địa chủ vừa và nhỏ cũng cơ thiếp thành bầy, văn nhân từ khách cũng lấy việc có gia kỹ mỹ thiếp làm lạc thú trên đời.

Quan lại văn nhân thường yến ẩm suốt ngày, từ tối đến sáng. Mỗi khi yến tiệc ắt dùng gia kỹ, quan kỹ hoặc tư kỹ hầu rượu giúp vui. Sau khi rượu vào nóng tai, các ca kỹ thường xin văn nhân từ khách làm thơ viết từ tặng họ, ca kỹ nhờ được văn nhân từ khách làm thơ tặng mà thanh giá tăng lên, thi nhân cũng mượn việc làm thơ tặng ca kỹ để bộc lộ tài năng, nêu cao thi danh.

Trong các thơ từ mà thi nhân từ khách tặng ca kỹ, vũ kỹ, thị kỹ có rất nhiều tác phẩm phản ảnh quan niệm về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu và văn nhân.

Tấn Vũ đế lấy đẹp đẽ, cao lớn, trắng trẻo làm tiêu chuẩn tuyển chọn hậu phi, thời Đường lấy việc đầy đặn đẫy đà làm đẹp, trong con mắt của thi nhân từ khách thời Tống thì nhỏ nhắn, yếu ớt, tế nhị, trắng

muốt mới là điển hình về cái đẹp. Như bài thơ của Tần Quan tặng gia tỳ Diệu Nô :

Tây Hồ thủy hoạt đa kiều nương,
Diệu Nô thập nhị chính phân phương
Cơ phu tuyết bạch phát trường hắc,
Hàm ngữ vị phát tiên hữu hương
Khê thượng dạ yến thị trâm thường,
Hạo như hoa nguyệt trụy Thương lương

(Tây Hồ nước biết nhiều kiều nương,
Mười hai sắp đến tuổi tròn gương
Da như tuyết trắng tóc đen mướt,
Môi son chưa nói đã nghe hương
Trên khe tiệc tối hầu khăn lược,
Sáng như bóng nguyệt rọi Thương lương) (26)

Da trắng như tuyết, tóc dài đen nhánh, vóc dáng mềm mại tha thướt cấu thành đặc điểm quan trọng của người đẹp thời Tống. Bài từ của Hướng Tử Yên viết tặng thị nhi Khinh Khinh trên tiệc đã tả người đẹp thành nhẹ nhàng, mềm mại. Bài *Để nhân kiều* như sau :

Bạch tự tuyết hoa, nhu vu liễu nhứ, hồ điệp nhi trấn trường nhất xứ. Xuân phong di đãng, mạch nhiên xuy khứ, tranh đắc thiến du ty.

Bán không nặc trú, ba thượng tinh thần, chưởng trung thái độ. Phân minh thị thái vân đoàn tố, đương niên Phi Yến, tùng kim bất số, chỉ khủng thị Cao Đường, mộng trung Thần nữ.

(Trắng tựa tuyết hoa, mềm hơn tơ liễu, bươm bướm cứ vờn quanh một chỗ. Gió xuân phe phẩy,

(26) *Tống diễm, Ái mộ.*

đột nhiên thổi tới, tơ liễu phất phơ bay. Lưng trời lơ lửng, dáng vẻ trên tay, tinh thần giữa sóng.

Rõ ràng tóc mây búi tó, Phi Yến năm xưa, khôn so với đó, chỉ e là Thần nữ trong mơ, Cao Đường người cũ) (27).

Trắng như hoa tuyết, mềm như tơ liễu, phấp phới như bướm, cái đẹp ốm yếu nhỏ nhắn kiểu Triệu Phi Yến trở thành khuôn mẫu điển hình về mỹ nữ từ thời Tống đến cuối thời phong kiến. Bài *Thanh bình lạc* của Lưu Khắc Trang vịnh vũ kỹ cũng tán dương cái đẹp nhỏ nhắn yếu ớt :

Cung yêu thúc tố, chỉ phạ năng khinh cử, Hảo trúc Tỵ phong đài hộ thủ, mạc khiển kinh hồng phi khứ.

Nhất đoàn hương ngọc ôn nhu, Tiếu tần câu hữu phong lưu, Tham dữ Tiêu lang mi ngữ, Bất như vũ thác Y Châu.

(Lưng ong bó chặt, chỉ e khó bước, Nên xây Tỵ phong đài giữ chắc, đừng để chim hồng bay mất.

Một đoàn hương ngọc ôn nhu, Nói cười đầy vẻ phong lưu, Cứ hướng chàng Tiêu liếc mắt, Chẳng bằng múa điệu Y Châu) (28).

Từ thời Xuân thu đến thời Hán, Tấn, Tùy, Đường, cao lớn là một điều kiện quan trọng trong cái đẹp phụ nữ ở khu vực Trung nguyên, phương Bắc nước ta. Đến thời Tống trở đi việc cao lớn đầy đặn tựa hồ đã không còn là điều kiện tất yếu về cái đẹp phụ nữ, thậm chí ngược lại còn trở thành đối tượng bị văn nhân chê cười, châm chọc. Đại từ gia Tô Thức cũng từng dùng

(27,28) Xem chú thích (26)

thơ chế nhạo một mỹ nữ cao lớn. Có lần Tô Thức tới nhà một hào sĩ uống rượu, vị hào sĩ ấy "Sai hơn mười người thị cơ ra hầu, đều có tài nghệ. Trong đó có một người múa giỏi tên My Nhi, dung mạo tuy đẹp nhưng thân thể rất cao lớn, người hào sĩ đặc biệt ưa thích nàng, sai xin thơ Tô Thức" (29). Tô Thức nổi tiếng là từ nhân "hào phóng" lại không thích mỹ nữ thân thể cao lớn, bèn làm thơ đùa rằng :

Vũ tụ phiên thiên, ảnh dao thiên xích long xà động
Ca hầu uyển chuyển, thanh hám bán thiên phong vũ hàn
(Áo múa phất phơ, ngàn thước rắn rồng động bóng
Giọng ca uyển chuyển, lưng trời mưa gió ầm vang)

chế nhạo khiến người vũ kỹ ấy đỏ mặt thẹn thùng lui vào.

Bài *Cán khê sa* của Hoàng Đình Kiên tặng quan kỹ Miến Miến, có câu "Cước thượng hài nhi tứ thốn la, Thần biên chu xạ nhất anh đa" (Bốn tấc là quanh chân nhỏ bao, Bên môi son thắm ánh anh đào), Triệu Đức Lân cũng có câu "Ổn tiểu cung hài tam thốn la, Ca thần thanh vận nhất anh đa" (Nhỏ nhắn hài cong ba tấc là, Anh đào chúm chím cất lời ca). Đủ thấy bàn chân nhỏ ba tấc, miệng nhỏ màu anh đào cũng là quy phạm về cái đẹp phụ nữ thời Tống.

Dung mạo đẹp đẽ là yếu tố quan trọng trong cái đẹp hình thể của phụ nữ, thậm chí là yếu tố trung tâm. "Hạnh tai đào kiểm mặc mi loan" (Má đào tai

(29) *Tống diễm, Hy hý.*
(30) Hàn Bưu, *Cán khê sa.*

hạnh mét mi cong) (30), "Viễn sơn mi mặc trường" (Mi dài phơn phớt dáng non xa) (31) dung mạo đẹp đẽ vẫn là một nội dung chủ yếu về cái đẹp phụ nữ trong thơ ca của văn nhân thời Tống.

Mặt hoa da phấn, da trắng tóc đen, tai đẹp má hồng, miệng anh đào, eo lưng dương liễu, bàn chân nhỏ ba tấc, nhỏ nhắn ốm yếu, thân thể nhẹ nhàng như chim én, người mềm như tơ liễu, đó là đặc trưng chủ yếu về cái đẹp hình thể phụ nữ trong quan niệm và dưới ngòi bút của sĩ đại phu, văn nhân thời Tống.

Con gái nhà lương gia, khuê tú nhà danh môn thời Tống lấy nhàn sầu bệnh sấu làm cái đẹp, mây sầu mưa thảm cũng trùm lên con gái nhà lương gia. Từ nhân nữ nổi tiếng Lý Thanh Chiếu trong bài *Túy hoa âm* đã tả hết nỗi sầu hận biệt ly của phụ nữ phòng khuê "Đông ly bả tửu hoàng hôn hậu, Hữu ám hương doanh tụ. Mạc đạo bất tiêu hồn, Liêm quyển tây phong, Nhân tỷ hoàng hoa sấu" (Giậu đông nắng tắt nâng ly chuốc. Tay áo hương thầm lướt. Chớ nói chẳng tiêu hồn. Rèm cuốn gió tây. Người sánh hoa vàng gầy guộc). Bà tự nói mình so với hoa cúc vàng còn gầy hơn. Kết hợp sự gầy guộc với hoa vàng, khiến sự gầy gò hàm chứa ý vị về cái đẹp. "Tân lai sấu, Phi can bệnh tửu, Bất thị bi sầu" (Gần đây gầy guộc, Nào đâu bệnh rượu, Chẳng phải bi sầu) (32). Dùng sự "gầy guộc" để tả "nỗi sầu ly biệt", quả thật tuyệt diệu. Nước mất nhà tan, khiến Lý Thanh Chiếu lưu ly thất sở mang mối sầu vô hạn, nên ngày ngày tiều tụy điêu linh. "Cảm nguyệt ngâm phong đa thiểu sự, Như kim lão khứ

(31) Tần Quan, *Sinh tra tử.*

(32) *Phụng Hoàng đài thượng ức xuy tiêu.*

cô thành. Thùy lân tiều tụy cánh điêu linh" (Cảm gió ngâm trăng nhiều ít việc, Đến nay già bỏ cô thành, Ai thương tiều tụy lại điêu linh) (33), "Như kim tiều tụy, Phong hoàn vụ mấn, Phạ kiến dạ gian xuất khứ" (Đến nay tiều tụy, Tóc sương búi gió, Sợ cảnh đang đêm ra ngõ) (34). Gầy gò, sầu oán, bệnh hoạn là nội dung thường xuất hiện trong từ khúc của Lý Thanh Chiếu. Một từ nhân nữ khác là Chu Thục Chân do không may trong hôn nhân càng ruột sầu trăm mối, vừa bệnh vừa gầy. Bài *Thương xuân* của bà viết "Lãm kính kinh dung khước tự hiềm, Phùng xuân trường thị bệnh yêm yêm. Xuy hoa lộng phấn tân lai lãn, Nặc hận cung sầu cận nhật thiêm" (Nhìn bóng trong gương thấy chán chường, Bệnh xuân uể oải ý sầu thương. Tô son đánh phấn thêm lười biếng, Mối hận hồng nhan mãi vấn vương). Bệnh, lười, sầu, hận họp lại trong một người.

Nhỏ nhắn ốm yếu, uể oải vô lực, đa sầu đa bệnh chính là thị hiếu thẩm mỹ về phụ nữ của đàn ông tầng lớp trên từ thời Tống trở đi. Loại thị hiếu thẩm mỹ ấy cũng ảnh hưởng sâu sắc tới một số ít phụ nữ trí thức thời Tống. Loại thị hiếu ấy kết hợp với nỗi buồn nước mất nhà tan, thù nhà hận nước, cá nhân bất hạnh, khiến các từ nhân nữ thời Tống đắm mình trong mây sầu mưa thảm.

Uể oải thẹn thò, đa sầu đa bệnh là biểu hiện tập trung cái đẹp khí chất, tâm lý, tinh thần của phụ nữ thời Tống. Dưới ngòi bút của văn nhân từ khách thời Tống, sự thẹn thò, lười biếng, uể oải, ai oán, u hận, mềm yếu, vướng vít, sợ sệt, sầu bệnh của người đẹp

(33) *Lâm Giang tiên.*
(34) *Vĩnh ngộ lạc.*

đều trở thành vẻ đẹp kỳ diệu được các văn nhân thích thú tưởng thức, ngâm vịnh.

Cuối thời Bắc Tống, ở Biện Lương Đông Kinh xuất hiện một danh kỹ là Lý Sư Sư. Tống Huy tông nghe tiếng, từng "mặc áo thường dân vi hành tới chơi" chỗ Lý Sư Sư. Lý Sư Sư đẹp nổi tiếng trong thiên hạ. Các từ nhân mặc khách đương thời như Tần Quan, Chu Bang Ngạn, Lưu Học Cơ, Trương Tử Dã đều có thơ từ ngâm vịnh Lý Sư Sư. Trong số từ này tập trung thể hiện thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu, của quan lại sĩ đại phu và văn nhân thời Tống. Ví dụ bài từ *Hạ tân lang* của Lưu Học Cơ :

> *Ngọ thụy oanh kinh khởi, mấn vân thiên, khẩn tùng vị chỉnh, phượng thoa tà trụy. Túc tửu tàn trang vô ý tự, xuân hận xuân sầu tự thủy. Thùy động thuyết, yếm yếm tình vị ?*
>
> *Thủ triển lưu tô yêu chi sấu, thán hoàng kim lưỡng điền hương tiêu tý. Tâm sự viễn, trượng thùy ký ? ... U hận tích, mặc mi thúy.*
>
> (Giấc trưa oanh gọi dậy, búi tóc nghiêng, lỏng ra chưa sửa, cành trâm nghiêng chúc. Đêm rượu son phai không muốn nhắc, hờn xuân sầu xuân tựa nước. Ai nói đi, tình sao chán ngắt ?
>
> Tay duỗi trắng ngà lưng gầy quắt, than đôi vòng trên tay gầy hương nhạt. Tâm sự xa, nhờ ai nhắn ?... U hận đọng, mày mực biếc) (35).

Bài từ này tả Lý Sư Sư ngủ trưa dậy lười chải đầu, uể oải ngại ngùng, không chịu trang điểm lại, thể hiện rất rõ sự yếu ớt và uể oải, ngại ngần của phụ

(35) *Tống diễm, Ác ni.*

nữ. Đó chẳng qua là hình tượng kỹ nữ dựa vào thị hiếu về cái đẹp của sĩ đại phu mà tạo ra.

Bài *Sinh tra tử* của Tần Quan tặng Lý Sư Sư, tả trang sức của Lý Sư Sư như sau "Viễn sơn mi mặc trường, Tế tế yêu chi niểu, Trang bãi lập xuân phong, Nhất tiếu thiên kim thiểu" (Mi dài phơn phớt dáng non xa, Nho nhỏ lưng ong rất yểu điệu, Trang điểm xong ra trước gió xuân, Một nụ ngàn vàng e vẫn thiếu). Bài *Sư Sư lệnh* của Trương Tử Dã tả vẻ đẹp trang điểm của Lý Sư Sư như sau "Hương điền bảo nhĩ, Phất lăng hoa như thủy, Học trang giai đạo xứng thời nghi, Phấn sắc hữu thiên nhiên xuân ý. Thục cẩm y thường thăng vị khỉ (khởi), Túng loạn hà thùy địa. Đô thành trì uyển khoa đào lý... Bất tu hồi phiến chướng thanh ca, Thần nhất điểm tiểu vu chu nhụy" (Hoa tai sáng chói, Soi gương như nước chảy, Điểm tô đều nói hợp thời trang, Nét đẹp tự nhiên càng vượt trội. Gấm Thục xiêm y mang chẳng nổi, Quét dài trên đất bụi. Đô thành lầu gác khoe đào lý... Không cần che quạt giấu lời ca, Một điểm môi son như nhụy hoa) (36). Bài *Nhất tùng hoa* của Tần Quan tả dáng vẻ say rượu của Lý Sư Sư "Niên lai kim dạ kiến Sư Sư, Song giáp tửu hồng tư... Trâm kết loạn phao, Úy nhân bất khỉ (khởi), Đàn lệ xướng tân từ. Giai kỳ thùy liệu cửu sâm si, Sầu tự ám oanh ty" (Năm qua tối đến gặp Sư Sư, Hai má rượu đỏ lừ... Trâm xuyến vứt bừa, Sợ người không dậy, Lời mới hát câu từ. Lần sau ai biết sẽ bao lâu, Trong ý lén vương sầu) (37).

Dưới ngòi bút của từ nhân thời Tống, mỹ nữ nói chung nhỏ nhắn yếu ớt, thẹn thùng sầu oán, uể oải

(36, 37) Xem chú thích (35)

lười biếng. Bài *Nam hương tử* của Trần Sư Đạo thời Bắc Tống có thể đại biểu cho thị hiếu thẩm mỹ này của quan liêu sĩ đại phu. Bài từ viết "Hoa dạng yêu thân cung dạng lập, Đình đình, Khổn ỷ lan can nhất khiếm thân" (Mặc lối cung trang đứng trước đình, Xinh xinh, Mỏi tựa lan can chợt ngoái nhìn). "Lời tự chú thích : Bức tranh mỹ nhân của Chu Phường, có người đứng quay nghiêng lại, rất xinh đẹp" (38). Bức tranh *Khiếm thân mỹ nhân đồ* của Chu Phường, trang điểm đơn sơ, ý thái nhàn nhã. Hai tay áo giơ lên như lúc đang co người, quay đầu nhìn lại, lộ ra nửa mặt, mùi hương ngào ngạt. Sĩ đại phu thời Tống coi đó là chỗ cực điểm của người đẹp.

Có học giả cho rằng "Trong rất nhiều bài từ hay, tác giả không miêu tả người đẹp thành châu ngọc đầy đầu, mà thích tả họ phục sức giản dị, lấy sự trang sức đơn giản để thể hiện dáng vẻ kiều mỵ trời cho của họ. Có khi cho họ uể oải ngại ngùng, không muốn trang sức, cố ý xỏa mái tóc dài xuống vai, từ đó khắc họa một hình tượng "Thử thời mô dạng bất kham lân" (Bấy giờ dáng vẻ đáng thương sao)" (39), về đại thể đã phản ánh thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu văn nhân thời Tống.

Về hình thể thì nhỏ nhắn ốm yếu, về tinh thần khí chất thì uể oải thẹn thò. Đại khái đó đại biểu cho thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu, văn nhân phong kiến thời Tống.

Quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của các giai cấp, tầng lớp khác, đặc biệt là nhân dân lao động,

(38) *Tống diễm, Cảm thích.*
(39) *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 257

vì sử liệu khiếm khuyết, nên trước mắt rất khó khảo sát. Nhưng có một điểm về đại thể có thể khẳng định là thị hiếu thẩm mỹ của tầng lớp trên trong giai cấp thống trị thường từng bước lan ra thành thị hiếu thẩm mỹ của toàn xã hội.

5. Cái đẹp khỏe mạnh thô kệch

"Trời xanh xanh, đồng mênh mông, gió thổi rẽ cỏ thấy trâu dê". Phụ nữ các dân tộc sinh trưởng ở một dải sa mạc vùng phía Bắc, Tây Bắc nước ta trải qua cuộc sống du mục tìm nơi có cỏ và nước, ruổi rong trên ngựa, có khi rong ruổi ở vùng núi non hoang vắng săn bắn để sinh sống. Trong hoàn cảnh gian sinh hoạt khổ hiểm ác, phương thức sinh hoạt lưu động bôn ba tạo ra cho người phương Bắc phong cách vũ dũng, thô kệch hào phóng và tình điệu mênh mông bi tráng, khác hẳn với phong cách văn nhã yếu ớt phương Nam. Phụ nữ phương Bắc phần lớn cũng có phong cách vũ dũng khỏe mạnh, thô kệch hào phóng, ruổi ngựa trên đồng, đánh Nam dẹp Bắc.

Phụ nữ tộc Khiết Đan, Nữ Chân và Mông Cổ ba nhà Liêu, Kim, Nguyên đều có phong thái anh vũ vũ dũng, thô kệch hào phóng hình thành sự đối lập rõ ràng với dáng vẻ mềm mại yếu ớt, uể oải thẹn thùng của phụ nữ phương Nam. Phụ nữ phương Bắc phần lớn lấy sự khỏe mạnh vũ dũng, thô kệch hào phóng làm đẹp. Trong hậu phi của ba nhà Liêu, Kim, Nguyên đã nảy sinh mấy phụ nữ trí dũng song toàn, giỏi việc chinh chiến.

Phụ nữ Khiết Đan thời Liêu, phần lớn "lấy yên ngựa làm nhà", không những tất cả phụ nữ anh dũng thiện chiến, mà ngay cả hậu phi của Hoàng đế "cũng

thường sở trường việc cưỡi ngựa bắn cung, việc chinh chiến săn bắn cũng thường đi theo". Các hậu phi dũng cảm thường tham dự hành quân tác chiến, phóng ngựa săn bắn, biểu hiện rõ sự dũng cảm và mưu trí. Ví dụ Thuật Luật Hoàng hậu của Liêu Thái tổ, "giản dị quyết đoán, có tài lược", bà thường "chỉ huy quân đội", bày mưu tính kế giúp Liêu Thái tổ. Có lần Liêu Thái tổ dẫn quân đánh Đảng Hạng, mà binh lực ở hậu phương trống rỗng. Hai bộ lạc Hoàng Đầu, Khứu Bạc Thất Vi nhân cơ hội tới tập kích. Lúc ấy Hoàng hậu Thuật Luật "cầm quân đón đợi, đánh mạnh phá tan, oai danh lừng lẫy các rợ". Tiêu Thái hậu Tiêu Xước nổi tiếng, "hiểu rõ trị đạo, nghe điều hay ắt theo", "biết rõ việc quân, trong trận đánh Đàn Uyên, đích thân ngồi xe chiến, chỉ huy ba quân, thưởng phạt nghiêm minh, tướng sĩ vâng mệnh" một mạch đánh thẳng tới dưới thành Đàn Uyên của quân Tống, cùng nhà Bắc Tống ký kết "Đàn Uyên chi minh", đắc thắng kéo quân về. Nhân ý Hoàng hậu Tiêu Đạt Lý từng "đích thân đốc suất vệ sĩ phá tan đảng giặc" (40), kịp thời tiêu diệt vụ phản loạn của cha con Trọng Nguyên.

Tộc Nữ Chân nhà Kim cũng là dân tộc dũng mãnh thiện chiến, phụ nữ nhiều người dũng cảm cương cường, như Chiêu tổ Uy Thuận Hoàng hậu Đồ Đan thị, "tính cương nghị quả quyết, người ta không ai dám cưới làm vợ". Người này cương liệt dị thường, đến nỗi không ai dám cưới làm vợ. Lúc ấy, vừa đúng lúc Kim Hiến tổ muốn cưới vợ cho con trai là Chiêu tổ, ông nói "Thằng con này dũng cảm quyết đoán phi thường, loại con gái nhu nhược không thể lấy được", vì thế ông bèn quyết định cưới con gái Đồ Đan thị cương liệt dị thường cho

(40) *Liêu sử, Hậu phi truyện.*

Chiêu tổ. Hai người dũng mãnh cương liệt vừa khéo kết thành một cặp vợ chồng. Kim Cảnh tổ Chiêu Túc Hoàng hậu Đường Quát thị là người có độ lượng, "thích tiếp đãi tân khách". Cảnh tổ mỗi khi cùng người uống rượu, trong tiệc có ai say sưa cãi cọ, bà lại "tự ca hát để giảng hòa, trong quân có ai bị phạt roi, mỗi khi ăn uống đều an ủi, bộ ngũ của Cảnh tổ thường chan hòa, chính sự hình ngục đều do hậu quyết" (41). Bà cơ hồ tham dự quyết định tất cả mọi việc quân quốc đại sự.

Người tộc Mông Cổ nhà Nguyên lấy chăn nuôi súc vật thả rong làm nghề nghiệp, ruổi ngựa trên thảo nguyên, dũng mãnh thiện chiến. Phần lớn phụ nữ Mông Cổ cũng cứng cỏi quả quyết giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Như Thuận Thánh Hoàng hậu Hoằng Cát Thích thị của Nguyên Thế tổ, tuy chưa từng theo quân chinh chiến, nhưng "suất lĩnh cung nhân, đích thân dạy dỗ nữ công" (42), lấy dây cung cũ chế thành vải may áo, ghép da dê làm thảm, đích thân tham gia lao động. Dân tộc du mục Mông Cổ lấy việc cưỡi ngựa bắn cung chinh chiến làm sự vinh dự, chuyện ca múa giải trí trong hậu cung cũng có phong cách cương cường vũ dũng. Như vào một đêm Trung thu, Nguyên Vũ tông và các phi tần cưỡi thuyền dạo chơi trên hồ Thái Dịch trong vườn thượng uyển "Họa thuyền nối nhau trên dòng, trên thuyền đều có nữ quân. Đội bên trái đội mũ lông đỏ, mặc giáp vằn tê, dựng cờ Phượng vĩ, cầm Nê kim họa kích, gọi là Phượng đội, đội bên phải đội mũ đỏ, mặc áo cừu trắng, dựng cờ Hạc dực, cầm Lịch phấn điêu qua, gọi là Hạc đoàn". Rượu được nửa chừng, Lạc phi bước ra múa hát, ca rằng : Ngũ hoa hề như chức, Chiếu

(41) *Kim sử, Hậu phi truyện.*

(42) *Nguyên sử, Hậu phi truyện.*

lâm hề nhất sắc, Lệ chính hề trung vực, Đồng lạc hề vạn quốc (Năm màu chừ như dệt, Chiếu soi chừ một sắc, Chói lọi chừ giữa trời, Cùng vui chừ vạn quốc)". Vũ tông rất đẹp ý, sai đôi bên đánh nhau dưới nước để làm vui. Lúc ấy, Phượng đội và Hạc đoàn "Như gió cuốn mây vần, kích đâm qua chém. Đánh trận xong, trong quân trỗi nhạc, hát bài Long quy động mà về" (43). Sau khi quý tộc Mông Cổ vào làm chủ Trung nguyên, các hậu phi vào ở hậu cung hoa mỹ tráng lệ, phụ nữ quý tộc cũng đều trải qua sinh hoạt sang trọng hào hoa. Đời sống định cư mà xa hoa dần dần làm người Mông Cổ vốn dũng mãnh kiêu hãn thay đổi, bắt đầu tiếp nhận tư tưởng Nho gia và nghi lễ của tầng lớp thống trị người Hán. Một số hậu phi bắt đầu khép mình vào khuôn khổ đức độ hậu phi, mẫu nghi của Nho gia, như Bá Nhan Hốt Đô Hoàng hậu của Nguyên Thuận đế, "tính tiết kiệm, không ghen ghét, hành xử đều theo lễ pháp" (44), đã có đủ đức độ hậu phi theo lối nói của Nho gia.

Giữa và cuối thời Nguyên tầng lớp thống trị với đại diện là hoàng đế ngày càng đi sâu vào con đường thối nát. Họ dần dần tiếp thu quan niệm thẩm mỹ của kẻ thống trị nhà Tống, bắt đầu ưa thích loại phụ nữ yếu ớt uể oải. Quan niệm về cái đẹp phụ nữ của họ cũng chuyển thành bệnh thái hóa, thậm chí cũng bắt đầu ưa thích bàn chân nhỏ của phụ nữ người Hán, thích nhìn thấy dáng vẻ thẹn thùng mỏi mệt, vũ thái yếu ớt như không chịu nổi gió của vũ nữ bàn chân nhỏ. Ví dụ bài *Vũ cơ thoát hài ngâm* vốn là thơ ứng chế của Lý Quýnh thời Nguyên, từ đó có thể thấy sự

(43) *Nguyên thị Dịch đình ký.*
(44) *Nguyên sử, Hậu phi truyện.*

đùa giỡn giữa vua tôi và thị hiếu thẩm mỹ về phụ nữ của họ :

Ngô tàm bát kiển uyên ương ỷ
Tú dung thái loan kim phượng vĩ,
Tích thời mộng đoạn hiểu trang dung,
Mãn nhãn xuân kiều phù bất khỉ (khởi).
Thị nhi giải đới la mạt tùng,
Ngọc tiêm vi lộ sinh xuân hồng.
Phiên phiên bách luyện bán thư quyển,
Duẫn thích sơ tụ cung dạng nhuyễn.
Tam xích khinh vân nhập thủ khinh,
Nhất loan tân nguyệt lăng ba thiển.
Tượng sàng vũ bãi kiều vô lực,
Nhạn sa đạp phá sâm si tích.
Kim liên trách tiểu bất kham hành,
Tự ỷ đông phong ngọc giai lập.

(Tơ Ngô óng ả vân uyên ương
Loan phượng thêu màu thêm lộng lẫy,
Bấy giờ tỉnh giấc lười điểm trang,
Đầy mắt vẻ xuân đỡ không dậy.
Thị nhi cởi lụa bó quanh chân
Ngọc nhọn hơi lộ hồng nét xuân.
Duỗi duỗi co co dây lụa mướt
Búp măng cung trang dáng lả lướt.
Ba tấc mây nhẹ trong tay mềm,
Một vầng trăng non trên sóng lướt.
Giường ngà múa xong không còn sức,
Vết như chân nhạn in trên cát.
Sen vàng nhỏ nhắn khó lòng đi,
Đứng trước gió đông dựa thềm ngọc) (45)

(45) *Thái phi lục, Vận ngữ,* tr. 2

Trang điểm buổi sớm chưa chỉnh tề, dáng vẻ xinh đẹp uể oải, yếu ớt như không có sức, bàn chân nhỏ khó bước đi, đứng trước gió như cây ngọc, đó chính là người đẹp trong con mắt của kẻ thống trị Nguyên Mông. Lúc bấy giờ, hình ảnh người phụ nữ vũ dũng kiêu hãn đã sớm mất dáng trong lòng kẻ thống trị Nguyên Mông. Đủ thấy quan niệm về cái đẹp phụ nữ hủ bại của tầng lớp thống trị Hán tộc có sức mạnh đục ruỗng lớn tới mức nào.

6. Từ thời Tống với cái đẹp phụ nữ

Thời Lưỡng Tống là thời hình thức văn hóa từ khúc phát triển mạnh nhất, Những người viết từ liên tiếp xuất hiện, sáng tạo rất nhiều tác phẩm ưu tú. Những bài từ khúc đẹp đẽ chiếm một tỷ lệ khá cao trong từ thời Tống, kế thừa truyền thống diễm thi nhà Nam Tống, lấy việc miêu tả diễm sự diễm tình làm chủ, lấy việc tả thế giới phòng khuê và ca kỹ vũ nữ làm chủ. Đại thể có ba loại diễm từ : Một là miêu tả phụ nữ như đối tượng đùa giỡn, phản ảnh thị hiếu thẩm mỹ về phụ nữ của sĩ đại phu văn nhân, hai là mượn lời phụ nữ, thay thế phụ nữ mà bộc lộ sự si tình và khuê oán của họ, ba là từ khúc của các tác gia nữ bộc lộ tiếng lòng và tiếng kêu của bản thân phụ nữ, phản ảnh nguyện vọng và hy vọng của phụ nữ.

Các bài từ khuê oán miêu tả tình hình và tình thú trong sinh hoạt của phụ nữ nhà lương gia, phát biểu nỗi sầu oán của phụ nữ trong khuê phòng. Như bài *Thước đạp chi :*

> *Đình viện thâm thâm thâm kỷ hư? Dương liễu đôi yên, liêm mạc vô trùng số. Ngọc lặc điêu yên du dả xứ, lâu cao bất kiến Chương Đài lộ.*

Vũ hoành phong cuồng tam nguyệt mộ, Môn yểm hoàng hôn, vô kế lưu xuân trú. Lệ nhãn vấn hoa hoa bất ngữ, loạn hồng phi quá thu thiên khứ.

(Đình viện sâu sâu sâu mấy ngõ ? Dương liễu khói chập chùng, rèm buông vô số. Cương ngọc yên vàng ai hớn hở, lầu cao không thấy Chương Đài cũ.

Gió dập mưa dồn tháng ba khổ, Cửa đóng hoàng hôn, không kế lưu xuân ở. Ứa lệ hỏi hoa hoa chẳng tỏ, chim hồng bay loạn thu về đó) (46).

Bài từ này không miêu tả sắc đẹp và trang phục của người đẹp trong khuê phòng mà đặc biệt miêu tả hoàn cảnh sống của người trong khuê phòng : Dùng ba chữ "sâu" trùng điệp, nêu lên tính chất tù túng trong hoàn cảnh sống của giai nhân. "Đình viện sâu sâu" sống trong cảnh vắng lặng mà tù túng, lại thêm rèm buông dày đặc, bị giam nhốt trong khung cảnh vừa u thâm vừa dày đặc, tới mức không ngọn gió lọt vào được, đúng là hoàn cảnh điển hình mà người đẹp thời phong kiến bị giam nhốt. Trong hoàn cảnh tù túng ấy người vợ giữ phòng không làm sao không cảm thấy tịch mịch.

Đối lập rất rõ ràng với người vợ bị giam kín trong khuê phòng là người chồng để nàng ở nhà, giữ phòng không, còn mình thì ra ngoài chơi bời, tìm hoa hỏi liễu, vợ thậm chí không biết lúc này chồng đang ở đâu "Lầu cao không thấy Chương Đài cũ". Ý nghĩa sâu sắc của câu này là khiến người ta liên tưởng tới hoàn cảnh của người phụ nữ phong kiến tầng lớp trên trong trạng thái bị giam cầm, mang tính phổ biến rất lớn.

(46) Bài từ này có thuyết nói là của Âu Dương Tu, có thuyết nói là của Phùng Diên Tỵ.

Bài *Định phong ba* của Liễu Vĩnh tả tâm nguyện của giai nhân trong phòng khuê như sau :

Tự xuân lai, thảm lục sầu hồng, phương tâm thị sự khả khả. Nhật thượng hoa sao, oanh xuyên liễu đới, do áp hương khâm ngọa. Noãn tô tiêu, nhị vân thù, chung nhật yếm yếm quyện sơ lý. Vô na ! Hận bạc tình nhất khứ, âm thư vô cá.

Tảo nhật nhậm ma, hoài đương sơ, bất bả điêu yên tỏa. Hướng kê song, chỉ dữ man tiên tượng quản, câu thúc giao (giáo) ngâm khóa. Trấn tương tùy, Mạc phao đóa. Châm tuyến nhàn niêm bạn y tọa, hòa ngã, miễn sử niên thiếu quang âm hư quá.

(Từ xuân qua, thảm lục sầu hồng, lòng thơm chẳng thỏa. Nắng sáng trên hoa, oanh qua liễu ngõ, còn đắp chăn nằm đó. Sữa lạnh rồi, đôi bím rủ, suốt buổi ngại ngần lười chải gỡ. Có gì đâu ! Hận kẻ bạc tình đi rồi, thư không một lá.

Sáng sớm thế này, nhớ lúc đầu, không khóa yên vàng đó. Hướng ra song, chỉ với giấy thơm ngọn bút, bắt phải lo bài khóa. Cứ theo nhau, Đừng vứt bỏ. Kim chỉ lúc nhàn cạnh chỗ ngồi, cùng ta, chớ để tuổi xuân trôi qua buồn bã).

Nửa trước bài từ tả sự uể oải thẹn thùng của người đẹp trong phòng khuê, dung nhan tiều tụy mà không lòng dạ nào trang điểm. Đó chính là thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp của phụ nữ ở sĩ đại phu, văn nhân thời Tống, nửa sau thì tả nguyện vọng của mỹ nhân : Chồng đọc sách làm văn, vợ ngồi bên cạnh khâu vá, một bức tranh gia đình đẹp đẽ hạnh phúc. Trai tài gái sắc, vợ hết lòng vào việc nữ công, chồng ra sức đọc sách (47). Đó chính là mô hình quan hệ vợ chồng và hạnh phúc gia đình lý tưởng thời phong kiến.

Bài *Chúc ảnh dao hồng* của Chu Bang Ngạn miêu tả ca kỹ như sau :

Phương kiểm thược hồng, mặc mi xảo họa cung trang thiển. Phong lưu thiên phú dữ tinh thần, toàn tại kiều ba nhãn. Tảo thị oanh tâm khả quán, hướng tôn tiền tần tần cố miến. Kỷ hồi tương kiến, kiến liễu hoàn hưu, tranh như bất kiến.

Chúc ảnh dao hồng, dạ lan ẩm tích xuân tiêu đoản. Đương thời thùy vị xướng Dương quan? Ly hận thiên nhai viễn. Tranh nại vũ thu vân tán, bằng lan can, đông phong lệ mãn. Hải đường khai hậu, yến tử lai thời, hoàng hôn thâm viện.

(Đôi má ửng hồng, cung trang khéo vẽ mày xanh nhạt. Phong lưu trời phú với tinh thần, chỉ trong đôi mắt đẹp. Đã sớm lòng thơm lưu luyến, trên tiệc mấy phen đưa mắt liếc. Mấy lúc gặp nhau, biết rồi lại thôi, không bằng chẳng biết.

Bóng nến lay hồng, tiệc khuya nghĩ tiếc đêm xuân ngắn. Vì ai mà hát khúc Dương quan? Hận chân trời góc biển. Gắng chịu mưa tan mây tạnh, dựa lan can, gió xuân lệ cạn. Hải đường hoa nở, chim én bay về, chiều buông đình viện).

Bài từ này miêu tả thần thái động người của ca kỹ, nàng giỏi việc dùng ánh mắt để truyền đạt tâm tư của mình. Nhưng nàng và người xem ca múa chẳng qua chỉ là trên tiệc phùng trường tác hý, hoàn toàn không có tình nghĩa sâu nặng gì. "Mấy lúc gặp nhau, biết rồi lại thôi", lại không bằng chẳng biết. Đó là sự cảm nhận và thể nghiệm của ca kỹ trong thực tế bán thân kiếm sống. Nửa cuối bài tả cảnh sau khi tan tiệc, người ca

(47) *Phong tao dữ diễm tình*, tr. 286

kỹ vắng vẻ tịch mịch : Tiệc tan người vắng, đám đàn ông trong tiệc có ai là người hiểu được lòng nàng? Có thể không một ai cả. Nàng chỉ đành lúc hoàng hôn trong thâm viện, dựa lan can rơi lệ một mình. Một bài từ khác của Chu Bang Ngạn là *Mỹ nhân xuân thụy* tả dáng vẻ của mỹ nhân khi ngủ bằng con mắt của văn nhân ngự dụng :

Tượng nhai duân điệm bích sa lung,
Ước chước giai nhân thụy chính nùng.
Bán mạt hiểu yên lung thược dược,
Nhất hoằng thu thủy tẩm phù dung.
Thần du Bồng Đảo tam thiên giới,
Mộng nhiễu Vu Sơn thập nhị phong.
Thùy bả kỳ thanh kinh giác hậu,
Khởi lai hương hãn thấp tô hung.

(Giường ngà đệm trúc trướng quây vòng,
Rực rỡ giai nhân giữa giấc nồng.
Nửa mảnh khói mai lồng thược dược,
Một vùng nước biếc tẩm phù dung.
Hồn chơi Bồng Đảo ba ngàn cõi,
Mộng ruổi Vu Sơn thập nhị phong.
Tiếng động ai gây làm tỉnh giấc,
Mồ hôi ướt đẫm ngực thơm lừng)

Bài thơ này hoàn toàn từ góc độ con mắt nam giới thưởng ngoạn mà miêu tả dáng vẻ đẹp đẽ của giai nhân ngủ say sau tấm màn the như hoa thược dược, tựa hoa phù dung, phản ảnh thị hiếu thẩm mỹ của văn nhân thời Tống,

Thị hiếu thẩm mỹ bệnh hoạn của đàn ông thời Lưỡng Tống cũng ảnh hưởng sâu sắc tới thị hiếu thẩm mỹ của phụ nữ. Họ cũng lấy bệnh sầu, gầy, thẹn, uể

oải làm tiêu chuẩn của mỹ nhân trong phòng khuê. Như bài *Chúc Anh Đài cận, Xuân hận* của nữ từ nhân Ngô Thục Cơ thời Tống :

Phấn ngân tiêu, phương tín đoạn, hảo mộng hựu vô cứ. Bệnh tửu vô liêu, y chẩm thính (thính) xuân vũ. Đoạn trường, khúc khúc bình sơn, ôn ôn trầm thủy, dô thị cựu khan thừa nhân xứ.

Cửu ly trở, ưng niệm nhất điểm phương tâm. Nhàn sầu trì kỷ hử ! Thâu chiếu lăng hoa, thanh sấu tự tư nghiễn. Khả kham mai tử toan thời, dương hoa phi nhứ. Loạn oanh nhàn, thôi tương xuân khứ.

(Phấn son phai, thư tín dứt, mộng đẹp lại không tin nỗi. Bệnh rượu vô liêu, nghe mưa xuân rơi bên gối. Đau lòng, khúc khuỷu núi bằng, lửng lờ nước chảy, nhưng nhớ cho lòng thêm mỏi.

Cách xa lâu, nhớ cho một tấm tâm tình. Lòng sầu hay mấy mối ! Lén soi gương, vóc nhòa sương khói. Thương cho mơ lúc còn xanh, hoa dương bay sợi. Oanh líu lo, giục xuân đi khỏi).

Sĩ đại phu, văn nhân thời Tống tựa hồ hình thành một mô hình về cái đẹp phụ nữ : thẹn thùng, bệnh hoạn, uể oải, buồn bã. Những mỹ nhân dưới ngòi bút của họ đều bị chụp lên một mảnh nhàn sầu, biểu hiện một tình điệu nhàn nhã phú quý vô liêu, một loại tình cảm hiu quạnh của tầng lớp ăn không. Loại thị hiếu thẩm mỹ bệnh hoạn nhàn nhã không khỏe mạnh ấy dần dần thấm vào toàn bộ xã hội, khiến các nhân sĩ tầng lớp trên trong xã hội cũng dần dần bị nhược hóa, nhuyễn hóa, phụ nữ bệnh hoạn không có sức, đàn ông cũng mất đi chí khí dương cương, từng bước bị phụ nữ hóa, ủy mị hóa. Từ thời Tống Nguyên trở đi, các tác phẩm văn học miêu tả tình yêu nam nữ dần dần theo

khuôn mẫu "tài tử giai nhân", tài tử đa sầu đa bệnh, giai nhân nghiêng nước nghiêng thành, thẹn thùng nhiều bệnh, vả lại còn bàn chân nhỏ ba tấc, yếu như không chịu nỗi gió. Thử nghĩ loại "Tài tử giai nhân" ấy mà gặp loại "Mỹ nhân anh hùng" dũng mãnh kiêu hãn Liêu, Kim, Nguyên ở phương Bắc rầm rập xông tới theo vó sắt của đội thiết kỵ thì làm sao mà không bại vong. Kẻ thống trị tầng lớp trên người Hán giàu sang mà yếu ớt, cuối thời phong kiến đã bắt đầu đi vào hướng suy vi, sự tích lũy của cải, thành quả của văn minh đều trở thành đối tượng hưởng thụ của họ. Họ ở chốn thâm cung đình viện, chén vàng rượu ngọt, gái đẹp môi hồng tiêu phí thời gian, qua ngày qua tháng, nhàn nhã không có việc gì làm, nhàn rỗi quá đâm ra buồn bã. Vì thế họ lại càng thích thú thưởng thức cái đẹp phụ nữ uể oải thẹn thùng, yếu ớt bệnh hoạn.

Chương 7.

Đức sắc xung đột, cương nhu tiêu trưởng : cái đẹp phụ nữ thời Minh Thanh

Thời Minh Thanh xã hội phong kiến Trung Quốc bước vào giai đoạn cuối, giai cấp thống trị ngày càng thối nát, bước vào chỗ suy vi. Đồng thời, từ giữa thời Minh trở đi, trong kinh tế Trung Quốc xuất hiện những nhân tố mới, nảy sinh sự manh nha của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Đầu thời Minh, đầu thời Thanh, giai cấp thống trị đều ra sức cai trị, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh chuyên chế phong kiến. Lý học trở thành tư tưởng thống trị thời Minh Thanh. Kẻ thống trị thời Minh Thanh đều tăng cường quản lý hậu cung, đề phòng hậu phi can thiệp vào chính sự, đồng thời trong xã hội thì đề xướng quan niệm trinh tiết, ra sức biểu dương các trinh phụ liệt nữ, làm tăng thêm sự kỳ thị nam nữ.

Từ giữa thời Minh Thanh trở đi, giai cấp thống trị ngày càng thối nát, mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt. Kẻ thống trị phong kiến càng say mê tửu sắc, coi phụ nữ là trò chơi, theo với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, sự phồn vinh của thành thị, nghề kỹ nữ rất thịnh vượng, văn hóa sắc dục lan tràn, phong khí xã hội ngày càng suy đồi.

Theo với sự xuất hiện của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, tầng lớp thị dân ngày càng lớn mạnh, trong ý thức thị dân cũng dần dần nảy sinh trào lưu tư tưởng dân chủ nguyên thủy chống lại truyền thống, dấy lên trào lưu tư tưởng đồng tình với phụ nữ, tư tưởng nam nữ bình đẳng bắt đầu manh nha.

Quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu phong kiến ngày càng thối nát, giai cấp địa chủ người Hán ra sức cổ xúy việc phụ nữ bó chân, bàn chân nhỏ trở thành tiêu chuẩn đầu tiên về cái đẹp phụ nữ, trong các văn nhân suy đồi nảy sinh bệnh Nghiện bàn chân nhỏ (Tiểu cước tịch) và thói Điên cuồng sùng bái bàn chân (Bái cước cuồng). Đồng thời cuối thời Thanh, theo với sự manh nha của tư tưởng nam nữ bình đẳng cũng nảy sinh trào lưu tư tưởng chống lại việc bó chân, từng bước làm nảy sinh quan niệm về cái đẹp phụ nữ khỏe mạnh xinh đẹp.

Quan niệm về cái đẹp phụ nữ thời Minh Thanh thể hiện sự đặc sắc mâu thuẫn và đa dạng. Một mặt, giai cấp thống trị cường điệu lễ giáo phong kiến và đức hạnh phụ nữ, ra sức đề cao sự trinh tiết, mặt khác, kẻ thống trị thối nát lại ra sức chạy theo sắc đẹp, sùng bái cái đẹp méo mó, hô hào bó chân, sự xung đột giữa đức hạnh và sắc đẹp vô cùng nổi bật. Kẻ thống trị tầng lớp trên ra sức đề cao cái đẹp yếu ớt của phụ nữ bó chân, nhưng đồng thời theo với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, phạm vi hoạt động của phụ nữ mở rộng, hoạt động giao tế trong xã hội tăng lên, trong xã hội từng bước nảy sinh quan niệm về cái đẹp phụ nữ xinh đẹp khỏe mạnh. Hai quan niệm cương nhu về cái đẹp phụ nữ trong thực tiễn đấu tranh

tiêu trưởng, sau cùng vào cuối thời Thanh đã dấy lên việc phụ nữ không bó chân và hoạt động học tập của phụ nữ dưới ảnh hưởng văn hóa phương Tây, tiến tới hình thành quan niệm về cái đẹp phụ nữ khỏe mạnh xinh đẹp mới thời cận đại.

1. "Trinh phường phải lớn, sen vàng phải nhỏ"

"Trinh phường phải lớn, sen vàng phải nhỏ" (Bài phường yếu đại, kim liên yếu tiểu) là một câu tục ngữ lưu hành dưới thời Minh Thanh. Nó là sự khái quát rất chuẩn xác tiêu chuẩn "hoàn thiện" về cái đẹp đạo đức và cái đẹp hình thể cuối thời phong kiến ở nước ta.

Kẻ thống trị thời Minh Thanh đều tăng cường chế độ chuyên chế phong kiến, nhấn mạnh sự áp chế nam nữ, ra sức cổ xúy lễ giáo phong kiến, nhất là cực lực đề xướng, biểu dương sự trinh tiết của phụ nữ. Giai cấp thống trị tầng lớp trên và địa chủ loại vừa loại nhỏ tới toàn xã hội cơ hồ đều coi trinh tiết là điều kiện đầu tiên, tiêu chuẩn thứ nhất trong đạo đức phụ nữ. Đồng thời lại lấy "ba tấc sen vàng" làm tiêu chuẩn đầu tiên về cái đẹp hình thể phụ nữ. Trinh phường cho tiết phụ liệt nữ càng lớn càng hay, bàn chân của phụ nữ càng bó nhỏ càng hay.

Thời Minh là thời kỳ khuyến khích, biểu dương trinh tiết tích cực nhất. Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương lên ngôi không lâu, đã lập tức coi biểu dương phụ nữ trinh tiết là điều quan trọng trong việc bảo vệ chế độ chuyên chế phong kiến. Năm Hồng Vũ thứ 1 hạ chiếu nói "Phụ nữ trong dân gian nếu chồng chết trước ba mươi tuổi mà thủ tiết đến quá năm mươi tuổi vẫn không tái giá thì cấp cho trinh phường biểu dương

ở làng xóm, miễn trừ thuế má cho gia đình" (1). Không bao lâu, lại "Trứ vi quy điều, Tuần phương Đốc học tuế thượng kỳ sự, đại giả tứ từ tự, thứ diệc thụ phường biểu" (2), Đốc học ở địa phương mỗi năm đều báo cáo cho triều đình về các phụ nữ trinh liệt ở địa phương, triều đình sẽ căn cứ vào mức độ trinh tiết mà phong thưởng, có người được lập đền thờ, có người được cấp trinh phường.

Vì triều đình ra sức biểu dương, các quả phụ thủ tiết không những bản thân được vinh dự mà còn đem lại cho gia tộc sự vinh dự, lại đem lại quyền lợi kinh tế "miễn trừ thuế má" cho cả gia đình. Vì thế mọi người đua nhau học theo, quả phụ "tự giác" thủ tiết. Vì sự thôi thúc của lợi ích kinh tế, cho dù bản thân quả phụ không muốn thủ tiết thì gia tộc cũng thường bức bách phải thủ tiết. Có kẻ thậm chí còn bịa đặt chứng cứ, khai gian tuổi quả phụ để lừa dối nhận trinh phường.

Kẻ thống thị thời Minh đồng thời với việc biểu dương phụ nữ trinh liệt, còn trừng phạt cái gọi là những phụ nữ không giữ trinh tiết. Trong niên hiệu Thiên Thuận thời Minh, Thiêm sự Sơn Tây Đề hình Án sát tỵ Lưu Xung, vì lấy một phụ nữ tái giá làm vợ, bị tố cáo lên kinh, Minh Anh tông trực tiếp hỏi tới vụ này, ra lệnh cách chức Lưu Xung đuổi về làm dân. Kẻ trinh tiết nhà Minh thi hành việc biểu dương trinh tiết và trấn áp đối với phụ nữ, đồng thời lại tạo ra dư luận xã hội, kết hợp sự trinh liệt của phụ nữ và sự mê tín tôn giáo làm một, tạo ra rất nhiều "thần thoại" về việc

(1) *Minh hội điển.*

(2) *Minh sử, Liệt nữ truyện.*

thủ tiết làm cảm động lòng trời, nhân quả báo ứng để làm hại phụ nữ, khiến quả phụ không dám tái giá.

Kẻ thống trị thời Thanh sau khi vào làm chủ Trung nguyên, đẩy mạnh sự áp bức dân tộc và chuyên chế phong kiến, gây ra rất nhiều vụ án văn tự. Họ kế thừa tư tưởng thống trị của giai cấp địa chủ người Hán, sùng thượng Lý học, cổ xúy lễ giáo, biểu dương phụ nữ trinh tiết. "Theo chế độ nhà Thanh bộ Lễ coi việc cấp trinh phường cho hiếu phụ, hiếu nữ, liệt phụ, liệt nữ, thủ tiết, tuẫn tiết, chưa cưới thủ tiết, hàng năm dâng danh sách lên đều có vài ngàn người, chết vì binh lửa, cướp bóc cũng có mười mấy vạn phân biệt tâu lên, chống lại bọn cường bạo mà tử tiết cũng phân biệt tâu lên, đều cẩn thận ghi chép vào thực lục. Trong đó thu thập đã nhiều, nêu gương rất rõ, phong khí lưu truyền kéo dài không dứt" (3). Bộ Lễ nhà Thanh lo việc cấp trinh phường biểu dương khen thưởng phụ nữ tiết liệt, hàng năm số người được khen thưởng có tới hàng ngàn. Đối với trinh nữ, tiết phụ thì biểu dương trong làng xóm, thiết lập trinh tiết bài phường, lại ghi vào *Liệt nữ truyện, Thực lục* và địa phương chí các địa phương để biểu dương. Từ niên hiệu Đồng Trị thời Thanh trở đi, việc suy tôn sùng thượng trinh tiết đã đạt tới mức cực điểm. Các địa phương nhao nhao thiết lập một cơ quan có nhiều tên gọi khác nhau như Toàn tiết đường, Sùng tiết đường, Trinh tiết đường, Thanh tiết đường, Bảo tiết đường, thu nhận nuôi dưỡng trinh nữ, tiết phụ. Chương trình của cơ quan này đều quy định phàm phụ nữ trên ba mươi tuổi, ai quyết tâm giữ trinh tiết mới cho vào đó. "Tiết phụ, trinh nữ sau khi vào đường

(3) *Thanh sử cảo, Liệt nữ truyện.*

không được vô cớ ra ngoài. Mỗi khi đến mùa xuân, mùa thu, do đường ấy xuất ra một ngàn đồng Kinh tiền để mua trái cây và giấy tiền vàng bạc, thuê xe kiệu, sai bộc phụ lớn tuổi đi theo về tế tảo mồ mả tổ tiên" (4). Những phụ nữ vào Trinh tiết đường này bị mất quyền tự do hành động, ngoài hai mùa xuân thu với sự đi theo của bộc phụ trở về quê tế tảo, thì không được vô cớ ra khỏi đường. Vì việc cấp trinh phường biểu dương tiết phụ, liệt nữ của chính quyền Minh Thanh được chế độ hóa, bình thường hóa nên số tiết phụ, liệt nữ thời Minh Thanh tăng lên tới mức chưa từng có. Liệt nữ, tiết phụ thời Minh rất nhiều, "đến nỗi phụ nữ nhà nghèo ở nơi hoang vắng cũng biết giữ trinh bạch, số được chép vào thực lục và các sách địa chí quận huyện không dưới vạn người" (5). Các nhân viên tu sửa *Minh sử* trải qua nhiều lần chọn lựa đã chọn đưa 308 người vào *Minh sử, Liệt nữ truyện*, cơ hồ gấp đôi số người được chọn đưa vào *Nguyên sử*, mà hai phần *Khuê tiết, Khuê liệt* trong *Cổ kim đồ thư tập thành* thu nhặt truyện các phụ nữ trinh liệt thời Minh tới 36.000 người, đủ thấy mức độ ảnh hưởng của việc đề cao phụ nữ trinh tiết thời Minh. Số lượng tiết phụ liệt nữ thời Thanh theo con số chưa đầy đủ, chỉ theo số trinh phường biểu dương phụ nữ trinh tiết ở các nơi trong *Thanh sử cảo, Liệt nữ truyện* đã có "mấy ngàn người", số liệt nữ chết trong chiến tranh loạn lạc thì đạt tới "hàng vạn người". Theo thống kê của Đường Lực Hành, chỉ ở Hấp huyện An Huy, trong hai thời Minh Thanh (đến niên hiệu Hàm Phong) số liệt nữ được biểu

(4) *Kỳ phu thông chí*, quyển 109

(5) *Minh sử, Liệt nữ truyện*.

dương và chưa được biểu dương đã lên tới 8.606 người, trong đó số thời Thanh nhiều gấp mười lần thời Minh (6). Lại theo *Hưu Ninh huyện chí*, chỉ ở huyện Hưu Ninh tỉnh An Huy thời Thanh cũng đã có hơn 2.200 phụ nữ tiết liệt. Từ đó suy đoán, thì số phụ nữ "tiết liệt" thời Thanh đã vượt xa thời Minh.

Phụ nữ tiết liệt được biểu dương dưới thời Minh Thanh không những số lượng cực nhiều mà chủng loại cũng đa dạng, đẳng cấp nghiêm ngặt, mức độ trinh tiết cũng càng khốc liệt thảm độc. Có người tuẫn tiết theo chồng, cũng có người thủ tiết trọn đời, cũng có người phản kháng kẻ cường bạo mà chết. Phụ nữ tuẫn tiết theo chồng gọi là liệt phụ, chồng chết không tái giá, thủ tiết trọn đời gọi là tiết phụ, "Vọng môn quả" thủ trinh với chồng chưa cưới gọi là trinh nữ, tuẫn tiết theo chồng chưa cưới gọi là liệt nữ vân vân. Mà lại giữ trinh tiết càng nghiêm khắc càng tốt, càng thảm độc càng hay. Trinh tiết đã được đề cao tới mức quan trọng hơn cả tính mạng của phụ nữ, đã trở thành một loại mê tín. Có trinh tiết hay không đã trở thành tiêu chuẩn tối cao về đạo đức phụ nữ.

Trong hai thời Minh Thanh, ngoài việc ra sức biểu dương trinh tiết, còn đề cao toàn diện đức hạnh phụ nữ, rất nhiều sách giáo dục phụ nữ được biên soạn in ấn, tăng cường sự thống trị giới tính toàn diện đối với phụ nữ. Tăng cường sự thống trị giới tính trở thành nội dung quan trọng để tăng cường sự chuyên chế phong kiến. *Nội huấn* do Hiếu Văn hoàng hậu vợ Minh Thành tổ biên soạn, *Cổ kim liệt nữ truyện* do bọn Giải Tấn

(6) Đường Lực Hành, *Thương nhân dữ Trung Quốc cận thế xã hội* (Thương nhân và xã hội cận đại Trung Quốc), Chiết Giang Nhân dân xuất bản xã, 1993, tr. 154

biên soạn, *Khuê phạm, Khuê giới* của Lữ Khôn, *Phụ đức tứ châm* của Từ Sĩ Tuấn đều trở thành sách đọc của phụ nữ thời Minh, nội dung đều là đề cao đạo đức phụ nữ phong kiến "Chồng là giềng mối của vợ", "Tam tùng tứ đức".

Sách giáo khoa cho phụ nữ thời Thanh lại càng hoàn bị, như *Nữ học* của Lam Đình Nguyên, *Giáo nữ di quy* của Trần Hoằng Mô, *Nữ học ngôn hành lục* của Lý Văn Phương, mà lan tràn độc hại nhất là *Nữ phạm tiệp lục* của mẹ Vương Tương. Vương Tương in gộp quyển *Nữ phạm tiệp lục* với ba quyển *Nữ giới, Nữ Luận ngữ, Nội tắc* thành bộ *Nữ tứ thư*, trở thành sách học vỡ lòng cho phụ nữ cuối thời phong kiến, lưu độc rất lớn. Thời Thanh còn có người chuyên nghiên cứu cách đè nén và ràng buộc phụ nữ mới về nhà chồng, viết ra các sách *Tân phụ phổ, Tân phụ phổ bổ* để dạy phụ nữ làm con dâu thế nào, trói buộc, áp chế phụ nữ mới lấy chồng rất nghiêm khắc. Mà người viết loại sách ấy đều là đàn ông, họ lấy thân phận và khẩu khí người cha dạy con gái để dạy phụ nữ mới về làm dâu. Đó là một cách thức tăng cường sự áp chế giới tính đối với nữ thanh niên, trở thành một nét đặc sắc mới trong sự áp chế phụ nữ của đàn ông cuối thời phong kiến.

Tăng cường quan niệm về sự trinh tiết, tăng cường việc giáo dục đức hạnh phụ nữ đều là biểu hiện của sự tăng cường ách chuyên chế phong kiến và sự áp chế giới tính cuối thời phong kiến.

Vì sao cuối xã hội phong kiến lại tăng cường quan niệm trinh tiết và giáo dục đạo đức cho phụ nữ ? Đây là một vấn đề rất đáng nghiên cứu.

Về vấn đề này đại thể học giới có hai cách nhìn : một là cho rằng nó có quan hệ mật thiết với "Lễ giáo

và chính trị tập quyền", "Từ thời Tống trở đi, lễ giáo trong thực tế dưới sự thúc đẩy gián tiếp của chính trị tập quyền hưng thịnh cao độ, mà sự hưng thịnh của nó lại giúp đỡ sự tăng cường chính trị tập quyền rất nhiều" (7). Hai là coi nó là "Sản vật của sự hình thành phụ quyền - phu quyền trong thời Lý học hưng thịnh dưới thời Tống" (8).

Người viết cho rằng trong mối quan hệ mật thiết giữa lễ giáo và chính trị tập quyền, có thể nói lễ giáo là một cách tăng cường chính trị tập quyền phong kiến.

Thứ nhất, xây dựng trên cơ sở văn minh nông nghiệp, chính quyền chuyên chế chủ nghĩa coi nhà là nước, về bản chất nó là công cụ thống trị giai cấp, áp bức giai cấp, đồng thời cũng là công cụ áp chế giới tính, đàn ông thống trị phụ nữ. Theo quan điểm của F. Engels, việc áp chế giai cấp và áp chế giới tính nảy sinh đồng thời với chế độ tư hữu. Chế độ tư hữu xây dựng trên nền tảng gia đình cá thể, tự nó đã là chế độ không bình đẳng mang tính giai cấp và không bình đẳng về giới tính. Vì thế việc nhấn mạnh chế độ chuyên chế, nhấn mạnh chính trị tập quyền tất nhiên cũng đồng thời nhấn mạnh lễ giáo áp chế phụ nữ.

Thứ hai, học thuyết của Nho gia coi việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là quan trọng ngang nhau. Bình thiên hạ bắt đầu từ tề gia, mà muốn tề gia thì phải nhấn mạnh lễ giáo, là đã nhấn mạnh sự khống chế của đàn ông đối với phụ nữ trong nội bộ gia đình. Cho nên nhấn mạnh chuyên chế tập quyền tất nhiên cũng

(7) Giang Hiểu Nguyên, *Tinh trương lực hạ đích Trung Quốc nhân*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1995, tr. 118

(8) Đỗ Phương Cầm, *Phát hiện phụ nữ đích lịch sử* (Lịch sử phát hiện phụ nữ), Thiên Tân Xã khoa viện xuất bản xã, 1996, tr.3

phải đồng thời nhấn mạnh lễ giáo. "Nhà vua muốn bầy tôi tận trung, đàn ông cũng càng đòi hỏi phụ nữ thủ tiết" (9), cả hai là theo một đạo lý.

Thứ ba, Nho gia cho rằng lễ giáo là cái điều tiết quan hệ người với người trong gia đình, là chuẩn mực trong quan hệ người với người ngoài xã hội, mà trinh tiết của phụ nữ lại là cách thức quan trọng để duy trì phong hóa xã hội. Cho nên, nhấn mạnh lễ giáo, đề xướng trinh tiết có thể khiến gia đình ổn định, tiến tới khiến xã hội yên ổn, củng cố sự thống trị của giai cấp phong kiến. Nhấn mạnh chính trị tập quyền là để củng cố sự thống trị của giai cấp phong kiến, nhấn mạnh lễ giáo đề xướng trinh tiết cũng có tác dụng củng cố sự thống trị của giai cấp phong kiến như thế. Cho nên kẻ thống trị trong việc tăng cường chính trị tập quyền cũng thường đồng thời ra sức đề xướng lễ giáo, hai điều đó bổ sung cho nhau, đạt tới mục đích củng cố chế độ phong kiến đang lung lay. Chế độ phong kiến ngày càng suy vi, kẻ thống trị phong kiến càng cảm nhận được nguy cơ, càng ra sức lợi dụng lễ giáo và cổ xúy trinh tiết. Đây là nguyên nhân của việc ra sức cổ xúy trinh tiết phụ nữ, đề cao lễ giáo cuối thời phong kiến.

"Sen vàng phải nhỏ" là điều kiện đầu tiên, tiêu chuẩn thứ nhất về cái đẹp hình thể của phụ nữ thời Minh Thanh.

Phong tục bó chân của phụ nữ thời Minh còn phổ biến hơn thời Nguyên.

Cung nữ thời Minh đều mang hài cong trên đính hoa vàng nhỏ. Nhưng hậu phi, quý nhân thì không lấy

(9) Lỗ Tấn, *Phần, Ngã chi tiết liệt quan* (Quan niệm của tôi về sự tiết liệt).

việc bó chân làm quy chế nhập cung. Hoàng đế, quan lại nhà Minh cũng không công khai quy định cổ xúy phụ nữ bó chân. Nhưng phong tục bó chân càng ngày càng lan tràn. Mã hoàng hậu của Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương vì xuất thân nghèo hèn, từ nhỏ đi chân không nên bàn chân rất to. Một năm vào ngày rằm tháng giêng mở hội đèn lồng. Chu Nguyên Chương cải trang làm thường dân vi hành, tới ngoài cửa Tụ Bảo thành Nam Kinh phát hiện có một nhà treo một chiếc đèn lồng Đăng mê (Đố chữ) vẽ một phụ nữ bàn chân to ngồi ôm một quả dưa gang (hoài Tây qua). Những người xem đèn đều vây quanh chiếc đèn ấy cười ầm lên. Chu Nguyên Chương hiểu ý tứ của câu đố ấy là "Phụ nữ Hoài Tây bàn chân to", có ý chế nhạo Mã hoàng hậu bàn chân to. Lúc ấy Minh Thái tổ mặt rồng cả giận, bèn bắt cả gia đình ấy xử chém, giết chết hơn ba trăm người. Câu chuyện này cho thấy rõ chế độ chuyên chế phong kiến tàn khốc thế nào, đồng thời cũng cho thấy mức độ sùng thượng bàn chân nhỏ của người đương thời, dù là hoàng hậu mà bàn chân to cũng không tránh khỏi bị chê cười. Từ đó trở đi, trăm họ đoán rằng Chu Nguyên Chương giết cả gia đình chế ra câu đố Đăng mê ấy là cổ xúy phụ nữ bó chân. Vì thế phong khí bó chân ngày càng lan tràn.

Hồ Ứng Lân người thời Minh chỉ ra rằng "Phụ nữ đầu thời Tống phần nhiều không bó chân, nhưng những thi từ khúc kịch nổi tiếng trong cả nước đều nói tới chuyện đó, đến nay càng hết mức. Tới như hài nhỏ thì hiện nay đứa trẻ con cao năm thước cũng thấy là tuyệt đẹp" (10). Thời Minh còn hình thành dư luận xã hội coi phụ nữ coi bó chân là cao quý, không bó chân

(10) *Thái phi lục*, Đệ tứ biên, tr.3 - 4

là hèn hạ. *Vạn Lịch dã hoạch biên* nói thời Minh "Cái hộ ở Chiết Đông, đàn ông không cho đọc sách, đàn bà không cho bó chân", lấy việc không được bó chân làm một sự trừng phạt đối với phụ nữ Cái hộ. Đủ thấy việc không bó chân đã bị dư luận xã hội đương thời coi là sự hèn hạ.

Người thời Minh cho rằng phụ nữ "Lưng liễu bước sen, yếu ớt tới mức đáng thương" là đẹp nhất. Loại mỹ nữ ấy có thể làm đàn ông say đắm, thậm chí có thể làm người Đạt Đán ở phương Bắc mềm lòng. Trong niên hiệu Vạn Lịch, người Đạt Đán ở phương Bắc mấy lần xâm phạm Trung nguyên. Danh sĩ Hoắc Tư Cửu hiến kế cho hoàng đế Vạn Lịch rằng "Sở dĩ giặc khinh suất rời đất cũ đi xa để xâm lấn, vì phương Bắc không có người đẹp. Chế ngự giặc Bắc chỉ có cách khiến cho phương Bắc có nhiều người đẹp, khiến đàn ông của họ say đắm nữ sắc. Ta nên dạy họ bó chân, đổi mặc y phục Trung thổ, lưng liễu bước sen, yếu ớt tới mức đáng thương, giặc cảm vì mỹ nhân, ắt sẽ hết hung dữ" (11). Chủ trương của vị Hoắc danh sĩ này đương nhiên là không thi hành được. Đã biết "Lưng liễu bước sen, yếu ớt tới mức đáng thương" có thể "làm say mê" đàn ông, thì cũng chứng minh rằng kẻ thống trị nhà Minh thích loại người đẹp yếu ớt ấy cũng đã "say đắm nữ sắc" hủ bại vô cùng. Nghĩ lại điều này có thể rút ra kết luận phải cấm phụ nữ bó chân, không gần nữ sắc, làm thân khỏe nước mạnh. Đáng tiếc là sĩ đại phu người Hán thời Minh Thanh đã bị lún vào quan niệm về cái đẹp phụ nữ yếu ớt ấy ngày càng sâu, không sao rút chân lên được.

(11) *Thái phi lục, Thức tiểu lục,* tr. 6

Việc phụ nữ bó chân thời Thanh đã đạt tới mức đăng phong tháo cực, phạm vi lưu hành và mức độ bó chân đều vượt xa thời Nguyên, Minh. Trong giai cấp thống trị tầng lớp trên và văn nhân phong kiến, phong khí sùng bái bàn chân nhỏ vô cùng đậm nét, xuất hiện một số trường hợp nghiện bàn chân nhỏ và điên cuồng sùng bái bàn chân.

Tác giả hý kịch Lý Ngư cuối thời Minh đầu thời Thanh rất tán tụng bàn chân nhỏ. Ông cho rằng bàn chân nhỏ của phụ nữ "Nhỏ như không có, càng nhìn càng thấy thương xót, đó là để dùng ban ngày, mềm như không xương, càng gần càng muốn vuốt ve, đó là để dùng ban đêm". Cách nhìn của ông trên đại thể có thể đại biểu cho tâm lý sùng bái bàn chân nhỏ của sĩ đại phu và văn nhân người Hán thời Minh Thanh. Lý Ngư còn cho rằng, bàn chân nhỏ "ngay mà thẳng" là đẹp nhất. "Ngay thì dễ động, cong thì khó đi, thẳng thì tự nhiên, méo thì miễn cưỡng. Ngay mà thẳng, không chỉ dáng đi đẹp đẽ mà cũng ít có mùi hôi" (12).

Văn nhân Phương Tuân thời Thanh còn có một "trước tác chuyên khảo" là *Hương liên phẩm tháo* bình phẩm về bàn chân nhỏ, trong nói bàn chân cần cân xứng, tăng tật, vinh sủng, khuất nhục 58 điều, tới chuyện hay Hương khuê, Bộ liên tam muội hơn 20 loại. Chia "hương liên" (bàn chân nhỏ) làm 18 loại, còn nói nào là "Hương liên thập hữu", "Hương liên ngũ khách", "Hương liên cửu phẩm", "Hương liên tam thập lục khách" vân vân, coi sự xấu xí là thần kỳ, không ngại phiền phức tiến hành miêu tả, bình phẩm và ca tụng đôi bàn chân nhỏ của phụ nữ, quả có thể làm một quyển "Kinh thánh"

(12) *Nhàn tình ngẫu ký, Thanh dung bộ.*

về bàn chân nhỏ. Cuối thời Thanh còn có một số văn nhân viết các tác phẩm *Thái liên tân ngữ, Liên thoại, Túc thoại, Ngọc câu diễm thoại, Quỳnh câu ức ngữ, Liên quốc di quy* vân vân gọi là văn chương diễm tình, tiến hành bình phẩm, ca tụng bàn chân nhỏ, phản ảnh trạng thái và bệnh thái tinh thần dâm dục, suy đồi và quan niệm thẩm mỹ méo mó của sĩ đại phu phong kiến cuối thời phong kiến.

Thời Minh Thanh, đặc biệt là cuối thời Thanh, quan niệm thẩm mỹ méo mó coi bàn chân nhỏ của phụ nữ là đẹp đã lan tràn ra toàn xã hội, không những con gái nhà giàu bó chân, mà con gái nhà nghèo cũng bó chân. Những người nghiện bàn chân nhỏ còn đặt ra bảy tiêu chuẩn sấu (gầy), tiểu (nhỏ), tiêm (nhọn), loan (cong), hương (thơm), nhuyễn (mềm), chính (thẳng). Bàn chân nhỏ của phụ nữ ở khu vực Đại Đồng Sơn Tây được coi là đứng đầu thiên hạ, có câu "Đại Đồng tiểu cước giáp thiên hạ" (chân nhỏ Đại Đồng nhất thiên hạ).

Trong hai thời Minh Thanh phong tục phụ nữ bó chân ngày càng ghê gớm, bàn chân nhỏ đã trở thành điều kiện chủ yếu về tiêu chuẩn người đẹp trong con mắt đàn ông, thậm chí là điều kiện duy nhất. Con em nhà giàu cưới vợ phải chọn các cô nương bàn chân nhỏ vả lại ngay cả nạp thiếp, chơi gái cũng muốn chọn phụ nữ có bàn chân nhỏ. Phong tục lan tràn, lâu dài ngay cả trong quần chúng lao động, đàn ông chọn vợ cũng lấy bàn chân nhỏ làm điều kiện chủ yếu.

Trong hai thời Minh Thanh, giai cấp thống trị ngày càng thối nát, mê đắm vao sắc dục, dâm đãng thành phong tục. Đạt quan quý nhân, con em nhà giàu, phú thương đại cổ đều lấy việc chơi gái ngủ lại kỹ viện, tìm hoa hỏi liễu, đùa giỡn con gái làm "việc phong

ưu". Khách chơi thích bàn chân nhỏ, nên kỹ nữ trong phường khúc thời Minh không ai không lấy ba tấc sen vàng làm vốn mời gọi khách chơi. *Bản Kiều tạp ký* chép không ít chuyện về kỹ nữ bàn chân nhỏ, nào là "Cố Mỵ bàn chân nhỏ, nhọn", Trương Nguyên "Eo thon bước khó, người ta gọi là Trương tiểu cước" vân vân, không tiếc lời khen ngợi kỹ nữ bàn chân nhỏ. Ngược lại, Cố Hỷ vì "dáng đi không uyển chuyển", bị người ta gọi là Cố đại cước, danh kỹ Mã Tương Lan bàn chân hơi lớn bị khách chơi làm thơ chế nhạo. Trong kỹ viện thời Thanh, kỹ nữ vẫn lấy bàn chân nhỏ để tranh đua sắc đẹp. *Tần Hoài họa phảng lục, Tục Bản Kiều tạp ký* đều ghi lại chuyện này. Có một kỹ nữ mặc dù "mắt sáng khéo liếc, da như mỡ đông" nhưng đáng tiếc bàn chân nàng không đẹp lắm, đành mang hài Tiểu đao để tiện che đôi bàn chân to. Ngược lại, nếu kỹ nữ bàn chân không đầy ba tấc thì cho dù dung mạo bình thường cũng sẽ được đám hào môn lãng tử, phú thương đại cổ ghé mắt xanh. Đời Càn Long nhà Thanh, khách chơi, kỹ nữ đều lấy bàn chân thon nhỏ làm phẩm vật đẹp đẽ duy nhất, hai bàn chân không thật nhỏ là chuyện kỹ nữ hối tiếc nhất.

"Dân học quan, quan học đĩ", căn bệnh xã hội hủ bại, dâm đãng ấy lan truyền ra dân gian, đến nỗi tất cả đàn ông chọn vợ cũng lấy bàn chân nhỏ làm tiêu chuẩn duy nhất hay đầu tiên về cái đẹp hình thể của phụ nữ.

Nhân sĩ tầng lớp trên không những phải cưới vợ bó chân mà nạp thiếp cũng phải nạp phụ nữ bó chân. Đời Càn Long nhà Thanh, Triệu Quân Đài mua thiếp, có một người họ Lý, mi thanh mục tú, lại biết làm

thơ, đáng tiếc là chưa bó chân, Triệu Quân Đài chê nàng bàn chân to.

Việc truy cầu "ba tấc sen vàng" của phụ nữ đã trở thành một phong tục xấu xa, ngay nhân dân lao động tầng lớp dưới cũng ra sức truy cầu.

Từ những bài dân ca về bàn chân nhỏ lưu truyền khắp nơi, có thể thấy tâm lý phổ biến của mọi người là thích bàn chân nhỏ, lấy bàn chân nhỏ là đẹp.

Một bài dân dao cũ ở Vân Nam nói "Uyển đậu khai hoa giác đối giác, Ngã khuyến tiểu muội bao tiểu cước. Muội đích tiểu cước bao đắc hảo, Ca đích dương yên đoán đắc thoát" (Đậu uyển nở hoa cánh cánh mướt, Ta khuyên em gái bó chân trước. Chân em bó nhỏ cho thật xinh, Thuốt phiện anh đây quyết bỏ được).Dân dao ở Vệ Huy Hà Nam nói "Cao đê hài trát đích ngũ sắc hoa, Khán liễu nhất nhân dã bất sai. Nương a, nương a ! Thính thú ba, một hữu tiền, Khiêu trang mại địa hoàn yếu thú tha" (Hoa năm màu kết hài đế cao, Cô nàng ơi, cô nàng ơi ! Gặp được một người mới đẹp sao. Ta cưới nàng, không có tiền, Cầm nhà bán ruộng cũng phải cưới cho mau).

Dân dao Hà Bắc nói "Tiểu hồng hài nhi nhị thốn bát, Thượng đầu tú trước thích bát hoa. Đẳng ngã đáo liễu gia, Cáo tố ngã gia má, Tựu thị điển liễu phòng tử xuất liễu địa, Dã yếu thú lai tha" (Hài đỏ nhỏ xinh hai tấc tám, Mũi hài còn thêu thêm đóa hoa. Hãy chờ ta về nhà, Nói lại với mẹ cha, Dù phải cầm hết nhà bán hết ruộng, Cũng phải cưới nàng mà).

Dân dao ở Phong Thành Giang Tây nói "Hồng phấn kiểm, Trại đào hoa, Tiểu tiểu kim liên nhất lạp trảo. Đẳng đắc niên lai trang giá hảo, Nhất hạng đào

kiệu thú đáo gia" (Má phấn đỏ, Tựa đào hoa, Nhỏ nhỏ sen vàng vừa một nắm. Đợi đến sang năm gặt hái rồi, Kiệu hoa hạng nhất cưới về thôi).

Ngô ca giáp tập của Cố Hiệt Cương chép "Giai nhân phòng nội triển kim liên, Tài lang di bộ hỷ liên liên. Nương tử a, Nhĩ đích kim liên dạng đích tiểu, Uyển tỷ đông thiên đoạn duẫn tiêm. Hựu hảo tượng ngũ nguyệt Đoan dương tam giác tông, Hựu thị hương lai hựu thị cam, Hựu hảo tỷ lục nguyệt chi trung hương phật thủ, Hoàn đới linh lung hoàn đới tiêm" (Giai nhân trong phòng bó sen vàng, Lang quân dời bước rất vui mừng. Nương tử ơi, Sen vàng của nàng nhỏ như thế, Cũng như măng nhọn giữa mùa đông. Lại giống cái bánh ú ba góc ngày Đoan dương, Vừa ngọt lại vừa thơm, Lại giống quả phật thủ thơm trong tháng sáu, Vừa nhọn vừa long lanh) (13).

Loại ca dao ưa thích bàn chân nhỏ của đàn ông này lưu truyền khắp toàn quốc, lan truyền tới quần chúng tầng lớp dưới, cho thấy quan niệm thẩm mỹ bệnh hoạn, méo mó về bàn chân nhỏ của phụ nữ đã được đông đảo quần chúng tầng lớp dưới thừa nhận, trở thành quan niệm về cái đẹp phụ nữ phổ biến trong toàn xã hội.

Phụ nữ bàn chân phải nhỏ, bàn chân càng nhỏ càng được mọi người khen ngợi, ngược lại phụ nữ bàn chân to cho dù có xinh đẹp cũng sẽ bị mọi người chế nhạo. Ở khắp nơi đều lưu hành những câu chế nhạo phụ nữ bàn chân to, như "Nhất cá đại cước tẩu, Đài lai đài khứ một nhân yếu" (Một chị bàn chân to, Khiêng đi khiêng lại chẳng ai cần) "Đại cước bà, Một nhân

(13) *Thái phi lục*, *Tục biên*, tr. 18 - 19

yếu tha tố lão bà" (Bàn chân to, Không ai chịu lấy về làm vợ), "Kiểm nhi đảo bất tiếu, Đại cước đại khả tiếu" (Mặt mũi đã không đẹp, Chân to càng đáng cười) vân vân.

Bàn chân của phụ nữ lớn hay nhỏ còn trực tiếp anh hưởng tới việc hôn nhân đại sự của họ, vả lại còn ảnh hương tới quan hệ gia đình, quan hệ vợ chồng, thậm chí quan hệ với làng xóm của họ sau khi lấy chồng Con dâu bàn chân nhỏ thường được cha mẹ chồng khen ngợi, được chồng yêu thương, bạn bè xưng tụng và chị em dâu hâm mộ, ngược lại con dâu bàn chân to thường bị cha mẹ chồng rẻ rúng hay thậm chí còn bị ngược đãi, bị chồng chán ghét và bạn bè bàn tán, chế nhạo.

Ngày tân hôn, sau khi tân nương xuống kiệu, bàn chân to hay nhỏ, đẹp hay xấu sẽ trở thành tiêu chuẩn duy nhất để bạn bè phẩm bình, phán đoán về sắc đẹp của cô dâu. Bàn chân nhỏ sẽ được bạn bè khen ngợi, bàn chân to sẽ bị mọi người chế nhạo, châm chọc ngay tại chỗ. Trong *Cánh Nam liên thoại* (14), Lý Vinh Mi có giới thiệu phong tục ở một dải Phong Nhuận Hà Bắc như sau "Vùng ấy phong khí bó chân rất thịnh hành, nhà mới cưới vợ cho con trai thì coi bàn chân là quan trọng hàng đầu. Sau khi vào cửa, bó chân lớn hay nhỏ, có quan hệ tới sự vinh nhục. Mới về nhà chồng, người trong thôn đã vây quanh kiệu cưới hoặc xe cưới chằm chằm nhìn vào, trước tiên là nhìn chân. Đến giờ tốt, thò chân bước xuống xe, người bàn chân nhỏ sẽ lập tức có danh giá, bạn bè thân thích khen ngợi, cha mẹ chồng lấy làm được an ủi. Sau khi bái

(14) Xem *Thái phi lục*, Đệ tam biên, tr. 73 - 100

đường, tân lang đã nhìn rõ chân tướng, bàn chân nhỏ thì yên thân, bàn chân lớn sẽ bị ghét, thương ghét có thể đoán trước".

Đêm động phòng hoa chúc, lúc tân lang phát hiện bàn chân tân nương to, có người hai mắt đỏ ngầu, khóc không ra tiếng, có người bỏ nhà ra đi, trốn đi thật xa, cũng có người bắt vợ mới cưới bó chân, ngược đãi đủ trò, có người vì cha mẹ ghét con dâu bàn chân to, đến nỗi gia đình lục đục. Ví dụ thôn Mỗ huyện Phong Nhuận có một viên Hiếu liêm già, hôm con trai ông ta cưới vợ, tân nương vừa xuống kiệu, vì hai bàn chân to nên bị bạn bè, dân làng xúm lại chế nhạo. Viên Hiếu liêm già tức giận ngất luôn tại chỗ, từ đó suốt đời căm ghét người con dâu bàn chân to khiến gia đình không được yên ổn. Đúng như *Thính vũ tùng đàm* nói phụ nữ bàn chân to bị người ta chế nhạo, kỳ thị, "Thường lấy đó làm điều xấu hổ, chồng lấy đó làm điều nhục nhã, thậm chí thân thích láng giềng kể cho nhau làm chuyện cười, cô gái cúi mặt, tự thấy là mình xấu xí", quan niệm thẩm mỹ bệnh hoạn méo mó về việc bó chân đến thời Minh Thanh, đặc biệt là cuối thời Thanh đã trở thành quan niệm cái đẹp phụ nữ của toàn xã hội, thâm nhập vào nơi thôn cùng xóm vắng, lan tràn khắp muôn hộ ngàn nhà, đã trở thành một bệnh thái xã hội, lưu độc ra toàn xã hội.

Sự mê tín hóa, tôn giáo hóa về trinh tiết là sự bệnh thái hóa, kỳ hình hóa cái đẹp đạo đức của phụ nữ. Cái đẹp đạo đức và cái đẹp hình thể của phụ nữ thời Minh Thanh đã đi vào ngõ cụt méo mó, bệnh hoạn, báo hiệu sự ra đời của quan niệm về cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể mới.

2. Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình Minh Thanh

Chu Nguyên Chương xuất thân hàn vi, sau khi lên ngôi hoàng đế, tổng kết kinh nghiệm và bài học lịch sử trong việc hưng suy của đế vương các đời, tăng cường chế độ chính trị trung ương tập quyền, tập trung quyền lực vào tay nhà vua. Lại tăng cường quản lý đối với hậu cung, tăng cường sự khống chế đối với hậu phi, cũng là một biện pháp tăng cường vương quyền của Chu Nguyện Chương. Đúng như *Minh sử, Hậu phi truyện* chép "Minh Thái tổ xét mối họa phụ nữ đời trước, lập ra phép tắc nghiêm ngặt dạy dỗ nội cung", đề phòng hoàng hậu can thiệp vào chính sự. "Năm Hồng Vũ thứ nhất, sai Nho thần soạn sách *Nữ giới*, dụ Hàn lâm học sĩ Chu Thăng rằng : Người trị thiên hạ thì tề gia làm đầu, đạo tề gia bắt đầu từ việc cẩn thận giữa vợ chồng, hậu phi tuy là mẫu nghi thiên hạ nhưng không thể dự vào việc chính sự, tới như loại phi tần thì bất quá chỉ là làm tròn chức trách hầu khăn lược, có khi được ân sủng quá nhiều thì kiêu ngạo vượt phận, trên dưới rối loạn, chính sự các đời từ hậu cung truyền ra ít khi không gây ra họa loạn. Duy bậc minh chủ có thể xét tới cái chưa thành hình, vì thế có nhiều cảm khái. Bọn khanh hãy soạn sách *Nữ giới* và những việc làm đúng đắn của hiền hậu hiền phi thời cổ để con cháu đời sau biết mà noi theo. Minh Thái tổ tu sửa "gia pháp" trong hậu cung rất nghiêm khắc, đề phòng hậu phi can dự vào chính sự để tăng cường quyền lực của nhà vua. Thái tổ Hiếu từ Mã Hoàng hậu là vợ hiền của Chu Nguyên Chương. Bà "Chăm chỉ việc nội trị, rảnh rỗi thì giảng giải lời cổ huấn, lấy các hiền hậu nhà Tống để dạy lục cung, sai Nữ sử chép lại gia

pháp của họ, sớm tối xem xét tu tỉnh mình" (15), Mã Hoàng hậu lấy "hiền hậu" thời Tống làm tấm gương, lấy "nhân hậu" trị lý hậu cung. Dưới ảnh hưởng của bà, nhà Minh "Nội cung yên tĩnh, người ta bàn luận khen là gia pháp nhà Minh vượt xa nhà Hán nhà Đường" (16).

Về việc tuyển chọn hậu phi, nhà Minh tuyển chọn nghiêm ngặt trong các cô gái nhà lương gia đức sắc kiêm toàn. "Phàm hậu phi, cung tần của thiên tử và thân vương đều tuyển chọn cẩn thận trong con gái nhà lương gia, những người được dâng hiến thì không nhận, nên hậu phi phần nhiều lấy từ trong dân gian" (17). Vả lại số con gái nhà dân được tuyển chọn phần lớn xuất thân từ gia đình nghèo hèn. Vụ Thận Hành thời Minh trong *Bút trần* cho rằng hậu phi xuất thân hèn kém phần nhiều tiết kiệm tự ái, từ dân gian tới thì quen thấy cảnh làm ăn trong làng xóm, có thể giúp bậc nhân quân tiết kiệm mà trị nước, nếu phải lấy con nhà huân cựu thì huân thần lại kiêm ngoại thích, ngoại thích mà kiêm huân thần, họ Vương gây họa cho nhà Hán, họ Giả gây họa cho nhà Tấn đều là tấm gương. Hậu phi tuyển chọn từ dân gian xuất thân nghèo khổ, không những có thể giúp đỡ đế vương thi hành tiết kiệm mà còn có thể đề phòng "mối họa đàn bà".

Vì hậu phi, tần ngự tuyển chọn từ dân gian, nên mỗi khi hoàng đế mới lên ngôi là có bầy tôi xin tuyển tú nữ. Ở đây lấy việc Ý An Trương Hoàng hậu vợ Minh Hy tông từ con gái nhà thường dân được chọn làm Hoàng hậu làm ví dụ để xem xét chế độ, phương pháp

(15) *Minh sử, Hậu phi truyện.*
(16) *Minh sử, Hậu phi truyện, Tán.*
(17) *Nẫm nhị sử trát ký, Minh đại tuyển tú nữ chi tiết.*

tuyển chọn người đẹp vào hậu cung của nhà Minh nghiêm khắc tới mức nào.

Ý An Hoàng hậu Trương thị nhà Minh tên Yên, tự Tổ Nga, tiểu tự Bảo Châu, người huyện Dương Phù Hà Nam, xuất thân nghèo khổ, năm Thiên Khải thứ 1 đời Minh Hy tông được tuyển vào cung, trở thành hoàng hậu. Năm Thiên Khải thứ 1 (1621), Hy tông cử hành đại lễ tân hôn. Trước đó đã sai Thái giám tới khắp các nơi trên toàn quốc chọn năm ngàn con gái nhà lương dân từ mười ba đến mười sáu tuổi. Bộ phận chủ trì lễ cưới của Minh Hy tông dùng một số tiền lớn làm sính lễ, sai cha mẹ các cô gái được tuyển đưa họ về kinh thành. Tháng giêng năm ấy, năm ngàn thiếu nữ hợp cách trong vòng sơ tuyển tụ tập ở kinh sư chuẩn bị ứng tuyển.

Lúc ấy một trường tuyển chọn người đẹp đại quy mô mở ra. Hoàng đế sai các Thái giám tiến hành tuyển chọn lần đầu. Chỉ thấy các Thái giám xếp các thiếu nữ cứ một trăm người thành một hàng theo thứ tự tuổi tác lớn nhỏ rồi xem xét từng người, ai hơi cao, hơi lùn, hơi béo, hơi gầy là bị thải. Vòng thứ nhất thải một ngàn người.

Hôm sau các thiếu nữ còn lại vẫn sắp xếp như hôm trước, các Thái giám dùng con mắt cực kỳ xét nét quan sát tai, mắt, miệng, mũi, tóc, da dẻ, eo lưng, cổ, vai, lưng của họ, chỉ cần có khoản nào không hợp quy định là bị xóa tên. Tiếp theo lại cho họ tự khai báo quê quán, tên họ, tuổi tác để khảo sát giọng nói và thái độ, những người giọng nói khàn đục, yếu ớt, không lanh lợi, hoặc ứng đối luống cuống thì thải ra, như thế lại thải ra hai ngàn, chỉ còn lại hai ngàn người.

Hôm thứ ba các Thái giám đều cầm thước đo tay và chân các mỹ nữ, sau đó cho họ bước lên mười mấy bước để quan sát động tác, phong độ, thải những người tay chân hơi ngắn, bàn chân hơi to, cử chỉ khinh suất hấp tấp, như thế lại thải ra thêm một ngàn, đến lúc này còn lại một ngàn người.

Một ngàn mỹ nữ ấy lại được triệu vào cung, để cung nhân (bà đỡ) kiểm tra thân thể lần cuối cùng. "Sai các cung nga lớn tuổi đưa vào trong phòng kín nắn ngực, ngửi nách, sờ vuốt làn da" (18). Qua lần kiểm tra này, người trúng tuyển chỉ còn có ba trăm. Ba trăm người này đều được tuyển làm cung nhân. Ba trăm mỹ nữ này được lưu lại trong cung một tháng, nhà vua phái người chuyên môn quan sát tìm hiểu tính tình ngôn ngữ của họ, kế đó phẩm bình tính cách cương hay nhu, trí tuệ hay ngu xuẩn, hiền thục hay ghen tuông, vì vậy người trúng tuyển chỉ còn có năm mươi. Năm mươi người này đều là phi tần.

Lúc bấy giờ Thái giám Bình bút Ty Lễ giám chủ quản việc tuyển chọn người đẹp đưa năm mươi người ấy vào gặp Chiêu phi Lưu thị. "Chiêu phi vừa giữ bảo ấn của Thái hậu, đích thân triệu năm mươi người vào, trò chuyện với họ. Thử tài viết chữ, làm toán, làm thơ, vẽ tranh, được ba người đứng đầu là hậu và Vương thị, Đoàn thị. Thái phi cho lấy khăn the xanh che mặt, lấy dây Kim ngọc điều thoát buộc hai tay, sai cung tần đưa vào mật thất xem xét lại theo như cựu lệ". Lúc ấy, Trương Yên trúng tuyển. "Lúc ấy hậu mười lăm tuổi, cơ thể đầy đặn đẹp đẽ, mặt như Quan Âm, sắc như ráng sớm ánh trên tuyết, lại như phù dung vọt ra khỏi

(18) *Minh Ý An Hoàng hậu ngoại truyện.*

nước, tóc như mây xuân, mắt tựa sóng thu, miệng như anh đào, mũi như túi mật treo, răng nhỏ đều đặn trắng muốt trên dưới ba mươi tám cái, cằm vuông trán rộng, xinh đẹp hơn người, cổ trắng mà cao, vai tròn mà thẳng, lưng dày mà bằng, dáng đi như mây xanh ra núi, giọng nói như nước chảy trong khe, không bị trĩ, không bị bướu, không có nốt ruồi và sẹo" (19).

Lưu Thái phi báo lại vẻ đẹp của ba người bọn Trương Yên cho nhà vua, "Vua bèn triệu kiến ba người, đích thân lựa chọn". Nhũ mẫu của Hy tông là Khách thị cho rằng Trương Yên "Ngày sau trưởng thành ắt sẽ to béo, ít phong vận, tại sao lại trúng tuyển?". Ý vua đã muốn chấm hậu, bèn nhờ Triệu Tuyển Thị quyết định. Triệu Tuyển Thị nói "Ba người đều xinh đẹp tuyệt trần, Chiêu Quân, Ngọc Hoàn thời cổ cũng không hơn được. Nhưng nếu luận về việc đoan chính có phúc, trong sạch không kiêu căng thì con gái họ Trương là đứng đầu". Vì thế bèn lập Trương thị làm Trung cung, mà Vương thị làm Lương phi, Đoàn thị làm Thuần phi (20). Qua lần tuyển chọn nghiêm ngặt này, từ năm ngàn mỹ nữ sơ tuyển, tuyển chọn được thiên hạ đệ nhất mỹ nữ Trương Yên làm hoàng hậu.

Về cách thức tuyển chọn hậu phi của hoàng đế thời Minh, *Minh sử, Hậu phi truyện, Trang Liệt đế Mẫn Hoàng hậu Chu thị* chép như sau "Ngày trước trong cung tuyển chọn hậu phi, một hoàng hậu có hai quý nhân làm bạn, người trúng tuyển thì Hoàng thái hậu sẽ cho đội khăn the xanh, lấy dây Kim ngọc điều thoát buộc tay, người không trúng thì nhét canh thiếp

(19) Xem chú thích (18)

(20) *Minh Ý An Hoàng hậu ngoại truyện, Kỳ Hiểu Cương văn tập*, tập 3, Hà Bắc Giáo dục xuất bản xã, 1991.

vào tay áo, cho tiền để về". Đó đại khái là màn tuyển chọn người đẹp cuối cùng, do Hoàng Thái hậu quyết định người trúng tuyển Hoàng hậu. Hai mỹ nữ được lấy kèm có khi cũng được phong là Phi, như hai người bồi tuyển của Hoàng hậu Trương Yên được phong là Lương phi, Thuần phi. Lại như hai người bồi tuyển của Minh Hiến tông Hạ Hoàng hậu được phong là Thẩm Hiền phi, Ngô Đức phi. *Thắng triều đồng sử thập di ký* của Mao Kỳ Linh chép "Lệ cổ tuyển hoàng hậu có hai người bồi tuyển. Đầu niên hiệu Chính Đức, vua (Vũ đế) tuyển hoàng hậu, có hai phi tử cùng trúng tuyển với hoàng hậu. Từ Thánh Thái hậu liền sai phong họ làm phi".

Hai mỹ nữ bồi tuyển cũng có khi được ban cấp tiền bạc cho về quê. *Lưu Đại Cô truyện* của Triệu Nhĩ Nghi chép Lưu Đại Cô người kinh sư, lúc vua Quang tông nhà Minh làm Thái tử, năm Vạn Lịch thứ 29 tuyển phi cho Thái tử, Lưu Đại Cô và chị em Quách Hoàng hậu ba người cùng trúng tuyển. Trong vòng tuyển chọn cuối cùng, Quách thị được chọn làm Thái tử phi. Em Quách hậu và Lưu Đại Cô bị loại, được cấp tiền bạc cho về nhà. Phong tục đương thời coi việc được tuyển chọn vào cung là vinh dự, phàm những cô gái không trúng tuyển thì các nhà giàu đua nhau đem nhiều lễ vật tới xin cưới. Em của Quách hậu bèn trở thành Sơn Bá Phu nhân mà vị Lưu Đại Cô này lại cho rằng mình xinh đẹp hơn người nhưng thua kém Quách hậu, nên không muốn lấy ai cả. "Những nhà quý thích nộp sính lễ cũng từ chối, nói với mẹ rằng : Sau khi được tuyển chọn, cùng với đương kim Nguyên phi ở chung ba tháng, người ngoài là hạng nào mà bàn chuyện cưới gả ! Rồi giữ trinh tiết mà chết" (21). Vị Lưu Đại Cô

(21) *Nãm nhị sử trát ký, Minh đại tuyển tú nữ chi tiết.*

này cảm thấy được chọn vào cung thì thanh giá tăng lên gấp hàng trăm lần, lại không chịu lấy bất cứ nhân vật quyền quý nào ngoài thái tử, bèn làm một bà già xử nữ suốt đời.

Về các giai thoại, chuyện lạ có liên quan tới việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình nhà Minh còn có mấy ví dụ : *Minh bị loại sao* chép trong niên hiệu Thành Hóa thời Minh, các mệnh phụ vào triều kiến, vợ Thượng thư Thi Thuần rất xinh đẹp đoan trang. Hoàng Thái hậu vừa gặp nàng, bị dung mạo xinh đẹp của nàng làm rúng động, nhìn kỹ nàng hồi lâu rồi nói với tả hữu : Năm xưa lúc tuyển phi tần, tại sao lại để sót nàng ta ? Đủ thấy tuy nhà Minh coi trọng phụ đức nhưng dung mạo xinh đẹp vẫn là tiêu chuẩn quan trọng để tuyển chọn hậu phi. Lại theo *Thông chàng tiểu phẩm*, đời Minh Hiến tông tuyển phi, con gái Diêu Thiện ở Gia Hưng Giang Nam được chọn. Đương thời, mái tóc của cô gái này còn chưa tới một thước. Lúc nàng rời khỏi Ngô Giang được hai mươi dặm, trong một đêm mà tóc dài ra tám thước, chỗ ấy vì thế được gọi là Bát Xích. Nàng sau khi vào cung được phong là Đoan Ý An phi.

Để tăng cường quản lý và khống chế hậu cung, giảm bớt số người và bộ máy nữ quan trong hậu cung, Minh Thái tổ đặt ra sáu Cục một Ty, trong đó Thượng tẩm cục chuyên quản việc nghỉ ngơi của nhà vua. Nội quan trong Văn thư phòng thuộc Thượng tẩm cục mỗi đêm phải đăng ký Hoàng thượng ngủ ở phòng nào và ngày tháng năm để tiện theo dõi tình hình thai sản của cung tần. Cho dù thân làm thiên tử cũng phải tuân thủ gia pháp tổ truyền, chế độ quy định. Nhưng các triều các đại đều xuất hiện một số hoàng đế hoang

dâm phá hoại truyền thống trong cung, Minh Vũ tông là hoàng đế hoang dâm nhất thời Minh. Ông ta hạ lệnh "Bỏ hết chuyện ghi chép, giải tán Thượng tẩm cục", thủ tiêu việc ghi chép về việc hoàng đế ngủ đêm ở đâu, thủ tiêu công tác của Thượng tẩm cục. Ông ta lại "Rong chơi khắp cung", "Tùy ý ăn nghỉ lại, cứ uống rượu không về", tầm hoan tác lạc khắp nơi trong cung. Không bao lâu Minh Vũ tông lại đặt ra Báo phòng, cướp bóc con gái trong dân gian bổ sung vào đó để cung đốn lạc thú. Vũ tông chơi đùa ở Báo phòng trong cung rồi lại đi tuần thú các nơi, "Phàm xe ngựa tới đâu, thị vệ hầu cận trước tiên bắt con gái nhà lương dân để hầu vua, đến mấy mươi xe trên đường, ngày nào cũng có người chết", tới nỗi lòng người nơm nớp, "Xa gần rúng động, nhiều người bỏ trốn" (22).

Vũ tông nghe nói em gái Mã Ngang "xinh đẹp mà lộng lẫy" cũng bất kể nàng lấy chồng đã có thai, hạ lệnh đưa nàng vào Báo phòng. "Mã thị giỏi cung ngựa, giỏi âm nhạc đất Điền, Quy Tư, nói được tiếng Phiên, rất được sủng ái" (23). Một hôm Vũ tông tới Tuyên Hóa, cải trang làm thường dân vi hành, thấy thiếu nữ Lý Phượng Thư trong tửu quán "dáng vẻ đẹp đẽ, quốc sắc vô song, không kìm được hoa mắt", nhân lúc trong quán rượu không có ai, bèn ôm nàng vào phòng cưỡng hiếp. Lại nói "Trẫm là thiên tử, nếu chịu theo ta, có thể lập tức được phú quý" (24). Cô gái nghe thế không dám chống cự nữa, liền bị cưỡng hiếp. Vũ tông lại muốn phong Phượng Thư làm phi tần, Phượng Thư nói mình phận mỏng không hưởng được phú quý, không muốn

(22) *Vũ tông ngoại kỹ*.
(23) *Thắng triều đồng sử thập di ký*.
(24) Ngô Hương Thiên, *Khách song nhàn thoại*, quyển 1.

vào kinh. Vũ tông lại cưỡng bức nàng cùng về kinh. Đi tới ải Cư Dung, sấm sét ầm ầm, cô gái vì hoảng sợ mà chết.

Năm Chính Đức thứ 12, Vũ tông tới Đại Đồng, trú tất ở cửa Thiên Đầu, tới Thái Nguyên tìm nữ nhạc, được con gái Lưu Lương ở nhạc hộ, Lưu thị vợ Dương Đằng nhạc công trong Tấn phủ. Vũ tông "Thích sắc đẹp của nàng", lại "Thích giọng ca của nàng", khi từ Du Lâm về lại triệu tới đưa về cung, cho làm Mỹ nhân, rất được sủng ái. Lúc đầu ở Báo phòng, dần dần vào ở hẳn trong tẩm cung Tây Nội (25). Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình là đế vương lợi dụng đặc quyền chiếm hữu con gái nhà dân "hợp pháp" của mình, mà loại hôn quân hoang dâm như Minh Vũ tông lại còn công nhiên cưỡng đoạt con gái nhà dân, cưỡng hiếp con gái nhà dân, việc tuyển chọn người đẹp trở thành cướp đoạt người đẹp.

Nữ quan trong hậu cung thời Minh cũng tuyển chọn từ con gái dân gian. Có điều tuyển chọn hậu phi thì nặng về đức hạnh và dung mạo, còn tuyển chọn nữ quan thì chú trọng vào tài học kiến thức. Đầu thời Minh, triều đình có tuyển chọn Nữ Tú tài. Theo *Tĩnh Chí cư thi thoại*, đầu thời Minh phụ nữ biết chữ được thi Nữ Tú tài, vào Thượng công cục. *Vạn Tải huyện chí* chép Vương Uyên Bích vợ Ngao Dụng Kính ở huyện Vạn Tải, năm Hồng Vũ thứ 26 trúng tuyển Nữ Tú tài, vì bệnh về quê (26). Như vậy trong lịch sử Trung Quốc vẫn có chế độ "Cử Nữ Tú tài".

(25) *Thắng triều đồng sử thập di kỷ*.
(26) Du Việt, *Trà hương thất tùng sao*, quyển 4.

Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình thời Minh hoàn toàn không phải tiến hành ở khắp nơi trên toàn quốc mà chủ yếu tuyển chọn ở khu vực quanh kinh sư. Đầu tiên đều chú trọng ở cả Nam Kinh, Bắc Kinh, các hậu phi có nhiều người xuất thân ở phương nam. Về sau thì phần lớn chuyển chọn chung quanh Bắc Kinh, như Chu phi của Minh Anh tông là người Xương Bình, Uông hậu của Cảnh đế và Ngô hậu của Hiến tông đều là người Thuận Thiên, Đỗ phi của Thế tông là người Đại Hưng, Lý hậu của Mục tông là người Xương Bình, Trần hậu là người Thông Châu. Có hậu phi nguyên quán ở phương nam nhưng sinh ở các châu huyện quanh kinh sư. Từ giữa thời Minh trở đi, tuyển chọn hậu phi phần lớn tiến hành quanh kinh sư chứ không tuyển ở các nơi xa, để đề phòng gây rối loạn an ninh ở các địa phương.

Thiệu Quý phi của Hiếu tông từng nói "Phụ nữ vào cung không có lạc thú nhân sinh, ăn uống sinh hoạt đều không được tự do, như bị cái kén tằm buộc chặt. Từ nay trở đi tuyển phụ nữ vào cung thì đừng lấy ở vùng Giang Nam, đó là ta lưu lại ơn lớn cho phụ nữ ở Giang Nam vậy. Người Giang Nam cũng lấy làm may là không được đội ơn có con gái vào cung" (27). Có lẽ nhờ tác dụng câu nói ấy của Thiệu Quý phi, mà từ đó trở đi không tuyển chọn người đẹp ở Giang Nam.

Thanh Thái tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích lúc mới lập nghiệp hoàn toàn chưa xây dựng chế độ hậu phi, thê thiếp của Hãn vương không có danh vị, không chia đẳng cấp, nhất loạt gọi là Phúc tấn theo phong tục người Mãn. Sau khi Hoàng Thái Cực đổi quốc hiệu là Đại Thanh,

(27) *Thắng triều đồng sử thập di ký.*

bắt đầu xây dựng chế độ hậu phi, "Xây dựng ngũ cung, ngôi vị danh hiệu rõ ràng, đẳng cấp uy quyền phân biệt" (28). Năm Thuận Trị thứ 15 thu nhận đề nghị của Lễ quan, đặt một số phi tần ở các cung Càn Thanh, Từ Ninh, lại theo chế độ sáu Cục một Ty của nhà Minh nhưng chưa thi hành. Từ đời Khang Hy trở đi, điển chế bắt đầu đầy đủ, danh hiệu trong hậu cung được chế định rạch ròi. Hoàng hậu ở Trung cung, làm chủ việc bên trong. Trở xuống đặt Hoàng Quý phi một người, Quý phi hai người, phi bốn người, tần sáu người, các quý nhân Thường tại, Đáp ứng thì không có số ngạch nhất định, chia ở mười hai cung hai bên đông tây. Sáu cung phía đông là Cảnh Nhân, Thừa Càn, Chung Toái, Diên Hy, Vĩnh Hòa, Cảnh Dương, sáu cung phía tây là Vĩnh Thọ, Dực Khôn, Trừ Tú, Khải Tường, Trường Xuân, Hàm Phúc. Các cung đều có một số lớn cung nữ để sai khiến.

Sau khi vào cửa quan, nhà Thanh xây dựng chế độ tuyển chọn Tú nữ. Nhà Thanh thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, Măn Hán không thông hôn, trong cung thì giữ chế độ của tổ tiên, không có con gái người Hán, vì thế việc tuyển chọn Tú nữ thời Thanh không chọn bao nhiêu phụ nữ người Hán, chỉ tuyển chọn Tú nữ trong quan viên Bát kỳ Măn Châu, Mông Cổ, Hán quân. Cứ ba năm thì chọn Tú nữ Bát kỳ một lần, do bộ Hộ chủ trì, mỗi năm chọn Tú nữ thuộc Nội vụ phủ một lần, do Nội vụ phủ chủ trì.

Theo *Đại Thanh hội điển* Tú nữ tuyển chọn trong các nhà quan viên, nam hộ quân sĩ, tráng đinh nhàn tản người Măn Châu, Mông Cổ, Hán quân, ba năm

(28) *Thanh sử cảo, Hậu phi truyện.*

tuyển chọn một lần, do bộ Hộ gửi công văn cho hai mươi bốn bộ trong Bát kỳ, sai quan viên Bát kỳ đóng ở các tỉnh trực lệ và ngoại nhiệm đem tuổi tác, quê quán và tình hình tuyển chọn Tú nữ báo lên Đô thống rồi tư lại cho bộ Hộ. Bộ Hộ tâu xin phê chuẩn kỳ hạn, gửi công văn tới các kỳ, đều có danh sách. Ủy nhiệm các viên Tham lĩnh, Tá lĩnh, Kiêu kỵ hiệu, Lãnh thôi, Tộc trưởng và cha mẹ hoặc chú bác anh em, chị em dâu đưa người dự tuyển tới cửa Thần Vũ, xếp theo thứ tự, chờ bộ Hộ giao cho Nội giám đưa vào cung xét duyệt. Người được ghi tên thì tiến hành đưa vào xét duyệt, người không được ghi tên thì cho gia đình tùy ý gả chồng. Con gái chưa được Nội giám xét duyệt và được ghi tên thì không được tự ý gả chồng. Nếu tự ý gả chồng thì từ Đô thống, Tham lĩnh, Tá lĩnh tới Tộc trưởng, cha mẹ người ấy đều phải bị xử phạt.

Nhà Thanh quy định phàm người Bát kỳ nghèo khổ, có con gái từ tám tới mười bốn tuổi đều có thể tới Nội vụ phủ trình báo đăng ký, chờ đến ngày tuyển chọn, do Nội vụ phủ thông tri về đợt sơ tuyển lần sau. Chỉ cần ngũ quan đoan chính, răng đẹp mắt sáng, cử chỉ mau lẹ đều có thể được đăng ký sơ tuyển, đưa danh sách vào cung. Người sơ tuyển hợp cách, được vào phúc tuyển. Việc phúc tuyển do Hoàng hậu chỉ định Quý nhân, tần phi suất lĩnh các má má chủ trì. Người vào dự tuyển, do Nội vụ phủ và gia thuộc của cung nữ lập tờ bảo đảm.

Trong tờ *Điểm thạch trai họa báo* xuất bản ở Thượng Hải cuối thời Thanh có in một truyện tranh *Tú nữ hậu tuyển*, trong đó phần truyện giới thiệu tình hình tuyển chọn Tú nữ trong cung đình cuối thời Thanh như sau :

"Trung Quốc ta trước kia có việc tuyển chọn Tú nữ, nhất thời các thục nữ nhà thế gia, gái đẹp nhà phiệt duyệt không ai không ngóng cổ kiễng chân, đợi được ân sủng vinh dự. Bản báo vì độc giả xin chép lại. Mới nghe ngày 1 tháng 3, Hoàng thái hậu lại tuyển chọn Tú nữ ở Sướng Hòa viên tại Nam Hải, ngày hôm ấy bậc gia trưởng trong các nhà quan lại Bát kỳ người Mãn, người Hán theo thứ tự cùng con gái ngồi dưới rèm xe từ rạng sáng, dừng xe ở cửa Thần Vũ, người chờ tuyển có hơn một trăm hai mươi xe, bày ra như hình cánh nhạn trong quân, cửa quân đều có bài gỗ ghi rõ số hiệu và con gái Mỗ Mỗ của Tá lãnh Mỗ, giáp Mỗ, kỳ Mỗ, do quan lại Khởi cư chú Nội vụ phủ đưa vào, theo số hiệu gọi tên từng người, kế đó xếp hàng một đi vào, chuẩn bị để được tuyển chọn. Nghe nói tuyển được ba mươi sáu cung nữ, những người không trúng tuyển vẫn sai các kỳ nhận về giao lại cho gia trưởng, để lần sau tham dự...".

Từ đoạn ghi chép này có thể thấy tình hình cụ thể trong việc tuyển chọn tú nữ thời Thanh. Thời Thanh tham gia tuyển chọn tú nữ là một việc vinh dự cho gia đình, các quan viên Bát kỳ người Mãn, người Mông, người Hán có con gái không ai không hăm hở muốn thi, báo danh tham gia tuyển chọn. Vì chỉ chọn tú nữ trong thiểu số người Bát kỳ nên phạm vi tuyển chọn tú nữ thời Thanh vô cùng nhỏ hẹp. Tuyển chọn tú nữ trong thực tế trở thành một loại đặc quyền của người trong Bát kỳ. Vì phạm vi tuyển chọn người đẹp hạn hẹp, nên số cung nữ thời Hán so với các triều đại người Hán trước kia đều ít hơn.

Các tú nữ được chọn vào hậu cung, "Hoặc được vào nội đình, hoặc gả cho hoàng tử, hoàng tôn, hoặc gả cho thân vương, quận vương hoặc con cái của thân vương, quận vương" (29). Số tú nữ này có người trở thành hậu phi, có người thành phi tần của hoàng tử, hoàng tôn, cũng có người trở thành vợ của tôn thất họ hàng với vua.

Theo quy định, mỗi lần chọn tú nữ có từ ba trăm người trở lên, nhưng nhân số các thời rất khác nhau, như đời Khang Hy có bốn năm trăm cung nữ mà đời Càn Long chỉ có một trăm ba mươi bốn người. Tú nữ được tuyển vào hậu cung, những người xuất thân từ các thế gia Bát kỳ có thể được phong là Quý nhân hoặc Phi tần, người thuộc các gia đình người Bát kỳ tầng lớp dưới chỉ có thể được phong tới các cấp Đáp ứng, Thường tại, rồi sau đó sẽ theo cấp bậc mà lên tới Phi tần.

Số cung nữ trong nội cung nhà Thanh so với các triều từ Hán Đường trở đi đều ít hơn, đại khái khoảng trên dưới hai ngàn người. Cung nữ nếu không được hoàng đế ưng ý, không được triệu, đến hai mươi lăm tuổi có thể về nhà lấy chồng. So với các triều đại từ Hán Đường trở đi để cung nữ chết già trong cung, làm "Thượng Dương bạch phát nhân" thì điều đó ít nhiều có "nhân từ" hơn.

Nhà Thanh không dùng con gái người Hán làm cung nữ, cũng không sung họ làm phi tần, nhưng có khi cũng có ngoại lệ. Thanh Thế tổ "Thường chọn con gái quan lại người Hán sung vào sáu cung" (30). Khác

(29) *Đường Cát Trai tùng lục*, quyển 25.
(30) *Thanh sử cảo, Hậu phi truyện.*

phi Thạch thị của Thế tổ chính là con gái Thị lang bộ Lại Thạch Thân người Hán.

Cuối thời Thanh vì thế nước khó khăn, nước ngoài xâm lấn và hủ bại bất tài nên phi tần của hai vua Đồng Trị, Quang Tự rất ít, lại không tiến hành hoạt động tuyển chọn người đẹp quy mô lớn. Từ đó lịch sử "tuyển chọn người đẹp" của vua chúa phong kiến đã gần tới chỗ chấm dứt.

Hoạt động tuyển chọn người đẹp trong lịch sử Trung Quốc chủ yếu là vua chúa hành xử đặc quyền tuyển chọn hậu phi và cung tần. Thứ nữa, các vương công đại thần cưới vợ, mua thiếp cũng đều phải qua sự tuyển chọn ở một mức độ nhất định. Trong một ý nghĩa nhất định mà nói, đó cũng là một loại tuyển chọn người đẹp.

Ngoài ra từ thời Tống Minh trở đi, trong kỹ viện cũng xuất hiện hoạt động "Bình Hoa bảng" tuyển chọn kỹ nữ, cũng là một loại tuyển chọn người đẹp. Thời Minh Thanh, ở khu vực Hoa Bắc phổ biến việc bó chân còn xuất hiện Trại cước hội, so sánh bàn chân nhỏ, cũng là một hoạt động tuyển chọn người đẹp, so sánh người đẹp biến thái của phụ nữ tầng lớp dưới.

3. Bình Hoa bảng - tuyển chọn người đẹp trong kỹ nữ

Trong một xã hội bệnh hoạn, sẽ xuất hiện hoạt động tuyển chọn người đẹp bệnh hoạn. Kỹ nữ tựa hồ là một căn bệnh xã hội không sao chữa trị, nên tuyển chọn người đẹp trong kỹ nữ cũng chỉ có thể là một sự tuyển chọn người đẹp bệnh hoạn.

Từ thời Thịnh Đường, tao nhân mặc khách đã thường lui tới với danh kỹ, thơ rượu xướng họa. Các

nhà thơ thường tặng thơ cho danh kỹ, ca ngợi sắc đẹp và thi tài của kỹ nữ, bình phẩm tài nghệ và dung mạo của họ. Đến thời Tống, các từ nhân chuyên dùng diễm từ để bình phẩm sắc đẹp và tài nghệ của kỹ nữ. Các tài tử danh sĩ thường ra vào kỹ viện nghe ca chọn đẹp thường phẩm bình, đánh giá kỹ nữ ở kỹ viện các nơi, thường so sánh họ với nhau, từ đó nảy sinh hiện tượng Bình Hoa bảng đánh giá đẳng cấp thứ bậc của kỹ nữ.

Đầu tiên các tài tử ra vào kỹ viện nhất thời cao hứng so sánh phẩm bình các kỹ nữ mà họ quen biết, ưa thích, có khi dùng danh hoa để so với kỹ nữ, bình tuyển hoa khôi, có khi dùng danh hiệu khoa cử khảo thí để sắp xếp đẳng cấp thứ bậc của kỹ nữ rồi làm thơ viết từ hoặc bình phẩm khái quát đặc trưng phẩm mạo của kỹ nữ, sau đó công bố với mọi người, lấy đó làm chuyện hay phong lưu tầm hoan tác lạc. Về sau, dần dần chuyển biến thành một hình thức tuyển chọn người đẹp, phẩm đề, bình tuyển danh kỹ.

Trước khi Bình Hoa bảng, người chủ trì việc bình tuyển phải tuyển được Hoa trường, lập ra chương trình điều lệ. Lúc bình tuyển thì triệu tập tất cả danh kỹ trong toàn thành tới, nhất thời người đẹp chen chúc, muôn hồng ngàn tía tụ tập trong một sảnh đường. Vừa uống rượu hành lệnh, cốc chén đan xen, cười nói râm ran, vừa phẩm bình cao thấp, đề tả thi từ hoặc lời bình. Bình tả xong, xướng danh tại chỗ, công bố với mọi người. Lúc ấy người xem thường có hàng ngàn hàng vạn, các kỹ nữ "Một khi được đề vịnh thì thanh giá tăng gấp hàng chục lần, những người không được xếp

(31) *Thanh bị loại sao*, tập 11.

đầu bảng thường lấy làm hối tiếc (31). Đúng là danh sĩ phẩm bình danh hoa, danh hoa nhờ danh sĩ mà được dương danh.

Đại khái trong niên hiệu Hy Ninh thời Bắc Tống (1068 - 1077) ở Biện Kinh đã có việc Bình hoa bảng. Diệp Thân Hương trong *Bản sự từ* nói "Lưu Nhi Bá Thọ, vốn hiểu âm luật. Lúc tế thần ở miếu, cùng Phạm Thục công trùng định đại nhạc. Trong niên hiệu Hy Ninh, lấy hàm Bí giám về trí sĩ. *Lạc Dương hoa phẩm* nói : Trạng nguyên hồng nhất thời đứng đầu. Nhạc công Phạm Nhật Tân có thể chế ra khúc mới, kỹ nữ ở Biện Kinh là Cốc Ý nổi tiếng về sắc đẹp. Một ngày cuối xuân, lúc hoa mẫu đơn nở rộ, Bá Thọ dắt Phạm Nhật Tân tới chỗ Cốc Ý bày tiệc thưởng hoa. Nhân chế ra khúc *Hoa phát Trạng nguyên Hồng mạn* ghi lại, nói : Tam xuân hướng mộ, Vạn mãng thành âm, Hữu gia diễm phương kỳ. Kiều bà nộn chất quán quần phẩm, Cộng thưởng khuynh thành khuynh quốc. Thượng uyển tình trú huyên, Thiên tử vạn hồng vưu kỳ đặc. Ỷ diên khai hội, Vịnh ca tài tử, Áp đảo Nguyên Bạch. Biệt hữu phương u bao tiểu, Bộ chướng hoa ty, Ỷ hiên du bích. Dữ tử uyên ương, Tố giáp điệp, Tự thanh đán, Vãng vãng liên tịch. Xảo oanh huyên tuyệt quản, Kiều yến ngữ điêu lương, Lưu khách Vũ Lăng nhân. Niệm mộng dịch ý nùng, Kham tao tình nịch (Ba xuân sắp hết, Cây cỏ tốt tươi, Có dịp chọn giai nhân. Mỹ miều chất đẹp đứng đầu bảng, Cùng ngắm kẻ nghiêng thành nghiêng nước. Thượng uyển tiếng râm ran, Ngàn tía muôn hồng càng lắm sắc. Yến diên mở hội, Vịnh ca tài tử, Áp đảo Nguyên Bạch. Riêng có chỗ thơm nho nhỏ, Bước rủ tơ hoa, Hiên the vách lụa. Cùng uyên ương tía, Bướm vàng gai, Từ tinh mơ, Kéo dài đến tối.

Giọng oanh ran ống sáo, Tiếng én rộn trên rường, Lưu khách Vũ Lăng. Nhớ mộng ý thêm nồng, Tình sao say đắm). Cốc Ý bày vai thứ sáu, đương thời mọi người gọi là Cốc Lục, sinh con gái là Thái Nô, sắc nghệ đều nổi tiếng".

Danh kỹ Biện kinh Cốc Ý, nổi tiếng xinh đẹp, được văn nhân từ khách xếp là Trạng nguyên hồng đứng đầu một thời, chuyện này phát sinh trong niên hiệu Hy Ninh đời Thần tông nhà Bắc Tống, vì thế có thể nói trong niên hiệu Hy Ninh trời Bắc Tống đã xuất hiện việc Bình hoa bảng, đã bắt đầu bình tuyển danh kỹ. Hay *Túy ông đàm lục*, tập Mậu chép "Khâu Lang trung giữ Kiến An, gọi bọn Ông Nguyên Quảng tới môn quán, phàm có yến hội, Ông ắt tham dự, các kỹ nữ hầu rượu Ông đều biết rõ ai xấu ai đẹp, tài năng cao thấp ra sao, vì vậy đều ví với một loại hoa để nêu phẩm tháo, lời lẽ khinh trọng đều xác đáng, người ta đua nhau truyền tụng". Vị Ông Nguyên Quảng này thường tham gia yến tiệc chỗ quan lại, hiểu rõ các quan kỹ hay tư kỹ tới bồi rượu hầu tiếp, vì thế có thể bình phẩm dung mạo, tài nghệ của họ, lại lấy tên hoa để so sánh, viết thành Hoa bảng, mọi người đua nhau đọc.

Thời Tống không những tiến hành bình phẩm so sánh kỹ nữ (gồm cả quan kỹ lẫn tư kỹ) mà đối với gia kỹ, thị kỹ trong các nhà quyền quý giàu có cũng tiến hành phẩm bình. Như *Bản sự từ* chép :

> "Hữu Cổ có thị nhi, sắc nghệ đứng đầu các gia kỹ. Tôn Trọng Ích nhìn thấy, cho rằng là loại hạng nhất. Hữu Cổ làm bài *Thái tang tử* cảm tạ rằng : Kỳ hoa bất tỷ tầm thường diễm, Độc bộ Nam Châu. Vãng sự du du, Liêu hạc trùng lai ức cựu du. Tiên ông bất cải thanh

thanh nhãn, Nhất túy trì lưu. Diệu mặc ngân câu, Đề tác nhân gian đệ nhất lưu" (Kỳ hoa khác hẳn hoa thơm khác, Đứng nhất Nam Châu. Chuyện cũ mênh mang, Cánh hạc bay về nhớ cựu du. Tiên ông mắt xanh vẫn không đổi, Say khướt bên lầu. Mực diệu ngân câu, Đề vịnh nhân gian đệ nhất lưu)".

Phẩm bình so sánh gia kỹ thị nhi trong thực tế cũng là một cách thức "tuyển chọn người đẹp" hoặc có thể nói là hình thức sơ khai của việc Trại mỹ (thi người đẹp).

Từ giữa thời Minh trở đi, nghề kỹ nữ thịnh vượng, Hoa bảng cũng thịnh hành. Như Phùng Mộng Long chép trong *Tình sử, Tình si loại* "Trong niên hiệu Gia Tĩnh thiên hạ thái bình, Kim Lăng nổi tiếng giàu có nhất, mà nghề bình khang cũng cực thịnh. Các kỹ nữ nổi tiếng trước thì có Lưu, Đổng, La, Cát, Đoàn, Triệu, sau thì có Hà, Tưởng, Vương, Dương, Mã, Chư, thanh lâu gọi là Thập nhị thoa". Mười hai chiếc thoa vàng ở Kim Lăng này tức kết quả phẩm bình của các văn nhân tài tử. Tào Đại Chương trong *Liên đài tiên hội phẩm tự* thì chép về tình hình bình phẩm kỹ nữ trong "Liên đài tiên hội" như sau "Kim Đàn Tào công ở nhà rảnh rỗi, yêu thích người đẹp. Thường họp bạn trong nhà Long Gia ở Tần Hoài, có hội Liên đài, người cùng đi chơi có các tiền bối Ngô Bá Cao ở Tỳ Lăng, Lương Bá Long ở Ngọc Phong, đều giỏi tài điệu, phẩm bình các danh kỹ, nổi tiếng một thời, về sau mất vết".

Một số tài tử nổi tiếng tập hợp ở một kỹ viện lớn phẩm bình danh kỹ, mở ra Hoa bảng lại trở thành việc hay một thời. Ví dụ năm Vạn Lịch thứ 25, bọn

Mai Sử, Phương Đức Phụ ở Băng Hoa mở Hoa bảng ở Bắc Kinh, quy mô khá lớn, rất có thanh thế, lấy bốn mươi kỹ nữ ở Đông Viện, Tây Viện, Tiền Môn, Bản Ty, Môn Ngoại, lấy vàng lá làm chén uống rượu, thanh thế rất lớn, chấn động một thời, vả lại các hình thức phẩm bình cũng khác hẳn trước đó. Sau đó Băng Hoa Mai sứ còn soạn ra *Yên đô kỹ phẩm*. Năm Thiên Khải thứ 1, Phan Chi Hằng tổng kết thực tiễn phẩm bình danh kỹ của ông, soạn quyển *Kim Lăng kỹ phẩm*, chia ba mươi hai danh kỹ ở Kim Lăng làm bốn loại, một là Phẩm, đứng đầu về khuôn mẫu, hai là Vận, đứng đầu về phong nghi, ba gọi là Tài, đứng đầu về điều độ, bốn là Sắc, đứng đầu về dung mạo. Phẩm, vận, tài, sắc khái quát bốn loại phong cách của kỹ nữ, đại khái có thể coi là bốn tiêu chuẩn phẩm bình kỹ nữ. Trong đời Sùng Trinh, Tôn Vũ công người Đồng Thành ở Nam Kinh "Đêm trước ngày Thất tịch Chức nữ Ngưu lang qua sông gặp nhau, tập họp các danh kỹ ở thủy các chỗ Phương Mật ngụ cư, xe ngựa tài sĩ bốn phương chật kín cổng ngõ, Lê viên tử đệ có ba ban cùng diễn. Ngoài thủy các bày thuyền kín như bức tường, phẩm bình hoa án, dựng đài cao cho người trúng Trạng nguyên lên ngồi. Trong hai mươi bốn người, chấm Vi Ba (Vương Nguyệt tự Vi Ba, danh kỹ ở Châu Thị Nam Kinh) đứng đầu. Lên đài tấu nhạc, tặng vàng rót rượu, các danh kỹ Nam khúc đều thẹn thùng, dần dần tan về. Trời sáng mới bày rượu, hôm sau người nào cũng làm thơ ghi lại việc ấy. Bài thơ của tôi như sau : Nguyệt trung tiên tử hoa trung vương, Đệ nhất Thường Nga đệ nhất hương (Tiên tử trong trăng vua các hoa, Hương thơm

(32) *Bản triều tạp ký, Châu thị danh kỹ phụ kiến.*

đứng nhất một Hằng Nga)" (32). Lần phẩm bình tuyển chọn danh kỹ này khá long trọng, người đứng đầu được gọi là Trạng nguyên, bước lên đài Trạng nguyên giữa tiếng nhã nhạc, dùng chén vàng uống rượu, vô cùng vinh dự.

Nhà Thanh tuy thời gian đầu thi hành một số biện pháp cấm xướng, nhưng kết quả thu được rất ít ỏi, về sau xướng kỹ càng ngày càng thịnh, việc Bình hoa bảng cũng vẫn thịnh hành không suy. Ví dụ trong niên hiệu Thuận Trị vùng Tô Châu từng hai lần mở Hoa bảng, phẩm bình ưu thế cao thấp của các kỹ nữ. Thục Tây Tiêu thời Thanh cũng chép trong *Yên đài hoa sự lục* như sau "Chu Yết Vân, tự Hà Phân. Người kinh sư, mười lăm tuổi. Năm Bính tý được chọn làm Trạng nguyên Hoa bảng", "Mạnh Kim Thần, tự Như Thu... được chấm thứ hai trong Hoa bảng năm Giáp tuất", "Vương Hỷ Vân, được chấm thứ ba trong Hoa bảng năm Giáp tuất".

Sự thịnh hành của Hoa bảng cho thấy sự hưng thịnh của chế độ xướng kỹ, cũng là biểu hiện bất mãn với hiện thực của một số phần tử trí thức. Họ dùng danh hoa dị thảo để ví với loại phụ nữ hèn hạ nhất trong xã hội, dùng các danh hiệu vinh hàm vinh dự trong việc khoa cử khảo thí như Trạng nguyên để sắp xếp thứ tự kỹ nữ, cũng là một lối nhạo báng và châm chọc xã hội" (33), đồng thời cũng cần nêu ra rằng Bình hoa bảng là biểu hiện sự hủ bại, suy đồi của sĩ đại phu, văn nhân phong kiến. Tiêu chuẩn Bình hoa bảng

(33) Xem thêm Lưu Đạt Lâm, *Trung Quốc cổ đại tính văn hóa* (Văn hóa tình dục ở Trung Quốc thời cổ), Ninh Hạ Nhân dân xuất bản xã, 1993, tr. 774

phản ánh quan niệm về cái đẹp phụ nữ méo mó, bệnh hoạn của sĩ đại phu phong kiến từ thời Nam triều mà đặc biệt là từ thời Tống Nguyên trở đi.

4. Trại cước hội - Sự tuyển chọn người đẹp méo mó trong các phụ nữ nhà lương gia

Phong tục bó chân của phụ nữ, trải qua mấy trăm năm lưu hành, thay đổi đến thời Minh Thanh, cơ hồ đã lưu độc trên toàn quốc. Trong quá trình lưu hành, vì đàn ông không ngừng đề xướng, cổ xúy và mỹ hóa, nên phụ nữ các nơi cũng không ngừng tự giác "gia công", "cải biến" cho bàn chân nhỏ trở thành đủ kiểu đủ dạng, vẽ vời đổi mới, ở các khu vực khác nhau đều hình thành những phong cách đặc sắc.

Ở một số khu vực thịnh hành việc bó chân, tất cả quần chúng, thậm chí phụ nữ nhà nghèo cũng lấy bàn chân nhỏ làm đẹp, ý thức thẩm mỹ bệnh hoạn, thị hiếu thẩm mỹ méo mó về bàn chân nhỏ đã lan ra khắp thành trấn lớn nhỏ, đến tận nơi thôn cùng xóm vắng. Một số khu vực còn dần dần hình thành phong tục so sánh bàn chân nhỏ xem con gái nhà nào có bàn chân nhỏ nhất, đẹp nhất. Ngược lại, phụ nữ bàn chân to có xinh đẹp cũng chỉ được kể là "người đẹp một nửa" (bán triệt mỹ nhân), vì sợ bị mọi người chế nhạo, họ thậm chí ngay cả ra miếu cúng tế cũng không dám đi. Qua nhiều ngày tháng, một số khu vực thịnh hành việc bó chân ở phương Bắc nước ta dần dần hình thành phong tục kỳ quái Trại cước hội tỷ thí bàn chân nhỏ.

Cái gọi là Trại cước hội là một hoạt động "Thi người đẹp" méo mó của phụ nữ tại một số khu vực thịnh hành việc bó chân ở phương Bắc lợi dụng các dịp lễ hội, Tết âm lịch, Tết dương lịch hoặc các dịp

hội hè đông người, so sánh bàn chân nhỏ, một hoạt động giải trí bệnh hoạn.

Tương truyền Trại cước hội có nguồn gốc từ Lượng cước hội, bắt nguồn từ niên hiệu Chính Đức đời Minh Vũ tông (1506 - 1521). Về nguồn gốc có hai thuyết : một thuyết nói là thời Tống Liêu giằng co, Tống và Liêu giảng hòa bãi binh hưu chiến cho binh sĩ nghỉ ngơi, gọi là Lượng giáp hội, về sau ngoa truyền thành Lượng cước hội. Một thuyết khác nói là quân đội nhà Minh đóng ở biên giới phía Bắc trong những ngày nghỉ ngơi gọi là Lượng giáp chi kỳ. Mỗi khi đến ngày Lượng giáp, thường phải cử hành lễ hội ở đền miếu, gọi là Lượng giáp hội, về sau dĩ ngoa truyền ngoa, gọi Lượng giáp hội thành Lượng cước hội. Các phụ nữ vào ngày hôm ấy cũng phơi bàn chân nhỏ. Về sau lại chuyển hóa thành Trại cước hội.

Kinh cước hội, Trại cước hội ở vùng Đại Đồng Sơn Tây "bàn chân nhỏ đứng đầu thiên hạ" nổi tiếng khắp xa gần. Trại cước hội ở Đại Đồng hầu như trong lễ hội nào cũng phải tiến hành, mà hai lần vào ngày sáu tháng sáu và Trung thu tháng tám âm lịch hàng năm là lớn nhất.

Người phương Bắc gọi việc tới lễ hội ở đền miếu vui chơi là Tới miếu (Địch miếu). Ở Đại Đồng, mỗi khi đến ngày lễ hội thì các phụ nữ ăn mặc đẹp đẽ như dịp Tết, túm năm tụm ba tới miếu. Phụ nữ Đại Đồng tới miếu phải ra sức trang điểm đôi bàn chân nhỏ của mình, mang hài và tất thật đẹp. Phụ nữ lúc bình thời bị giam nhốt trong gia đình, khó mà được ra ngoài tham gia các hoạt động giao lưu như thế, nên ai cũng hăm hở, vui vẻ như điên. Trong lễ hội túm năm tụm ba, có người đứng nghe kể chuyện, có người mua son

phấn hoặc vải vóc thời trang, có người thì cô xem xem chân tôi, tôi xem xem chân cô, bình phẩm về bàn chân và tất hài của nhau, so sánh bàn chân nhỏ.

Ngày sáu tháng sáu âm lịch là ngày lễ Kinh sái (Phơi phóng) dân gian truyền thống của nước ta. Theo phong tục Đại Đồng, mỗi khi đến ngày sáu tháng sáu thì cử hành đại hội Trại cước long trọng.

Sáng hôm ấy, những phụ nữ bàn chân nhỏ cho rằng mình có thể "đoạt giải quán quân" trong Trại cước hội đã dậy từ ba bốn giờ sáng. Xuống giường là soi gương trang điểm, phụ nữ nhà có tiền thì xông hương tắm gội. Nhưng quan trọng nhất là phải ra sức trang điểm cho bàn chân nhỏ của mình, mang hài và tất thật lộng lẫy đúng thời trang, để tiện tham gia tỷ thí trong Trại cước hội.

Tương truyền ở Đại Đồng có mười hai ngôi chùa lớn, mỗi nơi luân lưu trực ban trong một năm, ngày sáu tháng sáu hàng năm, ngôi chùa trực ban phải tiến hành lễ hội long trọng, phải mời ban kịch tới diễn. Đến lúc ấy các phụ nữ sẽ vây quanh khán đài xem diễn. Khán đài trong chùa đều đặt trên lầu cao, gọi là Thiên đài.

Lúc ấy một số nam thanh niên sẽ tới chỗ có đông phụ nữ nhìn nhìn bó chân của họ, phẩm bình so sánh chọn ra mấy người đẹp nhất. Các phụ nữ được chọn, đắc ý vênh vang, nỗi vui mừng hiện ra mặt. Phụ nữ không trúng tuyển thường cúi đầu ảo não trở về nhà. Sau đó lại tập trung những người trúng tuyển lần đầu, tiến hành tuyển lại, cuối cùng quyết định nêu một người gọi là Vương, người thứ hai gọi là Bá, người thứ ba gọi là Hậu. Người trúng tuyển reo hò nhảy nhót, coi

là không gì vinh dự bằng. Cha mẹ hoặc chồng của họ cũng vô cùng cao hứng, cảm thấy vinh dự.

Bình tuyển xong, ba phụ nữ vương, bá, hậu ngồi lên chỗ được chỉ định để mọi người xem bàn chân nhỏ của họ. Trong cuộc thi có một quy định không thành văn là đàn ông chỉ được nhìn ngắm bàn chân nhỏ của phụ nữ trúng tuyển chứ không được nhìn mặt. Nếu người đàn ông nào lén nhìn mặt, đám đông sẽ cho rằng người ấy không biết quy củ, xúm vào đánh cho một trận, đuổi ra khỏi bãi, từ đó vĩnh viễn không được tham gia Trại cước hội.

Lúc xem bàn chân nhỏ, một số nam thanh niên ném từng cành từng cành hoa phượng tiên vào ba người phụ nữ có bàn chân nhỏ. Ba người đều nhất nhất nhận hết, sau khi tan hội mang hoa về nhà, trong đêm ấy giã hoa phượng tiên lấy nước nhuộm hồng bàn chân.

Trại cước hội mùa thu tiến hành vào ngày Trung thu hàng năm. Hôm ấy, phụ nữ trên đường lớn hẻm nhỏ nhao nhao che người sau rèm trong nhà, không để người khác nhìn thấy nhưng lại đưa hai bàn chân ra song cửa cho người ta ngắm nghía bình phẩm, lấy việc được mọi người khen ngợi làm sự vinh dự.

Lúc ấy một số nam thanh niên túm năm tụm ba, bình phẩm bàn chân phụ nữ, chọn ra người có bàn chân nhỏ đẹp nhất, lại tặng cho gấm lụa, son phấn để tưởng thưởng. Con gái nhà nào được mọi người khen ngợi tưởng thưởng, không những bản thân nàng được vinh dự mà ngay cả cha anh chồng cũng cảm thấy vinh hạnh, vả lại còn được nêu tên lên bảng, cha khoe con gái, chồng yêu thương vợ.

Lần thi này cũng có một quy tắc không thành văn : người nhìn bàn chân nhỏ không được vén rèm

xem mặt mũi phụ nữ, ai làm trái sẽ bị chửi mắng, thậm chí đánh đập.

Ở Hà Sáo gần biên giới phía Bắc, hoạt động giải trí văn hóa của phụ nữ ít ỏi tới mức đáng thương. Mỗi khi tới ngày Tết âm lịch như Trung thu, Đoan dương, ngày hai tháng hai, chín tháng chín (tức tiết Trùng dương) hay các dịp lễ hội cúng thần, các phụ nữ ăn mặc đẹp đẽ, đi lại như điên, ngắm nhìn chỉ chỏ. Lúc bấy giờ phụ nữ phải ra sức trang điểm hai bàn chân nhỏ, mang hài thêu xanh đỏ rực rỡ động người. Một số thanh niên đàn ông túm năm tụm ba, vây quanh ngắm nhìn bàn chân phụ nữ, khoa tay múa chân phẩm bình này nọ. Các phụ nữ thì cười nói như thường, dáng vẻ hiên ngang, mặc kệ cho đàn ông bình phẩm. Có một số phụ nữ bạo dạn còn ngồi trên bệ đá hoặc gò đất, đưa hai bàn chân ra ngoài cho người ta phẩm bình. Khi được khen ngợi thì họ mặt mày hớn hở, vui vẻ phi thường. Tuy khu Hà Sáo không có Trại cước hội định kỳ, nhưng mỗi khi gặp dịp lễ hội thì các phụ nữ nhất định phải so bàn chân nhỏ, so với Trại cước hội là khác đường cùng đích.

Ở một dải Lũng Đông cũng có một loại hoạt động Trại cước hội, hàng năm vào lễ Xã hỏa ngày hai tháng hai âm lịch, hôm ấy các thôn đều phải treo đèn lồng. Lễ Xã hỏa ở trấn Tây Phong Lũng Đông nổi tiếng xa gần. Hàng năm bắt đầu từ ngày rằm tháng giêng, kéo dài đến đầu tháng hai thì chấm dứt. Mỗi khi đến lễ hội Xã hỏa, các phụ nữ thường ngày ở rịt trong phòng khuê lại đua nhau son phấn điểm trang ra đường du ngoạn, xem đèn. Phụ nữ ở vùng nông thôn cách đó mấy mươi dặm, hàng sáng ngủ dậy là chải bới trang điểm, người có tiền đi xe hoặc cưỡi lừa, phụ nữ nhà nghèo chỉ đành cuốc bộ, xông pha hơi lạnh, lội qua

bùn lầy, lũ lượt kéo tới trấn Tây Phong. Tới nơi rồi, họ xếp hàng thành hình chữ nhất ngồi ở hai bên đường trước các hiệu buôn, để lộ hai bàn chân ra vệ đường cho người ta phẩm bình. Phụ nữ xứ ấy thích đi hài thêu đầy hoa nhỏ màu hồng màu lam, trên hài đính hạt cườm đủ màu, lại thêm tất màu hồng hoặc màu ngó sen, tranh lạ đua đẹp, trông rất mỹ quan. Người ở đó thường lấy năm tiêu chuẩn "thẩm mỹ" là nhỏ, nhọn, gầy, mềm, thẳng để phẩm bình bàn chân nhỏ của phụ nữ. Phụ nữ có bàn chân nhỏ thì lấy việc được người ta khen ngợi làm sự vinh dự.

Trại cước hội ở Tuyên Hóa Hà Bắc đã có từ lâu. Du Hồng Tiệm người đời Càn Long nhà Thanh trong *Ấn tuyết hiên tùy bút* từng chép "Người tới Tuyên Hóa chơi, đều nói Tuyên Hóa có Tiểu cước hội. Năm Ất dậu, tôi làm khách ở dinh Đại lệnh Ngô Tiểu khoa (Tăng Hạ), được gặp hội lớn ấy. Trước đó vài ngày, những phụ nữ ăn mặc lộng lẫy kéo tới liên miên bất tuyệt. Đến ngày hội thì trong miếu diễn kịch mừng thần, đủ trò biểu diễn, người đi chơi đông đúc, cùng sĩ nữ dâng hương chen vai giẫm gót nhau mà đi. Người không đi và người đi rồi trở về thì kéo nhau ngồi trước cổng, nhiều thì hơn mười người, ít thì năm sáu người, phấn trắng son đỏ, đâu đâu cũng thế, thấy có nhiều người hai bàn chân dưới gấu quần rất nhỏ, liền lấy đó để nổi tiếng gần xa" (34). Đó chính là Tiểu cước hội.

Ở Hàm Đan, Vũ An Hà Bắc cũng có Trại cước hội, đến thời Dân quốc vẫn còn tiến hành. Trác Nhiên từng đích thân tới đó, có bài phú ghi lại :

Thời duy cửu nguyệt, tiết giới Trùng dương...
Tắc Yên Triệu giai nhân chi địa, Vũ An phú

(34) *Thái phi lục, Tục biên*, tr. 317 - 318

thứ chi khu, hữu sở vị Lương cước hội giả, sắc tướng đồng chiêm, phong tình cộng kiến. Tiểu gia bích ngọc, đại hộ hồng trang, tiêu sái phong lưu, ung dung hoa quý, hoặc tranh tọa vu môn thủ, hoặc nhàn bộ vu nhai đầu... Đô thị Phàn Khẩu Man yêu, Nga Mi hạo xỉ. Diện tắc triêu hà họa tuyết, đầu tắc lung vụ bàn vân. Cánh thượng thời trang, cộng hoa tú y chi phủ phủ, bảo tồn cựu thức, bằng kiến châu lý chi tiêm tiêm, hoặc thái độ khinh doanh, hoặc phong tư niểu ná. Hoàn phì Yến sấu, Tường mỹ Thi tần, các đản kỳ trường, các cực kỳ diệu. Xạ lan thập lý, dữ hoàng hoa tranh phương, phấn mặc tam thiên, đồng hồng diệp cộng diễm... Cập quan phu thạch lựu quần hạ chi trách trách liên câu dã, lăng ba tam thốn, trại nguyệt song cung, phương hài tú hài, tước mạt la mạt, khâm kỳ đấu xảo, cải cựu phiên tân. Quan Diểu Nương chi dị hình, quần khoa ngọc duẫn, kiến Phan phi chi dị tích, cộng dữ kim liên... Hoặc mỹ Trương nữ chi tiêm, hoặc tán Lý phụ chi tiếu... Nhi huống luận tục bình đầu, bất dĩ vi bao, truyền tình lưu miến, bất dĩ vi hiềm. Bằng khinh bạc chi dương thu, thính cuồng thả chi nguyệt đán, quả nhiên thanh giá thập bội, toàn tại phẩm đề nhất ngôn. Phu tế kiến chi nhi tăng vinh, gia nhân văn chi dĩ tương hạ. Duy chỉ dung tương kiến, bất hứa tương thân nhi hà hận nhĩ !

(Năm vào tháng chín, tiết tới Trùng dương... Thì ở đất giai nhân Yên Triệu, khu giàu có Vũ An có hội Lương cước, sắc tướng cùng xem,

phong tình thảy thấy. Tiểu gia bích ngọc, đại hộ hồng trang, tiêu sái phong lưu, ung dung cao quý, hoặc ngồi chơi ngoài cổng, hoặc dạo bước trên đường... Đều là răng trắng Nga Mi, lưng ong Phàn Khẩu. Mặt tựa tuyết bay ráng sớm, tóc như khói tỏa mây lồng. Lại chuộng thời trang, đều mặc áo thêu rực rỡ, giữ theo kiểu cũ, cứ nhìn hài nhỏ cong cong. Hoặc dáng vẻ nhẹ nhàng, hoặc phong tư tha thướt. Yến gầy Hoàn mập, Tường đẹp Thi xinh, đều khoe chỗ hay, đều cực chỗ diệu. Xạ lan mười dặm, tranh thơm với hoa vàng, son phấn ba ngàn, so xinh cùng lá đỏ... Đến khi nhìn cặp liên câu nho nhỏ dưới ống quần thạch lựu, lăng ba ba tấc, trăng khuyết đôi vầng, hài vuông hài thêu, tất là tất đoạn, đua lạ tranh khéo, đổi dở thay hay. Xem Diễu Nương hình xưa, cùng khoe măng ngọc, nhìn Phan phi vết cũ, thảy lộ sen vàng... Hoặc khen Trương nữ chân thon, hoặc nói Lý phụ chân đẹp... Huống lại bình chân khen tóc, không coi là chê, đưa tình liếc mắt, không lấy làm hiềm. Nhờ bọn khinh bạc tán dương, nghe đám cuồng đồ khen ngợi, quả nhiên thanh giá cao vọt, toàn nhờ một câu phẩm đề. Gia nhân nghe là tới chức mừng, chồng con biết thì thấy vinh dự. Duy chỉ cho gặp mặt, không được gần gũi, mới hận làm sao !) (35)

Trại cước hội là một phong tục lưu hành rất rộng ở khu vực hủ tục bó chân phổ biến tại phương Bắc nước ta thời Minh Thanh. Loại tập tục này là theo thị hiếu thẩm mỹ hoặc quan niệm về cái đẹp phụ nữ lấy

(35) *Thái phỉ lục, Tục biên*, tr. 242 - 243

bàn chân nhỏ làm đẹp lệch lạc, méo mó của xã hội mà nảy sinh. Loại quan niệm thẩm mỹ méo mó, biến thái này tập trung toàn bộ cái đẹp của phụ nữ vào hai bàn chân. Vì thế tiêu chuẩn thẩm mỹ để xem xét phụ nữ có đẹp hay không và toàn bộ giá trị phụ nữ đều chuyển thành xem bàn chân phụ nữ to hay nhỏ, đẹp hay xấu.

Mọi người đều ưa thích cái đẹp, mọi người đều có ý thức tranh đua về cái đẹp. Phàm điều gì mà mọi người cho là đẹp thì thường trở thành đối tượng để ganh đua. Vì đẹp hay không lại phải thông qua sự so sánh, giám định và bình phẩm của mọi người, toàn xã hội hầu như đã coi bàn chân nhỏ của phụ nữ là "đẹp", bàn chân nhỏ trở thành đối tượng bình phẩm thi đua, vì thế cũng nảy sinh Trại cước hội. Trại cước hội và hội thi sắc đẹp kiểu phương Tây thời cận đại có bối cảnh xã hội khác nhau nhưng đều thông qua việc so sánh, giám định, bình phẩm để chọn "người đẹp". Về điểm này thì giữa đôi bên có chỗ tương tự, tương thông.

Sự hình thành của phong tục Trại cước hội là yêu cầu của phụ nữ bị giam hãm trong gia đình lâu ngày muốn trở về xã hội, hy vọng vào kết quả giao tế xã hội công khai, cũng là sự thừa nhận quan hệ giao tế xã hội giữa nam nữ ở một mức độ nhất định của xã hội. Trại cước hội là một cơ hội giao tế xã hội giữa nam và nữ trong xã hội cũ, là nam nữ lợi dụng ngày lễ, ngày Tết, ngày hội họp kiểu cũ tiến hành một hình thức giao tế xã hội ở nơi công cộng.

Ngày trước nam nữ thụ thụ bất thân, giữa thanh niên nam nữ khó được tự do gặp mặt, tự do quan hệ. Trong Trại cước hội, nam thanh niên bình phẩm bàn chân của phụ nữ là lúc bấy giờ đôi bên có một chút

quan hệ, Trại cước hội cũng trở thành trường sở cho sự giao tế nam nữ. Thường có nam nữ thanh niên sau khi làm quen ở Trại cước hội, về sau trở thành vợ chồng.

Trại cước hội cũng là một hình thức hoạt động văn hóa giải trí của phụ nữ thời trước. Thời trước, phụ nữ bị giam nhốt trong chốn thâm khuê, rất ít tham gia các hoạt động văn thể hoặc giải trí. Tham gia các hoạt động lễ hội hoặc Tới miếu, hoạt động hội họp ngày trước trở thành hoạt động giải trí duy nhất của phụ nữ. Vì thế, các phụ nữ hò reo nhảy nhót, vô cùng vui vẻ, lợi dụng cơ hội đáng thương mà xã hội cho phép ấy thả sức vui chơi, thả sức tham gia hoạt động giao tế. Việc so sánh bàn chân nhỏ trở thành hạng mục so tài duy nhất mà phụ nữ trong thời phong tục bó chân lưu hành có thể tiến hành.

5. Cái đẹp khỏa thân gắn liền với sự "dâm uế"

Đại khái vì lý do lễ giáo đại phòng, hoặc còn vì chủ thể dân tộc Hán sinh hoạt ở lưu vực sông Hoàng Hà lạnh lẽo khô hạn, nên người Trung Quốc thời cổ phần lớn đều coi việc bộc lộ thân thể làm điều đáng xấu hổ, mà lấy việc ăn mặc đẹp đẽ lộng lẫy làm vinh dự. Người Trung Quốc hoàn toàn không thiếu sự tán thưởng cái đẹp hình thể con người, đặc biệt là truyền thống về cái đẹp hình thể của phụ nữ, nhưng lại thiếu truyền thống thưởng thức cái đẹp khỏa thể như Hy Lạp, La Mã thời cổ.

Thơ phú cổ điển, đặc biệt là diễm thi, diễm từ có rất nhiều tác phẩm miêu tả dung mạo, phục sức, quần áo cho tới dáng đi, dáng múa, dáng ngủ, dáng uể oải của phụ nữ, trong các tiểu thuyết, tản văn lại càng miêu tả rõ ràng linh hoạt thể thái của phụ nữ. Nhưng rất ít tác phẩm miêu tả cái đẹp khỏa thân của phụ

nữ, các tác phẩm hội họa, điêu khắc ở Trung Quốc thời cổ cũng không có nhiều tượng khỏa thân, chỉ có Xuân cung đồ từ cuối thời Minh trở đi phần lớn là tranh khỏa thân, nhưng tỷ lệ cơ thể trong đó bị sai lạc, đầu lớn thân nhỏ.

Vì người Trung Quốc thời cổ cho rằng thưởng thức cái đẹp khỏa thân là không vinh quang, vì thế những văn chương ghi chép hoặc tranh vẽ về cái đẹp khỏa thân trong văn hiến cổ điển Trung Quốc còn lưu lại cơ hồ đều gắn liền với sự "dâm uế", việc khỏa thân cơ hồ là đồng nghĩa với "dâm uế". Thử nêu vài ví dụ : *Triệu hậu di sự* chép "Chiêu nghi (Triệu Hợp Đức) muốn tắm... Vua từ sau bình phong nhìn trộm, nước thơm ròng ròng, Chiêu nghi ngồi ở giữa, như ngọc sáng tẩm trong ba thước suối lạnh. Vua thần hồn bay bổng, như đang ở cõi tiên".

Thập di ký chép "Năm Sơ Bình thứ 3 đời Hán Hiến đế, vua chơi ở Tây Viên, dựng một ngàn gian Khỏa du quán... Vào ngày hè nóng nực vua tránh nắng ở Khỏa du quán, yến ẩm suốt đêm... Các cung nhân từ mười bốn đến mười tám tuổi đều trang điểm đẹp đẽ, cởi áo ngoài, chỉ mặc đồ lót, có khi cùng khỏa thân tắm chung".

Hai đoạn ghi chép trên xuất từ dã sử, chưa chắc là sự thật nhưng nói rõ sự hứng thú của tác giả đối với việc phụ nữ khỏa thân. *Tống thư, Hậu phi truyện* chép Tống Minh đế nhà Nam triều, thường "Tập hợp các cung nữ trong nội cung, bắt cởi quần áo ra xem, lấy đó làm trò vui", lại còn cho hậu phi và các hoàng thân cùng xem. Chuyện này có nét giống thoát y vũ ở phương Tây hiện nay. Đoạn ghi chép này đều là ghi lại sự dâm loạn vô độ của hoàng đế.

Hán tạp sự bí tân của người thời Minh thác lời người thời Hán viết ra có thể là một tác phẩm miêu tả cái dẹp khỏa thân của phụ nữ hoàn chỉnh nhất ở Trung Quốc thời cổ, phản ảnh quan niệm về cái đẹp khỏa thân của một số văn nhân đương thời "Lúc ấy ánh nắng vừa lên, soi qua song cửa, chiếu lên mặt Oanh (Lương Oanh) như ráng sớm soi trên tuyết, xinh đẹp không thể nhìn thẳng. Ánh thu ba lay động, hàng mi dài chớp chớp, môi son răng trắng, tai dài mũi thẳng, má lúm đồng tiền, đều rất cân xứng đúng chỗ. Câu (Ngô Câu) bèn tháo bộ dao, gỡ búi tóc của Oanh, bóng loáng có thể soi, dài tám gang tay, buông xõa tới đất còn thêm nửa gang... Da dẻ mịn màng nhẵn nhụi, trước tròn sau vuông, bộ ngực vun đầy, rốn sâu nửa đốt tay, chỗ kín nhô cao nối liền với hai đùi, âm câu đỏ hồng, âm thần loe ra. Đó là xử nữ thủ lễ nghiêm cẩn. Thân thể Oanh huyết đủ nuôi da, da đủ bao thịt, thịt đủ che xương. Dài ngắn vừa phải : từ đầu đến gót dài bảy thước một tấc, vai rộng một thước sáu tấc, mông hẹp hơn vai ba tấc, từ vai tới ngón tay dài hai thước bảy tấc, ngón tay cách bàn tay bốn tấc, như mười búp măng. Từ đùi đến chân dài ba thước hai tấc, chân dài tám tấc, bắp chân đầy đặn, bàn chân bằng phẳng, ngón chân đều đặn, hiềm vì vải bó, chân quấn chặt như giam trói... Không bị trĩ, không có sẹo, không có nốt ruồi cùng mùi hôi ở miệng, mũi, nách và chân".

Hán tạp sự bí tân tả tình hình lúc Ý Hiến Hoàng hậu Lương Oanh của Hán Tuyên đế được tuyển vào cung. Thông qua việc Bảo lâm Ngô Câu kiểm tra cơ thể miêu tả cụ thể toàn diện dung mạo, đầu tóc và cơ thể của cô gái trẻ từ đầu tới chân, tập trung phản ảnh thị hiếu thẩm mỹ về cái đẹp khỏa thân, cái đẹp phụ

nữ của văn nhân sĩ đại phu thời Minh. Kích thước chiều cao, vai, mông của mỹ nữ miêu tả trong đó có điểm tương tự với tiêu chuẩn về "ba vòng" ngực, eo, mông trong việc tuyển chọn người đẹp hiện nay. Phương Tây có Nhân thể kỷ hà học Đạt - Phân Kỳ, "Nhân thể quân hành luận" của Phí Tuyết thời cận đại vân vân đều nghiên cứu về tỷ lệ tương quan phù hợp giữa chiều cao và các bộ phận khác trong cơ thể mỹ nữ. Việc tuyển chọn người đẹp trong cung đình ở nước ta thời cổ và sĩ đại phu, văn nhân học sĩ đối với cái đẹp phụ nữ thời cổ chủ yếu xuất phát từ động cơ thưởng thức, đùa giỡn mà miêu tả, chứ không có sự nghiên cứu đối tượng và nghiên cứu khảo sát cái đẹp hình thể, sự ghi chép về chiều cao và kích thước các bộ phận khác trong cơ thể mỹ nữ trong *Hán tạp sự bí tân* có thể nói là tiêu chuẩn con số duy nhất mà sĩ nhân Trung Quốc thời cổ tổng kết được về cái đẹp hình thể của phụ nữ, gọi là "Dài ngắn vừa phải".

Tới việc tranh vẽ miêu tả cơ thể con người, có học giả chỉ ra rằng "Vào ba bốn mươi năm cuối thời Minh, xuất hiện một tác phẩm vượt xa tiền nhân về nghệ thuật miêu tả hình thể con người". Một là bộ *Tân khắc tú tượng phê bình Kim Bình Mai* khắc in khoảng 1630, trong đó có hai trăm bức tranh khắc gỗ, số tranh này có thể nói là "Đỉnh cao nghệ thuật trong các tác phẩm cùng loại ở Trung Quốc thời cổ đã được phát hiện". "Trong đó có mấy mươi bức vẽ nam nữ khỏa thân, tỷ lệ cơ thể đều vô cùng cân xứng mỹ quan". "Hồi 12 *Phan Kim Liên tư bộ thụ nhục* vẽ Phan Kim Liên bị phạt khỏa thân quỳ dưới đất chịu đòn, vẽ rất xuất sắc", so với các bức họa kinh điển về hình thể con người của phương Tây cũng không thua kém bao

nhiêu (36). Một tác phẩm khác là bộ Xuân cung đồ *Giang Nam tiêu hạ* khắc in khoảng 1640, đặc điểm là vẽ cơ thể con người thành tha thướt dong dỏng, tuy có chỗ khoa trương, nhưng tỷ lệ cơ thể cũng rất phù hợp (37).

Tỷ lệ cơ thể trong các bức tranh về hình thể con người cân xứng đẹp đẽ mỹ quan, cho thấy họa sĩ nắm rất vững về cái đẹp hình thể của phụ nữ, nhận thức sâu sắc về cái đẹp của cơ thể phụ nữ. Từ *Hán tạp sự bí tân* thời Minh và tranh vẽ về hình thể phụ nữ cuối thời Minh, chúng ta tựa hồ có thể thấy được dáng dấp của khoa nhân mỹ học thời cận đại.

6. Nước mắt cay đắng của "mỹ nữ Dương Châu"

Thời Minh Thanh, xã hội lưu truyền rộng rãi câu tục ngữ "Dương Châu sản mỹ nhân". Cái gọi là mỹ nhân Dương Châu ở đây còn gọi là Ngựa gầy (Sấu mã). Bản thân họ là con gái các nhà nông dân nghèo khổ ở một dải Tô Bắc. Thời Minh Thanh vùng Tô Bắc liên tiếp bị lụt. Sau khi nước lụt tràn qua, nạn dân lưu ly thất sở, nhà sập tường đổ, gia sản mất trắng, chỉ còn cách bán vợ đợ con. Con trai bị bán thì làm nô bộc, con gái bị bán còn nhiều hơn, số phận của họ là làm tỳ, làm thiếp, làm kỹ nữ. Thiên tai nhân họa không ngừng cung cấp "nguyên liệu" cho "Dương Châu sản mỹ nhân". Các nông dân phá sản tới Dương Châu bán vợ đợ con, nghiêm trọng hơn là rất nhiều bọn buôn người theo thời mà nảy sinh, họ thuê thuyền tới những nơi hẻo lánh xa xôi mua một số lượng lớn các em gái. Trong bài *Mãi nhân thuyền* thi nhân Cố Tiên Căn đời

(36) *Tính trương lực hạ đích Trung Quốc nhân*, tr. 157
(37) *Tính trương lực hạ đích Trung Quốc nhân.*

Gia Khánh đã miêu tả thảm cảnh buôn người như sau "Hoang tuế thị bất thông, Lai hữu mãi nhân thuyền. Thuyền bất thượng mã đầu, Thường bạc dã thủy biên. Mãi phụ bất mãi nam, Khẩu bất tích đa tiền... Khởi vô hứa giá giả, Diệc dĩ cập kê niên. Chí ái khởi năng cát, Hảo ngữ vi triền miên". (Năm mất mùa đói kém, Có thuyền tới mua người. Thuyền chẳng ghé vào bến, Chỉ đậu giữa dòng thôi. Mua gái không mua trai, Nói không tiếc tiền tài... Nếu không người chưa cưới, Tuổi cập kê được rồi. Thương xót làm sao dứt, Lời ngọt cứ khuyên hoài). Bọn buôn người này vừa dọa vừa lừa, lừa đưa con gái nhà nghèo lên thuyền, có khi còn dùng dây trói con gái mua được. "Khổn khởi lai, khổn khởi lai! Luận quan thanh phù nhẫm nữ hài. Xu oanh niên lõa thập tam tứ, Đại biên tải tự Diêm Thành hồi..." (Trói lại đi, trói lại đi ! Bàn lấy tiền bạc mua nữ hài. Trẻ gái mười ba mười bốn tuổi, Thuyền lớn chở từ Diêm Thành về).

Số em gái bị bán, bị lừa, bị bắt cóc này đều mặt mũi hốc hác, da dẻ vàng vọt, dã tính không đổi, không biết chữ nghĩa, không biết lễ nghi ở tầng lớp trên của xã hội, ắt phải thông qua một quá trình "dạy dỗ" mới có thể trở thành "mỹ nhân" mà kẻ thống trị tầng lớp trên, đạt quan quý nhân, thi nhân mặc khách, phú thương đại cổ yêu cầu. Vì thế trong thành Dương Châu xuất hiện rất nhiều Hộ chuyên nghiệp chuyên "nuôi dạy con gái". Họ mua rẻ con gái của nạn dân gặp thiên tai từ tay bọn buôn người, coi là món hàng lạ, tiến hành dạy dỗ uốn nắn số em gái này. Nội dung dạy dỗ đại khái có hai mặt, một là tiến hành giáo dục về phương diện lễ nghi phụ đức phong kiến, "Từ nhỏ đã tập việc tiến lui đứng ngồi, tức đối đáp đi đứng phải có phép tắc, lại dạy biết yên phận hèn hạ, nén lòng

thờ phụng chủ mẫu" (38), bồi dưỡng cho họ tính cách nô lệ của nô tỳ để họ yên phận với địa vị nô tỳ của mình, làm đồ chơi cho người giàu có. Hai là tiến hành bồi dưỡng "mỹ dục" và "trí dục, "Tiến hành bó chân, điểm trang búi tóc, ăn uống có chừng mực để xem béo gầy ra sao, dạy các môn ca múa đàn hát, để nâng cao thân giá" (39), biến họ thành mỹ nhân chân nhỏ lưng thon dương liễu, môi son răng trắng, hát hay múa giỏi, thành đồ chơi cao cấp của kẻ giàu có.

Trong niên hiệu Vạn Lịch, Vương Sĩ Tính đã tổng kết và bình phẩm khái quát về "mỹ nhân Dương Châu" như sau :

"Trong thiên hạ không thiếu người đẹp, mà đều phải sản từ Quảng Lăng, được bảo mẫu dạy dỗ, nghiêm khuê môn, học lễ pháp, người bậc trên thì giỏi cầm kỳ ca vịnh, bậc cao nhất thì biết thư họa, loại kém hơn cũng khéo léo nữ công. Lại chiều chuộng người đích dòng trưởng, nhường nhịn người ngang hàng, hiểu rõ việc tiến thoái sâu nông, không mất phép thường, không dám ương bướng tranh cãi, trái ý đàn ông, nên kẻ nạp người hầu hạ đều tới Quảng Lăng tìm kiếm" (40)

"Mỹ nhân Dương Châu" thông qua việc quản giáo và bồi dưỡng nghiêm khắc, rất được quan lại, phú hào, địa chủ, phú thương tán thưởng bằng mắt xanh. Vì thế những nhân vật "thượng lưu" có quyền, có thế, có tiền đua nhau tới Dương Châu nạp thiếp, mua tỳ, câu tục ngữ "Dương Châu sản mỹ nhân" lại càng phổ biến trên toàn quốc.

(38) Thẩm Đức Phù, *Vạn lệ dã hoạch biên.*
(39) Từ Kha, *Thanh bị loại sao.*
(40) *Quản chi dịch.*

"Mỹ nhân Dương Châu" thông qua việc quản giáo và bồi dưỡng nghiêm khắc nối nhau bước vào thị trường nhân khẩu, bán ra với giá cao. Lúc ấy người bán không phải là nông dân nghèo khổ, cũng không phải là bọn buôn người, mà là người kinh doanh, Hộ chuyên nghiệp bồi dưỡng "mỹ nữ". Người mua là đạt quan quý nhân, phú thương đại cổ, giữa người bán và người mua còn xuất hiện người trung gian, tức Nha bà Thư hội hoặc người làm mối. Thông qua sự giới thiệu của người làm mối, đôi bên mua bán gặp nhau, việc giao dịch mua bán người mở ra. Trương Đại cuối thời Minh đầu thời Thanh trong *Đào am mộng ức* đã ghi chép khá tường tận về tình hình mua bán Ngựa gầy ở Dương Châu "Tới nhà Ngựa gầy, ngồi xuống, mời trà. Nha bà đỡ Ngựa gầy ra, nói Cô nương chào khách đi, liền cúi lạy. Nói Cô nương bước lên vài bước, Cô nương xoay người lại, thì xoay người về các phía. Nói Cô nương đưa tay ra xem thử, thì vén hết tay áo lên để lộ tay, lộ vai, lộ da. Nói Cô nương liếc tướng công xem, thì liếc mắt, nhìn trộm. Nói Cô nương bao nhiêu tuổi, thì đáp bao nhiêu tuổi, lên tiếng trả lời. Nói Cô nương đi vài bước xem, thì lấy tay kéo ống quần lộ ra ngón chân. Mà nhìn chân cũng có cách. Phàm ra cửa tiếng quần vang lên trước, thì bàn chân ắt to, vén ống quần cao, người chưa tới mà bàn chân đã tới trước, ắt bàn chân nhỏ. Nói Mời cô nương quay vào, thì người này trở vào người khác lại ra. Mỗi nhà ắt xem năm sáu người, biết tất cả xong, ưng ý ai thì dùng trâm hoặc thoa cắm lên búi tóc, gọi là Tháp đới. Không ưng ý ai thì thưởng cho nha bà hoặc thị tỳ trong nhà vài trăm đồng rồi đi ra. Nha bà mệt thì lại có mấy nha bà khác thay phiên chầu chực. Một ngày, hai ngày, đến bốn năm ngày không mỏi mệt, cũng không hết".

Việc buôn bán rõ ràng ấy là buôn bán nhân khẩu, buôn bán nô lệ. "Mỹ nhân" Dương Châu hoàn toàn bị vật hóa thành "đồ vật", thành hàng hóa. Nhân cách của họ bị làm nhục, linh hồn bị chà đạp, tùy người sắp xếp, tùy người bình phẩm khen chê. Tất cả các bộ phận trên người họ đều nhất nhất bị kiểm tra, khảo sát và đánh giá (41), như buôn bán súc vật trên thị trường.

Giao dịch đã thành, bọn hộ chuyên nghiệp hút máu nuôi dưỡng con gái nhỏ thu được lợi lớn. "Mỹ nhân" Dương Châu bị bán làm tỳ nữ, thị nữ hoặc kỹ nữ, bị ném vào chỗ nước sôi lửa bỏng mới. Bất kể là làm tỳ, thiếp hay kỹ nữ đều là người ở tầng lớp thấp nhất, hèn hạ nhất trên đời. Có người có thể bị bán đi lần thứ hai hay nhiều lần.

Thật ra, việc dạy dỗ "mỹ nữ" này đã xuất hiện từ thời Tống. Theo bút ký *Dương cốc mạn lục* thời Tống, "Các hộ bậc trung, hạ ở kinh đô không coi trọng con trai, mỗi khi sinh được con gái thì nâng niu như châu như ngọc. Nuôi đến khi lớn thì theo tư chất mà dạy nghề nghiệp để chuẩn bị hầu hạ sĩ đại phu. Danh mục khác nhau : có người được gọi là Thân biên nhân (Hầu cận), Bản sự nhân (Người hầu), Châm tuyến nhân (Thợ may), Đường tiền nhàn (Người dưới thềm), Tạp kịch nhân (Người diễn kịch), Tố tẩy nhân (Người rửa ráy), Cầm đồng (Hầu đàn), Trù tử (Đầu bếp) nhiều cấp bậc, tuyệt nhiên không rối loạn, trong đó Trù nương là bậc thấp nhất, nhưng không phải là nhà cực kỳ phú quý, hơi thiếu tiền thì không thể dùng được" (42).

(41) Xem thêm Kinh Thịnh Hồng, *"Dương Châu xuất mỹ nhân" bối hậu đích huyết lệ sử* (Lịch sử máu lệ phía sau việc "Dương Châu sản sinh mỹ nhân"), *Viêm hoàng Xuân thu*, 1996, kỳ 3.

(42) Dẫn lại theo *Tam phong thập hiên khiên ký, Ký ẩm soạn*.

Các gia đình bậc trung và bậc vừa ở kinh đô dạy dỗ con gái ruột của mình thành nhân tài "chuyên môn", để tầng lớp sĩ đại phu tuyển dụng, đã có mùi vị bán con gái biến tướng. Đến thời Minh thì phát triển thành việc mua con gái tiến hành bồi dưỡng, lại là hành vi tội phạm chuyên mua bán phụ nữ. Có điều trong thời đại phong kiến thì điều đó lại là "hợp lý hợp pháp".

Mỹ nhân Dương Châu bị buôn bán nhiều lần, cho thấy số phận bi thảm của mỹ nữ thời cổ, nhất là tỳ thiếp, kỹ nữ.

7. Diễm thể liên châu – quan niệm về cái đẹp phụ nữ của văn nhân thời Minh Thanh

Loài người trong thực tiễn lịch sử lâu dài nhận thức, cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, nhận thức, cải tạo bản thân loài người dần dần hình thành ý thức thẩm mỹ. Loại ý thức thẩm mỹ này là trải qua mấy ngàn năm tích lũy và lắng đọng trong lịch sử mà hình thành, là sự thăng hoa kinh nghiệm thẩm mỹ truyền nối nhiều đời của loài người. Ý thức thẩm mỹ, quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp hình thể phụ nữ cũng là kết quả tích lũy lắng đọng lại qua lịch sử mấy ngàn năm.

Loại ý thức thẩm mỹ ấy tích lũy lắng đọng lại ở một mức độ nhất định, một số nghệ thuật gia hoặc văn nhân sẽ tiến hành tổng kết, un đúc về nó, viết ra những trước tác phản ảnh cái đẹp hình thể, cái đẹp trang sức phụ nữ của một dân tộc, một thời kỳ lịch sử, một tầng lớp hoặc một giai cấp nhất định. Rất nhiều nghệ tuật gia, học giả nghiên cứu về cái đẹp hình thể con người ở phương Tây, tổng kết được rất nhiều tiêu chuẩn và số liệu có liên quan tới cái đẹp hình thể phụ nữ. Một số văn nhân tài tử ở nước ta

thời cổ cũng từng dùng quan niệm thẩm mỹ của họ tiến hành tổng kết, un đúc, viết ra các tác phẩm về cái đẹp hình thể, cái đẹp trang sức của phụ nữ nước ta thời cổ.

Kết hoàn phẩm của Đoàn Thành Thức, *Trang đài ký* của họ Vũ Văn thời Đường chính là những thư tịch sớm nhất ở nước ta ghi chép về búi tóc, vẽ lông mày và trang điểm khuôn mặt của phụ nữ, có nói qua về diễn biến trong trang sức trên đầu, trên mặt của phụ nữ thời cổ. *Thập my dao*, *Thập kết dao* của Từ Sĩ Tuấn thời Minh thì dùng hình thức ca dao miêu tả mười kiểu chân mày, kiểu tóc đẹp đẽ của phụ nữ thời cổ, "Mô tả rốt ráo, điểm xuyết sống động, cầm lên đọc qua một lần, khiến người ta vui vẻ nhướng mày, không kìm được hoa tay vui sướng" (43), chia chân mày của phụ nữ thời cổ thành mười mấy loại như Uyên ương, Tiểu sơn, Ngũ nhạc, Tam phong, Thùy châu, Nguyệt thoa, Phân tiêu, Yên hàm, Phất vân, Đảo vựng, từ đó phản ảnh tình hình và thị hiếu của phụ nữ thời cổ trong việc vẽ chân mày. *Thập kết dao* miêu tả mười mấy kiểu tóc của phụ nữ nước ta thời cổ và những điển cố có liên quan. Các trước tác này tập trung miêu tả đầu tóc, chân mày, trang điểm trên mặt của phụ nữ, cho thấy rõ phụ nữ nước ta thời cổ vô cùng chú trọng tới cái đẹp trên phần mặt, cái đẹp của ngũ quan, chú trọng tới cái đẹp dung mạo của phụ nữ. Cái gọi là Hoa dung nguyệt mạo chính là cái đẹp dung mạo nổi bật.

Từ thời Minh trở đi, mọi người bắt đầu chú trọng tới cái đẹp hoàn chỉnh về hình thể phụ nữ. Tài nhân Diệp Tiểu Loan thời Minh có viết quyển *Diễm thể liên*

(43) Trương Triều, *Thập my dao tiểu dẫn*.

châu, chia ra ngâm vịnh ca ngợi tóc, eo lưng, tóc và toàn thân phụ nữ. Mẹ Diệp Tiểu Loan là Thẩm Nghi Tu lại làm sách *Tục Diễm thể liên châu* ngoài việc trình bày về tóc, eo, chân còn ngâm vịnh về bốn bộ phận chân mày, mắt, môi, tay của phụ nữ, khiến cái đẹp hình thể của phụ nữ càng hoàn thiện. Cái đẹp tóc, eo lưng và chân của phụ nữ mà Diệp Tiểu Loan ngâm vịnh miêu tả chính là các bộ vị chủ yếu trong cái đẹp hình thể của phụ nữ được các sĩ đại phu thời Minh coi trọng việc bó chân thưởng thức. Đầu, eo lưng, chân đều đẹp thì hình thể phụ nữ tự nhiên cũng sẽ đẹp. Mà tóc dài và đen, eo lưng nhỏ nhắn mềm mại, bàn chân nhỏ tạo thành người đẹp gầy yếu theo tiêu chuẩn thời Minh. Diệp Tiểu Loan đặc biệt chú ý tới cái đẹp tự nhiên về hình thể toàn thân của phụ nữ "Cái văn : Ảnh lạc trì trung, ba kinh dung chi như họa, bộ lai liêm hạ, xuân ngạc hoa chi bất phương. Cố tú sắc kham xan, phi duyên hoa chi khả sức, sầu dung ích thiến, khởi phấn trạch chi năng trang. Thị dĩ dung vựng song di, tiếu sinh my diệp. Mai phiêu ngũ xuất, diễm phát hàm chương" (Thường nghe : Bóng rọi xuống ao, sóng sợ dung nhan như họa, bước qua rèm trước, hoa buồn xuân tới không thơm. Cho nên nét đẹp đã rỡ ràng, há phải phấn son tô vẽ, Mặt sầu thêm lộng lẫy, đâu cần gương lược điểm trang. Lúc ấy hai má đỏ hồng, cười sinh lúm má, Năm cành mai nở, đẹp phát anh quang), thân hình tuyệt mỹ như hai mặt cánh hoa, vẻ tươi cười nhu mỵ cấu thành cái đẹp hoàn chỉnh, lại giống hoa mai năm cánh cùng tạo thành cái đẹp hài hòa, quan trọng hơn là cái đẹp của phụ nữ xuất phát từ phẩm chất và sự tu dưỡng nội tại, xuất phát từ cái đẹp nội tại.

Là phụ nữ, mà lại dung mạo xuất chúng tài hoa siêu quần như Diệp Tiểu Loan, quan niệm về cái đẹp

phụ nữ của nàng còn tiến bộ hơn sĩ đại phu, văn nhân đương thời. Nàng không nhìn cái đẹp phụ nữ từ sự thưởng thức, đùa giỡn phụ nữ mà coi đó là một cái đẹp hình thể tồn tại khách quan, hài hòa, một hình tượng hoàn mỹ về sự nhất trí giữa cái đẹp tự nhiên và cái đẹp nội tại. Đó là điều rất đáng quý hiếm có.

Duyệt dung thiên (còn gọi là *Uyên ương phổ*) của Vệ Vịnh cuối thời Minh đầu thời Thanh là một thiên văn chương hiếm có về cái đẹp của phụ nữ. Sách gồm mười ba phần Tùy duyên, Nhung cư, Duyên sức, Tuyển thị, Nhã cung, Bác cổ, Tầm chân, Cập thời, Ngộ đối, Chung tình, Tá tư, Chiêu ẩn, Đạt quan, luận thuật từ việc chọn lựa mỹ nữ, hoàn cảnh cư trú của mỹ nữ, cần thiết trong phòng, thư họa, thư tịch trong phòng của phụ nữ có học, cho tới trang sức, đồ dùng trang điểm của phụ nữ, đặc biệt về các loại tâm tình của phụ nữ thì miêu tả tới mức lâm ly.

Vệ Vịnh cho rằng sự xấu đẹp của phụ nữ không có tiêu chuẩn tuyệt đối, cứng nhắc, là một sự cảm thụ chủ quan của con người. Ông nói "Đại khái phụ nữ xấu đẹp không có hình dáng nhất định, chỉ do người chọn lựa ưa thích, càng ưa thích thì dung mạo càng đẹp, cũng được tiếng là bậc quốc sắc". Sự xấu đẹp của phụ nữ chỉ do lòng yêu thích chủ quan của đàn ông. Một cô gái có người yêu thích thì dung mạo của nàng sẽ trở thành xinh đẹp trong con mắt của người ưa thích, mọi người cũng sẽ nói cô gái ấy là mỹ mạo hơn người. Cũng chính là nói "Tình nhân nhãn lý xuất Tây Thi" (Người yêu trong mắt hiện Tây Thi).

Nhận thức có tính chất tương đối trên cơ sở tiêu chuẩn thẩm mỹ về cái đẹp phụ nữ ấy, tác giả đề xuất tuyển chọn người đẹp (thê, thiếp) như sau "Cốt là theo

sở ngộ, lấy người mình biết thì có niềm vui mà không gặp nỗi khổ". Mà không nên cầu toàn, không nên bới lông tìm vết đối với phụ nữ. Chủ trương tuyển chọn phụ nữ phải tùy duyên phận, mà không dễ mà gặp được phụ nữ cực đẹp, không nên đòi hỏi quá phận. "Những khí trong sạch trong trời đất, đài vàng sương sớm, họp trong khuê phòng. Nếu gặp được thì như kiếp trước, như trong mộng, cầm sắc hài hòa, song kiếm hợp bích, núi sông năm tháng đều không thể chia cách. Nhưng không có kỳ duyên thì không gặp được". Không có kỳ duyên là khó mà gặp được mỹ nữ tuyệt sắc, vì thế không thể dốc lòng truy cầu. Gặp được phụ nữ không đẹp lắm, chỉ cần có duyên phận là có vợ hiền thiếp giỏi. "Không có tài thì là đức, người đại trinh xuất phát từ chỗ dâm, đều nên bỏ sở đoản lấy sở trường, biết đâu Không mua xương ngựa mà được ngựa, như rồng trên trời giáng xuống bức tranh đẹp chăng !". Đề xuất nguyên tắc tuyển chọn thê thiếp "Bỏ sở đoản lấy sở trường", chủ trương nên nhắm vào chỗ sở trường chứ không nên nhắm vào chỗ sở đoản của phụ nữ. Đó là cách nhìn rất có kiến thức, cũng là một sự tôn trọng đối với phụ nữ. Kém một chút, thậm chí xấu một chút, chỉ cần mình cho là đẹp thì nàng sẽ là mỹ nữ. Đó là quan niệm về mỹ nữ của Vệ Vịnh.

Về việc trang điểm của phụ nữ, Vệ Vịnh chủ trương "Trang điểm không thể quá, cũng không thể thiếu, trang điểm nhiều hay ít cũng cốt phải phù hợp mà thôi". Phụ nữ trang điểm phải phù hợp với thân phận, hình thể của mình và phù hợp với thời tiết, trường hợp. "Trang sức không quá một viên ngọc trai, một vòng phỉ thúy, một vật bằng vàng, một vật khảm ngọc, phơn phớt nhẹ nhàng, như ý trên bức họa". Nếu trên đầu đầy châu

ngọc lại trở thành không sao chịu nổi. "Quần áo mùa xuân cần tươi đẹp, quần áo mùa hè cần thoải mái, quần áo mùa thu cần trang nhã, quần áo mùa đông cần lộng lẫy", nếu là con gái nhà nghèo, "Thoa gai quần vải cũng có thể thành trang nhã". Việc trang điểm cũng phải nghĩ tới tình hình kinh tế, theo khả năng vật chất mà tiến hành. Cách nhìn ấy của ông đến nay vẫn có ý nghĩa thực tế.

Duyệt dung thiên miêu tả tình, thái, thú, thần của phụ nữ tới mức lâm ly tận trí, đẹp đẽ chính xác, có thể coi là tiêu biểu cho thị hiếu thẩm mỹ về phụ nữ của sĩ đại phu văn nhân thời phong kiến. Ông nói "Mỹ nhân có thái, thần, thú, tình, tâm". Thái của họ có nhiều loại nhiều kiểu, phong phú đa dạng, "Môi như gỗ đỏ, nét mày tươi tắn là Hỷ thái, mắt sáng răng nhỏ, mày liễu đậm nét là Nộ thái, như hoa lê dưới mưa, ve sầu mùa thu là Khốc thái, tóc mây rối bời, ngực ưỡn ra là Thụy thái, kim thêu cắm ngược, dựa vào bình phong là Lãn thái, mày dài xanh biếc, má lúm không hồng là Bệnh thái". Tình của mỹ nữ cũng có nhiều loại nhiều kiểu "Tiếc hoa đạp trăng là Phương tình, dựa lan đạp lối là Nhàn tình, ngồi yên bên cửa sổ là U tình, mỉm cười nói nhỏ là Nhu tình, bất kể ngày đêm, chợt cười chợt khóc là Si tình". Mỹ nữ còn có nhiều loại nhiều kiểu thú "Mặt trong gương, bóng dưới trăng, dáng sau rèm là Không thú, mắt trước đèn, chân dưới chân, tiếng trong màn là Dật thú, rượu hơi say, áo khoác hờ vừa tỉnh dậy là Biệt thú, mồ hôi phong lưu, giọt lệ tương tư, giấc mộng mây mưa là Kỳ thú". Ngoài lục thái, ngũ tình, tứ thú, mỹ nữ còn có ngũ thần "Thần đẹp như hoa tươi, thần sáng như trăng thu, thần trong như băng trong hồ ngọc, thần nhàn như ngọc mềm,

chần phiêu đãng khinh dương như hương trà, như làn khói, lúc hiện lúc tan".

Vệ Vịnh cho rằng, thái, tình, thú, thần, tâm "Mấy điều ấy đều là cảnh giới thật của mỹ nhân. Mà người được thần là loại đầu, người được thú là thứ hai, loại được tình lại là bậc dưới nữa". Nhưng duy người có tâm, cùng mỹ nữ hai lòng soi rọi cho nhau, mới lại càng khó được, cái gọi là được tâm tức "tình yêu" ngày nay, nam nữ thật lòng yêu nhau là điều khó nhất. "Cho nên có người trọn đời không được, mà ngược lại nhờ một câu nói mà lại được, nhiều năm không được, mà ngược lại chỉ trong một lần gặp gỡ tình cờ lại được. Còn theo đuổi việc truy hoan giống bọn tôi tớ, mà một sớm ly biệt, muôn dặm vấn vương. Ngàn nỗi yêu thương, muôn kiểu ân cần, vẫn không làm đối phương động niệm thì một phen oán hận, tương tư thiên cổ. Có người thì khổ vì yêu mà không được, lúc vô tâm lại được, hoặc lúc sống thì không được, lúc chết lại được. Cho nên có câu Cửu tử dị, thốn tâm nan (Chín lần chết thì dễ, một tấc lòng mới khó)".

Cuối thời Minh đầu thời Thanh, nam nữ không có tự do trong tình yêu, tuyển chọn người đẹp chỉ là đàn ông chủ động tuyển chọn đàn bà, nên rất khó có được tình yêu chân thực của phụ nữ với đàn ông. Hôn nhân kiểu cũ tuyệt đại đa số là không có tình yêu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu cực kỳ ít. Vì thế Vệ Vịnh cảm thán rằng được trái tim của phụ nữ là điều rất khó. Xem ra Vệ Vịnh chủ trương truy cầu tình yêu chân thật, ông cho rằng "Một chữ tình có thể khiến kẻ sống phải chết mà kẻ chết lại sống", ông là kẻ phản nghịch Lý học, lấy tình chống "Lý".

Vệ Vịnh nhấn mạnh cuộc đời người đẹp đều là đẹp, phản đối những lối nói "Người đẹp về già", "Tuổi già sắc kém". Ông nói "Người đẹp cho đến khi thật già, những năm tháng cuối cùng, cũng đều là trường hành lạc". Ông chia cuộc đời phụ nữ làm ba giai đoạn lúc trẻ, lúc tráng niên và lúc có tuổi, mỗi giai đoạn đều có nét đẹp riêng biệt. "Lúc trẻ vừa tròn mười lăm, đến năm mười sáu còn ngậm tơ liễu, là nhụy hoa lan, trà dưới mưa, người tự có mùi thơm, mặt có sắc đẹp thật sự". Là tuổi hoa niên của người đẹp, là thời kỳ đẹp nhất của mỹ nữ. Nhưng mỹ nữ lúc tráng niên có ưu điểm của mỹ nữ lúc tráng niên, "Đến khi trưởng thành, như vầng nhật giữa trời, như mặt trăng đêm rằm, như hoa đào giữa xuân, như mẫu đơn giữa trưa, không ai không xinh đẹp, không ai không đạt tới chỗ cực điểm, cũng không ai không hơn người". Phụ nữ lúc tráng niên, đạt tới độ chín, rất khỏe mạnh, thế nào cũng hơn người. "Đến khi đứng tuổi, lúc sắp già sắc đẹp giảm sút, sắc đẹp dần giảm mà suy nghĩ càng sâu xa, trang điểm ít đi, toàn thân phong nhã. Cẩn thận chuyện vui chơi, tự biết yên phận. Như rượu ủ lâu ngày, như cây quít sau sương, biết cách như tướng già cầm quân, tự có cách điều độ riêng, là lúc vui sướng cuối đời". Phụ nữ từ khi đứng tuổi trở đi càng có một loại tình thú đặc biệt. Lời Vệ Vịnh bàn về người đẹp trong thực tế là chỉ thê thiếp. Ông cho rằng phụ nữ suốt đời đều đẹp, vì thế phải làm bạn với người phụ nữ mà mình yêu thương suốt đời, xuân hạ thu đông một năm bốn mùa trông nom lẫn nhau, từ sớm đến tối từng bên cạnh nhau.

Điều đáng quý hơn là Vệ Vịnh chủ trương phải có tình cảm chân thành thiết tha với người phụ nữ mà

mình yêu, phải nhiệt tình, phải chung tình. Ông nói "Nếu quả được một vị mỹ nhân, mà không có tình yêu chân thành tha thiết với nàng, sẽ dẫn tới bi kịch giống như tài nữ Chu Thục Chân thời Tống viết bài Đoạn trường thi. Đối với phụ nữ mà mình yêu thương phải đặc biệt thương yêu che chở, lo lắng, "Vui mừng thì chỉ dẫn, giận dữ thì khuyên giải, buồn rầu thì an ủi, bệnh tật thì thương xót. Chuyện sinh hoạt ấm lạnh hàng ngày của nàng, phải ân cần chăm sóc, đừng chi chiết lằng nhằng, dò xét hỏi han, cái gì cũng xét nét". Đối với người phụ nữ mà mình yêu thương suốt đời phải đặc biệt quan tâm vì nàng phải sống với mình suốt đời". Vả lại lúc sinh bình quên hình hài, cùng ngọt bùi cay đắng, "người thủy chung đến cùng, ngoài phụ nữ ra chưa dễ mà có nhiều". Ở đây trong thực tế Vệ Vịnh đã nói tới quan hệ vợ chồng, chủ trương chồng đối với thê thiếp phải chung thủy quan hoài, chiếu cố che chở. Ở đây không có một chút hơi hướm nào của chủ nghĩa đại nam tử nam tôn nữ ty.

Vệ Vịnh thậm chí cho rằng "Mỹ nhân có văn vận, có thí ý, có thiền cơ". Không những có thể giúp đỡ hứng thú, mà một cái cau mày, một nụ cười còn có thể khải phát cho linh cảm và hướng suy nghĩ của người khác. Người có thể nhìn thấu chỗ ảo diệu ấy, "Văn không có khí độ quan dạng, thơ không có khí độ thầy đồ, thiền cũng không có khí độ đèn hương". Văn chương, thi từ làm ra hoặc tham thiền đều có khí phái không dung tục thanh tân, tự nhiên". Vệ Vịnh còn cho rằng mỹ nhân là người bạn ẩn cư tốt của văn nhân "Một khi gặp nhau vui vẻ, khiến người ta nhạt lòng danh lợi". Làm bạn với người hồng phấn tri kỷ, rất dễ giết thời gian, trải qua đời sống ẩn cư vui vẻ.

Vệ Vịnh còn đả kích chủ nghĩa cấm dục, biện hộ cho việc "hiếu sắc", bài xích "mỹ sắc họa thủy luận". Ông nói con của Nghiêu Thuấn không có ai mê đắm mỹ nữ như Hạ Kiệt và Thương Trụ mê đắm Muội Hỷ, Đát Kỷ, nhưng họ làm mất thiên hạ còn mau hơn Hạ Kiệt, Thương Trụ, Ngô vương Phù Sai trúng mỹ nhân kế bị diệt vong, nhưng nước Việt khéo dùng mỹ nhân kế cũng bị diệt vong. Đủ thấy sự bại vong của quốc quân không có quan hệ gì với mỹ nữ. Ngược lại, Tư Mã Tương Như thời Hán dan díu với Trác Văn Quân nhưng thanh danh tài hoa không hề giảm sút, Quách Tử Nghi thời Đường thê thiếp đầy nhà, nhưng triều đình vẫn rất ỷ trọng. Họ đều không bị ảnh hưởng gì của việc "hiếu sắc". Cho nên "hiếu sắc" hoàn toàn không đem điều gì nguy hại tới cho đàn ông, mỹ nữ cũng không phải là "họa thủy" làm hại người.

Vệ Vịnh còn bài xích luận thuyết cho rằng việc "hiếu sắc" sẽ làm tổn thọ "Bành Tổ (họ Tiên tên Khanh) chưa từng ở góa, mà thọ rất lâu, Thương tử không thường có vợ, mà tuổi thọ rất ngắn". Vì vậy ông cho rằng "hiếu sắc" hoàn toàn không có gì nguy hại, vả lại còn có chỗ hay "chỉ có hiếu sắc, thì có thể giữ thân, có thể vui với mệnh trời, có thể quên nỗi lo âu, có thể sống trọn tuổi đời".

Cái mà Vệ Vịnh gọi là "hiếu sắc" là chỉ yêu thích thê thiếp của mình chứ không phải là tìm hoa hỏi liễu.

Duyệt dung thiên khắc in lần đầu trong niên hiệu Thiên Khải thời Minh, là một tác phẩm hay lạ phản đối sự ràng buộc của Lý học, đả kích chủ nghĩa cấm dục, là một trong nhưng tác phẩm đề cao tình dục, đả kích lễ giáo cuối thời Minh.

Nhàn tình ngẫu ký, Thanh dung bộ của đại hý kịch gia Lý Ngư thời Thanh là trước tác chuyên bàn về sinh hoạt của phụ nữ, có thể coi là một bộ sách chuyên luận nghiên cứu về phụ nữ thời Thanh, trong đó có nhiều luận thuật về cái đẹp phụ nữ.

Quan niệm về cái đẹp phụ nữ của Lý Ngư có thể nói là tập đại thành quan niệm về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu, văn nhân nước ta thời cổ.

Nếu nói quan niệm về cái đẹp phụ nữ của Vệ Vịnh là chú trọng tới cái đẹp thần, thái, tình, thú của phụ nữ, chú trọng tới việc nam nữ tương thân tương ái, lấy tâm tình mà kết giao với nhau về mặt tinh thần, thì quan niệm về cái đẹp phụ nữ của Lý Ngư lại chú trọng tới cái đẹp dung mạo, hình thể của phụ nữ, chú trọng tới cái đẹp bên ngoài. Lý Ngư cho rằng "cái đẹp của phụ nữ có nhiều vẻ, rốt lại là lấy sắc đẹp làm chủ".

Cái đẹp đầu tiên của phụ nữ là làn da, mà da trắng là khó có nhất. "Bản chất của phụ nữ, chỉ có trắng là khó nhất. Thường có người mày mắt môi răng đều xinh đẹp như vẽ, nhưng chỉ thua kém ở chỗ làn da". Dân tộc Hán là người da vàng, từ thời Tiên Tần trở đi đã lấy làn da trắng làm đẹp, đến thời Minh Thanh, quan niệm "một cái trắng đủ che trăm cái xấu" đã trở nên mãnh liệt. Lý Ngư thông qua kinh nghiệm nhiều năm quan sát, tổng kết việc hóa trang của nữ diễn viên, cho rằng một số người làn da không trắng, cũng có thể khiến cho trở thành trắng. Ông coi làn da có trắng mịn nõn nà hay không là tiêu chuẩn thứ nhất về cái đẹp phụ nữ.

Thứ hai là mày và mắt. "Khuôn mặt là bộ vị chủ yếu của toàn thân, con mắt là bộ vị chủ yếu của khuôn

mặt". Con mắt là cửa sổ tâm hồn, "xét trong lòng tà hay chính không gì rõ bằng ở đôi mắt". Lý Ngư cho rằng "Đôi mắt lớn nhỏ xấu đẹp của phụ nữ có quan hệ mật thiết với tính tình cương hay như, tâm tư thông minh hay ngu xuẩn của người ấy". Mắt lấy việc dài nhỏ thanh tú làm đẹp, tính cách tất nhiên là nhu hòa thông tuệ.

Kế nữa là tay chân. Tay thì "ngón ngọc thon thả" là đẹp nhất, nhưng phụ nữ "ngón ngọc thon thả" rất ít, "trong hàng chục hàng trăm người không được một hai", vì thế trong những người có bàn tay "hoặc mịn hoặc mềm, hoặc nhọn hoặc nhỏ, chọn một trong đó" là được. Chân của mỹ nữ "chỉ cần thon nhỏ", mà có dáng đi đẹp đẽ là đẹp nhất. "Ngay mà thẳng, không những dáng đi đẹp đẽ, mà cũng ít có mùi hôi".

Thứ tư, cái đẹp nhất của phụ nữ là "dáng vẻ kiều mỵ". "Dáng vẻ kiều mỵ nơi con người cũng như hơi nóng của lửa, ánh sáng của đèn, ánh lóng lánh của vàng bạc châu báu, là vật vô hình, không phải là vật hữu hình". Đó là "Vưu vật" trời cho. "Phụ nữ mà có dáng vẻ kiều mỵ, có ba bốn phần sắc đẹp cũng thành có sáu bảy phần... Như người có hai ba phần sắc đẹp mà không có dáng vẻ kiều mỵ cùng đứng với người không có sắc đẹp nhưng có dáng vẻ kiều mỵ, hoặc trò chuyện với người khác vài câu, thì người ta chỉ bị người có dáng vẻ kiều mỵ hấp dẫn chứ không bị hấp dẫn vì sắc đẹp, đó là nhan sắc trong thái độ, không chỉ dừng lại ở chỗ ở chỗ lấy ít chống nhiều mà còn có thể lấy không chống có. Phụ nữ hiện nay vẫn có người không có chút sắc đẹp nào khả thủ nhưng vẫn có thể khiến người ta nhớ nhung, thậm chí bỏ hết tính mạng để theo, một chữ "dáng vẻ" là cao nhất". Lý Ngư coi dáng

vẻ kiều mỵ của phụ nữ là cái thần tình trong sự thần tình, lại cho rằng tuyển chọn người đẹp thì trước tiên phải là tuyển chọn dáng vẻ. "Đều biết tuyển chọn dung mạo, tuyển chọn sắc đẹp, chứ không biết tuyển chọn dáng vẻ là quan trọng nhất". Dáng vẻ là trời cho không thể gắng gượng tạo ra, nhưng thông qua việc rèn luyện sớm tối cũng có thể dần dần có được.

Cái mà Lý Ngư miêu tả thành "dáng vẻ kiều mỵ" có thể chính là cái mà ngày nay gọi là "mỵ lực" làm người khác say mê hoặc "tính cảm" (sự thu hút giới tính).

Sau cùng là trang điểm. Lý Ngư cho rằng phụ nữ "bất kể xấu đẹp" đều phải hiểu rõ việc trang điểm. Nhưng đồng thời ông lại chỉ ra rằng trang điểm không được thái quá, cũng "không thể không đủ", mà phải vừa phải thích hợp. Đối với y phục của phụ nữ, ông đề xướng phải sạch sẽ trang nhã. "Quần áo của phụ nữ không quý đẹp đẽ mà quý sạch sẽ, không quý lộng lẫy mà quý trang nhã, không quý ở chỗ hợp với gia thế mà quý ở chỗ hợp với dung mạo". Ông đặc biệt nhấn mạnh màu sắc y phục phải hòa hợp với màu sắc của khuôn mặt, "Mặt hơi trắng thì màu áo có thể đậm có thể nhạt, mặt hơi đen thì không hợp với áo màu nhạt mà chỉ hợp với áo màu đậm, nếu màu nhạt thì càng làm nổi bật màu da mặt đen".

Đáng chú ý là Lý Ngư chủ trương cái đẹp của phụ nữ phải thống nhất đức, sắc, tài, phản đối thuyết cũ "Phụ nữ không có tài là đức". Ông cho rằng thuyết "Không có tài là đức" là "Lời nói cực đoan của tiền nhân", là "Lối nói Vì nghẹn cơm mà bỏ ăn". "Tôi cho rằng hai chữ tài đức vốn không hại gì nhau, phụ nữ có tài chưa chắc ai cũng xấu xa, mà phụ nữ tham dâm đâu phải ai cũng biết chữ ?". Tài và đức là có thể

thống nhất, kiêm toàn. Ông chủ trương thê là chính thất, nên lấy đức làm chủ, còn tỳ thiếp "Vốn đặt ra để vui vẻ, thì chú trọng ở thỏa mãn tai mắt", vì thế tỳ thiếp càng thiên về sắc tài. Văn học gia Diệp Thiệu Viên cuối thời Thanh cho rằng "Đức, sắc, tài là ba điều bất hủ của phụ nữ" (44), Lý Ngư coi đức thuộc thê, tài sắc thuộc thiếp, càng gần gũi với tiêu chuẩn thực tế của việc đàn ông có quyền thế thời phong kiến thú thê nạp thiếp.

Lý Ngư chủ trương việc học tập tài nghệ của phụ nữ "Lấy hàn mặc làm đầu, tơ trúc là thứ hai, ca múa lại sau nữa" mà nữ công thì phải hiểu biết. Phụ nữ ngoài việc học nữ công, tốt nhất là có thể đọc sách biết chữ, lại có thể biết được cầm, kỳ, thư, họa, kiêm thông ca múa, tài nghệ song toàn, như vậy là toàn tài, biết qua môn nào cũng hơn là không biết gì, chủ trương phụ nữ phải phát triển toàn diện, quả rất có kiến thức.

Từ Chấn đầu thời Thanh có trước tác *Mỹ nhân phổ*, theo quan niệm và thị hiếu thẩm mỹ của ông về phụ nữ mà xếp ra danh sách mỹ nữ từ thời cổ đại đến thời Minh. Theo Từ Chấn, từ thời cổ trở đi không có nhiều phụ nữ xinh đẹp, khó mà tìm được, lại khó có người thật đẹp. Mỹ nữ thời cổ phần lớn tập trung trong hoàng cung cấm uyển, hoặc trong nhà thế gia hào môn, "Biệt điện phù dung chứa người yểu điệu, Thâm khuê dương liễu nhiều kẻ xinh tươi". Hoàng đế và các nhà giàu dựa vào quyền thế bá chiếm một số lượng lớn mỹ nữ. Nhưng "Người đẹp một mặt dễ kiếm, người đẹp toàn diện khó tìm, ắt phải được tính và phong vận đều hay, sắc với tài tình đều đẹp, nên thời

(44) Xem *Hoa để thập di*, Trung Quốc Xã hội khoa học xuất bản xã, 1993, tr. 169

cổ ít nghe, trên đời khó gặp". Mỹ nhân thập toàn thập mỹ ngàn thuở khó tìm. Vả lại mỹ nhân trong suốt cuộc đời cũng chỉ có mười năm đẹp nhất. "Chỗ đẹp của người đẹp là từ mười ba đến hai mươi ba tuổi, chỉ có mười năm nhan sắc. Giống như hoa lúc mới nở, thơm tho kiều my, toàn ở lúc ấy". Qua lúc ấy chỉ còn dáng vẻ đáng thương. Vì thế, mỹ nữ càng khó tìm.

Từ Chấn lấy mười tiêu chuẩn tình thái tức Dung, Vận, Kỹ, Sự, Cư, Hầu, Sức, Trợ, Soạn, Thú của phụ nữ để chọn người đẹp. Dung tức dung mạo, lấy "đầu tầm, môi hạnh, răng đều, ngực tròn, mày dài như núi xa, ánh mắt long lanh, mặt phù dung, tóc mây, bàn chân như măng ngọc, ngón tay mềm mại, eo lưng thon, bước sen vàng, không béo không gầy cao thấp phù hợp" là đẹp nhất. Đây là tiêu chuẩn về cái đẹp hình thể. Vận tức nói vận trí, như bóng trong rèm, dáng vẻ mệt mỏi yếu ớt như sau khi múa hát, dáng vẻ đẹp đẽ dựa lan can ngắm trăng vân vân. Kỹ tức cầm, kỳ, thư, họa, may vá, thêu thùa. Sự chỉ hoạt động pha trà, đốt hương, xem hoa, bắt bướm của phụ nữ. Cư chỉ hoàn cảnh cư trú của mỹ nữ, như kim ốc, ngọc lâu, giường ngà voi, trướng phù dung vân vân. Hầu là nói vẻ đẹp của mỹ nữ trong những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như Họa thuyền minh nguyệt (Thuyền vẽ trăng soi), Tuyết ánh châu liêm (Tuyết ánh rèm châu), Tịch dương phương thảo (Nắng xế cỏ thơm), Vũ đả ba tiêu (Mưa khua tàu chuối) vân vân, kết hợp cái đẹp tự nhiên với cái đẹp phụ nữ. Sức tức các vật dùng để trang điểm của mỹ nhân, như áo châu sam, khăn tay thêu, hài đầu phượng, ngọc bội, minh đang. Trợ là nói những vật phụ trợ để trang điểm, như gương lược, dụng cụ, thư tịch, như lược ngà, gương đồng, đài gương, nghiên mực, sáo ngọc, Mao

thi, vận thư, thậm chí cả "tỳ nữ xinh đẹp". Soạn là thức ăn của mỹ nữ như quả vải tươi, sơn hào hải vị. Thú chỉ tình thú của mỹ nữ như say dựa vai người tình, nước thơm tắm giữa ban ngày, liếc mắt đưa tình, tỏ vẻ ghen tuông vân vân. Bọn Từ Chấn coi mỹ nữ là một loại phẩm vật thưởng ngoạn, đồ chơi cao cấp.

Các văn nhân thường kết hợp tình thú của mỹ nữ và hoàn cảnh cư trú, cảnh trí tự nhiên cho tới sinh hoạt thường ngày làm một. Từ đó có thể thấy tình hình sinh hoạt thường ngày của sĩ đại phu thời phong kiến và thị hiếu thẩm mỹ của họ.

Theo tiêu chuẩn và thị hiếu thẩm mỹ của mình, Từ Chấn sắp xếp Mỹ nhân phổ từ thời cổ tới thời Tống như sau : mỹ nhân thời cổ đáng được ghi nhớ có hai mươi sáu người : Tây tử (tức Tây Thi), Mao Tường, Di Quang (tức Tây Thi), Lý Phu nhân, Trác Văn Quân, Ban Tiệp dư, Vương Chiêu quân, Triệu Phi Yến, Triệu Hợp Đức, Thái Diễm, Nhị kiều, Lục Châu, Bích Ngọc, Trương Lệ Hoa, Hầu Phu nhân, Dương Thái Chân, Thôi Oanh Oanh, Quan Miến Miến, Tô Huệ, Phi Yên, Liễu Cơ, Hoắc Tiểu Ngọc, Trinh Nương, Hoa Nhụy Phu nhân, Chu Thục Chân. Các danh kỹ là mỹ nữ từ thời cổ có sáu người là Hồng Phất, Lý Oa, Tiết Đào, Tử Vân, Tô Tiểu Tiểu, Cầm Tháo. Các tỳ thiếp là mỹ nữ từ thời cổ có bốn người là Hoàn Phong, Phàn Tố, Tiểu Man, Triêu Vân.

Các mỹ nữ thời cổ mà Từ Chấn kể ra, trừ đi số trùng lặp có ba mươi lăm người, trong đó lại có bốn người là nhân vật trong tiểu thuyết truyền kỳ, trong thực tế chỉ có ba mươi mốt người, về đại thể có thể phản ảnh tình hình cơ bản về mỹ nữ được ghi chép trong sử sách nước ta từ thời Tiên Tần đến thời Tống.

Lão hồ đàm lịch đại mỹ nhân ký của Nga Hồ dật sĩ thời Thanh mượn lời một con hồ ly tinh sống hơn hai ngàn năm thuật lại tình hình mỹ nữ các đời ở Trung Quốc.

Tác phẩm cho rằng, "Đại khái khí tinh anh trong trời đất un đúc vào đàn ông thì là tài sĩ, un đúc vào phụ nữ thì là mỹ nhân", chia người đẹp thời cổ ở Trung Quốc làm ba hạng "Có người đẹp đứng đầu một thời, có người đẹp nổi tiếng một thời" và "Có người đẹp nổi tiếng muôn đời". Trong đó có Phu nhân Trang Khương của Vệ Trang công, Phu nhân Giả Cơ của Tấn Văn công, Phu nhân Văn Doanh của Tấn Văn công, Lộng Ngọc Công chúa con Tần Mục công, Phu nhân Tức Vĩ của Tức quân thời Tiên Tần, "đều xinh đẹp tuyệt luân, đức hạnh trinh thục".

Người đẹp đứng đầu một thời có ba mươi lăm người. Trong đó chia ra bốn loại là trang trọng, thanh tú, yểu điệu, xinh đẹp. 1. Loại trang trọng hạng nhất có Hình Phu nhân thời Hán và Thượng Quan Hoàng hậu của Hán Chiêu đế, Ngô hậu của Tiên chúa nhà Thục, Hoàng hậu Hà Pháp Nghễ của Tấn Mục đế, Mạnh hậu của Tống Triết tông, Tiêu Quan Âm Hoàng hậu, Tô Khắc Thích Công chúa của Liêu Đạo tông, Hạ hậu của Minh Vũ tông, Bảo Châu con gái thứ ba của Thái Khang bá Trương Quốc Kỹ. "Mấy người này đều sắc tướng đầy đặn đoan trang, thân thể cao lớn, xinh đẹp trang trọng". 2. Loại thanh tú hạng nhất có Phu nhân Ngô Mạnh Tử của Lỗ Chiêu công, Hoàng hậu Ngụy Trinh Cơ của Tần Vũ vương, Hứa hậu của Hán Thành đế, con gái Lý Thế nhà Thục, Lục Châu thời Tấn, Lý Oanh Nga thời Bắc Tề, Ôn Tuệ Công chúa con gái Lý hậu của Văn Tuyên đế, Trương Lệ Hoa thời Trần, Tiêu

Phù hậu của Chu Thế tông, Hoàng hậu Chu Thục Trinh của Tống Khâm tông, Kỳ Quốc Công chúa con gái Kim Vệ vương, Hoàng hậu Tát Đô Ba Lạp của Thái Định đế nhà Nguyên, Phí Cung nhân và Từ Dao Anh của Phúc vương nhà Minh. "Mấy người này đều nghi dung xinh đẹp, phong vận yêu kiều, thanh tú mà xinh đẹp. 3. Loại yểu điệu có Lỗ Nguyên Công chúa và con gái thứ hai là Bội Uyển, Hoàng hậu Phó Đại Quân của Ai đế, Vương Hoàng hậu của Bình đế nhà Hán, Từ thị vợ Tôn Dực, Hoàng hậu Chu Bội Lan của Ngô Cảnh đế thời Tam quốc. "Mấy người này đều đạm nhã xinh đẹp, cử chỉ đoan trang, yểu điệu mà không mất vẻ xinh đẹp". 4. Loại xinh đẹp có Ngu Cơ của Tây Sở Bá vương, Lý Phu nhân, Trác Văn Quân thời Hán, Tôn Phu nhân thời Tam quốc, Mộc Lan thời Bắc Ngụy, Hồng Phất Nữ thời Tùy. Mấy người này, "đều thể chất cao lớn, lưng ong xinh đẹp, có người có hiệp khí anh hùng, có người là bậc danh lưu trong phụ nữ, thanh tú mà thành xinh đẹp".

Người đẹp nổi tiếng một thời có mười người : Phu nhân Bá Doanh của Sở Bình vương "Mắt sáng cổ đẹp, mặt như quả trứng gà bóc, con gái của Bá Doanh là Lý Thiên cũng giống mẹ, Hoàng hậu Trần A Kiều của Hán Vũ đế "Mày ngài miệng thơm", Âm Lệ Hoa "Mũi cao, nở nang", Chân hậu và Nhị kiều thời Tam quốc "Mặt như ráng sớm, hồng như phù dung, cao thấp phù hợp, gầy béo vừa phải", Tuyên Hoa Phu nhân nhà Tùy "Mặt như ngọc quỳnh", Dương Ngọc Hoàn thời Đường "Xinh đẹp nở nang", Thôi Oanh Oanh "Tú khẩu cẩm tâm, tóc dài đen bóng". "Mười người này đều là tinh khí của trời đất un đúc, thai nghén mấy trăm năm mà sinh ra".

Người đẹp nổi tiếng muôn đời có Tây Thi, Hoàng hậu Trương Yên của Hán Huệ đế, Vương Chiêu quân,

Văn Tuyên Hoàng hậu Lý Tổ Nga nhà Bắc Tề, Hoàng hậu Trương Ngọc Châu của Minh Hy tông. "Phàm năm người này thì Trương Yên, Trương Ngọc Châu là cao lớn, da dẻ mịn màng đầy đặn nhất, luận về đức cũng là hai người này đứng đầu. Hán hậu thì hơi thiên về nhu, Minh hậu thì hơi thiên về cương, nhưng đều có đức độ hiền thục minh triết". Dáng mạo của năm người đều có những nét đặc sắc trang trọng, thanh tú, yểu điệu, xinh đẹp. Trương Yên "hiền thục yên tĩnh mà lộng lẫy", Trương Ngọc Châu "Đoan trang, nghiêm nghị mà lộng lẫy", Lý Tổ Nga "Thanh tú thông tuệ mà lộng lẫy", Tây Thi "Xinh đẹp trang nhã mà lộng lẫy", Chiêu quân "Đầy đặn trọn vẹn mà lộng lẫy". Họ đều là mỹ nữ "Nổi tiếng muôn đời".

Các mỹ nhân mà *Lịch đại lệ nhân ký* ghi chép phần nhiều không thấy trong sử sách. Sách ấy cho rằng những mỹ nhân mà sử sách ghi chép, một là vì được hoàng đế, vương hầu, khanh tướng sủng ái nên tiếng tăm lẫy lừng, hai là nhờ được các văn nhân học sĩ ngâm vịnh mà được lưu truyền lâu xa. Những mỹ nhân được sách ấy đề cập tới có tới bảy phần bị bỏ sót, không thấy trong sử sách. Nhưng đa số là được ghi chép trong các dã sử, ngoại truyện.

Tác phẩm này dùng sử quan duy tâm chủ nghĩa "Năm trăm năm ắt có bậc vương hầu nổi lên" của Mạnh tử để khảo sát mỹ nữ Trung Quốc thời cổ, phát hiện ra những mỹ nhân tuyệt thế bị lịch sử quên lãng, đề xuất các tiêu chuẩn phân loại cái đẹp phụ nữ. Tác giả lấy quan niệm về cái đẹp phụ nữ đầy đặn nở nang từ thời Đường trở về trước để khảo sát mỹ nữ thời cổ, bài bác ảnh hưởng của quan niệm về cái đẹp bệnh hoạn thời Minh Thanh, có chỗ độc đáo.

Ngoài ra, *Thập mỹ thi* của Bão Cao kết hợp phụ nữ xinh đẹp và hoàn cảnh cư trú làm một, tả phụ nữ trên lầu, dưới đèn, đầu tường, trong thuyền, trên ngựa, sau rèm, trên ao, trong hoa, dưới trăng, dưới rừng, miêu tả cái đẹp của phụ nữ trong khung cảnh người và cảnh vật thống nhất, hướng tới sự thống nhất hài hòa giữa người đẹp và cảnh đẹp.

Từ giữa thời Thanh trở đi, đặc biệt là cuối thời Thanh, một số văn nhân phong kiến say mê bàn chân nhỏ, viết ra không ít tác phẩm phẩm bình, ngân vịnh, thưởng ngoạn bàn chân nhỏ như *Hương liên phẩm tháo* của Phương Tuân (tiết 1 chương này đã giới thiệu, ở đây không nói lại). Cái đẹp phụ nữ đã phát triển theo hướng méo mó.

Tổng kết quan niệm về cái đẹp phụ nữ của sĩ đại phu và văn nhân thời Minh Thanh thì đại thể có mấy điểm dưới đây :

Một, tuổi tác. Lấy trẻ tuổi làm đẹp, đại khái là thời thanh xuân thì đẹp nhất, cũng có người chủ trương trong những độ tuổi khác nhau sắc đẹp của phụ nữ đều có cái hay riêng.

Hai, dung mạo. Trung Quốc thời cổ rất coi trọng cái đẹp dung mạo. Tóc đen nhánh bóng loáng là đẹp, trán rộng là đẹp, chân mày nhỏ dài và cong là đẹp, mắt cong nhỏ như cười là đẹp, miệng nhỏ là đẹp, răng đều và trắng, hình dáng như vỏ sò nghiêng là đẹp, mặt như trứng gà bóc là đẹp, da dẻ trắng trẻo min màng là đẹp. Đó là cái gọi là Ngũ quan đoan chính, mi thanh mục tú, môi hồng răng trắng.

Ba, thể thái. Từ thời Tiên Tần đến thời Đường, đại thể lấy vóc dáng cao lớn làm đẹp, chính là cái gọi là cái đẹp nở nang cao lớn. Từ thời Tống đến thời

Thanh, phần lớn lấy vóc dáng thích hợp làm đẹp, "Cao thấp vừa phải, gầy béo phù hợp" (45), "không gầy không béo, cao thấp phù hợp" (46), đó là vóc dáng lý tưởng nhất. Eo lưng lấy nhỏ nhắn làm đẹp, gọi là "eo thon dương liễu", tay lấy nhỏ nhọn mịn màng làm đẹp, chân lấy nhỏ nhọn ngay thẳng làm đẹp. Toàn bộ thể thái thì lấy thân thể thướt tha mà da thịt đầy đặn, dáng vẻ nhẹ nhàng, khoan thai ưu nhã như dương liễu trước gió làm đẹp. Trong tiêu chuẩn về cái đẹp phụ nữ ở Trung Quốc thời cổ, tất cả đều rất chú ý tới cái đẹp về đường nét trên thân thể và tỷ lệ giữa các bộ vị của cơ thể, mà lấy thể thái thướt tha làm đẹp.

Bốn, tình thái. Văn nhân tài tử thời cổ rất chú trọng tới cái đẹp "thái độ" của phụ nữ, cái mà Lý Ngư gọi là "mỵ thái", cũng có khi gọi là cái đẹp "thần vận" là một loại "ý vị phong vận" (vận vị) rất khó biểu đạt bằng ngôn ngữ, như các câu "Yên nhiên xảo tiếu" (Nhoẻn miệng cười duyên), "Lâm khứ thu ba nhất chuyển" (Lúc đi thu ba một liếc) trong *Mỹ nhân phổ* hay thái, tình, thú, thần, tâm mà Vệ Vịnh nói. Đó là một loại cảnh giới tinh thần mà sĩ đại phu văn nhân Trung Quốc thời cổ truy cầu.

Năm, trang điểm. Tất cả văn nhân thời cổ đều chủ trương trang điểm vừa phải thích hợp. Trang điểm cần hài hòa với hình thể dung mạo của phụ nữ, thích hợp với điều kiện gia cảnh và kinh tế. Điều này đến nay vẫn có ý nghĩa thực tế.

Sáu, thống nhất hoàn mỹ giữa đức, sắc, tài, nghệ. Một số văn nhân, nhất là văn nhân thời Đường phần nhiều hướng về cái đẹp tài, nghệ của phụ nữ, hướng

(45) Nga Hồ dật sĩ, *Lão hồ dàm lịch đại lệ nhân ký*.
(46) Từ Chấn, *Mỹ nhân phổ*.

về cái đẹp thống nhất hoàn mỹ giữa đức, sắc, tài, nghệ. Lý Ngư còn luận thuật cụ thể về quan hệ giữa đức, sắc, tài, chủ trương phụ nữ phải phát triển toàn diện, đa tài đa nghệ. Ngô Chấn Sinh thời Thanh đề xuất tiêu chuẩn về cái đẹp phụ nữ "Sắc thì đẹp, tài thì giỏi, tình thì sâu, đức thì trinh" (47) thống nhất đức, sắc, tài, tình.

Bảy, thống nhất giữa mỹ nữ với hoàn cảnh. Sĩ đại phu, văn nhân Trung Quốc thời cổ thường hướng tới sự hài hòa giữa con người với tự nhiên, trên phương diện cái đẹp phụ nữ thì hướng về sự cân bằng, hài hòa, thống nhất giữa cái đẹp phụ nữ với hoàn cảnh cư trú, trang trí nội thất, phong cảnh viên lâm, cảnh sắc tự nhiên. Như cái gọi là Họa thuyền minh nguyệt, Tuyết ánh châu liêm, Tịch dương phương thảo, Vũ đả ba tiêu. Vệ Vịnh trong *Duyệt dung thiên* còn chuyên bàn tới "nhà ở" của mỹ nữ.

Hướng tới sự nhất trí giữa người đẹp với cảnh đẹp là biểu hiện cụ thể của quan niệm triết học con người hài hòa với tự nhiên "thiên nhân hợp nhất" ở nước ta thời cổ trong quan niệm về cái đẹp phụ nữ, thể hiện tư tưởng mỹ học con người hài hòa với tự nhiên. Điều này nhất trí với cái đẹp nghệ thuật trong kiến trúc viên lâm cổ điển của Trung Quốc.

8. Vạn diễm đồng bi – Quan niệm về cái đẹp phụ nữ trong *Hồng lâu mộng*

Nhìn từ góc độ vấn đề phụ nữ, *Hồng lâu mộng* là bộ bách khoa toàn thư phản ánh vấn đề phụ nữ trong xã hội cuối thời phong kiến. Nó xuất phát từ chỗ vô cùng đồng tình đối với sự tao ngộ bi thảm của phụ

(47) *Tây thanh tán ký tự chi tiểu, Hà song liệu tập,* Trung Châu Cổ tịch xuất bản xã, 1993, tr. 245

nữ dưới gông cùm của chế độ phong kiến và tâm tình bất mãn đối với chế độ phong kiến hành hạ ngược đãi phụ nữ. "Vạn diễm đồng bi" là sự tao ngộ chung của phụ nữ có sắc đẹp cuối thời phong kiến. Tào Tuyết Cần đã dùng ngòi bút sung mãn huyết, lệ, tình miêu tả số phận bi thảm của một nhóm con hát thông minh, thiếu nữ xinh đẹp, thể hiện chủ đề "Vạn diễm đồng bi".

Hồng lâu mộng hồi 5, Giả Bảo Ngọc nằm mơ thấy đi chơi ở ảo cảnh Thái Hư là tổng cương về vấn đề phụ nữ mà toàn sách phản ảnh. Kim Lăng thập nhị thoa toàn là người trong "Sổ bạc mệnh", trà mà Giả Bảo Ngọc uống ở ảo cảnh Thái Hư có tên là "Thiên hồng nhất quật (khốc)", rượu mà y uống có tên là "Vạn diễm đồng bôi (bi)". "Thiên hồng nhất khốc", "Vạn diễm đồng bi" là sự khái quát của Tào Tuyết Cần về số phận bi thảm của phụ nữ Trung Quốc dưới sự hành hạ của chế độ phong kiến, lễ giáo phong kiến. Cái gọi là "hồng nhan bạc mệnh" đã khái quát số phận phổ biến của những phụ nữ có sắc đẹp trong xã hội phong kiến, đặc biệt là số phận bi thảm của những phụ nữ có sắc đẹp tầng lớp dưới. Ở Trung Quốc thời cổ, phụ nữ có sắc đẹp bị coi là công cụ và đồ chơi cho kẻ thống trị, kẻ có quyền, có thế, có tiền đùa giỡn, thưởng ngoạn. Nhan sắc, dung mạo của phụ nữ trở thành "vốn liếng" của số đàn ông ưa thích, thèm khát họ, đồng thời cũng trở thành một loại "tài nguyên" bị tranh cướp. Phụ nữ có sắc đẹp thường trở thành đối tượng tranh đoạt cướp bóc, tuyển chọn người đẹp, mua bán, tặng biếu, đùa giỡn, hành hạ của kẻ quyền thế. Vì thế, "hồng nhan" chính đưa tới hậu quả xấu "bạc mệnh" cho phụ nữ. Phía sau từ "hồng nhan bạc mệnh" là hiện thực xã hội bị kỳ thị, áp bức, làm nhục, hành hạ của đông đảo phụ

nữ. Hiện tượng "hồng nhan bạc mệnh" phản ảnh sự phổ biến và nghiêm trọng trong việc áp bức, kỳ thị giới tính ở Trung Quốc thời cổ.

Sự miêu tả phụ nữ đẹp trong *Hồng lâu mộng* phản ảnh khá tập trung quan niệm về cái đẹp phụ nữ của văn nhân nước ta thời cổ. Hai nhân vật nữ chính trong tác phẩm là Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc đại biểu cho hai điển hình cái đẹp phụ nữ cổ điển từ thời Tiên Tần đến thời Thanh. Tiết Bảo Thoa là người đẹp loại trang trọng nở nang, đại biểu cho cái đẹp đoan trang đầy đặn từ *Thi kinh, Thạc nhân* tới Hoàng hậu Trương Yên của Hiếu Huệ đế nhà Hán rồi Dương Quý phi thời Đường. Từ thời Tống trở đi cái đẹp nhỏ nhắn ốm yếu đã trở thành chủ lưu trong quan niệm về cái đẹp phụ nữ của kẻ thống trị, sĩ đại phu, văn nhân. Nhưng cái đẹp trang trọng đầy đặn vẫn là một trong những kiểu mẫu cái đẹp phụ nữ mà nhiều người trong xã hội truy cầu.

Thử xem đoạn miêu tả Tiết Bảo Thoa trong *Hồng lâu mộng* "da dẻ nõn nà, cử chỉ nhàn nhã" (hồi 4), "phẩm chất đoan trang, dung mạo xinh đẹp" (hồi 5) "Bảo Thoa nguyên sinh ra da dẻ trắng trẻo..., mặt như mâm bạc, mắt tựa thủy hạnh, môi không tô mà đỏ tươi, mày không vẽ mà xanh biếc, so với Đại Ngọc thì có dáng vẻ kiều mỵ phong lưu riêng" (hồi 28), tên hồi 27 "Trích thúy đình Dương phi hý ảnh điệp, Mai hương trủng Phi Yến khấp tàn hồng" (Đình Trích Thúy Dương phi đùa bóng bướm, Mộ chôn thơm Phi Yến khóc hoa tàn) đã so Tiết Bảo Thoa với Dương Quý phi, so Lâm Đại Ngọc với Triệu Phi Yến. Hai điển hình "Yến gầy Hoàn mập" đã thể hiện rõ ràng.

Hãy xem thêm Lâm Đại Ngọc dưới ngòi bút của Tào Tuyết Cần "Đôi chân mày cong như cau mà không phải cau, hai con mắt như cười mà không phải cười. Dáng sầu má lúm đồng tiền, yểu điệu một thân gầy yếu. Nhàn tĩnh như hoa xinh chiếu nước, cử động như dương liễu nghênh phong. Tâm sánh Tỷ Can hơn một khiếu, Bệnh so Tây tử thắng ba phần". "Cử chỉ lời lẽ bất phàm, thân thể diện mạo tuy gầy yếu như không mang nổi áo, nhưng lại có một dáng dấp phong lưu" (hồi 3). Đây là điển hình cái đẹp nhỏ nhắn bệnh hoạn, yếu ớt như không chịu nổi gió, xuất hiện từ *Sở từ* thời Tiên Tần đến Triệu Phi Yến thời Hán cho đến sau thời Tống, đặc biệt là thời Minh Thanh.

Những người khác như Giả Nghênh Xuân "Da dẻ mịn màng đầy đặn, vóc dáng cân đối, má như quả vải tươi, mũi như mỡ ngỗng trắng, ôn nhu trầm tĩnh, thấy là muốn gần", Thám Xuân "Vai tròn lưng thon, vóc dáng thon thả, mặt như trứng gà bóc, mày thanh mắt sáng, ánh nhìn có thần, văn thái tinh hoa, thấy là quên tục", Vương Hy Phượng "Một đôi mắt phượng ba góc, chân mày cong như lá liễu, vóc dáng tha thướt, má phấn ngậm oai chẳng lộ, môi son chưa cười đã nghe" (hồi 3). Những phụ nữ này đều có nét riêng, đều có dung mạo xinh đẹp, biểu hiện sự đa dạng trong cái đẹp phụ nữ.

Hồng lâu mộng trong việc miêu tả nhân vật, kết hợp phụ nữ với hoàn cảnh cư trú, những phụ nữ có tính cách, tình thú khác nhau thì từ cách bày biện phòng ở tới cảnh sắc viên lâm chung quanh cũng đều có nét đặc sắc riêng. Tiêu Tương quán và Hành Vu viện đều có phong cách riêng, lại rất hài hòa nhất trí với cá tính, tính tình của chủ nhân, thể hiện quan

niệm triết học "Thiên nhân hợp nhất", người và cảnh sắc tự nhiên hài hòa.

Phụ nữ trong *Hồng lâu mộng* cũng chú ý thống nhất đức, sắc, tài. Tiết Bảo Thoa không những dung mạo nở nang xinh đẹp mà còn rất có công phu tu dưỡng về phụ đức phong kiến, "chỉ lưu tâm may vá thêu thùa và sắp xếp việc nhà, đỡ đần cho mẹ" (hồi 4), "phụ đức" của Lâm Đại Ngọc thì lại ăn khớp với phẩm nghịch chống đối phản kháng lễ giáo của nàng, là một quan niệm "phụ đức" mới manh nha. Hai người Tiết, Lâm đều tài hoa xuất chúng, kiêm thông thi từ, ăn nói linh lợi, có thể gọi là tài nữ. Ở họ thể hiện sự thống nhất đức, sắc, tài.

Quan niệm về cái đẹp phụ nữ trong *Hồng lâu mộng*, từ cái đẹp hình thể, cái đẹp bên ngoài của phụ nữ mà nhìn thì họ kế thừa và tập đại thành quan niệm về cái đẹp phụ nữ truyền thống của sĩ đại phu, văn nhân Trung Quốc thời cổ. Nhưng khảo sát từ cái đẹp bên trong, cái đẹp đạo đức, thì *Hồng lâu mộng* đã đột phá sự trói buộc của lễ giáo cũ, manh nha quan niệm đạo đức, quan niệm hôn nhân luyến ái mới của phụ nữ, tán dương ca ngợi tình yêu giữa thanh niên nam nữ, hướng tới tìm kiếm hôn nhân có tình yêu, khiêu chiến với đạo đức "tam tùng tứ đức" cũ. Đây là một trong những biểu hiện tiến bộ chống phong kiến của *Hồng lâu mộng*.

9. Sự manh nha của quan niệm cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể mới

Thời Minh Thanh, tiêu chuẩn về cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể của phụ nữ nước ta đều đi vào ngõ cụt của sự phát triển méo mó. Trinh, tiết, liệt trở thành

tiêu chuẩn chủ yếu của "phụ đức", việc bó chân trở thành tiêu chuẩn đầu tiên trong cái đẹp hình thể của phụ nữ. Vật cực tắc phản, theo với sự manh nha của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự xuất hiện của trào lưu chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa nhân đạo, thời Minh Thanh cũng nảy sinh phong trào đồng tình với phụ nữ, tư tưởng nam nữ bình đẳng bắt đầu manh nha.

Các phong trào đồng tình với phụ nữ này vừa khéo trở thành đột phá khẩu phê phán quan niệm trinh tiết và phản đối việc bó chân. Quan niệm trinh tiết ràng buộc tâm tình của phụ nữ, việc bó chân hành hạ cơ thể của phụ nữ đều đạt tới mức không còn gì hơn được. Vì thế một số nhà tư tưởng hoặc tác giả văn học có tư tưởng tiến bộ chống phong kiến giơ cao võ khí phê phán, tấn công quan niệm trinh tiết phong kiến và hủ tục bó chân.

Quy Chấn Xuyên giữa thời Minh trước tác sách *Trinh nữ luận*, phản đối việc vợ chưa cưới thủ trinh. Ông nói "Âm dương phối ngẫu là đại nghĩa của trời đất, thiên hạ chưa có vật gì sinh ra mà không có phối ngẫu, trọn đời không cải giá là trái với khí âm dương mà làm chết hòa khí trong trời đất", cho rằng trinh nữ không lấy chồng là làm ngược lại quy luật tự nhiên "hòa hợp âm dương", cổ xúy việc trinh nữ xuất giá. Hàn Quân Vọng thời Minh cũng đề ra luận điểm "Phụ nữ chưa lấy chồng mà tuẫn tiết theo chồng chưa cưới là phản kinh chống lễ". Họ đều lấy kinh sách thời cổ làm chứng cứ, xiển dương nghĩa mới, phản đối việc phụ nữ giữ trinh tiết.

Về tiết phụ, liệt nữ cũng có người ra sức bài bác. Lý Chí mở đầu phản đối lời bàn luận bậy bạ "Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn" của các nhà

Lý học, tán thành việc quả phụ cải giá. Dữu Lượng giúp đỡ con dâu cải giá, Lý Chí rất đồng tình việc ấy, phê một chữ "Hay !", con trai Vương Nhung chết, Vương Nhung lại để vợ chưa cưới của con trai giữ trinh tiết. Lý Chí đọc sách tới đó, vô cùng phẫn khái trước hành vi tàn nhẫn ấy, mắng "Vương Nhung không ra con người, Vương Nhung rất không ra con người !" (48). Hai lời phê trên đây tuy ngắn, nhưng biểu hiện rõ ràng thái độ của Lý Chí đối với tiết phụ, trinh nữ. Từ Nhữ Liêm thời Minh trong *Chẩm từ, Giá nghị* cho rằng cưỡng bức phụ nữ thủ tiết là bất cận nhân tình, ông nói "Thời cổ lấy vợ cũng chưa từng đồng ý như vậy. Cưới được người còn trinh là điều hay. Cho dù gặp phải người tái giá cũng chẳng có gì phải ty hiềm kiêng kỵ", không những không cản trở mà còn khuyến khích việc quả phụ cải giá. Quan niệm trinh tiết ấy rất thịnh vào cuối thời Minh, quả thật đã trở thành lời bàn như sấm rền ù tai.

Đến thời Thanh, phong trào kêu gọi phản đối phụ nữ thủ trinh, thủ tiết, chủ trương quả phụ có thể tái giá càng dâng cao. Đầu thời Thanh, Mao Kỳ Linh lớn tiếng kêu gọi "Cấm vợ chưa cưới giữ chí tuẫn tiết và hợp táng với chồng chưa cưới". Trương Lý Tường chủ trương "Quả phụ... có thể lấy chồng lần nữa" (49). Nguyễn Quỳ Sinh cũng cho rằng quả phụ nên tái giá hay không thì "cứ tùy ý mình mà làm" (50). Du Chính Nhiếp chỉ ra một cách sâu sắc yêu cầu phụ nữ thủ tiết phiến diện là không hợp lý. *Lễ ký, Giao đặc sinh* nói "Đã sánh đôi cùng người, trọn đời không thay đổi" thì cũng

(48) Lý Chí, *Sơ đàm tập*, quyển 1.

(49) *Dương Viên tiên sinh toàn tập*, quyển 48.

(50) *Trà dư khách thoại*, quyển 5, *Tái giá điều*.

đồng thời yêu cầu đôi bên nam nữ cùng tuân thủ, nếu chỉ yêu cầu phụ nữ trọn đời không thay đổi thì là "đòi hỏi khắt khe với phụ nữ, lại làm sai lệch ý nghĩa". Ông chủ trương quả phụ có tái giá hay không thì phải do nàng tự quyết định, "Người tái giá chẳng có chỗ nào sai, người không tái giá thì có thể kính trọng". Về việc vợ chưa cưới thủ trinh, tuẫn tiết chết theo, Du Chính Nhiếp càng cực lực phản đối. Ông vận dụng cổ lễ, phê phán việc vợ chưa cưới giữ trinh tiết "Chưa cùng chăn mà cùng huyệt, nói là vô hại thì cần gì phải làm lễ Thân nghênh, cần gì phải làm lễ Kiến miếu, cần gì phải bày tiệc mời láng giềng thân thích, trên đời cũng cần gì phải chia ra nam nữ" (51).

Thời Minh Thanh một số ít phần tử tiên tiến bắt đầu phê phán quan niệm trinh tiết yêu cầu phiến diện, ràng buộc phụ nữ, chủ trương quả phụ có thể cải giá, bắt đầu tấn công vào tiêu chuẩn phụ đức méo mó, chuẩn bị cho việc xây dựng đạo đức phụ nữ mới thời cận đại.

Quan niệm mới về cái đẹp hình thể của phụ nữ nảy sinh trong phong trào đề xướng việc cấm bó chân. Từ thời Tống đến thời Thanh, quan niệm cái đẹp phụ nữ méo mó, bệnh hoạn lấy phụ nữ có bàn chân nhỏ làm đẹp đã lan tràn ra khắp những nơi thôn cùng hẻm vắng ở khu vực người Hán cư trú. Từ thời Thanh trở về trước tuy có một số ít phụ nữ người Hán không bó chân, cá biệt cũng có người đưa ra nghi vấn về việc bó chân như Xa Nhược Thủy thời Nam Tống từng nói "Phụ nữ bó chân không biết bắt đầu từ lúc nào, trẻ con mới bốn năm tuổi vô tội vô cô mà bắt phải chịu

(51) *Quý tỵ loại cảo.*

sự đau đớn vô cùng, bó cho bàn chân nhỏ lại, không biết để làm gì ?" (52), nhưng cũng không ai phát biểu, phản đối việc bó chân. Đến thời Thanh, phong trào phản đối việc bó chân, cho rằng bó chân không đẹp mới bắt đầu dấy lên.

Thi nhân Viên Mai nổi tiếng đầu thời Thanh là người mở đầu phản đối việc phụ nữ bó chân. Ông nêu ra rằng phụ nữ bó chân hoàn toàn chẳng có gì đẹp, khiến phụ nữ mất đi vẻ đẹp tự nhiên. Trong *Đáp hữu nhân thú thê thư* ông viết "Túc hạ hỏi tôi về cái đẹp, mà câu đầu là Nắn thử hài cong xem lớn nhỏ. Quá đáng lắm! Túc hạ không phải là kẻ hiếu sắc thực sự... Các thi thư ghi chép thời cổ có rất nhiều là vịnh mỹ nhân, nhưng chưa ai khen tới bàn chân... Người nay mỗi khi vào vườn hoa, không ngẩng nhìn tóc mây mà đầu tiên cúi xuống nhìn gấu quần, cũng có thể nói là bọn tiểu nhân hạ đạt vậy" (53), mắng kẻ thích bàn chân nhỏ là "Tiểu nhân hạ đạt". Tiến thêm một bước, ông còn bài xích quan niệm thẩm mỹ cho rằng phụ nữ bàn chân nhỏ mới có dáng vẻ tha thướt. Ông nói "Có người nói chân không nhỏ thì thân thể không thướt tha, lời ấy lầm lắm. Phàm sở dĩ phụ nữ thướt tha là nhờ cổ thuôn lưng thon chứ không phải vì đứng không vững. Giả như có ba tấc hài cong mà cổ rụt lưng to thì có thể trông mong lăng ba vi bộ, thướt tha lui tới không?" (54). Viên Mai từ việc nắm chắc quan niệm về cái đẹp phụ nữ mà phủ định cái gọi là sự hợp lý của "cái đẹp bó chân", tiến tới phủ định việc bó chân. Ông

(52) *Thái phi lục*, Đệ tứ biên, tr. 291
(53) *Thái phi lục*, *Chuyên trứ*, tr. 2
(54) *Tri túc đàm*, *Thái phi lục*, *Chuyên trứ*, tr. 2

còn nêu ra rằng bó chân là hành vi tàn nhẫn xấu xa "Tàn hại tay chân của trẻ em gái mà lấy làm đẹp đẽ" (55), là điều rất đáng buồn.

Tiền Vịnh cũng là một trong những văn nhân phản đối việc bó chân thời Thanh. Ông cho rằng cái đẹp của phụ nữ là cái đẹp tự nhiên, "Quý ở chỗ nhấc chân thấp, thong thả mà đi", bó chân khiến phụ nữ "Đi đứng xiêu vẹo, tất cả những chỗ xấu lộ ra", không những không đẹp mà ngược lại lại thành xấu. Ông còn cho rằng việc bó chân với cái đẹp đạo đức của phụ nữ chẳng có quan hệ gì với nhau, "Đạo đức của phụ nữ thì tính tình nhu hòa làm hàng đầu, dung mạo đoan trang là thứ hai, việc bàn chân lớn hay nhỏ căn bản không đáng gì". Có bó chân hay không không có quan hệ gì lớn với cái đẹp đạo đức và dung mạo của phụ nữ. Ông còn nêu ra rằng bó chân là hành vi "tạo tác"đi ngược lại bản tính tự nhiên của nhân loại, không đáng gọi là tạo tác, "Việc thiên hạ quý ở chỗ tự nhiên, không quý chỗ tạo tác, tính con người là làm việc dễ không làm việc khó. Duy việc bó chân thì ngược lại, đã vô ích cho dân sinh, mà thật có quan hệ với thế giáo... Đúng là có thể nói tàn hại người mà quên nhân nghĩa, mê hoặc quá lắm !". Bó chân là hành vi tàn ác xấu xa đi ngược lại quy luật tự nhiên, làm thương tàn thân thể con người, cần phải ngăn cấm. Chỗ đáng quý nhất là Tiền Vịnh chỉ ra rằng việc bó chân khiến phụ nữ trở thành con người méo mó, không có lợi cho sức khỏe của nhân dân, vả lại còn khiến đời sau nhu nhược. "Đại khái phụ nữ bó chân thì lưỡng nghi không trọn vẹn, lưỡng nghi không trọn vẹn thì con cái sinh ra ắt yếu ớt, con cái một khi yếu ớt thì muôn sự thôi

(55) *Thái phi lục, Tục biên*, tr. 21

rồi !" (56). Kết quả xấu của việc bó chân là khiến cho dân tộc bị nhược hóa, sẽ khiến sức nước của Trung Quốc suy yếu. Vì thế ông kêu gọi chính quyền ra lệnh cấm bó chân.

Du Chính Nhiếp là một trong những nhà tư tưởng nổi tiếng đồng tình với phụ nữ thời Minh Thanh, phản đối việc phụ nữ bó chân là một trong những tư tưởng đồng tình với phụ nữ của ông. Ông cho rằng bàn chân tự nhiên của phụ nữ thời cổ "Có việc quý trọng giày guốc hoa mỹ" là rất tự nhiên, là rất xinh đẹp chính đáng. Ông cho rằng việc bó chân xuất phát từ hài múa thời cổ, mà hài múa là loại trang phục hạ tiện. Phụ nữ bó chân là mang loại trang phục hạ tiện. Phụ nữ đã hạ tiện thì đàn ông tất nhiên cũng sẽ coi rẻ phụ nữ. Vì thế phụ nữ không nên bó chân, nên khôi phục lại bàn chân tự nhiên.

Ngoài ra, tác gia Lý Như Trân thời Thanh trong tác phẩm *Kính hoa lục* cũng cực lực phản đối việc phụ nữ bó chân và phản đối quan niệm thẩm mỹ méo mó coi phụ nữ bó chân là mỹ quan. Hồi 12 trong sách tả "Ai ngờ (bó chân) lại đặt ra vì mỹ quan, nếu không như thế thì lại không đẹp! Thử hỏi người mũi to bảo cắt đi cho nhỏ, trán nhô bảo vạt đi cho thẳng, mọi người ắt cho rằng là người tàn phế, vậy tại sao hai bàn chân tàn khuyết, đi đứng khó khăn lại cho là đẹp ? Ví dụ Tây Tử, Vương Tường đều là tuyệt thế giai nhân mà có bó bàn chân cho nhỏ lại còn một nửa đâu ? Huống chi xét tới nguyên do thì có khác gì chế tạo dâm cụ. Điều đó thánh nhân ắt phải trừ, người hiền ắt không lấy. Duy các bậc quân tử trên đời đều dứt

(56) *Lý viên tùng thoại, Thái phi lục, Tùng sao*, tr. 5 - 9

bỏ thói tục ấy, phong khí ấy mới có thể dập tắt", cho rằng việc bó chân là hành vi tàn hại thân thể con người, chế tạo "dâm cụ" xấu xa, kêu gọi các bậc nhân nhân quân tử đi đầu ngăn cấm việc bó chân.

Đời Đạo Quang nhà Thanh, Cung Tự Trân đề xướng bàn chân tự nhiên của phụ nữ, cho rằng phụ nữ có bàn chân tự nhiên là đẹp, từ quan niệm về cái đẹp của phụ nữ mà phủ định việc bó chân, ông có vịnh bàn chân tự nhiên như :

Cơ mỹ cổ trang bất như thị,
Triệu nữ khinh doanh nhiếp nhuệ lý.
Hầu vương tông miếu cầu vương phi,
Huy âm khởi tại tiêm khuyết chỉ ?

(Trang điểm ngày xưa không phải vậy,
Triệu nữ nhẹ nhàng hài bé tí.
Vương hầu tông miếu cầu vương phi,
Hiền phi há ở bàn chân bé ?)

Hay :

Thú thê hạnh đắc Âm Sơn chủng,
Ngọc nhan đại cước kỳ tiên hồ ?

(Được gái Âm Sơn cưới làm vợ,
Chân to mặt ngọc thần tiên chăng ?)

Hay như :

Đại cước Loan văn áo,
Minh trang Báo vĩ xa.

(Chân lớn giày Loan văn,
Áo ngời xe Báo vĩ) (57)

(57) *Thái phi lục, Khảo chứng*, tr. 24

Phụ nữ có bàn chân tự nhiên dưới ngòi bút của Cung Tự Trân, mặt ngọc bàn chân to, đi lại như tiên, phong độ uyển chuyển, hoạt bát phóng khoáng, so với phụ nữ bàn chân nhỏ đi đứng xiêu xiêu vẹo vẹo, yếu ớt như không chịu nổi gió hình thành một sự khác biệt rất rõ ràng. Từ những câu thơ nói trên của Cung Tự Trân, chúng ta đã nhìn thấy hình tượng phụ nữ mới tự nhiên, khỏe mạnh, tiêu sái, đường hoàng. Một quan niệm về cái đẹp phụ nữ mới đang manh nha.

Từ sau Chiến tranh Thuốc phiện, cùng với sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây, quan niệm nam nữ bình quyền được du nhập vào Trung Quốc. Nó hòa tan với tư tưởng đồng tình với phụ nữ vốn có ở Trung Quốc, trong cuộc vận động Duy tân năm Mậu tuất đã hình thành cuộc vận động dấy trường nữ học, không bó chân. Từ đó cuộc đấu tranh không ngừng giữa quan niệm về cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể của phụ nữ mới với quan niệm về cái đẹp đạo đức, cái đẹp hình thể cũ trong thực tế bắt đầu hình thành và phát triển.

LỊCH SỬ TUYỂN CHỌN NGƯỜI ĐẸP

Người dịch: **CAO TỰ THANH**

Chịu trách nhiệm xuất bản:	**LÊ HOÀNG**
Biên tập:	**THANH LIÊM**
Sửa bản in:	**NGUYỄN TRUNG**
Vẽ bìa:	**DUY NGỌC**
Đơn vị liên doanh	**CTY TNHH PHS SÀI GÒN**

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

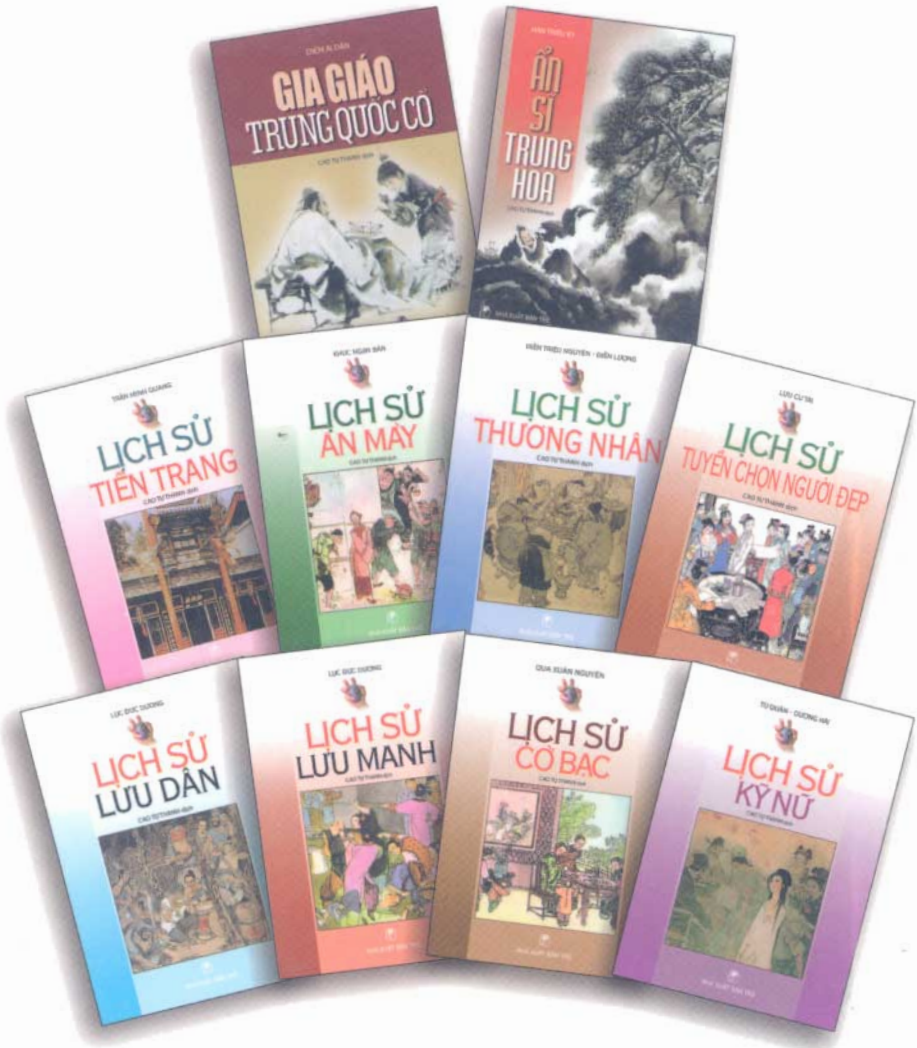
161 Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT. 8444289 - 8465596

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Cty in chuyên ngành LĐTB-XH. Số ĐKKHXB 688/76/CXB ngày 21/05/2001 của Cục Xuất bản.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2001.

Mời các bạn tìm đọc :



PHÁT HÀNH TẠI :
nhà sách QUỲNH MAI
494 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.3 - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 8304050 - 0988116 3 * FAX: 84.8.8304050

Giá: 45.0